VL00005529



ĐẢNG VÀ HỒ CHÍ MINH
CUỘC SONG HÀNH LỊCH SỬ

VL00005529

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

ĐẢNG VÀ HỒ CHÍ MINH - CUỘC SONG HÀNH LỊCH SỬ

Bản sao lưu trữ

Bản sao lưu trữ

Chủ biên:
ThS. LÊ TRUNG KIÊN

ĐẢNG VÀ HỒ CHÍ MINH - CUỘC SONG HÀNH LỊCH SỬ

Bản sao lưu trữ

THƯ VIỆN QUỐC HỘI
VL 8828

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Bản sao lưu trữ

Tổ chức biên soạn:

- Nguyễn Viết Tĩnh
- Nguyễn Hòa
- Thùy Linh
- Việt Trinh

Trong *Phần năm* và *Phần sáu* cuốn sách này, chúng tôi có sử dụng một số tư liệu từ Website, các bài viết riêng của các tác giả khác đã được công bố trên các phương tiện thông tin, do nhiều điều kiện chúng tôi chưa liên hệ trước để xin phép, vì thế chưa cập nhật được thông tin về chức danh khoa học hiện tại, cơ quan đang công tác của quý vị. Thành thật xin các tác giả lượng thứ.

Xin chân thành cám ơn!

LỜI GIỚI THIỆU

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, tư tưởng của Người là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam. Dưới sự dẫn dắt của Người, Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát huy được sức mạnh toàn dân tộc, làm nên sự nghiệp vĩ đại không thể phai mờ: *giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước độc lập, tự chủ; mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử nước nhà.*

Trải qua 83 năm, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thể hiện đầy đủ vai trò là ngọn cờ tập hợp trí tuệ, sức mạnh và tinh hoa của dân tộc. Đó là vai trò không thể thay thế bởi lẽ nó không phải vai trò của quyền uy mà là vai trò của trí tuệ và niềm tin, vai trò của sự thống nhất và đoàn kết, vai trò của sự hướng dẫn quần chúng hành động theo quy luật khách quan và phù hợp với yêu cầu thực tiễn đất nước. Dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thậm chí cả những thử thách tưởng chừng khó vượt qua, Đảng vẫn luôn là người "cầm lái" kiên định - sáng suốt để người Việt Nam có thể tự hào về dân tộc ta - một dân tộc anh hùng, thông minh và sáng tạo; tự hào về Đảng ta - Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện đã một lòng một dạ chiến đấu, hi sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

Hướng tới kỷ niệm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930 - 3/2/2013), toàn Đảng, toàn dân ta lại có dịp ôn lại biên niên sử Đảng, ôn lại những công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với Đảng ta; về mối quan hệ gắn bó giữa Đảng và Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lao Động xuất bản cuốn sách: "ĐẢNG VÀ HỒ CHÍ MINH - CUỘC SONG HÀNH LỊCH SỬ"

Nội dung cuốn sách gồm sáu phần:

Phần thứ nhất. Điều kiện lịch sử - xã hội Việt Nam ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

Phần thứ hai. Nguyễn Ái Quốc với sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam

Phần thứ ba. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam

Phần thứ tư. Quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về tư tưởng Hồ Chí Minh

Phần thứ năm. Những mốc son lịch sử qua các kỳ Đại hội Đảng

Phần thứ sáu. Hỏi - Đáp những vấn đề căn bản về Đảng & Chủ tịch Hồ Chí Minh

Ngoài công trình nghiên cứu riêng của tác giả, Ban biên soạn còn tập hợp nhiều tư liệu quý về Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh với mong muốn mang đến những nội dung căn bản, thiết thực ở nhiều góc độ khác nhau, giúp cho cán bộ, đảng viên và bạn đọc có thể tham khảo, tìm hiểu và nghiên cứu thêm.

Trong quá trình biên soạn nội dung sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý vị để những lần in sau, cuốn sách ngày một hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách này cùng bạn đọc./

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Bản sao lưu trữ



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (1890- 1969) NGƯỜI SÁNG LẬP VÀ RÈN LUYỆN ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Bản sao lưu trữ

Chủ tịch Hồ Chí Minh (tên lúc nhỏ là Nguyễn Sinh Cung, tên khi đi học là Nguyễn Tất Thành, trong nhiều năm hoạt động cách mạng trước đây lấy tên là Nguyễn Ái Quốc), sinh ngày 19-5-1890, tại quê ngoại là làng Hoàng Trù (còn gọi là làng Trùa), xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An (nay là xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An).

Người sinh ra trong một gia đình: Bố là một nhà nho yêu nước, nguồn gốc nông dân; mẹ là nông dân; chị và anh đều tham gia chống Pháp và bị tù đày.

Ngày 3-6-1911, Người ra nước ngoài, làm nhiều nghề, tham gia cuộc vận động cách mạng của nhân dân nhiều nước, đồng thời không ngừng đấu tranh cho độc lập, tự do của dân tộc mình.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người Việt Nam đầu tiên ủng hộ Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại và tìm thấy ở chủ nghĩa Mác - Lênin con đường giải phóng của giai cấp công nhân và nhân dân các nước thuộc địa.

Năm 1920, Người tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp tại Đại hội Tua.

Năm 1921, Người tham gia thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa Pháp; xuất bản tờ báo *Người cùng khổ* ở Pháp (1922).

Năm 1923, Người được bầu vào Ban Chấp hành Quốc tế Nông dân.

Năm 1924, Người tham dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản và được chỉ định là Ủy viên thường trực Bộ Phương Đông, trực tiếp phụ trách Cục Phương Nam.

Năm 1925, Người tham gia thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức châu Á, xuất bản hai cuốn sách nổi tiếng: *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925) và *Đường cách mệnh* (1927).

Năm 1925, Người thành lập Việt Nam thanh niên Cách mạng đồng chí Hội ở Quảng Châu (Trung Quốc) và tổ chức "Cộng sản đoàn" làm nòng cốt cho Hội đó, đào tạo cán bộ Cộng sản để lãnh đạo Hội và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

Ngày 3-2-1930, Người chủ tọa Hội nghị thành lập Đảng họp tại Cửu Long (gần Hương Cảng). Hội nghị đã thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ Đảng do chính Người soạn thảo. Người ra lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (sau đổi là Đảng Cộng sản Đông Dương, rồi Đảng Lao động Việt Nam và nay là Đảng Cộng sản Việt Nam).

Từ năm 1930 đến 1940, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục hoạt động cho sự nghiệp giải phóng của dân tộc Việt Nam của các dân tộc bị áp bức khác trong những điều kiện vô cùng gian khổ và khó khăn.

Năm 1941, Người về nước, triệu tập Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, quyết định đường lối cứu nước, thành lập Việt Nam độc lập đồng minh Hội (Việt Minh), tổ chức lực lượng vũ trang giải phóng, chính sách căn cứ địa, lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa từng phần và chuẩn bị tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Sau Cách mạng Tháng Tám (1945) thắng lợi, ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; tổ chức Tổng tuyển cử tự do trong cả nước, bầu Quốc hội và thông qua Hiến pháp dân chủ đầu tiên của Việt Nam. Quốc hội khóa I đã bầu Người làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1946).

Cùng với Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Việt Nam phá tan âm mưu của đế quốc, giữ vững và củng cố chính quyền cách mạng.

Ngày 19-12-1946, người kêu gọi cả nước kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc, bảo vệ và phát triển những thành quả của Cách mạng Tháng Tám.

Tại Đại hội lần thứ II của Đảng (1951), Người được bầu làm Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt

Nam chống thực dân Pháp xâm lược đã giành được thắng lợi to lớn, kết thúc bằng chiến thắng vĩ đại Điện Biên Phủ (1954).

Sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng (1955), Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đồng thời đấu tranh giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Đại hội lần thứ III của Đảng (1960) đã nhất trí bầu lại Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam. Quốc hội khóa II, khóa III đã bầu Người làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Cùng với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo cuộc kháng chiến vĩ đại của nhân dân Việt Nam chống chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ; lãnh đạo sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Năm 1969, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đang diễn ra hết sức quyết liệt thì chúng ta lại phải chịu một tổn thất vô cùng to lớn: Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từ trần vào lúc 9 giờ 47 phút ngày 2 tháng 9 tại Hà Nội.

Nhân kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người, Tổ chức Giáo dục – Khoa học – Văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO) đã suy tôn Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, đề ra đường lối đúng đắn đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Người sáng lập ra Đảng mácxít - lêninnít ở Việt Nam, sáng lập ra Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam, sáng lập ra các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam và sáng lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, góp phần tăng cường đoàn kết quốc tế. Người là tấm gương sáng của tinh thần tập thể, ý thức tổ chức và đạo đức cách mạng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, lãnh tụ kính yêu của giai cấp công nhân và của cả dân tộc Việt Nam, một chiến sĩ xuất sắc, một nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói về Đảng:

Đảng ta là Đảng lãnh đạo cách mạng. Ngoài lợi ích của nhân dân Đảng ta không có lợi ích nào khác. Vì vậy, cán bộ và đảng viên phải một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phải là người đày tớ hết sức trung thành của nhân dân.

Hồ Chí Minh: Toàn tập, NXB. CTQG, H.2002, tập 10, tr.337.

Đảng ta là một đảng rất to lớn, bao gồm đủ các tầng lớp trong xã hội. Vì vậy có nhiều tính cách rất trung thành, rất kiên quyết, rất vĩ đại. Song cũng không tránh khỏi những tập tục, những tính nết, những khuyết điểm của xã hội bên ngoài, nó lây, ngấm vào trong Đảng. Nhưng không vì thế mà kinh sợ. Ta thấy rõ những bệnh ấy thì ta tìm được cách chữa.

Sách đã dẫn (Sđd), tập 5, tr.261.

Đảng cũng ở trong xã hội. Đảng là do nhiều người cách mạng họp lại, cho nên dù với sự rèn luyện theo chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng có nhiều ưu điểm, nhưng cũng không tránh khỏi khuyết điểm. Khi có khuyết điểm, Đảng hoan nghênh phê bình, thật thà tự phê bình và kiên quyết sửa chữa. Vì vậy, Đảng ngày càng tiến bộ, càng mạnh mẽ.

Sđd, tập 8, tr.279.

Đảng có *kỷ luật* rất nghiêm khắc, tất cả đảng viên đều phải tuân theo. Tư tưởng, chính trị và tổ chức của Đảng đều phải *thống nhất*. Trong Đảng không thể có những phần tử lạc hậu và đầu cơ.

Sđd, tập 7, tr.230.

Đảng ta phải rất mạnh, phải phát triển không ngừng, nhưng phải nhiều về số lượng đồng thời phải có chất lượng tốt mới làm tròn được nhiệm vụ lãnh đạo.

Sđd, tập 8, tr.516.

Đảng phải đấu tranh không nhân nhượng chống tư tưởng bè phái, và phải tổ chức học tập có hệ thống chủ nghĩa Mác - Lênin để nâng cao trình độ văn hoá và chính trị cho các đảng viên. Phải giúp đỡ cán bộ không đảng phái nâng cao trình độ.

Sđd, tập 3, tr.139.

Đảng ta là một đảng cách mạng, một đảng vì dân, vì nước.

Sđd, tập 5, tr.254.

Phần thứ nhất.

ĐIỀU KIỆN LỊCH SỬ - XÃ HỘI VIỆT NAM ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Bản sao lưu trữ

Bản sao lưu trữ

CHƯƠNG I.
VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN CUỐI CHIẾN TRANH THẾ GIỚI LẦN THỨ NHẤT VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Xã hội Việt Nam trong công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất

a. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914)

Xã hội Việt Nam trước khi Pháp xâm lược là xã hội phong kiến độc lập, nền nông nghiệp lạc hậu, trì trệ. Chính quyền nhà Nguyễn đã thi hành chính sách đối nội, đối ngoại bảo thủ, phản động... không mở ra khả năng cho Việt Nam có cơ hội tiếp xúc và bắt nhịp với sự phát triển của thế giới. Vì vậy, đã không phát huy được những thế mạnh của dân tộc và đất nước, không tạo ra tiềm lực vật chất và tinh thần đủ sức mạnh bảo vệ Tổ quốc, chống lại âm mưu xâm lược của chủ nghĩa thực dân phương Tây.

- Ngày 6/6/1884, Hiệp ước Patơnốt được ký đã chấm dứt thời kỳ xâm lược nước ta của thực dân Pháp ngót gần 30 năm sau kể từ ngày 1/9/1858. Sau khi dập tắt phong trào Cần Vương năm 1896, thực dân Pháp bắt tay vào công việc mà chúng khát khao nhất: khai thác, bóc lột kinh tế thuộc địa. Từ lâu thực dân Pháp coi Đông Dương, chủ yếu là Việt Nam là thuộc địa quan trọng bậc nhất trong hệ thống thuộc địa của chúng: đất rộng, nhiều tài nguyên, nguồn nhân lực dồi dào và rẻ mạt là những yếu tố hấp dẫn nhất với giới tài phiệt.

- Ngày 17/10/1887, Tổng thống Pháp quyết định thành lập Liên bang Đông Dương gồm Nam kỳ, Bắc kỳ, Trung kỳ của Việt Nam và Cao Miên. Năm 1899, Liên bang này có thêm Lào. Toàn bộ quyền hành trực thuộc toàn quyền Đông Dương P.Đume (Paul Doumer). Chúng chia nước ta nhằm đánh đòn quyết định vào chủ quyền thống nhất vốn có của Việt Nam; với ba kỳ với ba chế độ chính trị xã hội khác nhau.

- Ở Bắc kỳ, Pháp với tư cách "bán bảo hộ": quyền hành cơ bản trong tay thống sứ Bắc kỳ, triều đình Huế chỉ còn chút quyền hành ban chức phẩm cho quan chức địa phương nhưng phải qua phủ Thống sứ.

- Ở Trung kỳ, Pháp với tư cách bảo hộ quyền hành toàn bộ thuộc Khâm sứ Trung kỳ, nắm toàn bộ tài chính trả lương cho Nam triều.

- Ở Nam kỳ, tách ra "trực trị" khỏi Việt Nam như "một nước khác". Năm 1911, khi Anbe Xarô sang làm toàn quyền Đông Dương lần thứ nhất.

Để mua chuộc xoa dịu bọn tay sai, nhất là tầng lớp thượng lưu trí thức mới hình thành, bộ máy chính quyền đã có những điều chỉnh nhất định cho có vẻ *"Pháp - Việt đề huề"* như người Việt Nam tham gia Hội đồng quản hạt Nam kỳ; lập ra Hội đồng tư vấn như Hội đồng tư vấn Bắc, Trung kỳ (1913), Hội đồng Hàng tỉnh (1913),...

Kinh tế: biến Đông Dương thành nơi cung ứng nguyên liệu nông nghiệp đầu tư công thương nghiệp có chừng mực, chói chặt nó vào guồng máy chính quốc.

Chúng tập trung khai thác mỏ than lập ra công ty than: Hồng Gai, Đông Triều (Quảng Ninh), Phấn Mễ (Thái Nguyên), Nông Sơn (Quảng Nam) vì nhanh chóng thu lợi nhuận cao. Ngoài ra, chúng còn khai thác mỏ thiếc, kẽm, vàng, đá quí... như ở Cao Bằng, Bắc Cạn, Tuyên Quang, Thanh Hóa, Ninh Bình...

Chúng lập ra ngân hàng Đông Dương độc quyền phát hành giấy bạc và kinh doanh tiền tệ. Chúng đầu tư giao thông và xây dựng đô thị mới để thuận lợi cho việc khai thác vơ vét tài nguyên và nếu ở đâu có đấu tranh thì chúng đàn áp: như bắt dân phu đi xây dựng thị xã Vinh, làm đường sắt xuyên Đông Dương từ đất Diễn Châu đi Xiêng Khoảng tên đất Lào. Tuyến đường này từ Cửa Rào cách Vinh 204 km trở đi là vùng núi non hiểm trở hoang vu "ma thiêng nước độc": đặc biệt là hệ thống cảng như Hải Phòng, Sài Gòn, Đà Nẵng, Vinh - Bến Thủy...

Chúng cướp ruộng đất với đủ mánh khóe tàn ác, chúng đã cướp đoạt dữ dội nhất là ở Nam kỳ. Xuất hiện những tên đồn chủ lớn có trong tay từ 2.000 đến 20.000 mẫu Tây như Laba, Emony, Lika, Gobe... Cụ thể năm 1914, chúng xuất khẩu 1,4 triệu tấn gạo trong khi dân đói.

Chúng lập ra nhiều thứ thuế gồm thuế trực thu (thuế đinh và thuế điền) và thuế gián thu (thuế muối, thuế rượu và thuế thuốc phiện). Năm 1903, thuế gián thu đã đem lại ngân sách cho Đông Dương 32 triệu Phrăng, chiếm 1/3 tổng số.

Thực dân Pháp cũng chú trọng cuộc xâm lăng về văn hóa, tập trung vào 3 mặt: nhập cơ sở kỹ thuật ấn loát tạo điều kiện văn minh phương Tây phát triển. Chúng loại bỏ dần chữ Hán và Nho học, cấm học và thi chữ Hán, đào tạo lớp tri thức mới Tây học: Sài Gòn, Huế, Hà Nội, nước ngoài (Angiêri, Pháp) nhưng không phải tất cả các trí thức đều phục vụ cho thực dân.

b. Sự phân hóa giai cấp

Xã hội Việt Nam cổ truyền với kết cấu truyền thống nhà- làng- nước và cơ cấu xã hội "tứ dân" (sĩ, nông, công, thương) đã thay đổi đáng kể trước hết là sự hình thành kết cấu giai cấp xã hội mới mẻ trong lòng xã hội Việt Nam.

- Giai cấp địa chủ phong kiến mất vai trò giai cấp thống trị có chủ quyền nói chung và đã trở thành chỗ dựa và tay sai cho chủ nghĩa thực dân.

Để tạo cơ sở cho giai cấp này, thực dân Pháp khuyến khích địa chủ mới, địa chủ tư sản hóa chiếm hữu nhiều ruộng đất. Ở Nam kỳ, số địa chủ lớn có hơn 50 mẫu ruộng, chỉ chiếm 2,5% số địa chủ nhưng chiếm tới 52% ruộng đất. Ở Bắc kỳ và Trung kỳ số này thấp hơn, chỉ chiếm 16% ruộng đất.

- Số đông trung và tiểu địa chủ (dưới 5 mẫu) bị chèn ép nhiều người còn giữ được truyền thống yêu nước.

- Giai cấp nông dân Việt Nam bị phân hóa mạnh mẽ, số nông dân mất đất tăng nhanh do ruộng công (ở Bắc kỳ, Trung kỳ) giảm, bị cướp đoạt nên họ bần cùng hóa. Số nông dân mất ruộng đất trở thành công nhân, bị bóc lột. Nông dân cũng lại là đối tượng bóc lột quan trọng nhất của chính sách thuế khóa và phu khoán tạp dịch.

- Giai cấp công nhân ra đời trước hết là do nhu cầu của chủ nghĩa tư bản Pháp. Công nhân mỏ tăng 400 người (1904) lên 15.000 người (1914); 3 nhà máy dệt Nam Định, Hải Phòng và Hà Nội đã có 1.800 thợ, nhà máy xi măng Hải Phòng có 1.500 công nhân... đó là chưa kể số công nhân làm theo mùa mà chỉ riêng các tuyến đường sắt Hải Phòng - Vân Nam (Trung Quốc) đã tới 6 vạn người. Như vậy, công nhân Việt Nam là giai cấp mới đầu tiên ra đời trong nôi thuộc địa, hoàn toàn không phải do kinh tế tư bản dân tộc thậm chí họ ra đời trước giai cấp tư sản Việt Nam, nhưng với những đặc tính chính trị xã hội thuận lợi nên sớm có phong trào dân tộc.

- Ở nước ta, tầng lớp tư sản và tiểu tư sản đã hình thành đầu thế kỷ XX. Do chính sách kinh tế xã hội chặt chẽ của thực dân Pháp khiến cho lớp người này khó có điều kiện phát triển. Tư sản và tiểu tư sản đang trên đường hình thành giai cấp. Tiếng nói chính trị, xã hội của họ còn rất hạn chế. Trong phong trào yêu nước thời kỳ này, người đại diện và lãnh đạo khuynh hướng dân tộc tư sản, đại diện cho chính quyền của họ lại là một tầng lớp đặc biệt các sĩ phu tư sản hóa.

2. Xã hội Việt Nam trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918)

- Chiến tranh thế giới lần thứ nhất là cuộc chiến tranh phi nghĩa là sự đụng độ giữa các thế lực đế quốc chủ yếu là vấn đề thị trường *"Nhiệm vụ chủ yếu của xứ Đông Dương là phải cung cấp cho chính quốc đến mức tối đa nhân lực, vật lực và tài lực; đồng thời phải duy trì an ninh ở thuộc địa, mặt khác phải giữ cho guồng máy chính trị kinh tế chạy đều"* (V. Vollenhoven, báo *Opinion* tháng 8/1914).

- Chính sách vơ vét tàn bạo đầu tiên của thực dân Pháp là đẩy hàng vạn người Việt Nam sang chiến trường châu Âu, mà khi xuống tàu họ bị xích tay, khắc số lính trên lưng. Năm 1916 là năm huy động cao nhất người Việt Nam đi lính phục vụ cho chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tính đến ngày 2/2/1918 chúng đã sử dụng 92.411 người trên mặt trận Pháp, những người cuối cùng lại bị ném vào đội quân của 14 nước chống nước Nga Xô Viết.

- Việt Nam cũng là căn cứ thuộc địa đóng góp sức của gần 400 phrăng gồm "quốc trái" và "quốc phòng", 35 tấn gạo, ngô, thuốc lá... không kể hàng vạn tấn khoáng sản quý khác.

- Giai cấp tư sản Việt Nam lớn mạnh trong chiến tranh như tăng cường phương pháp kinh doanh mới như sử dụng nhiều kỹ sư, giao lưu quốc tế về kỹ thuật. Tư sản Việt Nam cũng bắt đầu thể hiện vai trò trong đời sống chính trị, xã hội. Họ chưa có đảng phái nhưng đã xuất bản báo chí bênh vực quyền lợi mình trong khuôn khổ ôn hòa: *An Hà* nhật báo, *Đại Việt* tạp chí, *Thực Nghiệp* dân báo.

3. Một số phong trào dân tộc đầu thế kỷ thứ XX

a. Phan Bội Châu và xu hướng bạo động

Tháng 5/1904, ông đã cùng với Tăng Bạt Hổ, Nguyễn Thành (tức Am Hàm), Đặng Thái Thân, Đặng Tử Kính, Đỗ Tuyển... đã tuyên bố thành lập Duy Tân hội tại Quảng Nam, cốt sao khôi phục Việt Nam độc lập, ngoài ra chưa có chủ nghĩa gì khác.

- Duy Tân hội đề ra 3 nhiệm vụ phát triển Hội viên tài chính chuẩn bị cho bạo động vũ trang và xuất dương cầu viện (sau đó gọi là phong trào Đông Du hướng sang Nhật Bản). Phan Bội Châu tuyển chọn ngót 200 du học sinh Việt Nam bí mật xuất dương qua Nhật Bản học khoa học kỹ thuật và quân sự.

Năm 1908, việc hoạt động của phong trào Đông Du lan rộng cả nước cùng với những hoạt động quyên góp về kinh tế công khai. Điều đó không tránh khỏi sự phát hiện của mật thám Pháp. Tháng 9/1908, thực dân Pháp đã thương lượng với Chính phủ Nhật ra lệnh giải tán tổ chức chống Pháp trên đất Nhật. Trục xuất du học sinh Việt Nam.

- Thời kỳ Việt Nam quang phục hội và những cuộc khởi nghĩa vũ trang trước và trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất.

Cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân (tháng 5/1916) nhưng do bị hạn chế về nghệ thuật chỉ đạo, không giữ bí mật và kế hoạch khởi nghĩa. Nên cuộc khởi nghĩa thất bại, vua Duy Tân cũng bị bắt khi trốn đến chùa Thiên Mụ, nhiều nhân sĩ bị thực dân Pháp bắt và chém đầu: Thái Phiên, Trần Cao Vân. Riêng vua Duy Tân bị lưu đày ở đảo Riêuyniong.

- Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên (từ 30/8/1917 - 2/1/1918) do Đội Cấn và Lương Ngọc Quyến lãnh đạo cũng thất bại, 50 người đã anh dũng hi sinh và gần 100 người bị bắt. Riêng Đội Cấn cùng vài chục người khác chiến đấu đến cuối cùng và hi sinh vào ngày 11/1/1918.

b. Phan Chu Trinh và xu hướng cải cách

Tháng 8/1906, sau khi từ Nhật Bản về, Phan Chu Trinh viết thư ngỏ gửi toàn quyền Pônbô và lập tức trở thành thủ lĩnh của xu hướng cải cách trong cả nước. Ông chủ trương dựa vào người Pháp đánh đổ giai cấp phong

THƯ VIỆN QUỐC HỘI VL8824

kiến, phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa ở nước ta rồi mới tính đến độc lập. Ông gọi đó là kế sách "Ỷ Pháp cầu tiến bộ" tiến hành song song Duy Tân đánh đổ chế độ phong kiến, quan trường.

- Ở Trung kỳ, phong trào chống thuế 1906 - 1908, Phan Chu Trinh trực tiếp lãnh đạo phong trào chống thuế. Thành lập trường dạy chữ quốc ngữ, chữ Pháp.

- Ở Bắc kỳ, ra đời trường Đông Kinh Nghĩa Thục.

Cuối tháng 11/1907, thực dân Pháp cho đóng cửa trường này. Sau này, giáo sư Đặng Thai Mai đánh giá: trường Đông Kinh Nghĩa Thục như là cuộc cách mạng văn hóa đầu tiên.

- Ở Nam kỳ, cũng có nhiều tỉnh nổ ra các cuộc đấu tranh: Mỹ Tho, Vĩnh Long, Sa Đéc, Cần Thơ, Tây Ninh, Biên Hòa...

c. Phong trào công nhân

- Năm 1898, công nhân nhà máy đèn Hà Nội phối hợp với nghĩa quân của nhà sư Vương Quốc Chính trong vụ tập kích vào Hà Nội.

- Tháng 6/1908, anh em bồi bếp và công nhân pháo thủ Hà Nội tham gia vụ Hà Thành đầu độc.

- Năm 1900, cuộc bãi công biểu tình của công nhân mỏ đá Ôn Lâu (Hải Dương).

- Năm 1905, công nhân đường sắt Yên Bái bỏ việc về quê phản đối phái chủ.

- Năm 1909, cuộc bãi công của 200 công nhân viên chức hãng Liên hiệp thương mại Đông Dương ở Hà Nội có tiếng vang chính trị đáng kể.

- Năm 1912, công nhân xưởng Bason và trường Bách nghệ Sài Gòn bãi công do Tôn Đức Thắng tham gia lãnh đạo.

- Năm 1916, công nhân nữ mỏ than Cái Bầu (Quảng Ninh) bãi công...

d. Phong trào nông dân

Phong trào nông dân đầu thế kỷ XX đại thể có 2 lực lượng chủ yếu: phong trào nông dân Yên Thế ở phía Bắc và phong trào nông dân mang màu sắc tôn giáo ở Nam kỳ.

- Phong trào nông dân Yên Thế bộc lộ khả năng to lớn của nông dân Việt Nam, đặc biệt là tài trí của anh hùng Hoàng Hoa Thám, người có khả năng quân sự kiệt xuất, khả năng khai thác sức chiến đấu, lòng yêu nước thiết tha của những người dân nghèo với nhiều trận đánh hay: Bắc Giang, Yên Thế, Bắc Ninh, Thái Nguyên, tiêu diệt nhiều sinh lực địch.

- Phong trào nông dân mang màu sắc tôn giáo ở Nam kỳ: các hội kín như Thiên Địa hội vốn của người Hoa lan rộng ra đồng bằng sông Cửu Long, phong trào Bửu Sơn Kỳ Hương ở An Giang và các tổ chức khác như: Nghĩa Hào hội, Phục Hưng hội, Nhân Hòa đường...

Tóm lại tất cả các phong trào của Phan Bội Châu hay Phan Chu Trinh đều có những hạn chế đáng kể về đường lối cứu nước đúng đắn.

4. Quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

Đây là thời kỳ thực dân khai thác thuộc địa mạnh mẽ ở Đông Dương và ra sức đàn áp phong trào yêu nước để củng cố địa vị thống trị của chúng. Sự thất bại các phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX đã đặt ra cho lịch sử phải tìm đường lối hữu hiệu hơn, trước sự bế tắc của đường lối cách mạng Việt Nam.

Trong thời kỳ này, Nguyễn Sinh Cung đã tiếp thu truyền thống yêu nước và lòng nhân ái từ gia đình, quê hương và đất nước, trước hết là quê hương Nam Đàn xứ Nghệ, nơi Người sinh sống tuổi ấu thơ (từ 1890 - 1895 và 1901 - 1906); ở Thừa Thiên Huế, nơi Người sống cùng Cha là cụ Nguyễn Sinh Sắc và anh từ năm 1906-1909; Người theo học trường tiểu học Pháp - Việt tỉnh Thừa Thiên, lớp dự bị (cours préparatoire, tháng 9-1906), lớp sơ đẳng (cours élémentaire, tháng 9-1907); rồi vào lớp trung đẳng (lớp nhì) (cours moyen) tại Trường Quốc học Huế.

Tại quê hương được khai tâm bằng chữ Hán, hấp thụ tinh thần yêu nước của các nhà nho yêu nước trong phong trào đấu tranh chống Pháp, cách đối nhân xử thế, thủy chung, nhân nghĩa khí khái. Tại Huế, Người cũng được học một số kiến thức về tự nhiên và xã hội, bước đầu tiếp xúc với nền văn minh phương Tây gợi cho Người những suy nghĩ về một hướng đi khác với lớp cha anh.

Đây là thời kỳ Người chứng kiến cảnh khổ cực của dân phu làm đường Cửa Rào - Trấn Ninh, thấy được sự đối lập giữa cuộc sống lao động chật vật nghèo khó của nhân dân với cảnh sống xa hoa, phè phỡn của bọn thực dân Pháp và quan lại Nam triều. Thấy được sự bạc nhược của những ông quan Nam triều bệ vệ trong những chiếc áo gấm, hài nhung, mũ cánh chuồn, nhưng khúm núm, rụt rè.

Người đã tham gia và chứng kiến cuộc biểu tình chống sưu cao thuế nặng của nông dân miền Trung. Sự thất bại của các phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX đã cho Người thấy: muốn cứu nước phải tìm con đường cách mạng mới.

Đất nước, quê hương và gia đình đã hình thành nên ở người thanh niên Nguyễn Tất Thành một nhân cách giàu lòng yêu nước có hoài bão cứu nước, nhân ái thương người nhất là người nghèo khổ, thấu hiểu được sức mạnh của ý chí độc lập tự chủ, tự cường của dân tộc. Được quê hương và gia đình trang bị cho vốn kiến thức uyên thâm về văn hóa phương Đông, những kiến thức bước đầu về văn hóa phương Tây, lại được rèn luyện trong cuộc sống lao động và đấu tranh, mang nỗi đau của người dân mất nước với một ý chí nghị lực phi thường, Người đã quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước.

Người đã đến các nước thuộc địa ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ Latinh, đã tận mắt thấy cuộc sống cùng cực, bị bóc lột, bị đàn áp của các dân tộc thuộc địa và cũng trực tiếp tìm hiểu đời sống của các nước tư bản phát triển, tự xưng là văn minh. Đầu tiên Người đã đến Pháp (năm 1911), tiếp đó sống

ở Mỹ (năm 1912 - 1913), ở Anh (năm 1913 - 1917) và lâu nhất là lần thứ hai Người trở lại Pháp sống ở thủ đô Pari- một trung tâm chính trị văn hóa của Pháp và châu Âu (từ 1917 - 1923). Ở đây đang tồn tại nhiều trào lưu chính trị rất khác nhau, là nơi có nhiều người Việt Nam và những người xuất thân ở các thuộc địa của Pháp đang sinh sống. Vì thế Pari trở thành trụ cột vĩ đại của hoạt động chính trị, ở đó có sẵn những điều kiện thuận lợi mà Luân Đôn và NewYork không có. Có thể nói, mục đích trở lại Pari lần này của Nguyễn Tất Thành là bắt đầu hoạt động trên lĩnh vực chính trị, khơi nguồn cho Người tiếp cận từng bước con đường cách mạng của thuộc địa.

Bản sao lưu trữ

CHƯƠNG II.
VIỆT NAM TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT ĐẾN NĂM 1930 VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

I. VIỆT NAM TRONG CUỘC KHAI THÁC THUỘC ĐỊA LẦN THỨ HAI CỦA THỰC DÂN PHÁP

1. Tình hình chính trị

- Sau chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, thực dân Pháp đã tiến hành một số cải cách về chính trị nhằm đối phó với những biến động có thể xảy ra ở các thuộc địa và hỗ trợ đắc lực cho chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai. Mục tiêu của cuộc cải cách không gì hơn ngoài việc nới rộng nền tảng xã hội của chế độ thuộc địa.

- Trong khu vực nông thôn, thực dân Pháp tiến hành *"cải lương hương chính"* nhằm từng bước can thiệp vào công việc nội bộ của làng xã, loại bỏ dần tính chất tự trị của nó. Thực dân Pháp bắt đầu vào công việc làng xã bằng cách kiểm soát nhân sự, tài chính của bộ máy làng xã.

Tóm lại, chính sách của thực dân Pháp là nới rộng một số quyền lợi chính trị cho các tầng lớp trên, tạo ra mảnh đất tốt cho chủ nghĩa Pháp - Việt đề huề, tạo sự ổn định chính trị để thu hút vào Đông Dương nhằm thực hiện có hiệu quả chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai.

2. Tình hình kinh tế

Nhằm nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi nền kinh tế và khôi phục vị thế chính trị của nước Pháp trên trường quốc tế...

Thực dân Pháp bòn rút thuộc địa để làm giàu cho chính quốc nhưng không tạo cơ hội cho các nước thuộc địa cạnh tranh với chính quốc.

- *Về thời gian:* Từ 1919 - 1929 tức sau chiến tranh thế giới thứ nhất chấm dứt đến khủng hoảng kinh tế thế giới.

- *Về cường độ* cuộc khai thác thuộc địa lần hai diễn ra với cường độ rất mạnh mẽ.

- Nông nghiệp: là ngành được thực dân Pháp chú trọng đầu tư lớn nhất. Năm 1924, số vốn đầu tư vào nông nghiệp là 52 triệu phrăng, thì năm 1927 là 400 triệu phrăng, chủ yếu là vào việc trồng và khai thác cao

su. Các chủ đồn điền người Pháp và người Việt khai thác triệt để phương thức canh tác và bóc lột theo kiểu phong kiến và tiền tư bản, chủ yếu là bóc lột lao động sống, không quan tâm đến đầu tư và kĩ thuật. Ngoài ra, còn xuất hiện nhiều đồn điền khác như cà phê, hồ tiêu, chè...

- Công nghiệp: đã xuất hiện một nền công nghiệp với hai bộ phận công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ nhưng nó không cân đối và què quặt.

- Về giao thông: một số cơ sở hạ tầng được thực dân Pháp chú ý đầu tư và xây dựng. Nhằm mục đích phục vụ cho chính sách khai thác thuộc địa của chúng.

- Về thương nghiệp: gồm ngoại thương và nội thương. Ngoại thương là lĩnh vực buôn bán mà thực dân Pháp độc quyền, thực dân Pháp dùng hàng rào thuế quan để bảo hộ hàng hóa chính quốc. Bằng cách đánh thuế cao vào những mặt hàng của nước ngoài chủ yếu là thị trường Trung Quốc và Nhật Bản. Từ đó, tạo điều kiện cho hàng hóa của Pháp tràn ngập vào Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng.

Ngoài ra, bao trùm toàn bộ và chi phối đời sống kinh tế Đông Dương, chúng thành lập hệ thống ngân hàng đứng đầu là Ngân hàng Đông Dương. Ngoài chức năng độc quyền phát hành giấy bạc, chỉ đạo các ngân hàng trực thuộc hệ thống trong việc cho vay lấy lãi và góp vốn vào các công ty để đảm bảo tăng cường việc khai thác thuộc địa.

Tóm lại, dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa, nền kinh tế Việt Nam về hình thức đã mang sắc thái hiện đại nhưng thực chất đó là nền kinh tế mất cân đối, què quặt giữa các lĩnh vực, các vùng miền.

3. Tình hình xã hội

Xã hội Việt Nam tiếp tục phân hóa giai cấp một cách sâu sắc:

- *Giai cấp địa chủ:* trong giai cấp địa chủ đã xuất hiện những phân tầng rõ rệt: địa chủ nhỏ, địa chủ vừa và đại địa chủ. Nét đặc trưng trong xã hội thuộc địa là sự cấu kết chặt chẽ giữa thực dân Pháp và đại địa chủ phong kiến bản xứ.

- *Giai cấp nông dân:* là thành phần chiếm tuyệt đại đa số trong xã hội Việt Nam. Trong quá trình sản xuất, dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa, giai cấp đã chuyển biến sâu sắc và có sự phân tầng rõ rệt: phú nông, trung nông, bần nông và cố nông. Giai cấp nông dân là giai cấp bị bóc lột nặng nề nhất bởi nhiều thuế khóa và đi phu tạp dịch. Cuộc sống của họ hết sức bấp bênh, một trong số họ bị bần cùng hóa. Để duy trì cuộc sống họ phải ra thành phố làm trong các hầm mỏ để kiếm công ăn việc làm. Một trong số những người này may mắn tìm được nơi bán sức lao động, trở thành công nhân, số khác ít may mắn hơn, quay trở về nông thôn cam chịu cuộc sống cùng quẫn và bế tắc.

- *Giai cấp công nhân:* ngày càng trở nên đông đảo, điều kiện sống và làm việc của công nhân vô cùng cực khổ. Họ phải làm việc trung bình từ 10

giờ đến 14 giờ trong ngày với đồng lương rẻ mạt, thường xuyên bị cúp lương và bị đối xử tàn bạo. Trước khi họ trở thành công nhân họ đã là người dân một nước nô lệ. Vì thế trong họ đã có sẵn những mối thù dân tộc, khi họ trở thành công nhân họ bị áp bức nặng nề nên họ mang thêm mối thù thứ hai đó là mối thù giai cấp. Mối thù dân tộc có trước thôi thúc mối thù giai cấp chín sớm. Do vậy, giai cấp công nhân Việt Nam sớm giác ngộ ý thức giai cấp và nhanh chóng vươn lên nắm lấy ngọn cờ giải phóng dân tộc.

- *Giai cấp tiểu tư sản:* nó được kết hợp một cách lỏng lẻo bởi ba bộ phận: trí thức, tiểu thương và thợ thủ công. Đặc điểm chung của họ là thị dân, sở hữu một ít tư liệu sản xuất (vốn, chất xám).

- *Giai cấp tư sản:* đã từ một tầng lớp trở thành một giai cấp xã hội thực sự sau chiến tranh thế giới thứ nhất. Do điều kiện kinh doanh, giai cấp tư sản Việt Nam phân thành hai bộ phận: tư sản mại bản và tư sản dân tộc.

Tư sản mại bản: lợi ích kinh tế của bộ phận này gắn chặt với lợi ích kinh tế của tư bản thực dân.

Tư sản dân tộc: lợi ích của tư sản dân tộc không đồng nhất với lợi ích kinh tế của chính quyền thực dân. Họ bị chèn ép từ nhiều phía, từ tư sản Pháp đến các nhà tư sản ngoại kiều. Vì thế để tồn tại và phát triển, bộ phận này đã cấu kết với nhau trong kinh doanh, do đó ít nhiều họ cũng có tinh thần dân tộc.

- *Tư tưởng văn hóa:* thập kỷ hai mươi, nước ta được xem như là giai đoạn giao thoa, đan xen giữa các giá trị văn hóa truyền thống và văn hóa ngoại nhập, giữa nền văn hóa thực dân, nền văn hóa chính thống và nền văn hóa mới, văn hóa tiến bộ. Chính quyền thực dân sớm có ý thức sử dụng văn hóa như một thứ vũ khí để quảng bá cho tư tưởng Pháp như: "Pháp - Việt đề huề", "Pháp - Việt hợp tác",...

4. Một số phong trào của dân tộc

a. Phong trào tẩy chay tư sản Hoa kiều

Tư sản Việt Nam đã dấy lên phong trào "Tẩy chay khách trú" ở một số thành phố có nhiều người Hoa sinh sống và làm ăn như Sài Gòn, Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định. Họ đưa ra khẩu hiệu: *"Người An Nam mua bán với người An Nam", "Người An Nam không gánh vàng đi đổ sông Ngô".*

Ngoài ra một số phong trào đấu tranh chống độc quyền cảng Sài Gòn, để tranh giành quyền lợi của mình. Một số lĩnh vực tư tưởng văn hóa của giai cấp tư sản cũng khá rầm rộ để đòi một số quyền tự do dân chủ trong khuôn khổ thuộc địa.

b. Phong trào đòi ân xá Phan Bội Châu

Phong trào đòi ân xá Phan Bội Châu: Là một phong trào công khai đấu tranh đầu tiên giành thắng lợi. Sự thắng lợi đó làm nức lòng nhân dân ta, cổ vũ nhân dân ta bước tới những phong trào mới.

c. Phong trào đòi lễ tang Phan Chu Trinh

Tại Sài Gòn, đám tang Phan Chu Trinh được tổ chức trọng thể theo nghi lễ quốc tang. Một đám tang lễ gồm 14 vạn người các ngành, các giới, đã đến vĩnh biệt nhà chí sĩ.

d. Phong trào công nhân

Từ năm 1922, phong trào công nhân có bước phát triển mới. Trước hết là cuộc đấu tranh của 600 công nhân nhuộm Sài Gòn - Chợ Lớn.

- Tiêu biểu nhất cho phong trào công nhân giai đoạn này là cuộc bãi công của một ngàn công nhân xưởng Bason (Sài Gòn) tháng 8/1925. Cuộc bãi công này gắn liền với sự tổ chức và lãnh đạo của Công hội do Tôn Đức Thắng thành lập.

Mục đích của cuộc bãi công này là làm chậm việc sửa chữa chiếc tàu Misolê (Michelet) mà thực dân Pháp dùng chở lính sang đàn áp phong trào cách mạng Trung Quốc.

Như vậy cuộc bãi công của công nhân Bason tháng 8/1925 là cuộc đấu tranh đầu tiên có tổ chức và lãnh đạo. Hơn thế nữa cuộc đấu tranh không chỉ nhằm mục tiêu kinh tế mà còn nhằm mục đích chính trị. Thể hiện tình đoàn kết vô sản quốc tế của công nhân Việt Nam.

e. Một số phong trào của các tổ chức

** Phong trào của Tân Việt cách mạng Đảng:*

Tiền thân của nó là Hội Phục hưng Việt Nam (Phục Việt) được thành lập ngày 14/7/1925 xác định: *"Liên hợp tất cả các đồng chí trong ngoài, trong thì dẫn đạo công - nông - binh, quần chúng, ngoài thì liên lạc với các dân tộc bị áp bức để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa đặng kiến thiết một xã hội bình đẳng mới"*.

Do chịu ảnh hưởng của tư tưởng mác-xít, nhiều đảng viên Tân Việt đã chuyển sang hoạt động cho Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên. Trước tình hình hai khuynh hướng trong Đảng là dân tộc tư sản và dân tộc xã hội chủ nghĩa, những đảng viên tích cực cấp tiến trong Tân Việt đã nhóm họp và đi đến tiến hành vận động thành lập một tổ chức cộng sản lấy tên là Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

** Phong trào của Việt Nam Quốc dân Đảng:*

Tiền thân của tổ chức chính trị này là nhóm Nam Đồng thư xã do Phạm Tuấn Tài thành lập tại số nhà 129 phố Trúc Bạch, Hà Nội. Nam Đồng thư xã nhanh chóng chiếm được cảm tình trong nhân dân, trở thành nơi gặp gỡ của lớp thanh niên yêu nước, trí thức trăn trở như: Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính, Hồ Văn Mịch, Hoàng Phạm Trân... nhưng trong đó cũng có hai phái chủ trương khác nhau: đó là chủ trương *cách mạng hòa bình* và *cách mạng bạo lực*. Cuối cùng phái cách mạng bạo lực chiếm đa số và dẫn tới bước ngoặt thành lập Việt Nam Quốc dân Đảng vào ngày

25/12/1927. Điều lệ của Đảng là *"Trước làm cách mạng quốc gia, sau làm cách mạng thế giới"*.

Thành phần chủ yếu của đảng viên tổ chức cách mạng này là trí thức, viên chức, học sinh, nông thôn và binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp. Việt Nam Quốc dân Đảng cũng tiến hành nhiều cuộc khởi nghĩa ở các địa phương như: Lâm Thao, Hưng Hóa, Sơn Tây, Kiến An... nhưng không thu được kết quả.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Năm 1919, Người cùng một số nhà yêu nước Việt Nam thảo ra bản yêu sách tám điểm. Thay mặt nhóm người yêu nước ký tên Nguyễn Ái Quốc gửi tới Hội nghị Vécxây đòi quyền lợi cho nhân dân An Nam. Bản yêu sách không được Hội nghị xem xét đến nhưng đã gây một tiếng vang lớn trong phong trào giải phóng dân tộc và phong trào cách mạng Việt Nam. Qua sự kiện này, Người càng thấy rõ Chủ nghĩa Uynxơn chẳng qua là trò bịp bợm và Người đã kết luận: *Các dân tộc muốn được giải phóng chỉ có thể dựa vào sức của bản thân mình.*

Chính thực tiễn trong quá trình tìm đường cứu nước cho dân tộc trước ách thống trị tàn bạo của chế độ thực dân thống trị, những cảnh sống cơ cực của nhân dân thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc sống, hoạt động và đấu tranh phong phú đã đưa Người đến những nhận thức mới.

- Ở các nước thuộc địa, đâu đâu Người cũng thấy người lao động bị chủ nghĩa thực dân, đế quốc đày ải, bóc lột trong tủi nhục. Bên cạnh cảnh nghèo đói, bị đàn áp và bóc lột dã man, ta vẫn thấy khát vọng đấu tranh giành giải phóng dân tộc luôn luôn ấp ủ. Từ đó ý thức quốc tế được hình thành.

- Ở các nước tư bản phát triển, tự xưng là văn minh, Người cũng thấy chỉ có hai hạng người: *tầng lớp trên thì sống đầy xa hoa, phù phiếm, thừa thãi, còn tầng lớp dưới đại đa số phải sống cuộc đời khó khăn, bần hàn.* Chính do sự thông cảm, yêu thương những người nghèo khổ và lòng căm ghét bọn tư bản, đế quốc, thực dân mà tình cảm và ý thức giai cấp ở Người từng bước được hình thành và nảy nở.

Nhờ những kiến thức rút ra từ thực tiễn gần mười năm lăn lộn tìm đường cứu nước, nên vào năm 1920 khi đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, đăng trên báo *L' Humanite*, Nguyễn Ái Quốc tìm thấy ở luận cương những lời giải đáp đầy thuyết phục cho những câu hỏi mình đang nung nấu và tìm tòi. Sau này, nói về cảm tưởng khi đọc Luận cương, Người viết: *"Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta"...*

Có thể nói, đến đây Nguyễn Ái Quốc đã tìm được con đường cứu nước: con đường giải phóng dân tộc gắn với cách mạng vô sản, đi theo con đường cách mạng.

Tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp lần thứ XVIII ở thành phố Tua. Người đã biểu quyết đứng về phía Quốc tế III, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

Như vậy trải qua 10 năm tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã đến với Chủ nghĩa Lênin, từ một thanh niên Việt Nam yêu nước trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Đây là bước nhảy vọt lớn trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người, một sự chuyển biến về chất, kết hợp nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Từ năm 1920 - 1923: Nguyễn Ái Quốc hoạt động với cương vị Trưởng tiểu ban Đông Dương trong Ban nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp, tham dự Đại hội I và Đại hội II Đảng Cộng sản Pháp. Trong các Đại hội này Người đã phê bình Đảng Cộng sản Pháp chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề thuộc địa.

Cùng với những nhà hoạt động cách mạng thuộc địa Pháp, Nguyễn Ái Quốc thành lập *"Hội liên hiệp thuộc địa"* và xuất bản báo *Người cùng khổ* (Le Paria), mà Người là chủ nhiệm kiêm chủ bút. Đây là lần đầu tiên, tư tưởng đoàn kết quốc tế của Người được thể hiện bằng tổ chức. Tờ báo của các dân tộc thuộc địa đấu tranh giành độc lập tự do. Người nói rõ mục đích của tờ báo là đấu tranh để giải phóng con người nói chung trong đó cả dân tộc Việt Nam. Điều này chứng tỏ tư tưởng về giải phóng con người xuất hiện từ rất sớm và sâu sắc ở Nguyễn Ái Quốc.

Năm 1923 – 1924, Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô, lúc đầu để tham dự Hội nghị Quốc tế Nông dân và được bầu vào Đoàn chủ tịch của Quốc tế Nông dân, được tham quan triển lãm kinh tế quốc dân Liên Xô, tận mắt chứng kiến những thành tựu về mọi mặt của nhân dân Liên Xô; sau đó vào lớp bồi dưỡng tại trường Đại học Phương Đông. Năm 1924, Người tham dự Đại hội V của Quốc tế Cộng sản và các Đại hội Quốc tế Thanh niên, Quốc tế Cứu tế đỏ, Quốc tế Công hội đỏ. Thời gian ở tuy ngắn, nhưng Liên Xô đang trong giai đoạn thực hiện chính sách kinh tế mới và đạt được nhiều thành tựu lớn về kinh tế - xã hội, đã để lại cho Người những ấn tượng rất sâu sắc. Người viết *"Nhật ký chìm tàu"* để ca ngợi, khẳng định sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô.

Người cũng đã phát biểu ý kiến và phê bình mạnh mẽ Đảng Cộng sản Pháp và các đảng cộng sản ở các nước có thuộc địa, chưa quan tâm đúng mức đến cách mạng ở các nước thuộc địa. Người vạch rõ tình cảnh của giai cấp công nhân, nông dân ở các nước thuộc địa đang chết dần, chết mòn vì đói rét, bệnh tật và kêu gọi Quốc tế Cộng sản giúp đỡ họ tổ chức lại, *"Chỉ cho họ con đường đi tới cách mạng và giải phóng"*. Tác phẩm *"Bản án chế độ thực dân Pháp"* đã mạnh dạn tố cáo tội ác của thực dân Pháp và nêu lên

thống khổ và sức mạnh của nhân dân các nước thuộc địa. Đặc biệt, Người quan tâm đến nỗi thống khổ của dân tộc Việt Nam.

Cuối năm 1924, Người tới Quảng Châu, tại đây với tư cách được sự ủy nhiệm của Quốc tế Nông dân, Nguyễn Ái Quốc tham gia chỉ đạo phong trào cách mạng và phong trào nông dân một số nước châu Á.

Tại Quảng Châu, Người sáng lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên vào tháng 6/1925. Mở lớp huấn luyện cán bộ cách mạng để đưa về nước hoạt động và truyền bá Chủ nghĩa Mác - Lênin. Những bài giảng của Người xuất bản thành cuốn sách *"Đường Kách mệnh"* (1927). Tác phẩm đã trình bày một cách ngắn gọn, dễ hiểu với ngôn phong đơn giản nhưng đã bộc lộ rõ tư tưởng của Người về con đường cách mạng Việt Nam. Đồng thời Người đã chuẩn bị lực lượng, lựa chọn những người ưu tú, cử đi học ở trường Đại học Phương Đông nhằm đào tạo cán bộ làm việc sau này.

Năm 1930, phong trào cách mạng Việt Nam bùng nổ mau chóng phát triển, hình thành ở trong nước ba tổ chức cộng sản. Một yêu cầu khách quan là phải thống nhất các tổ chức cộng sản đó lại. Theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, từ ngày 3 đến ngày 7 tháng 2 năm 1930, Nguyễn Ái Quốc chủ trì hội nghị hợp nhất. Người soạn thảo *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ tóm tắt* và đề nghị lấy tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam và đã được Hội nghị nhất trí thông qua. Với những văn kiện này, tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam đã được hình thành về cơ bản và trở thành cương lĩnh đầu tiên của Đảng ta.

Bản sao lưu trữ

CHƯƠNG III.
VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1930 – 1945 VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

I. TÌNH HÌNH XÃ HỘI VIỆT NAM NHỮNG NĂM 1930 - 1945

1. Xã hội Việt Nam trong những năm 1930 - 1939

a. Việt Nam trong cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933

Chính phủ Đông Dương đã áp dụng hàng loạt biện pháp kinh tế tài chính nhằm tăng cường bóc lột, cướp đoạt tài sản của nhân dân Việt Nam để chống đỡ với tai họa của cuộc khủng hoảng. Chúng đặt thêm nhiều thứ thuế mới, tăng mức các thứ thuế đã có và phát hành công trái.

Sự phân cực giàu nghèo càng sâu sắc hơn. Hậu quả của cuộc khủng hoảng là vô cùng tàn khốc đối với mọi tầng lớp nhân dân, trước hết là công nhân và nông dân. Một phần ba công nhân thất nghiệp. Riêng miền Bắc có đến 25.000 công nhân bị sa thải trong đó gần một nửa là số công nhân mỏ. Các tầng lớp nông dân khác cũng trở nên khốn đốn vì khủng hoảng kinh tế. Tiểu thương, tiểu chủ sống thoi thóp. Địa chủ nhỏ bị sa sút, giai cấp tư sản mới ngoi lên trong một thời gian ngắn, gặp thời buổi khó khăn nên một số bị phá sản.

b. Cao trào cách mạng 1930 - 1931 và Xô Viết Nghệ Tĩnh

- Mở đầu từ khi hợp nhất, Đảng Cộng sản Việt Nam đã trở thành một chính đảng thống nhất về tổ chức và đúng đắn về Cương lĩnh chính trị, đã nhanh chóng tập hợp lực lượng, phát động và lãnh đạo quần chúng nhân dân.

Hàng loạt cuộc đấu tranh của công nhân cùng với các cuộc đấu tranh của giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động lao động khác nổ ra như: công nhân các nhà máy xi măng Hải Phòng, công nhân đồn điền cao su Dầu Tiếng, 3.000 công nhân đồn điền cao su Phú Riềng, nhà máy cưa Bến Thủy, nhà máy đóng tàu Ba Son...

Những cuộc đấu tranh đó là khúc dạo đầu của cao trào cách mạng rộng lớn dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Nhân ngày quốc tế lao động 1/5 lần đầu tiên một phong trào đấu tranh với quy mô toàn quốc được phát động.

+ Ở Nam kỳ: công nhân nhà máy điện chợ quán Sài Gòn, nhà máy xe lửa ở Dĩ An đấu tranh. Các cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân các huyện như huyện Cao Lãnh, huyện Chợ Mới và nông dân các tỉnh Cần Thơ, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre, Mỹ Tho biểu tình đòi giảm thuế bỏ sưu.

+ Ở Trung Kỳ: nông dân các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Khánh Hòa, Bình Thuận đã nổi dậy đấu tranh.

+ Ở Bắc kỳ: khu mỏ Hồng Gai trở thành nơi đấu tranh quyết liệt giữa các công nhân và giới chủ. Cuộc đấu tranh của nông dân diễn ra ở Thái Bình, Hà Nam, Kiến An.

Ở Nghệ Tĩnh, phong trào đấu tranh bùng nổ vào sáng ngày 1/5 với sự tham gia của công nhân khu công nghiệp Vinh - Bến Thủy và nông dân các huyện lân cận đòi tăng lương, giảm giờ làm, bỏ sưu giảm thuế, chống khủng bố, ủng hộ cuộc đấu tranh của công nhân dệt Nam Định, ủng hộ Liên bang Xô Viết.

Tháng 9, phong trào đấu tranh đã lên đến đỉnh điểm. Ngày 1/9/1930, 20.000 nông dân Thanh Chương biểu tình đòi giảm thuế, thả tù chính trị. Lính Pháp nổ súng vào đoàn biểu tình, những đoàn người biểu tình kết thành đội ngũ tiến vào huyện đường, phá nhà giam, giải phóng tù nhân, đốt dinh tri huyện cùng với các giấy tờ, sổ sách trong đó. Bọn lý hào, địa chủ chạy trốn. Nhân dân xã Võ Liệt (Thanh Chương) tự đứng ra tổ chức, điều hành công việc trong thôn xã.

Ngay từ khi ra đời, chính quyền mới đã ban hành những chủ trương, chính sách có lợi cho người lao động.

Như *về chính trị:* ban bố quyền tự do dân chủ cho người dân, quyền tự do hội họp và sinh hoạt cho các tổ chức đoàn thể như Nông hội, Tự vệ đỏ, Cứu tế đỏ...

Về kinh tế: chia ruộng đất công cho dân cày nghèo, bỏ các thứ thuế vô lý, thực hiện giảm tô, xóa nợ...

Về văn hóa - xã hội: tổ chức các lớp học chữ quốc ngữ, xóa bỏ các tệ nạn xã hội, các hủ tục, tổ chức sinh hoạt tập thể như đọc sách báo cách mạng, tổ chức những hoạt động văn hóa với những nội dung mới.

Tháng 10 năm 1930, Ban chấp hành Trung ương lâm thời họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng (Trung Quốc). Hội nghị quyết định đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Đông Dương, thông qua Luận cương chính trị, bầu Ban Chấp hành Trung ương do đồng chí Trần Phú làm Tổng Bí thư. Luận cương đã xác định: *"Giai cấp vô sản và nông dân là hai lực lượng chính, nhưng vô sản có cầm quyền lãnh đạo thì cách mạng mới thắng lợi được"*. Và cuối cùng, Luận cương đã xác định phương pháp giành chính quyền là khởi nghĩa vũ trang.

c. Sự phục hồi phong trào cách mạng

Trong hoàn cảnh đen tối của cuộc cách mạng, từ cuối năm 1931, trước sự khủng bố ác liệt của thực dân Pháp, cách mạng Việt Nam gặp nhiều khó khăn và tạm thời lắng xuống. Hàng vạn người bị bắt, bị kết án, bị giam cầm. Từ năm 1930 - 1933, thực dân Pháp đã bắt giam 246.532 người. Riêng nhà tù Côn Đảo, trong những năm 1930 - 1935, 833 tù chính trị đã bị tra tấn, hành hạ đến chết. Ở ngục Kon Tum, 300 tù nhân bị thủ tiêu. Nhưng những người bị giam cầm trong nhà tù thực dân đã *"biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng"*.

Từ năm 1932 đến năm 1935, những người cộng sản hoạt động hợp pháp sử dụng báo chí công khai tiến hành các cuộc đấu tranh chống lại các quan điểm chính trị, triết học, văn học, nghệ thuật của tư sản, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin.

Đại hội lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Ma Cao (Trung Quốc) từ ngày 27 đến ngày 31 tháng 3 năm 1935 với sự hiện diện của 13 đại biểu thay mặt cho 600 đảng viên trong nước và đang hoạt động ở nước ngoài. Đại hội đã thông qua Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng, các Nghị quyết về Công vận, Nông vận, về công tác Liên minh phản đế, về công tác trong các dân tộc thiểu số.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I của Đảng Công sản Đông Dương tháng 3 -1935 đánh dấu sự khôi phục hệ thống tổ chức Đảng và phong trào cách mạng Việt Nam.

d. Cuộc vận động dân chủ (1936 - 1939)

Đời sống nhân dân cả nước vẫn rất khó khăn, lương công nhân thời kỳ này thấp hơn so với thời kỳ trước khủng hoảng. Ở nông thôn cuộc sống vẫn tối tăm, số vô sản ở nông thôn ngày càng đông và dường như không có lối thoát. Ở thành thị dân cư đông đúc lên và sống nghẹt thở với thuế khoá nặng nề.

Trước tình hình thế giới và đất nước có nhiều biến đổi. Tháng 7/1936, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng do đồng chí Lê Hồng Phong, Ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản chủ trì, đã họp tại Hương Cảng (Trung Quốc) để định ra đường lối và phương pháp đấu tranh mới đưa phong trào đấu tranh cách mạng nước ta tiếp tục phát triển. Hội nghị đã xác định mục tiêu chủ yếu trước mắt của cuộc cách mạng là đấu tranh ở Việt Nam, chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít và đòi tự do dân chủ, cơm áo và hòa bình; để tập hợp rộng rãi quần chúng nhân dân nhằm thực hiện được mục tiêu đó, Đảng chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương. Tháng 3/1938, được đổi thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Hội nghị Trung ương tháng 7/1936 là sự vận dụng sáng tạo Nghị quyết Đại hội VII Quốc tế Cộng sản vào hoàn cảnh cụ thể lịch sử đất nước ta, kết hợp hình thức đấu tranh phong phú, tạo ra một phong trào cách mạng rầm rộ và sâu rộng trên quy mô toàn quốc.

Tinh thần đấu tranh của các tầng lớp diễn ra mạnh mẽ, đã buộc nhà cầm quyền Đông Dương ra Nghị định ngày 11/10/1936 quy định một số quyền lợi của công nhân như: thời gian làm việc không quá 8 giờ/ngày kể từ ngày 1/1/1938; công nhân được nghỉ ngày chủ nhật và nghỉ phép năm có lương, cấm phụ nữ và trẻ em làm việc ban đêm.

Dựa trên cơ sở pháp lý đó, nhân dân lao động đấu tranh với giới tư bản và chính quyền thuộc địa nhằm từng bước cải thiện điều kiện lao động và sinh hoạt của mình.

Những năm 1936 - 1939 là thời kỳ có nhiều nét mới trong đời sống văn hóa tư tưởng của đất nước. Ở thời kỳ này, Đảng Cộng sản Đông Dương đã triệt để sử dụng báo chí công khai làm công cụ tuyên truyền hết sức sắc bén. Cùng với sự nở rộ báo chí cách mạng công khai, các nhà xuất bản của Đảng ta và Đảng Cộng sản Pháp đã in và phát hành nhiều tập sách về chủ nghĩa Mác, về duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, những tập sách giới thiệu về Liên Xô, về cách mạng Trung Quốc, về Mặt trận nhân dân Pháp, về Mặt trận nhân dân Tây Ban Nha,...

Kinh nghiệm quý báu nhất của thời kỳ 1936 - 1939 - một thời kỳ có một không hai ở thuộc địa - là biết triệt để lợi dụng mọi khả năng hợp pháp để tập hợp lực lượng tổ chức đội quân chính trị hùng hậu trong Mặt trận Dân chủ Đông Dương, kết hợp khéo léo, chặt chẽ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp với hoạt động bí mật và không hợp pháp để từng bước đưa phong trào tiến lên. Vì vậy, nếu như cao trào cách mạng 1930 - 1931 là cuộc tổng diễn tập đầu tiên thì cao trào cách mạng 1936 - 1939 là cuộc tổng diễn tập thứ hai cho thắng lợi cho Cách mạng Tháng Tám sau này.

2. Tình hình Việt Nam trong những năm 1939 - 1945

a. Tình hình chính trị

Ngày 22/9/1940, lợi dụng sự thất thủ và đầu hàng của các đế quốc có thuộc địa ở châu Á, phát xít Nhật nhanh chóng cướp lấy thuộc địa, nô dịch nhiều dân tộc ở khu vực này, ba tháng sau khi Pháp đầu hàng phát xít Đức, Nhật Bản cho quân vượt biên giới Việt - Trung đánh vào Lạng Sơn, đồng thời cho 6.000 quân theo đường biển đổ bộ lên Đồ Sơn (Hải Phòng), chính thức xâm lược Đông Dương. Thực dân Pháp ở đây đã nhanh chóng đầu hàng và dâng Đông Dương cho Nhật. Từ đó nhân dân Việt Nam sống rên xiết dưới ách áp bức Nhật - Pháp.

b. Tình hình kinh tế - xã hội

Về kinh tế, với Hiệp ước Tokyo ngày 06/05/1941, Pháp thừa nhận địa vị ưu đãi đặc biệt của Nhật trong quan hệ kinh tế với Đông Dương. Thực chất Đông Dương là thị trường độc chiếm của Nhật, quân Nhật cướp ruộng đất của nông dân nhổ lúa trồng đay và thầu dầu phục vụ nhu cầu chiến tranh.

Là một nước nông nghiệp lạc hậu Việt Nam phải cung cấp lương thực, thực phẩm, tài nguyên thiên nhiên phục vụ cuộc chiến tranh của cả Nhật

lẫn Pháp nên nền kinh tế nông nghiệp bị suy sụp, công nghiệp nhẹ và các ngành thủ công nghiệp bị sa sút nền kinh tế Đông Dương dưới thời Pháp - Nhật thật ảm đạm, tiêu điều.

- *Giai cấp công nhân:* bị tước đoạt những thành quả mà họ đã giành được trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ.

- *Giai cấp nông dân:* bị kiệt quệ bởi sưu cao thuế nặng. Ruộng đất bị cướp đoạt, tài sản bị vơ vét phục vụ chiến tranh. Hầu hết nhân dân lao động bị đói khổ cùng cực.

- *Giai cấp tiểu tư sản:* bị đẩy vào ngõ cụt. Nhiều tiểu thương tiểu chủ bị phá sản phải đóng cửa hàng, cửa hiệu, xưởng sản xuất, đội ngũ viên chức bị cắt lương.

- *Giai cấp tư sản:* có sự phân hóa sâu sắc bộ phận tư sản mại bản lợi dụng chiến tranh làm giàu phục vụ đắc lực cho chủ nghĩa đế quốc. Bộ phận tư sản dân tộc bị phá sản do chính sách kinh tế thời chiến của Nhật - Pháp.

- *Giai cấp địa chủ phong kiến:* có sự phân hóa rõ rệt đại địa chủ, kẻ thân Nhật, kẻ thân Pháp lợi dụng chiến tranh làm giàu bằng việc đầu cơ tích trữ, ruộng đất vào tay mình. Số địa chủ vừa và nhỏ bị phá sản nên họ chán ghét chiến tranh lên án chính sách thời chiến của Nhật - Pháp ở Đông Dương.

c. Tình hình văn hóa tư tưởng

Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng giữa các lực lượng yêu nước với bọn phát xít diễn ra gay gắt. Đối lập với tư tưởng và chính sách văn hóa phản động của phát xít Nhật, Pháp. Đảng Cộng sản Đông Dương và các lực lượng yêu nước tiến bộ chăm lo đến một nền văn hóa dân tộc và cách mạng. Như các tờ báo bí mật *Việt Nam độc lập, Cờ giải phóng, Cứu quốc* đã có tác dụng trong việc hướng dẫn và định hướng đấu tranh cho nhân dân nhằm mục đích *"Đoàn kết dân tộc đánh Pháp đuổi Nhật"*. Đặc biệt, Đảng đã công bố Đề cương văn hóa Việt Nam có ý nghĩa như một cương lĩnh của Đảng trên mặt trận văn hóa.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Thời kỳ 1931 - 1940

Sau khi thoát khỏi nhà tù Hồng Kông, trở lại Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc liên tiếp được cử đi học và không giao nhiệm vụ gì.

- Tại Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản (năm 1935), Nguyễn Ái Quốc chỉ được dự mấy ngày cuối của Đại hội với tư cách là đại biểu dự thính, mặc dù là đại biểu chính thức của Đảng Cộng sản Đông Dương đi dự Đại hội nhưng vì những lý do nào đó nên không được dự vào đại biểu chính thức.

- Trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh thế giới mới, Đimitơrốp- Chủ tịch mới của Ban Chấp hành Đảng Cộng sản, trong báo cáo chính trị *"Sự tấn công của chủ nghĩa phát xít và những nhiệm vụ của*

Quốc tế Cộng sản trong cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống chủ nghĩa phát xít" đã nghiêm khắc tự phê bình về những sai lầm "tả" khuynh trong Nghị quyết Đại hội VI Quốc tế Cộng sản, cho đó là "biệt phái", "hẹp hòi", ảnh hưởng đến sự thống nhất hành động với phái tả trong Đảng xã hội Dân chủ để thành lập *"Mặt trận thống nhất của giai cấp công nhân"* cũng như ảnh hưởng của việc tập hợp, thụ hút mọi lực lượng dân tộc dân chủ, hình thành *"Mặt trận nhân dân chống phát xít..."*. Tại Đại hội VII, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Pháp cũng đã đọc bản báo cáo nổi tiếng phê phán xu hướng biệt phái trong Đảng Cộng sản Pháp và chủ trương thành lập Mặt trận bình dân trên cơ sở tập hợp các lực lượng của Đảng Cộng sản, Đảng xã hội Dân chủ và Cánh tả của Đảng cấp tiến.

- Dưới ánh sáng của Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, Đảng ta đã có chuyển biến về đường lối và sách lược, tức là trên thực tế trở về với tư tưởng, đường lối sách lược, mà Nguyễn Ái Quốc đã vạch ra từ khi mới thành lập Đảng. Bài: *"Chung quanh vấn đề chính sách mới"* (tháng 10 - 1936) có đoạn viết: *"Những người cộng sản Đông Dương... hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin và thực hành chủ nghĩa Mác - Lênin theo điều kiện thực hiện ở Đông Dương... chiến sách mới của Đảng là chiến sách theo điều kiện thực hiện ở xứ Đông Dương, theo kinh nghiệm tranh đấu của Đảng, học kinh nghiệm của Quốc tế Cộng sản và kinh nghiệm của cuộc vận động cộng sản thế giới, không phải đem kinh nghiệm xứ này sang xứ khác một cách như máy..."*. Đó là một bước tiến trong tư duy lý luận độc lập, sáng tạo của Đảng ta.

Từ đó cách mạng Việt Nam có bước chuyển hướng trong việc giải quyết mối quan hệ dân tộc và giai cấp. Nghị quyết Khoáng đại Hội Nghị của toàn thể Ban Trung ương- Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 09/1937) đã viết: *"Các đồng chí mắc phải cái bệnh thiên về thợ thuyền lao động quá, có khi chỉ biết có đám người ấy thôi mà quên hết cả quyền lợi của các từng lớp, các giai cấp khác, quyền lợi chung của dân tộc cần phải bênh vực. Các đồng chí trong Đảng phải hiểu rằng Đảng ta chẳng những là kẻ bênh vực và lãnh đạo cho giai cấp vô sản mà thôi mà cũng là kẻ bênh vực và lãnh đạo cho cả toàn thể dân chúng nữa. Đảng phải làm tròn vai trò ấy"*.

Và đồng thời nhấn mạnh: *"Khoáng đại Hội nghị nhắc lại cho các đồng chí biết rằng trong giai đoạn hiện tại, ta chưa ở vào tình thế trực tiếp cách mạng mà ở vào thời kỳ tranh đấu đòi các điều cải cách và đòi những điều tự do dân chủ cho toàn nhân dân, nên Đảng lãnh đạo quần chúng tranh đấu phải tránh những hành động kịch liệt, bạo động, có thể khiêu khích cho quân thù khủng bố vô ích. Các đồng chí phải đặc biệt chú ý đề phòng những mưu mô khiêu khích của bọn tờrốtkít đề xướng những khẩu hiệu thật cao, những hình thức kịch liệt để chia rẽ lực lượng và làm cớ cho quân thù phá hàng ngũ tranh đấu và tổ chức quần chúng. Trong các cuộc tranh đấu, phải tuỳ theo tinh thần và lực lượng quần chúng, dò xét thái độ của địch nhân và liệu cơ tiến thoái. Phải biết dưỡng sức cho quần chúng và nhiều khi phải*

biết lợi dụng các điều thắng lợi từng phần mà kết liễu cuộc tranh đấu để giữ lấy ảnh hưởng. Khoáng đại Hội nghị nhận rằng trong lúc này, nhiệm vụ căn bản của Đảng là tổ chức Mặt trận nhân dân thống nhất Đông Dương, nên các đảng bộ lãnh đạo quần chúng tranh đấu phải khôn khéo tránh những phong trào cô độc, biệt phái, có thể trở ngại cho sự thành lập mặt trận ấy, phải làm sao cho những phong trào của thợ thuyền và dân cày đi khít với nhau và thâm nhập vào phong trào dân chúng thống nhất Đông Dương".

- Trước tình hình xã hội Việt Nam ngày 06/06/1938, Nguyễn Ái Quốc viết thư cho một đồng chí trong Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản bày tỏ tâm trạng và nguyện vọng được về nước hoạt động. Phòng tổ chức của cán bộ Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, nơi Nguyễn Ái Quốc công tác, đã ra quyết định số 19, từ ngày 29/09/1938, Người rời khỏi biên chế của Viện để về nước hoạt động.

- Sự chuyển hướng đó được thể hiện tiếp tục trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6 tháng 11/1939, lần thứ 7 tháng 11/1940. Đặc biệt đến Hội nghị Trung ương lần thứ 8 tháng 5/1941, Nguyễn Ái Quốc đã về nước trực tiếp chủ trì đã khẳng định dứt khoát chủ trương chiến lược: Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc cao hơn hết, tạm gác nhiệm vụ cách mạng ruộng đất lại. Từ đấy tư tưởng của Người trở thành linh hồn ngọn cờ chỉ đạo của Đảng ta và cách mạng Việt Nam.

- Thực tiễn cách mạng đã chứng minh quan điểm của Nguyễn Ái Quốc trong *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* là hoàn toàn đúng đắn. Chúng ta cần nói rõ vấn đề này để hiểu rõ hơn nữa tư tưởng của Người. Cho đến nay đã xác định *Chánh cương vắn tắt với Sách lược vắn tắt* trong Hội nghị hợp nhất Đảng tháng 2/1930 thông qua là Cương lĩnh đầu tiên của Đảng ta.

2. Giai đoạn chuẩn bị khởi nghĩa và tổng khởi nghĩa giành chính quyền 1941 - 1945

Sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, trước những yêu cầu mới của tình hình thế giới và trong nước, tháng 01/1941, Người vượt biên giới Việt - Trung về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- Tháng 5/1941, Người đã chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ VIII lịch sử. Hội nghị đã đánh dấu những chuyển biến mới của tình hình và đưa ra nhận định hết sức quan trọng về mối quan hệ đúng đắn về dân tộc và giai cấp: *"Trong lúc này nếu không giải quyết vấn đề dân tộc giải phóng không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những cho toàn thể quốc gia dân tộc còn mãi chịu kiếp ngựa trâu mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được"*. Hội nghị đã dứt khoát khẳng định sự chuyển hướng chiến lược: Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc cao hơn hết, là nhiệm vụ trước tiên, tạm gác nhiệm vụ điền địa cách mạng lại. Từ đó Hội nghị đề ra chủ trương thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất

rộng rãi, lấy tên là *"Việt Nam độc lập đồng minh"*, gọi tắt là Mặt trận Việt Minh, nhằm đoàn kết tập hợp mọi lực lượng yêu nước, chống đế quốc, giành lại độc lập cho dân tộc, không phân biệt giai cấp, dân tộc, tôn giáo... để chuẩn bị tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Dưới sự chỉ đạo sáng suốt của Người và Thường vụ Trung ương Đảng, công tác tuyên truyền vận động cách mạng, tổ chức và xây dựng lực lượng - cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang; xây dựng và mở rộng căn cứ địa cách mạng... được đẩy mạnh. Người cùng với Đảng đã nhạy bén sáng suốt phân tích tình hình thế giới, trong nước, nắm bắt và vận dụng thời cơ, kịp thời phát động tổng khởi nghĩa, một cuộc tổng khởi nghĩa toàn dân chưa từng có trong lịch sử, đưa đến thắng lợi vĩ đại của cách mạng tháng Tám.

- Ngày 2 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập tại Quảng trường Ba Đình.

Bản Tuyên ngôn đã trịnh trong tuyên bố trước quốc dân và thế giới về sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước do nhân dân làm chủ đầu tiên ở Đông Nam Á. Bản Tuyên ngôn cũng đã phát triển tư tưởng dân quyền, nhân quyền, đi đến khẳng định quyền tự do của các dân tộc và nói lên ý chí của toàn dân quyết đem tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp 15 năm đấu tranh liên tục của Đảng, là thắng lợi đầu tiên của tư tưởng Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam.

Bản sơ thảo

CHƯƠNG IV.
VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1945 - 1954 VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

I. TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ vừa ra đời đã phải đối phó với nhiều kẻ thù. Ở miền Bắc với danh nghĩa đồng minh giải giáp quân Nhật, 20 vạn quân Tưởng vào đóng quân từ vĩ tuyến 16 đến biên giới Việt - Trung. Quân Tưởng tìm mọi cách lật đổ chính quyền cách mạng, tạo điều kiện cho lực lượng tay sai nắm quyền.

Với danh nghĩa giải giáp quân Nhật, quân đội Anh vào đóng ở miền Nam đã giúp quân Pháp trở lại xâm lược Việt Nam. Họ trang bị lại vũ khí cho cả quân Nhật để sử dụng chúng tiếp sức cho Pháp. Được ủng hộ của quân đội Anh, ngay trong ngày 2/9/1945 quân Pháp đã nổ súng giết hàng chục người khi đồng bào ta mít tinh mừng ngày độc lập ở Sài Gòn. Ngày 23/9/1945, Pháp tiến công Sài Gòn, mở đầu cuộc xâm lược nước ta lần hai.

Sự hiện diện và hoạt động của hàng chục quân Tưởng, Anh, Pháp, Nhật trên đất nước ta đã tạo điều kiện cho tay sai của chúng gồm Việt Quốc, Việt Cách chống phá cách mạng ráo riết, tình hình phức tạp cùng lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù đã đặt ra muôn vàn khó khăn cho chính thể Cộng hòa non trẻ của Việt Nam.

Trong khi đó nền kinh tế Việt Nam kiệt quệ, tiêu điều bởi hậu quả của chính sách cai trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật, mọi ngành kinh tế ngừng trệ, bế tắc. Tài chính quốc gia trống rỗng, các loại tiền mất giá của quân đội Tưởng được tung vào thị trường càng làm cho tài chính Việt Nam khó khăn hơn. Nạn đói năm 1945 làm gần 2 triệu người chết chưa khắc phục xong thì nguy cơ nạn đói mới lại đe dọa nhân dân. Chế độ thực dân để lại nhiều hậu quả xã hội nặng nề. Nổi bật nhất là trên 90% nhân dân mù chữ.

Cách mạng vừa thành công, thể chế dân chủ cộng hòa chưa được củng cố, đã phải đương đầu với khó khăn từ mọi phía. Đây là thời kỳ vận mệnh dân tộc ở thế *"ngàn cân treo sợi tóc". Giặc đói, giặc dốt* và *giặc ngoại xâm* từng phút đe dọa sự tồn vong của chính quyền cách mạng Việt Nam. Đây chính là thời kỳ mà Đảng, Nhà nước và Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra đường

lối chiến lược và sách lược đúng đắn, phát huy sức mạnh của toàn dân trong quá trình bảo vệ và phát triển thành quả cách mạng.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Sau khi giành được độc lập, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đứng trước những khó khăn chồng chất. Trước tình cảnh đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng một mặt lãnh đạo đồng bào Nam bộ kháng chiến, mặt khác ra sức củng cố và phát triển Đảng, củng cố chính quyền non trẻ, gấp rút phát triển lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang nhân dân, kêu gọi nhân dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất để chống giặc đói, phát động phong trào chống nạn mù chữ nhằm diệt giặc dốt. Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương phải sớm tổ chức tổng tuyển cử để bầu Quốc hội, xây dựng Hiến pháp, lập ra Chính phủ chính thức. Người vận động lập "Quỹ độc lập", tổ chức "Tuần lễ vàng", mở rộng các đoàn thể cứu quốc, động viên phong trào Nam tiến... Các cuộc vận động đó đã trở thành các phong trào cách mạng của quần chúng và đã đạt được những kết quả rực rỡ trong những ngày đầu của cách mạng.

Về đối ngoại, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã vận dụng sách lược mềm dẻo, khôn khéo, ký Hiệp định Sơ bộ (6/3), Tạm ước (14/9), với những nhân nhượng cần thiết để tranh thủ thời gian, chuẩn bị lực lượng, đi vào cuộc kháng chiến lâu dài. Đó là những chủ trương, biện pháp cực kỳ đúng đắn, sáng suốt, đã đưa con thuyền cách mạng nước ta vượt qua những thác ghềnh hiểm nghèo. Nhờ vậy mà chính quyền cách mạng trong nước được giữ vững và toàn dân ta có thể bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc (tháng 11/1946) với tư thế sẵn sàng và lòng tin sắt đá: kháng chiến lâu dài và niềm tin thắng lợi.

Những tư tưởng của Người về kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, về chiến tranh nhân dân, về kháng chiến đi đôi với kiến quốc đã trở thành cơ sở cho đường lối kháng chiến của Đảng ta. Năm 1951, do yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng để đẩy mạnh kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng ta quyết định triệu tập Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng, đưa Đảng ra công khai dưới tên là Đảng Lao động Việt Nam, đồng thời giúp Lào và Campuchia thành lập ở mỗi nước một đảng riêng để lãnh đạo cách mạng của mỗi dân tộc. Đại hội đã thông qua cương lĩnh mới, Điều lệ mới giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, giữa cách mạng dân tộc và cách mạng dân chủ, do đó đã động viên được toàn dân đẩy mạnh kháng chiến, đưa đến chiến thắng ở Điện Biên Phủ lịch sử, đánh bại chủ nghĩa thực dân Pháp mở đầu cho sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới.

Theo hiệp định Giơnevơ, miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, nước ta tạm chia cắt làm hai miền, sau hai năm sẽ tiến hành tổng tuyển cử hoà bình thống nhất Tổ quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã nắm chắc bản

chất của chủ nghĩa đế quốc nên đã sớm xác định kẻ thù chính của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là chủ nghĩa đế quốc Mỹ, nêu rõ cách mạng Việt Nam có hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.

Bản sao lưu trữ

CHƯƠNG V.
VIỆT NAM TỪ SAU NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1969 VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

I. VIỆT NAM TRONG CUỘC XÂY DỰNG MIỀN BẮC VÀ ĐẤU TRANH CHỐNG MỸ - DIỆM Ở MIỀN NAM

1. Công cuộc xây dựng miền Bắc

a. Giai đoạn tiếp quản miền Bắc (1954 - 1960)

Khi tiếp quản miền Bắc theo Hiệp định Giơnevơ, thực dân Pháp cùng đế quốc Mỹ tiến hành nhiều hoạt động nhằm chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Ta và địch tiến hành trao trả hàng vạn tù binh, 15 vạn cán bộ chiến sĩ miền Nam tập kết ra Bắc. Miền Bắc bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

b. Khôi phục kinh tế và phát triển văn hóa (1955 - 1957)

- *Nông nghiệp:* thực hiện cải cách ruộng đất trong những năm 1954 - 1956, không chỉ nhằm thực hiện nhiệm vụ cách mạng dân chủ, chia ruộng đất cho nông dân, mà còn có ý nghĩa quyết định trong khôi phục và phát triển kinh tế nông nghiệp.

- *Công nghiệp:* hầu hết các cơ sở sản xuất cũ được khôi phục, hơn 50 cơ sở mới, chủ yếu thuộc ngành sản xuất tiêu dùng được xây dựng. Bên cạnh việc xây dựng cơ sở quốc doanh, khu vực công nghiệp tư nhân bao gồm các cơ sở sản xuất tư bản tư doanh và tiểu thủ công nghiệp được khuyến khích phát triển sản xuất.

- *Ngành văn hóa giáo dục:* phát triển hệ thống giáo dục từ phổ thông đến đại học được tiêu chuẩn hóa một bước. Năm 1956 -1957 có gần 1 triệu học sinh phổ thông, hơn 600 ngàn học sinh vỡ lòng, 2.984 sinh viên đại học, 8.000 học sinh chuyên nghiệp trung cấp. Hơn 1 triệu người được xóa nạn mù chữ.

- *Hệ thống y tế:* chăm sóc sức khỏe cho người dân được Nhà nước quan tâm xây dựng.

c. Thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958 - 1960)

- Hội nghị lần thứ 14 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 11 năm 1958 vạch chủ trương thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế tư bản tư doanh, tiểu thương, tiểu chủ, thợ thủ công và nông cá thể.

Văn hóa giáo dục cũng thu được nhiều thành tựu to lớn. Hệ thống y tế chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng phát triển khá nhanh.

Hệ thống chính trị được củng cố hoàn thiện. Hiến pháp mới của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được ban hành ngày 1/1/1960. Cơ quan hành chính từ Trung ương đến các cơ sở tuy giảm về số lượng biên chế nhưng hiệu quả công tác lại được nâng cao hơn trước.

d. Thời kỳ 1961 - 1965

Đường lối xây dựng được Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (tháng 9/1960) khẳng định: Phải đưa miền Bắc *"Tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội"*.

- Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965): *"Phấn đấu xây dựng bước đầu cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và hoàn thiện công cuộc xã hội chủ nghĩa"*.

Nhìn chung, trên các lĩnh vực kinh tế, giáo dục, văn hóa, y tế, quốc phòng đã phát triển vượt bậc so với trước thời kỳ giải phóng.

e. Thời kỳ chuyển hướng xây dựng kinh tế miền Bắc và chi viện cho miền Nam (1965 – 1969)

Nghị quyết 11, 12 (tháng 3 và 12/1965), nhấn mạnh miền Bắc là hậu phương lớn của tiền tuyến lớn, công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của toàn Đảng, toàn dân.

Công cuộc xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội vẫn đạt chỉ tiêu so với thời gian trước. Như trong nông nghiệp, nông dân vào sản xuất tập thể ngày càng cao, số học sinh trong giáo dục ở các cấp cũng tăng nhanh: Học sinh trung học chuyên nghiệp tăng gấp ba lần, sinh viên các trường đại học tăng hai lần trong những năm 1965 - 1968. Hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân và phục vụ chiến đấu ngày càng phát triển nhanh. Năm 1969 là năm miền Bắc tập trung lực lượng cao nhất để khắc phục hậu quả chiến tranh sau 4 năm bị Mỹ bắn phá, nhiều cơ sở kinh tế hạ tầng kiến trúc của miền Bắc bị tàn phá nặng nề.

2. Đấu tranh chống Mỹ - ngụy ở miền Nam

a. Quá trình áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam

Tháng 3/1956, Mỹ - Diệm tổ chức bầu cử quốc hội ở miền Nam lập chế độ *"Việt Nam Cộng hòa"* do Diệm làm Tổng thống. Sự kiện Mỹ - Diệm lập quốc gia *"Độc lập" "Dân chủ"* ở miền Nam là cột mốc đánh dấu Mỹ đã áp đặt xong thể chế chính trị hoàn toàn phụ thuộc Mỹ ở miền Nam.

Miền Nam có vị trí quan trọng trong chiến lược toàn cầu của Mỹ. Mục tiêu của Mỹ ở đây là biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự, ngăn chặn *"làn sóng đỏ"* đang phát triển ở khu vực Đông Nam Á, chống lại phong trào giải phóng dân tộc đang bùng nổ ở khu vực này.

b. Phong trào đấu tranh ở miền Nam trong những năm 1954 - 1956

Khẩu hiệu đấu tranh chính của nhân dân miền Nam trong thời kỳ này là đòi Mỹ- Diệm phải thả tù chính trị, đòi thực hiện hiệp thương, tổng tuyển cử thống nhất đất nước như Hiệp định Giơnevơ.

Tuy mục tiêu đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử không thực hiện được bởi Mỹ - Diệm ngoan cố chia cắt nước ta, nhưng phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam, của đồng bào đô thị đã thể hiện rằng thống nhất đất nước là nguyện vọng sâu sắc thiêng liêng của cả nước. Với kẻ thù mới nhân dân miền Nam cần có phương hướng đấu tranh thích hợp để hoàn thiện mục tiêu cách mạng của mình.

c. Đấu tranh giữ gìn thực lực cách mang trong những năm 1957 - 1959

Để thực hiện *"tố cộng", "diệt cộng"*, Mỹ - Diệm dùng mọi chính sách, thủ đoạn tàn bạo, thâm độc. Chúng gom dân vào *"Khóm liên gia tương trợ", "Khu trù mật", "Khu Dinh điền"* để tách cán bộ chiến sĩ ra khỏi quần chúng cách mạng.

Đỉnh cao của chính sách khủng bố đối với người yêu nước của tập đoàn Mỹ - Diệm là ban hành luật 10/59. Với luật 10/59 tay sai Diệm thẳng tay đàn áp dã man những người yêu nước với phương châm: bắt, giết nhầm còn hơn bỏ xót.

Những năm 1957 - 1959, là thời kỳ khó khăn và tổn thất rất lớn của cách mạng Việt Nam. Hàng vạn cán bộ, đảng viên bị địch sát hại, hàng chục vạn đồng bào yêu nước bị tù đày. Cuộc đấu tranh quyết liệt của nhân dân miền Nam đòi hỏi cần có một giải pháp cấp bách để đưa cách mạng miền Nam vượt qua khó khăn, thực hiện thống nhất nước nhà.

d. Phong trào "Đồng Khởi" ở miền Nam

Tháng 1/1959, Hội nghị thứ 15 của Đảng đã họp ở Hà Nội bàn về cách mạng miền Nam, đây là Hội nghị lịch sử quyết định phương hướng phát triển của toàn bộ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Hướng phát triển của cách mạng miền Nam có thể như Cách mạng Tháng Tám. Từ khởi nghĩa từng phần tiến lên nhất loạt đập tan chính quyền địch.

Cuối tháng 8/1959, khởi nghĩa của nhân dân Trà Bồng bùng nổ, tạo ra bước thành công ban đầu của nhân dân địa phương.

Năm 1960, phong trào Đồng Khởi của quân và dân miền Nam thắng lợi đã mở ra bước ngoặt mới trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Chuyển thế cách mạng miền Nam từ giữ gìn lực lượng sang thế tiến công liên tục kẻ thù, thực hiện mục tiêu cách mạng là đập tan chế độ Mỹ - ngụy, giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc.

e. Đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ năm 1961 – 1965

Các cuộc chiến thắng của quân và dân ta ở Nam bộ và Tây Nguyên như chiến thắng Ấp Bắc, chiến thắng Bình Giã, Ba Gia, Đồng Xoài và thắng

lợi của nhiều chiến dịch khác có ý nghĩa lớn làm phá sản hoàn toàn chiến lược *"Chiến tranh đặc biệt"* của địch và có ý nghĩa chiến lược đối với toàn bộ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Đồng thời nó cũng báo hiệu chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ ở miền Nam đứng trước nguy cơ sụp đổ và là bước tiến vững chắc cho những thắng lợi tiếp theo.

g. Đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam 1965 - 1968

Với chiến thắng của những trận đánh đầu tiên ở Vạn Tường có ý nghĩa như trận Ấp Bắc đối với quân Mỹ, nó *"đã chứng tỏ một cách hùng hồn khả năng của ta đánh bại được quân Mỹ trong điều kiện chúng có ưu thế tuyệt đối về binh khí, hỏa lực"*. Đặc biệt, cuộc tiến công và nổi dậy đồng loạt trong năm 1968 là kết quả đỉnh cao của quân và dân ta đánh bại chiến lược *"Chiến tranh cục bộ"*, đập tan ý chí xâm lược miền Nam của Mỹ, buộc Mỹ phải đàm phán với ta chấm dứt ném bom không điều kiện ở miền Bắc và phải thay đổi chiến lược ở miền Nam.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15 đã đề ra đường lối đấu tranh cho cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân miền Nam và nhân dân cả nước, phản ánh đúng quy luật đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ đất nước.

- Năm 1960, tại Đại hội lần thứ III của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã động viên cả nước thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là *"Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà"* và nêu rõ: miền Bắc là hậu phương lớn, có vai trò quyết định nhất đối với cách mạng cả nước, miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp đối với việc hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ miền Nam.

- Năm 1964, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đẩy mạnh "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam và trắng trợn khiêu khích phá hoại miền Bắc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã triệu tập Hội nghị chính trị đặc biệt, một "Hội nghị Diên Hồng" trong thời đại mới, nêu rõ quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, khẳng định sự nghiệp đấu tranh giải phóng đất nước, thống nhất Tổ quốc là nhiệm vụ thiêng liêng của nhân dân ta trong cả nước. Người kêu gọi: *Mỗi người chúng ta phải làm việc bằng hai vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.*

- Năm 1965, trước thất bại của chiến lược *"Chiến tranh đặc biệt"*, đế quốc Mỹ đã chuyển sang chiến lược *"Chiến tranh cục bộ"*, ào ạt đưa quân Mỹ và chư hầu vào miền Nam, đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam và tăng cường chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân đối với miền Bắc. Chúng đã dùng mọi thủ đoạn, mọi phương tiện hiện đại, kể cả máy bay B52. Trước hành động leo thang xâm lược hết sức tàn bạo của đế quốc Mỹ, Người đã khẳng định: *"Dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta cũng kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn"*.

- Tháng 7/1966, sau khi cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất bị đánh bại, đế quốc Mỹ tiếp tục tăng quân đội và vũ khí, ráo riết chuẩn bị cuộc phản công lần thứ hai ở miền Nam và đánh ác liệt ở miền Bắc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ tọa cuộc họp của Hội đồng quốc phòng, Hội đồng quyết định những chủ trương lớn đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và Người đã ra lời kêu gọi đanh thép: *"Chúng có thể đưa 50 vạn quân, một triệu quân hoặc nhiều hơn nữa hoặc nhiều nữa... chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc có thể lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do".*

Hưởng ứng lời kêu gọi của Người, đồng bào và chiến sĩ ta từ hậu phương lớn đến tiền tuyến lớn, đã phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, với lòng tin tưởng tuyệt đối của Người, Đảng, với tinh thần dũng cảm, sáng tạo tuyệt vời, đã đoàn kết chiến đấu, lần lượt đánh thắng mọi chiến lược của kẻ thù trong cuộc chiến tranh dài ngày nhất, quy mô lớn nhất, mức độ ác liệt nhất và giành được thắng lợi vẻ vang nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta.

Trước lúc tạ thế, Người đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta bản Di chúc thiêng liêng. Bản Di chúc đã nói lên tình sâu nghĩa nặng của Người với nước, với dân; nói lên niềm tin tất thắng ở sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước; đề ra những phương sách lớn để xây dựng lại đất nước sau chiến tranh nhằm thực hiện mục tiêu: *"Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới".*

Di chúc là một bản tổng kết sâu sắc, nêu lên những nội dung cơ bản, những tư tưởng, tình cảm lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Bản *Di chúc* là những lời căn dặn cuối cùng đầy tâm huyết, thấm đượm tình người; một di sản tư tưởng vô cùng quý báu của dân tộc và nhân loại.

Với lòng kính yêu và thương tiếc vô hạn, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã ra sức phấn đấu thực hiện *Di chúc* của Người, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn, Tổ quốc thống nhất, Nam Bắc một nhà, cả nước chuyển sang giai đoạn cách mạng mới: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Phần thứ hai.

NGUYỄN ÁI QUỐC VỚI SỰ RA ĐỜI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Bản sao lưu trữ

Bản sao lưu trữ

CHƯƠNG I.
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Nguyễn Ái Quốc - người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam và là Người vạch ra cương lĩnh cách mạng, định hướng cho cách mạng Việt Nam đi từ Cách mạng Dân tộc Dân chủ Nhân dân tiến lên Cách mạng Xã hội Chủ nghĩa. Để làm sáng tỏ thêm công lao to lớn của Người đối với cách mạng Việt Nam, đặc biệt là vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là một mảng đề tài nhỏ ít có người nghiên cứu sâu sắc về những nội dung cơ bản nhất trong suốt quá trình đi tìm đường cứu nước cho đến khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

Với những hiểu biết về Đảng Cộng sản Việt Nam, về cuộc đời sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh, tác giả chia thành ba chương chính: ngoài phần mở đầu, kết luận và phụ lục; sử dụng phương pháp lịch sử kết hợp với phương pháp tổng hợp khi phân tích các sự kiện. Hi vọng sẽ làm sáng tỏ hơn nữa, sâu sắc hơn nữa về vai trò của người thanh niên Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930).

I. CƠ SỞ LÝ LUẬN

1. Học thuyết Mác - Ăngghen về Đảng Cộng sản

1.1. Sự cần thiết phải thành lập một đảng lãnh đạo

Các nhà sáng lập CNXHKH đã nêu rõ sự cần thiết phải thành lập chính đảng lãnh đạo - đội tiên phong của giai cấp vô sản. Trên cơ sở phân tích những sự kiện lịch sử trong cuộc đấu tranh của tư bản và vô sản thế kỷ XIX trong quỹ đạo của sự phát triển nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, Mác và Ăngghen đã chứng minh sự tất yếu của chủ nghĩa tư bản và sự tất yếu ra đời của chủ nghĩa cộng sản. Bên cạnh đó, hai ông cũng đã chỉ ra lực lượng để thay đổi chế độ này chính là giai cấp công nhân.

Trong quá trình hoạt động của mình, Mác và Ăngghen đã chứng minh một cách khoa học về vai trò lịch sử của giai cấp vô sản được quy định bởi những yếu tố khách quan tác động, cụ thể như sau:

Thứ nhất: Do địa vị khách quan trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa-nền đại công nghiệp phát triển. Giai cấp vô sản gắn liền với nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, là giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, trực tiếp là người lao động trong các cơ sở kinh tế chủ nghĩa tư bản.

Thứ hai: Khác với các giai cấp khác, giai cấp vộ sản không có tư liệu sản xuất, không có tài sản và quan trọng hơn đây là giai cấp bị bóc lột nặng nề, do đó đây là giai cấp có tinh thần đấu tranh cách mạng là triệt để.

Thứ ba: Mục đích của giai cấp vô sản là lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa, thiết lập chế độ mới - chế độ xã hội chủ nghĩa.

Thứ tư: Giai cấp vô sản gắn liền với nền sản xuất hiện đại, là giai cấp có tổ chức và kỷ luật cao nhất. Mặt khác, đây cũng là giai cấp duy nhất có khả năng lãnh đạo các giai cấp khác mà các giai cấp khác không có được.

Tất cả những yếu tố trên Mác và Ăngghen cho rằng đã quy định vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Mác và Ăngghen cho rằng: "Giai cấp vô sản chỉ có thể hoạt động với tư cách là một giai cấp khi nó được tổ chức lại thành một chính đảng riêng biệt" hay "Giai cấp vô sản có thể đủ mạnh và có thể giành được thắng lợi thì nó phải thành lập một đảng đặc biệt khác với tất cả các đảng khác và độc lập với các đảng khác và tự coi mình là đảng của giai cấp vô sản"

Mác và Ăngghen đã nêu nên những nhân tố cấu thành nên Đảng Cộng sản: "Đảng Cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp giữa CNXHKH và phong trào công nhân". Mác và Ăngghen đã tích cực truyên bá chủ nghĩa xã hội khoa học vào phong trào công nhân và tất yếu sẽ làm nảy sinh Đảng Cộng sản.

1.2. Bản chất giai cấp của Đảng

Trong Tuyên ngôn Đảng cộng sản Mác và Ăngghen cho rằng Đảng mang bản chất của giai cấp công nhân: *"Về mặt tư tưởng, những người cộng sản là bộ phận kiên quyết nhất của các đảng công nhân ở tất cả các nước, là bộ phận cổ vũ tất cả các bộ phận khác. Về mặt lý luận, họ hơn bộ phận còn lại của giai cấp vô sản ở chỗ họ hiểu rõ những điều kiện, tiến trình, kết quả chung của phong trào cộng sản".*

Chúng ta thấy hai ông đã nêu rõ Đảng cộng sản là đội tiên phong bao gồm những người tiên tiến, những người kiên quyết đấu tranh cho giai cấp mình. Điều đó thể hiện rất rõ bản chất giai cấp công nhân của Đảng.

1.3. Cơ sở tư tưởng của Đảng

Mác và Ăngghen đưa ra quan điểm Đảng Cộng sản phải lấy chủ nghĩa xã hội khoa học là cơ sở, nền tảng tư tưởng. Ngay từ những ngày đầu khi Mác và Ăngghen đánh giá tổ chức Đồng minh những người cộng sản, Ăngghen đã nhận xét: *"Đồng minh đã có thế giới quan khoa học mới làm cơ sở lý luận".*

Toàn bộ quá trình hoạt động của tổ chức cộng sản do Mác và Ăngghen sáng lập đều được xây dựng trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học.

1.4. Công tác xây dựng Đảng

Mặc dù Mác và Ăngghen chưa có điều kiện sống trong thời kỳ nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển để đưa ra một học thuyết về *Xây dựng đảng* một cách hoàn chỉnh nhưng hai ông cũng đã đưa ra một số quan điểm trong công tác *Xây dựng đảng:*

- *Về chính trị:* Mác và Ăngghen đã trình bày quan điểm, lý luận chung, nêu rõ mục đích, chiến lược, sách lược đấu tranh cách mạng của Đảng.

- *Về tư tưởng:* trong tuyên ngôn Đảng Cộng sản, Mác và Ăngghen đã xác định rõ lập trường, quan điểm của giai cấp vô sản, bác bỏ những tư tưởng thù địch đối với giai cấp vô sản, nêu rõ những sai lầm, dối trá của

những tư tưởng phong kiến, tiểu tư sản, tư sản... và những tư tưởng phản động khác khoác áo xã hội chủ nghĩa.

- *Về tổ chức:* các văn kiện của đồng minh những người cộng sản, Quốc tế thứ I và hoạt động thực tiễn của các tổ chức đó đã nói lên rằng cơ sở xây dựng các tổ chức đó là nguyên tắc tập trung dân chủ.

1.5. Cơ cấu tổ chức của Đảng

Việc tham gia vào Đảng Cộng sản, Mác và Ăngghen cho rằng có thể có nhiều thành phần, giai cấp khác nhau nhưng khi đã tham gia vào Đảng thì phải từ bỏ nguồn gốc xuất thân giai cấp của mình để đứng vào hàng ngũ của giai cấp vô sản.

1.6. Chủ nghĩa quốc tế của Đảng cộng sản

Lấy sức mạnh quốc tế của giai cấp vô sản để có thể chống lại sức mạnh quốc tế của giai cấp tư sản - Mác và Ăngghen phân tích sự cấu kết của chủ nghĩa tư bản thành sức mạnh quốc tế để đàn áp giai cấp công nhân, cho nên muốn chống lại và xóa bỏ giai cấp bóc lột mang tính quốc tế thì tất yếu thì phải đoàn kết lại với tính quốc tế thì mới có thể thắng lợi hoàn toàn.

Mác và Ăngghen cho rằng: *"Giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành chính quyền, phải tự mình giành lấy chính quyền trở thành dân tộc, cho nên họ vẫn có tính chất dân tộc,... dân tộc này không hoàn toàn hiểu theo nghĩa tư sản".*

Trong một quá trình hoạt động lâu dài phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Mác và Ăngghen đã đấu tranh không khoan nhượng đối với tư tưởng dân tộc tư sản hẹp hòi diễn ra trong các tổ chức cộng sản. Theo hai ông, sự ra đời của đảng tiên phong - Đảng Cộng sản nhằm lãnh đạo giai cấp công nhân là một yêu cầu bức thiết mà lịch sử đã đặt ra.

2. Học thuyết của Lênin về Đảng kiểu mới và Đảng cầm quyền

Lênin được sinh ra và lớn lên trong môi trường mà giai cấp tư bản phát triển mạnh mẽ. Sự cạnh tranh khốc liệt của chúng đã dẫn đến sự bần cùng hóa giai cấp vô sản. Do đó, Lênin có điều kiện tiếp tục kế thừa và phát triển quan điểm của Mác và Ăngghen lên một bước mới. Trong tác phẩm *"Một bước tiến hai bước lùi"* Lênin đã nêu lên vai trò của một đảng lãnh đạo giai cấp công nhân và những nguyên tắc hoạt động của nó. Đây là cơ sở hết sức quan trọng đối với việc Hồ Chí Minh quyết định thành lập một tổ chức đảng lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân lao động đấu tranh giành độc lập, tự chủ ở Việt Nam.

Lênin cho rằng Đảng mác-xít của giai cấp công nhân là đội tiên phong của giai cấp công nhân, lực lượng tiên phong của giai cấp công nhân. Lênin chỉ rõ: *"Đảng là bộ phận của giai cấp công nhân, nhưng không được lẫn lộn Đảng với giai cấp. Đảng phải đóng vai trò tiên phong, là bộ tham mưu chính trị của giai cấp công nhân".*

Trên cơ sở đó, Lênin phân tích: Đảng là đội ngũ có tổ chức của giai cấp công nhân, có kỷ luật bắt buộc các đảng viên phải noi theo. Người cho rằng: *"Giai cấp vô sản có thể trở thành và nhất định trở thành lực lượng chiến thắng chính về sự thống nhất của nó về mặt tư tưởng trên cơ sở các nguyên tắc của chủ nghĩa Mác được củng cố bằng sự thống nhất của tổ*

chức. Chính các tổ chức này đã đoàn kết hàng triệu người lao động vào quân đội của giai cấp công nhân".

Lênin nêu rõ: *"Kỷ luật trong đảng là kỷ luật sắt, ai cũng phải giữ vững".* Đảng phải là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân, giữ vai trò lãnh đạo, chỉ đường, dẫn lối cho tất cả các tổ chức khác của giai cấp công nhân và người lao động. Lênin đã nêu lên tầm quan trọng phải có một tổ chức lãnh đạo phong trào cách mạng: *"Không có tổ chức vững vàng lãnh đạo thì không thể có phong trào vững chắc được, hãy cho tôi một tổ chức của những người cộng sản, tôi sẽ làm đảo lộn cả nước Nga".*

Ngoài việc nêu lên chức năng, tầm quan trọng của Đảng Cộng sản, Lênin còn yêu cầu Đảng phải liên hệ chặt chẽ mật thiết với quần chúng; Lênin đã từng nói rằng: Chỉ trông chờ vào bàn tay của những người cộng sản để xây dựng xã hội cộng sản chỉ là một giọt nước trong đại dương nhân dân và họ chỉ giành được thắng lợi trong trường hợp dẫn dắt được quần chúng công nhân, nông dân và toàn thể nhân dân lao động đi theo mình thực hiện được mục đích đã đề ra: *"Nguy cơ xa rời quần chúng là một tai họa lớn đến với đảng, có khả năng giết chết sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội".*

Bên cạnh đó, Lênin còn nêu ra những nguyên tắc hoạt động của Đảng: *"Đảng phải được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ... có một chế độ tập trung chặt chẽ, kỷ luật nghiêm minh, nếu thiếu nó Đảng sẽ trở thành câu lạc bộ cãi vã hết sức chiến đấu".* Mặt khác, trong Đảng phải dân chủ, nếu không có dân chủ sẽ có nguy cơ thoái hóa thành một tổ chức quan liêu. Vì vậy, Đảng phải có một điều lệ duy nhất mà tất cả các đảng viên và lãnh tụ của Đảng đều phải nghiêm chỉnh chấp hành. Lênin cho rằng lợi ích đấu tranh của giai cấp vô sản ở một nước sẽ phục tùng lợi ích của cuộc đấu tranh trên phạm vi toàn thế giới. Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại chủ nghĩa tư bản mang tính quốc tế, do đó nó cũng phải đoàn kết quốc tế.

Lênin đã kế thừa và phát triển những quan điểm sơ khai của Mác và Ăngghen về Đảng cầm quyền, Lênin đã nêu ra nhiệm vụ quản lý xã hội là nhiệm vụ đầu tiên của Đảng cầm quyền và quản lý xã hội là nhiệm vụ khó khăn, nhưng vô cùng quan trọng của một Đảng cầm quyền: *"Đảng phải kết hợp hệ thống tổ chức mới, cực kỳ phức tạp và tinh tế bao gồm sự sản xuất và phân phối một cách có kế hoạch các sản phẩm cần thiết cho đời sống của hàng chục triệu người. Muốn quản lý tốt phải có một trình độ nhất định".* Lênin cho rằng khi Đảng trở thành Đảng cầm quyền thì vai trò của Đảng càng mở rộng. Đảng không chỉ lãnh đạo giai cấp mà lãnh đạo toàn xã hội. Đến đây, Lênin cho rằng, muốn thực hiện được nhiệm vụ chuyên chính vô sản của mình. Cần phải xây dựng một bộ máy vô sản, về hình thức thì không cần phải cộng sản. Một bộ máy mềm dẻo, tương đối rộng rãi, rất mạnh, một đảng liên hệ mật thiết với quần chúng. Ngoài ra, Lênin còn đưa ra các nguyên tắc và phương thức lãnh đạo có một Đảng cầm quyền. Lênin

chỉ rõ: Đảng là người lãnh đạo chính quyền và toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản nhưng cần phải phân biệt chính xác chức năng của chính quyền Xô Viết. Đảng lãnh đạo chính quyền trước hết là thông qua đường lối, chủ trương của đảng, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trong Đảng lãnh đạo xã hội, Lênin chú ý đến vấn đề là phải lãnh đạo tập thể, phải đẩy mạnh phê và tự phê, đoàn kết quốc tế trong Đảng, việc lựa chọn, sử dụng cán bộ của Đảng, nâng cao chất lượng và kết nạp đảng viên mới...

Cơ sở lý luận chung là một vấn đề hết sức quan trọng, là tiền đề, nền tảng để dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Không phải ngẫu nhiên mà Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần nhắc lại lời kêu gọi của Lênin đối với các nhà cách mạng phương Đông: *"Trước mắt các đảng có một nhiệm vụ mà trước kia những người cộng sản toàn thế giới không có: dựa vào lí luận và thực tiễn chung của chủ nghĩa cộng sản, áp dụng vào các điều kiện đặc biệt, không có ở các nước châu Âu, các bạn phải biết vận dụng lí luận và thực tiễn ấy vào điều kiện, khi nông dân là quần chúng cơ bản, cần phải giải quyết nhiệm vụ đấu tranh không chống tư bản, mà phải chống những tàn tích của thời trung cổ"*(1)

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự cần thiết phải có Đảng Cộng sản

Xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin cũng như từ truyền thống của dân tộc, Hồ Chí Minh đã khẳng định sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Nhưng quần chúng nhân dân phải được giác ngộ, được tổ chức, được lãnh đạo thì mới trở thành lực lượng to lớn, như nhiều chiếc đũa bó thành một bó, chứ không phải "mỗi chiếc một nơi". Đảng phải là người làm tròn nhiệm vụ trọng đại đó. Hồ Chí Minh đã từng nêu lên tầm quan trọng của Đảng đối với cách mạng: *"Trước hết phải có Đảng cách mệnh để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên hệ với các dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công cũng như người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy"*. Đảng cách mệnh chân chính phải là Đảng Cộng sản.

Khi thành lập Đảng, Bác đã khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam, là đội tiên phong của giai cấp công nhân, có khả năng tập hợp, lôi kéo các tầng lớp nhân dân khác, đoàn kết đứng lên làm cách mạng. Khi Đảng Lao động Việt Nam chính thức là tổ chức công khai của Đảng. Hồ Chí Minh nhấn mạnh thêm: *"Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam"*. Đây là đội tiên phong, là bộ tham mưu của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Hơn nữa, Đảng là: đội tiên phong dũng cảm và bộ tham mưu sáng suốt, để xứng đáng với vai trò lãnh đạo sự nghiệp cách mạng trong thời kỳ lịch sử mới.

---

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb. CTQG, HN, 1996, tập 7, tr.516

Theo Hồ Chí Minh, dù tên Đảng có lúc thay đổi nhưng chất của Đảng vẫn là một, bao giờ Đảng cũng là Đảng cách mạng chân chính, Đảng mácxít - lêninnít chân chính, Đảng mang bản chất giai cấp công nhân. Bao giờ Đảng cũng *"tận tâm tận lực vì lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, Đảng không có lợi ích nào khác"*. Đó là độc lập dân tộc, tự do hạnh phúc cho nhân dân, cho mỗi con người, xây dựng đất nước giàu mạnh đi lên chủ nghĩa xã hội, sống hòa bình hữu nghị với tất cả các dân tộc khác.

II. CƠ SỞ THỰC TIỄN

1. Từ thực tiễn kinh nghiệm cách mạng thế giới

Những năm đầu của thế kỷ XX cũng là thời gian mà tình hình thế giới xảy ra nhiều biến động nhất là đối với thực tiễn phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Năm 1914, chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ, Nguyễn Ái Quốc càng có thêm thực tế sinh động để hiểu rõ bản chất của chủ nghĩa đế quốc. Các nước đế quốc phân chia lại thị trường thế giới nên đã phát động chiến tranh và hậu quả là đã sinh ra hàng loạt nước thuộc địa, trong đó có Việt Nam. Các cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của các nước theo đó cũng nổ ra và hầu như chưa có cuộc cách mạng nào thắng lợi triệt để. Cuộc hành trình qua nhiều nước thuộc địa, phụ thuộc, tư bản, đế quốc,... hình thành trong tư tưởng Nguyễn Ái Quốc về sự cần thiết phải có một tổ chức đứng ra lãnh đạo các phong trào yêu nước, giải phóng dân tộc.

Tháng 11- 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga thành công dưới sự lãnh đạo của Lênin và Đảng Bônsêvích Nga, thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, cùng với sự lớn mạnh của Nhà nước Liên bang Xô Viết do Đảng Cộng sản lãnh đạo và sự ra đời của Quốc tế Cộng sản đã tạo điều kiện tiền đề lý luận và thực tiễn ảnh hưởng rất lớn đến tư tưởng phải hình thành một Đảng Cộng sản ở Việt Nam để làm chỗ dựa cho phong trào giải phóng dân tộc, thúc đẩy phong trào này phát triển và ngày càng xích lại, tạo tiền đề cho phong trào công nhân phát triển.

Thực tiễn lịch sử cho thấy vài chục năm đầu của thế kỷ XX, do sự phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản, một số nước tư bản muốn chia lại thuộc địa đã gây ra chiến tranh thế giới thứ nhất và khoét sâu thêm mâu thuẫn vốn có giữa các nước đế quốc với nhau, và đó là nguyên nhân làm cho các nước đế quốc suy yếu tạo điều kiện cho Cách mạng Tháng Mười thắng lợi. Với thắng lợi này của Lênin và Đảng Bônsêvích Liên Xô đã cho ra đời nhà nước công nông đầu tiên trên thế giới, mở đầu cho một thời đại mới trong lịch sử, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Tháng 3-1919, Quốc tế Cộng sản do Lênin sáng lập đã trở thành bộ tham mưu chiến đấu của phong trào cộng sản công nhân quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc. Mặt khác trong thời kỳ đế quốc thực dân hóa, các

dân tộc thuộc địa bị lôi cuốn vào con đường của chủ nghĩa tư bản thực dân. Đây cũng là một yếu tố quan trọng làm cho chủ nghĩa Mác dễ dàng xâm nhập vào các nước thuộc địa và phụ thuộc, trong đó có châu Á và Đông Dương. Bản thân sự du nhập của chủ nghĩa tư bản từ bên ngoài vào lại tạo ra một cách không tự giác cho các dân tộc bị áp bức cả về ý thức lẫn phương tiện và phương pháp tự giải phóng. Sự thức tỉnh về ý thức dân tộc tăng lên mạnh mẽ cả bề rộng lẫn chiều sâu từ những năm 20 của thế kỷ, nhất là từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga và Liên bang Xô Viết ra đời. Lịch sử đòi hỏi một cách khách quan sự ra đời của tổ chức cộng sản để lãnh đạo các phong trào. Và cách mạng Việt Nam đã chịu tác động mạnh mẽ của bối cảnh quốc tế đó.

2. Thực tiễn và những đòi hỏi khách quan của cách mạng Việt Nam

Từ giữa thế kỷ thứ XIX, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam. Với tinh thần yêu nước và sức mạnh truyền thống của dân tộc, lòng căm thù giặc ngoại xâm và ý chí giành độc lập, nhân dân Việt Nam đã nhất tề vùng lên chống thực dân Pháp xâm lược, mở đầu cho thời kỳ dài đấu tranh đánh đuổi quân xâm lược của dân tộc ta.

Cuộc kháng chiến bắt đầu từ nơi Pháp đã bắt đầu nổ súng và đổ quân xâm lược vào ngày 1-9-1858 tại Đà Nẵng. Từ đây cuộc kháng chiến của nhân dân ta nhanh chóng mở rộng ra Quảng Nam và hầu khắp các tỉnh Nam Bộ. Trong không khí sôi nổi chống giặc của nhân dân cả nước thì triều đình Huế lại xuất hiện các phe phái với những ý kiến khác nhau: phái chủ chiến, chủ hòa và phái không hòa không chiến, trong đó phái chủ hòa lại chiếm ưu thế. Trước tình hình đó đã dẫn tới việc triều đình Huế ký kết với Pháp Hiệp ước 5-6-1862, nhượng cho Pháp 3 tỉnh miền Đông Nam bộ và đảo Côn Lôn. Hiệp ước đã ký kết, phong trào khởi nghĩa của nhân dân 3 tỉnh miền Đông vẫn tiếp tục dâng cao. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Trương Định (1820-1864) với tinh thần trung với nước hiếu với vua. Đến năm 1867 khi ba tỉnh miền Tây là Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên rơi vào tay giặc thì phong trào chống Pháp của nhân dân lục tỉnh Nam kỳ phát triển một cách rầm rộ. Lần lượt kẻ trước ngã, người sau tiếp bước và cuối cùng các cuộc khởi nghĩa đều thất bại nhưng tinh thần yêu nước, ý chí anh dũng kiên cường quyết đánh đuổi giặc ngoại xâm và không khuất phục trước kẻ thù của nhân dân vẫn không hề lung lay mà còn dâng lên mạnh mẽ.

Từ khi Nam kỳ trở thành thuộc địa và hoạt động trong quỹ đạo của chủ nghĩa đế quốc Pháp thì đây cũng chính là một chỗ dựa vững chắc để Pháp tiếp tục đánh chiếm cả nước Việt Nam. Trong khi đó nhà nước phong kiến của triều Nguyễn ươn hèn thay vì đứng về phía nhân dân, lãnh đạo nhân dân giương cao ngọn cờ đấu tranh giải phóng dân tộc thì lại có những hành động tiếp tay cho giặc, trấn áp các hoạt động yêu nước theo lối nghị hòa. Nhân dân lầm than, cơ cực, nhân dân càng nổi dậy thì những kẻ cầm quyền lại hờ hững quay lưng lại với nhân dân. Sài Gòn, Hà Nội, Huế lần lượt bị

rơi vào tay Pháp. Triều đình Huế ký Hiệp ước này đến Hiệp ước khác đầu hàng hoàn toàn, thừa nhận Pháp đặt quyền thống trị trên toàn đất nước Việt Nam(1).

Hiệp ước 1883, 1884 là dấu chấm kết thúc vai trò của giai cấp phong kiến Việt Nam. Tuy nhiên tinh thần yêu nước và tinh thần dân tộc vẫn là động lực to lớn thôi thúc các sĩ phu yêu nước và các quan lại quả cảm đưa họ đứng về phía nhân dân, tiếp tục phất cờ chiến đấu, tạo ra phong trào kháng chiến rất sôi nổi khắp các địa phương. Tiêu biểu cho các phong trào yêu nước thời kỳ này là phong trào Cần Vương lan rộng ra cả Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ; mở đầu khi Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi rút lên rừng núi Quảng Trị, Quảng Bình, ra chiếu Cần Vương (13-7-1885) kéo dài cho tới những năm cuối cùng của thế kỷ XIX, bất chấp cả việc vua Hàm Nghi bị Pháp bắt (1-11-1888) đày đi Angiêri. Bên cạnh phong trào Cần Vương còn có nhiều cuộc nổi dậy của nhân dân các địa phương: Khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo (1885-1913), các cuộc khởi nghĩa của các dân tộc ít người như: Trương Quyền, Thiên Hộ Vương, Đốc Ngữ, Cầm Bá Thước...

Thực tiễn Việt Nam cho thấy đầu thế kỷ XX lịch sử đã đặt ra cho dân tộc hai nhiệm vụ cấp bách cần giải quyết là đánh đuổi đế quốc Pháp, giành lại độc lập dân tộc và canh tân đất nước. Hai nhiệm vụ này gắn bó chặt chẽ với nhau, hỗ trợ nhau, không thể tách rời. Trong đó giành độc lập dân tộc là nhiệm vụ tiên quyết và cần thiết để thực hiện được nhiệm vụ còn lại. Lịch sử đã chứng minh phong trào yêu nước theo các hệ tư tưởng lỗi thời, không phù hợp với thực tiễn lịch sử của Việt Nam đã dần dần đi vào thất bại. Tổng kết những năm tháng hoạt động của phong trào Cần Vương, sự kế tục cách chống giặc theo con đường cũ, Phan Đình Phùng đã viết: "Nhưng tôi ngẫm nghĩ lại nước mình mấy ngàn năm nay, đất nước chẳng rộng, quân lính không mạnh, tiền của chẳng giàu, cái chỗ để dựng nước là nhờ cái gốc vua tôi, cha con theo năm dạo thường mà thôi"(2).

Đến những thập niên 60, 70 của thế kỷ XIX bắt đầu xuất hiện xu hướng mới của con đường cứu nước, khác hẳn con đường đấu tranh giải phóng đất nước khỏi ách thống trị của ngoại bang mà dân tộc ta đã tiến hành trước đó. Những nhà yêu nước như: Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Bùi Viện... đưa ra ý tưởng mới tiếp xúc với văn hoá, chính trị của phương Tây và Nhật Bản trong buổi đầu canh tân đất nước. Họ đưa ra ý tưởng mở rộng cửa đất nước đón nhận thành tựu văn minh phương Tây, kết hợp với văn hóa dân tộc, xây dựng nền kinh tế, văn hóa, giáo dục và khoa học kỹ thuật theo hướng tư bản chủ nghĩa, tạo lập một nền quốc phòng vững mạnh,... Tuy nhiên những tư tưởng đó không được triều đình Huế chấp nhận và thực thi.

---

(1) Ngày 25-8-1883 triều đình Huế ký Hiệp ước thừa nhận quyền thống trị của pháp trên đất nước Việt Nam (Hiệp ước Hắcmăng). Ngày 6-6-1884, Hòa ước cuối cùng nhà Nguyễn kí với thực dân Pháp tại kinh đô Huế (gọi là Hòa ước Giáp thân 1884 hay Hòa ước Pa-tơ-nốt).

(2) *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ XIX (1858-1990)*. Nxb. Văn Học, HN, 1970, tr.282

Nếu như những năm cuối của thế kỷ XIX phong trào yêu nước chủ yếu là các văn thân, sĩ phu yêu nước, thì đến những năm đầu của thế kỷ XX, một lớp chí sĩ yêu nước cách mạng mới xuất hiện. Họ vốn là những vị khoa bảng giàu lòng yêu nước, tiếp nhận học thuyết dân chủ, nhân văn của các nhà cách mạng tư sản Pháp và các nhà cải cách Trung Quốc. Từ đó lại xuất hiện xu hướng đi tới độc lập và dân chủ, tự do theo mô hình tư bản chủ nghĩa bằng phương pháp bạo động và phương pháp cải lương.

Người đề xướng, xây dựng tổ chức lãnh đạo và tiến hành hoạt động cứu nước bằng thủ đoạn bạo động là Phan Bội Châu (1867-1940). Người khởi xướng con đường cứu nước theo xu hướng cải lương, khôi phục chủ quyền đất nước là Phan Châu Trinh (1872-1826). Đây chính là hai nhánh của con đường đấu tranh giành độc lập tự do theo khuynh hướng tư sản.

Phong trào Đông Du của Phan Bội Châu và Duy Tân hội[1] chủ trương đã nhận được sự hưởng ứng của nhiều giới đồng bào, nhất là thanh niên ở Bắc, Trung, Nam. Nhưng phong trào lại bị dập tắt vào năm 1908, khi thực dân Pháp đàm phán và ký kết với chính phủ Nhật Bản Hiệp ước trục xuất lưu học sinh Việt Nam. Tiếp đó, Đông Á Đồng minh hội do Phan Bội Châu liên kết với nhiều nhà yêu nước và cách mạng của nhiều nước Đông Á lập tại Nhật cũng bị giải tán. Đến đây, Phan Bội Châu nhận thức sâu sắc bản chất của chủ nghĩa đế quốc đối với vấn đề dân tộc và thuộc địa, và thấm thía lời của một người Nhật: *"Thế lực một mình nước Việt Nam tất không đánh đổ được Pháp, thế thì cầu cứu với nước láng giềng cũng là lẽ phải. Nhưng Nhật Bản làm gì giúp cho các người được. Nhật Bản, chính trị gia tất thảy đều giàu về phần dã tâm mà nghèo về phần nghĩa hiệp... Trọng nhân đạo, ghét cường quyền, thế giới chắc không thiếu hạn người ấy, mà duy nhất chỉ có hạn người ấy mới giúp được các ông"*[2].

Phương pháp bạo động kia được thực thi kể từ khi Việt Nam Quang Phục hội được thành lập (1912). Tuy hội là tổ chức có tôn chỉ, mục đích là đánh đuổi Pháp, khôi phục nền độc lập và thành lập nước cộng hoà quốc dân nhưng cơ sở hội trong nước lại rất mong manh, lực lượng chủ yếu của hội là ở nước ngoài. Cách tổ chức hội thiếu khoa học, không có chương trình, kế hoạch hoạt động rõ ràng, chỉ chú trọng hoạt động vũ trang, dễ sa vào manh động, nặng về trừ khử những tên trùm thực dân và tay sai của chúng. Dần dần phong trào cũng lắng xuống và kết thúc sau khởi nghĩa Thái Nguyên (1917), con đường cứu nước bằng phương pháp bạo động cũng lâm vào vòng bế tắc.

Song với xu hướng cứu nước bằng phương pháp bạo động thì xu hướng cải lương cũng đã được Phan Châu Trinh và nhiều nhà yêu nước cùng chí hướng khởi xướng và tổ chức. Mở đầu cho phong trào này được đánh dấu

(1) Sau khi tiếp xúc với những chính khách Nhật Bản đã không nhận được tiếng nói ủng hộ Việt Nam giành độc lập mà chỉ nhận học sinh Việt Nam sang Nhật học tập.
(2) *Phan Bội Châu: Toàn tập*, tập 6, Nxb. Thuận Hoá, 1990, tr.178

bằng việc Phan Châu Trinh gửi cho toàn quyền Đông Dương thư biểu đạt những quan điểm chủ yếu của xu hướng yêu nước cải lương. Bức thư trình bày nỗi khổ cực của nhân dân Việt Nam, nguyên nhân và đề xuất, phương sách cứu chữa, thể hiện tư tưởng cải lương: "Nếu chính phủ thật sẵn lòng đổi hết chính sách đi, kén chọn người hiền tài, trao quyền bính cho, lấy lẽ mà tiếp lấy thành mà đãi, cùng nhau lo toan việc lấy lợi trừ hại ở trong nước..."(1), từ đây đã dấy lên phong trào Duy Tân sôi nổi với nhiều hình thức và cuốn hút nhiều giới đồng bào. Mở trường Đông Kinh Nghĩa Thục: giảng dạy, truyền bá ánh sáng văn minh và tư tưởng Duy Tân, cải lương, giáo dục tinh thần yêu nước, đoàn kết dân tộc, kịch liệt công kích hủ nho. Phong trào lan rộng ở miền Bắc, miền Trung. Ở miền Bắc quần chúng bạo động vượt qua khuôn khổ cải lương mà nhà cầm quyền thực dân cho rằng Đông Kinh Nghĩa Thục là "cái lò phiến loạn ở Bắc kỳ". Ở miền Trung từ cuộc vận động Duy Tân đã làm bùng nổ phong trào nông dân chống sưu thuế 1908.

Trước thực tiễn đó, nhận biết ngay nguy cơ đe dọa sự tồn tại của chính quyền thuộc địa làm cho làn sóng đấu tranh sâu rộng của quần chúng tạo nên, nhà cầm quyền thực dân đã thực hiện nhiều biện pháp dập tắt phong trào, bắt bớ, giam cầm hàng loạt chiến sĩ yêu nước khởi xướng và tổ chức phong trào. Chế độ thuộc địa Pháp đã trả lời các chiến sĩ yêu nước theo yêu sách cải lương dân chủ bằng súng đạn. Đến đây con đường cứu nước bằng phương pháp cải lương bất bạo động mới vừa mở ra đã bị thực dân ngăn chặn bằng bạo lực và chấm dứt vai trò.

Thể nghiệm cuối cùng của xu hướng cách mạng dân chủ tư sản do Việt Nam quốc dân Đảng thực hiện. Đây là tổ chức do những người tiểu tư sản trí thức giữ vai trò chủ chốt, họ giương cao ngọn cờ cách mạng dân chủ tư sản. Tuy nhiên trong quá trình hoạt động, chủ nghĩa và cương lĩnh của Việt Nam quốc dân Đảng không được xác định rõ ràng và nhất quán. Do thiếu cương lĩnh dựa trên nền tảng tư tưởng lý luận khoa học, cách mạng và thiếu nguyên tắc tổ chức đảng cách mạng thống nhất về tư tưởng và hành động đã nảy sinh nhiều vấn đề, đặc biệt là sự chia rẽ nội bộ. Trong thời gian khá dài chuẩn bị về tổ chức và các mặt khác, với thực tế của phong trào, Việt Nam quốc dân Đảng đã chuẩn bị khởi nghĩa. Nhưng đây là sản phẩm của sự bị động, thế tan rã của Việt Nam quốc dân Đảng trước sự khủng bố, truy nã của chính quyền thực dân. Chính vì thế, khởi nghĩa Yên Bái (2-1930) là hành động "sát thân thành nhân" - biểu hiện tính hăng hái nhất thời, sự bồng bột tiểu tư sản và sự non yếu của giai cấp tư sản Việt Nam. Khởi nghĩa Yên Bái thất bại, đánh dấu sự tan rã của xu hướng cách mạng dân chủ tư sản và cũng xác nhận sự bất lực của tư tưởng tư sản trong việc xác lập con đường cách mạng phù hợp với quy luật vận động của cách mạng Việt Nam.

(1) *Hợp tuyển văn thơ yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ XX (1900-1930),* Nxb. Văn Học, HN, 1970, tr.159

Về phía thực dân Pháp, sau khi hoàn thành xâm lược và thiết lập bộ máy thống trị trên toàn cõi Việt Nam. Thực dân Pháp đã tiến hành hai cuộc khai thác thuộc địa Đông Dương. Mâu thuẫn vốn có trong lòng xã hội Việt Nam là mâu thuẫn giữa nhân dân ta, trước hết là mâu thuẫn giai cấp nông dân với giai cấp địa chủ, phong kiến không mất đi mà tiếp tục tồn tại. Và xuất hiện mâu thuẫn mới: mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp. Sự bóc lột về kinh tế, nô dịch văn hóa, chuyên chế về chính trị dưới ách thống trị của tư bản thực dân Pháp càng đẩy nhân dân ta vào cảnh khốn cùng, cơ cực, càng đặt ra yêu cầu bức thiết cho dân tộc ta là phải có một hệ tư tưởng, một tổ chức tiên tiến có đủ năng lực, vai trò để lãnh đạo toàn dân tộc đứng lên chống lại chủ nghĩa thực dân, phong kiến và giành lại độc lập tự do cho dân tộc.

I. QUÁ TRÌNH TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC VÀ ĐẾN VỚI CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC

Trong khi phong trào cách mạng Việt Nam tuy rất sôi nổi nhưng lại bế tắc về đường lối và tổ chức, người thanh niên Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước bắt đầu những năm tháng bôn ba nơi đất khách quê người. Từ lúc sinh ra và lớn lên Nguyễn Tất Thành sống trong cảnh đất nước lầm than, nhân dân cơ cực. Khi còn là một thiếu niên, Nguyễn Tất Thành đã hiểu và rất đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào. Lúc trạng tuổi 13, khẩu hiệu: "Tự do, bình đẳng, bác ái" của cuộc cách mạng Pháp 1789 đã tác động đến nhận thức của Người, Người rất khâm phục các bậc tiền bối như Phan Châu Trinh, Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Hoàng Hoa Thám... nhưng không đi theo con đường đấu tranh của các bậc tiền bối. Việc giải phóng đồng bào không phải là tìm xem nước nào giúp được mình mà điều quan trọng là phải đi ra nước ngoài nghe, tìm hiểu, xem xét nhân dân thế giới họ làm như thế nào rồi trở về giúp đồng bào mình.

Hành trang ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành ngoài ý chí và nghị lực, ước mơ, khát vọng và hoài bão lớn lao của tuổi trẻ, còn có mạch ngầm truyền thống chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, với một vốn Hán học khá tinh thông và trình độ hiểu biết ở bậc văn hóa tiểu học Pháp và hai bàn tay lao động.

Ngày 5-6-1911 trên bến Nhà Rồng, Nguyễn Ái Quốc đã qua ba châu lục trên thế giới, hơn 30 quốc gia khác nhau. Trong thời gian này Người đã tìm tòi, khảo nghiệm các cuộc cách mạng lớn trên thế giới, làm nhiều nghề, học tiếng nước ngoài... Người đã tận mắt trông thấy những cảnh khổ cực chết chóc của người da đen dưới roi vọt của thực dân.

Ngày 18-6, thay mặt những người Việt Nam yêu nước, Nguyễn Ái Quốc gửi tới hội nghị Vécxây bản yêu sách 8 điểm của nhân dân An Nam. Người Pháp đã coi đây là quả bom làm chấn động dư luận nước Pháp, còn người Việt Nam lại coi đó là tiếng sấm của mùa xuân.

Bước ngoặt quan trọng trên hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc về vấn đề dân tộc, giải phóng dân tộc và về đảng cách mạng được mở ra lần đầu tiên khi Người tiếp xúc với sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin đăng trên báo *L'Humanite'* số ra hai ngày 16, 17-7-1920.

Người đã tìm thấy trong đó lời giải đáp về vấn đề dân tộc và thuộc địa, sự cần thiết phải có Đảng Cộng sản, nhiệm vụ chiến lược và sách lược của Đảng trong cuộc đấu tranh giải phóng. Trong 12 luận cương có 6 luận cương (thứ 2, 4, 5, 9, 10, 11) đề cập đến các vấn đề của Đảng. Lênin chỉ ra rằng: Đảng Cộng sản, người đại diện tự giác của cuộc đấu tranh giai cấp vô sản nhằm lật ách thống trị của giai cấp tư sản, ngay cả trong vấn đề dân tộc, phải đặt lên hàng đầu không phải là những nguyên tắc trừu tượng hoặc hình thức mà thứ nhất là sự đánh giá đúng tình hình lịch sử cụ thể, mà trước hết là tình hình kinh tế. Thứ hai, là sự phân biệt rõ lợi ích của giai cấp bị áp bức, của những người lao động, của những người bị bóc lột, với các khái niệm chung về lợi ích của nhân dân nói chung. Thứ ba, là sự phân biệt thật rõ rệt những dân tộc bị áp bức, phụ thuộc, không được hưởng quyền bình đẳng với những dân tộc đi áp bức, bóc lột được hưởng đủ mọi quyền lợi, để lập lại sự lừa dối kiểu dân chủ tư sản đang che giấu việc tuyệt đại đa số nhân dân trên trái đất bị một số thiểu số nhỏ bé những nước tư bản tiên tiến rất mực giàu có, nô dịch về mặt thuộc địa và tài chính - sự nô dịch là đặc điểm của thời đại tư bản tài chính và chủ nghĩa đế quốc. Kết thúc sơ thảo, Lênin khẳng định: không có sự cố gắng tự nguyện tiến tới sự liên minh và sự thống nhất của giai cấp vô sản, rồi sau nữa, của toàn thể quần chúng cần lao... thì không thể chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa tư bản. Luận cương của Lênin đã giải đáp đúng những vấn đề mà Nguyễn Ái Quốc đã trăn trở. Tiếp cận tư tưởng của Lênin về nhận thức lý luận đã làm chuyển biến thực tiễn hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc.

Tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp ở Tua cuối tháng 12-1920, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành tham gia Quốc tế III- Quốc tế Cộng sản và tán thành tham gia Đảng Cộng sản Pháp. Từ giờ phút ấy, Nguyễn Ái Quốc đã trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên đã tham gia và sáng lập một đảng mác-xít ngay chính sào huyệt của kẻ đang thống trị, áp bức dân tộc mình.

Như vậy, đến thời điểm cuối năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã tìm được con đường cách mạng đúng đắn cho dân tộc Việt Nam. Đó là kết quả của quá trình tìm tòi, phân tích, học hỏi lâu dài và đầy gian lao của Nguyễn Ái Quốc, từ Chủ nghĩa yêu nước đến Chủ nghĩa cộng sản- và đó cũng là con đường giải phóng dân tộc mà Người đã chọn cho dân tộc Việt Nam. Từ khi trở thành người cộng sản, Hồ Chí Minh tiếp tục nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, vừa làm công tác thực tế, dần dần từng bước hình thành những tư tưởng lớn về cách mạng giải phóng dân tộc và về đảng kiểu mới của giai cấp công nhân theo quan điểm của Lênin. Người khẳng định con đường giải

phóng dân tộc là con đường cách mạng vô sản. "Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất"[1]. Và đây chính là định hướng trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội mới ở nhiều nước thuộc địa và phục thuộc.

Đến đây con đường cứu nước của dân tộc Việt Nam đã được xác định và Nguyễn Ái Quốc là người có công lao to lớn tìm ra con đường đó.

II. SỰ CHUẨN BỊ VỀ MỌI MẶT CHO SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Sự chuẩn bị về tư tưởng

Theo quy luật chung có tính chất phổ biến đối với tất cả các đảng cộng sản và công nhân trên thế giới, Đảng Cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân. Không có cơ sở tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lênin thì phong trào công nhân cũng chỉ là chủ nghĩa công liên - tự phát đấu tranh kinh tế mà thôi. Ngược lại, nếu không có cơ sở xã hội là phong trào công nhân phát triển thì chủ nghĩa Mác - Lênin không có đất để bám rễ, để biến thành hiện thực. Vấn đề đặt ra ở Việt Nam là phải đưa chủ nghĩa xã hội vào phong trào công nhân, phong trào yêu nước, giác ngộ quần chúng cách mạng, dẫn dắt họ trong cuộc đấu tranh của chính bản thân họ. Đó là một yêu cầu khách quan, do chính phong trào công nhân và phong trào yêu nước đòi hỏi. Như Lênin đã từng chỉ ra: mọi sự coi nhẹ hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa đều có nghĩa là tăng cường hệ tư tưởng tư sản.

Chuẩn bị tiền đề tư tưởng là công việc đầu tiên và có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thành lập Đảng. Nguyễn Ái Quốc đã giải thích vấn đề "cách mạng" theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin. Người đã từng bước giúp cho nhân dân ta thấy được cách mạng là sự nghiệp lớn và khó, không phải một vài người mà có thể làm nổi; muốn làm được cách mạng thì phải có sức mạnh của đông đảo quần chúng, phải có Đảng cách mạng. Nguyễn Ái Quốc đã đặt ra vấn đề Cách mệnh cho mọi người dân yêu nước suy ngẫm: "Cách mệnh trước hết phải có cái gì? Và Người khẳng định trước hết phải có Đảng cách mệnh". Để tập hợp được những người cùng chí hướng vào Đảng, để Đảng cách mệnh thống nhất cao về chính trị, tư tưởng, tổ chức và hành động, phải vũ trang cho Đảng một chủ nghĩa, nhưng theo chủ nghĩa nào cho đúng, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ ra: "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin". Để tiến tới thành lập Đảng Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin từng bước thâm nhập vào phong trào công

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb. CTQG, HN, 2001, tập 10, tr.461

nhân và phong trào yêu nước, trở thành hệ tư tưởng dẫn đường cho hành động cách mạng của quần chúng nhân dân lao động Việt Nam.

Từ thực tiễn hoạt động cách mạng của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế và qua thực tế trải nghiệm của bản thân, Nguyễn Ái Quốc đã rút ra có hai cách truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào trong quần chúng nhân dân lao động.

Thứ nhất, dịch và phổ biến trong nhân dân những tác phẩm kinh điển về chủ nghĩa cộng sản, đồng thời viết những tác phẩm triết học chống lại các học thuyết phi mác-xít, qua đó bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa cộng sản. Đó là cách thường sử dụng ở các nước phát triển mà tiêu biểu là cách của G.V.Plêkhanốp truyền bá chủ nghĩa Mác ở Nga. Thông qua tổ chức Macxít đầu tiên nhằm tuyên truyền tư tưởng xã hội chủ nghĩa khoa học bằng cách dịch ra tiếng Nga những tác phẩm của Mác và Ăngghen về phê phán những học thuyết dân tuý đã từng thống trị ở Nga trên quan điểm của chủ nghĩa Mác.

Thứ hai, từng bước truyền bá trong quần chúng nhân dân những tư tưởng cách mạng trên lập trường chủ nghĩa Mác - Lênin, đến một trình độ nào đó mới dịch và phổ biến các tác phẩm kinh điển những nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản. Đây là phương pháp truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với hoàn cảnh các nước thuộc địa, trình độ dân trí thấp. Và Người đã nhận thấy đây là phương pháp thích hợp để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

Nội dung tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin mà Nguyễn Ái Quốc truyền bá về nước chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản chủ yếu là vấn đề "Cách mệnh", Cách mệnh là gì? Đối tượng Cách mệnh, phương pháp Cách mệnh, những vấn đề chiến lược, sách lược của Cách mệnh... vấn đề về Đảng Cách mệnh, vai trò và nhiệm vụ của Đảng Cách mệnh... Quá trình truyền bá được Nguyễn Ái Quốc thực hiện theo từng giai đoạn và có sự kế tiếp lẫn nhau. Thời kỳ đầu, lúc này Nguyễn Ái Quốc ở Pari với nội dung cơ bản là xác định kẻ thù - đối tượng trực tiếp của cách mạng Việt Nam cần đánh đổ, Người đã chỉ rõ kẻ thù chính của cách mạng Việt Nam là thực dân Pháp và bọn địa chủ phong kiến. Việc xác định đúng và trúng kẻ thù là vấn đề có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong xác định chiến lược và sách lược của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Điều đó quyết định những quyết sách đúng đắn trong việc sắp xếp lực lượng cách mạng ở từng giai đoạn và những bước tiếp theo. Trong thời kỳ này Nguyễn Ái Quốc đã dùng báo chí cách mạng làm phương tiện chuyển tải. Mở đầu cho quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam là bài viết Đông Dương đăng trên báo *La Revue Communiste*[1] số 14 và số 15. Trong bài viết đó, lần đầu tiên Nguyễn

(1) *Tạp chí Cộng sản* số 14, tháng 4-1921, số 15 tháng 5-1921

Ái Quốc đã trình bày những điều kiện thuận lợi của châu Á nói chung và Đông Dương nói riêng cho việc truyền bá tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

Về điều kiện chính trị xã hội, Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ: châu Á trừ Nhật Bản phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, nước Trung Hoa rộng lớn luôn luôn là "con bò sữa" đối với tư bản châu Âu và châu Mỹ, Ấn Độ bị đế quốc Anh cai trị và Đông Dương, 20 triệu dân Đông Dương bị bóc lột thậm tệ của một nhóm kẻ cướp thực dân. Từ đó Nguyễn Ái Quốc đã kết luận: "Sự đầu độc có hệ thống của bọn tư bản thực dân không thể làm tê liệt sức sống, càng không thể làm tê liệt tư tưởng cách mạng của người phương Đông... Đằng sau sự phục tùng tiêu cực. Người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm khi thời cơ đến... Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: chủ nghĩa xã hội chỉ còn làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi"[1].

Về điều kiện lịch sử, Nguyễn Ái Quốc đã đề cập những cái tốt, cái hay trong học thuyết Khổng - Mạnh "Người ta không sợ ít, chỉ sợ không công bằng, tính công bằng sẽ xóa đi sự nghèo đói". Từ những dẫn chứng lịch sử, Nguyễn Ái Quốc kết luận: Chế độ cộng sản dễ dàng thâm nhập vào châu Á nói chung và Đông Dương nói riêng.

Ngày 26-6-1921, Nguyễn Ái Quốc và một số chiến sĩ cách mạng ở các nước thuộc địa của Pháp lập ra Hội Liên hiệp thuộc địa ở Pari để đoàn kết lực lượng cách mạng chống đế quốc, thông qua tổ chức đó để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào các nước thuộc địa. Báo Người cùng khổ là cơ quan ngôn luận của Hội. Nguyễn Ái Quốc là chủ nhiệm kiêm chủ bút. Báo ra đời và được gửi tới thuộc địa. Ngoài báo chí, Nguyễn Ái Quốc còn sử dụng những hình thức khác như diễn thuyết, viết kịch để truyền bá tư tưởng cách mạng của mình. Thông qua báo chí, kịch... Người đã chuẩn bị bước đầu về mặt tư tưởng cho sự vùng dậy của dân tộc trong tương lai, hướng đúng vào hai kẻ thù chính là đế quốc và phong kiến tay sai, đối tượng của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc phải đánh đổ.

Thông qua hoạt động tuyên truyền của Nguyễn Ái Quốc, chủ nghĩa Mác - Lênin và những tư tưởng cách mạng của Người đã làm chuyển biến lập trường cách mạng của các học giả nổi tiếng trong giới trí thức và các tầng lớp nhân dân như luật sư Phan Văn Trường, nhà báo Nguyễn An Ninh...

Nguyễn Ái Quốc ở Mátxcơva là thời kỳ kế tiếp quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về nước. Thời kỳ này Nguyễn Ái Quốc tập trung viết tác phẩm *"Bản án chế độ thực dân Pháp"* và những bài về Lênin, về nước Nga Xô Viết, về Trung Quốc, về An Nam như: *Tình cảnh nông dân An Nam, Lênin và các dân tộc phương Đông, Cách mạng Nga và các dân tộc thuộc địa,...* đăng trên các báo, tạp chí nhằm định hướng cuộc vùng dậy tương lai của dân tộc theo Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại và đề cập đến những

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Nxb. CTQG, HN, 2000, tập 1, tr.28

vấn đề cơ bản của đường lối cách mạng Việt Nam; về Đảng Cộng sản, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đoàn kết quốc tế.

Trong thời gian ở Xiêm và ở Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc dịch các tác phẩm của các nhà hoạt động cách mạng như: *Nhân loại tiến sử, chủ nghĩa cộng sản A.B.C, Tuyên ngôn Đảng Cộng sản*... Thông qua các tác phẩm, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục chỉ rõ con đường cách mạng của nhân dân ta phải đi theo con đường cách mạng vô sản. Trong thời kỳ này, Nguyễn Ái Quốc đã sử dụng phương tiện truyền thông: đào tạo những người yêu nước trẻ tuổi đưa về nước tuyên truyền tổ chức vận động quần chúng làm cách mạng. Điều này không giống như một số nhà cách mạng trước đây chỉ biết "xúi giục dân đứng lên" nhưng không bày cách, phương pháp cho dân làm, rút cuộc phong trào quần chúng bị đàn áp trong biển máu.

Nhờ sự truyền bá sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc mà chủ nghĩa Mác - Lênin đã từng bước được thâm nhập vào Việt Nam, đấu tranh với các trào lưu phi vô sản khác: tư tưởng phong kiến, tư tưởng tiểu tư sản, giác ngộ lập trường cứu nước, giải phóng dân tộc theo hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, theo con đường cách mạng vô sản.

2. Chuẩn bị tiền đề về chính trị

Cùng với việc chuẩn bị tiền đề tư tưởng, Nguyễn Ái Quốc đã xúc tiến chuẩn bị tiền đề về chính trị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thực chất việc chuẩn bị về chính trị là xác định đúng đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc. Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đã sai lầm trong xác định đường lối nên kết cục tất cả điều đi đến thất bại.

Nguyễn Ái Quốc đã sớm khẳng định con đường cách mạng Việt Nam là con đường cách mạng vô sản. Người viết: *"Chỉ có Chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no... xóa bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa cho đến nay chỉ là những vách tường dài ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau"*[(1)]. Quan điểm này đã trở thành định hướng có ý nghĩa phổ biến trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới ở nhiều nước thuộc địa và phụ thuộc. Với chủ đích rõ ràng, Nguyễn Ái Quốc đã hướng cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta đến Quốc tế Cộng sản, tới Cách mạng Tháng Mười Nga.

Nguyễn Ái Quốc đã từng bước cung cấp cho nhân dân ta những thông tin, giúp cho nhân dân ta hiểu biết về một tổ chức quốc tế kiên quyết bênh vực quyền lợi của các dân tộc thuộc địa - đó là Quốc tế Cộng sản. Trong tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp" ở Chương *Nô lệ thức tỉnh*, Nguyễn Ái Quốc đã đưa vào những văn kiện quan trọng đối với các thuộc địa: Tuyên

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb. CTQG, HN, 2000, tập 1, tr.461

ngôn ban chấp hành Đệ tam quốc tế phần liên quan đến nhân dân các thuộc địa. Bên cạnh đó Người đã đề xuất với Quốc tế Cộng sản sự cần thiết phải chọn lựa đảng viên ở các nước thuộc địa và đào tạo họ. Người chọn ở Việt Nam những đảng viên ưu tú gửi đi học, sau khi đã chuẩn bị những bước cần thiết, những tiền đề cơ bản về chính trị, Nguyễn Ái Quốc đã đi đến phác thảo đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc, tập trung ở tác phẩm Đường Cách mệnh (1927). Đây là sự kết nối tiếp tục phát triển Bản án chế độ thực dân Pháp (1925). Nếu như trong Bản án chế độ thực dân Pháp Nguyễn Ái Quốc đã bóc trần và lên án những hành động xấu xa, bỉ ổi của thực dân Pháp ở thuộc địa của chúng thì tác phẩm Đường Cách mệnh đã phác thảo đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc theo quan điểm mới. Nguyễn Ái Quốc đã phân tích chỉ có cách mạng vô sản là cách mạng triệt để, vì lợi ích của đại đa số nhân dân lao động. Thông qua phân tích và so sánh các cuộc cách mạng lớn trên thế giới: Cách mạng Pháp năm 1789, Cách mạng tư sản Mỹ 1776, Cách mạng Tháng Mười Nga... sau khi so sánh giữa cách mạng tư sản và cách mạng vô sản, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: "Kách mệnh Pháp cũng như kách mệnh Mỹ, nghĩa là tư bản kách mệnh, kách mệnh không đến nơi"[1]. Người chỉ ra: "Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mạng Nga là đã thành công và thành công đến nơi" đồng thời Người nhấn mạnh: *"làm xong cách mạng rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người..."*[2] Đảng là điểm xuất phát đồng thời là điểm khác nhau cơ bản giữa con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc với các con đường cứu nước trước kia.

Nguyễn Ái Quốc đã xác định trong tác phẩm mục tiêu và con đường đi lên của cách mạng Việt Nam là chủ nghĩa xã hội. Muốn xoá bỏ chế độ bóc lột, muốn có tự do, hạnh phúc, bình đẳng thật sự thì phải trải qua hai cuộc cách mạng: cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hai cuộc cách mạng có quan hệ mật thiết với nhau. Bên cạnh đó, Nguyễn Ái Quốc còn xác định lực lượng cách mạng và phương pháp cách mạng. Người đã phân tích đến mức gần như chi tiết những vấn đề liên quan: "Công nông là gốc cách mạng", "còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ cũng bị tư bản áp bức, song không cực khổ bằng công nông, ba hạn ấy chỉ là bầu bạn cách mệnh của công nông thôi"[3]. Rõ ràng đây là một nhận định hết sức sáng suốt, một chủ trương đúng đắn, không phải người mác-xít nào cũng có quan niệm rõ ràng như vậy. Xuất phát từ nhận thức việc giải phóng gông cùm nô lệ cho đồng bào, cho nhân loại là công việc "to tát", cho nên phải "dùng hết sức", "phải quyết tâm làm thì chắc được, thà chết tự do còn hơn sống làm nô lệ". Tiếp theo tư tưởng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền đề ra năm 1924 trong báo cáo về "Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ, trong *Đường Kách mệnh* Nguyễn Ái Quốc đã phát triển thêm: Dân khí mạnh thì quân

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Nxb. CTQG, HN, 2000, tập 2, tr.274
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Nxb. CTQG, HN, 2000, tập 2, tr.280
(3) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Nxb. CTQG, HN, 2000, tập 2, tr.266

lính nào, súng ống nào cũng không chống lại nổi. Quan điểm về phương pháp cách mạng của Nguyễn Ái Quốc thể hiện cách mạng bạo lực rất rõ ràng. Phải có sách lược, chiến lược, lúc nào nên làm, lúc nào chưa nên làm, như vậy cách mạng mới đi tới thắng lợi.

Nguyễn Ái Quốc còn chỉ rõ đi đôi với đoàn kết dân tộc chính là đoàn kết quốc tế. Cách mạng An Nam cũng là bộ phận của cách mạng thế giới, mọi người làm cách mạng trên thế giới đều là bạn của nhân dân An Nam cả. Tuy nhiên để phát huy cao độ yếu tố ngoại lực "đem sức ta mà tự giải phóng cho ta" tránh tư tưởng trông chờ ỷ lại, Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh: "Muốn người ta giúp cho thì trước hết mình phải tự giúp lấy mình đã...". Mặt khác, Người cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của Đảng cách mạng. Ngay từ khi tìm thấy chủ nghĩa Mác - Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã nắm vững quy luật Đảng có mạnh thì cách mạng mới thành công, Đảng vững là nhờ có chủ nghĩa, trong Đảng ai cũng hiểu, ai cũng theo chủ nghĩa ấy. Về rèn luyện chính trị cho cán bộ, cho Đảng, Người đã đưa ra 29 điều về "tư cách một người cách mệnh", trong đó nhấn mạnh "phải giữ chủ nghĩa cho vững/hi sinh/ít lòng ham muốn về vật chất".

Đối với tiền đề về chính trị, những tư tưởng cơ bản trong con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện tinh thần độc lập tự chủ, sáng tạo của Người trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với thực tiễn đặc điểm của cách mạng Việt Nam. Đây là nền móng cơ bản đặt cơ sở cho sự hình thành một cương lĩnh chính trị đúng đắn cho cách mạng Việt Nam, đặt nền móng vững chắc cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Chuẩn bị tiền đề về tổ chức

Khác với các đảng cộng sản khác, Đảng Cộng sản Việt Nam được hình thành từ một tổ chức tiền thân mà Nguyễn Ái Quốc đã dày công rèn luyện: Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

Tháng 11-1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu nhằm thực hiện một chương đã được xác định. Mở lớp huấn luyện cho thanh niên yêu nước Việt Nam có mặt tại Quảng Châu về con đường cứu nước, giải phóng dân tộc theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, lôi cuốn thanh niên từ trong nước sang huấn luyện xong lại cử họ về nước hoạt động tuyên truyền cách mạng. Từ kết quả huấn luyện đào tạo và lập ra một tổ chức cách mạng của thanh niên, chọn lọc trong đó những phần tử trung kiên, chuẩn bị hạt nhân để tiến tới thành lập một chính đảng vô sản ở Việt Nam. Theo dõi và chỉ đạo phong trào nông dân ở Trung Quốc và Đông Nam Á, giúp Quốc tế Cộng sản nắm được tình hình về phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông.

Sau một thời gian tìm hiểu, Nguyễn Ái Quốc bắt đầu xây dựng tổ chức cách mạng tuần tự theo từng bước: tiếp xúc tìm hiểu những người yêu nước Việt Nam đang hoạt động ở miền Nam Trung Quốc, đến việc thành lập một nhóm bí mật làm nòng cốt - Cộng sản đoàn, cuối cùng là thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và đặt nó trong mối liên hệ cách mạng châu

Á, tức là thành lập một Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức. Người đã mở lớp huấn luyện để bồi dưỡng cho những người dự lớp kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, về đường lối cách mạng mà Người đã xác định buổi đầu, về phương pháp tổ chức và vận động quần chúng. Qua đó tìm hiểu một cách sâu sát những người được giới thiệu. Sau lớp huấn luyện đầu tiên nhóm bí mật cộng sản đoàn đã ra đời gồm 9 thành viên làm hạt nhân cho tổ chức rộng lớn sau đó - Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội (Hội Việt Nam cách mạng thanh niên). Hội có chương trình điều lệ của hội và hội được tổ chức theo 5 cấp: Tổng bộ, Kỳ bộ, Tỉnh bộ, Huyện bộ, Chi bộ[1]. Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp phụ trách và là giảng viên chính của các lớp huấn luyện chính trị, đồng thời Người còn mời các đồng chí trong Đảng Cộng sản Trung Quốc ở Tỉnh ủy Quảng Đông đến nói chuyện và giảng bài. Chương trình huấn luyện là những bài giảng sau này được tập hợp trong tác phẩm Đường Kách mệnh. Sau khi học xong, ngoài số cán bộ được cử về nước hoạt động, Nguyễn Ái Quốc còn chọn một số đưa đi học trường Quân sự Hoàng Phố, một số sang học trường đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản.

Các tờ báo: *Thanh niên* do Nguyễn Ái Quốc làm chủ bút, *Công nông*, nguyệt san *Lính cách mạng* cùng với *Đường Kách mệnh* đã góp phần quan trọng vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc vào Việt Nam, đẩy mạnh việc chuẩn bị đầy đủ các tiền đề về tư tưởng, chính trị, tổ chức để tiến tới thành lập chính đảng của giai cấp công nhân và của cả dân tộc Việt Nam.

Với sự hoạt động tích cực của Nguyễn Ái Quốc, Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức được thành lập vào ngày 9-7-1925. Đây là đoàn thể mang tính chất quốc tế bao gồm người Trung Quốc, Ấn Độ, Triều Tiên, Indônêsia, Mianma, Việt Nam,... Nguyễn Ái Quốc đã gắn kết hoạt động của hội Việt Nam cách mạng thanh niên với tổ chức có tính quốc tế đó. Mục đích là đưa sự nghiệp đấu tranh giải phóng các dân tộc bị áp bức châu Á vào quỹ đạo của cách mạng vô sản.

Việc Nguyễn Ái Quốc gieo hạt giống của chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội lên mảnh đất cách mạng Việt Nam không phải là sự áp đặt, mà là sự đáp ứng yêu cầu khách quan của lịch sử. Chính vì vậy, từ sau năm 1925, đặt biệt là những năm 1928, 1929 phong trào cách mạng Việt Nam có những bước phát triển vượt bậc, dẫn tới sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở ba kỳ: Đông Dương cộng sản Đảng ở Bắc kỳ (6-1929), An Nam cộng sản Đảng ở Nam kỳ và Đông Dương cộng sản Liên đoàn (1-1930). Sự xuất hiện của ba tổ chức Đảng nói trên là sự vận động tất yếu của một quá trình lịch sử từ khi giai cấp công nhân Việt Nam ra đời ở trình độ tự phát - giai cấp tự nó, từng bước tiếp nhận ánh sáng của chủ nghĩa xã hội khoa học, dần dần trở thành giai cấp tự giác - giai cấp vì nó và vì dân tộc. Phong trào công

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb. CTQG, HN, 2000, tập 2, tr.266

nhân ngày càng phát triển thì tổ chức tiền thân của Đảng - Hội Việt Nam cách mạng thanh niên không thể đáp ứng được đòi hỏi của tình hình cách mạng mới.

Tháng 11-1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu và thuyết phục được những thành viên ưu tú của Tâm Tâm Xã tham gia thành lập và trở thành hạt nhân của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội (tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam). Năm 1925, Tâm Tâm Xã tự giả tán. Kết quả truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, con đường cách mạng Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc thông qua Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đã đưa đến sự ra đời của ba tổ chức cộng sản ở ba kỳ. Điều đó đánh dấu sự chín muồi về mặt tư tưởng và lý luận của giai cấp công nhân ở Việt Nam. Trên thực tiễn đó đặt ra yêu cầu phải thống nhất và tổ chức lại thành một khối duy nhất để lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

III. CHỦ ĐỘNG TRIỆU TẬP VÀ CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ HỢP NHẤT BA TỔ CHỨC CỘNG SẢN

1. Sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản

Trước sự phát triển của phong trào cách mạng sôi nổi ở nhiều nước và những mâu thuẫn trong hàng ngũ tư bản và đế quốc, Quốc tế Cộng sản chủ trương "Bônsêvích hóa" các đảng cộng sản. Và trước tình hình chung và yêu cầu của cách mạng Đông Dương, Quốc tế Cộng sản nhiều lần thể hiện quan điểm về việc phải nhanh chóng thành lập một đảng cộng sản thống nhất ở các khu vực này. Ngày 18-10-1929, trong "dự thảo II" về thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương, tại phiên họp Hội đồng Ban Bí thư Phương Đông có khẳng định: Việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương càng trở nên cần thiết. Ngày 27-10-1929, Quốc tế Cộng sản chính thức gửi cho những người cộng sản Đông Dương tài liệu về việc thành lập Đảng Cộng sản ở Đông Dương: "Việc thiếu một Đảng Cộng sản duy nhất trong lúc phong trào quần chúng công nhân và nông dân ngày càng phát triển, đã trở thành một điều nguy hiểm vô cùng cho tương lai trước mắt của cách mạng Đông Dương,... Sự chia rẽ giữa các nhóm cộng sản và cuộc đấu tranh giữa các nhóm đó là nguy cơ tai hại nhất cho toàn bộ phong trào cách mạng Đông Dương", Quốc tế Cộng sản chỉ thị: "Nhiệm vụ quan trọng và cấp bách nhất của tất cả những người cộng sản Đông Dương là thành lập một Đảng cách mạng có tính chất giai cấp của giai cấp vô sản, nghĩa là một số đảng cộng sản có tính chất quần chúng ở Đông Dương. Đảng đó phải chỉ có một và là tổ chức cộng sản duy nhất ở Đông Dương".

Trong bản chỉ thị đó, Quốc tế Cộng sản chính thức gửi cho những người cộng sản nguyên tắc về xây dựng Đảng Mác - Lênin và chỉ đạo cách tiến hành hợp nhất các tổ chức cộng sản. Điều này hết sức quan trọng định hướng cho sự thống nhất về quan điểm tư tưởng để đi tới việc hợp nhất các tổ chức cộng sản lúc bấy giờ. Nhưng trên thực tế, việc thống nhất về quan

điểm tư tưởng để đi đến hợp nhất các tổ chức cộng sản là một việc diễn ra không hề đơn giản.

Bản Chỉ thị của Quốc tế Cộng sản ngày 27-10-1929 là một văn kiện chỉ đạo rất quan trọng. Nó góp phần thúc đẩy quá trình vận động thống nhất Đảng, chấm dứt sự chia rẽ trong phong trào cộng sản và công nhân nước ta. Tuy nhiên do bí mật gửi qua đường liên lạc của Đảng Cộng sản Pháp nên mãi đến tháng 2 - 1930 bản Chỉ thị mới tới Sài Gòn, chuyển cho Xứ ủy Nam kỳ.

2. Nguyễn Ái Quốc chủ động triệu tập và chủ trì hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Thực chất trong thời gian Quốc tế Cộng sản gửi bản Chỉ thị ngày 27-10-1929 qua Đảng Cộng sản Pháp rồi tới Sài Gòn, lúc này Nguyễn Ái Quốc đang ở Xiêm, không biết tới chỉ thị này. Tuy nhiên, khi được tin trong nước đã hình thành nhiều tổ chức cộng sản, "với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương"[1], Nguyễn Ái Quốc đã gấp rút đi Hương Cảng, gửi thư về nước mời đại diện của các tổ chức sang Hương Cảng bàn việc hợp nhất. Đây là sáng kiến rất chủ động và kịp thời của Nguyễn Ái Quốc. Cuối năm 1929, Nguyễn Ái Quốc đã rời Xiêm đến Trung Quốc, Người gặp gỡ những chiến sĩ cách mạng Việt Nam đang hoạt động ở đây để tìm hiểu thêm tình hình. Sau đó, Người đã đến Hương Cảng chuẩn bị công việc cho Hội nghị hợp nhất. Người đã chọn Hương Cảng là nơi tổ chức hội nghị bởi lúc đó Hương Cảng là thuộc địa của Anh, chính quyền sở tại ít chú ý tới những hoạt động yêu nước của người Việt Nam, do đó sẽ đảm bảo an toàn hơn cho hội nghị.

Để chỉ đạo hội nghị tiến hành đạt mục tiêu thành lập một Đảng Cộng sản duy nhất ở Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc xác định rõ vấn đề quan trọng hàng đầu là phải tự phê bình và phê bình về những thành kiến của tổ chức cộng sản dẫn đến tình trạng xung đột công kích nhau, phải xóa bỏ những khuyết điểm đó và thành thật hợp tác thống nhất các tổ chức cộng sản. Nguyễn Ái Quốc đã đại diện cho Quốc tế Cộng sản, với khả năng thuyết phục, cảm hóa lòng người, dựa vào uy tín lớn của Người thì những vấn đề bất đồng khó giải quyết lâu nay đã được hòa giải nhanh chóng. Tiếp đó, bàn về việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và thảo luận thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược văn tắt* và *Điều lệ tóm tắt* do Nguyễn Ái Quốc dự thảo. Hội nghị đã thảo luận sôi nổi và tán thành ý kiến chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, hợp nhất Đông Dương cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Lúc đó tổ chức Đông Dương cộng sản Liên đoàn đã không kịp cử đại biểu đến dự, sau này đã xin gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng: Toàn tập,* Nxb. CTQG, HN, 1998, tập 1, tr.614

Khác với chỉ thị của Quốc tế Cộng sản là lập Đảng Cộng sản Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc đã đưa ra và được hội nghị hợp nhất thông qua, với tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Tuy Đông Dương là thuộc địa của Pháp nhưng gồm 3 dân tộc sinh sống nhưng lịch sử của mỗi dân tộc có những đặc thù riêng biệt, nên đặt tên là Đảng Cộng sản Việt Nam là phù hợp với thực tế lịch sử và hơn thế nữa, đó là sự tôn trọng và quán triệt nguyên tắc về dân tộc tự quyết của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đó là giai cấp công nhân và đội tiền phong của nó mang bản chất quốc tế nhưng trước hết phải tự quyết về vận mệnh của dân tộc mình: phải giành lấy chính quyền, phải tự mình trở thành dân tộc. Nguyễn Ái Quốc đã nhận định Đông Dương cộng sản Đảng và An Nam cộng sản Đảng đều ra đời và hoạt động vì mục tiêu giải phóng dân tộc và nhân dân lao động. Nguyễn Ái Quốc đã không lựa chọn ai là chân chính cộng sản, ai là không chân chính mà Người đã chuyển nguyên khối các tổ chức đó vào Đảng Cộng sản Việt Nam, chứ không giải thể rồi lựa chọn những phần tử ưu tú để kết nạp vào Đảng như điều kiện thành lập Đảng Cộng sản ở Đông Dương do Quốc tế Cộng sản nêu ra.

Như vậy, để đi tới quyết định thống nhất các tổ chức đảng vào trong một tổ chức duy nhất - Đảng Cộng sản Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc đã chủ động trong mọi công việc, Người chọn địa điểm diễn ra hội nghị, chủ động soạn thảo, dự thảo các văn kiện cho hội nghị, lấy tên Đảng Cộng sản Việt Nam và Người đã trực tiếp đứng ra chủ trì hội nghị có tính bước ngoặt quan trọng này đối với Đảng ta. Chỉ trong vòng một tháng, ba tổ chức cộng sản ở Đông Dương đã thống nhất vào trong một đảng duy nhất - Đảng Cộng sản Việt Nam. Đến đây có thể nói, với sự tổ chức tài tình sáng tạo, Nguyễn Ái Quốc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ lịch sử trọng đại trước giai cấp công nhân và cả dân tộc Việt Nam. Thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, vạch ra cho cách mạng Việt Nam đi từ Cách mạng dân tộc dân chủ tiến lên Chủ nghĩa xã hội, và đề ra nguyên tắc tổ chức đảng kiểu mới đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với điều kiện xã hội thuộc địa nửa phong kiến ở nước ta.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam được đánh dấu bằng mốc son hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản. Nguyễn Ái Quốc đã kịp thời, chủ động giải quyết yêu cầu cấp bách của cách mạng Việt Nam, với tài năng và uy tín của mình kết hợp với sự khéo léo trong công tác tổ chức và thành lập nên một Đảng Cộng sản duy nhất ở Việt Nam, chấm dứt sự phân tán về tổ chức và sự khủng hoảng bế tắc về đường lối cứu nước, cùng giai cấp lãnh đạo của cách mạng Việt Nam trong 72 năm, từ năm 1858 -1930. Đồng chí Nguyễn Thiệu người trực tiếp tham dự hội nghị hợp nhất thành lập Đảng đã viết trong dịp kỷ niệm 34 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam: Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã làm cho chúng tôi được thỏa lòng, Đảng mới, tên mới, tất cả đều thống nhất theo tinh thần mới. Lịch sử dân tộc và cách mạng Việt Nam mãi mãi ghi nhớ công lao to lớn đó của Người.

CHƯƠNG II.
Ý NGHĨA SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

I. Ý NGHĨA DÂN TỘC

Với sự chuẩn bị tích cực và sáng tạo các tiền đề về mọi mặt cho sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc, đặt biệt là phương pháp truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam đã dẫn tới Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ngày 3 -2 - 1930. Đó là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Chính sự kết hợp ba yếu tố này đã phản ánh tính đặc thù trong quy luật hình thành Đảng ở một nước thuộc địa nửa phong kiến.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã có đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn ngay từ đầu. Đó chính là kết quả của quá trình tìm tòi và sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc. Người đã sớm thấy được tầm quan trọng của đường lối, đó là điều kiện tiên quyết đảm bảo sự tồn tại của Đảng và thắng lợi của cách mạng. Nhờ có đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, ngay sau khi Đảng ra đời đã chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước sau một thời gian dài trên đất nước ta. Nhờ cách làm cẩn trọng, sáng tạo và linh hoạt, Nguyễn Ái Quốc đã thống nhất được tư tưởng và hành động của các tổ chức đảng xuất hiện những năm 1929, 1930, tránh được sự phân tán về tổ chức, phân liệt về chính trị, tư tưởng.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã xác lập vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam và toàn thể dân tộc Việt Nam. Cũng bắt đầu từ đây, đánh dấu sự thắng lợi của đường lối cứu nước theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đối với đường lối cải lương và quốc gia cách mạng theo hệ tư tưởng tư sản. Đánh dấu sự hoàn chỉnh cơ bản con đường cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam với đường lối đúng đắn đã đưa nhân dân ta vào cuộc đấu tranh mới vì độc lập, tự do và phát triển đất nước. Mặt khác, Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc sáng lập và tôi luyện ra đời là sự kiện có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Đây là sự chuẩn bị điều kiện cơ bản quyết định cho sự thắng lợi nối tiếp nhau của cả dân tộc Việt Nam, là bước nhảy vọt lớn trong lịch sử của dân tộc ta. Mười lăm tuổi, Đảng đã lãnh đạo

nhân dân làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám vĩ đại, giành lại nền độc lập cho dân tộc, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tiếp đó Đảng lại lãnh đạo nhân dân làm nên hai cuộc kháng chiến thần thánh, đánh thắng hai đế quốc hùng mạnh là Pháp và Mỹ, giành trọn vẹn mục tiêu độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Văn kiện đại hội IX đã tổng kết: *"Đối với nước ta, thế kỷ XX là thế kỷ đấu tranh oanh liệt giành lại độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thế kỷ của những chiến công và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại".*

II. Ý NGHĨA THỜI ĐẠI

Người thanh niên Nguyễn Tất Thành rời quê hương ra đi tìm đường cứu nước cho dân tộc mình, những kết quả đem lại với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam không những có ý nghĩa đối với dân tộc Việt Nam mà còn có ý nghĩa đối với thời đại.

Một Đảng mới ra đời ở một nước thuộc địa nửa phong kiến đã sớm xác định đường lối và phương pháp cách mạng đúng, là một hiện tượng hiếm có trên thế giới. Trong lịch sử phát triển phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã cho thấy Đảng hoạt động trong một thời gian khá dài mới xác định được đường lối đúng đắn. Ngay cả những Đảng Cộng sản lớn như Đảng Dân chủ xã hội Nga mặc dù được thành lập năm 1898 nhưng trải qua ba lần đại hội, đến năm 1905 mới xác định được Cương lĩnh hay Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập năm 1921 nhưng phải qua 6 lần đại hội, cho đến tháng 1-1935 mới xác định được đường lối đúng.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã góp phần quan trọng trong kho tàng kinh nghiệm cách mạng thế giới đối với việc ra đời của một Đảng Cộng sản ở một nước thuộc địa. Công thức ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự kết hợp lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin cộng với thực tiễn cách mạng Việt Nam: Đảng Cộng sản Việt Nam = chủ nghĩa Mác - Lênin + phong trào công nhân + phong trào yêu nước và thực tiễn lãnh đạo các phong trào cách mạng ở Việt Nam là một đóng góp to lớn vào lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin và phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, là một tấm gương cho các nước thuộc địa và nửa thuộc địa noi theo. So với lý luận mang tính cổ điển: Đảng Cộng sản = chủ nghĩa Mác - Lênin + phong trào công nhân. Thì đây là bước đột phá mới mẻ thông qua thực tiễn gần 20 năm (1911 - 1930) Hồ Chí Minh đã mày mò, khảo nghiệm và đi đến quyết định thành lập ở Việt Nam mang đầy đủ tính đặc trưng của chủ nghĩa Mác - Lênin và căn cứ vào thực tiễn Việt Nam.

Trong nhiều thời kỳ, tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản, về việc xây dựng Đảng trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức đã làm cho Đảng trở thành bộ tham mưu sáng suốt lãnh đạo sự nghiệp cách mạng. Từ đó Đảng đã lãnh đạo giai cấp công nhân và cả dân tộc Việt Nam giành thắng lợi ngày càng to lớn hơn cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Dưới sự

lãnh đạo của Đảng, sự nghiệp đổi mới của đất nước ta đã giành được những thành tựu to lớn về kinh tế, giữ vững ổn định về chính trị, văn hoá - xã hội, an ninh quốc phòng, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cho dù chế độ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu đã bị sụp đổ.

Tuy nhiên, lịch sử luôn luôn vận động và biến đổi không ngừng, con đường cứu nước mà Hồ Chí Minh chọn là sự vận dụng đúng đắn trong điều kiện hoàn cảnh lịch sử của Việt Nam cũng như tình hình thế giới. Toàn Đảng, toàn dân và mỗi cán bộ, đảng viên phải thiết thực học tập và hành động để cho Đảng ta thật sự là đại biểu của trí tuệ, đạo đức và văn minh, lãnh đạo sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giành nhiều thành tựu to lớn, quyết tâm đưa đất nước thoát khỏi đói nghèo, lạc hậu, đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bản sao lưu trữ

Bản sao lưu trữ

Phần thứ ba.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Bản sao lưu trữ

Bản sao lưu trữ

CHƯƠNG I.
QUY LUẬT RA ĐỜI VÀ BẢN CHẤT GIAI CẤP CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành một Đảng cách mạng chân chính, một bộ tham mưu sáng suốt và kiên cường của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam, để lãnh đạo nhân dân tiến hành thắng lợi cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong những di sản tư tưởng mà Người để lại, những luận điểm về Đảng Cộng sản, về xây dựng Đảng, đặc biệt trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, là một phần cực kỳ quan trọng.

Quán triệt và vận dụng sáng tạo tư tưởng của Người nhằm chỉnh đốn và đổi mới Đảng, làm cho Đảng thật sự trong sạch vững mạnh, xứng đáng là lực lượng lãnh đạo toàn xã hội, là một trong những nhiệm vụ chủ yếu nhất của toàn Đảng, toàn dân ta. Đây thực sự là vấn đề then chốt đảm bảo thắng lợi cho công cuộc đổi mới hiện nay.

I. NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

** Một số khái niệm liên quan:*

- Đảng chính trị là tổ chức xã hội có tổ chức cao, có điều lệ, cương lĩnh mà mọi thành viên và mọi cấp tổ chức của Đảng phải tuyệt đối tuân thủ. Đảng chính trị phải có tư tưởng tiên phong của giai cấp, có khả năng đại diện cho lợi ích của giai cấp và đấu tranh bảo vệ lợi ích giai cấp. Đảng chính trị là sản phẩm tất yếu của quá trình đấu tranh giai cấp (theo *Giáo trình Xây dựng Đảng).*

- Đảng là tổ chức chính trị đại diện cho một giai cấp, một tầng lớp xã hội và đấu tranh cho quyền lợi của giai cấp, của tầng lớp ấy (theo *Từ điển Tiếng Việt*).

- Đảng Cộng sản là một Đảng chính trị, đại diện cho lợi ích của giai cấp vô sản, Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hoạt động của mình, lãnh đạo nhân dân thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội (theo *Giáo trình Chính trị học đại cương*).

1. Quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

1.1. Hồ Chí Minh xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về quy luật ra đời của Đảng Cộng sản.

+ C. Mác: Đảng Cộng sản là sự kết hợp giữa Chủ nghĩa xã hội khoa học và phong trào công nhân.

Mác viết: "Giống như triết học thấy giai cấp vô sản là vũ khí vật chất của mình, giai cấp vô sản cũng thấy triết học là vũ khí tinh thần của mình"(1).

Trong phong trào công nhân, Mác - Ăngghen tích cực hoạt động truyền bá tư tưởng của mình vào phong trào để làm nảy sinh tư tưởng về Đảng Cộng sản. Chuẩn bị các điều kiện cho sự kết hợp của chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào công nhân làm ra đời các Đảng Cộng sản ở châu Âu.

+ Sự kết hợp của hai nhân tố đó sau này được Lênin tổng kết là quy luật ra đời của Đảng cộng sản. Sự kết hợp đó tạo cơ sở vững chắc cho cả hai: "Chủ nghĩa Mác cần phong trào công nhân với tư cách là lực lượng để thực hiện chủ nghĩa của mình và phong trào công nhân cần chủ nghĩa Mác để soi đường dẫn lối đấu tranh". Trong mỗi nước khác nhau, sự kết hợp đó là sản phẩm của lịch sử, được thực hiện bằng con đường đặc biệt, tùy theo điều kiện không gian và thời gian.

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp thu luận điểm này đã khẳng định tính đúng đắn của nó nhưng đồng thời Người cũng thấy hạn chế là: Luận điểm này chưa tính đến các quốc gia lạc hậu, kém phát triển nơi có phong trào yêu nước diễn ra mạnh mẽ và chiếm ưu thế. Trong các nước đó, bên cạnh phong trào công nhân, phong trào yêu nước của các tầng lớp nhân dân chiếm vị trí vô cùng to lớn.

Trong thực tế, chủ nghĩa Mác kết hợp với phong trào công nhân đã được Lênin giải quyết cả về mặt lý luận và thực tiễn. Vậy chủ nghĩa Mác - Lênin có kết hợp được với phong trào yêu nước hay không? Đây là vấn đề lớn của phong trào cách mạng thế giới, Hồ Chí Minh bằng nhãn quan chính trị sắc bén và sự hiểu biết sâu sắc về bản chất chủ nghĩa Mác - Lênin và phong trào yêu nước Việt Nam đã khẳng định chủ nghĩa Mác -Lênin hoàn toàn có thể kết hợp được với phong trào yêu nước ở Việt Nam vì:

* Hồ Chí Minh xuất phát từ thực tiễn Việt Nam để đánh giá cao phong trào yêu nước ở Việt Nam.

- Phong trào yêu nước là cái trường tồn được hun đúc qua hàng ngàn năm lịch sử.

- Phong trào yêu nước là yếu tố có trước so với phong trào công nhân và cả sự ra đời của giai cấp công nhân.

+ Giai cấp công nhân ra đời sau khi thực dân Pháp đặt ách thống trị trên đất nước ta, qua hai lần khai thác thuộc địa.

+ Phong trào công nhân mới phát triển vào những năm 20 của thế kỷ XX (khoảng 2% dân số).

- Phong trào yêu nước Việt Nam có: số lượng đông đảo và quy mô rộng lớn, đa dạng.

---

(1) Các Mác – Ph.Ăng-ghen: *Những tác phẩm ban đầu,* Nxb. Tiến bộ Mátxcơva, 1956, tr.562

+ Phong trào nông dân (hơn 90% dân số) là đồng minh tự nhiên của giai cấp công nhân.

+ Những phong trào yêu nước của tiểu tư sản, trí thức. Chính những phong trào này thúc đẩy cho sự chuyển hướng nhanh chóng của nhiều trí thức đi tới tiếp cận chủ nghĩa Mác - Lênin, trở thành những nhà cách mạng tiền bối, góp phần tích cực thúc đẩy quá trình hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Phong trào yêu nước ở Việt Nam thực sự to lớn đóng vai trò quan trọng thúc đẩy phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, kết hợp được với phong trào công nhân vì hai phong trào này có điểm tương đồng là mục tiêu giải phóng dân tộc.

- Tạo cơ sở vững chắc cho cả ba cùng phát triển mà trước hết là phong trào yêu nước, bởi phong trào yêu nước Việt Nam lúc này đang bế tắc, gặp chủ nghĩa Mác - Lênin giúp cho phong trào yêu nước vượt qua giới hạn yêu nước truyền thống để trở thành chủ nghĩa yêu nước mới: yêu nước gắn với yêu chủ nghĩa xã hội. Chính sự kết hợp ấy tạo ra sự bùng nổ về lòng yêu nước, trí thông minh, sự dũng cảm của mỗi người cách mạng làm cho phong trào yêu nước có sự chuyển biến về chất: yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội, yêu chủ nghĩa xã hội càng phải nâng cao lòng yêu nước, yêu nhân dân.

** Đánh giá cao vai trò của giai cấp công nhân và phong trào công nhân.*

Trong ba yếu tố trên, Hồ Chí Minh đánh giá cao vai trò của yếu tố phong trào công nhân. Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân sẽ đưa giai cấp công nhân dần dần ý thức được trách nhiệm giai cấp và trách nhiệm dân tộc của mình, trở thành lực lượng tự giác, tự mình trở thành dân tộc.

Như vậy, ở đây phong trào công nhân dù có tiên tiến nhất nhưng không gắn bó với phong trào yêu nước, trở thành nòng cốt của phong trào yêu nước thì cũng không mở rộng được cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân và đưa cách mạng đến thắng lợi.

Nguyên nhân thất bại của các cuộc đấu tranh yêu nước cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX là do thiếu một Đảng chân chính lãnh đạo cách mạng.

** Vai trò chủ quan của Hồ Chí Minh*

Đã từng có những người Việt Nam nhận thức được tầm quan trọng của tổ chức, có người từng đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, nhưng chỉ có Nguyễn Ái Quốc mới hiểu rõ bản chất và tính ưu việt của chủ nghĩa Mác -Lênin. Phải chăng là do vai trò chủ quan của Hồ Chí Minh.

+ Hồ Chí Minh ra đi từ một người yêu nước, mang theo khát vọng giải phóng cho dân tộc, mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân.

+ Có nhãn quan chính trị nhạy bén và sự hiểu biết sâu sắc bản chất chủ nghĩa Mác - Lênin cũng như yêu cầu của phong trào yêu nước Việt Nam.

+ Có tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo

Có người hỏi: Có thể nào tổ chức được một Đảng Cộng sản lớn mạnh, đội tiên phong của giai cấp công nhân trong một số thuộc địa lạc hậu, ở đó

giai cấp công nhân mới hình thành, hãy còn là thiểu số hay không? Chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời rằng: Được. Phải được. Vấn đề là phải chuẩn bị cẩn thận, không được hấp tấp, phải có quan niệm đúng: Đảng Cộng sản đúng là đội tiên phong của giai cấp công nhân nhưng không nhất thiết phải là một Đảng trong đó phần lớn đảng viên là giai cấp công nhân; cũng không nhất thiết đa số cấp ủy viên lãnh đạo phải là công nhân. Trong điều kiện nước ta, mà không phải chỉ ở nước ta thôi, cái bảo đảm tính chất Đảng tiên phong của giai cấp công nhân không phải là thành phần công nhân mà là ý thức tư tưởng và đường lối Mác - Lênin. Tuy nhiên, Chủ tịch Hồ Chí Minh không bao giờ quên dặn dò Đảng phải ráng thu phục đa số giai cấp công nhân, nhưng Bác cũng không bao giờ lệch chủ nghĩa thành phần, khi ấy gọi là "công nhân chủ nghĩa". Điều quan trọng là phải đứng trên lập trường giai cấp công nhân, đấu tranh cho quyền lợi của giai cấp công nhân

** Ý nghĩa lý luận:*

+ Đây là quan điểm đúng đắn, sáng tạo của Hồ Chí Minh.

+ Bổ sung, làm phong phú thêm kho tàng lý luận Mác - Lênin.

Với sự sáng tạo và phát triển này cho chúng ta một nhận định rằng: Quan điểm về sự hình thành Đảng Cộng sản của Hồ Chí Minh vừa quán triệt chủ nghĩa Mác - Lênin về sự ra đời một Đảng Cộng sản, vừa phù hợp với hoàn cảnh một nước thuộc địa, kinh tế lạc hậu chậm phát triển, nơi có truyền thống đấu tranh yêu nước lâu đời của nhân dân, nơi có số lượng giai cấp công nhân còn ít ỏi, nhưng đã sớm tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin và có mối quan hệ chặt chẽ với phong trào yêu nước ngay từ đầu.

Quan điểm này cũng thể hiện sự gắn bó vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc ngay trong việc thành lập Đảng: Ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, chủ nghĩa Mác - Lênin không những thâm nhập vào giai cấp công nhân mà điều hết sức quan trọng là thâm nhập vào dân tộc, vào phong trào yêu nước của đông đảo tầng lớp nhân dân thì mới cắm rễ trên mảnh đất hiện thực, mới có sức sống bền vững và mạnh mẽ, mới làm cho giai cấp công nhân trở thành dân tộc như Mác - Ăngghen đã nêu khi viết "Tuyên ngôn Đảng Cộng sản". Đã có lúc Chủ tịch Hồ Chí Minh bị coi là chủ nghĩa dân tộc nhưng thực tiễn phong trào cách mạng Việt Nam đã kiểm nghiệm và chứng minh quan điểm này. Sự gắn bó ấy không chỉ là vấn đề của các nước thuộc địa đang làm cách mạng giải phóng dân tộc mà còn là vấn đề của tất cả các nước đã bước vào chủ nghĩa xã hội và xây dựng xã hội chủ nghĩa.

1.2. Cho đến nay, quan điểm ấy vẫn là nền tảng, cơ sở, là kim chỉ nam cho hoạt động của Đảng ta.

Đúng như đồng chí Gớt Hôn - Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Mỹ đã nhận xét: "Hồ Chí Minh là nhà lý luận chiến lược thiên tài, Người luôn luôn nhìn rõ những lực lượng cần đoàn kết, liên minh... ". Quan điểm của Hồ Chí Minh về quy luật ra đời của Đảng cộng sản không chỉ có ý nghĩa cho hôm qua, hôm nay mà cho cả mai sau.

**Ý nghĩa thực tiễn:*

+ Luận điểm này có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với cách mạng Việt Nam, góp phần quyết định thắng lợi cho cách mạng Việt Nam.

+ Đảng ra đời đã đề ra đường lối, chủ trương, chính sách đại đoàn kết dân tộc trong tất cả các thời kỳ cách mạng.

+ Là cơ sở cho việc xây dựng, củng cố và tăng cường khối liên minh giai cấp công - nông - trí.

+ Tăng cường vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân mà đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản.

+ Góp phần giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đảng - giai cấp - dân tộc cả trong hai giai đoạn cách mạng, giúp cách mạng Việt Nam đi đúng hướng.

+ Khắc phục được quan điểm biệt phái, tả khuynh, tập hợp được toàn dân vào cuộc cách mạng vĩ đại của dân tộc.

+ Cách mạng Việt Nam được các lực lượng tiến bộ thế giới ủng hộ

Đối với quốc tế (với những nước có hoàn cảnh giống Việt Nam) giúp cho họ việc nhìn nhận rõ hơn vị trí, vai trò của lực lượng tiến bộ xã hội mà Đảng Cộng sản phải chú ý về lực lượng cách mạng cũng như những bước đi để giải quyết tốt vấn đề dân tộc và giai cấp.

1.3. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng chính trị nói chung là bộ phận tích cực nhất, có tổ chức của một giai cấp nào đó. Tiếp thu quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh thực tiễn của cách mạng, Hồ Chí Minh đã khẳng định ở Việt Nam cũng vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân.

- Cơ sở lý luận: Dựa trên nền tảng quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về bản chất giai cấp công nhân của Đảng.

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã khẳng định bản chất giai cấp của Đảng Cộng sản là Đảng cộng sản mang bản chất giai cấp công nhân.

- Đảng Cộng sản là đội tiên phong, tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân.

- Đảng lấy chủ nghĩa xã hội khoa học - hệ tư tưởng của giai cấp công nhân làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng.

- Về chính trị: Đảng lấy lý tưởng của giai cấp công nhân làm lý tưởng của Đảng: lý tưởng cộng sản.

- Về tổ chức: Đảng Cộng sản được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Điều này phản ánh rõ bản chất giai cấp công nhân: có tổ chức, kỷ luật.

Trong tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, Mác và Ăngghen đã viết:

+ Về mặt thực tiễn: Những người cộng sản là bộ phận kiên quyết nhất trong các Đảng công nhân ở tất cả các nước, là bộ phận cổ vũ tất cả các bộ phận khác.

+ Về mặt lý luận: Họ hơn một bộ phận còn lại của giai cấp vô sản ở chỗ: họ hiểu rõ những điều kiện, tiến trình, kết quả chung của phong trào cộng sản.

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã khẳng định: Đảng Cộng sản là Đảng của giai cấp vô sản, đấu tranh cho quyền lợi của giai cấp vô sản thế giới. Đảng bao gồm những phần tử tiên tiến nhất trong giai cấp vô sản, là bộ tham mưu chiến đấu, đội tiên phong của giai cấp vô sản.

Như PGS. TS. Hoàng Trang khẳng định: Muốn hiểu rõ bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh, phải xem tính chất của ba thành tố hợp thành Đảng và tổng hợp thành Đảng và tổng hợp những tính chất đó là bản chất của Đảng. *Trước hết,* thành tố Chủ nghĩa Mác - Lênin có ba tính chất: tính cách mạng; tính khoa học; tính nhân văn. *Hai là,* bản chất giai cấp công nhân thể hiện ở bốn tính chất: tính lao động; tính tập thể; tính tổ chức kỷ luật; tính cách mạng. *Ba là,* bản chất của phong trào yêu nước được đúc kết thành ba tính chất: Kiên cường bất khuất; hi sinh xả thân; đoàn kết vì nghĩa lớn. Do đó, bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam là tổng hoà những nét bản chất của Chủ nghĩa Mác - Lênin, của giai cấp công nhân, của phong trào yêu nước Việt Nam, có thể khái quát ở bốn tính chất: tính cách mạng; tính trí tuệ; tính đạo đức; tính quần chúng. Đảng là yếu tố "trước hết", yếu tố tiên quyết quyết định thắng lợi của cách mạng. Nhưng không phải có Đảng là tất yếu thắng lợi. Theo Hồ Chí Minh, có Đảng là điều kiện cần, điều kiện đủ là Đảng phải "vững", "Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy"(1).

Theo GS. TS. Mạch Quang Thắng thì: Luận điểm của Hồ Chí Minh về Đảng cách mạng chân chính, một đảng mang bản chất giai cấp công nhân có ý nghĩa lớn lao, soi đường cho cách mạng Việt Nam hiện nay trong sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh đã vận dụng các quan điểm của Lênin vào hoàn cảnh của Việt Nam, nêu lên tính chất giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện ở những khía cạnh sau: *Một là,* Đảng phải lấy Chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của mình. *Hai là,* Đảng phải luôn luôn kiên trì mục tiêu xã hội chủ nghĩa. *Ba là,* Phải xác định đúng cơ cấu, thành phần, chất lượng đội ngũ đảng viên của Đảng; khi nói Đảng của giai cấp công nhân thì cũng có nghĩa là Đảng đó phải dựa chủ yếu vào lực lượng công nhân, đại biểu cho lợi ích và quyền lợi của công nhân. *Bốn là,* Đảng phải xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh, đồng thời không tách giai cấp công nhân ra khỏi cộng đồng những người lao động. *Năm là,* Đảng phải thường xuyên tỏ ra là một bộ phận ưu tú và liên hệ mật thiết với giai cấp công nhân(2).

---

(1) Đại học Quốc gia Hà Nội: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học kỷ niệm 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh,* HN, 2010.

(2) GS.TS. Mạch Quang Thắng: *Đảng Cộng sản Việt Nam- Những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng,* Nxb. Lao Động, HN, 2007, tr.156-159.

- *Cơ sở thực tiễn.*

Quá trình tổ chức và hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Chủ nghĩa Mác-Lênin là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, kết hợp với phong trào công nhân để hình thành nên Đảng Cộng sản, bên cạnh đó phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam lại có quan hệ mật thiết với nhau. Hơn nữa, Hồ Chí Minh cũng thấy rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam, tuy có số lượng ít hơn đa số dân chúng nhưng có đầy đủ phẩm chất và năng lực lãnh đạo đất nước thực hiện các nhiệm vụ cách mạng; còn các tầng lớp, giai cấp khác chịu sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, trở thành bạn đồng minh của giai cấp công nhân.

- *Nội dung:*

Tư tưởng Hồ Chí Minh về bản chất giai cấp công nhân của Đảng là nhất quán trong suốt quá trình hình thành và phát triển tư tưởng của Người.

- Hồ Chí Minh thường có nhiều cách gọi về Đảng Cộng sản Việt Nam. Có lúc Người gọi là "Đảng cách mạng", "Đảng cách mạng chân chính", "Đảng mácxít- lêninnít", "Đảng của vô sản giai cấp", v.v. nhưng thực chất là một, đó là Đảng theo kiểu mới của giai cấp vô sản, mang bản chất cách mạng và khoa học, trung thành với chủ nghĩa Mác – Lênin.

- Ngay từ ngày thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện ý tưởng nêu ra trong cuốn *"Đường Kách mệnh"*, Nguyễn Ái Quốc đã nêu rõ trong các văn kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam: "Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp", "là đội quân tiên phong của đạo quân vô sản", "Đảng của giai cấp vô sản".

- Đại hội II của Đảng: "trong giai đoạn này quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam".

- Năm 1953 trong tác phẩm *"Thường thức chính trị"*: "Đảng của giai cấp lao động, Đảng của toàn dân".

- Tháng 12 năm 1961, Người nói: "Đảng ta là Đảng của giai cấp công nhân đồng thời là Đảng của dân tộc, không thiên tư thiên vị. Đảng không lo riêng cho một đồng chí nào hết, Đảng lo việc cho cả nước".

- Năm 1965, Hồ Chí Minh cho rằng: Đảng ta xứng đáng là đội tiên phong, là bộ tham mưu của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Qua đó ta thấy tuy cách diễn đạt ở mỗi lần có khác nhau nhưng luôn luôn khẳng định bản chất giai cấp công nhân của Đảng:

+ Lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm cốt, chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân.

+ Mục tiêu của Đảng: đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

+ Sinh hoạt theo những nguyên tắc của Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân.

- Tính dân tộc của Đảng.

+ Đại diện và tiêu biểu cho lợi ích của toàn dân tộc. Ngoài lợi ích của Tổ quốc và nhân dân, Đảng không có lợi ích nào khác.

Vậy tại sao Hồ Chí Minh đã khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân, Người lại đưa yếu tố tính dân tộc vào nữa, liệu hai điều đó có mâu thuẫn với nhau không? Liệu có phải Người quan niệm Đảng dân tộc, Đảng phi giai cấp hay không? Hoàn toàn không phải như vậy.

- Xét về thực chất nội dung: để xác định bản chất giai cấp công nhân của Đảng - Báo cáo tại Đại hội II ghi rõ:

+ Về lý luận: Đảng Lao động Việt Nam theo chủ nghĩa Mác - Lênin.

+ Về thành phần: Đảng kết nạp những công nhân, nông dân, lao động trí óc thật hăng hái, thật giác ngộ.

+ Về tổ chức: Đảng phải có kỷ luật sắt đồng thời là kỷ luật tự giác.

+ Về luật phát triển Đảng: Đảng dùng lối tự phê bình và phê bình để giáo dục đảng viên.

+ Về mục đích: Đảng đoàn kết lãnh đạo toàn dân kháng chiến để đi đến thắng lợi hoàn toàn, xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

- Xét về mặt thực tế xã hội Việt Nam.

+ Trước Cách mạng Tháng Tám, nước ta là một nước thuộc địa nửa phong kiến; sau Cách mạng Tháng Tám, là một nước nông nghiệp lạc hậu, có nền kinh tế chậm phát triển.

+ Giai cấp công nhân có số lượng rất ít trong dân cư.

+ Đất nước trải qua nhiều thời kỳ đấu tranh chống ngoại xâm đều nhờ vào sức mạnh của cả dân tộc.

+ Tất cả các giai tầng trong xã hội đều có chung một yêu cầu: giải phóng dân tộc, giành độc lập cho tổ quốc.

Mặc dù Đảng có nhiều tên gọi qua từng thời kỳ khác nhau nhưng bản chất của Đảng vẫn chỉ là duy nhất. Đảng mang bản chất giai cấp công nhân, được xây dựng theo các nguyên tắc Đảng kiểu mới của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Nếu hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về bản chất giai cấp của Đảng bằng cách hiểu cực đoan, tuyệt đối hóa mệnh đề Đảng của dân tộc để xóa nhòa bản chất giai cấp của Đảng là mơ hồ, hoàn toàn không đúng với tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nói như thế không có nghĩa là xóa nhòa ranh giới giữa giai cấp, xóa nhòa bản chất giai cấp của Đảng mà Bác vẫn khẳng định bản chất giai cấp công nhân và dù tất cả các giai tầng xã hội đều có chung một yêu cầu giải phóng dân tộc nhưng giai cấp công nhân vẫn là giai cấp lãnh đạo cách mạng, đội tiền phong của toàn dân tộc

Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, bản chất giai cấp công nhân và tính dân tộc của Đảng là nhất quán, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau

Ý nghĩa:

Trung thành với quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của cách mạng Việt Nam.

Bản chất giai cấp của Đảng là bản chất giai cấp công nhân nhưng quan niệm Đảng không những là Đảng của giai cấp công nhân mà còn là Đảng của nhân dân lao động và của toàn dân tộc có ý nghĩa lớn đối với cách mạng Việt Nam.

- Xác lập cơ sở xã hội của Đảng không chỉ là giai cấp công nhân mà còn là cả dân tộc Việt Nam.

Thực tiễn của một nước thuộc địa nửa phong kiến có nền nông nghiệp lạc hậu, kém phát triển. Ở thuộc địa, Đảng Cộng sản không chỉ gắn bó với giai cấp mà còn gắn bó với dân tộc; Đảng là đội tiên phong của giai cấp, đồng thời là đội tiên phong của dân tộc; đấu tranh cho quyền lợi của giai cấp đồng thời đấu tranh cho quyền lợi của dân tộc.

Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc. Trong thực tiễn, dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta đã luôn giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa quyền lợi giai cấp và dân tộc. Điều đó thể hiện ở đường lối độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Trong quá trình rèn luyện Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn chú trọng tính thống nhất giữa yếu tố giai cấp và yếu tố dân tộc. Sức mạnh của Đảng không chỉ bắt nguồn từ giai cấp công nhân mà còn bắt nguồn từ các tầng lớp nhân dân lao động khác.

Bản sao lưu trữ

CHƯƠNG II.
VẤN ĐỀ ĐẢNG CẦM QUYỀN VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẢNG

I. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CẦM QUYỀN

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chính quyền thuộc về tay nhân dân, Đảng Cộng sản Đông Dương đã trở thành Đảng cầm quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói đến cụm từ "Đảng cầm quyền" thể hiện nội dung Đảng lãnh đạo chính quyền và toàn xã hội. Người khẳng định: "Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật sự trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân"(1).

- Đảng cầm quyền còn dân là chủ. Đảng Cộng sản Việt Nam phải đề ra đường lối phát triển cho đất nước. Người khẳng định: "Phải có đường lối cách mạng đúng, có Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo đúng. Đường lối ấy chỉ có thể là đường lối của Chủ nghĩa Mác – Lênin được vận dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của dân tộc. Ở Việt Nam, đường lối ấy chỉ có thể là đường lối của giai cấp vô sản và Đảng của nó là Đảng Lao động Việt Nam. Đảng phải thật sự là đội tiên phong dũng cảm và đội tham mưu sáng suốt của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của cả dân tộc"(2).

- Đảng Cộng sản Việt Nam luôn lãnh đạo chính quyền. Phương thức lãnh đạo của Đảng cầm quyền: lãnh đạo bằng chủ trương, đường lối, lãnh đạo thông qua tổ chức bộ máy Nhà nước, qua hoạt động của cán bộ, đảng viên.

Nhiệm vụ của Đảng cầm quyền: xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân, mang lại quyền lợi cho nhân dân, lãnh đạo nhân dân xây dựng và bảo vệ đất nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- Sự nghiệp giành chính quyền là của nhân dân, nhưng dân cần có Đảng dẫn đường. Từ đây, Đảng lãnh đạo các tổ chức đoàn thể - chính trị xã hội của quần chúng, nhất là Mặt trận dân tộc thống nhất. Đảng vừa là thành viên, vừa là lực lượng lãnh đạo Mặt trận, nhưng "Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hàng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Nxb. CTQG, HN, 1996, tập 12, tr.498
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Nxb. CTQG, HN, 1996, tập 11, tr.493-494

sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo"[1].

- Đảng cầm quyền phải thực sự là một tổ chức chính trị đại diện cho trí tuệ của cả dân tộc. Đảng cầm quyền phải thực sự là một tổ chức chính trị trong sạch, vững mạnh của giai cấp và dân tộc. Đảng luôn luôn tự chỉnh đốn, xứng đáng là đạo đức, là văn minh, là trí tuệ của dân tộc Việt Nam.

Điều này thể hiện tư cách của Đảng cầm quyền. Đảng cầm quyền có nghĩa là Đảng phải biết tự hoàn thiện mình để luôn luôn đủ năng lực và có phương thức đúng để định ra đường lối và các quyết sách chiến lược đúng đắn, lãnh đạo cách mạng vượt qua mọi khó khăn, giành thắng lợi. Hồ Chí Minh luôn chú trọng xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, đặc biệt là đối với cán bộ, đảng viên. Đảng phải có chính sách dùng người đúng đắn.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

Đảng luôn luôn ở trong xã hội mà xã hội thì vận động không ngừng. Những tư tưởng của các nhà kinh điển cần phải được bổ sung, phát triển để giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn khó khăn, phức tạp của công tác xây dựng Đảng đòi hỏi.

Những di sản tư tưởng của Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, nhưng lại là một dân tộc văn hiến, có truyền thống yêu nước đã được thực tiễn kiểm nghiệm và được nhiều người thừa nhận là một sự phát triển độc đáo, một sáng tạo mới góp phần làm phong phú, hoàn chỉnh lý luận xây dựng Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân.

1. Nền tảng tư tưởng của Đảng

a. Trong quá trình xây dựng đảng vô sản kiểu mới, Lênin đã khẳng định: Đảng lấy chủ nghĩa Mác làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động của mình.

Lênin kiên quyết chọn chủ nghĩa Mác làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Vì sao?

+ *Thứ nhất,* chủ nghĩa Mác là một hệ thống lý luận thống nhất được hình thành từ 3 bộ phận: Triết học mác-xít, Kinh tế chính trị học mác-xít và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

+ *Thứ hai,* chủ nghĩa Mác là học thuyết cách mạng và khoa học.

+ *Thứ ba,* các học thuyết khác (Lát-xan, Cauxky, Bécxtanh) đều phản động, hoặc quá tả, hoặc quá hữu và đều phản bội lại lợi ích của giai cấp công nhân.

b. Lý luận cách mạng luôn giữ vai trò quan trọng đối với bất kỳ một chính đảng nào: định hướng, chỉ đường, là điều kiện quan trọng để cách mạng giành thắng lợi. Và vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với Đảng Cộng sản cũng như vậy.

---

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb. CTQG, HN, 1996, tập 3, tr.139

Chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, là lý luận cách mạng chỉ đường cho giai cấp công nhân đấu tranh chống lại kẻ thù của giai cấp mình cũng như kẻ thù của dân tộc mình. Trong tác phẩm "Làm gì?", Lênin đã từng nói: "không có lý luận cách mạng thì không có phong trào cách mạng...".

Khi huấn luyện cho cán bộ cách mạng năm 1925 - 1927, Hồ Chí Minh khẳng định: "Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam"[1]. Nếu không có lý luận cách mạng thì Đảng ấy cũng chỉ là một tập hợp ngẫu nhiên của các cá nhân, thiếu thống nhất, không có sức mạnh nên sớm muộn cũng tan rã.

c. Hồ Chí Minh chọn chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho Đảng Cộng sản Việt Nam

Thời gian mà Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước đã có rất nhiều các học thuyết về xã hội ra đời, và Người cũng đã biết đến những học thuyết đó như: chủ nghĩa xét lại của Béctanh và Cauxki (Chủ nghĩa cơ hội, xét lại, cải lương trong Quốc tế II); Các trào lưu giải phóng dân tộc theo hệ tư tưởng tư sản và tiểu tư sản, (học thuyết *"tam dân"* của Tôn Trung Sơn), cũng như thế ở Việt Nam xuất hiện nhiều hệ tư tưởng: phong kiến, tư sản, vô sản,... nhưng Hồ Chí Minh lại chọn chủ nghĩa Mác - Lênin. Vậy lý do nào đã đưa Hồ Chí Minh đến quyết định đó? Bởi vì: Qua khảo nghiệm trên thế giới và Việt Nam, các hệ tư tưởng đã lỗi thời, lạc hậu, không giải quyết được vấn đề cách mạng Việt Nam đặt ra. "Bây giờ có nhiều học thuyết, chủ nghĩa nhiều nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin.".

** Vai trò của Chủ nghĩa Mác - Lênin:*

+ Chỉ ra thế giới quan, phương pháp luận đúng đắn cho giai cấp công nhân và các lực lượng tiến bộ đứng lên làm cách mạng giải phóng mình và cải tạo thế giới.

+ Chủ nghĩa Mác - Lênin là cái cẩm nang thần kỳ, là ngọn đèn pha soi sáng cho các dân tộc bị áp bức đi vào cuộc đấu tranh giành độc lập.

+ Hướng dẫn cuộc đấu tranh của con người đi đến độc lập, tự do, hạnh phúc, ở đó con người được phát triển toàn diện về mọi mặt.

Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hòa thế giới chân chính, xóa bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa cho đến nay chỉ là những vách tường dài ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau[2].

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Nxb. CTQG, HN, tập 2, tr.268
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb. CTQG, HN, 1996, tập 4, tr.464

Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã tìm ra: con đường cứu nước; thành lập Đảng lãnh đạo cách mạng; giúp chúng ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách. Về sau này, Người luôn khẳng định tầm quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với Đảng: "Chủ nghĩa Mác - Lênin đối với chúng ta, những người cách mạng và Đảng Việt Nam, không những là cái cẩm nang thần kỳ, không những là kim chỉ nam mà còn là mặt trời soi sáng con đường đưa chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng". Vì thế, chúng ta phải học tập và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoạt động của Đảng.

** Chọn chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, Hồ Chí Minh lưu ý:*

+ Thường xuyên nâng cao trình độ lý luận Mác - Lênin.

+ Vận dụng phù hợp với điều kiện Việt Nam, tránh rập khuôn, máy móc, giáo điều. Phải nắm vững tinh thần chủ nghĩa Mác - Lênin trong đó "linh hồn sống là phép biện chứng duy vật", phải nắm vững lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin.

+ Học tập kinh nghiệm các đảng khác trên thế giới và thường xuyên tổng kết thực tiễn cách mạng Việt Nam, làm phong phú thêm kho tàng lý luận Mác - Lênin.

+ Thường xuyên chống những luận điểm phản động, cơ hội, xét lại,... Đấu tranh, đoàn kết thống nhất tư tưởng, góp phần xây dựng, củng cố cho sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế trên cơ sở "có lý, có tình".

Ý nghĩa lý luận: Vận dụng sáng tạo lý luận Mác - Lênin vào xây dựng Đảng ở một nước thuộc địa nửa phong kiến.

Ý nghĩa thực tiễn: Tiếp thu chủ nghĩa Mác là tiếp thu tinh thần cách mạng, phép biện chứng, phương pháp luận, giúp hình thành thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học để giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam phải được xây dựng theo các nguyên tắc Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân

Trong tác phẩm *"Một bước tiến, hai bước lùi"* viết năm 1904, Lênin đã nêu 6 nguyên tắc tổ chức một Đảng kiểu mới của giai cấp vô sản:

+ Đảng mác-xít là bộ phận của giai cấp công nhân, là đội ngũ tiên phong giác ngộ nhất của giai cấp công nhân.

+ Đảng là đội ngũ có tổ chức của giai cấp công nhân, có kỷ luật bắt buộc tất cả các đảng viên phải tuân theo: "Kỷ luật của Đảng là kỷ luật sắt, trong Đảng ai cũng phải giữ vững".

+ Đảng là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân vì Đảng giữ vai trò lãnh đạo, chỉ đường, dẫn lối cho tất cả các tổ chức khác của giai cấp công nhân và của người lao động.

+ Đảng phải liên hệ mật thiết với quần chúng. "Chỉ trông vào bàn tay những người cộng sản để xây dựng xã hội cộng sản đó là một tư tưởng hết sức ngây thơ. Những người cộng sản chỉ là một giọt nước trong đại dương

nhân dân và họ chỉ giành được thắng lợi trong trường hợp dẫn dắt được quần chúng công nhân, nông dân, toàn thể nhân dân lao động đi theo mình thực hiện mục đích đã đề ra".

"Nguy cơ xa rời quần chúng là một tai họa lớn nhất đối với Đảng, có khả năng giết chết sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội".

+ Đảng phải được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có một điều lệ duy nhất, một kỷ luật duy nhất.

+ Chủ nghĩa quốc tế trong tổ chức và hoạt động của Đảng.

Chủ nghĩa quốc tế vô sản đòi hỏi:

Lợi ích của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ở một nước phải phục tùng lợi ích của cuộc đấu tranh đó trên phạm vi toàn thế giới.

Các dân tộc chiến thắng giai cấp tư sản phải có năng lực và sẵn sàng gánh lấy những hi sinh dân tộc vĩ đại nhất vì sự nghiệp lật đổ tư bản quốc tế.

"Nếu không xây dựng Đảng theo những nguyên tắc trên đây thì giai cấp vô sản không thể giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản".

Hồ Chí Minh trung thành với những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về các nguyên tắc xây dựng Đảng. Người đã nêu tám nguyên tắc xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam:

1. Lấy Chủ nghĩa Mác - Lênin "làm cốt", là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng.

2. Tập trung, dân chủ.

3. Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

4. Tự phê bình và phê bình.

5. Kỷ luật nghiêm minh, tự giác.

6. Đoàn kết thống nhất trong Đảng.

7. Quan hệ mật thiết với nhân dân.

8. Đoàn kết quốc tế.

Trong các nguyên tắc trên thì sáu nguyên tắc đầu là các nguyên tắc về tư tưởng, tổ chức và sinh hoạt Đảng, quy định các mối quan hệ bên trong của Đảng. Hai nguyên tắc còn lại quy định các mối quan hệ của Đảng với bên ngoài, trong đó mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân có ý nghĩa quyết định đến sự tồn vong của Đảng.

** Nguyên tắc tập trung dân chủ*

- Vị trí, vai trò của nguyên tắc tập trung dân chủ.

+ Là nguyên tắc tổ chức quan trọng, rường cột để xây dựng Đảng.

+ Là nguyên tắc quan trọng để xét Đảng mác-xít chân chính hay không?

+ Là yếu tố quyết định sức mạnh của Đảng.

Mác, Ăngghen và Lênin thường xuyên nhấn mạnh việc thực hiện tập trung dân chủ:

+ Dân chủ phải thống nhất với tập trung, với kỷ luật chặt chẽ, bộ phận phục tùng toàn thể, thiểu số phải phục tùng đa số.

+ Việc phát huy dân chủ được thực hiện trong mối liên hệ chặt chẽ với việc tôn trọng kỷ luật Đảng - một kỷ luật bắt buộc với tất cả các đảng viên.

+ Đảng lãnh đạo dựa trên những quy luật phát triển khách quan của xã hội. Nó xa lạ với chủ nghĩa cải lương, chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa chủ quan duy ý chí.

+ Đảng lãnh đạo dựa trên cơ sở quyết định tập thể.

- Trên cơ sở những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã đưa ra quan điểm của mình: Hồ Chí Minh giải thích: Cơ quan lãnh đạo của Đảng có uy tín và quyền lực chân chính, những phương châm, chính sách, nghị quyết của Đảng mọi đảng viên phải tuân theo thế là tập trung nhưng tập trung ấy không phải là cá nhân chuyên chính, nó là xây dựng trên nền tảng dân chủ, nghĩa là các cơ quan lãnh đạo đều do quần chúng đảng viên cử lên, phương châm, chính sách, nghị quyết của Đảng đều do quần chúng đảng viên tập trung kinh nghiệm và ý kiến lại mà thành, rồi lại do các hội nghị của Đảng thảo luận, chứ không ai tự ý độc đoán. Quyền lực của cơ quan lãnh đạo là do quần chúng giao phó chứ không phải tự ai giành được".

Vậy, theo Hồ Chí Minh thế nào là tập trung, thế nào là dân chủ?

+ *Về tập trung,* Người nhấn mạnh: Phải thống nhất về tư tưởng, tổ chức, hành động. Do đó, thiểu số phải phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, mọi đảng viên phải chấp hành vô điều kiện nghị quyết của Đảng. Từ đó làm cho Đảng ta tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người.

+ *Dân chủ:* Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Đó là một quyền lợi và cũng là một nghĩa vụ của mọi người. Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hoá ra quyền phục tùng chân lý.

Xuất phát từ gốc: nước ta là nước dân chủ, "phải thật sự mở rộng dân chủ để tất cả đảng viên bày tỏ hết ý kiến của mình". "Ở trong Đảng, mỗi Đảng viên có quyền nêu ý kiến, đặt đề nghị, tham gia giải quyết vấn đề nhưng không trái với sự lãnh đạo tập trung của Đảng, không trái nghị quyết và kỷ luật Đảng". Đó là quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi người.

** Mối quan hệ giữa tập trung và dân chủ*

- Tập trung và dân chủ là hai mặt, có mối quan hệ gắn bó thống nhất, biện chứng với nhau.

+ Tập trung trên nền tảng dân chủ, dân chủ dưới sự chỉ đạo của tập trung. Hàm lượng dân chủ trong Đảng càng cao bao nhiêu thì tập trung trong Đảng càng đúng đắn bấy nhiêu.

+ Dân chủ để đi đến tập trung chứ không phải dân chủ theo kiểu phân tán, tùy tiện, vô tổ chức. Tập trung trên cơ sở dân chủ chứ không phải tập trung quan liêu theo kiểu độc đoán chuyên quyền.

+ Khi nguyên tắc tập trung dân chủ bị vi phạm, sẽ làm cho Đảng suy yếu, nội bộ Đảng mất đoàn kết, đường lối, chủ trương của Đảng lệch lạc, sai lầm, uy tín của Đảng bị giảm, Đảng sẽ dần mất quyền lãnh đạo đối với quần chúng.

Ý nghĩa: Việc thực hiện tốt nguyên tắc này sẽ quyết định sức mạnh của Đảng, là cơ sở cho sự sống còn của một Đảng chân chính: "Đảng ta tuy nhiều người nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người". Hiện nay bọn phản động đang tập trung đả kích vào Đảng nhằm phá hoại sự nghiệp cách mạng. Nếu nguyên tắc này bị xóa bỏ sẽ rơi vào đa nguyên đa đảng, làm cho xã hội phân tâm, mất ổn định, Đảng Cộng sản cầm quyền sẽ biến chất, tan rã.

** Nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách*

- Vị trí, vai trò của nguyên tắc.

+ Đây là nguyên tắc lãnh đạo của đảng, nguyên tắc hạt nhân của nguyên tắc tập trung dân chủ. Khác với chế độ phong kiến đã tồn tại hàng nghìn năm ở nước ta, một chế độ mà ở đó, vận mệnh của mỗi người đều tuỳ thuộc vào nhà vua, tất cả đều là của vua, của người đứng đầu đất nước, đó là nguyên tắc bất di bất dịch của chế độ phong kiến. Đảng Cộng sản Việt Nam thì lại được tổ chức theo một nguyên tắc hoàn toàn khác – nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, đó là quan điểm hết sức đúng đắn của Hồ Chí Minh.

+ Tập thể lãnh đạo mới huy động được toàn bộ trí tuệ của đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc. Một người dù tài giỏi đến mấy cũng không thể thấy hết mọi mặt của vấn đề, cũng không thể thấy hết được mọi chuyện, hiểu hết được mọi việc. Do vậy cần phải có nhiều người góp kinh nghiệm thì vấn đề mới được rõ mọi mặt và giải quyết được chu đáo.

Ý nghĩa tập thể lãnh đạo rất đơn giản, đó là chân lý. Lãnh đạo không tập thể sẽ dẫn đến tệ bao biện, độc đoán, chủ quan, kết quả là hỏng việc.

Về cá nhân phụ trách, việc gì đã được đông người bàn bạc kỹ lưỡng, kế hoạch định rõ thì cần giao cho một người hoặc một nhóm người phụ trách mới có chuyên trách, công việc mới chạy. Không cá nhân phụ trách sẽ đi đến cái tệ bừa bãi, lộn xộn, vô chính phủ, kết quả cũng là hỏng việc.

- Mối quan hệ, tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách phải luôn đi đôi với nhau, có mối quan hệ mật thiết, không được máy móc.

Tuy nhiên không phải việc gì vụn vặt cũng đưa ra bàn bạc, chẳng khác gì khai hội mà hết ngày giờ. Do đó việc quan trọng mới cần tập thể quyết định. Cá nhân phụ trách: phải cẩn thận giải quyết đúng hướng tập thể, phải chịu trách nhiệm.

Nguyên tắc này được đặt ra không chỉ ở lý thuyết mà thấm vào tư tưởng, tác phong, nếp sống của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Là người đứng đầu

một đất nước nhưng Bác luôn gắn mình với tập thể, khơi dậy không khí chân thành trong Đảng.

** Nguyên tắc tự phê bình và phê bình*

- Vị trí, vai trò của nguyên tắc

Đây là nguyên tắc sinh hoạt, là quy luật phát triển Đảng, là vũ khí sắc bén để rèn luyện đảng viên, bảo đảm cho Đảng luôn trong sạch, vững mạnh. Là phương pháp phát hiện, sửa chữa thiếu sót; Là phương tiện để động viên tính tích cực của người cộng sản; Là điều kiện đảm bảo sức mạnh bên trong và sức chiến đấu của Đảng; Là điều kiện quan trọng để phát triển sinh hoạt nội bộ Đảng và nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng. Người nêu rõ tính khách quan của nguyên tắc này: Có hoạt động thì khó mà hoàn toàn tránh khỏi sai lầm, chúng ta không sợ sai lầm, chỉ sợ phạm sai lầm mà không quyết tâm sửa chữa. Muốn sửa chữa tốt thì phải sẵn sàng nghe quần chúng phê bình.

Vậy tự phê bình và phê bình nhằm mục đích gì?

- Tự phê bình và phê bình giúp nhau sửa chữa, giúp nhau tiến bộ, sửa đổi cách làm việc tốt hơn, tăng cường sức đoàn kết và thống nhất trong Đảng.

Muốn đoàn kết chặt chẽ thì phải thật thà tự phê bình và phê bình, thành khẩn phê bình đồng chí và những người xung quanh, tự phê bình và phê bình để cùng nhau tiến bộ, để đi đến càng đoàn kết. Đoàn kết, tự phê bình và phê bình để đi đến đoàn kết hơn nữa.

Quan điểm xuất phát của Hồ Chí Minh về tự phê bình và phê bình là dân chủ và nhân đạo. Bản chất của nó là xây dựng, vươn tới sự hoàn thiện, hoàn mỹ, là thúc đẩy sự tiến bộ, là cách mạng và khoa học, là vì nhân dân. Do đó, bản chất của tự phê bình và phê bình là hướng về cái đẹp.

Đối tượng trực tiếp của tự phê bình và phê bình là việc chứ không phải là người, qua đó ta thấy tư tưởng nhân đạo đạt tới đỉnh cao, tập hợp những con người cùng phấn đấu cho một sự nghiệp chung, tránh rơi vào cái tôi vị kỷ.

- Phải có phương pháp tự phê bình và phê bình đúng đắn.

+ Thành khẩn, thường xuyên, có tính chất xây dựng.

+ Có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau.

+ Tự phê bình và phê bình là lý lẽ phân minh, nghĩa tình đầy đủ.

Phải thường xuyên, liên tục, triệt để, không nể nang, không thêm bớt, phải vạch rõ cả ưu điểm và khuyết điểm, phải phê bình một cách thành khẩn, xây dựng, chữa bệnh cứu người chớ phê bình lung tung không chịu trách nhiệm, chớ dùng phê bình để nói xấu nhau. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau. Người bị phê bình phải vui lòng nhận xét mà sửa đổi, không nên vì bị phê bình mà chán ghét, phải phê bình từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên, khi phê bình phải tự phê bình bản thân mình; nếu tự phê bình tốt thì mới phê bình người khác tốt được, trong phê bình và tự phê bình phải dân chủ.

Phê bình và tự phê bình như người đi hai chân, nếu chỉ phê bình giống như người đi một chân không thể đi được, cần phải nêu cả ưu điểm. Cho nên, phải khéo sử dụng vũ khí tự phê bình và phê bình.

"Một Đảng giấu khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính".

- Lý luận của Hồ Chí Minh về tự phê bình và phê bình đang là sự chỉ dẫn sâu sắc về mặt lý luận và hướng dẫn thực tiễn hành động cho Đảng, Nhà nước và nhân dân ta hiện nay.

Tự phê bình và phê bình có kết quả khi có sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của cấp trên, đồng thời phát động được quần chúng và cấp dưới hưởng ứng một cách chân thành và xây dựng.

Để thực hiện tốt nguyên tắc này. Đảng phải là tấm gương để xã hội soi chung. Phát động trong nhân dân nêu gương người tốt, việc tốt; Phải làm trong sạch từ bên trong nội bộ của Đảng.

** Kỷ luật nghiêm minh và tự giác*

- Vị trí, vai trò: Cùng với tập trung dân chủ, nguyên tắc kỷ luật nghiêm minh và tự giác làm cho Đảng thật sự là một tổ chức chiến đấu chặt chẽ, đưa cách mạng đến thắng lợi cuối cùng.

- Nội dung:

+ Kỷ luật nghiêm minh, tự giác. Nghiêm minh là thuộc về tổ chức Đảng - đó là kỷ luật đối với mọi cán bộ đảng viên không ép buộc, với việc tuân thủ kỷ luật cũng vậy.

"Kỷ luật này là do lòng tự giác của đảng viên về nhiệm vụ của họ đối với Đảng"(1).

Tinh thần kỷ luật tự giác: Cơ sở tồn tại và sức mạnh của Đảng là tinh thần tự giác của từng đảng viên, do đó mỗi cán bộ, đảng viên phải nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, phải nghiêm chỉnh chấp hành đường lối của Đảng, tôn trọng kỷ luật của Đảng. Nếu không Đảng sẽ xuệch xoạc, ý kiến lung tung, kỷ luật lỏng lẻo, công việc bế tắc.

"Đảng phải chọn lựa những người rất trung thành và rất hăng hái, đoàn kết họ thành nhóm trung kiên lãnh đạo". Đồng thời mỗi đảng viên dù ở cương vị nào cũng phải nghiêm túc chấp hành kỷ luật của các đoàn thể và pháp luật của nhà nước... "Mỗi đảng viên cần phải làm kiểu mẫu phục tùng kỷ luật, chẳng những kỷ luật của Đảng, mà cả kỷ luật của các đoàn thể nhân dân và của cơ quan chính quyền cách mạng".

+ Để giữ kỷ luật Đảng:

---

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Nxb. CTQG, HN, 1996, tập 5, tr.250

Phải luôn luôn tẩy bỏ những phần tử hư hại ra khỏi Đảng; Trong Đảng phải thống nhất về tư tưởng và đảm bảo sự đúng đắn, tính tiên phong về lý luận; Đảm bảo sự đúng đắn trong đường lối, tránh mắc sai lầm về chính trị.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền việc giữ nguyên kỷ luật của Đảng có vai trò và tác động to lớn, trực tiếp tới việc tăng cường pháp luật của nhà nước và giữ vững kỷ cương xã hội.

** Đoàn kết thống nhất trong Đảng*

Đoàn kết là một truyền thống quý báu của dân tộc ta, điều đó trở thành chân lí, là truyền thống ngàn đời của dân tộc Việt Nam; "đoàn kết là sức mạnh vô địch"; đoàn kết đã đi vào trong ca dao, tục ngữ như một lời dạy bảo đầy ý nghĩa:

"Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao".

Trong nguyên tắc xây dựng Đảng, Hồ Chí Minh đã đề cập đến nguyên tắc này và nó được Người đánh giá rất cao.

- *Vị trí:* Đây là nguyên tắc quan trọng của Đảng vô sản kiểu mới. Đưa lại sức mạnh cho Đảng, là then chốt của thành công.

Trong tư duy lý luận của Hồ Chí Minh, đoàn kết là một thuộc tính cơ bản của Đảng Cộng sản. Đảng Cộng sản có đoàn kết mới đủ sức mạnh để đánh đổ các thế lực áp bức; đủ sức lôi cuốn, tập hợp đông đảo quần chúng cần lao vào trận tuyến cách mạng, lật đổ chế độ cũ, xây dựng chế độ xã hội mới.

Đọc lại những di thảo của Hồ Chí Minh, từ những bài đầu tiên đến những trang viết cuối cùng, có thể dễ dàng nhận thấy những luận điểm trên được Người nhắc đi nhắc lại nhiều lần.

Trong một bài viết, cố Giáo sư sử học Trần Văn Giàu đã đưa ra những ý kiến rất sâu sắc về tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh, Giáo sư nhận định: "Đến cụ Hồ thì đại đoàn kết được xây dựng trên cả một lý luận chứ không còn đơn thuần là một tình cảm tự nhiên".

- Đoàn kết thống nhất trong Đảng là tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh.

+ Đoàn kết, thống nhất thực sự cả trong tư tưởng và hành động.

+ Đoàn kết là truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng ta, vì thế cần phải giữ gìn sự Đoàn kết thống nhất trong Đảng. "Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình"[1].

Trong Di chúc, Người khẳng định: "Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Nxb. CTQG, HN, 1996, tập 12, tr.543

ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác".

- *Để đoàn kết thống nhất trong Đảng, phải:*

+ Dựa trên mục tiêu, lý tưởng của Đảng, dựa trên đường lối, chủ trương, dựa trên lợi ích giai cấp, nhân dân, dân tộc.

+ Mở rộng dân chủ nội bộ.

+ Thường xuyên tự phê bình và phê bình.

+ Tu dưỡng đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân.

Cả cuộc đời Hồ Chí Minh đã dày công xây dựng khối đoàn kết toàn Đảng, toàn dân.

"Ngày nay sự đoàn kết trong Đảng là quan trọng hơn bao giờ hết, nhất là sự đoàn kết chặt chẽ giữa các cán bộ lãnh đạo".

Bản sao lưu trữ

CHƯƠNG III.
QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG VIÊN TỐT VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI CÔNG TÁC CÁN BỘ, CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG VIÊN

I. QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG VIÊN TỐT

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng đúc kết: Đảng là cơ thể chính trị xã hội sống, đảng viên là những tế bào cấu tạo nên Đảng, Đảng mạnh là do từng chi bộ, từng đảng viên mạnh. "Đảng viên tốt thì chi bộ mới tốt. Muốn đảng viên tốt thì chi bộ phải thường xuyên giáo dục mỗi đồng chí. Nhiệm vụ của đảng viên là gì? Tư cách của đảng viên là thế nào? Đồng thời giúp đỡ đảng viên tự kiểm điểm mình hàng ngày?"[1]. Qua đây, chúng ta có thể thấy, Đảng là một tập hợp của rất nhiều cá nhân đảng viên, danh hiệu đảng viên đó không một phút nào tách rời cá nhân cụ thể. Đảng mạnh là do chi bộ tốt, chi bộ tốt là do các đảng viên tốt. Do vậy, không có con đường nào khác là phải giáo dục, rèn luyện và nâng cao chất lượng đảng viên một cách toàn diện.

"Tư cách một người cách mệnh" đã đặt nền móng cho Đảng ta xác định mẫu hình người đảng viên cộng sản với những tiêu chí cụ thể. Những tiêu chí này luôn vận động, phát triển và ngày càng cao hơn qua các thời kỳ để mỗi đảng viên đáp ứng yêu cầu cách mạng vĩ đại của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ở mức độ khái quát nhất, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng đảng viên cần: "Quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng. Đó là điều chủ chốt nhất. Ra sức làm việc cho Đảng, giữ vững kỷ luật của Đảng, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng. Đặt lợi ích của Đảng và nhân dân lao động lên trên lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc. Ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, luôn luôn dùng tự phê bình và phê bình để nâng cao tư tưởng và cải tiến công tác của mình và cùng đồng chí mình tiến bộ"[2].

1. Suốt đời đấu tranh cho mục tiêu, lý tưởng của Đảng - Điều kiện tiên quyết cho mỗi đảng viên.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn chăm lo đến đảng viên, coi đây là hạt nhân quan trọng tạo nên thành công của cách mạng. Người đã khẳng định đảng viên là những người ưu tú nhất, người chiến sĩ cách mạng nhất của

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb. CTQG, HN, 2009, tập 12, tr.80
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Sđd, tập 9, tr.285

dân tộc, không sợ một khó khăn nào, không sợ một trở lực nào mà với tinh thần xốc tới, vượt qua thực hiện thắng lợi cách mạng giải phóng dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong bài nói tại lớp huấn luyện lớp đảng viên mới ngày 14-5-1966, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Những người cộng sản chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới"(1). Đây là mục tiêu, lý tưởng đã đề ra ngay từ khi Đảng ta mới thành lập. Mỗi đảng viên khi vào Đảng đều được giác ngộ lý tưởng cao cả đó, coi là một điều kiện để đứng trong hàng ngũ của Đảng. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Người luôn mong muốn đảng viên phải thấm nhuần mục tiêu lý tưởng của Đảng, của dân tộc thì mới có thể lãnh đạo tư tưởng cho nhân dân. Người từng viết: Công tác lãnh đạo tư tưởng là quan trọng trong Đảng, ngoài Đảng có nhận thức rõ tình hình, hiểu rõ nhiệm vụ thì tư tưởng mới thống nhất.

Đảng ta là chính đảng phấn đấu cho giai cấp, cho dân tộc và cho loài người được giải phóng hoàn toàn, phấn đấu cho chủ nghĩa cộng sản. Mỗi đảng viên phải hiểu rõ con đường cách mạng của Việt Nam để có trách nhiệm gánh vác và phấn đấu.

Muốn đi đến chủ nghĩa cộng sản thì cách mạng Việt Nam phải qua nhiều bước: Từ cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc để giành độc lập, chúng ta phải bắt tay vào kiến thiết nước nhà xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa. Cái đích cuối cùng sẽ xây dựng chế độ cộng sản ở Việt Nam, một chế độ không còn giai cấp, không còn người bóc lột người. Trong chế độ ấy, mỗi người thực sự bình đẳng, mức sống được nâng cao. Mỗi người đều thân ái đoàn kết với nhau, "đoàn kết phải thật sự trăm phần trăm" chứ không phải nói miệng để mưu hạnh phúc cho mình. Đó mới là lý tưởng cao quý của loài người, mới thật là mục đích cuối cùng mà chúng ta hằng mong muốn.

Người chỉ ra rằng, mỗi đảng viên phải hiểu rõ mục đích đấu tranh của Đảng ta là vẻ vang, là quang vinh biết bao, nên chúng ta cần phải nâng cao tư tưởng, mở rộng tầm mắt để xứng đáng là một đảng viên của Đảng, không nên thấy cuộc kháng chiến kiến quốc lâu dài đã kêu mệt mỏi, bi quan không tin tưởng vào tương lai. Trong thời kỳ cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Người đã đưa ra tiêu chí của cách mạng: "Mục đích của cách mạng là xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, tự do, giàu mạnh. Làm cho nhân dân được hạnh phúc và xây dựng một xã hội sung sướng, vẻ vang"(2). Hay như kết thúc bản *Di chúc,* Hồ Chí Minh viết: "Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới"(3). Đó là tóm lược toàn bộ lý tưởng mà Người đã theo đuổi và là xu hướng của dân tộc

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 11, tr.372, 331
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 7, tr.220
(3) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 12, tr.500

ta hoà nhịp với sự vận động tiến bộ của xã hội loài người trong thời đại cách mạng vô sản, quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Người đã nhấn mạnh cho đảng viên hiểu: sự nghiệp kháng chiến tuy gay go, gian khổ, dù chiến tranh có thể kéo dài "mười năm, hai mươi năm hoặc lâu hơn nữa" nhưng đó mới chỉ là một đoạn đường chúng ta phải đi, chúng ta cần nâng cao tinh thần kiên quyết cách mạng để chuẩn bị cho những cuộc đấu tranh không kém phần gay go, gian khổ và phức tạp cho đến khi đạt được mục đích cuối cùng.

Do đó, đảng viên phải: Có tinh thần hi sinh chiến đấu cho sự nghiệp chung; Có tinh thần tự lực cánh sinh, vượt qua gian khổ, công tác để giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, xây dựng nền độc lập thật sự ở Việt Nam; Có tinh thần không sợ mệt nhọc, hết lòng vì dân vì nước, lo giải phóng cho nhân dân lao khổ mà không vì danh vì lợi hay phát tài.

2. Đảng viên phải giác ngộ tư tưởng chính trị

Muốn trở thành một đảng viên tốt, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định đảng viên phải có tư tưởng đúng, tức là tư tưởng của giai cấp công nhân. Nhiều đồng chí đã vào Đảng nhưng tư tưởng chưa vào Đảng, nên trong công tác Đảng thường đem tư tưởng lập trường của giai cấp để giải quyết. Người nêu ví dụ những trường hợp này thấy rõ ở các địa phương trong các kỳ tạm vay, trong công tác dân công và vận động giảm tô, giảm tức. Nhiều đảng viên chỉ nghĩ đến bản thân và gia đình, mà không nghĩ đến lợi ích chung của Đảng, nên đã chống lại, thậm chí phá hoại chính sách của Đảng. Chúng ta phải kịp thời sửa chữa sai lầm đó, phải rèn luyện cho mỗi đảng viên nhận thức lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, hết sức công tác phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định đảng viên có tư tưởng vô sản là đảng viên đứng vững trên lập trường chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ trương, chính sách của Đảng.

Hồ Chủ tịch không những chăm lo tăng thêm số lượng đảng viên, "mà còn chăm lo làm cho chất lượng đảng viên tốt hơn"(1). Người kêu gọi bất kỳ đảng viên nào cũng phải học tập, tự rèn luyện để khắc phục lập trường tư tưởng sai lầm, tăng cường trang bị tư tưởng tiến bộ. Các đồng chí xuất thân thành phần nông dân thì phải bỏ tư tưởng tự tư tự lợi, bảo thủ hẹp hòi. Các đồng chí thành phần địa chủ, phú nông, cường hào phải cương quyết tẩy trừ tư tưởng bóc lột, để quyết tâm phục vụ nhân dân lao động. Các đồng chí xuất thân là tiểu tư sản phải bỏ đầu óc địa vị, hiếu danh, tự cao tự đại. Và ngay như các đồng chí xuất thân ở giai cấp công nhân cũng không nên tự kiêu mình ở giai cấp cách mạng, cho mình không có khuyết điểm, rồi tự mãn, chủ quan, không chịu khó rèn luyện tư tưởng và sửa chữa sai lầm.

Tóm lại, tất cả đảng viên đều phải nỗ lực rèn luyện tư tưởng vô sản, khắc phục tư tưởng lệch lạc, nếu không sẽ không thể trở thành một đảng viên tốt được.

---

(1) *V.I. Lênin: Tuyển tập,* Nxb. Sự Thật, HN, 1959, quyển 2, phần II, tr.252

3. Đảng viên phải đặt lợi ích của Đảng lên trên hết và trước hết lợi ích cá nhân.

Theo Hồ Chí Minh, nội dung quan trọng nhất trong công tác xây dựng Đảng vững mạnh chính là đảng viên phải thấm nhuần và đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lên trên hết, "ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, thì Đảng không có lợi ích gì khác"[1]. Người cho rằng "trong xã hội không có gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ lợi ích của nhân dân"[2]. Đây không chỉ là lòng ham muốn tột bậc của Người, mà còn là lẽ sống ở đời. Hồ Chí Minh khẳng định: "Chân lý là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân. Cái gì trái với lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân tức là không phải chân lý. Ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân - tức là phục tùng chân lý"[3]. Chính vậy, Người khuyến khích đảng viên "biết đem lợi ích riêng của cá nhân phục tùng lợi ích chung của cách mạng"[4].

Trong cuộc sống, mỗi đảng viên đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và gia đình. Nhiều khi lợi ích cá nhân phù hợp với lợi ích của Đảng, và "nếu những lợi ích cá nhân đó không trái với lợi ích của tập thể thì không phải là xấu". Hồ Chí Minh khẳng định: "Nếu gặp khi lợi ích chung của Đảng mâu thuẫn với lợi ích riêng của cá nhân, thì phải kiên quyết hi sinh lợi ích của cá nhân cho lợi ích của Đảng. Khi cần đến tính mệnh của mình cũng phải vui lòng hi sinh cho Đảng". Điều này được xác lập rõ mối quan hệ giữa đảng viên và tổ chức Đảng, giữa lợi ích của đảng viên với lợi ích của Đảng, của dân tộc. Mỗi đảng viên dù ở đâu, vào lúc nào và làm bất cứ việc gì, cũng phải xuất phát từ lợi ích của Đảng và lợi ích của nhân dân lao động, phải đặt lợi ích của Đảng và của dân lên trên hết và trước hết.

Mục đích của Đảng ta là giải phóng hoàn toàn cho giai cấp, cho nhân dân, xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, nên lợi ích của giai cấp, của nhân dân lao động và lợi ích của Đảng chỉ là một. Người đảng viên phải trung thành vô hạn với Đảng, với cách mạng, không nên coi lợi ích riêng to lớn hơn lợi ích của Đảng, mà phải biết đem lợi ích của mình đặt dưới lợi ích của Đảng, của nhân dân. Hồ Chí Minh đề ra nguyên tắc: "Lợi ích cá nhân nhất định phải phục tùng lợi ích của Đảng. Lợi ích của mỗi bộ phận nhất định phải phục tùng lợi ích của toàn thể. Lợi ích tạm thời nhất định phải phục tùng lợi ích lâu dài".

Hồ Chủ tịch thẳng thắn nêu ra những biểu hiện tiêu cực của đảng viên như: tham ô, hủ hoá, chiếm công vi tư, chốn lậu thuế, buôn lậu, ăn của biếu xén... Kết quả làm hại tài sản quốc gia, làm giảm uy tín của Đảng trong quần chúng, có nơi bị kẻ thù lợi dụng chui vào phá hoại hàng ngũ của Đảng.

Trong kháng chiến, có những đảng viên công tác nhiều, Đảng điều động đi công tác thì không chịu phục tùng vì sợ xa gia đình, lo đi nơi gian khổ; có đồng chí kèn cựa địa vị, đòi hưởng thụ cao mà không nghĩ mình là đảng viên có nhiệm vụ phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc.

---

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 5, tr.250
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 8, tr.276
(3) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 8, tr.216
(4) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 9, tr.571, 291

Cuối năm 1963, sau lần về thăm tỉnh Thái Bình, Người viết bài *Những chi bộ chưa tốt* chỉ rõ tính thiếu gương mẫu của một số đảng viên ở đây có nguồn gốc là "tự tư tự lợi và chủ nghĩa địa phương, chỉ thấy lợi ích riêng mà không thấy lợi ích chung của Nhà nước"(1). Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh phải làm sao cho xứng đáng là người đảng viên tốt. Người đảng viên chẳng khác gì một tế bào trong thân thể con người, tế bào có mạnh và phát triển thì thân thể mới khoẻ mạnh, người đảng viên có trong sạch, có giác ngộ đầy đủ chủ nghĩa Mác - Lênin thì Đảng mới mạnh và phát triển, đủ sức chiến đấu với quân thù nguy hiểm và xây dựng xã hội mới. Phải một đời hi sinh phấn đấu cho cách mạng, không khuất phục trước một uy quyền nào quyết tâm làm nô bộc cho nhân dân, không xa lìa Đảng, không xa lìa cách mạng. "Xa Đảng ngày nào thì phạm sai lầm ngày ấy".

"Xa quần chúng nhân dân ngày nào, giờ nào thì bị quân địch đánh ngã gục giờ nấy". Vì Đảng ta là Đảng của nhân dân lao động, Đảng phát triển trong phong trào chiến đấu giai cấp và chiến đấu sản xuất. Vì vậy, Đảng phải tổ chức giáo dục đảng viên và nhân dân thấy được nhiệm vụ lâu dài của lịch sử cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, đã suốt đời làm người đảng viên tốt thì đối với Đảng, không nên có gì bí mật, phải thành khẩn bộc lộ hết, đó là thước đo lòng trung thành của người đảng viên tốt đối với Đảng, không nên miệng thì nói thế này mà lòng thì thế khác như "khẩu phật tâm xà", không nên làm người có hai lòng.

Người nhấn mạnh tiền đồ vinh quang của Đảng và tiền đồ vinh quang của người đảng viên tốt là vô cùng vĩ đại, sự thắng lợi của Đảng là sự thắng lợi của những người đảng viên tốt. Người khẳng định: "Không phải chúng ta ham chuộng khổ hạnh và bần cùng. Trái lại, chúng ta phấn đấu hi sinh, vì chúng ta muốn xây dựng một xã hội ai cũng ấm no, sung sướng"(2). Cho nên mọi đảng viên phải xây dựng Đảng lớn mạnh thành một Đảng quần chúng, phải làm cho Đảng tiếp tục tiến tới làm tròn sứ mệnh mà nhân dân giao phó. Muốn vậy, đòi hỏi mỗi đảng viên phải cố gắng học tập, cố gắng công tác, giữ vững lập trường của Đảng, tôn trọng tổ chức và không ngừng tiến bộ.

Mỗi đảng viên phải bảo vệ danh dự của Đảng như bảo vệ con ngươi của mắt mình, chỉ có như thế Đảng ta mới dẫn dắt dân tộc ta đi đến thắng lợi hoàn toàn.

4. Đảng viên phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của người cộng sản, chống chủ nghĩa cá nhân

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng Đảng và rèn luyện đạo đức cách mạng cho đảng viên. Đảng viên được quần chúng tin cậy, ủng hộ thì mới thể hiện được vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Ngược lại, đảng viên không tốt, thì chi bộ không mạnh và Đảng suy yếu uy tín, không còn sức mạnh lãnh đạo cách mạng. Vì vậy, Người thường xuyên chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho đảng viên.

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 11, tr.163
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 7, tr.568

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đảng viên phải tu dưỡng toàn diện, để tạo ra đội ngũ cán bộ vừa "hồng" vừa "chuyên", vừa có đức vừa có tài. Người nói: "Dạy cũng như học phải biết chú trọng cả tài lẫn đức. Đức là đạo đức cách mạng. Đó là cái gốc, rất quan trọng. Nếu không có đạo đức cách mạng thì có tài cũng vô dụng"(1), nhưng có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó. Vì "có đức mà không có tài ví như ông Bụt không làm hại gì, nhưng cũng không có lợi gì cho loài người". Tài và đức ở Hồ Chí Minh không có sự tách biệt mà luôn thống nhất biện chứng với nhau, "có tài mà không có đức, ví như một anh làm kinh tế tài chính rất giỏi nhưng lại đi đến thụt kém thì chẳng những không làm được gì ích lợi cho xã hội, mà còn có hại cho xã hội nữa"(2).

Theo Hồ Chí Minh, đạo đức và tài năng của cán bộ không bẩm sinh có, mà phải trải qua quá trình học tập, đào tạo, tu dưỡng rèn luyện mà thành, "như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong". Thấy rõ nguy cơ biến chất, tha hoá của một Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở đảng viên phải tu dưỡng đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, không được chủ quan tự mãn khi đã nắm chính quyền trong tay, không được biến thành những ông quan cách mạng. Không phải ngẫu nhiên Người lại luôn đề cao đạo đức cách mạng và chống chủ nghĩa cá nhân một cách quyết liệt cho đảng viên. Người cho rằng: đảng viên có chức, có quyền phải luôn trau dồi đạo đức cách mạng, bởi "những người trong các công sở đều có nhiều hoặc ít quyền hành. Nếu không giữ đúng cần, kiệm, liêm, chính thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân".

Tại "Hội nghị bồi dưỡng chỉnh huấn do Trung ương triệu tập", Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá tình trạng thấp kém về đạo đức cách mạng vì mang nặng chủ nghĩa cá nhân của một bộ phận đảng viên. Người yêu cầu đảng viên, các chi bộ phải kiên quyết chống "kẻ địch thứ ba... ẩn nấp trong mỗi chúng ta". Người chỉ ra cách thức tiến hành đấu tranh, chống "chủ nghĩa cá nhân không phải chống một lần mà hết được... không phải kiểm thảo xong là gột rửa hết chủ nghĩa cá nhân. Ví như rửa mặt thì phải rửa hàng ngày"(3).

Hơn thế nữa, Người còn nói rõ đảng viên vừa lãnh đạo, vừa là đầy tớ của nhân dân. Trong suốt 24 năm lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Người không một phút nào coi thường việc nhắc nhở đảng viên tu dưỡng đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân. Cho đến cuối đời, Người còn viết bài nêu rõ mục tiêu "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân"(4) và ngay cả trong "Di chúc" thiêng liêng, Người vẫn khẳng định đảng viên "phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân" như một chân lý vĩnh hằng.

---

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 11, tr.329
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 9, tr.172, 293
(3) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 9, tr.48
(4) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 12, tr.438, 498

5. Đảng viên phải gương mẫu trong mọi công tác và trong đời sống

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng lấy gương người tốt việc tốt hàng ngày để giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng đảng viên tốt, xây dựng tổ chức đảng chân chính nhất. Từ những năm hai mươi của thế kỷ XX, Người đã phát biểu: "Nói chung các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền". Không những Hồ Chủ tịch là một tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng mà Người còn thường xuyên nhắc nhở đảng viên phải ra sức tu dưỡng, rèn luyện và nêu gương cho nhân dân học tập, noi theo. Nêu gương cũng nhằm mục đích lấy phần thiện trong con người để chiến thắng phần ác, làm cho con người ngày càng tiến bộ... Người nhắc rằng, mọi người cần trân trọng lắng nghe, tìm hiểu và suy ngẫm các gương tốt, ý hay của người khác nhất là nhân dân: "Dân rất thông minh. Quần chúng kinh nghiệm, sáng kiến rất nhiều. Chỉ cần mình có biết học hay biết lợi dụng mà thôi".

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tâm niệm rằng: nguồn gốc sức mạnh của Đảng là ở nhân dân. Theo Người, muốn phát huy sức mạnh tập thể nhằm thực hiện thắng lợi đường lối chính trị của đảng thì đảng viên phải "tiền phong", gương mẫu và có uy tín cao trong nhân dân. Vì vậy, Người luôn nhắc nhở đảng viên làm bất cứ việc to, việc nhỏ, ở bất cứ đâu và trong bất cứ hoàn cảnh nào thì phải tự mình nêu gương trước nhân dân, "phải làm mực thước cho nhân dân bắt chước". Và "nếu chúng ta làm gương mẫu và biết lãnh đạo thì bất cứ công việc gì khó khăn đến đâu cũng nhất định làm được"[1].

Người quán triệt quan điểm nói đi đôi với làm. Nếu nói một đường, làm một nẻo thì không có ý nghĩa tác dụng nào cả. Gương mẫu ở đây không qua lời nói, mà bằng những con người, công việc cụ thể. Giá trị của những tấm gương chính là tính cụ thể, thiết thực của nó như lãnh tụ Lênin đã từng dạy: "Chúng ta cần có những đảng viên mới không phải để quảng cáo mà để làm công tác thật sự"[2]. Bởi vì tính cụ thể, thiết thực của những tấm gương có khả năng thuyết phục và đem đến hiệu quả giáo dục rất cao. Những tấm gương không phải do một ai đó vẽ ra bằng sách vở hay lời nói. Đó là những con người thật, công việc thật. Do đó, sẽ kích thích người khác học tập theo, mong muốn mình làm được như vậy và trở thành người như vậy một cách tự nguyện. Đồng thời bản thân cũng muốn mình trở thành một tấm gương cho người khác học tập.

Hồ Chí Minh nhắc nhở mọi người học tập theo tấm gương người khác, đồng thời cũng tự phấn đấu để mình cũng trở thành một tấm gương. Tức là, nói điều gì thì phải làm ngay, làm trước, làm nhiều hơn. Hồ Chí Minh mong muốn để đưa lại cho xã hội nhiều người tốt, có ích, đòi hỏi những đảng viên kỳ cựu cũng phải là tấm gương và có trách nhiệm dìu dắt, giúp đỡ đảng viên trẻ. Người nói: "Các đồng chí già là rất quý, là gương bền bỉ đấu tranh, dìu dắt, bồi dưỡng, đào tạo thêm đồng chí trẻ. Đồng chí già phải giúp đỡ cho đồng chí trẻ tiến bộ"[3].

---

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 5, tr.186
(2) *V.I.Lênin: Tuyển tập,* Nxb. Sự Thật, HN, 1959, quyển II, phần II, tr.251
(3) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 10, tr.463

6. Đảng viên phải tuyệt đối chấp hành Nghị quyết, kỷ luật của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước

Trách nhiệm của người đảng viên là phải kiên quyết chấp hành nghị quyết của Đảng. Khi thực hiện không tránh khỏi vấp váp, khó khăn, lúc đó đảng viên phải đem tinh thần phụ trách cao, vượt mọi trở lực để chấp hành, tuyệt đối không thể có thái độ tiêu cực đối với công việc của Đảng.

Hồ Chủ tịch khẳng định: không thể vin lý do nghị quyết cấp trên không sát với địa phương để không thi hành hoặc xuyên tạc, không nên vì tư lợi mà chống lại nghị quyết của Đảng, làm hại đến lợi ích của cách mạng. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, khi thực hiện nếu gặp khó khăn thì phải xin chỉ thị cấp trên chứ không được tự tiện "linh động" không báo cáo. Có như thế mới giữ gìn được sự thống nhất trong hoạt động của Đảng.

Bàn về vấn đề kỷ luật của đảng viên, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu Đảng phải giữ nghiêm kỷ luật từ trên xuống dưới, từ tổ chức cơ sở đảng cho đến đảng viên, mọi đảng viên phải có ý thức tự giác chấp hành nghiêm minh kỷ luật Đảng. Người nêu: kỷ luật này là do lòng tự giác của đảng viên về tư cách và nhiệm vụ của họ đối với Đảng. Người đã nhiều lần nhắc nhở đảng viên rằng Đảng ta là một đảng cách mạng, một đảng vì nước vì dân, Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài, Đảng phải làm tròn nhiệm vụ "làm tư sản dân quyền cách mệnh và thổ địa cách mệnh để đi tới xã hội cộng sản"[1]. Đảng không buộc ai vào Đảng, mỗi người tự nguyện vào Đảng là để góp phần cùng toàn Đảng lãnh đạo nhân dân ta thực hiện Cương lĩnh của Đảng, cho nên mọi đảng viên phải coi việc tự giác tuân thủ kỷ luật là trách nhiệm của bản thân đối với Đảng.

Để giữ kỷ luật nghiêm minh trong Đảng, Hồ Chí Minh yêu cầu Đảng phải thường xuyên tẩy bỏ những phần tử thoái hoá ra khỏi Đảng. Người xem vấn đề xử lý đối với các khuyết điểm của đảng viên là một trong những vấn đề khó, đòi hỏi người lãnh đạo phải nghiên cứu kỹ để xử lý đúng đối với những khuyết điểm. Phải phân tích rõ ràng cái gì đúng, cái gì sai, phải dùng thái độ thân thiết để giúp họ tìm ra nguyên nhân vì sao mà mắc sai lầm khuyết điểm? Sai lầm như thế sẽ có hại như thế nào? Và làm thế nào để sửa chữa. Người chỉ rõ phương pháp tốt nhất là dùng cách giải thích thuyết phục, cảm hoá, dạy bảo; còn đối với những đảng viên vi phạm nặng thì phải dùng biện pháp xử phạt nhưng khi xử phạt cần phải phân tích rõ nguyên nhân của sai lầm, phải xét kỹ lưỡng việc nặng hay nhẹ, phải dùng xử phạt cho đúng, điều quan trọng là phải lấy lòng nhân ái, lấy sự thành thật mà ráo riết phê bình đồng chí của mình. Theo Hồ Chí Minh, tấm lòng chân thành, nét mặt đầm ấm, hoà khí êm dịu, phân tích có lý, có tình với những người mắc khuyết điểm thì sẽ cảm hoá được họ. Và Người đã kết hợp giữa lý trí và tình cảm một cách nhuần nhuyễn và hiệu quả. Theo thống kê chưa đầy đủ thì từ năm 1945 đến năm 1962, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký 157 Sắc lệnh về Nhà nước và pháp luật nhằm giữ nghiêm kỷ cương phép nước. Người ghi rõ tại *Quốc lệnh*: "Trong một nước thưởng phạt phải nghiêm minh thì nhân dân mới yên ổn, kháng chiến mới thắng lợi, kiến quốc mới thành công"[2].

---

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Sđd, tập 3, tr.1
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Sđd, tập 4, tr.163

Với những đảng viên thoái hoá, biến chất làm ảnh hưởng xấu đến sức mạnh và uy tín của Đảng thì đều phải loại bỏ. Hồ Chí Minh từng nói: "Đảng là gồm các đảng viên mà tổ chức nên. Mọi công việc Đảng đều do đảng viên làm. Mọi nghị quyết Đảng đều do đảng viên chấp hành. Mọi chính sách của Đảng đều do đảng viên mà thấu đến quần chúng. Mọi khẩu hiệu, mọi kế hoạch của Đảng đều do đảng viên cố gắng thực hiện"(1). Do vậy, nâng cao chất lượng đảng viên là một trong những trọng tâm của công tác xây dựng Đảng, là một yếu tố quan trọng quyết định năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng. Thấm nhuần lời dạy của Người, mỗi cán bộ, đảng viên phải không ngừng phát huy tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân, làm tròn nhiệm vụ của người đảng viên, góp phần không ngừng củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng để đưa đất nước ta phát triển nhanh, mạnh và bền vững.

7. Cố gắng học tập, không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt

Người đảng viên phải có trình độ giác ngộ cao, phải nhìn xa trông rộng hơn nhân dân mới lãnh đạo được nhân dân, mới định được chủ trương đúng cho quần chúng theo. Muốn vậy, đảng viên phải học tập. Hồ Chủ tịch cho rằng: kháng chiến ngày càng tiến, nhiệm vụ ngày càng nặng nề, quần chúng ngày càng giác ngộ và tiến bộ, nếu đảng viên không chịu khó học tập thì không thể cáng đáng được nhiệm vụ. Trong Điều lệ Đảng cũng quy định rõ nhiệm vụ của người đảng viên là phải học tập.

Nhưng đảng viên cần phải học tập những gì? Trước hết, đảng viên học tập chủ trương chính sách của Đảng để hiểu rõ và làm cho đúng. Học tập thời sự để biết tin tức diễn ra trong nước và trên thế giới. Học tập chuyên môn trau dồi năng lực làm việc. Học tập văn hoá để nâng cao hiểu biết thông thường. Người nói: "Muốn tiến bộ phải làm gì? Phải học. Ngày nay không phải học để có bằng cấp, để thoát ly sản xuất. Phải học chính trị, học văn hoá, học kỹ thuật để nâng cao hiểu biết. Bởi vì công nghiệp, nông nghiệp của ta ngày càng tiến bộ thì người công nhân, người nông dân, người lao động trí óc phải ngày càng tiến bộ mới làm được tốt"(2). Hồ Chí Minh rất chú ý đến việc giáo dục, nâng cao trình độ giác ngộ chính trị cho mọi người.

Đảng viên không ngừng nâng cao trình độ ở đâu? Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đảng viên học ở các tài liệu của Đảng, của các lãnh tụ. Đảng viên cũng phải học tập ở quần chúng, vì quần chúng có rất nhiều kinh nghiệm và sáng kiến hay. Học tập tốt nhất là học tập trong công tác, đảng viên phải vừa làm vừa học. Kẻ thù của học tập là bệnh lười biếng và thói tự mãn, tự túc. Đảng viên phải có quyết tâm học tập thì nhất định việc học tập sẽ đạt kết quả tốt.

8. Tích cực tự phê bình và phê bình - Vũ khí rất quý báu của đảng viên.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến vấn đề tự phê bình và phê bình, Người cho rằng, trong công tác xây dựng Đảng, tự phê bình và phê bình

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 7, tr.235
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 4, tr.413

là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng, là nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng, là vũ khí sắc bén và là phương pháp thần diệu cho Đảng đoàn kết, nhất trí, giúp cho mỗi đảng viên nhận rõ ưu điểm, khuyết điểm để sửa chữa tiến bộ hơn. Vì vậy, Người thường xuyên giáo dục đảng viên phải tự phê bình và phê bình để xây dựng chi bộ tốt, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, xây dựng các tổ chức quần chúng ngày càng vững mạnh và rèn luyện bản thân trở thành người đảng viên tốt của Đảng.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Trên con đường phát triển cách mạng của mình, Đảng ta, mỗi đồng chí chúng ta luôn luôn có ưu điểm và không tránh khỏi có khuyết điểm. Chỉ có không ngừng đấu tranh, phê bình và tự phê bình, nhận rõ đúng, sai, phát huy cái đúng, khắc phục cái sai, mới có thể làm cho mình, cho Đảng, cho cách mạng tiến bộ mãi"(1). Chính trong ý nghĩa đó mà Hồ Chủ tịch và Đảng ta luôn giáo dục đảng viên nâng cao tính đảng trong việc thực hiện tự phê bình và phê bình. Mục đích của tự phê bình và phê bình là để cho từng đảng viên tiến bộ, từng chi bộ tiến bộ, để tăng thêm tình đoàn kết giữa đảng viên với nhau, giữa đảng viên với nhân dân. Thực hiện tư phê bình và phê bình là một phương thức cơ bản để nêu ra những ưu điểm, vạch khuyết điểm của đảng viên để tẩy sạch khuyết điểm và rèn luyện phẩm chất đạo đức và năng lực công tác cho đảng viên. Đảng viên, chi bộ và các tổ chức cơ sở đảng trước hết phải nghiêm khắc tự phê bình mình, sau đó mới phê bình đồng chí của mình. Bất luận trong hoàn cảnh nào, cương vị nào, mỗi ngày đều phải tự hỏi mình, thật thà tự xét mình và phê bình đồng chí của mình. Tự phê bình và phê bình có mối quan hệ chặt chẽ, đi đôi với nhau và phải được tiến hành thường xuyên như rửa mặt hàng ngày.

Khi phê bình mình cũng như phê bình người thì phải thật thà, trung thực, thẳng thắn, triệt để, công khai, không nể nang, thêm bớt hay né tránh mà phải vạch rõ cả ưu điểm và khuyết điểm, để người khác biết mà tránh những khuyết điểm đó. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: những đảng viên do sống và làm việc với nhau hàng ngày trong tổ chức, lại quen biết, bầu bạn, thân thích, anh em, cho nên lúc họ có sai lầm cứ nể nang nhau, sợ mất lòng nhau nên không thiết thực phê bình. Sợ mất uy tín và thể diện, không dám tự phê bình. Nếu phê bình khuyết điểm của mình, của đồng chí mình, của Đảng và Chính phủ thì địch sẽ lợi dụng công kích ta. Nói vậy là lầm to. Khuyết điểm cũng như chứng bệnh. Phê bình cũng như uống thuốc. Người viết: sợ phê bình cũng như "có bệnh mà giấu bệnh"(2), không dám uống thuốc, để đến nỗi bệnh ngày càng tăng, "không chết cũng la lết quả dưa".

Nói về từng đảng viên, nể nang không phê bình để cho đồng chí mình cứ sa vào lầm lỗi, đến nỗi hỏng việc, khác nào thấy bệnh của đồng chí mà không chữa chạy. Nể nang mình, không dám tự phê bình, để cho khuyết điểm của mình chứa chất lại, khác nào bỏ thuốc độc cho mình, rồi nguy hiểm đến tính mạng. Trong tự phê bình và phê bình, tránh dùng những lời

(1) *Hồ Chí Minh: Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch,* Nxb. Sự Thật, HN, 1959, tập 4, tr.74
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 6, tr.209

mỉa mai, thâm độc, phóng đại để trù dập, hạ bệ nhau. Những đảng viên được phê bình thì phải thực sự cầu thị, vui lòng tiếp thu nhận xét để sửa chữa, không nên vì bị phê bình mà nản chí hay oán ghét; phải có thái độ thật thà, khiêm tốn, đúng thì phải tự nhận khuyết điểm, quyết tâm sửa đổi.

Thái độ và nhận thức về vấn đề tự phê bình và phê bình không phải ai cũng như ai, bởi vì mỗi con người có một trình độ, đặc điểm, hoàn cảnh khác nhau. Vì vậy khi tiến hành tự phê bình và phê bình chúng ta phải phân loại rõ ràng để giúp đồng chí mình nhận thức và có thái độ tiếp thu đúng. Đối với vấn đề này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chia thành ba loại như sau:

Một là, Đối với những đảng viên giác ngộ chính trị cao thì tự phê bình rất thật thà và kiên quyết sửa chữa khuyết điểm. Khi phê bình đảng viên khác, các đồng chí này thành khẩn, nhẫn nại, giúp đỡ đảng viên khác sửa chữa. Đối với những đảng viên sai lầm rất nặng mà lại không chịu sửa đổi thì các đồng chí ấy đấu tranh không nể nang. Người đã khuyên chúng ta phải học tập tinh thần, đạo đức và tác phong của các đảng viên ấy.

Hai là, Có một số ít đảng viên thì phê bình đến mấy cũng cứ ỳ ra, không chịu sửa chữa khuyết điểm. Đối với hạng người này, theo Người thì Đảng cần phải nghiêm khắc với họ và mời họ ra khỏi Đảng, để tránh "con sâu làm rầu nồi canh"(1).

Ba là, Thái độ của một số khá đông đảng viên đối với đảng viên khác thì phê bình đúng đắn, nhưng tự phê bình thì quá ôn hoà. Các đồng chí này không mạnh dạn công khai tự phê bình, không vui lòng tiếp thu phê bình, nhất là phê bình từ dưới lên, không kiên quyết sửa chữa khuyết điểm của mình, thường tìm những khó khăn khách quan để tự biện hộ. Nói tóm lại, đối với đảng viên khác thì đồng chí ấy rất "mác-xít", nhưng đối với bản thân thì mắc vào chủ nghĩa tự do.

9. Đảng viên phải giữ gìn và củng cố khối đoàn kết thống nhất trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thấy từ rất sớm vai trò quan trọng của việc đoàn kết trong Đảng, "đoàn kết là then chốt, đoàn kết là thắng lợi"(2). Trong quan hệ giữa đảng viên với đảng viên, giữa đảng viên tại đơn vị với đảng viên chuyển từ nơi khác đến, giữa đảng viên được quy hoạch với đảng viên không được quy hoạch, giữa đảng viên già với đảng viên trẻ, v.v. tất cả những mối quan hệ trên chỉ rõ nếu Đảng ta không chăm lo đến sự đoàn kết, nhất trí về tư tưởng, tổ chức và hành động trong nội bộ Đảng thì rất dễ có nguy cơ "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược", tổ chức.Đảng cũng có những chỗ hở mà kẻ địch lợi dụng. Cho nên, Người căn dặn: "Cần xóa bỏ hết thành kiến, cần phải thật thà đoàn kết với nhau, giúp đỡ nhau để cùng tiến bộ, để cùng phục vụ nhân dân"(3).

---

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 7, tr.575
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 11, tr.22
(3) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 7, tr.391

Hồ Chí Minh chỉ rõ sự đoàn kết thống nhất của Đảng ta là dựa trên nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối chính sách của Đảng chứ không phải đoàn kết thống nhất theo kiểu gia tộc hay phường hội. Vì vậy, Người đưa ra điều kiện trước tiên để bảo đảm sự đoàn kết thống nhất trong Đảng là đảng viên phải ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lênin và nắm bắt đường lối của Đảng để tư tưởng nhất trí, hành động nhất trí.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn coi trọng việc tăng cường đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng vì đó là sinh mệnh của Đảng. Hồ Chủ tịch kiên quyết chống lại mọi hiện tượng bè phái trong Đảng. Mỗi đảng viên phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như "giữ gìn coi ngươi của mắt mình"(1). Vì vậy, đảng viên nào làm tổn thương đến sự đoàn kết nhất trí của Đảng là vi phạm vào nguyên tắc cơ bản của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh quán triệt "đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết"(2) trong Đảng đến cả lời nói và việc làm hàng ngày. Mỗi đảng viên đoàn kết chặt chẽ trong tổ chức Đảng, thống nhất tư tưởng, ý chí và hành động thì mọi nhiệm vụ công tác mới có thể hoàn thành được.

Sự đoàn kết nhất trí của mỗi đảng viên trong Đảng là nòng cốt của sự đoàn kết nhất trí của toàn dân. Bảo vệ sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng cũng là bảo vệ sự nghiệp cách mạng của toàn thể nhân dân Việt Nam. Bởi vì, nhân dân ta một lòng tin tưởng đi theo Đảng, coi Đảng là người lãnh đạo duy nhất đảm bảo cho mọi thắng lợi của cách mạng. Nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh chú ý thêm rằng, sự đoàn kết nhất trí trong Đảng chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở đấu tranh nội bộ về tư tưởng một cách nghiêm chỉnh. Đoàn kết nhất trí theo quan điểm của Đảng không phải đoàn kết nhất trí một chiều, không phải là phủ nhận đấu tranh phê bình và tự phê bình trong nội bộ Đảng. Trái lại, phải luôn đấu tranh khắc phục mâu thuẫn thì mới đạt tới đoàn kết nhất trí ngày càng cao hơn. Xuất phát từ quan điểm đó, nên Hồ Chủ tịch coi việc thực hành tự phê bình và phê bình kiên quyết đấu tranh với mọi tư tưởng và hành động ở trong và ngoài Đảng có hại đến lợi ích chung của Đảng là một nghĩa vụ không thể thiếu được của người đảng viên cộng sản.

10. Đảng viên liên hệ mật thiết với quần chúng nhân dân

Đảng ta là đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với dân. Hồ Chí Minh khẳng định thắt chặt mối quan hệ máu thịt giữa Đảng ta với nhân dân ta là chìa khoá của mọi thắng lợi của công cuộc xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, "là đạo đức, là văn minh"(3).

Mục đích của Đảng ta rất vĩ đại. Muốn đạt được mục đích ấy, không thể đơn độc dựa vào lực lượng của Đảng ta, mà phải dựa vào lực lượng của quần chúng. Sức mạnh của Đảng ta là ở quần chúng.

---

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Sđd, tập 12, tr.497
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Sđd, tập 10, tr.349
(3) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Sđd, tập 5, tr.293, 250, 290

Đây là yêu cầu đối với cán bộ ở tất cả các thời kỳ cách mạng, nhưng trong thời kỳ Đảng cầm quyền càng đặc biệt quan trọng hơn. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, người cán bộ, bằng hành động thực tế của mình, phải làm cho dân tin, dân yêu, dân kính, dân phục; đừng có mang danh cộng sản để đè đầu cưỡi cổ nhân dân; phải yêu dân, kính dân; phải việc gì có lợi cho dân dù nhỏ cũng cố gắng làm, việc gì có hại cho dân dù nhỏ cũng cố tránh; phải khổ trước thiên hạ và vui sau thiên hạ; phải vừa là người lãnh đạo vừa là người đày tớ thật trung thành của nhân dân.

Liên hệ mật thiết với quần chúng nghĩa là: phải luôn luôn đi sát nhân dân, thông cảm nỗi đau khổ của nhân dân, hiểu rõ nguyện vọng, nhu cầu của nhân dân, đảng viên dựa vào dân thi hành chính sách của Đảng và Nhà nước để mang lại quyền lợi thiết thực cho dân chứ không phải nói suông. Liên lạc mật thiết với quần chúng có nhiều cách, nhưng có cách quan trọng nhất là "phải học dân chúng, phải hỏi dân chúng, phải hiểu dân chúng"(1).

Người đã chỉ ra mối quan hệ giữa đảng viên với nhân dân ở các khía cạnh sau:

Thứ nhất, "Đảng phải luôn luôn xét lại những nghị quyết và những chỉ thị của mình đã thi hành thế nào. Nếu không vậy thì những nghị quyết và chỉ thị đó hóa ra những lời nói suông mà còn hại đến lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng"(2).

Thứ hai, Đảng viên phải "gom góp ý kiến rời rạc, lẻ tẻ của quần chúng, rồi phân tích nó, nghiên cứu nó, sắp đặt nó thành những ý kiến có hệ thống. Rồi đem nó tuyên truyền, giải thích cho quần chúng, và làm cho nó thành ý kiến của quần chúng, và làm cho quần chúng giữ vững và thực hành ý kiến đó". Đồng thời, tổng kết, đánh giá kinh nghiệm, đúc rút thành những chỉ thị mới.

Muốn liên hệ mật thiết với quần chúng, đảng viên phải có ý thức rõ ràng hết lòng phục vụ nhân dân, đảng viên làm việc gì đều phụ trách trước nhân dân. Đặc biệt, đảng viên phải làm gương mẫu cho nhân dân trong mọi công tác.

Hồ Chí Minh chủ trương mỗi đảng viên phải kiên quyết chống bệnh "mệnh lệnh", lên mặt "quan cách mạng" và biểu hiện "muốn nhân dân phụng sự mình", mà không chịu giải thích cho dân tự nguyện tự giác làm theo.

Tóm lại, đây là những điều kiện của người đảng viên tốt. Đảng viên cần học tập kỹ để hiểu rõ và thi hành đúng những điều đó để kiểm thảo tư tưởng, sửa chữa sai lầm và phát huy ưu điểm, xứng đáng là một đảng viên tốt của Đảng Cộng sản Việt Nam.

II. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ CÁN BỘ VÀ CÔNG TÁC CÁN BỘ

Tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ là một bộ phận quan trọng có ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống những nội dung trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

---

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 5, tr.293, 250, 290
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 5, tr.290

Bởi cán bộ và công tác cán bộ trong toàn bộ tiến trình cách mạng là một mắt khâu quan trọng, nó quy định tính hoạt động của hệ thống. Hồ Chí Minh cho rằng: "Cán bộ là cái dây chuyền của bộ máy. Nếu dây chuyền không tốt, không chạy thì động cơ dù tốt, dù chạy, toàn bộ máy cũng tê liệt. Cán bộ là những người đem chính sách của Chính phủ, của Đoàn thể thi hành trong nhân dân, nếu cán bộ dở thì chính sách hay cũng không thể thực hiện được".

"Bác Hồ trong suốt cuộc đời hoạt động của mình rất mực quan tâm đến cán bộ và công tác cán bộ. Cán bộ theo quan điểm Hồ Chí Minh là những người trong các cơ quan đoàn thể, công sở, lực lượng vũ trang. Họ có thể là những đảng viên cộng sản hoặc chưa phải, không phải đảng viên. Họ có thể giữ chức vụ chỉ huy, phụ trách, quản lý, lãnh đạo hoặc làm công tác nghiệp vụ. Tóm lại, họ là những người thoát ly, có hưởng lương phân biệt với nhân dân và là đầy tớ của nhân dân".

Tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ có quá trình hình thành lâu dài, trải qua nhiều giai đoạn.

1. Quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ.

1.1. Giai đoạn trước 1945

Nguyễn Ái Quốc- Hồ Chí Minh, được sinh ra và lớn lên ở một đất nước thuộc địa, Người thấu hiểu được nỗi thống khổ của nhân dân ta dưới ách thống trị của ngoại bang. Người quyết tâm ra đi để biết, để tìm hiểu thế giới và tìm con đường cứu nước cứu dân.

Người đã đi nhiều nơi, làm nhiều việc, say sưa đọc sách, miệt mài học tập. Trước nhiều vấn đề của cuộc sống, Người thường đặt câu hỏi tại sao? Và tìm cách trả lời trong chính cuộc sống đó. Từ đó giúp Nguyễn Ái Quốc phân biệt được đâu là bạn và đâu là thù: giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước đều là bạn, chủ nghĩa đế quốc ở đâu cũng là thù. Và Người tìm mọi cách để xây dựng mối đoàn kết trong những người bạn đó để chống lại kẻ thù chung.

Khi đến học thuyết Mác - Lênin, đặc biệt là đến với những luận điểm của Mác, Ăngghen, Lênin về cán bộ và vai trò của những người cán bộ trong việc tuyên truyền chủ nghĩa và con đường cách mạng cho quần chúng nhân dân. Đây chính là bước chuyển biến quyết định, bước nhảy vọt, thay đổi về chất trong nhận thức tư tưởng về lập trường chính trị của Người trong đó có vấn đề cán bộ và công tác cán bộ.

Từ đó, Người xác định cách mạng Việt Nam muốn thành công phải có một đội ngũ cán bộ đủ trí và tài để làm việc đó. Người khẳng định cách mạng Việt Nam trước hết cần có Đảng lãnh đạo. Muốn có Đảng phải đào tạo, chuẩn bị cán bộ cho Đảng. Người tích cực hoạt động chuẩn bị tiền đề về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên là minh chứng cho sự chuẩn bị đó.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đầu những năm 1930 và cùng với Đảng là các tổ chức như Đoàn thanh niên, các tổ chức Mặt trận, lực lượng

vũ trang,... là sự chuẩn bị cán bộ cần thiết của Hồ Chí Minh cho cuộc Cách mạng Tháng Tám đi đến thành công. Và đó cũng là bước chuẩn bị đội ngũ cán bộ cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược, xây dựng cơ sở kinh tế trong vùng tự do, tạo thế và lực cho cuộc kháng chiến đi đến thành công, bảo vệ vững chắc thành quả của cách mạng.

1.2. Giai đoạn 1945 - 1954

Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, để giữ vững và củng cố chính quyền cách mạng, Hồ Chí Minh chú trọng nhiều hơn đến công tác huấn luyện, đào tạo cán bộ. Với cương vị Chủ tịch nước, người đứng đầu Chính phủ, Hồ Chí Minh đã có nhiều điều kiện hơn và thiết thực hơn trong công tác đào tạo cán bộ của mình.

Trước hết, ngay sau khi giành được chính quyền, với nhiều bút danh khác nhau, Người đã viết nhiều tác phẩm, bài viết thể hiện sự quan tâm đặc biệt tới lĩnh vực cán bộ như: Sửa đổi lối làm việc, Thường thức chính trị, Dân vận, Tự phê bình,... Ngoài ra, Người còn tranh thủ thời gian để dự các lớp khai giảng, các Hội nghị cán bộ,...

Là một nhà chính trị, nhà cách mạng chuyên nghiệp, Chủ tịch Hồ Chí Minh có một tầm nhìn sâu rộng, nhưng cũng rất cụ thể. Khi nhận được tin cán bộ địa phương, các ngành, các cấp sai lầm, Người rất đau lòng và thấy mình cũng có một phần trách nhiệm trong đó. Người đề nghị: "Nếu cán bộ địa phương có điều gì sai lầm, nếu đồng bào có việc gì oan ức, thì đồng bào phái đại biểu đến trình bày với tôi và Chính phủ. Tôi và Chính phủ sẽ trừng trị những cán bộ có lỗi và sẽ làm cho đồng bào khỏi oan ức"

Khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đang trên đường đi đến thành công cuối cùng, Người nhắc nhở: trong kháng chiến cán bộ ta là rất anh dũng, sẵn sàng khắc phục được mọi khó khăn gian khổ. Nhưng khi về tới thành phố thì tiền bạc, gái đẹp, sẽ làm cho cán bộ sa ngã. Vì vậy, cán bộ phải luôn thực hành: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.

Tóm lại, giai đoạn 1945-1954, là giai đoạn giữ vững, củng cố chính quyền cách mạng, kháng chiến - kiến quốc. Muốn kháng chiến phải kiến quốc, muốn kiến quốc phải đẩy mạnh kháng chiến. Để hoàn thành nhiệm vụ đó, cán bộ đóng vai trò quan trọng.

Tất cả các hoạt động đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần tăng cường đội ngũ cán bộ cả về số lượng và chất lượng cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, tạo điều kiện chuẩn bị cho giai đoạn cách mạng mới.

1.3. Giai đoạn 1954 - 1969

Sau Hiệp định Giơnevơ, miền Bắc được hoàn toàn độc lập, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo nhân dân miền Bắc tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa miền Bắc là xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Trong quá trình này, thì nhiệm

vụ cải tạo kinh tế cũ, xây dựng nền kinh tế mới xã hội chủ nghĩa. Để hoàn thành nhiệm vụ khó khăn, nặng nề này đội ngũ cán bộ không chỉ phải được nâng cao hơn nữa trình độ lý luận, trình độ quản lý xây dựng xã hội mới hiện đại mà trước ảnh hưởng của nhiều yếu tố tiêu cực khác, cán bộ phải có đạo đức cách mạng chân chính thì mới có thể hoàn thành được nhiệm vụ.

Trong giai đoạn này, ngoài những hoạt động thường xuyên như tham dự và phát biểu tại các trường đào tạo cán bộ, viết sách, báo,... Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới lĩnh vực đạo đức cách mạng và có những hoạt động thiết thực chăm lo xây dựng đạo đức cho cán bộ.

Trong bài *"Đạo đức cách mạng"* đăng trên báo *Nhân dân* ngày 6.6.1955, Người chỉ ra những thoái hoá đạo đức của một số cán bộ sau ngày hoà bình lập lại, những ảnh hưởng xấu của xã hội cũ với các cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng. Để ngăn ngừa cái xấu Đảng cần phải chú trọng việc giáo dục đạo đức cách mạng, tăng cường tinh thần cảnh giác, mở rộng tự phê bình và phê bình.

Người thường nhắc nhở, Đảng không phải là nơi để phát tài, để thăng quan tiến chức, vào Đảng là để phục vụ nhân dân, phục vụ giai cấp. Người đặc biệt quan tâm tới công tác tự phê bình của nhân dân, cán bộ đảng viên. Coi ý kiến đấu tranh của quần chúng là một hành động cần thiết của cách mạng và nhắc nhở cán bộ đảng viên phải tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân.

Để nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ đảng viên, Người quan tâm tới việc chống bệnh quan liêu, bệnh chủ nghĩa cá nhân, coi đó như là một căn bệnh nguy hiểm và cần thiết phải loại bỏ. Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân là động lực, là mục tiêu của cán bộ cách mạng. Để thực hiện nhiệm vụ này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị phải thực hiện nhất quán từ Trung ương cho tới địa phương.

Trong những năm cuối đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho dân tộc Việt Nam, cho Đảng, cho Nhà nước ta một tài sản vô giá, đó là Di chúc. Di chúc là những tâm huyết, những tiên đoán để lại cho đời, trong đó, Người nhắc nhở phải giữ gìn đoàn kết trong Đảng, cán bộ đảng viên phải luôn luôn rèn luyện để xứng đáng là người đầy tớ của nhân dân.

Tóm lại, giai đoạn 1954-1969 là giai đoạn mà cán bộ đảng viên của ta đối mặt với những cám dỗ của kinh tế nên dễ dẫn đến thoái hoá, biến chất, điều này đã được Người tiên đoán từ khi Đảng chưa ra đời và trên thực tế cho thấy sự đúng đắn của Bác. Trong mọi thời đại đạo đức cách mạng luôn có giá trị xuyên suốt đối với người cán bộ, đặc biệt trong giai đoạn kinh tế thị trường hiện nay.

2. Quan điểm Hồ Chí Minh về cán bộ

2.1. Cán bộ là gốc của cách mạng

Lênin là một trong những người đầu tiên bàn đến vấn đề cán bộ đối với một Đảng Cộng sản, Ông từng nói: "Trong lịch sử chưa có một giai cấp

nào giành được quyền thống trị, nếu nó không đào tạo ra được trong hàng ngũ của mình những lãnh tụ chính trị, những đại biểu tiền phong có khả năng đứng ra tổ chức và lãnh đạo phong trào". "Nghiên cứu con người, tìm những cán bộ có bản lĩnh. Hiện nay, đó là then chốt; nếu không như thế thì tất cả mọi mệnh lệnh và quyết định sẽ chỉ là mớ giấy lộn".

Khi Hồ Chí Minh xác định được con đường cho cách mạng Việt Nam, đó là con đường cách mạng vô sản, đi theo con đường của Cách mạng Tháng Mười Nga, giành độc lập dân tộc tiến lên cách mạng cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đó là cuộc biến đổi toàn diện, sâu sắc, nhằm xoá bỏ chế độ người bóc lột người, nhằm đưa lại cuộc sống ấm no cho toàn dân. Đó là một cuộc cách mạng vĩ đại, vẻ vang nhất trong lịch sử loài người. Nhưng đồng thời cũng là cuộc cách mạng gay go, phức tạp và khó khăn nhất, không phải giải quyết một sớm một chiều. Nhưng theo Hồ Chí Minh, tuy khó khăn nếu biết cách làm, biết đồng tâm hiệp lực mà làm thì chắc làm được. Khó dễ cũng tại mình, mình quyết chí làm thì làm được.

Trước hết muốn làm cách mạng thành công thì phải làm cho dân giác ngộ, phải làm cho dân hiểu thế nào là cách mạng và làm cách mạng như thế nào, phải tập trung lực lượng và trí tuệ của dân ra sao. Muốn vậy trước hết phải có Đảng cách mạng, cán bộ, đảng viên phải luôn giữ được tư cách của người cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: đại đa số quần chúng có tinh thần yêu nước, sẵn sàng hi sinh để giành lại tự do. Nhưng họ đã đổ máu nhiều mà tự do vẫn chưa thể giành lại được. Người nhấn mạnh: "Trong tất cả các nước thuộc địa Pháp, nạn nghèo đói đều tăng, sự phẫn uất ngày càng lên cao. Sự nổi dậy của nông dân bản xứ đã chín muồi. Trong nhiều nước thuộc địa, họ đã vài lần nổi dậy, nhưng lần nào cũng bị dìm trong máu. Nếu hiện nay nông dân vẫn còn ở trong tình trạng tiêu cực thì nguyên nhân là vì họ còn thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo. Quốc tế cộng sản cần phải giúp đỡ họ con đường đi tới cách mạng và giải phóng"[1]

Xác định nhiệm vụ cách mạng là khó khăn nhưng đó là khó khăn trong sự trưởng thành. Trong quá trình đi lên cách mạng, toàn Đảng, toàn dân quyết tâm là làm được. Vấn đề cán bộ là đầu tiên: "Trước hết cán bộ phải có tư tưởng xã hội chủ nghĩa, lập trường phải rõ ràng, vững chắc đã. Rồi cán bộ làm cho dân hiểu"[2].

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức được vai trò, vị trí của cán bộ trong sự nghiệp cách mạng. Trong quá trình hoạt động cách mạng, Nguyễn Ái Quốc đã nhận thấy được vai trò to lớn của Quốc tế cộng sản trong việc đào tạo cán bộ cho cách mạng. Người tích cực hoạt động và kêu gọi Quốc tế cộng sản tích cực hơn nữa trong việc giúp đỡ đào tạo cán bộ cho các nước thuộc địa.

Khảo sát các bức thư của Hồ Chí Minh gửi cho Quốc tế Cộng sản cho thấy, Hồ Chí Minh luôn luôn nhận thấy được sự khó khăn cũng như sự hi

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 1, tr.289
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 9, tr.30

sinh xương máu của đồng bào trong cách mạng, vì vậy, cách mạng không chỉ là ám sát cá nhân, bạo động phát sinh. Đào tạo cán bộ, để họ lãnh đạo quần chúng, chuẩn bị lực lượng, nắm bắt sự chuyển biến của lịch sử để tạo sự chuyển biến cho cách mạng. Nhưng Hồ Chí Minh lại không nôn nóng trong việc đào tạo cán bộ để tăng nhanh số lượng mà trong đó có một số là không chất lượng. Người Viết: "Tôi đã tìm thấy ở đây một vài người Đông Dương mà với họ, tôi hi vọng làm được việc gì đó"(1).

Như vậy, không thể hoài nghi được vai trò của Hồ Chí Minh trong việc nhận thức về cán bộ cách mạng và đào tạo cán bộ cách mạng, thiết lập mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và Quốc tế Cộng sản trong việc tổ chức và đào tạo cán bộ cách mạng cho các nước thuộc địa.

Hồ Chí Minh không chỉ là người kêu gọi mà tự mình còn lập ra các tổ chức để đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam và Đông Dương. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên và chương trình hoạt động của hội đã thể hiện rõ nội dung trên. Hội được lập ra để đào tạo cán bộ cách mạng với hai phương thức cơ bản: một là, chọn những thanh niên ưu tú trong nước và những người hoạt động ở ngoài nước tự đào tạo; hai là, gửi một số thanh niên đi học ở các trường bên ngoài như trường đại học phương Đông và trường Quân sự Hoàng Phố.

Hồ Chí Minh trong quá trình đào tạo cán bộ, Người không chỉ dừng lại ở hình thức giảng dạy lý luận mà thiết thực hơn, trong quá trình giảng dạy, Người tập cho họ biết cách hoạt động bí mật, biết cách tuyên truyền cho từng đối tượng cụ thể, biết hình thức tuyên truyền là làm báo,.. Đồng thời sau khi bế giảng các khoá đào tạo, học viên được tiếp tục đi học hoặc về ngay trong nước đi vào quần chúng nhân dân và tuyên truyền con đường cứu nước. Với những cán bộ đầu tiên, ít ỏi đó nhưng hiệu quả rất to lớn, nhiều tổ chức của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên được hình thành trong nước, tạo cơ sở vững chắc cho cách mạng.

"Cần nhấn mạnh ở đây là khi bàn về vai trò của cán bộ trong sự nghiệp cách mạng, Hồ Chí Minh luôn đặt cán bộ trong sự tổng hoà các mối quan hệ đa chiều. Chiều sâu trong tư duy chính trị của Hồ Chí Minh về vấn đề cán bộ, trước hết Người coi "cán bộ là cái gốc của mọi công việc". Theo quan niệm Hồ Chí Minh, cây thì phải có gốc, không có gốc thì cây héo; sông thì phải có nguồn, không có nguồn thì sông cạn. Vì vậy, trong mọi việc mà không có cán bộ thì không thể hoàn thành"(2)

Hồ Chí Minh khẳng định: "Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém"(3). Cán bộ còn được hiểu là dây chuyền của bộ máy, dây chuyền liên quan đến toàn bộ hoạt động của bộ máy. Trong đời sống xã hội, sự chuyển động được coi như là một cỗ máy khổng lồ. Trong cỗ máy đó cán bộ là dây chuyền cầu nối giữa Đảng, Chính phủ với nhân dân. Đây là một dây chuyền đặc biệt vì cán bộ phải đem chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước đến với dân và ngược lại phản ánh tâm tư nguyện vọng của dân đến Đảng, Chính phủ. Vì vậy, nếu cán bộ dở thì chính sách không thực hiện được, mặt khác việc hoạch định chính sách mới sẽ không đúng, không phù hợp.

---

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 2, tr.15
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 2, tr.85
(3) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Sđd, tập 5, tr.240

Đối với Hồ Chí Minh nói đến cán bộ, Người không nói cán bộ chung chung mà là cán bộ cụ thể đó là "cán bộ tốt", "cán bộ kém", "cán bộ dở". Mà muôn việc lại quyết định ở cán bộ, do đó, cán bộ tốt thì việc thành công và ngược lại. Nhưng ngay cả trong phạm vi cán bộ tốt hay kém cũng được Hồ Chí Minh phân biệt rất rõ ràng: "Ai mà khoe công việc, hay a dua, tìm việc nhỏ mà làm, trước mặt thì theo mệnh lệnh, sau lưng thì trái mệnh lệnh, hay công kích người khác, hay tự tâng bốc mình, những người như thế, tuy họ làm được việc cũng không phải là cán bộ tốt. Ai cứ cắm đầu làm việc, không ham khoe khoang, ăn nói ngay thẳng, không che giấu khuyết điểm của mình, không ham việc dễ tránh việc khó, bao giờ cũng kiên quyết làm theo mệnh lệnh của Đảng, vô luận hoàn cảnh thế nào, lòng họ cũng không thay đổi, những người như thế, dù công tác kém một chút cũng là cán bộ tốt. Người ở đời, ai cũng có chỗ tốt và chỗ xấu. Ta phải khéo nâng cao chỗ tốt, khéo sửa chữa chỗ xấu cho họ"[1].

Khẳng định vai trò của cán bộ phải thừa nhận rằng cán bộ cũng là một con người, mà con người thì bao giờ cũng tồn tại tính tốt và tính xấu. Tính tốt hay tính xấu là do những điều kiện tác động từ bên ngoài. Hồ Chí Minh cho rằng, đã là cán bộ thì dù ít hay nhiều đều có quyền hành. Có quyền mà thiếu lương tâm là cán bộ xấu, là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút. Người nhắc: "Những người trong các công sở đều có nhiều hoặc ít quyền hành. Nếu không giữ đúng Cần, Kiệm, Liêm, Chính thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân"[2].

Đánh giá vai trò của cán bộ, không có nghĩa là cán bộ là người đưa đến thắng lợi của cách mạng, mà sự nghiệp cách mạng là của quần chúng nhân dân. Trong mối quan hệ đó, quan hệ giữa cán bộ và nhân dân thì người cán bộ phải tiên phong, đi trước, cải tạo mình, tự nâng cao mình, phải có lập trường giai cấp vững chắc, giác ngộ cao, phải rửa sạch ảnh hưởng của những giai cấp bóc lột, rửa sạch chủ nghĩa cá nhân, rèn luyện tốt tinh thần và ý thức tập thể cao. Để làm cơ sở, làm tấm gương cho nhân dân học tập noi theo, từ đó phát huy được cao nhất tính sáng tạo trong nhân dân để vượt qua mọi khó khăn giành thắng lợi trong sự nghiệp cách mạng.

Xuất phát từ vai trò quan trọng đó, để người cán bộ có thể trở thành người lãnh đạo quần chúng nhân dân, là tấm gương thật sự cho nhân dân noi theo, thì người cán bộ phải luôn phấn đấu để đạt được các yêu cầu cơ bản cần thiết của người cán bộ.

2.2. Tư cách người cán bộ cách mạng

Theo quan điểm Hồ Chí Minh thì nhìn chung cán bộ ta là tốt, song trong điều kiện một nước thuộc địa, lại chịu nhiều ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến lạc hậu nên khi trở thành người được nắm chính quyền, đối mặt với những cám dỗ của cuộc sống sẽ dễ bị sa ngã. Đồng thời cũng xuất phát từ vị trí vai trò của người cán bộ cách mạng, người đầy tớ suốt đời phục vụ nhân dân, chăm lo cho lợi ích của nhân. Do đó, người cán bộ cách mạng

(1) *Hồ Chí Minh Toàn tập,* Sđd, tập 5, tr.276-279
(2) *Hồ Chí Minh Toàn tập,* Sđd, tập 5, tr.105

phải tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân, trong công việc phải rõ ràng, cẩn thận, luôn luôn phải vì lợi ích của nhân dân.

Để không bị sa ngã, thật sự là người đầy tớ của nhân dân, người cán bộ cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh cần phải có các tiêu chuẩn sau:

2.2.1. Người cán bộ phải có đạo đức cách mạng

Theo Hồ Chí Minh thì cuộc cách mạng ở Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, không chỉ dừng lại ở giai đoạn là giải phóng dân tộc mà còn tiến lên một giai đoạn cao hơn là giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đó là cuộc cách mạng giải phóng hoàn toàn xã hội, giải phóng triệt để con người, để xã hội trở nên tốt đẹp hơn.

Theo nghĩa đó, thì đây còn có nghĩa là một cuộc cách mạng đạo đức vĩ đại nhất trong lịch sử Việt Nam. Đạo đức có vai trò cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp cách mạng theo quan điểm Hồ Chí Minh, đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam là một động lực tinh thần, một sức mạnh to lớn trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xây dựng chế độ mới.

Như vậy, con người trong quá trình thực hiện vai trò của mình trong sự nghiệp cách mạng đó phải có đạo đức cách mạng. Đạo đức cách mạng chính là thể hiện tính "người" của con người, Người viết: "Tuy năng lực và công việc của mỗi người khác nhau, người làm việc to, người làm việc nhỏ, những ai giữ được đạo đức thì là người cao thượng"(1) và Người còn so sánh: "Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông. Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc. Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính. Thiếu một mùa thì không thành trời. Thiếu một phương thì không thành đất. Thiếu một đức thì không thành người"(2). Đạo đức cần cho mọi người, và đạo đức đặc biệt cần thiết cho cán bộ, đảng viên, cho những người cách mạng. Tại sao? Bởi vì trong cuộc cách mạng khó khăn, gian khổ đó, người cán bộ phải hi sinh rất nhiều thậm chí là cuộc sống để phục vụ lý tưởng. Trong hoàn cảnh đó, chỉ có những người có đạo đức chân chính mới chiến thắng được cám dỗ và chiến thắng được bản thân để hoàn thành nhiệm vụ. Người cán bộ cách mạng phải là những người có tầm nhìn xa, không lấy cái vật chất hiện tại làm thước đo, không lấy hẹp hòi mà so sánh tương lai tốt đẹp phía trước, người cán bộ phải đặt niềm tin vào quần chúng, phải đem tinh thần để thắng vật chất, đem văn minh chiến thắng hung tàn. Cách mạng có lúc thắng lợi cũng có lúc khó khăn, chỉ có những người có đạo đức cách mạng mới không lùi bước.

Trên tinh thần đó, thì đạo đức chính là sức mạnh tinh thần để người cán bộ vượt lên trước, đi đầu trong sự nghiệp cách mạng, lãnh đạo nhân dân đến thắng lợi cuối cùng.

Sự quan tâm tới đạo đức cách mạng của Hồ Chí Minh được thể hiện rất rõ, ngay trong tác phẩm *"Đường Kách mệnh"*, để chỉ ra con đường cách mạng phải đi cho dân tộc và dạy cho những người cán bộ cách làm cách mạng. Hồ Chí Minh đã mở đầu tác phẩm bằng "Tư cách một người cách mạng".

---

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 7, tr.568
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 5, tr.63

Người không chỉ nêu lên từ đạo đức mà Người còn chỉ rõ đạo đức là cán bộ phải: Đối với mình, đối với đồng chí mình, đối với công việc, đối với nhân dân, đối với đoàn thể phải như thế nào? Và con đường để rèn luyện đạo đức cho cán bộ, đảng viên là: "Quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng, cho dân tộc; Ra sức làm việc cho Đảng, giữ vững kỷ luật Đảng, thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng; Đặt lợi ích của Đảng và nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi công việc; Ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, luôn luôn dùng tự phê bình và phê bình để nâng cao tư tưởng cải tiến công tác của mình và cùng đồng chí mình tiến bộ".

Theo Hồ Chí Minh, rèn luyện đạo đức không chỉ là thực hiện tốt những nguyên tắc mà còn phải đấu tranh chống lại những biểu hiện phi đạo đức. Đó là địa phương chủ nghĩa, óc bè phái, óc quân phiệt quan liêu, óc hẹp hòi, ham chuộng hình thức, làm việc lối bàn giấy, vô kỷ luật, kỷ luật không nghiêm, ích kỷ, hủ hoá, bệnh tham lam, bệnh lười biếng, bệnh kêu ngạo, bệnh hiếu danh, bệnh hữu danh vô thực, kéo bè kéo cánh, bệnh "cận thị", bệnh xu nịnh, a dua, bệnh khai hội, bệnh nể nang, bệnh quan liêu, mệnh lệnh, tham ô, lãng phí,...

Hồ Chí Minh cho rằng tất cả những căn bệnh trên có nguồn gốc từ "chủ nghĩa cá nhân". Chủ nghĩa cá nhân là một thứ vi trùng rất độc, đẻ ra hàng trăm thứ bệnh và nhiều cái xấu, thiên hình vạn trạng. Chủ nghĩa cá nhân là giặc nội xâm, bạn đồng minh của các kẻ địch khác.

Nói tóm lại, muốn trở thành người cán bộ cách mạng chân chính, người cộng sản, thì phải quét sạch chủ nghĩa cá nhân.

2.2.2. Người cán bộ phải có năng lực lãnh đạo và tổ chức thực hiện tốt

Cách mạng muốn thành công phải có Đảng lãnh đạo, đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định hàng đầu cho thắng lợi của cách mạng. Nhưng cách mạng chỉ thực sự thắng lợi khi mà Nghị quyết của Đảng thực sự đi vào quần chúng nhân dân, biến thành hành động cách mạng.

Để cho Nghị quyết của Đảng thật sự đến với nhân dân, thì phải cần có cán bộ tốt. Cán bộ tốt ở đây chính là năng lực lãnh đạo và tổ chức vận động quần chúng của cán bộ. Bởi vì, cán bộ chính là cầu nối, là người đem chủ trương của Đảng đến với nhân dân và đem tiếng nói của nhân dân đến với Đảng.

Trước hết, để lãnh đạo được quần chúng, người cán bộ phải gần dân chúng, phải hiểu được tâm tư nguyện vọng của dân, nói được tiếng nói cuộc sống của dân, có như vậy, người cán bộ mới hiểu được nổi khổ của dân mà vì dân phục vụ.

Để làm được điều đó, cán bộ phải không chỉ là người lãnh đạo mà còn là học trò của dân chúng. "Chẳng những lãnh đạo quần chúng mà lại phải học hỏi quần chúng". Bởi "không học hỏi dân thì không lãnh đạo được dân. Có biết làm học trò dân thì mới biết làm thầy dân"(1). Hồ Chí Minh thường nhắc nhở: "Dân chúng rất khôn khéo, rất hăng hái, rất anh hùng. Dân biết giải quyết nhiều vấn đề một cách đơn giản, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn nghĩ mãi không ra"(2).

---

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 6, tr.88
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 5, tr.285

Người cán bộ thật sự có năng lực, theo Hồ Chí Minh phải là người giải quyết mọi vấn đề một cách đúng đắn, tổ chức công việc thật sự chặt chẽ và tổ chức kiểm tra công việc cẩn thận. Muốn làm được đầy đủ những việc đó thì phải có và nhất định phải có sự giúp đỡ của dân chúng.

Nhưng đồng thời, Hồ Chí Minh cũng phê phán những cán bộ theo đuôi dân chúng. Biết lắng nghe dân chúng, nhưng cũng phải biết phân biệt cái đúng, cái sai, cái chưa thật sự chính xác. Có như vậy, người cán bộ mới thật sự là chỗ dựa của nhân dân, không để cho nhân dân bị oan ức. Cốt lõi của năng lực cán bộ chính là làm cho dân hiểu và thực hiện chủ trương của Đảng, đồng thời vận động được nhân dân nói lên những vấn đề còn hạn chế mà khắc phục. Lãnh đạo chính là quá trình từ dân chúng mà ra và trở lại chính dân chúng. Muốn thực hiện được điều đó phải tẩy sạch bệnh quan liêu. Nguyên nhân chủ yếu của bệnh quan liêu là do xa dân, sợ dân, khinh dân, không tin nhân dân, không hiểu biết dân và không thương yêu nhân dân.

Những cán bộ chỉ biết dùng mệnh lệnh, chỉ biết họp hội, chỉ biết ngồi bàn giấy, nói một đường làm một nẻo, chỉ biết cho mình mà không quan tâm tới những điều kiện thiết thực của nhân dân, lại còn đòi hỏi nhân dân phục vụ mình. Những cán bộ đó là những cán bộ không tốt, những cán bộ không có năng lực lãnh đạo, là những con sâu mọt đục khoét tài sản nhân dân. Như vậy, sẽ làm cho chủ trương của Đảng không đến được nhân dân, không biến thành hành động cách mạng và phản ánh sai thực tế. Đó chính là nguy cơ cho xã hội.

Để trở thành người cán bộ tốt và tránh được bệnh quan liêu, mỗi cán bộ phải: "Luôn luôn gần gũi nhân dân. Ra sức nghe ngóng và hiểu biết nhân dân. Học hỏi nhân dân. Lãnh đạo nhân dân bằng cách giải thích, tuyên truyền, cổ động, giáo dục, tổ chức nhân dân, dựa vào nhân dân để thực hiện nguyện vọng chính đáng của nhân dân"[1].

Như vậy, để làm người cán bộ tốt, có năng lực lãnh đạo, thì đòi hỏi người cán bộ phải luôn đặt và coi lợi ích của nhân dân lên trên lợi ích của chính bản thân mình và gia đình mình. Muốn đạt được điều đó, cán bộ, đảng viên phải không chỉ rèn luyện đạo đức, gần gũi nhân dân mà đòi hỏi cần phải có một trình độ tri thức để nhận thức được đúng đắn vấn đề và phải có trình độ lý luận để giữ vững được lập trường, lý tưởng của một người cán bộ cách mạng chân chính.

2.2.3. Người cán bộ phải có trình độ lý luận

Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhắc nhở: Lý luận phải gắn liền với thực tiễn, lý luận mà không được thực tiễn soi rọi là lý luận suông, thực tiễn mà không có lý luận định hướng là thực tiễn mù quáng. Để giải quyết được nhiệm vụ cách mạng và tình hình thực tế của Đảng, để Đảng hoàn thành được sứ mạng lịch sử là lãnh đạo nhân dân giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, thì Đảng phải có lý luận tiền phong dẫn đường và mỗi cán bộ đảng viên phải được trang bị lý luận tiền phong đó một cách đúng đắn.

---

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 6, tr.88

Trong các căn bệnh của cán bộ, Hồ Chí Minh cho rằng bệnh chủ quan là do kém lý luận, khinh lý luận và lý luận suông. Để nâng cao trình độ lý luận, người cán bộ phải hiểu lý luận là gì, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng "lý luận là đem thực tế trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính"(1).

Lý luận là những tri thức của loài người được tổng kết trong lịch sử, nó như cái kim chỉ Nam chỉ phương hướng cho chúng ta trong hành động.

Người kém lý luận là những người thường bị bế tắc trong công việc. Khi đối mặt với công việc thường không nhận xét rõ ràng, không nhận ra được quy luật vận động khách quan, chỉ dựa vào suy nghĩ chủ quan mà tiến hành công việc. Kết quả thường thất bại.

Người khinh lý luận thường đề cao chủ nghĩa kinh nghiệm. Trong thực tế có những người nhờ kinh nghiệm và thành công trong một số công việc nhất định và luôn tự mãn coi đó như là chân lý và luôn áp dụng cho mọi công việc. Đó chỉ là những công việc thường nhật, còn trong cách mạng người cán bộ phải đối mặt với những vấn đề hết sức lớn lao cần phải có lý luận thì mới có thể đánh bại được kẻ thù.

Những người lý luận suông là những người chỉ biết nói lý luận hoàn toàn không áp dụng vào thực tế hoặc không có khả năng trong hoạt động thực tiễn. Và như vậy, họ như là một cái hòm đựng sách.

Vì vậy, mỗi cán bộ đảng viên phải học tập lý luận, đem lý luận áp dụng vào thực tế. Cán bộ, đảng viên phải coi việc học tập lý luận như là một nhiệm vụ quan trọng trong sự nghiệp lãnh đạo nhân dân của mình.

Để nâng cao trình độ lý luận, trước hết phải nâng cao khả năng tổng kết thực tiễn, phải đem thực tiễn cụ thể của đơn vị mình mà xem xét, so sánh với những gì xảy ra xung quanh, để từ đó đút kết thành kinh nghiệm. Thực tế cho thấy bất cứ ai không có khả năng tổng kết kinh nghiệm, tổng kết thực tiễn thì sẽ không có lý luận chân chính.

Để nâng cao trình độ lý luận thì phải học chủ nghĩa Mác - Lênin, bởi vì chủ nghĩa Mác - Lênin chính là cơ sở phương pháp luận để cán bộ, đảng viên hành động và tổng kết thực tiễn. Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là học cái gì, Hồ Chí Minh thường nhắc nhở, học chủ nghĩa Mác - Lênin là học cái tinh thần, cái phương pháp, trong quá trình hoạt động phải luôn nhìn nhận, xem xét và vận dụng tinh thần đó thật linh hoạt và sáng tạo.

Nâng cao trình độ lý luận không có nghĩa là cán bộ, đảng viên học thuộc lòng rồi đưa những gì được học vào đúng trong thực tiễn, mà là phải vận dụng thật linh hoạt để trên cơ sở đó mà tổng kết thành những cái mới để áp dụng vào lĩnh vực mới phù hợp hơn. Muốn nâng cao trình độ lý luận phải có thái độ học tập cho đúng, mà trước hết là nêu cao tinh thần khiêm tốn, thật thà. Kiêu ngạo, tự phụ, tự mãn thì không thể tự xưng mình là giỏi

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 5, tr.233

lý luận. Cái gì biết thì nói là biết, cái gì không biết thì nói không biết. Hồ Chí Minh dạy rằng: "phải tự nguyện, tự giác, xem công tác học tập cũng là một nhiệm vụ mà người cán bộ cách mạng phải hoàn thành cho được, do đó mà tích cực hoàn thành kế hoạch học tập, nêu cao tinh thần chịu khó, cố gắng không lùi bước trước khó khăn nào trong học tập. Phải nêu cao tác phọng độc lập suy nghĩ và tự do tư tưởng"(1).

Để nâng cao trình độ lý luận, người cán bộ không chỉ thực hiện một cách nghiêm túc những vấn đề nêu ra mà còn phải đấu tranh không khoan nhượng đối với những tư tưởng sai trái, phản khoa học, những tư tưởng đi ngược lại với chân lý. Bảo vệ chân lý cũng chính là tự làm cho trình độ lý luận của mình được nâng lên.

Nói tóm lại, lý luận chính là hành trang quan trọng của người cán bộ cách mạng, để họ hoàn thành được nhiệm vụ được giao và hoàn thành sự nghiệp xóa bỏ áp bức, bất công, giải phóng con người.

3. Về công tác cán bộ theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Cán bộ là gốc của cách mạng, mọi việc thành công hay thất bại là do cán bộ tốt hay xấu và vì vậy, Đảng muốn lãnh đạo thắng lợi sự nghiệp cách mạng, Đảng không chỉ tuyên truyền vận động cán bộ thực hiện tốt đường lối của mình đề ra mà còn phải làm tốt công tác cán bộ, phát huy vai trò của cán bộ và lãnh đạo được họ một cách trực tiếp. Công tác cán bộ tốt sẽ làm cho cán bộ tích cực hơn và ngược lại sẽ hạn chế vai trò của cán bộ. Theo Hồ Chí Minh, muốn cho sự nghiệp phát triển phải kết hợp chặt chẽ giữa việc rèn luyện hằng ngày của cán bộ với chính sách và công tác cán bộ của Đảng.

3.1. Hiểu biết và khéo dùng cán bộ

Chính sách và công tác cán bộ của Đảng chính là thể hiện sự hiểu biết cán bộ của Đảng một cách đúng đắn, trên cơ sở đó mà có biện pháp sử dụng cán bộ một cách hợp lý nhất, phát huy tốt nhất khả năng của cán bộ. Đảng có hàng triệu người, hàng vạn cán bộ, thành phần giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau. Đội ngũ cán bộ đó phản ánh tính đa dạng của con người: trình độ nhận thức, học vấn khoa học, tính tình cá nhân cũng khác nhau, mỗi người có đời sống riêng, sở trường riêng, đa dạng trong quan hệ xã hội, trong tính cách, trong điều kiện sống, làm việc, rồi tâm tư, khát vọng cũng khác nhau.. Để đối đãi một cách hợp lý với mọi người là việc cực kỳ khó khăn.

Để làm tốt công tác cán bộ, trước hết người có trách nhiệm làm công tác phải thể hiện được sự hiểu biết nhất định về bản thân và về cán bộ. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Đã không tự biết mình thì khó mà biết người, vì vậy muốn biết đúng sự phải trái của người ta, thì trước hết phải biết đúng sự phải trái của mình. Nếu không biết sự phải trái ở mình, thì chắc không thể nhận rõ người cán bộ tốt hay xấu"(2).

---

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Sđd, tập 8, tr.500
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Sđd, tập 5, tr.278

Trên đời ai cũng có tính tốt, ai cũng không thể không mắc sai lầm. Làm công tác cán bộ thì phải biết phân biệt được những vấn đề đó và người làm công tác cán bộ phải tránh cho được những khuyết điểm sau: Tự cao tự đại; Ưa người ta nịnh mình; Do lòng yêu ghét của mình mà đối với người. Những khuyết điểm đó làm cho việc đánh giá cán bộ nói chung một cách sai lệch nghiêm trọng. Vì vậy, "muốn biết rõ cán bộ, muốn đối đãi một cách đúng đắn các hạng người, trước hết phải sửa những khuyết điểm của mình"(1)

Khi xem xét cán bộ không được cứng nhắc, đem cái khuôn khổ nhất định mà áp dụng cho các hạng người, đem cái quá khứ mà áp dụng vào hiện tại, suy diễn cho tương lai. Sự thay đổi của con người theo lịch sử là một quy luật vận động của xã hội con người, khi xem xét phải soi rõ cả quá trình lịch sử, quá trình công tác của họ trong các quá trình đó. Khi xem xét phải thật sự khoa học, tránh trường hợp bỏ qua cán bộ tốt, giỏi, để lọt kẻ xấu vào hàng ngũ của Đảng.

Trong công tác cán bộ cũng cần phải phân biệt rõ cán bộ làm được việc và cán bộ tốt. Cả hai loại cán bộ này không hoàn toàn thống nhất, thậm chí còn trái ngược nhau. Khi đánh giá cán bộ thì đôi khi công tác chỉ là một và đôi khi còn không thể quan trọng nhất.

Việc xem xét để hiểu cán bộ là công tác quan trọng và thường xuyên liên tục, theo sát sự nghiệp cách mạng. Khi xem xét có khi lại tìm ra được những cán bộ mới tốt và loại bỏ được những cán bộ "không tốt" ra khỏi hàng ngũ những người cách mạng. Để từ đó có cách dùng cán bộ một cách hợp lý hơn.

Dùng cán bộ là một nhiệm vụ thường xuyên của Đảng, không có cán bộ thì không thể đưa công việc đi tới được. Con người ai cũng có tốt và xấu, khéo dùng cán bộ chính là làm cho những cái tốt được phát huy và hạn chế những thiếu sót nhất định. Khéo dùng tức là làm cho tất cả cán bộ vui vẻ, thoải mái, yên tâm làm tốt mọi công việc, cống hiến được nhiều nhất cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân.

Muốn làm tốt công tác cán bộ, dùng cán bộ hợp lý nhất, các cá nhân, tổ chức thực hiện công tác cán bộ và có liên quan đến công tác cán bộ phải có cái tâm trong sáng và phải có phương pháp đúng. Muốn làm được việc đó những người làm công tác cán bộ phải tránh: "1. Ham dùng người bà con, anh em quen biết, bầu bạn cho họ là chắc chắn hơn người ngoài; 2. Ham dùng những kẻ khéo nịnh hót mình, mà chán ghét những người chính trực; 3. Ham dùng những người tính tình hợp với mình, mà tránh những người tính tình không hợp với mình"(2).

Nếu công tác cán bộ không tốt và người có quyền làm công tác cán bộ không tránh được các bệnh trên thì chẳng những không sử dụng được đội ngũ cán bộ tốt mà còn tạo ra một đội ngũ cán bộ làm hỏng cả công việc của Đảng và danh giá của người cán bộ. Những người có liên quan tới công tác cán bộ phải có cái tâm trong sáng, phải có tri thức để phân biệt được xấu - tốt, phải - trái,

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 5, tr.279
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 5, tr.279

địch - ta. Nếu không rõ được những vấn đề đó sẽ tạo ra cơ hội tốt cho bọn xấu luồn lách vào hàng ngũ cán bộ thậm chí trèo cao, chèn ép, "dìm" cán bộ trung thực, tung dư luận gây chia rẽ, kéo bè kéo phái để làm hại nhân dân, hại đến lợi ích quốc gia.

Một người cán bộ lãnh đạo tốt là một người cán bộ thể hiện được cái tâm trong sáng và một phương pháp lãnh đạo tốt. Đó là những cơ sở để cán bộ có thể thể hiện được những vấn đề sau:

Cán bộ thực sự là những người làm được việc, dám nói và dám đề xuất ý kiến. Cán bộ không nói không phải là mọi việc đều tốt, không phải là họ không có gì để nói mà là môi trường đó có tạo ra được những điều kiện thuận lợi để người cán bộ nói lên những gì họ muốn nói hay không. Nếu không thể nói được những điều đó tức là trong nội bộ tổ chức cơ quan chỉ còn là một cỗ máy và tất nhiên là sẽ để lại hậu quả về sau.

Cán bộ phải thật sự là những người dám làm, dám chấp nhận công việc một cách tự giác và dám chịu trách nhiệm. Nhưng phải trên lợi ích của nhân dân của Tổ quốc chứ không phải là lợi ích bản thân. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Phải đào tạo một mớ cán bộ phụ trách, có gan làm việc, ham làm việc. Có thế Đảng mới thành công. Nếu đào tạo một mớ cán bộ nhát gan, dễ bảo "tập đi, hò đứng", không dám phụ trách, nếu như thế là một việc thất bại cho Đảng"(1).

Phải tạo ra được môi trường dân chủ, mọi người cùng phát biểu ý kiến, đó là trí tuệ tập thể tốt nhất, là cơ sở để giải quyết công việc một cách đúng đắn nhất. Nếu không phát huy được vai trò trí tuệ tập thể thì coi như không còn cần đến đội ngũ cán bộ nữa làm gì. Hiểu và khéo dùng cán bộ tức là làm cho Đảng ngày càng mạnh hơn và sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ngày càng phát triển tốt hơn.

3.2. Có gan cất nhắc cán bộ

Trong công tác cán bộ không phải chỉ có biết cán bộ rồi dùng cán bộ, mặc dù đó là những việc hệ trọng. Song cất nhắc và đề bạt cán bộ cũng là một việc không kém phần quan trọng trong công tác cán bộ. Cất nhắc cán bộ là một quy luật của công tác cán bộ. Đó là sự đòi hỏi của công tác, khẳng định tài năng cống hiến của từng người, đồng thời cũng để động viên các cán bộ khác phấn đấu. Một người có tài năng đức độ mà không được cất nhắc có thể sẽ làm thui chột tài năng đó. Đây là điều thường xảy ra trong thực tế, có nhiều người giỏi nhưng không có quyền hành hoặc có người giỏi nhưng lại không thích làm lãnh đạo,... do đó, việc phát huy khả năng có hạn chế.

Người có tài ở vị trí bình thường sẽ ít có cơ hội để biến các ý tưởng lớn thành hành động đem lại những lợi ích to lớn cho Đảng, cho Nhà nước. Theo Hồ Chí Minh "có gan cất nhắc" nghĩa là người cán bộ được cất nhắc có thể còn điểm yếu. Phải biết được khuyết điểm của họ để sau khi cất nhắc tiếp tục giúp đỡ họ. "Có gan cất nhắc" là đừng sợ người được cất nhắc sẽ vượt mình, từ đó uy tín, địa vị của mình bị giảm. Cũng đừng vì danh và lợi của mình mà cất nhắc cán bộ. "Nếu vì lòng yêu ghét, vì thân thích, vì nể nang, nhất định không ai phục mà gây nên mối lôi thôi trong Đảng. Như thế là có tội với Đảng, có tội với đồng bào"(2).

---

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Sđd, tập 5, tr.281
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Sđd, tập 5, tr.281

Để cất nhắc cán bộ đúng cần phải xem cán bộ có tài năng, sở trường gì, tài xứng với việc gì, sinh hoạt quan hệ với đồng chí, với nhân dân, ưu điểm, khuyết điểm cả quá trình công tác. Nói tóm lại, khi quyết định cất nhắc một cán bộ nào phải xem xét toàn diện họ trong quá trình hoạt động và công tác, từ cách ăn nói, hành động,... Khi đã cất nhắc rồi phải giúp đỡ họ. Khi họ có sai lầm thì tránh rơi vào trường hợp cất nhắc đi cất nhắc lại nhiều lần, và như thế sẽ làm hỏng cán bộ.

Vì vậy, "đối với cán bộ, chẳng những phải xem xét rõ ràng trước khi cất nhắc, mà sau khi cất nhắc phải giúp đỡ họ, khuyên ngăn họ, vun trồng lòng tự tin, tự trọng của họ"(1). Bởi vì con người ai cũng có lòng tự trọng, tự ty. Không có lòng tự trọng, tự ty là người vô dụng. Vì vậy, trong cất nhắc cán bộ người lãnh đạo phải tôn trọng họ, đừng để họ mất lòng tin sẽ làm cho mất đi tính hăng hái và trở thành người vô dụng. Cất nhắc cán bộ là công việc thường xuyên và liên tục của công tác cán bộ, cất nhắc cán bộ phải thật sự đúng và công tâm có như vậy cán bộ được cất nhắc chẳng những phục vụ cống hiến tốt cho Đảng mà đồng thời các thế hệ tiếp theo là những người có tài năng thật sự. Còn ngược lại sẽ làm hại cho Đảng, cho nhân dân.

3.3. Cách đối đãi với cán bộ và khéo kết hợp các loại cán bộ

Để lựa chọn cán bộ trước hết phải xác định tiêu chí lựa chọn: "Những người đã tỏ ra rất trung thành và hăng hái trong công việc, trong lúc đấu tranh. Những người liên lạc mật thiết với dân chúng, hiểu biết dân chúng. Ai luôn luôn chú ý tới lợi ích của dân chúng. Như thế, thì dân chúng mới tin cậy cán bộ và nhận cán bộ đó làm người lãnh đạo của họ. Những người có thể phụ trách giải quyết các vấn đề, trong những hoàn cảnh khó khăn. Ai sợ phụ trách và không có sáng kiến thì không phải người lãnh đạo. Những người luôn luôn giữ đúng kỷ luật"(2).

Tuy đã lựa chọn được cán bộ theo khuôn khổ nhất định, nhưng trong quá trình làm việc, công tác ở những chức vụ khác nhau, những vị trí khác nhau trong những hoàn cảnh khác nhau. Nhất định sẽ phát sinh những vấn đề mới. Vì vậy, cần phải có cách xử sự, quản lý đối với các hạng cán bộ khác nhau. Theo Hồ Chí Minh có năm cách đối với cán bộ:

Một là chỉ đạo: Tức là trên cơ sở đường lối chính trị chung và những phương hướng cụ thể đã được hình thành, thì có thể để cho họ "cán bộ" quyền tự giải quyết công việc, không can thiệp sâu, cầm tay chỉ việc. Có như vậy mới phát huy được tài năng của họ.

Hai là nâng cao: Sự nghiệp cách mạng luôn vận động và phát triển theo thời gian. Người cán bộ cách mạng cũng phải vận động và phát triển theo nếu không sẽ bị tụt hậu lại phía sau. Nâng cao, tức là người cán bộ luôn phải có ý thức học tập, vươn lên để nâng cao trình độ lý luận, trình độ chuyên môn và cả khả năng thích ứng với những diễn biến mới của tình hình.

---

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 5, tr.282
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 5, tr.275

Ba là kiểm tra: Không phải là "bới lông tìm vết", mà kiểm tra ở đây là làm cho cán bộ luôn tự giác vươn lên, kiểm tra quá trình phấn đấu của họ, kiểm tra là để khen, chê đúng lúc, đúng chỗ nhằm phát huy tối đa tính tích cực của cán bộ. Lãnh đạo mà không kiểm tra coi như không lãnh đạo. Kiểm tra phải tiến hành thường xuyên, có hệ thống, có tổ chức. Kiểm tra phải được tiến hành theo hai chiều từ trên xuống và từ dưới lên. Công tác kiểm tra muốn đạt được kết quả thì quá trình kiểm tra phải được tiến hành do những cán bộ thật sự công tâm và có uy tín, kết quả kiểm tra phải xử lý đúng lúc và đúng mức.

Bốn là cải tạo: Cán bộ cũng như bao con người khác, mà đã là con người thì dù có giỏi đến đâu thì cũng có lúc sai lầm. Cải tạo cán bộ tức là làm cho cán bộ biết mình phạm sai lầm gì và hướng sửa chữa sai lầm đó ra sao. Cải tạo không có nghĩa là một khi cán bộ sai lầm thì không cần phải tìm hiểu nguyên do mà áp dụng ngay lập tức các biện pháp xử lý. Công tác cải tạo phải trên tinh thần xây dựng là chính, trước hết phải làm công tác tư tưởng vận động, một khi đã không thể thì mới tiến hành xử lý theo quy định.

Năm là yêu thương và giúp đỡ cán bộ: Yêu thương là truyền thống lâu đời của dân tộc, yêu thương là để cho mọi người thông cảm nhau hơn, hiểu nhau hơn và cùng nhau làm tốt công việc. Cán bộ cũng là người, có tình cảm, có lòng tự trọng, cũng biết yêu thương. Yêu thương và giúp đỡ cán bộ tức là làm cho cán bộ ngày càng trưởng thành hơn. Yêu thương không có nghĩa là thả cửa cho cán bộ muốn làm gì thì làm. Không có nghĩa là bỏ qua lỗi lầm của cán bộ. Như thế là làm hại cán bộ và hại cho dân.

Bất cứ ở đâu và trong bất cứ cơ quan nào cũng có nhiều loại cán bộ: cũ, mới, già trẻ, trai gái, tại chỗ, chỗ khác đến,... Họ có sự chênh lệch rất khác nhau về độ tuổi, trình độ, về khả năng giải quyết công việc và về nhiều vấn đề khác. Vấn đề ở đây là trong công tác cán bộ phải làm sao kết hợp được hài hòa các loại cán bộ đó với nhau một cách hợp lý nhất để công việc được giải quyết hiệu quả nhất.

Trong công tác cán bộ, thì giữa cán bộ già và cán bộ trẻ là có sự khác biệt nhau nhiều nhất. Khéo kết hợp cán bộ già và cán bộ trẻ là việc khó khăn nhất. Giữa cán bộ già và cán bộ trẻ, mỗi thế hệ cán bộ có ưu thế riêng, tùy từng thời kỳ lịch sử và sự phát triển của cách mạng. Cán bộ già là những người có ưu thế về kinh nghiệm về khả năng lãnh đạo. Còn cán bộ trẻ lại là lực lượng hăng hái, có trình độ về chuyên môn và trình độ về khoa học kỹ thuật.

Đánh giá về cán bộ già, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Các đồng chí già là rất quý: là gương bền bỉ đấu tranh... Các đồng chí già đánh Tây. Đánh Tây là dọn đường. Nhưng không thể nạnh kẹ: Chúng tôi vác cuốc, vác cào làm đường, già rồi mà chưa được đi xe, các anh mới lớn lên mà được đi xe"[1]. Đánh giá về cán bộ trẻ, Người Viết: "Cán bộ trẻ tuy chưa có một số ưu điểm như cán bộ già, nhưng họ lại hăng hái, nhạy cảm với cái mới, chịu khó học tập, cho nên tiến bộ nhanh... Cán bộ trẻ không được kiêu ngạo, phải khiêm tốn học hỏi các đồng chí già có kinh nghiệm"[2]

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 10, tr.463-464
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Sđd, tập 12, tr.211

Thực tế trong các tổ chức cơ quan thường xảy ra các bệnh của cán bộ già và cán bộ trẻ. Cái gốc để giải quyết những vấn đề này, để kết hợp hài hòa các loại cán bộ là phải xác định mục đích của cán bộ là phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Từ đó mà dốc tâm phục vụ bỏ qua lợi ích cá nhân, bỏ qua các bệnh hẹp hòi, ích kỷ. Xây dựng đội ngũ cán bộ kế cận cho Đảng là nhiệm vụ của toàn xã hội, của những người có liên quan tới công tác cán bộ, đó là một việc rất quan trọng, nó thể hiện sự tồn vong của cả một chế độ.

Trong tổ chức thì không chỉ có cán bộ già và cán bộ trẻ, mà còn có cũ, có mới, tại chỗ và nơi khác đến, cán bộ địa phương và cán bộ Trung ương, cán bộ nam và cán bộ nữ. Khéo kết hợp các loại cán bộ đó cũng không kém phần quan trọng.

Để kết hợp được các loại cán bộ một cách hợp lý, thì phải xuất phát từ mục đích chung là lợi ích của Đảng, của dân tộc và trong công tác cán bộ phải biết nhìn nhận đúng các thế mạnh cũng như hạn chế của từng loại cán bộ. Phát huy thế mạnh, hạn chế mặt yếu, chống các bệnh ích kỷ, hẹp hòi của con người, kết hợp hài hòa lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân. "Kết luận lại: từ trước đến nay, vì bệnh hẹp hòi mà có những sự lủng củng giữa bộ phận và toàn cục, đảng viên với Đảng, cán bộ địa phương và cán bộ phái đến, cán bộ quân sự và cán bộ "mặt trận", cán bộ mới và cán bộ cũ, cơ quan này và cơ quan khác, địa phương này và địa phương khác. Vậy từ nay, chúng ta phải tẩy cho sạch cái bệnh nguy hiểm đó, khiến cho Đảng hoàn toàn nhất trí, hoàn toàn đoàn kết".

3.4. Huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng

Ngay từ khi xác định được con đường cứu nước cho dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đã nhận thấy được tầm quan trọng và vai trò của cán bộ cách mạng. Người đã tích cực hoạt động và chuẩn bị cho việc đào tạo một đội ngũ cán bộ cho cách mạng Việt Nam.

Trước hết là để chuẩn bị đội ngũ cán bộ, cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên với việc mở lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu (Trung Quốc) là cơ sở và nền tảng cho việc Đảng ta đào tạo đội ngũ cán bộ sau này.

Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, việc Đảng nắm chính quyền, Nhà nước Dân chủ Cộng hoà được thành lập tạo thêm những điều kiện thuận lợi cho Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm đến công tác cán bộ và đào tạo cán bộ cho Đảng.

Sự nghiệp cách mạng đã chuyển sang một giai đoạn mới và công tác cán bộ cũng phải chuyển sang một giai đoạn mới. Khi nhìn lại quá trình công tác cán bộ và việc đào tạo cán bộ trong những năm trước đây, Hồ Chí Minh cho rằng: công tác đào tạo cán bộ của chúng ta trong thời gian qua là phù hợp với sự phát triển của cách mạng trong giai đoạn đó. Bây giờ thì thời thế đã đổi khác, những vấn đề cũ không còn phù hợp nữa, cần phải có sự thay đổi cho phù hợp.

Người đặc biệt nhấn mạnh công tác đào tạo cán bộ và coi đó là công việc gốc của Đảng. Đảng không đào tạo, chuẩn bị cán bộ cho mình là Đảng tự giết chết mình. Đảng phải quan tâm hơn nữa tới công tác đào tạo cán bộ, bằng cách nhìn nhận đánh giá lại những hạn chế trong thời gian qua để chống lại hiện tượng đào tạo "hữu danh vô thực".

Theo Hồ Chí Minh, phải sửa đổi lối học tập và huấn luyện theo một quy trình mới hợp lý hoá với những nguyên tắc chung:

"Mở lớp nào cho ra lớp ấy.

Lựa chọn người dạy và người đến học cho cẩn thận.

Đừng mở lớp lung tung"

Đã là huấn luyện và học tập, thì phải thể hiện được huấn luyện và học tập, thầy ra thầy, trò ra trò. Đối với người thầy, phải là những người thật sự gương mẫu về tư tưởng, đạo đức và tác phong công tác. Về tư tưởng, người thầy phải là người có lập trường tư tưởng vững vàng, nắm rõ các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối chủ trương của Đảng, nắm được các quy luật vận động khách quan với tư duy biện chứng sâu sắc. Về đạo đức, người thầy phải là người có đạo đức sáng ngời, hết lòng vì Đảng, vì Tổ quốc, vì dân tộc, suốt đời phấn đấu hi sinh cho Đảng, luôn luôn là người rèn luyện tốt: Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng,... Về tác phong làm việc, người thầy phải thật sự nghiêm túc, khoa học.

Đối với người học, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến vấn đề tự học. Thực chất của tự học là để trả lời câu hỏi "Học để làm gì?". Không giải quyết được câu hỏi này tức là dù có giỏi đến đâu, có tài hay đến đâu, có phương pháp học tốt tới đâu cũng chỉ là vô ích mà thôi. Hồ Chí Minh dạy: "Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự Đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại".

Muốn đạt mục đích thì phải: "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư"

Học là để làm cán bộ, để làm những công việc nặng nề là giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc và giải phóng con người. Nên để học tốt phải rèn luyện đạo đức và rèn luyện đạo đức tốt giúp cho việc học hiệu quả hơn.

Theo Hồ Chí Minh, học còn là để tin: "Tin vào đoàn thể. Tin vào nhân dân. Tin tưởng vào tương lai của dân tộc. Tin vào tương lai của cách mạng"

Đã là huấn luyện thì cần phải xác định rõ huấn luyện cái gì, tức là nội dung huấn luyện gồm những gì? Đó là, huấn luyện về lý luận, huấn luyện về nghề nghiệp, huấn luyện về văn hoá.

Lý luận là cơ sở của mọi công việc, những hạn chế và sai lầm của Đảng chính là do cán bộ đảng viên kém lý luận. Người học lý luận phải là những người biết tổng kết thực tiễn, trên cơ sở đó mà đút kết lý luận, áp dụng lý luận đó vào thực tiễn để kiểm nghiệm. Đó là quy trình liên tục và vì vậy, người học lý luận cũng phải vận động liên tục.

Mỗi người làm một công việc khác nhau và trên mỗi công việc cần một trình độ hiểu biết nhất định. Huấn luyện nghề nghiệp là làm cho cán bộ biết chuyên sâu về lĩnh vực mà mình làm, từ đó làm cho công việc luôn đạt kết quả cao. Thạo việc chính là mục đích cuối cùng của huấn luyện. Người cán bộ trong quá trình làm việc phải biết những vấn đề thông thường trên nhiều lĩnh vực của đời sống chính trị khác nhau. Những kiến thức đó, người ta gọi là trình độ văn hoá. Huấn luyện văn hoá là trang bị cho cán bộ những kiến

thức căn bản nhất. Đó cũng là những cơ sở vững chắc nhất để người cán bộ học tập và làm việc, làm người. Văn hoá là thước đo con người, và con người làm cán bộ được hay không là do thước đo này với nhân dân.

Tài liệu học tập cũng là nội dung quan trọng trong huấn luyện cán bộ. Theo Hồ Chí Minh thì tài liệu học tập phải do cơ quan lãnh đạo xét kỹ. Nội dung tài liệu phải là những vấn đề lý luận chính thống được Đảng và Nhà nước thừa nhận. Nội dung của những vấn đề trên là rất lớn, do đó, để công tác huấn luyện đạt hiệu quả tài liệu phải được tổng hợp thành những vấn đề cơ bản nhất, cốt lõi nhất. Giúp cho người dạy, người học dễ truyền đạt và dễ cảm nhận nhất. Thì từ đó công tác huấn luyện thật sự có hiệu quả và việc học tập cũng giúp cho học viên phát huy được tính sáng tạo trong lao động thực tiễn.

Tóm lại, những vấn đề cơ bản về cán bộ và công tác cán bộ của Hồ Chí Minh là những quan điểm hết sức chặt chẽ và lôgíc, thể hiện rõ sự quan tâm đặc biệt của Người đối với việc đào tạo đội ngũ cán bộ cho đời sau. Đẩy mạnh hơn nữa việc học tập và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ là đòi hỏi cấp bách hiện nay đối với cả nước nói chung và các tỉnh thành nói riêng.

3.5. Một số phương hướng trên các lĩnh vực cụ thể

Trên lĩnh vực luân chuyển cán bộ có các phương hướng cụ thể sau:

- Lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ việc luân chuyển cán bộ, coi đây là giải pháp quan trọng, là một trong những khâu đột phá có tác động mạnh mẽ đến các khâu khác trong công tác cán bộ.

- Bồi dưỡng toàn diện cho cán bộ, tạo điều kiện cho cán bộ có triển vọng, cán bộ trong diện quy hoạch được rèn luyện, thử thách và trưởng thành qua thực tiễn. Kết hợp chặt chẽ công tác tư tưởng và công tác tổ chức; duy trì việc rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ, đưa ra khỏi diện quy hoạch những cán bộ không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện; kịp thời, điều chỉnh, bổ sung những cán bộ trẻ, đã được đào tạo cơ bản, có triển vọng vào quy hoạch; lấy qui hoạch làm căn cứ để luân chuyển và điều động cán bộ.

- Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cấp, các ngành, cán bộ trong lực lượng vũ trang; từng bước thực hiện chủ trương luân chuyển đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý giữa các huyện, thị. Thực hiện bố trí cán bộ lãnh đạo chủ chốt huyện, thị không phải là người địa phương và tiến hành thí điểm việc luân chuyển cán bộ cấp tỉnh về công tác ở xã, phường, thị trấn.

- Nâng cao nhận thức của cấp ủy, tổ chức Đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị về công tác luân chuyển cán bộ; tăng cường mối quan hệ và sự đồng thuận giữa cơ quan cấp trên với cấp ủy, chính quyền cấp dưới trong việc luân chuyển cán bộ; không luân chuyển những cán bộ bị kỷ luật, năng lực yếu, uy tín giảm sút, không có triển vọng từ địa phương, đơn vị này sang địa phương, đơn vị khác.

Trên lĩnh vực quy hoạch cán bộ có các phương hướng cụ thể sau:

- Các cấp ủy Đảng, lãnh đạo các ngành tập trung kiểm tra, đánh giá đúng thực chất công tác quy hoạch cán bộ ở đơn vị, địa phương mình; tiếp

tục rà soát, tạo nguồn chuẩn bị cho công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo.

- Chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ phục vụ cho công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý trong từng ngành, từng địa phương.

- Thực hiện tốt công tác đánh giá cán bộ hàng năm, bảo đảm nghiêm túc, trung thực, đúng thực chất, làm cơ sở để hoàn chỉnh quy hoạch cán bộ, có tính khả thi cao; phân công, bố trí cán bộ cho phù hợp và tạo điều kiện thuận lợi để các đồng chí trong quy hoạch, nhất là cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật, cán bộ trẻ, cán bộ nữ có điều kiện phấn đấu, rèn luyện và trưởng thành, bảo đảm đủ tiêu chuẩn theo quy định.

Trên đây là những phương hướng mang tính chất định hướng cho việc xây dựng đội ngũ cán bộ trong từng ngành, lĩnh vực. Tuy nhiên, cũng có thể khái quát một số biện pháp để xây dựng đội ngũ cán bộ trên những phương hướng sau:

Một là, cần sửa đổi cơ chế quản lý cho phù hợp với thực tiễn, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và sử dụng theo đúng tiêu chuẩn của từng chức danh, chức vụ trong từng loại hình cơ quan, đơn vị, địa phương. Đồng thời giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người đứng đầu các ngành, các cấp, đảm bảo cán bộ công chức, viên chức sau đào tạo phát huy được năng lực cá nhân và nâng cao hiệu quả quản lý, hoạt động của bộ máy.

Hai là, sửa đổi, bổ sung chế độ chính sách cho phù hợp với các quy định của Trung ương và thực tế địa phương. Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức học thạc sĩ, tiến sĩ thuộc các ngành mà tỉnh đang cần để đáp ứng yêu cầu quản lý và phục vụ phát triển kinh tế – xã hội như luật, hành chính, kinh tế, xây dựng, kiến trúc...

Ba là, tập trung chuẩn hoá đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, tham mưu ở các ngành, các cấp. Thực hiện đào tạo tiền công vụ trước khi bổ nhiệm vào ngạch hoặc giữ chức vụ lãnh đạo. Phấn đấu đến năm 2010, có 90% cán bộ chuyên trách và công chức cấp xã phải có trình độ chính trị và trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, đồng thời bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng chuyên ngành theo nhiệm vụ, công việc phụ trách.

Bốn là, dành một khoản kinh phí thích đáng để đào tạo nâng cao trình độ cao ở nước ngoài (không kể phần thực hiện theo chương trình Quốc gia) nhằm từng bước hình thành đội ngũ chuyên gia trong một số ngành lĩnh vực cần thiết.

* *

*

Từ xưa đến nay ở Việt Nam và trên thế giới, sự thành công và thất bại của công việc hoặc sự tồn vong, thịnh suy của mọi quốc gia, chế độ đều phụ thuộc rất lớn vào đội ngũ những người lãnh đạo, quản lý, điều hành, vào hiền tài của Quốc gia. Dân tộc Việt Nam đã đúc kết được truyền thống: "Hiền tài là nguyên khí quốc gia, nguyên khí thịnh thì đất nước mạnh và càng lớn lao, nguyên khí suy thì thế nước yếu mà càng xuống thấp. Bởi vậy, các bậc vua tài giỏi đời xưa, chẳng có đời nào lại không chăm lo nuôi dưỡng và đào tạo nhân tài bồi đắp thêm nguyên khí".

Đối với đất nước ta hiện nay, vấn đề này càng có tầm quan trọng đặc biệt, mang tính khoa học, vừa là yêu cầu cấp bách, vừa có tính cơ bản lâu dài. Bởi vì Đảng ta lãnh đạo toàn diện sự nghiệp cách mạng, trong đó có nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ.

Trong đời sống xã hội, theo cách hiểu thông thường, cán bộ được coi là tất cả những người làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể, quân đội được hưởng lương. Lớp người như vậy là niềm tự hào của nhân dân, được nhân dân tin yêu. Từ khi cách mạng nước ta có Đảng lãnh đạo, nhân dân gửi niềm tin sâu sắc vào đội ngũ cán bộ của Đảng. Cách mạng Tháng Tám thành công, chính quyền về tay nhân dân, lớp con em từ nhân dân mà ra, họ trở thành những cán bộ Đảng, đoàn thể, nhà nước, lực lượng vũ trang, có mặt ở nhiều lĩnh vực và ngành nghề khác nhau, đảm đương những nhiệm vụ nặng nề trong suốt thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong cuộc trường chinh đó, nhiều cán bộ đã hi sinh tài sản và tính mạng của mình vì nền độc lập, tự do của dân tộc. Nhiều cán bộ cách mạng đã phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân đến tận cuối đời. Tuy nhiên, cũng có những cán bộ sau một thời gian cùng một chiến hào với nhân dân chống giặc đã phản bội lại lợi ích của dân tộc; không ít cán bộ, vì mang nặng tư tưởng chủ nghĩa cá nhân.

Thực tế cho thấy, trong những năm gần đây, từ Trung ương đến các địa phương đều quan tâm củng cố, kiện toàn và xây dựng một đội ngũ cán bộ có đủ trình độ, năng lực, phẩm chất để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Quá trình phát triển của đất nước cũng đồng thời khẳng định quá trình phát triển của đội ngũ cán bộ của ta hiện nay. Chúng ta đã có một đội ngũ cán bộ đủ về số lượng để có thể tiến hành hội nhập với thế giới, đưa nước ta sánh vai cùng các nước trong khu vực và trên thế giới. Nhưng về thực chất, chúng ta phải thừa nhận rằng đất nước cũng tồn tại một bộ phận cán bộ đang là gánh nặng, đang là con sâu đục khoét tài sản nhân dân, là trở ngại lớn cho quá trình phát triển của đất nước. Tóm lại, chúng ta đang đào tạo đủ số lượng nhưng chưa thật sự chất lượng ở một số cán bộ nhà nước.

Đó là muốn nói về sự thiếu sót, thiếu sự quan tâm đúng mức và thiếu tinh thần trách nhiệm của một số bộ phận cán bộ, đảng viên trong vấn đề coi trọng đạo đức cách mạng.

Cơ chế thị trường tạo ra nhiều cạm bẫy, cám dỗ, một số cán bộ, đảng viên của ta là tốt nhưng do trong quá trình công tác không chịu rèn luyện, không dám hi sinh và do tác động quá mạnh từ những nhân tố bên ngoài, nên đã không giữ được bản chất của một người cán bộ cách mạng. Vấn đề đặt ra ở đây là cần phải có sự quan tâm đặc biệt hơn nữa của các cấp lãnh đạo đối với sự nghiệp giáo dục, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ trong quá trình đào tạo đội ngũ cán bộ công chức hiện nay. Sự nghiệp cách mạng không thể thiếu cán bộ, đặc biệt là cán bộ tốt, muốn giành được thắng lợi hoàn toàn không thể thiếu những cán bộ thấm nhuần những quan điểm về cán bộ và công tác cán bộ của Hồ Chí Minh.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG VIÊN

1. Xác định đúng yêu cầu, tiêu chuẩn của người được kết nạp vào Đảng

Để được đứng trong hàng ngũ của Đảng, người phấn đấu vào Đảng trong thời kỳ mới cần phải bảo đảm một số yêu cầu tiêu chuẩn sau:

Về phẩm chất chính trị tư tưởng. Phẩm chất chính trị tư tưởng của người đảng viên luôn luôn là yêu cầu, tiêu chuẩn hàng đầu, cơ bản nhất của người đảng viên cộng sản. Nó có ý nghĩa quyết định đến sống còn của mỗi Đảng, sự định hướng phát triển của cả dân tộc. Đặc biệt, trong những thời điểm lịch sử phức tạp như hiện nay thì phẩm chất chính trị tư tưởng của đội ngũ cán bộ, đảng viên càng trở nên quan trọng.

Trước hết, người phấn đấu vào Đảng phải tuyệt đối trung thành với lý tưởng của Đảng, tự nguyện suốt đời phấn đấu, hi sinh cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, cho lợi ích của nhân dân. Người được kết nạp vào Đảng phải có lập trường, quan điểm chính trị rõ ràng. Đó là người kiên định với con đường xã hội chủ nghĩa, có sự nhạy bén chính trị, tỉnh táo trước mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ thù. Không mơ hồ và kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện mơ hồ, mất cảnh giác, những quan điểm, tư tưởng sai trái làm lệch hướng con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn.

Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, người phấn đấu vào Đảng vừa phải có thái độ cầu thị, tích cực học hỏi tri thức mới, kinh nghiệm hay của thế giới, của bạn bè để làm giàu cho đất nước, cho nhân dân, vừa là người có tinh thần tự chủ cao, luôn tìm mọi cách phát huy tối đa nội lực của đất nước và sức mạnh của toàn dân tộc. Kiên quyết bảo vệ và giữ gìn bản sắc văn hóa và những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Không bảo thủ, trì trệ, đóng kín nhưng cũng không mơ hồ, thụ động, trông chờ, dựa dẫm, ỷ lại vào nước ngoài.

Trình độ kiến thức là nhân tố quan trọng để người đảng viên tiếp thu đầy đủ, đúng đắn đường lối, chủ trương, chính sách, quan điểm của Đảng, Nhà nước, là cơ sở để tiếp thu trình độ khoa học kỹ thuật tiên tiến của thế giới, để nắm vững quy luật vận động của tự nhiên và xã hội. Để phân biệt cái đúng, cái sai, để am hiểu tâm tư nguyện vọng quần chúng v.v. và để vận dụng những kiến thức tiếp thu được vào công việc của mình một cách có hiệu quả.

Để phấn đấu trở thành đảng viên, yêu cầu tiêu chuẩn chung về trình độ, kiến thức, năng lực của người phấn đấu vào Đảng trong thời kỳ mới đòi hỏi phải cao hơn và toàn diện hơn quần chúng, am hiểu lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Phải có kiến thức kinh tế, nhất là kinh tế thị trường, có năng lực kinh doanh giỏi, biết làm giàu cho cuộc sống gia đình và cho đất nước. Năng lực biết làm giàu, tư duy kinh tế năng động, nhạy bén và hiệu quả là những tiêu chí quan trọng để đánh giá lựa người được kết nạp vào Đảng trong thời kỳ mới.

Người phấn đấu vào Đảng phải có kiến thức văn hóa toàn diện, am hiểu pháp luật, có trình độ học vấn nhất định để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, giải đáp được những thắc mắc của nhân dân, có thể bày vẽ cho dân cách làm ăn.

Về nguyên tắc, yêu cầu, tiêu chuẩn về trình độ học vấn của người phấn đấu vào Đảng đòi hỏi phải cao hơn mặt bằng trình độ học vấn của quần chúng nơi họ công tác và sinh hoạt. Tùy từng môi trường hoạt động và từng đối tượng mà có quy định cụ thể về trình độ học vấn đối với từng loại đối tượng. Trong điều kiện hiện nay, tối thiểu họ phải có trình độ học vấn tốt nghiệp phổ thông cơ sở trở lên. Khi mà khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, kinh tế tri thức đang phát triển mạnh mẽ thì không có lý do nào biện minh cho sự thấp kém về trình độ học vấn của người đảng viên. Trình độ học vấn trí tuệ cao của Đảng nói chung của từng đảng viên nói riêng là yếu tố quan trọng bảo đảm cho Đảng thật sự là đội tiên phong của giai cấp và của dân tộc trong thời đại mới.

Về phẩm chất đạo đức. Phẩm chất đạo đức là một phạm trù cơ bản trong nhân cách của người đảng viên. Đây là tiêu chuẩn và những giá trị quan trọng để phân biệt người đảng viên cộng sản với quần chúng ngoài Đảng. Sự khác nhau giữa người đảng viên với quần chúng thể hiện ở sự khác nhau về phẩm chất đạo đức của họ. Trong điều kiện hiện nay, phẩm chất đạo đức của người phấn đấu vào Đảng là một tiêu chuẩn nhạy cảm, là tiêu chí quan trọng để tổ chức Đảng và quần chúng lựa chọn, đánh giá người phấn đấu vào Đảng. Đạo đức muốn nói đến chính là đạo đức cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi đạo đức của người đảng viên là gốc, nên Người thường căn dặn: "Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không thể lãnh đạo được nhân dân".

2. Đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục, tuyên truyền, bồi dưỡng đối tượng kết nạp vào Đảng

Trong điều kiện hiện nay, vấn đề giáo dục, bồi dưỡng nâng cao ý thức chính trị, hình thành lý tưởng, động cơ vào Đảng đúng đắn; nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng đối với âm mưu diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch, không mơ hồ, dao động, ngả nghiêng; có niềm tin vào thắng lợi của chủ nghĩa xã hội; nâng cao nhận thức về đường lối, chính sách của Đảng; có lòng yêu nước, có đạo đức, lối sống trong sạch; có ý chí phấn đấu tự lập, tự cường...

Hình thức và phương pháp giáo dục, tuyên truyền bám sát từng nhóm đối tượng, đặc biệt là tập trung vào lớp thanh niên, học viên và mở rộng đối tượng tuyên truyền, không chỉ thông qua các lớp bồi dưỡng mà phải đưa công tác tuyên truyền giáo dục vào sâu các trường học.

3. Mở rộng và tăng cường công tác tạo nguồn từ xa, tạo nguồn có chất lượng trong công tác phát triển đảng viên

Trong điều kiện hiện nay, cần phải mở rộng nguồn kết nạp Đảng. Một mặt, tập trung chủ yếu vào lực lượng công nhân, nông dân, trí thức trẻ,

đồng thời đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên ở vùng sâu, vùng xa và đồng bào dân tộc ít người. Phấn đấu ở đâu có dân thì ở đó phải có đảng viên và tổ chức cơ sở đảng hoạt động. Trong điều kiện kinh tế nhiều thành phần cũng tồn tại lâu dài thì hướng tạo nguồn kết nạp Đảng cần đặc biệt chú trọng phát triển Đảng trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Tổ chức Đảng, đảng viên cần phải xây dựng và phát triển trong các cơ sở này.

Việc tạo nguồn kết nạp vào Đảng phải đảm bảo chất lượng đúng nguyên tắc, quy trình, điều kiện và tiêu chuẩn. Để có nguồn kết nạp vào Đảng có chất lượng cao, cần mở rộng dân chủ trong việc tạo nguồn. Thông qua phong trào quần chúng, sự tín nhiệm và ý kiến giới thiệu của quần chúng, của các đoàn thể mà tổ chức Đảng lựa chọn người đưa vào nguồn phát triển Đảng. Những người thuộc nguồn phát triển Đảng dứt khoát phải được giao nhiệm vụ thử thách rèn luyện qua thực tiễn phong trào quần chúng nơi sinh sống và làm việc.

4. Về điều kiện tiêu chuẩn kết nạp vào Đảng

Tiêu chuẩn người đảng viên là một trong những vấn đề hết sức quan trọng, góp phần quyết định đến chất lượng đội ngũ đảng viên, đến vai trò lãnh đạo, sức chiến đấu và uy tín của mỗi tổ chức đảng. Trong công tác xây dựng đội ngũ đảng viên, việc xác định đúng tiêu chuẩn người đảng viên phù hợp với từng điều kiện, hoàn cảnh, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng và hiện thực hoá các tiêu chuẩn, biến nó thành hành động thực tế của mỗi đảng viên là vấn đề cơ bản bảo đảm cho đội ngũ đảng viên có chất lượng, hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó.

Tiêu chuẩn đảng viên là một phạm trù lịch sử, trong mỗi giai đoạn cách mạng, do yêu cầu, nhiệm vụ mới khác nhau nên tiêu chuẩn của đảng viên đòi hỏi khác nhau. Trong tình hình hiện nay, trình độ dân trí đang được nâng cao, nước ta đã phổ cập được giáo dục tiểu học, khi mà kinh tế tri thức và khoa học công nghệ đang phát triển mạnh mẽ thì không thể kết nạp vào Đảng những người có trình độ văn hoá thấp. Đối với từng vùng, từng nhóm dân cư, theo trình độ dân trí cụ thể mà quy định trình độ của người được kết nạp.

Trong điều kiện cải cách hành chính hiện nay, vấn đề thủ tục kết nạp Đảng cũng là vấn đề cần được quan tâm đổi mới. Thủ tục kết nạp vào Đảng phải đảm bảo quản lý chặt chẽ đảng viên, bảo đảm chất lượng người được kết nạp vào Đảng. Vấn đề cốt yếu của người được kết nạp là tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, trình độ năng lực, uy tín, trách nhiệm trong công việc và động cơ vào Đảng. Tuy nhiên, trong cơ chế thị trường có một bộ phận đảng viên không giữ gìn được tư cách người đảng viên cộng sản. Việc xác định tiêu chuẩn của người đảng viên cần có những nội dung cụ thể, phù hợp với từng đặc điểm, yêu cầu và nhiệm vụ của đất nước.

CHƯƠNG IV.
QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VỚI DÂN

I. VỀ NỘI DUNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hồ Chí Minh quan tâm tới xây dựng Đảng trên cả năm mặt: tư tưởng, chính trị, tổ chức, đạo đức và phương thức lãnh đạo của Đảng.

Năm mặt này có mối quan hệ mật thiết với nhau để tạo nên chất lượng của Đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng.

1. Xây dựng Đảng về tư tưởng

Là vấn đề có vị trí hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng. Nó gắn liền với vấn đề nền tảng tư tưởng của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: "Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam"(1).

Khi đó học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin. Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác - Lênin như mặt trời soi sáng con đường cách mạng Việt Nam; giúp Đảng ta xác định đúng đắn đường lối cách mạng giải phóng dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội. Bởi vậy, xây dựng Đảng về tư tưởng là làm cho toàn Đảng nắm vững nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin. Không ngừng nâng cao trình độ lý luận Mác - Lênin phù hợp với từng giai đoạn cách mạng, từng đối tượng người Việt Nam. Phải nắm vững lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin, làm rõ những vấn đề của cách mạng Việt Nam. Phải thường xuyên tổng kết thực tiễn, rút ra những kết luận mới góp phần làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin. Kiên quyết chống chủ nghĩa xét lại, khắc phục giáo điều, máy móc, ngộ nhận, những nhận thức lệch lạc về chủ nghĩa Mác - Lênin.

2. Xây dựng Đảng về chính trị

Xây dựng Đảng về chính trị được đúng đắn phải trên cơ sở đứng vững trên nền tảng tư tưởng vững chắc của Đảng. Vấn đề cơ bản xây dựng Đảng về chính trị là hoạch định đường lối của Đảng. Như Hồ Chí Minh, trong

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Sđd, tập 2, tr.286

Cương lĩnh đầu tiên của Đảng do Người khởi thảo đã chỉ ra đường lối chính trị chung của cách mạng Việt Nam là "làm tư sản dân quyền cách mệnh và thổ địa cách mệnh để đi tới xã hội cộng sản". Trên cơ sở đường lối chung, Hồ Chí Minh cùng Đảng vạch ra đường lối của từng giai đoạn, từng thời kỳ cách mạng và đường lối trên từng lĩnh vực của cách mạng.

3. Xây dựng Đảng về tổ chức

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt vấn đề phải thường xuyên chỉnh đốn Đảng, đi liền với kiện toàn bộ máy của Đảng, làm cho hệ thống tổ chức hoạt động hiệu quả nhất. Kiện toàn phải chú ý cả ba mặt: tổ chức bộ máy và xây dựng cơ chế hoạt động của bộ máy thật khoa học và hiệu quả. Kiện toàn phải lấy kiện toàn hai cấp làm trọng điểm - cấp thấp nhất là các tổ chức cơ sở Đảng, cấp cao nhất là tổ chức lãnh đạo cao nhất. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rằng, tổ chức cơ sở Đảng có vai trò là nền tảng của tổ chức Đảng, thì tổ chức lãnh đạo cao nhất có vai trò quyết định trong xây dựng Đảng về tổ chức.

Xây dựng Đảng về tổ chức phải chú ý mối quan hệ giữa bộ máy và con người, phải xuất phát từ công việc mà hình thành bộ máy và bố trí con người cho phù hợp, không được vì người mà hình thành tổ chức. Vấn đề này liên quan đến công tác xây dựng, bồi dưỡng, giáo dục và sử dụng đội ngũ cán bộ của Đảng. Đảng phải làm tốt công tác cán bộ và xây dựng, giáo dục, sử dụng đội ngũ cán bộ, đảng viên vừa có đức, vừa có tài, đặc biệt, phải có kế hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt, đứng đầu bộ máy.

4. Xây dựng Đảng về đạo đức

Là mối quan tâm đặc biệt của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Xây dựng Đảng về đạo đức là xây dựng những chuẩn mực đạo đức chung và những yêu cầu đạo đức mới cho từng giai đoạn, từng thời kỳ cách mạng.

Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý xây dựng Đảng về đạo đức khi Đảng là Đảng cầm quyền. Người nêu: "Đảng ta là đạo đức, là văn minh", và mỗi cán bộ, đảng viên phải vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Người đảng viên phải nêu gương đạo đức, phải xứng đáng với lời khen của nhân dân, "đảng viên đi trước, làng nước theo sau" trong mọi lĩnh vực của cách mạng và đời sống hàng ngày.

Phải thường xuyên đấu tranh chống thói đạo đức giả trong đời sống của Đảng. Cán bộ, đảng viên phải thường xuyên tự phê bình và phê bình, ra sức rèn luyện đạo đức cách mạng đi liền với chống chủ nghĩa cá nhân.

5. Xây dựng Đảng về phương thức lãnh đạo và phong cách công tác

Phương thức lãnh đạo và phong cách công tác thuộc lĩnh vực phương pháp cách mạng, có quan hệ trực tiếp đến việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Có thể nói, nó có quan hệ trực tiếp đến sự thành bại của cách mạng, đến sự mất còn của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt chú

ý xây dựng phương thức lãnh đạo và phong cách công tác cho Đảng, cho đội ngũ đảng viên. Năm 1947, Người viết tác phẩm "Sửa đổi lối làm việc" là nhằm mục đích này.

Xây dựng phương thức lãnh đạo và phong cách công tác của Đảng cần nhận rõ đường lối quyết định phương pháp, do đó cũng quyết định phương thức lãnh đạo và phong cách công tác. Nhưng phải qua nhiều thử nghiệm trong thực tiễn lãnh đạo và công tác mới có thể dần dần xây dựng được phương thức lãnh đạo và phong cách công tác đúng đắn, thích hợp.

Xây dựng phương thức lãnh đạo và phong cách công tác có những vấn đề thuộc về nguyên tắc và quan điểm cơ bản cần nắm vững. Nhưng đây cũng là lĩnh vực đòi hỏi rất sáng tạo, đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải dày công học hỏi và sáng tạo.

Phương thức lãnh đạo của Đảng thuộc về các cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng. Phong cách công tác thuộc về đảng viên với những cương vị khác nhau. Bởi vậy, ở đây vừa có tính thống nhất về nguyên tắc lại vừa có tính đa dạng trong sự thể hiện. Cũng cần xây dựng những phương thức lãnh đạo cho từng cấp; và xây dựng phong cách công tác cho từng loại cán bộ.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam, nhất là những quan điểm về xây dựng Đảng ta trong sạch, vững mạnh, là đạo đức, là văn minh vẫn còn nguyên giá trị, soi sáng cuộc vận động, xây dựng chỉnh đốn Đảng trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

II. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VỚI DÂN

Lịch sử đã chứng minh rằng, trong bất kỳ một cuộc cách mạng xã hội nào mà những người cách mạng được quần chúng ủng hộ, tin theo thì sẽ giành được thắng lợi. Trong cách mạng vô sản cũng vậy, chỉ khi Đảng Cộng sản được quần chúng đi theo, tập hợp được đại đa số quần chúng xung quanh mình thì mới có thể giành thắng lợi được.

Quan hệ giữa Đảng và nhân dân là quan hệ xã hội, được hình thành và phát triển trong điều kiện đã xuất hiện Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo cách mạng. Nó dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò quần chúng nhân dân trong lịch sử; về chính Đảng kiểu mới của giai cấp vô sản và trên cơ sở của vấn đề lợi ích.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã khẳng định: thành công của cách mạng vô sản hoàn toàn phụ thuộc vào sự ủng hộ của quần chúng nhân dân, ở khả năng thu hút nhân dân vào việc đấu tranh phá vỡ chế độ cũ và xây dựng xã hội mới.

Trong cuộc cách mạng Đức, C. Mác cho rằng: "Toàn bộ vấn đề ở Đức sẽ tùy thuộc vào khả năng ủng hộ cuộc cách mạng vô sản bằng cách tái bản dưới hình thức nào đó cuộc đấu tranh của nhân dân. Khi đó sự việc sẽ tuyệt vời". Ông đã chỉ ra: Đảng vô sản phải làm những gì để quần chúng hiểu rõ vì sao họ phải tự mình tham gia vào cuộc đấu tranh đó.

Lênin - Người trực tiếp lãnh đạo cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trong lịch sử đã khẳng định: "không có sự đồng tình ủng hộ của đa số nhân dân lao động đối với đội tiền phong của mình, tức là đối với giai cấp vô sản thì cách mạng vô sản không thể thực hiện được... cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản là để giành lấy sự đồng tình, sự ủng hộ của đa số nhân dân lao động".

Lênin còn chỉ ra, cần phải có sự ủng hộ quốc tế của nhân dân lao động bị áp bức và bóc lột thì cách mạng vô sản ở mỗi nước mới thắng lợi được: "Cách mạng là ngày hội của những người bị áp bức và bóc lột".

Hồ Chí Minh quán triệt sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lênin, nhưng trong toàn bộ tư tưởng của Người, trong những quan điểm nói về quần chúng, ta không những thấy tư tưởng tiến bộ, đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của quần chúng trong lịch sử, mà còn thấy cả truyền thống văn hoá của dân tộc Việt Nam và cả sự sáng tạo của Hồ Chí Minh.

1. Vị trí, vai trò

Đây là nội dung đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản, bước phát triển mới so với chủ nghĩa Mác - Lênin.

Mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng nhân dân không chỉ là tiêu chuẩn của một Đảng chân chính cách mạng mà còn là một trong những quy luật tồn tại và phát triển của Đảng Cộng sản.

Nói về mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng chứ không phải sự nghiệp của cá nhân anh hùng nào", nhưng nhân dân phải được giác ngộ, phải được tổ chức mới thành lực lượng to lớn được.

Vậy cách mạng muốn thành công thì phải có lực lượng nhân dân; phải có người lãnh đạo là Đảng Cộng sản. Do đó, mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản với nhân dân là một lẽ tất yếu.

2. Nội dung

** Hồ Chí Minh đánh giá cao vai trò của quần chúng nhân dân đối với việc xây dựng Đảng. Dân là gốc, là cơ sở tồn tại và phát triển của Đảng.*

Người luôn coi trọng mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng nhân dân, một trong những vấn đề cơ bản nhất trong việc xây dựng Đảng, là nguồn gốc mọi sức mạnh của Đảng.

Đảng ra đời và tồn tại được là từ nhân dân, vì vậy Đảng phải gắn bó chặt chẽ với dân như cá với nước.

Quần chúng là người trực tiếp góp phần tham gia xây dựng Đảng, do đó, cán bộ, đảng viên phải dựa vào dân, lấy dân làm gốc.

"Dân là gốc rễ của cách mạng
Dân là tối thượng của dân tộc".

** Đảng vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân.*

Vai trò lãnh đạo của Đảng là do dân uỷ thác cho. Đảng lãnh đạo, dân làm chủ. Chính vì thế, Hồ Chí Minh nêu lên luận điểm nổi tiếng trong bản

"Di chúc": Đảng ta phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Hoặc, trước đó, năm 1951, phát biểu tại buổi lễ ra mắt Đảng Lao động Việt Nam sau khi kết thúc Đại hội II của Đảng, Hồ Chí Minh nói: Đảng Lao động Việt Nam không sợ kẻ địch nào dù cho chúng hung tợn đến mấy, không sợ nhiệm vụ nào dù nặng nề nguy hiểm đến mấy, nhưng Đảng Lao động Việt Nam sẵn sàng làm trâu ngựa, làm tôi tớ trung thành cho nhân dân. Đảng sẽ mất vai trò lãnh đạo nếu Đảng xa rời dân, quan liêu, hách dịch với dân.

Với vị thế là người lãnh đạo: Đảng phải có đường lối đúng đắn để lãnh đạo nhân dân. Toàn Đảng cũng như mỗi đảng viên phải là những người có tài có đức.

Với vị thế là đầy tớ: Phải trung thành với lợi ích của nhân dân, toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân.

Quan hệ giữa hai vị thế đó: Hai vị thế, hai vai trò, phẩm chất đó có quan hệ mật thiết, bổ sung cho nhau, tránh nhấn mạnh mặt này hay mặt kia. Hai mặt này không đối lập với nhau mà gắn bó chặt chẽ với nhau.

Lãnh đạo là nhiệm vụ của nhân dân giao cho những người đầy tớ, người làm việc công, lãnh đạo nhân dân thực hiện mục tiêu của Đảng, giành độc lập cho dân tộc, đi lên chủ nghĩa xã hội, đó cũng là mục tiêu đấu tranh của toàn dân, của cả dân tộc.

Là đầy tớ phải tận tuỵ phục vụ nhân dân, vì Đảng không có quyền lợi riêng của mình, quyền lợi của Đảng chính là quyền lợi của nhân dân, của dân tộc.

Đây là quan điểm nhất quán, khi Đảng cầm quyền lại cần phải nhấn mạnh hơn nữa mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân.

Hồ Chí Minh nêu lên những yêu cầu về tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân: Đảng phải sâu sát với quần chúng, có mối liên hệ mật thiết với quần chúng nhân dân; Đảng phải làm tốt công tác dân vận; Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với các đoàn thể: đoàn thanh niên, tổ chức công đoàn, nông hội, mặt trận dân tộc thống nhất.

Đảng phải lắng nghe ý kiến của nhân dân, hiểu rõ tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Đảng phải khiêm tốn học hỏi dân chúng, vận động nhân dân tham gia vào công tác xây dựng Đảng.

Đảng phải đi đường lối quần chúng nhưng không theo đuôi quần chúng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói:

"Để dân đói là Đảng và Chính phủ có lỗi
Để dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi
Để dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi."
"Dân vận kém thì việc gì cũng kém
Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công".

Đảng phải chăm lo mọi mặt cho đời sống của dân chúng. Người nhấn mạnh: "Hễ còn có một người Việt Nam bị bóc lột, bị nghèo nàn thì Đảng vẫn đau thương, cho đó là vì mình chưa làm tròn nhiệm vụ. Cho nên Đảng vừa lo tính

công việc lớn như đổi nền kinh tế và văn hoá lạc hậu thành nền kinh tế và văn hoá tiên tiến, đồng thời lại luôn quan tâm đến những công việc nhỏ như tương cà mắm muối cần thiết cho đời sống hàng ngày của nhân dân".

Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về gần dân, hiểu dân và vì dân: Mở rộng quan điểm về quần chúng nhân dân nhằm thu hút mọi khả năng, mọi lực lượng của dân tộc. Có bước phát triển mới về Đảng của giai cấp công nhân đồng thời là của nhân dân lao động và của dân tộc. Giải quyết mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, kết hợp mục tiêu lớn, phấn đấu với những bước đi của cách mạng rất thiết thực, cụ thể, gắn với lợi ích.

3. Ý nghĩa, vận dụng

Mọi hoạt động của Đảng phải bắt đầu từ dân, phải lấy dân làm gốc.

Củng cố và phát huy tốt hơn nữa vai trò làm chủ của nhân dân thông qua các cơ quan chính quyền, các đoàn thể quần chúng.

Từ hoạch định chương trình, chính sách, đề ra kế hoạch, bắt nguồn từ thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của quần chúng nhân dân, muốn vậy phải dựa vào dân, phát huy sức mạnh của dân để thực hiện nhiệm vụ. Đề ra biện pháp nhằm phát huy tinh thần làm chủ của nhân dân.

Phải xây dựng sao cho Đảng vừa là trường học, vừa là cơ sở hoạt động thể hiện vai trò làm chủ của quần chúng.

Phải làm tốt công tác lãnh đạo của Đảng.

Phát hiện những hạt nhân tích cực.

Hiểu được ý dân.

Bản sao lưu

CHƯƠNG V.
VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ CHỈNH ĐỐN ĐẢNG HIỆN NAY

I. CĂN CỨ LÝ LUẬN CỦA CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

1. Khái niệm thông thường

a. Xây dựng: "Làm cho hình thành một tổ chức hay một chủ thể về xã hội, chính trị, kinh tế, văn hóa theo một phương thức nhất định" (theo Từ điển tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học, xuất bản năm 2001, tr. 145).

b. Chỉnh đốn: "Sửa sang, sắp đặt lại cho đúng phép tắc, cho có nề nếp" (theo Từ điển tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học, xuất bản năm 2001, tr. 161).

2. Quan điểm của các nhà kinh điển

a. Quan điểm Mác - Lênin

** Quan điểm của Mác - Ăngghen*

Phong trào vô sản trải qua những bước phát triển khác nhau.. do đó chúng ta nhất thiết phải duy trì chỉnh đốn Đảng, nếu không mọi cái sẽ mất hết.

** Quan điểm của Lênin*

Đảng cầm quyền phải biết làm cho hàng ngũ mình trong sạch bằng cách đuổi bọn thoái hóa, biến chất, cơ hội, thù địch ra và việc làm đó sẽ làm cho lực lượng và uy tín của Đảng tăng lên rất mạnh.

b. Quan điểm của Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh nhắc lại câu nói nổi tiếng của Lênin: Không có lý luận cách mạng thì không có phong trào cách mạng... đảng nào được trang bị bằng lý luận tiên phong mới làm nổi vai trò chiến sĩ tiên phong.

Chỉnh đốn chi bộ là quan trọng vì chi bộ là nền tảng của Đảng.

Như vậy, cả Mác, Ăngghen, Lênin và Hồ Chí Minh đều cho rằng: Đảng phải thực sự là đội ngũ thống nhất về chính trị, tư tưởng và tổ chức, có như thế Đảng mới tương xứng với nhiệm vụ chính trị, là đội ngũ tiên phong được quần chúng tín nhiệm và ủng hộ.

II. CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG THỜI KỲ 1986 ĐẾN NAY

Thắng lợi hay thất bại của một cuộc cách mạng, phụ thuộc trực tiếp vào bản lĩnh trí tuệ và đạo đức của đội tiên phong, bộ tham mưu và lãnh tụ

chính trị của nó, tức là Đảng. Tuy nhiên, trong mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn cách mạng khác nhau thì vai trò ấy lại được biểu hiện khác nhau. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, Đảng có vai trò là đội tiên phong, bộ tham mưu của toàn dân tộc vẫn giữ vị trí đặc biệt quan trọng. Nhưng tình hình thế giới và trong nước đã có nhiều thay đổi so với trước đây, vậy Đảng cần phải xây dựng mình như thế nào để xứng đáng với vai trò đó.

1. Đặc điểm tình hình thế giới và trong nước

a. Tình hình thế giới

* Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu vào cuối những năm 80, đầu những năm 90 của thế kỷ XX.

* Sự phát triển như vũ báo của cuộc cách mạng khoa học công nghệ.

* Xu thế quốc tế hoá, toàn cầu hoá đang dần trở thành xu thế chủ đạo của thế giới.

* Đại hội X của Đảng đã dự báo: trong những năm sắp tới, trên thế giới hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn.

* Mặt khác, những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột tôn giáo, dân tộc, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp.

* Ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng, xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển tiếp tục gia tăng, nhưng luôn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định.

b. Tình hình trong nước

* Thành tựu những năm đổi mới tạo thêm nhiều thuận lợi cho đất nước ta đổi mới. Tuy nhiên, nước ta đang đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau (4 nguy cơ).

* Đảng ta đã kiên trì và nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ then chốt về xây dựng Đảng trên cả 3 mặt (chính trị, tư tưởng và tổ chức).

Đại hội X của Đảng đã rút ra 5 bài học kinh nghiệm trong quá trình đổi mới:

- Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.
- Đổi mới toàn diện và đồng bộ.
- Đổi mới vì dân, do dân.
- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
- Xây dựng Đảng và Nhà nước ngang tầm với nhiệm vụ cách mạng mới.

2. Tình hình công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay

"Phải xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị của một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa"[1].

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. CTQG, HN, 2006, tr.365

Đây là một trong bốn bài học kinh nghiệm mà Đại hội VI (12/1986) rút ra sau hơn 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội. Làm thế nào để xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ cách mạng? Đảng ta đã đưa ra câu trả lời: Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nhất là trong những bước ngoặt cách mạng.

a. Đổi mới, chỉnh đốn Đảng là một tất yếu khách quan

Bàn về vấn đề này, các nhà kinh điển có ý kiến như sau:

Mác, Ăngghen viết: Phong trào vô sản trải qua những bước phát triển khác nhau... do đó chúng ta nhất thiết phải duy trì chỉnh đốn Đảng, nếu không mọi cái sẽ mất hết.

Lênin: Không có một tổ chức vững vàng... thì không thể có phong trào cách mạng vững chắc được và để đảm bảo sự trong sạch, vững mạnh của Đảng Cộng sản Lênin nhấn mạnh: phải đuổi cổ ra khỏi Đảng những kẻ gian xảo, những đảng viên cộng sản đã quan liêu hóa, không trung thực, nhu nhược.

Hồ Chí Minh kế thừa quan điểm trên của Mác, Ăngghen và Lênin. Hồ Chí Minh nêu ra lý do chỉnh đốn Đảng như sau: Phải chỉnh đốn Đảng vì số đông đảng viên gương mẫu, tận tâm, tận lực phục vụ cách mạng, nhân dân, giai cấp, vẫn còn một số không phải là ít đảng viên không làm đúng chính sách của Đảng, Chính phủ, không đi đúng đường lối của nhân dân, những đảng viên ấy chưa thật sự đúng đắn cho nên phải chỉnh.

Như vậy, yêu cầu đổi mới, chỉnh đốn lại Đảng Cộng sản trong quá trình lãnh đạo cách mạng vô sản là một tất yếu khách quan, là nhân tố bảo đảm Đảng luôn giữ vững vai trò lãnh đạo của mình.

b. Nội dung đổi mới, chỉnh đốn Đảng

Đổi mới, chỉnh đốn Đảng nằm trong hệ thống xây dựng Đảng. Đổi mới, chỉnh đốn Đảng nhằm xây dựng và bảo vệ Đảng, bảo đảm Đảng thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ cách mạng của mình: lãnh đạo toàn thể nhân dân Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Năm 1975, Đảng lãnh đạo nhân dân bắt tay vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Tuy nhiên, do nhận thức chưa đúng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, tư tưởng chủ quan, duy ý chí, giản đơn hóa, muốn thực hiện nhanh chóng mục tiêu của chủ nghĩa xã hội trong điều kiện nước ta mới ở chặng đường đầu tiên; không thừa nhận quy luật của sản xuất hàng hóa đang tồn tại khách quan, do vậy Đảng không vận dụng quy luật này vào việc chế định các chủ trương, chính sách kinh tế. Đặc biệt trong công tác xây dựng Đảng, hai khuyết điểm quan trọng mà Đảng mắc phải là: nguyên tắc tập trung dân chủ bị vi phạm, chậm thay đổi quan điểm và chính sách cán bộ. Kết quả tình hình kinh tế - xã hội đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng, khiến niềm tin của quần chúng nhân dân vào Đảng, vào chế độ giảm sút.

Đứng trước thực trạng này, cộng với sự tác động của tình hình thế giới, Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định đổi mới và Đại hội VI (1986) là Đại hội đánh dấu sự đổi mới quan trọng của Đảng ta.

** Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI (15 - 18/12/1986)*

Bằng thái độ *"nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật"*, Đại hội VI chỉ ra những sai lầm và khuyết điểm trên là những sai lầm nghiêm trọng, sai lầm về "chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện" của Đảng. Đại hội khẳng định những sai lầm, khuyết điểm trong lãnh đạo kinh tế - xã hội bắt nguồn từ những sai lầm trong hoạt động tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ của Đảng. Đây là nguyên nhân của mọi nguyên nhân, do vậy, Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VI (14 - 20/6/1988) xác định phương hướng chung của công tác xây dựng Đảng là: *"đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức, đổi mới đội ngũ cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác: nâng cao giác ngộ cách mạng, bồi dưỡng lý tưởng, phẩm chất, kiến thức và năng lực lãnh đạo chính trị của cán bộ, đảng viên, mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật trong Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với giai cấp công nhân, nhân dân lao động, bảo đảm cho Đảng vươn lên ngang tầm nhiệm vụ mới"*[1].

Đổi mới tư duy không có nghĩa là phủ nhận những thành tựu lý luận đã đạt được, phủ nhận những quy luật phổ biến của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, phủ nhận đường lối đúng đắn đã đạt được, mà ngược lại chính là bổ sung và phát triển những thành tựu ấy.

Trong công tác xây dựng Đảng, Đảng phải đổi mới đội ngũ cán bộ, kiện toàn các cơ quan lãnh đạo và quản lý.

Đổi mới cán bộ lãnh đạo các cấp là mắt xích quan trọng nhất mà Đảng ta phải nắm chắc để thúc đẩy những cuộc cải cách có ý nghĩa cách mạng. Cán bộ ta được rèn luyện trong quá trình chiến đấu lâu dài, nhiều thế hệ cán bộ trưởng thành, đó là cơ sở để giải quyết vấn đề cán bộ.

Đổi mới quan điểm đánh giá cán bộ tức là lấy hiệu quả chính trị làm thước đo phẩm chất và năng lực của cán bộ. Lấy nhu cầu nhiệm vụ làm căn cứ bố trí cán bộ.

Đào tạo đội ngũ cán bộ kế tục; phải có cơ chế quản lý cán bộ đúng bởi cơ chế quản lý cán bộ có đúng thì sự đánh giá cán bộ mới chính xác.

Đại hội VI cũng nêu rõ: đổi mới nhưng giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt trong Đảng.

Thứ nhất: Tập trung dân chủ là nguyên tắc quan trọng nhất chỉ đạo mọi hoạt động tổ chức của Đảng. Sức mạnh to lớn của Đảng là ở sự thực hiện đầy đủ nguyên tắc này. Nếu nguyên tắc bị vi phạm dẫn đến những quyết định sai lầm, làm suy yếu đoàn kết trong Đảng. Do vậy, cần giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng.

Thứ hai: Đấu tranh phê bình và tự phê bình là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng, là thước đo trình độ dân chủ trong Đảng. Thể hiện thái

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. CTQG, HN, 2006, tr.459

độ, ý chí trách nhiệm của Đảng trước nhân dân, người cộng sản dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật. Trong Đảng không thể dung thứ thái độ che giấu khuyết điểm, thổi phồng thành tích, lừa dối cấp trên. Thái độ nể nang hoặc đàn áp, trả thù người phê bình, không được coi tự phê bình và phê bình là một dịp đả kích nhau, phải xem đó là một sinh hoạt Đảng bình thường để góp ý kiến giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, củng cố sự đoàn kết, nhất trí.

Thứ ba: Đoàn kết nhất trí trong Đảng. Đảng ta có truyền thống đoàn kết nhất trí tốt đẹp, chẳng những lúc cách mạng phát triển bình thường thuận lợi mà cả những lúc sóng gió, ở những bước ngoặt lịch sử, Đảng luôn là một khối thống nhất về tư tưởng và hành động. Nhờ vậy mà Đảng đoàn kết được đông đảo nhân dân, đưa sự nghiệp cách mạng đi đến thắng lợi vẻ vang.

Đoàn kết trong Đảng không phải theo kiểu "bằng mặt mà không bằng lòng" mà là sự đoàn kết được xây dựng trên cơ sở đấu tranh để bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng. Đoàn kết không có nghĩa là không có ý kiến khác nhau mà thông qua trao đổi, thảo luận sẽ đi đến nhất trí.

Đoàn kết nhất trí về chính trị, tư tưởng, tổ chức trên cơ sở hệ tư tưởng Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đó là vấn đề sống còn của Đảng. Đảng phải quyết tâm giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết, nhất trí của Đảng theo đúng như lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Thứ tư: Lập lại kỷ cương, củng cố kỷ luật trong Đảng, mỗi cán bộ, đảng viên phải phục tùng kỷ luật của Đảng. Bất cứ người lãnh đạo nào cũng không được tự mình đặt ra ngoài tổ chức, tự cho mình quyền nói và làm khác quyết định của tập thể. Bên cạnh đổi mới tư duy, phải đổi mới, chỉnh đốn Đảng trên cả ba lĩnh vực: chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Về lĩnh vực chính trị - tư tưởng: "Cần nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin... tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh"[1]. Công tác tư tưởng phải hướng vào việc bồi dưỡng phẩm chất đạo đức mới, nâng cao tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần quốc tế vô sản, khơi dậy ý chí cách mạng của quần chúng. Phẩm chất chính trị của mỗi người phải thể hiện ở lập trường vững vàng trong cuộc đấu tranh, giữa hai con đường, giữa ta và địch, giữa cái lành mạnh và cái hư hỏng; ở lòng tin vào sức mạnh nhân dân; Đảng phải quan tâm công tác văn hóa văn nghệ, cải cách toàn diện công tác của các trường Đảng, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp.

Về lĩnh vực tổ chức: Trước hết cần nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng vì tổ chức cơ sở Đảng là hạt nhân chính trị của Đảng mà trực tiếp là chi bộ. Do vậy, cần chăm lo tốt chi bộ. Chi bộ phải làm tốt việc phân công đảng

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* Nxb. CTQG, HN, 2006, tr.459

viên, đảng viên nào cũng được giao công tác và phải làm tròn nhiệm vụ. Muốn vậy phải thường xuyên chăm lo việc giáo dục rèn luyện mỗi cán bộ, đảng viên. Kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách và thu hút vào Đảng những người ưu tú. Cần nâng cao chất lượng đảng viên, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực. Với lương tâm của người cộng sản, mỗi cán bộ, đảng viên hãy nghiêm khắc xem xét mình đã sống lành mạnh, sống bằng lao động của mình hay chưa? Tránh tư tưởng, hoạt động chạy theo đồng tiền, tính ích kỷ, xâm phạm lợi ích của nhân dân, ăn cắp của công.

Đại hội VI đánh dấu sự đổi mới toàn diện, là Đại hội "đổi mới quan trọng của Đảng trong lãnh đạo chính trị, tư tưởng, tổ chức"[1] và Đại hội VI "được xem là đại hội kế thừa quyết tâm đổi mới đoàn kết tiến lên của Đảng".

* *Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII (24 - 27/6/1991)*

Nếu Đại hội VI được xem là *"Đại hội kế thừa quyết tâm đổi mới đoàn kết tiến lên của Đảng"* thì Đại hội VII là *"Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương - đoàn kết"*. Tiếp tục tinh thần Đại hội VI, Đại hội VII thẳng thắn thừa nhận những khuyết điểm trong lãnh đạo quản lý của Đảng. Và "khuyết điểm có tính chất bao trùm là Đảng chậm xác định rõ yêu cầu và nội dung đổi mới phương thức lãnh đạo trong giai đoạn mới, chưa tập trung nghiên cứu đề ra phương hướng, chủ trương rõ ràng và chỉ đạo thực hiện tích cực việc tổ chức bộ máy, còn thiếu những biện pháp có hiệu lực để nâng cao chất lượng đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng ngang tầm đòi hỏi của sự nghiệp cách mạng; công tác cán bộ còn nhiều khuyết điểm"[2].

Trên cơ sở những khuyết điểm này, Đại hội khẳng định: "tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng là yêu cầu quan trọng hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng"[3].

Do vậy, cả phương hướng và nhiệm vụ mà Đại hội VII đưa ra đều không nằm ngoài yêu cầu trên: *"Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ngang tầm nhiệm vụ"*, *"Tiếp tục đổi mới tư duy, nâng cao trình độ trí tuệ và năng lực lãnh đạo chính trị của Đảng. Đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu"*. Để hoàn thành nhiệm vụ và thực hiện đúng phương hướng trên, từ ngày 18 đến 29/6/1992, Hội nghị lần thứ 3 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã họp. Hội nghị nhấn mạnh: *"Trong hoàn cảnh hiện nay, việc đổi mới, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ có ý nghĩa quyết định toàn bộ sự nghiệp cách mạng"*[4].

Bên cạnh xác định mục tiêu của đổi mới, chỉnh đốn Đảng, Hội nghị còn yêu cầu đổi mới và chỉnh đốn Đảng phải bảo đảm nguyên tắc giữ vững bản chất cách mạng khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ VI BCH TW*, Nxb. CTQG, HN, 1999, tr.479

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. CTQG, HN, 1991, tr.52

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. CTQG, HN, 2006, tr.506, 502

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. CTQG, HN, 2006, 516, 517

Xây dựng Đảng về chính trị - tư tưởng: *"Nâng cao bản lĩnh chính trị, trí tuệ và năng lực lãnh đạo của Đảng. Xây dựng cho cán bộ, đảng viên niềm tin và ý chí kiên định lý tưởng cách mạng, kiên định mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. Nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chống "diễn biến hòa bình"*[1].

Chỉnh đốn Đảng về tổ chức: *"Thực hiện nghiêm ngặt các nguyên tắc và tổ chức sinh hoạt Đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ, ngăn chặn và khắc phục lối vô tổ chức, vô kỷ luật, độc đoán, chuyên quyền trong Đảng; chấn chỉnh hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng ở các cấp; lập ban cán sự Đảng ở Chính phủ, các bộ, các ủy ban nhà nước..., chỉnh đốn tổ chức cơ sở Đảng, xây dựng củng cố các chi bộ theo địa bàn dân cư".*

"Phải tạo bước chuyển quan trọng trong công tác cán bộ. Đây là khâu then chốt có ý nghĩa quyết định toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Phải xây dựng đội ngũ cán bộ ngang tầm nhiệm vụ. Sắp xếp, điều chỉnh, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hiện có và chuẩn bị đội ngũ kế cận. Thực hiện phân công, phân cấp cán bộ hợp lý. Đổi mới chính sách cán bộ".

"Để Đảng trong sạch, vững mạnh cần đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Phải xác định rõ mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị nhằm nâng cao vai trò, chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của Đảng".

** Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (26/6 - 1/7/1996)*

Bối cảnh quốc tế và khu vực trong thời gian này có ảnh hưởng to lớn đến công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Quốc tế hóa và khu vực hóa nền kinh tế thế giới đã và đang trở thành xu hướng chủ đạo, cuốn hút nhiều quốc gia tham gia. Chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào sau sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu. Cộng đồng thế giới đứng trước nhiều vấn đề có tính toàn cầu như môi trường, nguy cơ bùng nổ dân số, bệnh tật... đòi hỏi các quốc gia hợp tác vì không một nước nào riêng lẻ có thể tự giải quyết được.

Việt Nam bên cạnh những thành tựu sau 10 đổi mới, nước ta phải đối đầu với những khó khăn, thử thách lớn như: nguy cơ tụt hậu xa về kinh tế, "diễn biến hòa bình", "bạo loạn lật đổ", tệ quan liêu, tham nhũng, nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa, những mặt trái của toàn cầu hóa kinh tế...

Tình hình thế giới và thực tiễn đổi mới sinh động của đất nước đặt ra cho Đảng ta những nhiệm vụ và bước đi mới.

Bộ Chính trị rút ra một số bài học chủ yếu của một năm đổi mới, trong đó có bài học kinh nghiệm *"Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt"*. Đây là một trong những bài học thành công của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp đổi mới.

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. CTQG, HN, 2006, 562, 572

"Toàn bộ thành tựu và khuyết điểm của công cuộc đổi mới gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo và hoạt động của Đảng ta. Sự lãnh đạo và hoạt động của Đảng là một nhân tố quyết định tạo ra những thành tựu đổi mới". Để Đảng luôn là *"nhân tố quyết định tạo ra những thành tựu đổi mới"* cần *"xây dựng Đảng gắn liền với hoạt động kinh tế"*. Vì trong tư duy đổi mới của Đảng ta: đổi mới kinh tế từ đó từng bước đổi mới chính trị.

Do xem xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt nên từ ngày 25/1 đến ngày 2/2/1999, Hội nghị lần thứ 6 (lần 2) Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII họp và đã thông qua Nghị quyết quan trọng *"về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay"*. Nghị quyết nêu rõ: *"Để đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng phải có biện pháp phát huy ưu điểm, kiên quyết sửa chữa các khuyết điểm, tiếp tục củng cố, chỉnh đốn để ngày càng vững mạnh về mọi mặt, đặc biệt là về chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống, tổ chức và cán bộ"*[1].

Nghị quyết yêu cầu các tổ chức Đảng và mọi cán bộ, đảng viên từ Trung ương đến cơ sở phải tập trung thực hiện có hiệu quả 10 nhiệm vụ sau đây:

Một là: Tăng cường sự thống nhất trong Đảng về nhận thức, ý chí và hành động; kiên trì đấu tranh đẩy lùi bốn nguy cơ; đảng viên phải nói và làm theo nghị quyết, thực hiện đúng cương lĩnh, điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước; kiên định những vấn đề có tính quan điểm và nguyên tắc. Đó là: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng ta; chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng; Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; không chấp nhận "đa nguyên, đa đảng"; tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng.

Hai là: Đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận (trong nước và thế giới).

Ba là: Đổi mới công tác giáo dục trong Đảng và trong xã hội về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Bốn là: Tăng cường giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Cán bộ, đảng viên phải tự giác rèn luyện đạo đức lối sống, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; gương mẫu giữ gìn phẩm chất người chiến sĩ cộng sản, chống chủ nghĩa cá nhân...

Năm là: Tập trung chỉ đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu có hiệu quả.

Sáu là: Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình trong Đảng.

Bảy là: Củng cố, tăng cường sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng.

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ 6 BCH TW khóa VIII*, Nxb. CTQG, HN, 1999, 606

Tám là: Sắp xếp lại tổ chức, bộ máy Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị gắn liền với cải cách hành chính theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

Chín là: Toàn Đảng tiếp tục tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình.

Mười là: Cải tiến việc ra nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng.

"Bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hội nghị lần thứ 6 (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII có một ý nghĩa rất quan trọng, tạo ra bước chuyển biến mới trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, làm cho Đảng ngày càng vững mạnh và trong sạch, là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam"[1].

Với ý nghĩa đó, Đại hội VIII xứng đáng là đại hội *"Tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội".*

* *Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX (19 - 22/4/2001)*

Đại hội IX khẳng định: "Xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt". Để tương xứng với nhiệm vụ then chốt, cần tập trung vào một số việc trọng tâm như sau:

Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, kiên quyết khắc phục sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên.

Đẩy mạnh xây dựng, kiện toàn và tăng sức chiến đấu cho tổ chức cơ sở Đảng gắn với xây dựng chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể cơ sở và phong trào cách mạng quần chúng.

Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ cả về quan điểm, nội dung, phương pháp tổ chức quản lý.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Và phải xây dựng Đảng trên cả ba lĩnh vực: chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Xây dựng Đảng về chính trị - tư tưởng: Hội nghị Trung ương 5 khóa IX chỉ ra những nhiệm vụ chủ yếu như sau: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị, tạo sự thống nhất cao hơn nữa trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân, khắc phục chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng, triển khai có hiệu quả cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận. Thực hiện nghiêm túc những chỉ thị, quy định của Đảng về bảo vệ Đảng, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, cổ động, báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ, thông tin đối ngoại...

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. CTQG, HN, 2006, 609

Xây dựng về tổ chức: "Củng cố tổ chức cơ sở Đảng gắn liền với xây dựng hệ thống chính trị... khắc phục dần biểu hiện ỷ lại, thiếu chủ động, buông lỏng vai trò lãnh đạo. Công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh, củng cố đảng bộ, chi bộ yếu kém,..."[1].

* *Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X (18 - 25/4/2006)*

"Nhìn thẳng vào sự thật để kiểm điểm, đánh giá... rút ra những bài học kinh nghiệm" là nhiệm vụ của Đại hội X.

Quán triệt tinh thần Đại hội IX, Đại hội X khẳng định: "Xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đoàn kết nhất trí cao, gắn bó mật thiết với nhân dân, có phương thức lãnh đạo khoa học, có đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất và năng lực. Đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta"[2]

Để "xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh", đảm bảo là "nhân tố quyết định sự thắng lợi của sự nghiệp đổi mới", trước hết:

Phải nâng cao bản lĩnh chính trị và trình độ trí tuệ của Đảng. Nâng cao chất lượng nghiên cứu lý luận và đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị công tác tư tưởng trong Đảng, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt các cấp.

Kiện toàn và đổi mới hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng; tăng cường quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát.

Đổi mới tổ chức, bộ máy và công tác cán bộ.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, trong đó tập trung đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Hiện nay, tình trạng *"tham nhũng không còn là một nguy cơ mà đã là một thực tế, một quốc nạn"*. Nguyên nhân là do *"tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên"*. Vì thế, trong sửa đổi Điều lệ Đảng, Đại hội bổ sung thêm ba vấn đề lớn, trong đó có vấn đề *"giao thêm chức năng giám sát cho cấp ủy Đảng... gắn công tác kiểm tra với công tác giám sát, có giám sát mới khắc phục được... thiếu sót, khuyết điểm, nguy cơ từ lúc mới manh nha"*.

Như vậy, rõ ràng thời kỳ từ Đại hội VI đến nay (1986 - 2007) là thời kỳ tiếp tục hình thành và từng bước phát triển đường lối đổi mới của Đảng. Bên cạnh những nhận thức mới đúng đắn hơn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư BCH TW khóa IX*, Nxb. CTQG, HN, 2004, tr.130

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. CTQG, HN, 2006, tr.325

lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Thời kỳ này còn là thời kỳ xây dựng và chỉnh đốn Đảng mạnh mẽ trên cả ba lĩnh vực chính trị, tư tưởng và tổ chức. Phải xem tự đổi mới, tự chỉnh đốn cũng là một quy luật tồn tại và phát triển của Đảng. Chỉ có chăm lo đầy đủ công tác xây dựng Đảng, Đảng mới nâng cao được sức chiến đấu của mình, bảo đảm sự thành công của công cuộc đổi mới và con đường đi lên đúng đắn của dân tộc.

Ngày 7/1/2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của WTO - Tổ chức Thương mại thế giới. Sự kiện này đánh dấu một thời kỳ mới trong sự phát triển của đất nước ta - thời kỳ hội nhập đầy đủ với nền kinh tế thế giới. Vào WTO, chúng ta có nhiều cơ hội nhưng đồng thời không ít thách thức. Do vậy, trong công tác xây dựng Đảng cần chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị và trình độ trí tuệ của Đảng. Bản lĩnh chính trị của Đảng được thể hiện trong việc giữ độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa khi đất nước hoàn toàn hội nhập với nền kinh tế thế giới, mà ở đó các nước tư bản phát triển còn nắm giữ vị trí chi phối.

Bên cạnh đó, tầm trí tuệ của Đảng cần phải vươn ra phạm vi toàn cầu để nắm bắt kịp thời cơ và chuẩn xác những chiều hướng mới trên thế giới về chính trị, kinh tế, văn hóa... Trí tuệ của Đảng được thể hiện trong hiểu biết thông lệ, quy định quốc tế để đề ra đường lối và pháp luật.

Công tác lý luận và công tác tư tưởng cần có những đổi mới.

Để đáp ứng được những yêu cầu nói trên, khâu then chốt là đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục đội ngũ cán bộ đáp ứng đòi hỏi quá trình hội nhập. Về mặt chuyên môn, cán bộ, đảng viên ngoài việc nắm vững chuyên môn của mình cần nâng tầm trí tuệ, hiểu biết sâu rộng những gì diễn ra trên thế giới; phải có kiến thức luật pháp và thông lệ quốc tế, kỹ năng đàm phán, đấu tranh bảo vệ lợi ích dân tộc và bản thân, sử dụng thành thạo phương tiện kỹ thuật hiện đại và ngoại ngữ. Về phẩm chất đạo đức, trong bất kỳ hoàn cảnh nào người đảng viên cộng sản phải có lập trường kiên định, đạo đức trong sáng, chống lại mặt xấu của nền kinh tế thị trường.

"Cán bộ là gốc công việc", "công việc thành công hay thất bại do cán bộ tốt hay kém". Vì thế, rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng là một nội dung quan trọng trong xây dựng và chỉnh đốn Đảng hiện nay.

III. KINH NGHIỆM, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP LỚN TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG CHỈNH ĐỐN ĐẢNG(*)

A. Một số bài học kinh nghiệm qua 25 năm đổi mới

Qua 25 năm thực hiện đổi mới, Đảng ta rút ra 5 bài học kinh nghiệm sau:

Một là, *trong bất kỳ điều kiện và tình hướng nào cũng phải kiên trì thực hiện đường lối và mục tiêu đổi mới.* Trong quá trình đổi mới, phải giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đổi mới toàn diện, đồng bộ với bước đi thích hợp. Tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế phải gắn với xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, giữ vững truyền thống và bản sắc văn hoá. Mở rộng, phát huy dân chủ phải gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương.

(*) *Một số vấn đề về Đảng và công tác xây dựng Đảng hiện nay.* Tài liệu bồi dưỡng thi nâng ngạch chuyên viên chính khối Đảng, đoàn thể năm 2012

Hai là, *phải thật sự coi trọng chất lượng hiệu quả tăng trưởng và phát triển bền vững.* Tăng cường huy động phải gắn với sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước. Phát triển lực lượng sản xuất phải đồng thời với xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất, củng cố và tăng cường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, *Phải coi trọng kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội;* gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, củng cố quốc phòng, an ninh, tăng cường quan hệ đối ngoại, thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Bốn là, *đặc biệt chăm lo củng cố, xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức.* Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, có năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cao. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Năm là, *Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phải rất nhậy bén, kiên quyết, sáng tạo, bám sát thực tiễn đất nước,* kịp thời đề ra các giải pháp phù hợp với tình hình mới; tăng cường công tác tuyên truyền tạo sự đồng thuận cao, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội.

B. Nhiệm vụ và giải pháp lớn về công tác xây dựng Đảng

Để giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong điều kiện thực hiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế hiện nay, Nghị quyết Đại hội XI đã xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm của cả nhiệm kỳ là "Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng", đồng thời đề ra 8 nhiệm vụ và giải pháp lớn về công tác xây dựng Đảng như sau:

1. Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị

Xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị tức là bảo đảm cho chủ trương, đường lối của Đảng đi đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, thể hiện được bản chất cách mạng và khoa học của giai cấp công nhân; phù hợp với quy luật khách quan và thực tiễn của đất nước trong từng thời kỳ của cách mạng; phản ánh được ý chí, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Cụ thể là:

- Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng một cách sáng tạo và phù hợp với thực tiễn Việt Nam, luôn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ của toàn Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cấp; không hoang mang, dao động, hoài nghi và giảm sút lòng tin vào con đường mà Đảng, Bác Hồ đã lựa chọn trong bất cứ tình huống nào, kể cả những lúc khó khăn, phức tạp nhất của tình hình thế giới.

- Kiên định đường lối đổi mới, kiên quyết đấu tranh chống các khuynh hướng giáo điều, bảo thủ, trì trệ hoặc chủ quan, nóng vội, đổi mới vô nguyên tắc. Phải đổi mới toàn diện nhưng trên cơ sở đổi mới kinh tế mà từng bước đổi mới chính trị, có lộ trình và bước đi thích hợp.

- Trong quá trình xây dựng, hoạch định đường lối, Đảng phải quán triệt và thực hiện đồng bộ, chặt chẽ các nhiệm vụ lớn cách mạng trong thời kỳ đổi mới là: *Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, phát triển văn hoá - nền tảng tinh thần của xã hội.*

Đặc biệt, phải chú trọng xử lý và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn là: *Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và*

đổi mới hệ thống chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất với xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận

- Tăng cường công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để làm sáng tỏ những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, không ngừng phát triển lý luận, đề ra đường lối, chủ trương đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước; khắc phục một số mặt yếu kém của công tác nghiên cứu lý luận. Tạo môi trường dân chủ trong thảo luận khoa học, khuyến khích sự sáng tạo của cá nhân.

- Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng. Thực hiện tốt việc tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền, cổ vũ động viên các nhân tố mới, những điển hình tiên tiến và gương người tốt, việc tốt trên mọi lĩnh vực.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị trong hệ thống các trường chính trị và các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Mỗi cán bộ, đảng viên đều phải học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị và có trách nhiệm trực tiếp làm công tác tưởng; phải thường xuyên tiếp xúc, nắm tình hình tư tưởng của nhân dân và đối thoại trực tiếp với nhân dân.

- Kiên quyết đấu tranh làm thất bại âm mưu "Diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh, phê phán những biểu hiện "tự diễn biến" trong nội bộ Đảng; khắc phục sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội.

3. Rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và coi đó là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên hằng ngày. Mỗi cán bộ, đảng viên không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư, thực sự là một tấm gương về phẩm chất đạo đức, lối sống. Cán bộ cấp trên phải gương mẫu trước cán bộ cấp dưới, đảng viên và nhân dân. Kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, các biểu hiện cơ hội, tiêu cực.

- Đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí; thực hành tiết kiệm. Mọi cán bộ lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân từ trung ương đến cơ sở phải gương mẫu thực hiện và tham gia cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Thực hiện chế độ dân chủ, công khai, minh bạch về kinh tế, tài chính. Thực hiện có hiệu quả việc kê khai và công khai tài sản của cán bộ, công chức theo quy định. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và tạo cơ chế để nhân dân giám sát; định kỳ lấy ý kiến của nhân dân về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên tham nhũng, tiêu cực, vi phạm điều lệ đảng và suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cả về phẩm chất đạo đức, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước. Có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những cán bộ, công chức không hoàn thành nhiệm vụ.

4. Tiếp tục kiện toàn, đổi mới tổ chức, bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị

- Tiếp tục nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để hoàn thiện mô hình tổ chức và xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức trong hệ thống chính trị, bảo đảm bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước và phát huy vai trò trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị. Khắc phục tình trạng cồng kềnh, kém hiệu lực, hiệu quả của bộ máy và sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức. Kiện toàn, nâng cao chất lượng các cơ quan tham mưu và đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu về tổ chức cán bộ, nhất là ở cấp chiến lược.

- Tổng kết, đánh giá đúng thực trạng, đề ra các biện pháp củng cố và đổi mới mô hình tổ chức, phương thức hoạt động của các tổ chức đảng, nhất là của đảng đoàn, ban cán sự đảng. Tập trung chỉ đạo, củng cố các tổ chức đảng yếu kém; kịp thời kiện toàn cấp ủy và tăng cường cán bộ có chất lượng về những nơi có nhiều khó khăn, nội bộ mất đoàn kết.

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy và các tổ chức đảng, nhất là nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng trên tinh thần thương yêu đồng chí. Thật sự phát huy dân chủ trong sinh hoạt đảng, từ sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp uỷ ở cơ sở đến sinh hoạt của Ban Bí thư, Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương.

5. Kiện toàn tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên

Tổ chức cơ sở đảng là nền tảng của Đảng, hạt nhân chính trị ở cơ sở, có vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống tổ chức của Đảng. Đây là nơi đầu tiên và cuối cùng chịu sự tác động trực tiếp, sâu sắc của những thay đổi về chính trị, kinh tế, xã hội và tổ chức; là nơi rèn luyện, giáo dục, quản lý, phát triển và sàng lọc đội ngũ đảng viên; nơi thể hiện đầy đủ, toàn diện, trực tiếp, thường xuyên nhất về quyền làm chủ của nhân dân và mối quan hệ mật thiết, gắn bó giữa Đảng với nhân dân. Sự vững mạnh của các tổ chức cơ sở đảng có ý nghĩa quyết định đối với sự vững mạnh của toàn Đảng. Vì vậy, toàn Đảng phải dồn sức lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh. Cụ thể là:

- Tập trung xây dựng, củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, rõ rệt về chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng. Chăm lo xây dựng đội ngũ cấp uỷ viên ở cơ sở, trước hết là bí thư cấp ủy có phẩm chất, năng lực và đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật, thật sự tiền phong gương mẫu, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện mô hình tổ chức của Đảng ở một số loại hình tổ chức cơ sở đảng, vừa tạo ra mô hình tổ chức thống nhất trong toàn Đảng, vừa có những mô hình tổ chức phù hợp với những nơi có tính chất đặc thù.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ và phương thức hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, tiến tới thể chế hoá về mặt nhà nước vai trò, vị trí của tổ chức cơ sở đảng trong các

loại hình cơ sở. Đặc biệt coi trọng mối quan hệ của tổ chức cơ sở đảng với quần chúng nhân dân.

- Cùng với việc đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng, phải nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên và chất lượng công tác kết nạp đảng viên mới. Chú trọng kết nạp vào Đảng những Đoàn viên thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ưu tú và những quần chúng tiên tiến trong công nhân, nông dân, trí thức và người lao động trong các thành phần kinh tế. Thực hiện thí điểm từng bước việc kết nạp những người đang làm chủ doanh nghiệp tư nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn và có nguyện vọng xin vào Đảng.

- Đẩy mạnh việc xây dựng, củng cố và phát triển tổ chức đảng (tổ đảng, chi bộ, đảng bộ) ở những thôn, làng, ấp, bản, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện chưa có tổ chức đảng, có ít hoặc chưa có đảng viên, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ở mọi nơi và trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội. Tiếp tục nghiên cứu, làm rõ mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của một số loại hình tổ chức cơ sở đảng, nhất là trong doanh nghiệp - những nơi đang chịu sự tác động mạnh của quá trình cổ phần hoá, sắp xếp, cấu trúc lại sản xuất.

6. Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ

a) Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ

Công tác cán bộ có vị trí đặc biệt quan trọng của công tác xây dựng Đảng. Nếu nói xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt của sự nghiệp đổi mới thì việc xây dựng và đổi mới đội ngũ cán bộ lại là khâu then chốt của nhiệm vụ then chốt ấy. Vì vậy, cần quán triệt và thực hiện tốt một số nội dung sau:

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện, đồng bộ tất cả các khâu của công tác cán bộ, gồm: Xác định tiêu chuẩn cán bộ; đánh giá cán bộ; quy hoạch cán bộ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; sử dụng, luân chuyển cán bộ; quản lý cán bộ và thực hiện chính sách đối với cán bộ. Phải đổi mới tư duy, cách làm và khắc phục những khuyết điểm, yếu kém trong từng khâu của công tác cán bộ.

- Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách về phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; trọng dụng người có đức có tài. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; kiên quyết đấu tranh khắc phục tình trạng chạy theo bằng cấp, học hàm, học vị.

- Làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ, chú ý cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số và đội ngũ chuyên gia đầu ngành trên các lĩnh vực; xây dựng quy hoạch đội ngũ cán bộ cấp chiến lược.

- Thực hiện nghiêm quy chế thôi chức, miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý; kịp thời thay thế những cán bộ yếu kém về phẩm chất, năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ và uy tín giảm sút. Xử lý nghiêm minh những trường hợp chạy chức, chạy quyền, chạy chỗ, chạy bằng cấp.

- Thực hiện luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý theo quy hoạch ở các cấp, các ngành; khắc phục tư tưởng cục bộ, khép kín. Chú trọng đổi mới và trẻ hoá đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển.

- Thực hiện thí điểm chủ trương nhất thể hoá một số chức danh cán bộ của Đảng, Nhà nước ở các cấp; thi tuyển một số chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý;

b) Coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng

- Nghiên cứu, ban hành và thực hiện tốt chính sách sử dụng và quản

lý cán bộ, đảng viên có vấn đề lịch sử chính trị. Chú trọng nắm và giải quyết vấn đề chính trị hiện nay; giải quyết dứt điểm những vụ việc tồn đọng về lịch sử chính trị.

- Khi xem xét, giải quyết các vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng cần chú trọng giải quyết đúng đắn các mối quan hệ: Giữa lịch sử chính trị và chính trị hiện hành; giữa lịch sử chính trị gia đình và bản thân; giữa tiếp nhận đầu vào và giải quyết đầu ra; giữa sử dụng và xử lý đối với từng trường hợp cụ thể.

7. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát

- Tập trung kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng, các chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng trên các lĩnh vực; việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ; việc thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí; việc điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, nhất là những vụ án nghiêm trọng, gây bức xúc trong dư luận xã hội; kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, đề bạt, bố trí, sử dụng cán bộ.

- Chú trọng kiểm tra, giám sát người đứng đầu tổ chức đảng, nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm tra, giám sát của Đảng với công tác thanh tra của Chính phủ, công tác giám sát của Quốc hội và các cơ quan hành pháp, tư pháp, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân theo đúng chức năng và thẩm quyền của mỗi cơ quan, tổ chức.

8. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Điểm mới căn bản trong phương thức lãnh đạo của Đảng đối với xã hội khi trở thành Đảng cầm quyền là có Nhà nước - một công cụ mạnh mẽ, sắc bén để thực hiện nội dung lãnh đạo.

Vì vậy, mục tiêu cao nhất trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là làm cho Nhà nước mạnh lên, Nhà nước mạnh thì quyền làm chủ của nhân dân được bảo đảm và phát huy; Đảng gần với dân và được dân tin yêu. Vì vậy, cần tập trung thực hiện một số nội dung sau:

- Tập trung rà soát, bổ sung, điều chỉnh và ban hành mới, xây dựng đồng bộ hệ thống các quy chế, quy định, quy trình công tác để đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức trong hệ thống chính trị. Khắc phục tình trạng bao biện làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước.

- Tích cực đổi mới phong cách, lề lối làm việc, tác phong công tác của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ trung ương đến địa phương, cơ sở. Thực hiện tốt chế độ lãnh đạo tập thể đi đôi với phát huy tinh thần chủ động và trách nhiệm cá nhân. Phát huy vai trò, trách nhiệm của tổ chức đảng, đảng viên hoạt động trong cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

- Đổi mới cách ra nghị quyết và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghị quyết của Đảng. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong Đảng, khắc phục tình trạng rườm rà, bất hợp lý về thủ tục, giảm bớt giấy tờ, hội họp; sâu sát thực tế cơ sở, nói đi đôi với làm.

CHƯƠNG VI.
THẾ GIỚI CÒN ĐỔI THAY NHƯNG DI SẢN HỒ CHÍ MINH CÒN SỐNG MÃI

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã sản sinh ra biết bao tên tuổi vĩ đại, vừa là anh hùng giải phóng dân tộc, vừa là nhà tư tưởng lớn, nhưng không ai có được sự nghiệp lừng lẫy như Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, không ai có được tầm vóc thời đại, được loài người tiến bộ ca ngợi và thừa nhận như Hồ Chí Minh. Thời gian sẽ trôi qua, trăm năm, ngàn năm... thời thế, cuộc sống xã hội rồi sẽ đổi thay lớn, song tên tuổi và sự nghiệp của Người vẫn mãi là biểu tượng soi sáng của dân tộc Việt Nam văn hiến; sẽ mãi trở thành hệ giá trị văn hoá của loài người.

Lịch sử cách mạng Việt Nam gắn liền với tên tuổi và sự nghiệp, thân thế và cuộc đời, tư tưởng và đạo đức của người anh hùng dân tộc vĩ đại, nhà tư tưởng lỗi lạc của cách mạng Việt Nam, danh nhân văn hoá thế giới. Địa vị có một không hai trong lịch sử dân tộc của Hồ Chí Minh đã được xác lập và củng cố vững chắc nhờ công lao to lớn và sự nghiệp vĩ đại mà Người đã cống hiến trọn đời mình cho cách mạng Việt Nam. Trên cơ sở một vốn văn hoá Đông - Tây sâu sắc và sự dũng cảm hi sinh, một vốn tri thức lịch sử và thực tiễn rộng lớn, một linh khiếu chính trị, năng lực tổng kết và dự báo tương lai, Người đã kiên trì học tập, từng bước vươn lên đỉnh cao của trí tuệ thời đại để có được tầm nhìn xa, trông rộng của một "phượng hoàng đại ngàn".

I. GIÁ TRỊ THỜI ĐẠI CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Cơ sở tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng

a. Một số nét về thế giới và Việt Nam trong thời đại ngày nay

Ngày nay thế giới có nhiều biến động phức tạp tạo ra những thời cơ và thách thức trong xây dựng và phát triển đất nước ta.

Các thành tựu nhảy vọt của cuộc cách mạng khoa học kỹ công nghệ, đưa nhân loại bước vào nền văn minh trí tuệ với hai đặc trưng tiêu biểu là khoa học thông tin và kinh tế tri thức.

Xu hướng khu vực hoá và toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực kinh tế, chính trị, an ninh quốc phòng...

Mâu thuẫn dân tộc, sắc tộc, chủ nghĩa khủng bố ngày càng diễn biến phức tạp.

Tuy nhiên xu thế hoà bình hợp tác phát triển trở thành xu thế lớn của thời đại.

Nước ta đang tiến hành sự nghiệp công nghiệp hoá đất nước. Đạt nhiều thành tựu và còn nhiều khó khăn, Đại hội X nhận định: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm 2001-2005 là 7,51%, nhiều vấn đề xã hội được giải quyết tốt, đời sống nhân dân được cải thiện, xây dựng nhà nước tiến bộ trên cả 3 mặt: Hành pháp, lập pháp và tư pháp.

Nước ta gia nhập nhiều tổ chức ở khu vực và quốc tế, năm 2006 Việt Nam có nhiều sự kiện lớn như tổ chức thành công Hội nghị cấp cao APEC lần thứ 14 tại Hà Nội (11.2006), gia nhập WTO ngày 07 tháng 11 năm 2006.

Tuy nhiên đất nước vẫn còn nhiều thử thách như hạn chế về việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, một số chính sách văn hoá xã hội, các tổ chức của Đảng, Nhà nước chưa phát huy hết vai trò của mình.

b. Tư tưởng Hồ Chí Minh - cơ sở hành động của Đảng

Trong 83 năm qua, trên cơ sở nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh Đảng ta luôn giữ vững vai trò lãnh đạo của mình đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Tổng kết quá trình trên Đảng ta rút ra những bài học trong quá trình đổi mới hiện nay như:

- Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Dựa vào sức mạnh của nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào thực tiễn luôn luôn sáng tạo.

- Đổi mới kinh tế kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nhân tố quyết định mọi thắng lợi của sự nghiệp đổi mới.

Những bài học trên được Đảng tổng kết từ những nội dung xuyên suốt của tư tưởng Hồ Chí Minh. Vì vậy Đại hội VII xác định: "chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam".

Nghị quyết 09 cũng khẳng định: "Tư tưởng Hồ Chí Minh cũng đã và đang soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, trở thành những giá trị bền vững không những của cả dân tộc và toả sáng đối với thời đại...".

Đảm bảo vai trò lãnh đạo Đảng ta không ngừng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng tự đổi mới và chỉnh đốn để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình như:

- Không ngừng học tập lý luận nâng cao bản lĩnh chính trị và trình độ trí tuệ của Đảng.

- Kiện toàn và đổi mới tổ chức cơ sở Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên.

- Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, tăng cường quan hệ gắn bó với nhân dân, nâng cao chất lượng kiểm tra giám sát.

- Đổi mới tổ chức, bộ máy và công tác cán bộ.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng: Tập trung dân chủ trong tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng.

Đại hội X nêu ý chí của toàn Đảng và toàn dân tộc kiên định mục tiêu chủ nghĩa xã hội, nhằm thực hiện mục tiêu: dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ và văn minh.

2. Thực hiện kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

Đây là nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh và là bài học bao trùm xuyên suốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, là nguồn gốc mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo.

Hồ Chí Minh khẳng định: Chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ. Tư tưởng này thể hiện trong Cương lĩnh năm 1930, trở thành mục tiêu lý tưởng của nhân dân ta và phù hợp với thời đại, giải quyết đúng đắn quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội nên cách mạng nước ta giành được những thắng lợi trọn vẹn. Độc lập dân tộc là tiền đề đi đến chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là điều kiện để đảm bảo độc lập dân tộc.

Văn kiện Đại hội VIII khẳng định: "Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà là quan niệm đúng đắn hơn về chủ nghĩa xã hội và thực hiện mục tiêu ấy với những hình thức, bước đi và biện pháp phù hợp". Khẳng định mục tiêu kiên định của Đảng và Nhà nước ta trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa", do đó con người được Đảng và Nhà nước quan tâm hàng đầu vừa với tư cách là động lực, mục tiêu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh", vừa với tư cách là người chủ của xã hội. Những thành tựu đạt được trong hơn 25 năm qua khẳng định và làm sáng tỏ mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là chân lý sự thắng lợi cách mạng Việt Nam.

3. Kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại

a. Phát huy sức mạnh dân tộc

- Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đoàn kết dân tộc dựa vào sức mạnh của nhân dân luôn là vấn đề được Đảng và Nhà nước quan tâm.

Hồ Chí Minh nói: "không có nhân dân thì cách mạng không có lực lượng, Đảng không có sức mạnh. Việc gì có nhân dân tham gia ủng hộ khai thác được tài năng sáng kiến của nhân dân thì sẽ thành công".

Thực tế những thành tựu của công cuộc đổi mới bắt nguồn từ chủ trương coi con người là vị trí trung tâm của đổi mới. Đại hội IX xác định: "Đổi mới là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Để công cuộc đổi mới được thành công, phải động viên được mọi tầng lớp nhân dân và các thành phần kinh tế tham gia" và "phát huy sức mạnh toàn dân tộc

tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước". Nhưng muốn thực hiện những vấn đề đó cần vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết một cách chủ động sáng tạo trên một số mặt:

- Động viên giáo dục tinh thần yêu nước và tinh thần dân tộc, tăng cường nguồn động lực xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong những nguồn động lực của đất nước như con người, truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng, tài nguyên vốn tri thức thì con người vẫn là vốn quý nhất. Hồ Chí Minh khẳng định: "trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng của nhân dân". Vì cách mạng là sự nghiệp của quần chúng thì phải giảng giải lý luận cho dân hiểu: "dân khí mạnh thì binh lính nào, súng ống nào cũng không chống lại được". Đảng ta cần tăng cường phát động các phong trào thi đua yêu nước trong các tổ chức đoàn thể cũng như trong nhân dân như phụ nữ giỏi việc nước đảm việc nhà, thanh niên lập nghiệp, tặng các danh hiệu như sao vàng đất Việt cho các đơn vị kinh tế.

- Tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trong mặt trận dân tộc thống nhất: Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc vì thế đoàn kết dân tộc là vấn đề được Đảng và Nhà nước ta quan tâm, ngày nay Mặt trận dân tộc thống nhất đang phát huy vai trò của mình giải quyết tốt vấn đề dân tộc tôn giáo, sự chênh lệch về kinh tế văn hoá xã hội giữa các vùng... Mặt trận dân tộc thống nhất trên cơ sở liên minh công nông trí thức làm nền tảng dưới sự lãnh đạo của đảng giải quyết những vấn đề đặt ra hiện nay như: xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất hàng hoá, chăm lo đời sống vật chất xoá đói giảm nghèo, mở mang dân trí nhất là đối với vùng sâu vùng xa.

b. Tranh thủ các điều kiện hợp tác quốc tế

Với tinh thần "Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước", nước ta đã được sự ủng hộ giúp đỡ của nhiều nước trên thế giới trong đấu tranh cách mạng và trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, ngày nay việc tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế là rất cần thiết. Trước xu thế toàn cầu hóa và cuộc cách mạng khoa học công nghệ diễn ra mạnh mẽ tạo nên thời cơ và thách thức đối với dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại cần lưu ý việc phát huy tối đa nội lực và tranh thủ tối đa mọi cơ hội, mọi thuận lợi, tranh thủ mọi nguồn đầu tư nước ngoài. Ngày nay đầu tư vào Việt Nam ngày càng tăng: năm 2006, nguồn ODA tăng mức kỉ lục 4,4 tỉ USD, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt 10,2 tỉ USD.

Tăng cường phát triển kinh tế nội lực đủ sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập đủ sức cạnh tranh theo Hồ Chí Minh đó là "nhiều, nhanh, tốt, rẻ" là phương châm của chúng ta trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đó là biện pháp để kinh tế hàng hoá đủ cạnh tranh với các nước trong điều kiện Việt Nam gia nhập các tổ chức quốc tế và khu vực như APEC, WTO.

* *

*

Giáo sư sử học Hungari Lagio Loxango đã đánh giá về những cống hiến của Hồ Chí Minh: "Ngày nay trong phong trào cộng sản, không có nhân vật lịch sử nào tầm vóc có thể so sánh với Hồ Chí Minh. Đó là tầm vóc của một con người có phẩm giá mà tên gọi gợi lên một lòng kính trọng bất di bất dịch của không những bạn bè mà cả đối với những đối thủ của Người. Đó là tầm vóc những hoạt động mà với tư cách là nhà cách mạng, nhà chính khách Người đã được mọi người tôn kính khi còn sống cũng như khi Người đã mất, không những ở đất nước của Người mà cả trên toàn thế giới...".

Trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, Hồ Chí Minh phấn đấu không mệt mọi cho sự nghiệp cách mạng dân tộc và đóng góp to lớn vào cách mạng thuộc địa thế giới. Bằng những lý luận và kinh nghiệm thực tiễn lại xuất thân từ một nước thuộc địa hơn ai hết Hồ Chí Minh hiểu rõ những giá trị tinh thần, sức mạnh vật chất, truyền thống của các dân tộc. Những nội dung tư tưởng của Người là sự kết hợp hài hoà của sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của dân tộc ta, giải phóng người Việt Nam thoát khỏi thân phận nô lệ và đang tiến những bước vững chắc trên trường thế giới cùng nhân loại hoà vào xu thế hoà bình độc lập vì sự tiến bộ của loài người.

Bên cạnh đó tư tưởng của người ảnh hưởng không nhỏ đến phong trào cách mạng thế giới thể hiện ở hai khía cạnh.

Thứ nhất: Tư tưởng tác động trực tiếp đến các dân tộc trong quá trình Người hoạt động đã lập nên các Hội liên hiệp truyền bá tư tưởng Mác - Lênin và tư tưởng của mình vào phong trào đấu tranh của các nước nhất là ở các nước Á Đông và các thuộc địa của Pháp như tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* truyền đến Đahômây, Malagasy, Tây Ấn.

Thứ hai: Những tư tưởng của Người làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam có tác động cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới như ảnh hưởng to lớn đến hai nước láng giềng Lào và Campuchia, chiến thắng Điện Biên Phủ vang dội toàn cầu làm lay động hệ thống thuộc địa của Pháp, ủng hộ mạnh mẽ cách mạng Angiêri...

Nội dung tư tưởng xuyên suốt của Hồ Chí Minh là vấn đề con đường cách mạng Việt Nam: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, với những luận điểm đã làm nên tên tuổi Hồ Chí Minh là khẳng định vai trò cách mạng thuộc địa có thể diễn ra trước, nhân tố con người là hàng đầu, bên cạnh đó những tư tưởng tiến bộ của Người về văn hoá mới, khẳng định vai trò của phụ nữ xứng đáng là tư tưởng dẫn đường của đất nước và đối với thế giới Người đã góp phần đấu tranh không mệt mỏi vì hoà bình và tình hữu nghị các dân tộc.

Nhân kỉ niệm 100 năm ngày sinh của Người, tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO) phong tặng danh hiệu "Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới", điều đó khẳng định những đóng góp to lớn của Người cho dân tộc Việt Nam, cho nhân loại. Về dân tộc Việt Nam tiềm ẩn trong suy nghĩ và hành động của mỗi người đều

thể hiện lòng kính trọng đối với người cha già của dân tộc. Đúng như một học giả người Nhật đã đánh giá: "Hồ Chí Minh là lãnh tụ duy nhất của thế kỉ XX đã đạt điều mà không lãnh tụ nào đạt được là từ lúc người ta biết Người cho đến nay lòng ngưỡng mộ đối với Người không hề thay đổi".

II. HỒ CHÍ MINH – TẤM GƯƠNG SÁNG NGỜI VỀ ĐẠO ĐỨC VÀ TÁC PHONG CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN

1. Vai trò, vị trí của đạo đức và tác phong Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh là một trong những nhà tư tưởng, những lãnh tụ cách mạng đã bàn nhiều nhất tới vấn đề đạo đức. Người vừa là một nhà đạo đức học lớn, lại vừa là tấm gương đạo đức trong sáng nhất, tiêu biểu nhất đã được thế giới thừa nhận. Chủ tịch Hồ Chí Minh đi vào huyền thoại của lịch sử dân tộc và loài người một cách xứng đáng nhất, vẻ vang nhất bởi Người để lại cho nhân loại một sự nghiệp cách mạng to lớn và hơn nữa, chính Người là tấm gương sáng ngời về đạo đức và phong cách, là sự kết tinh những giá trị của thời đại và phẩm chất con người xã hội tương lai - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Vì vậy, tìm hiểu tư tưởng đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh không phải chỉ thông qua những tác phẩm của Người về đạo đức, mà quan trọng hơn phải thông qua chính hành vi được thể hiện trong toàn bộ hoạt động thực tiễn của Người, thông qua những mẫu mực đạo đức trong sáng mà Người để lại cho Đảng, dân tộc ta và toàn nhân loại. Người không bao giờ nghĩ rằng chỉ cần mọi người tu thân tích đức là đất nước độc lập, dân tộc sẽ tự do hạnh phúc. Phải bằng cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, mới đi tới mục tiêu đó. Đạo đức là vũ khí sắc bén phục vụ cho cuộc đấu tranh đó. Đạo đức là gốc, là nguồn, là nền tảng, bởi vì làm cách mạng thì trước hết con người phải có cái tâm trong sáng, cái đức cao đẹp đối với giai cấp công nhân, nhân dân lao động, với cả dân tộc mình. Cái tâm, cái đức và phong cách ấy lại phải thể hiện trong các mối quan hệ xã hội hàng ngày với dân, với nước, với đồng chí, đồng nghiệp, với mọi người chung quanh mình. Phải có tâm, có đức thì mới giữ vững được chủ nghĩa Mác - Lênin vào cuộc sống. Hồ Chí Minh tiếp thu đạo đức từ nhiều yếu tố trong đó quan trọng nhất là Lênin. Hồ Chí Minh cho rằng chính Lênin đã đào tạo ra các thế hệ cách mạng trên thế giới không chỉ bằng tư tưởng chính trị thiên tài mà còn bằng cả tấm gương đạo đức cao cả và phong cách làm việc tuyệt vời.

Ở Việt Nam, bất kì người dân nào cũng có thể tìm thấy những đạo đức mà Hồ Chí Minh đặt ra rất gần gũi với mình, những phẩm chất mình cần tu dưỡng, những định hướng để vươn tới cái chân, cái thiện, cái mĩ của cuộc sống con người. Đó là những vấn đề đạo đức Người rút ra từ chính cuộc đời thực của bản thân, từ khi lớn lên chứng kiến cảnh nước mất nhà tan, bao năm bôn ba ở nước ngoài để tìm đường cứu nước và trở về lãnh đạo cách mạng Việt Nam thành công. Người đã để lại một sự nghiệp cách mạng lớn lao, mà hơn thế, Người là tấm gương sáng ngời về đạo đức và tác phong,

người anh hùng dân tộc vĩ đại và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc và nhân dân Việt Nam.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu đạo đức và tác phong Hồ Chí Minh không chỉ một lần nữa tôn vinh một lãnh tụ vĩ đại, mà điều quan trọng hơn là minh chứng những đức tính cao đẹp của Hồ Chí Minh đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta noi theo. Đặc biệt trong nền kinh tế thị trường hiện nay, tấm gương của Người có ý nghĩa to lớn và cấp bách đối với cán bộ, đảng viên. Điều đó, càng quan trọng hơn đối với thế hệ trẻ hôm nay và mai sau, bởi muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội phải có những con người tin theo và học tập phẩm chất đạo đức, tác phong của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2. Tấm gương sáng ngời về đạo đức trong suốt cuộc đời của Hồ Chí Minh

Đạo đức Hồ Chí Minh là đỉnh cao và rực rỡ nhất của văn hoá Việt Nam, biểu tượng của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, có quá trình hình thành và phát triển gắn liền với cuộc đời, sự nghiệp cách mạng sôi nổi hào hùng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người không chỉ để lại cho dân tộc ta một sự nghiệp cách mạng vẻ vang chưa từng có trong lịch sử, mà qua "cuộc đời oanh liệt, đầy gian khổ hy sinh, vô cùng cao thượng và phong phú, vô cùng trong sáng và đẹp đẽ" của mình, Người còn để lại cho toàn Đảng toàn dân ta một di sản cao quý, đó là tấm gương sáng ngời về đạo đức của người cách mạng, tượng trưng cho những gì cao đẹp nhất trong tâm hồn, ý chí, nhân cách của dân tộc và của loài người. Người nói: "Đảng ta là đạo đức, là văn minh" và chính Người là đỉnh cao, là tượng trưng của đạo đức và văn minh đó.

Tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh là một tấm gương của một vĩ nhân - một vị lãnh tụ cách mạng vĩ đại, một người cộng sản vĩ đại, nhưng đó đồng thời cũng là tấm gương đạo đức của một người bình thường, ai cũng có thể học theo để làm một người cách mạng, một công dân tốt hơn.

Nổi bật lên trong tấm gương cao đẹp của Người là những phẩm chất của một nhà lãnh tụ kiểu mới của nhân dân: có lý tưởng mãnh liệt, ý chí kiên cường, có trí tuệ và tầm nhìn chiến lược, có khả năng hấp dẫn và thuyết phục đối với quần chúng, hết lòng thương yêu quý trọng nhân dân, trọng dụng nhân tài, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và đức khiêm tốn phi thường...

a. Là người có lý tưởng mãnh liệt, ý chí kiên cường

Vấn đề số một trong đạo đức vĩ nhân - cũng như của một người bình thường - là vấn đề lý tưởng, vấn đề lẽ sống: Sống cho ai? Sống vì cái gì? "Không có gì quý hơn độc lập tự do", đó là lý tưởng, là lẽ sống mà cũng là học thuyết chính trị – đạo đức của Hồ Chí Minh, của dân tộc Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên khi nước đã mất, các phong trào cứu nước như: Phong trào Cần Vương (1885 - 1895) mà tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Hương Khê do cụ Phan Đình Phùng lãnh đạo; phong trào Đông

Du (1905 - 1909) do cụ Phan Bội Châu; phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục do cụ Lương Văn Can lãnh đạo; cuộc khởi nghĩa Yên Thế (1884 - 1913) do cụ Hoàng Hoa Thám lãnh đạo; cuộc vận động cải cách của cụ Phan Chu Trinh và phong trào chống thuế của nông dân Trung Kì, các phong trào này lần lượt thất bại nhưng đã có ảnh hưởng sâu sắc đến Người. Người quyết chí ra đi tìm đường cứu nước, vượt qua muôn trùng khó khăn thử thách, hiến dâng toàn bộ cuộc đời mình cho dân tộc và cách mạng. Đến năm 1969, trước lúc ra đi, Người còn luyến tiếc: "là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa".

Chính ham muốn mãnh liệt ấy đã tạo cho Người một ý chí và nghị lực phi thường để tận tuỵ quên mình, để "giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục". Đó là những phẩm chất đạo đức không thể thiếu ở người cách mạng, nhất là người cộng sản, những con người "quang minh chính đại" mà dưới thời phong kiến đó là khí phách của các bậc trượng phu. Người nói về cụ Huỳnh Thúc Kháng: "... là người giàu sang không làm xiêu lòng, nghèo khổ không làm nản chí, uy vũ không làm sờn gan". Đó là một trong những tấm gương mà Hồ Chí Minh đưa ra để cán bộ, đảng viên noi theo.

Đời hoạt động cách mạng của người là cả một ý chí kiên cường, bất khuất, chiến đấu không mệt mỏi để chiến thắng tất cả. Những dấu mốc tiểu sử có thể thấy như:

+ Năm 1911, khi ấy mới hơn 20 tuổi, Người đã quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước với hai bàn tay trắng, Người làm thuê đủ mọi việc và sống một cách tằn tiện để nuôi ý chí cao cả. Năm 1912, sau khi đi tới nhiều nước ở châu Phi, Người đến Mỹ; mùa hè năm 1913, Hồ Chí Minh từ Mỹ sang Anh, rồi từ Anh trở về Pháp sống ở Pari năm 1917 và Người hoạt động ở Pháp, trở thành người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Năm 1923 Người sang Liên xô hoạt động; năm 1924, Người đến Quảng Châu (Trung Quốc) và truyền bá Chủ nghĩa Mác - Lênin, xúc tiến việc chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Tháng 6 năm 1931, Người bị đế quốc Anh bắt giam tại Hồng Kông đến năm 1933 mới ra khỏi nhà lao. Bị nhốt trong xà lim riêng rất cực khổ nhưng Người không lo lắng cho số phận của mình, ngày đêm Người lo lắng cho phong trào cách mạng trong nước.

+ Năm 1942, lấy tên là Hồ Chí Minh, Người sang Trung Quốc để liên lạc với các lực lượng cách mạng của người cách mạng Việt Nam ở đó thì bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam hơn một năm. Bị giải tới giải lui khắp mười ba huyện và khoảng ba mươi nhà lao tỉnh Quảng Tây, Người đã sống những ngày cực khổ, chịu đói chịu khát, áo quần không được thay, răng rụng, tóc bạc thêm, thân hình tiều tuỵ,... Trong hoàn cảnh đó, Người đã viết tập thơ "Nhật kí trong tù" bằng chữ Hán (gồm 133 bài), kèm theo bốn câu thơ:

"Thân thể ở trong lao
Tinh thần ở ngoài lao,

Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao"[1]

Với tinh thần sắt thép, không chịu khuất phục, không chịu thoả hiệp với kẻ thù, với ý chí cách mạng tiến công, tập thơ "đã thể hiện phần nào tinh thần, phẩm chất và đạo đức" của Người, một người yêu nước vĩ đại, một người cộng sản vĩ đại. Đúng như báo Ấn Độ "Quốc gia" đã viết: "Đằng sau cái cốt cách dịu dàng của cụ Hồ là ý chí sắt thép. Dưới cái bề ngoài giản dị là một tinh thần quật khởi anh hùng không có gì uy hiếp nổi".

+ Sáng ngày 30/05/1946, đồng bào Thủ đô tiễn đưa Người sang Pháp, Người nói một cách thống thiết: "Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc và hạnh phúc của quốc dân. Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó... Bất kì bao giờ, bất kì ở đâu, tôi cũng chỉ theo đuổi một mục đích là làm cho ích quốc lợi dân. Vậy nên lần này, tôi xin hứa với đồng bào rằng: Tôi cùng anh em đại biểu sẽ cố gắng làm cho khỏi phụ lòng tin cậy của quốc dân".

+ Ngày 23/10/1946, Người tuyên bố về cuộc thăm chính thức nước Pháp rằng: "Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon ngủ không yên. Tôi trân trọng hứa với đồng bào rằng. Với quyết tâm của đồng bào, với quyết tâm của toàn thể nhân dân, Nam Bộ nhất định trở lại cùng thân ái chung trong lòng Tổ quốc"[2]

+ Chiều ngày 19/12/1946, Người ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến: "Chúng ta phải đứng lên!... Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hi sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn đất nước. Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hi sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!". Trong thời gian ngắn ngủi, nước Cộng hoà non trẻ của chúng ta đơn độc giữa vòng vây của kẻ thù - hết quân Tưởng đến quân Pháp và bọn phản động tay sai - mỗi ngày, mỗi giờ phải đối phó với biết bao nguy cơ và thách thức có quan hệ đến sự tồn vong của dân tộc. Giữa dòng thác của lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn luôn luôn ung dung, sáng suốt, chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam bình tĩnh vượt qua bao ghềnh thác hiểm nguy, vững vàng tiến bước. Những đối sách linh hoạt, những chủ trương, biện pháp, sáng tạo của Người trong đối phó với kẻ thù, xây dựng chế độ mới và chuẩn bị cho cuộc kháng chiến biết là không tránh khỏi, đã thể hiện bản lĩnh, trí tuệ thiên tài của lãnh tụ, mãi mãi là những bài học vô giá đối với chúng ta ngày nay.

b. Hình ảnh cao đẹp về sự gắn bó giữa lãnh tụ với quần chúng

Hồ Chí Minh đã toát lên tấm lòng yêu thương con người, thương yêu nhân dân hết sức bao la, sâu sắc. Người đã từng khái quát về triết lí cuộc sống: "Nghĩ cho cùng, mọi vấn đề... là vấn đề ở đời và làm người. Vấn đề ở đời và làm người là phải thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ bị áp bức"[3]. Trong cuộc đời, Người đã từng trải qua và chứng kiến biết bao cảnh đau thương ngang trái, bất công,...

---

(1) *Hồ Chí Minh: Nhật kí trong tù và những bài thơ khác,* Nxb. Đồng Nai, 1996, tr.17
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Nxb. CTQG, HN, 1995, tập 4, tr.419
(3) *Hồ Chí Minh: Nhà nước và pháp luật Việt Nam,* Nxb. Pháp Lý, HN, 1990, tr.174

Đó cũng là nỗi đau của Người khi phải bế em đi xin sữa, mẹ chết không được khóc, bố bị oan khuất và bị đẩy đi xa. Đó là cảnh nghèo đói của dân quê Nghệ - Tĩnh, cảnh khổ sở của những dân phu làm đường Cửa Rào, Trấn Minh, đó là cảnh phu xe gầy ốm, những người bán rong lam lũ bên cạnh cảnh sống phè phỡn, xa hoa của bọn thống trị, thực dân và vua quan cai trị ở kinh thành Huế, cảnh đấu tranh và bị đàn áp của nông dân trốn thuế mà Người trực tiếp chứng kiến và giúp đỡ... Rồi đến các cảnh dân ở các thuộc địa khác bị đàn áp tàn bạo. Hình ảnh người dân da đen ở Đaka bị đẩy xuống biển chết trong gió to sóng lớn, những phụ nữ bị hãm hiếp, trẻ em bị phơi đói ở Đahômay, v.v. được Người phản ánh trong tác phẩm *"Bản án chế độ thực dân Pháp"* (1925).

Lời ra mắt của báo "Người cùng khổ" (Le paria) năm 1921 do Người sáng lập đã xác định rõ mục đích đấu tranh của "Hội liên hiệp các thuộc địa" là "từ giải phóng những người nô lệ mất nước, những người lao động cùng khổ đi đến giải phóng con người".

Năm 1946, những khi chuẩn bị cho cuộc kháng chiến, Người không lo thiếu vũ khí, không lo dân ta thiếu tinh thần yêu nước mà chỉ sợ chiến sĩ đói, rét mà phải đánh giặc. Và mùa đông năm ấy, năm mươi sáu tuổi, với chiếc gậy trúc và đôi dép cao su, Người cùng chiến sĩ lên đường chiến đấu.

Trong những ngày sống ở Việt Bắc, mỗi lần Người đi công tác đều có hai chiến sĩ đi cùng hộ tống Bác. Vì sợ Người mệt, nên hai đồng chí định mang hộ ba lô cho Người, nhưng Người nói: Đi đường rừng, leo núi ai mà chẳng mệt, tập trung đồ đạc cho một người mang đi thì người đó càng chóng mệt. Cứ phân ra mỗi người mang một ít. Khi mọi thứ đã được phân ra cho vào 3 chiếc ba lô rồi, Người hỏi thêm: Các chú đã chia đều rồi chứ? Hai đồng chí trả lời: Thưa Bác, rồi ạ! Rồi ba người lên đường, qua một chặng, mọi người dừng chân, Người đến chỗ đồng chí bên cạnh, xách chiếc ba lô lên và nói: Tại sao ba lô của chú nặng mà Bác lại nhẹ? Sau đó Người mở cả 3 ba lô ra xem thì thấy ba lô của Người nhẹ nhất, chỉ có chăn, màn. Người đã bày tỏ: Chỉ có lao động thật sự mới đem lại hạnh phúc cho con người. Và thế là hai đồng chí kia lại phải san đều các thứ vào 3 chiếc ba lô. (theo Trần Thị Lợi – sưu tầm). Đây là một trong nhiều câu chuyện cảm động về cuộc sống đời thường của Người, rất đề cao sự gắn bó và bình đẳng giữa con người với nhau trong mọi lĩnh vực.

Người khẳng định: "Lòng thương yêu của tôi đối với nhân dân và nhân loại là không bao giờ thay đổi". Tình cảm đó thể hiện sâu sắc và phong phú trong suốt cuộc đời Hồ Chí Minh. Trước lúc vĩnh biệt đi xa, trong "Di chúc", Người viết: "Đầu tiên là vấn đề con người" và "cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thương yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, các cháu thiếu niên và nhi đồng. Tôi cũng gửi lời chào thân ái tới các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế".

Người luôn luôn tin tưởng vào sức mạnh vô địch của nhân dân, giáo dục cán bộ phải nêu cao tinh thần phục vụ, tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, phải chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bởi

"Nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập không có ý nghĩa gì"(1)

Năm 1954, mặc dù mới về Hà Nội, bận rộn nhiều công việc đối nội, đối ngoại, Hồ Chủ tịch vẫn dành thời giờ để tiếp đón và đi thăm hỏi các tầng lớp nhân dân, các đơn vị bộ đội, nhà máy, trường học, bệnh viện, thăm hỏi và động viên cán bộ và đồng bào miền Nam vừa tập kết ra Bắc...

Chỉ trong năm 1958, Người đã hơn 20 lần đi xuống các địa phương, từ những cuộc thăm viếng của Người không những làm cho bà con nông dân phấn khởi sản xuất, đắp đê, chống hạn,... mà còn giúp cho bà con nhận thức sâu sắc hơn, đúng đắn hơn về đường lối của Đảng và Chính phủ.

Cuối năm 1961, Người về thăm xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành (Nghệ An), một xã có phong trào trồng cây tốt. Tại một ngọn đồi thấp, Người đứng nói chuyện với nhân dân xã. Nhìn Người đứng giữa nắng trưa, ai cũng băn khoăn. Đồng chí chủ tịch huyện cho tìm mượn được chiếc ô, định giương lên che nắng cho Người, thì Người quay lại hỏi: Thế chú có đủ ô che cho tất cả đồng bào không? Thôi, cất đi, Bác có phải là vua đâu?

Để hiểu dân, Người thường xuyên đi xuống cơ sở, tìm hiểu, "lắng tai nghe ý kiến của đảng viên, của nhân dân, của những người không quan trọng"(2). Vì vậy, nhân dân ta, từ các vị nhân sĩ, trí thức đến bà con lao động bình thường, nhìn vào tấm gương của Hồ Chí Minh thấy toả ra ánh sáng của một tâm hồn lớn, nhân cách lớn, của lẽ phải, tình thương và bao dung; đã từ kính yêu người mà tự nguyện suốt đời đi theo lí tưởng và sự nghiệp của Người, qua Chủ tịch Hồ Chí Minh mà càng thêm tin tưởng, gắn bó với Đảng, với chủ nghĩa xã hội.

c. Là tấm gương đạo đức chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và đức khiêm tốn phi thường

Khi Lênin từ trần (1924), Hồ Chí Minh khẳng định rằng dân tộc phương Đông sở dĩ kính mến Lênin vì vị thầy của cách mạng giải phóng lúc sinh thời là một "người khinh thường xa hoa, yêu lao động, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị". Và người phương Đông tôn kính Hồ Chí Minh cũng bởi sự cần, kiệm, giản dị, ít lòng ham muốn về vật chất của Người. Một cốt cách giản dị, một sự giản dị vĩ đại, đó là tư cách đạo đức của người cách mạng.

Cho nên, khi dạy học lớp cán bộ đầu tiên (1925) trong sách "Đường kách mệnh", Người đặt 23 điều tư cách người cách mạng lên hàng đầu.

Trong kháng chiến chống Pháp, có câu chuyện thú vị về đức tính của Người khi ở Việt Bắc. Một lần Người có việc phải đi giữa trời mưa rất to. Anh em cảnh vệ lo tìm ngựa để Người đi cho đỡ mệt nhưng Người nói: Chúng ta có 7 người, ngựa chỉ có một con, Bác đi sao tiện. Bác cháu ta phải cùng nhau đi bộ chứ. Thôi, đem trả ngựa cho dân. Anh em nằn nì mãi,

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Nxb. CTQG, HN, 1995, tập 4, tr.56
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Nxb. CTQG, HN, 1995, tập 5, tr.285

Người mới đồng ý cho dẫn ngựa theo để mang đỡ đồ đạc; ở khu an toàn, mặc dù xa địch, nhưng mỗi lần chuyển địa điểm, ngoài việc làm lán trại, Người thường giúp đỡ các chiến sĩ bảo vệ vẽ mẫu hầm, phá đất đá, nện "choòng"... Ngay trong mỗi nhà, mỗi lán Người đều cho đào công sự đề phòng máy bay tập kích bất ngờ, cây rừng đổ xuống. Cứ mỗi ngày Người đào một ít, sau giờ làm việc vài ba buổi là xong. Ai muốn đến giúp Người không đồng ý và nói: Đây là quyền lao động của Bác!

Năm 1954, hoà bình lập lại trên nửa nước. Đồng bào các địa phương có sản vật gì quý đều gửi một ít lên biếu Người để giới thiệu thành tích tăng gia với Người. Trong một bữa cơm, Người thấy có món cà Nghệ, quả nhỏ, cùi dòn, ngâm mắm. Bữa ấy, Người ăn rất ngon. Hôm sau lại có món cà quê hương. Người ăn hết vài ba quả. Thấy thế đồng chí anh nuôi lại dọn cà. Người hỏi: Cà muối mua hay ai cho thế? Thưa Bác, đồng bào Nghệ An đưa ra tặng Bác! (Người hỏi tiếp) - Có nhiều không? Dạ, một ô tô ạ! Người chậm rãi nói: Thế này nhé. Cà Nghệ ăn rất ngon. Bác ăn mấy bữa liền là đủ rồi. Bây giờ ai muốn ăn nữa thì trả tiền cho đồng bào Nghệ An.

Cuộc đời của Người, từ hai bàn tay trắng, làm đủ mọi việc để kiếm sống khắp năm châu bốn bể đến khi làm Chủ tịch nước giữa Thủ đô Hà Nội, vẫn là cuộc đời thanh bạch, giản dị, tao nhã.

Ngôi nhà sàn của Người chỉ có hai phòng nhỏ, một cái giường, một cái bàn, một cái ghế, một giá sách, một tủ quần áo với hai bộ kaki, một đôi dép lốp, một cái quạt giấy, một máy thu thanh, một chiếc đồng hồ đã mờ mặt. Đó là tất cả những gì người sáng lập Đảng Cộng sản, Nhà nước, người thầy của cách mạng Việt Nam đã có ở trên trái đất này.

Nét nổi bật trong đạo đức Hồ Chí Minh là đức khiêm tốn phi thường. Mặc dù có công lao rất lớn, Người không để ai sùng bái cá nhân mình, trái lại Người luôn luôn nêu cao sự nghiệp anh hùng của toàn Đảng, toàn dân, của các chiến sĩ anh hùng của chúng ta. Theo Người, quần chúng mới là người làm nên lịch sử và lịch sử chính là lịch sử của họ chứ không phải của một cá nhân nào.

Vị tổng thống anh hùng của nước Cộng hoà Chilê X. Agiendê đã khái quát: "Nếu như muốn tìm một sự tiêu biểu cho tất cả cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh thì đó là đức tính vô cùng giản dị và sự khiêm tốn phi thường"(1)

Bấy nhiêu đức tính cao cả chung đúc lại trong một con người đã làm cho tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh tưởng như trở nên siêu việt, vô song "khó ai có thể sánh kịp, khó ai có thể vượt hơn. Nhưng với sự kết hợp những đức tính đó, Người cũng là tấm gương làm nhiều người khác có thể noi theo" để làm người cách mạng và người dân tốt hơn, có ích hơn.

d. Người là một tấm gương không ngừng học tập và rèn luyện, không ngừng tự đổi mới và nâng mình lên để trở thành bất tử

(1) *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Nxb. CTQG, HN, 1976, tr.76

Việc rèn luyện bền bỉ và luôn luôn có ý thức trau dồi đạo đức cách mạng là việc làm thường xuyên, do sàng lọc từ cuộc sống "gian nan rèn luyện" mà có, do giáo dục mà nên. Những đức tính quý báu của vĩ nhân không phải là bẩm sinh. Cũng như mọi người, Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra, lớn lên, không ngừng học tập, lao động, chiến đấu và nâng mình lên, từng bước hấp thụ tinh hoa dân tộc, tinh hoa nhân loại để trở thành bất tử.

Đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức của một bậc đại trí, đại dũng, hi sinh chẳng quản, gian nguy không sờn. Ở những thời điểm then chốt của lịch sử, với tầm nhìn xa trông rộng của một "phượng hoàng đại ngàn", Hồ Chí Minh đã sáng suốt và dũng cảm đi tới những phán quyết lịch sử.

+ Năm 1945, khi thời cơ cách mạng đã tới, Người chỉ thị: "Dù có đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành cho được độc lập". Và Người đã quyết tâm cho chuẩn bị mọi vật chất và tinh thần sẵn sàng chiến đấu để quyết giành cho được độc lập, tự do cho đất nước.

+ Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 10 mở rộng (9/1956), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phê bình một cách nghiêm khắc về cuộc vận động cải cách ruộng đất đã phạm một số sai lầm nghiêm trọng: "Vì ta thiếu dân chủ nên nghe ít, thấy ít... Tôi nhận trách nhiệm trong lúc sóng gió này... Khuyết điểm của tôi đã ảnh hưởng đến sai lầm của cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức". Người đã thẳng thắn xin nhận khuyết điểm trước quốc dân đồng bào và kiên quyết sửa chữa. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu một tấm gương trung thực, dũng cảm của một người đứng đầu Đảng và Nhà nước về tự phê bình và phê bình.

+ Vào giữa những năm 60, lợi dụng khó khăn của ta, khi phong trào cộng sản quốc tế có xung đột và chia rẽ nghiêm trọng, đế quốc Mỹ đã ồ ạt đổ hơn nửa triệu quân vào miền Nam Việt Nam và tăng cường cho không quân, hải quân ném bom, bắn phá dữ dội miền Bắc, hòng đưa miền Bắc trở về thời kì đồ đá. Trước tình hình đó, Người vẫn thể hiện quyết tâm và khí phách của toàn Đảng, toàn dân ta: "dù chiến tranh tàn phá ác liệt tới đâu cũng phải giải phóng miền Nam cho kì được". Thật hiếm có một nhà lãnh đạo nào, trong những giờ phút thử thách bình tĩnh, gan dạ, quên mình, kiên nghị, dũng cảm một cách phi thường như vậy. Đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức của tinh thần thắng không kiêu, khó không nản. Cuộc đời Hồ Chí Minh là một chuỗi những năm tháng vô cùng gian khổ: bốn lần ngồi tù, một lần lãnh án tử hình; có giai đoạn hoạt động rất sôi nổi, được đánh giá cao, có giai đoạn bị hiểu lầm, ngộ nhận, lâm vào cảnh "như là sống ở bên lề, sống bên ngoài của Đảng"[1]. Để kiên trì chân lí, giữ vững quan điểm độc lập tự chủ, Người đã bình tĩnh chủ động vượt qua những năm tháng khó khăn đó. Từ lúc bước vào đời cho tới khi từ giã cõi đời, từ người bồi tàu, quét tuyết đến vị Chủ tịch nước, luôn chịu đựng mọi gian khổ, gánh vác những trọng trách lớn với đất nước, Người vẫn coi trọng việc trau dồi kiến thức trí tuệ. Chính vì đức tính học hỏi không mệt mỏi mà Người đã biết gần 30 ngoại

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb. CTQG, HN, 1995, tập 3, tr.90

ngữ, trong đó có tới chục ngoại ngữ đọc thông viết thạo, am tường kiến thức Đông Tây kim cổ.

Đặc biệt Hồ Chí Minh đã tự nêu gương đạo đức trong sáng tuyệt vời, tiêu biểu cho tinh hoa khí phách dân tộc được toàn dân tin theo tinh thần "nước lấy dân làm gốc", suốt đời không ngừng học tập và rèn luyện thực hiện Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư, sống giản dị, khiêm tốn thanh cao.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, với cương vị Chủ tịch nước, Người kêu gọi đồng bào ta nhường cơm sẻ áo và chính Người gương mẫu thực hiện nghĩa cử cao đẹp đó. Người nói: "Vậy tôi xin đề nghị với đồng bào cả nước và tôi xin thực hiện trước: *cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, một tháng nhịn ăn ba bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo.* Như vậy, thì những người nghèo sẽ có bữa rau bữa cháo chờ mùa lúa năm sau, khỏi đến nỗi chết đói"[1]. Người nói nhưng thường thực hiện trước, "nói đi đôi với làm" mà suốt cuộc đời mình, Hồ Chí Minh đã thực hiện một cách triệt để, trọn vẹn và nghiêm túc. Ở Người nói đi đôi với làm và cao hơn, làm rồi mới nói, làm nhiều, nói ít và thậm chí làm hết lòng, làm tận tuỵ mà không nói, không tự phô trương mình. "Vì vậy, địa vị càng cao uy tín càng rộng, đức độ của Người càng lớn, càng đẹp, càng toả sáng"[2]. Bấy nhiêu đức tính cao cả chung đúc lại trong một con người đã làm cho tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trở nên siêu việt, vô song khó ai có thể vượt hơn. Nhưng với sự kết hợp những đức tính đó Người cũng là tấm gương mà nhiều người khác có thể noi theo.

Ở Hồ Chí Minh, đạo đức đã đạt tới một sự thống nhất chặt chẽ giữa nói và làm, giữa đời công và đời tư, giữa đạo đức cách mạng và đạo đức đời thường. Do đó, Người đã trở thành "tinh hoa và khí phách, lương tâm và vinh dự", thành biểu tượng của đạo đức văn minh nhân loại. Để tôn vinh đạo đức cao cả đó, Đảng ta khẳng định: "Cuộc đời của Hồ Chủ tịch trong như ánh sáng. Đó là tấm gương tuyệt vời về chí khí cách mạng kiên cường, tinh thần độc lập tự chủ, lòng nhân đạo và yêu mến nhân dân thắm thiết, đạo đức chí công vô tư, tác phong khiêm tốn giản dị, tư tưởng và đạo đức cao cả của Người mãi mãi soi sáng và nâng cao tâm hồn chúng ta"[3]

Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đã làm trong sáng thêm lương tâm của dân tộc và của loài người.

III. NHỮNG TÁC PHONG CỦA VỊ LÃNH TỤ CỘNG SẢN

Tác phong có đặc điểm là gắn với truyền thống, tập quán, thói quen và do hoàn cảnh sống của mỗi người quy định. Nếu những truyền thống tốt đẹp có sức bền vững đi vào tác phong, thì những tập quán, thói quen xấu

---

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Nxb. CTQG, HN, 1995, tập 4, tr.31

(2) GS. Song Thành (Chủ biên), *Hồ Chí Minh: Tiểu sử,* Nxb. Lý luận chính trị, HN, 2006, tr.728

(3) Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới,* Nxb. Sự Thật, HN, 1976, tr.36

thường có sức ỳ to lớn, cản trở việc xây dựng phong cách mới. Để có một tác phong làm việc khoa học, chính xác, khẩn trương, thì việc khắc phục thói quen lề mề, luộm thuộm, đại khái... hoàn toàn không đơn giản, dễ dàng. Chúng ta đều nhận thức được rằng, tác phong còn có đặc điểm là mang dấu ấn cá nhân rất rõ. Một nếp sống giản dị - đó chính là phong cách sinh hoạt, còn khiêm tốn lại là một phẩm chất đạo đức của một người tự biểu hiện mình trong quan hệ với người khác. Không chỉ là tác phong làm việc, mà còn là tác phong trên tất cả các mặt hoạt động của con người.

Việc xác định tác phong Hồ Chí Minh xuất phát từ những hoạt động hết sức đa dạng và phong phú của Hồ Chí Minh - một người đã sống ở nhiều nơi, hoạt động trên nhiều lĩnh vực, đảm nhiệm nhiều cương vị khác nhau. Tác phong của Hồ Chí Minh là tác phong của một người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, một lãnh tụ thiên tài của Đảng và của dân tộc, một chiến sĩ lỗi lạc của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, một nhà văn hoá kiệt xuất của nhân loại. Tác phong của Hồ Chí Minh cũng là tác phong của một nhà chính trị già dặn, một nhà ngoại giao từng trải, một trí thức uyên bác, một hiền triết "đại trí, đại nhân, đại dũng". Nhưng bên cạnh đó, chúng ta lại có thể tìm thấy ở Hồ Chí Minh tác phong của một người bình thường như nông dân trên đồng ruộng, công nhân trong nhà máy, như ông Ké ở Việt Bắc, như người cha, người anh trong gia đình mà mọi người cảm thấy gần gũi.

Bằng cuộc đời và sự nghiệp của mình, bằng tư tưởng và tác phong của mình, Hồ Chí Minh đã đặt ra một vấn đề lớn cho nhân loại trong việc đánh giá con người, đặc biệt là đối với những nhà tư tưởng, nhà chính trị, những lãnh tụ, những vĩ nhân. Tư tưởng Hồ Chí Minh tập trung tiêu biểu nhất cho những khát vọng của dân tộc Việt Nam, của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, của cả nhân loại cần lao. Tác phong Hồ Chí Minh tiêu biểu cho tác phong của những người cách mạng, những người cộng sản, những người chân chính có mục đích thực hiện những tư tưởng, đường lối cách mạng đúng đắn, thích hợp nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Tác phong Hồ Chí Minh không phải ở tầm cao không thể vươn tới, mà luôn rất gần gũi với chúng ta.

Tác phong Hồ Chí Minh là một chỉnh thể, bắt đầu từ suy nghĩ, tới hoạt động thực tiễn và cuối cùng là sinh hoạt thường ngày.

1. Tác phong tư duy, diễn đạt

a. Tác phong tư duy

Tư duy là quá trình con người suy nghĩ, xuất phát từ những cứ liệu của thực tiễn và từ di sản của những người đi trước, cũng như từ những thành tựu của tư tưởng đương thời để đi tới xác định tư tưởng của chính mình. Tất cả những mệnh đề chứa đựng những tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh mà chúng ta vẫn thường nhắc đến, đều đã đi qua một quá trình tư duy như vậy.

Nét đặc sắc nhất của tác phong tư duy Hồ Chí Minh là tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo. Đối với Hồ Chí Minh, độc lập là không lệ thuộc,

không phụ thuộc, không bắt trước, không theo đuôi; tự chủ là tự mình làm theo suy nghĩ của mình, làm chủ bản thân và công việc của mình, tự mình thấy trách nhiệm trước đất nước và dân tộc; sáng tạo là sẵn sàng từ bỏ những cái cũ đã được thực tiễn kiểm nghiệm là không đúng, những gì là lạc hậu, lỗi thời, những cái cũ đã đúng trước kia nhưng đến nay không còn phù hợp. Cái mới sáng tạo ở Hồ Chí Minh là cái mới phù hợp với quy luật khách quan của cách mạng Việt Nam, cũng như phù hợp với quy luật phát triển chung của thời đại. Mặt khác, nhờ tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo nên Hồ Chí Minh đã phát hiện ra những quy luật của cách mạng Việt Nam.

Tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo đã được hình thành trong tác phong tư duy Hồ Chí Minh từ rất sớm, từ thuở thiếu thời và Người mới bước vào tuổi thanh niên. Sau này Người kể lại: "Vào trạc 13 tuổi, lần đầu tiên tôi đã được nghe những từ Pháp: tự do, bình đẳng, bác ái... Thế là tôi muốn làm quen với văn minh Pháp, tìm xem những gì ẩn giấu sau những từ ấy". Tư duy độc lập, tự chủ của Hồ Chí Minh đã làm cho suy nghĩ của Người rất nhanh chóng có sự khác biệt so với suy nghĩ của Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường về con đường cứu nước, tuy cả ba người đều có tấm lòng yêu nước, và bản thân Người cũng rất coi trọng các cụ Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu,... nhưng không theo con đường của các cụ. Người không theo phái Đông Du sang Nhật, mà sang các nước phương Tây, nơi có tư tưởng tự do, dân chủ và khoa học kỹ thuật hiện đại đang hấp dẫn Người. Ngày 5 tháng 6 năm 1911, lấy tên là Ba, Người nhận làm phụ bếp trên chuyến tàu đô đốc La-tút-sơ Tơ-rê-vi-lơ của Pháp. Từ đó, Người đi nhiều nước ở châu Âu, châu Phi và châu Mỹ như: Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Angiêri, Đahômây,... Với lòng yêu nước nồng nàn và căm thù sâu sắc bọn thực dân cướp nước và bè lũ tay sai bán nước, Người kiên trì chịu đựng mọi gian khổ; chú ý xem xét tình hình và suy nghĩ về những điều mắt thấy tai nghe, mong sao thực hiện được hoài bão cao cả của mình.

Tính độc lập của tư duy đã giúp Hồ Chí Minh sớm đi đến những nhận định độc lập. Khi mới đặt chân lên đất Pháp, Người đã phát hiện thấy hai nước Pháp: một nước Pháp của những kẻ giàu có, của bọn tư bản đế quốc thực dân và một nước Pháp của những người vô sản, những người lao động nghèo khổ. Khi đến Mỹ, không giống như nhiều người khác chỉ thấy ánh sáng trên đầu thần Tự do toả sáng, Người còn thấy số phận của những người da đen, những phụ nữ đang bị dẫm đạp dưới chân nữ thần ấy... Khi đến Đaca và các nước châu Phi, Người nhận định: "Đối với bọn thực dân, tính mạng của một người thuộc địa da vàng hay da đen cũng không đáng một xu"(1).

Đầu năm 1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước ở Pháp, và lấy tên là Nguyễn Ái Quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi tới Hội nghị Vécxây bản yêu sách của dân tộc Việt, Nam đòi chính phủ Pháp phải thừa nhận các quyền tự do dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam.

---

(1) Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. CTQG, Nxb. Thanh Niên, HN, 1994, tr.22

Tính độc lập tự chủ và sáng tạo của tư duy Hồ Chí Minh thực sự có bước phát triển nhảy vọt khi Người bắt gặp Chủ nghĩa Mác - Lênin. Năm 1920, khi đọc "Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa" của Lênin đăng trên báo L' Humanité (Nhân đạo), Người tìm thấy ở Luận cương những lời giải đáp đầy thuyết phục cho những câu hỏi mình đang nung nấu và tim tòi. Và tại Đại hội Đảng xã hội Pháp lần thứ XVIII tại Tua, Người đã biểu quyết đứng về quốc tế III, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Từ đây, độc lập, tự chủ mới thực sự đi đến sáng tạo. Cũng từ đây, trình độ tư duy của Người đã đạt tới trình độ chín muồi để có thể đối chiếu, so sánh, lựa chọn chắt lọc và tổng hợp những cứ liệu mà thực tiễn Việt Nam và thế giới đã cung cấp, những kinh nghiệm mà cuộc sống đã đem lại, để từ đó đi đến những kết luận mới, tư tưởng mới.

Tại sao Hồ Chí Minh lại có tác phong tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo như vậy? Để có thể giải đáp câu hỏi đó từ chính hoạt động thực tiễn của Người.

+ *Thứ nhất,* mọi suy nghĩ của Hồ Chí Minh đều xuất phát từ thực tế Việt Nam, mọi trăn trở trong quá trình tư duy của Người đều có mục tiêu là tìm cho được con đường cứu dân, cứu nước, con đường xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, văn minh, có thể "theo kịp các nước khác trên hoàn cầu" và "sánh vai với các cường quốc năm châu". Đó cũng là ham muốn tột bậc mà Người ôm ấp, theo đuổi và quyết thực hiện bằng được.

+ *Thứ hai,* mở rộng tư duy nghiên cứu mọi tư tưởng, học thuyết đã có. Trước khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã theo học Nho giáo, tiếp cận Phật giáo, Lão giáo và Thiên Chúa giáo, làm quen với tư tưởng của các nhà Khai sáng và cách mạng tư sản Tây Âu. Sau khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Người còn tìm hiểu chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn, thuyết bất hợp tác, bất bạo động của Găng-đi.

Quá trình tư duy của Người là quá trình suy ngẫm, so sánh, lọc bỏ, lựa chọn, phân biệt đúng sai, hay dở, tiến bộ hay lạc hậu, phù hợp hay không với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Suốt cuộc đời, Người là học trò của Mác – Lênin, Người đặt vấn đề học tập chủ nghĩa Mác - Lênin rất rõ ràng: đó là học tập tinh thần cách mạng và khoa học, là nắm vững lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để giải quyết mọi việc.

+ *Thứ ba,* hướng tầm nhìn ra thế giới, không ngừng học tập, nâng cao trình độ văn hoá, làm giàu trí tuệ của mình bằng những kiến thức rất phong phú và sâu rộng. Đây chính là điều kiện không thể thiếu để có một tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo.

b. Tác phong diễn đạt

Mỗi người đều có một tác phong diễn đạt tư tưởng của mình bằng lời nói và chữ viết. Trong tác phong diễn đạt của Hồ Chí Minh có sự kết hợp hài hoà cái dân gian và cái bác học, cái cổ điển và cái hiện đại; giữa phong cách phương Đông và phong cách phương Tây, từ đó tạo thành sức cuốn hút mạnh mẽ đối với người nghe, người đọc. Mọi người có thể cảm nhận thấy từ lời nói, bài viết của

Hồ Chí Minh những gì rất gần gũi với mình như vang vọng tiếng nói từ truyền thống và quá khứ, từ tinh hoa dân tộc và nhân loại; hơn nữa, còn như thấy tất cả những gì sôi động của hiện tại và những tín hiệu của tương lai. Người là tác giả của những bức thư, những bài báo được viết với giọng điệu đanh thép, sắc sảo nhằm tố cáo chủ nghĩa thực dân, bóc trần tội ác man rợ của chúng trước toàn nhân loại vào đầu những năm 20 của thế kỷ XX; cũng là người đã lay động con tim khối óc của hàng triệu nhân dân các dân tộc thuộc địa và giai cấp vô sản ở chính quốc bằng những bài nói, bài viết dễ hiểu, đầy tính nhân văn và vô cùng xúc động. Các tác phẩm lớn như: *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925), *Đường cách mệnh* (1927), *Nhật kí trong tù* (1942-1943), *Tuyên ngôn độc lập* (1945), v.v... đều thấy rất ngắn gọn, cô đọng xúc tích dễ hiểu mà không phải tự nhiên vốn có mà thực sự là sự rèn luyện gian khổ để trở thành phong cách riêng của Người. Trong tác phẩm "Sửa đổi lề lối làm việc" (1947), trong bài "Cách viết" (1953) và các bài nói khác, Người đã đặt ra các vấn đề có liên quan chặt chẽ với nhau: Nói và viết cái gì? Nói và viết cho ai? Nói và viết để làm gì? Nói và viết như thế nào? và Người cũng đặt ra yêu cầu đó đối với cán bộ, đảng viên khi nói, khi viết. Trong cách nói, cách viết của mình, Hồ Chí Minh lại thường giản dị hoá mọi vấn đề khó hiểu, nhưng đây không phải là một sự đơn giản tầm thường. Sự giản dị trong ngôn từ của Người bắt nguồn từ sự hiểu biết thấu đáo bản chất sự vật từ truyền thống, cảm nghĩ của dân tộc và từ sự gắn bó mật thiết với nguyện vọng sâu xa nhất của quần chúng nhân dân. Ngay đến những vấn đề chính trị, lí luận lớn như chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội cũng được Người diễn đạt không có gì cao siêu, khó hiểu. Từ tác phong làm việc trong sáng, giản dị, có phương pháp, có khoa học dẫn tới cách nói, cách viết của Người mang tính chân thực, ngắn gọn.

2. Tác phong quần chúng

Đây là nội dung quan trọng hàng đầu trong phong cách làm việc của Hồ Chí Minh. Tác phong quần chúng được thể hiện bằng những hành động cụ thể:

Đó là, sâu sát quần chúng, chú ý tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của quần chúng, quan tâm tới mọi mặt đời sống của quần chúng. Điều này chúng ta thấy rõ trong hoạt động của Người.

Tháng 7 năm 1928, Nguyễn Ái Quốc tới Xiêm với bí danh là Thầu Chín. Người sống hoà mình với quần chúng, cùng đi làm với mọi người, cùng làm những việc có ích cho quần chúng nên được quần chúng mến yêu, nghe theo những lời khuyên nhủ trong đời sống hàng ngày và từng bước giác ngộ cách mạng cho những người có khả năng tiến bộ nhất. Người góp ý kiến củng cố tổ chức cho Hội đồng bào thân ái, mở nhiều lớp dạy chữ quốc ngữ để có khả năng tuyên truyền cách mạng, giúp dân xoá mù chữ và bài trừ tệ nạn xã hội.

Việc gì lợi cho dân thì dù ít cũng làm, việc gì hại cho dân thì dù nhỏ cũng hết sức tránh, nhờ có thế mới được lòng dân.

Đó là, tin yêu và tôn trọng con người, chú ý lắng nghe ý kiến và giải quyết những kiến nghị chính đáng của quần chúng, sẵn sàng tiếp thu phê

bình của quần chúng và sửa chữa khuyết điểm của mình. Có dân ủng hộ thì việc khó mấy cũng thành. Dân ủng hộ ít thì thành công ít, dân ủng hộ nhiều thì thành công nhiều, dân ủng hộ hoàn toàn thì thắng lợi hoàn toàn.

Đó là, tự mình phải mực thước để xứng đáng với sự tin cậy của quần chúng nhân dân.

Từ tháng 6 năm 1947, trên báo "Sự thật", Người đã cho đăng bài "Cán bộ tốt và Cán bộ xoàng", vạch rõ: Khi chính quyền đã về tay nhân dân mà cán bộ lên mặt quan cách mạng, thì mọi việc đều lủng củng. Cán bộ mà biết làm cho dân tin, cho dân phục, dân yêu thi việc gì cũng mỹ mãn.

Ngày 9 tháng 8 năm 1948, phát biểu trong Hội nghị Quân sự lần thứ 5, Người đặc biệt nhấn mạnh đến tư cách của cán bộ chỉ huy: "Trong quân đội, nhiệm vụ người tướng là phải: Trí- Dũng- Nhân- Tín- Liêm- Trung. Về thưởng, phạt, chớ vì yêu ai mà thưởng, ghét ai mà phạt; ai hẩu với mình thì dùng, ai trực tính nói ngay thì bỏ. Với binh sĩ, từ lời ăn, tiếng nói, niềm vui, nỗi buồn, quần áo, nhất nhất phải biết rõ và hết sức chăm nom".

Lời dạy ấy của Người chính là kinh nghiệm quý báu của Người trong công tác quần chúng, là bài học lớn để lại cho ta về tác phong quần chúng trong phong cách làm việc.

Hồ Chí Minh thường yêu cầu Cán bộ, đảng viên phải "từ nơi quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng" Người đã nhiều lần phê phán tệ xa rời quần chúng, lên mặt "quan cách mạng", "quan nhân dân", không thấy mình là người đầy tớ, người học trò của nhân dân. Những thói mệnh lệnh, cửa quyền đối với quần chúng, cưỡng bức quần chúng, không chú ý lắng nghe ý kiến phê bình, những kiến nghị của quần chúng, bỏ mặc không xem xét những yêu cầu của quần chúng là hoàn toàn xa lạ với quan điểm và tác phong quần chúng của Hồ Chí Minh.

Nhân dân từ già đến trẻ, thuộc mọi tầng lớp, dân tộc, mọi thế hệ đều gọi Hồ Chí Minh bằng hai tiếng Bác Hồ, ai cũng thấy Người rất gần gũi như người thân trong gia đình. Dù bận rất nhiều việc lớn của Đảng và Nhà nước, nhưng đến với quần chúng, đến với những con người bình thường là nhu cầu thường trực của Người. Đã hàng trăm lần Người đi thăm các cơ sở của Hà Nội, các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, Người có mặt ở hàng trăm công trường, nhà xưởng, hợp tác xã, trường học, v.v. Dấu chân Người đã để lại ở nhiều địa phương, từ thành phố đến nông thôn, từ trung du đến miền đồng bằng, từ miền núi đến hải đảo xa xôi, ...

Năm 1968, Người còn muốn vào miền Nam để thăm hỏi, động viên đồng bào, chiến sĩ bằng cách "làm công trên chiếc tàu thuỷ" giống như anh Ba hồi đầu thế kỉ. Nhưng rất tiếc Người không kịp thực hiện được mong muốn thiết tha đó.

Người đã từng nói: "Cán bộ không có đội viên, lãnh tụ không có quần chúng thì không làm gì được". Bản thân Hồ Chí Minh đến với mọi người một cách rất tự nhiên, bình dị. Mọi nghi thức đối với Người hình như đều trở thành không cần thiết.

Năm 1961, khi về thăm lại Pắc Bó (Cao Bằng), thấy đồng bào tổ chức đón tiếp, Người nói: "Tôi về thăm nhà mà sao phải đón tôi!".

Khi đi thăm dân, Người không muốn có nhiều bảo vệ vì nhân dân đã bảo vệ Người. Khi đến một cơ sở, Người không muốn tiệc tùng tốn kém, theo kiểu "khách ba, chúa nhà bảy" để mang tiếng với dân. Vì vậy, một bữa cơm nắm ở một ven đồi hay dưới gốc cây cổ thụ trước khi gặp dân, thăm dân là chuyện thường tình của Hồ Chí Minh.

Tác phong quần chúng rất tự nhiên bình dị ấy như có sức cuốn hút kì lạ, làm cho quần chúng đến với Người không chút e ngại, cũng bình dị tự nhiên như họ vẫn sống hàng ngày. Tác phong ấy làm cho lãnh tụ và quần chúng dễ dàng hoà nhập với nhau trong sự đồng cảm sâu sắc nhất. Nhờ vậy, mọi người có thể nói hết những suy nghĩ, trăn trở của mình còn Người thì lắng nghe để có thể hiểu nhịp đập của cuộc sống xung quanh.

Tác phong quần chúng của Người còn thể hiện ở chỗ, Người luôn quan tâm tới mọi việc của các ngành, các địa phương, các cơ sở qua báo cáo cũng như báo chí hằng ngày của Trung ương và địa phương. Đặc biệt, Người thường xuyên chú ý tới gương người tốt, việc tốt trong mọi tầng lớp nhân dân để động viên khen thưởng qua đó giáo dục mọi người. Tập hợp trên 4.000 trường hợp đã được thưởng "Huy hiệu Bác Hồ". Giữa năm 1968, Người đã mời một số cán bộ đến bàn cách làm và xuất bản loại sách "Người tốt, việc tốt".

Tác phong quần chúng không chỉ là cần thiết với cán bộ đảng viên trong quan hệ với dân mà còn là tác phong của cấp trên với cấp dưới, của cán bộ lãnh đạo với cán bộ Đảng viên bình thường. Càng hiểu dân và hiểu cấp dưới, người lãnh đạo cấp trên càng hiểu chính mình và càng rút ra những điều bổ ích để bổ sung cho chủ trương chính sách được đề ra. Bất cứ cán bộ đảng viên hay một người bình thường nào mà tiếp xúc với Hồ Chí Minh đều có thể thấy rõ điều đó.

3. Tác phong tập thể - dân chủ

Là đặc điểm quan trọng trong phong cách làm việc của Người. Xuất phát từ bản tính tốt đẹp của mình, Hồ Chí Minh thường xuyên có một phong cách làm việc rất tập thể và dân chủ. Gắn bó với tập thể, phát huy sức mạnh của tập thể - tinh thần ấy thấm sâu vào suy nghĩ và hành động của Người.

Người vẫn thường nói: không một người nào có thể hiểu được mọi thứ, làm hết được mọi việc. Ngay đến anh hùng, lãnh tụ cũng vậy. "Đem so sánh công việc của cả loài người trong thế giới, thì những người đại anh hùng xưa nay cũng chẳng qua cũng chỉ làm tròn một bổn phận mà thôi"[1]. Từ đó, chúng ta có thể hiểu rằng, sức mạnh của lãnh đạo không chỉ là những điều tự mình nghĩ ra hay tự mình làm lấy mà quan trọng hơn chính là ở chỗ biết phát huy và tổng hợp cái thông minh và sức mạnh của nhiều người, của tập thể. Sự tổng hợp đó được

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Nxb. CTQG, HN, 1995, tập 5, tr.256

nâng lên cao và biến đổi về chất bởi sự thông minh của người lãnh đạo và thăng hoa - đó là điều không thể có được ở bất kì cá nhân nào.

Với tác phong tập thể - dân chủ, Hồ Chí Minh hết sức chú ý việc thực hiện và phát huy dân chủ trong nội bộ Đảng cũng như đối với quần chúng, phát huy tinh thần làm chủ tập thể của mọi người. Khi bàn cách làm và xuất bản loại sách "Người tốt, việc tốt" với một số cán bộ, Người nói: "Bác muốn bàn luận dân chủ, các chú có ý kiến gì trái với Bác thì cứ cãi,nhất rồi thì về làm mới tốt được. Không nên: Bác nói gì, các chú cứ ghi vào sổ mà trong bụng thì chưa thật rõ, rồi các chú không làm, hay làm một cách qua loa"[1].

Tác phong làm việc tập thể - dân chủ của Hồ Chí Minh luôn tạo ra được không khí làm việc một cách hoạt bát, phấn khởi, hăng hái và đầy sáng tạo. Nhiều lần, Người phê bình cách lãnh đạo của một số cán bộ không dân chủ, do đó mà người có ý kiến không dám nói, người muốn phê bình không dám phê bình, làm cho cấp trên cấp dưới cách biệt nhau, quần chúng với Đảng xa rời nhau, không còn sáng kiến, không còn hăng hái trong khi làm việc.

Người lãnh đạo muốn biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của mình, muốn biết công tác của mình tốt hay xấu, không gì bằng khuyên cán bộ mình mạnh bạo đề ra ý kiến rồi phê bình. Như thế không những không phạm gì đến uy tín của người lãnh đạo mà lại tỏ ra dân chủ thật thà trong Đảng.

Nếu cán bộ không nói năng, không đề ý kiến, không phê bình, thậm chí lại tâng bốc mình, thế là một hiện tượng rất xấu. Vì không phải họ không có gì để nói, nhưng vì họ không dám nói, họ sợ. Thế là mất hết dân chủ trong Đảng. Thế là nội bộ Đảng âm u, cán bộ trở nên những cái máy, trong lòng uất ức, không dám nói, do uất ức mà hoá ra oán ghét, chán nản[2].

Dù ở cương vị đứng đầu Đảng và Nhà nước, có uy tín tuyệt đối trong Đảng và trong nhân dân, Người vẫn giữ tác phong tập thể - dân chủ với Bộ Chính trị, với các cơ quan Đảng và Nhà nước, chú ý lắng nghe ý kiến của Cán bộ, đảng viên và người dân bình thường để suy nghĩ đến quyết sách thích hợp.

4. Tác phong khoa học

Trong công việc thường ngày cũng như trong công tác lãnh đạo, Hồ Chí Minh luôn luôn giữ một "cách làm việc có khoa học".

Người biết rất rõ rằng nền sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu từ nhiều đời đã để lại cho chúng ta một tác phong thiếu khoa học, thói quen "làm việc thủ công nghiệp" tự do tuỳ tiện, gặp chăng hay chớ, lề mề, chậm chạp, không biết quý thời gian, bảo thủ trì trệ, cục bộ hẹp hòi... Người thường phê phán những hiện tượng này và đòi hỏi mọi người phải kiên quyết đấu tranh, khắc phục cho được.

---

(1) *Hồ Chí Minh: Biên niên tiểu sử,* Nxb. CTQG, HN, 1996, tập 10, tr.191
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Nxb. CTQG, HN, 1995, tập 5, tr.280

Từ những năm tháng làm thuê trên những con tàu xuyên đại dương, hay thời gian phụ bếp, đốt lò, quét tuyết ở Le Havre, New York, Boston, London. Nếu không tự mình coi trọng thời gian, tranh thủ thời gian, quyết tâm theo đuổi chí lớn thì Người đã không thể tiến hành việc tự học ở mọi nơi, mọi lúc, học ở mọi người mà mình tiếp xúc hàng ngày. Cần học chữ nào, Người viết lên cánh tay để vừa đi vừa xem, đến cuối ngày chữ mờ rồi, thì cũng là lúc Người đã nhớ được hết. Đêm khuya, khi người khác nghỉ ngơi thì Người lại tranh thủ dưới đèn, ôn lại để nhập tâm những chữ trong ngày mình đã học được.

Cuộc sống của Người khi làm thuê ở nước ngoài, đã tạo cho người một thói quen làm việc biết quý trọng thời gian, sắp xếp công việc hàng ngày theo kế hoạch chi tiết cho từng buổi, từng giờ.

Tác phong khoa học trong lề lối làm việc của Người thể hiện ở mấy điểm sau:

a. Làm việc phải đi sâu, đi sát, điều tra nghiên cứu thận trọng, cụ thể, nắm người, nắm việc, nắm tình hình cụ thể để có kế sách đúng, đề ra biện pháp thích hợp.

b. Làm việc phải có mục đích rõ ràng, tập trung; định ra chương trình, kế hoạch cho phù hợp, tránh những chương trình công tác quá rộng rãi mà kém thiết thực. "Đích nghĩa là nhằm vào đó mà bắn. Nhiều đích quá thì loạn mắt, không bắn trúng đích nào"[1].

Một ví dụ để dẫn chứng cho tác phong này của Hồ Chí Minh là ngày 23 tháng 12 năm 1929, Người từ Xiêm đến Hồng Kông để thực hiện việc hợp nhất tổ chức cộng sản trong nước, Người bố trí cho từng đoàn ở riêng, vừa để giữ bí mật, vừa để tránh những tranh luận riêng lẻ căng thẳng. Rồi Người gặp riêng trao đổi từng đoàn. Ngày 6 tháng 1 năm 1930[2]. Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản chính thức khai mạc ở Cửu Long (Trung Quốc). Tham dự Hội nghị có đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng. Ai cũng nhận thấy trách nhiệm lớn lao của Hội nghị hợp nhất. Hội nghị đã thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* và *Điều lệ tóm tắt* của Đảng. Với phương pháp phân tích khoa học kết hợp với thực tế xã hội, trong hội nghị Người đã trao đổi nhiều luận thuyết, những kinh nghiệm quý báu về việc thành lập Đảng mácxít ở các nước Pháp, Nga và nêu rõ việc đoàn kết hợp nhất là sức mạnh của Đảng. Hội nghị hợp nhất có giá trị như một Đại hội thành lập Đảng. Sự ra đời của Đảng ta là một bước ngoặt lịch sử quan trọng của công cuộc đấu tranh cách mạng ở nước ta. Chỉ có Hồ Chí Minh, với kinh nghiệm của mình qua 20 năm bôn ba hoạt động, đấu tranh trên trường quốc tế mới đủ năng lực và uy tín để hoàn thành sứ mệnh vẻ vang này.

c. Lối làm việc khoa học trong hoạt động cách mạng của Người là luôn luôn căn cứ trên tình hình trong và ngoài nước, để phát huy tinh thần độc

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Nxb. CTQG, HN, 1995, tập 5, tr.374
(2) *Văn kiện Đảng: Toàn tập,* Nxb. CTQG, 2003, tập 4, tr.401

lập tự chủ, chủ động tranh thủ thời cơ, tạo lập thời cơ, từng bước đi đến thắng lợi cuối cùng.

Cuối tháng 1/1941 đồng chí Hoàng Văn Thụ từ Việt Nam sang gặp Người (ở Côn Minh) để báo cáo tình hình trong nước. Người quyết định xuống bản Nậm Quang (Quảng Tây) tổ chức một lớp huấn luyện chính trị cho 43 cán bộ cách mạng Việt Nam. Và ngày 28/01/1941, Người lên đường bí mật về nước. Ba tháng sau Người triệu tập hội nghị Trung ương lần thứ 8 tại Pắc Bó (Cao Bằng). Từ ngày 10 đến 19/05/1941, mở ra bước ngoặt lịch sử quan trọng của cách mạng Việt Nam. Hội nghị vạch ra nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng và quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh.

Tháng 10 năm 1941, Người viết diễn ca "Mười chính sách của Việt Minh" để dễ đọc, dễ nhớ, dễ truyền miệng:

"Có mười chính sách bày ra

Một là ích nước, hai là lợi dân"

Lấy sức dân, tập hợp toàn dân làm cách mạng, là để lập ra một chính quyền do dân mà có và vì dân mà quyết định mọi chính sách, chế độ.

"Quyết làm cho nước non này

Cờ treo độc lập, nền xây bình quyền"

Sau này, trong bài viết về "Dân vận", Người còn nói rõ: "Nước ta là nước dân chủ, bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân... Nói tóm lại, mọi quyền hành và lực lượng đều ở nhân dân".

Người còn dặn trong mọi việc làm:

"Dễ trăm lần không dân cũng chịu

Khó vạn lần, dân liệu cũng xong".

Cách mạng Tháng Tám thành công rồi đến kháng chiến chống Pháp thắng lợi là vì đã lấy dân làm gốc.

Trong công cuộc chống Mỹ, cứu nước, các diễn biến lịch sử cho đến năm 1975 đã diễn ra như đúng lời Người nói.

d. Tác phong khoa học của Người là "lãnh đạo phải cụ thể, phải kịp thời, phải thiết thực, phải có trọng điểm và nắm điển hình", phải "mắt thấy, tai nghe, miệng nói, tay làm, óc nghĩ", "phải cẩn thận mà nhanh nhẹn, kịp thời, làm đến nơi đến chốn". Điều quan trọng ở Người là luôn luôn chú ý rút kinh nghiệm, "sau mỗi một việc cần phải rút kinh nghiệm".

Học tập cách làm, cách lãnh đạo của Người, chúng ta ngày nay còn rút ra được nhiều bài học bổ ích.

5. Tác phong ứng xử

Đặc biệt ở Người là tác phong rất tự nhiên, cởi mở mà chân thành, vừa chủ động linh hoạt lại vừa ân cần tế nhị, tạo ra một không khí chan hoà, ấm cúng khi giao tiếp, gặp gỡ.

Trong tác phong ứng xử của Người không bao giờ có sự gượng ép. Khi đã là Chủ tịch nước, trong một buổi lễ đón tiếp Người đã rời khỏi hàng danh dự của các thượng quan để đến bắt tay chào hỏi một người quen biết cũ đang đứng ở phía xa, trước sự ngạc nhiên của đoàn ngoại giao và sự e ngại của nhân viên an ninh, bảo vệ. Trong tiệc chiêu đãi, Người đã nhấc một bông hồng đẹp nhất trong lọ hoa trang trí, tặng cho một nhà báo nữ, lại lấy phần một quả táo để lúc ra về làm quà cho một cháu bé trên tay một bà mẹ đứng đón nhìn Người. Một phong thái biểu thị lòng yêu thương, trân trọng quý mến con người.

Tác phong ứng xử của Người còn thể hiện ở thái độ đánh giá đối tượng, đối xử thích hợp với mọi người.

Không thể quên được cái ơn tri ngộ của vợ chồng luật sư Loseby, năm 1960, Người đã mời ông bà sang thăm Hà Nội. Cô con gái lớn cùng đi với ông bà cảm kích về cách ứng xử của Người đã xin được làm con đỡ đầu, khi nhìn thấy Người sống độc thân trong căn nhà sàn của Phủ Chủ tịch.

Tiếp đãi mọi người bằng cái tình lớn lao, nên Hồ Chí Minh đã nhận được từ mọi người một tình yêu rộng lớn.

Tác phong ứng xử Hồ Chí Minh đã làm cho bất cứ ai gặp Người cũng đều thấy thoải mái, tự nhiên xua tan đi mọi sự ngại ngùng hay sợ sệt. Những buổi họp mặt, cuộc mít tinh, lễ đón tiếp... Khi có Hồ Chí Minh là có ngay một không khí chan hoà ấm cúng, làm cho các nghi thức đều như không còn cần thiết. Chỉ cần một lời chào hỏi thân tình, một thái độ giao tiếp niềm nở, một cử chỉ vượt ra ngoài quy cách thông thường, những trao đổi ngắn gọn thiết thực và đầy ý nghĩa với những người xung quanh, Hồ Chí Minh đã xoá bỏ mọi sự cách biệt về cấp bậc, chức vụ giữa lãnh tụ với quần chúng. Qua giao tiếp Người đem đến cho mọi người ý thức về sự bình đẳng hoàn hảo giữa những con người tự do và làm như một giá trị, hơn nữa như một tố chất thẩm mỹ, đưa đến những rung động, những xúc cảm mạnh mẽ và để lại những ấn tượng bền vững trong kí ức mọi người.

Trong cuộc đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, hoà bình đất nước Hồ Chí Minh đã giao tiếp với không biết bao nhiêu đối thủ luôn muốn tìm cách lật đổ chính quyền cách mạng và Người đã ứng xử với một tác phong của một người hoạt động chính trị lão luyện, một nhà ngoại giao từng trải để thuyết phục cảm hoá họ.

Ví dụ điển hình như ngày 4/9/1945, Vĩnh Thuỵ (Bảo Đại) vị vua cuối cùng của chế độ phong kiến Việt Nam - đã ra tới Hà Nội và được Người đến thăm hỏi. Sáng ngày 5/9/1945, Người tiếp ông ta tại Bắc Bộ phủ. Sáng ngày 10/9/1945 Hồ Chủ tịch kí sắc lệnh số 23 cử ông Vĩnh Thuỵ làm cố vấn Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Ông Vĩnh Thuỵ đã mang ơn sâu nặng với Hồ Chí Minh, điều này thể hiện tấm lòng khoan dung độ lượng và sức cảm hoá của Người.

6. Tác phong sinh hoạt

Những tác phong sinh hoạt hàng ngày từ ăn, mặc, ở, quan hệ gia đình, bạn bè đồng chí, cho đến lúc nghỉ ngơi, giải trí v.v... ở Hồ Chí Minh là sự tổng hoà với sự nghiệp vĩ đại của Người.

Đã có rất nhiều mẩu chuyện nói về tác phong sinh hoạt của Người đi vào huyền thoại, không chỉ đối với những người được làm việc với Bác mà còn đối với nhân dân ta.

Những năm tháng ở chiến khu Việt Bắc, nơi ở của Người là một ngôi nhà sàn nhỏ bé, trên đường hành quân, di chuyển, có khi là hang đá hay là một mái lá đơn sơ. Từ cuối tháng 12/1954, Người về Thủ đô, sống và làm việc trong khu Phủ Chủ tịch ngày nay, nhưng từ chối không ở trong dinh Toàn quyền cũ. Người dành dinh thự đó làm nơi họp Hội đồng Chính phủ, bàn quốc kế dân sinh, nơi tiếp đại biểu các đoàn thể, các tầng lớp nhân dân, nơi nhận quốc thư và các vị đại sứ, các đoàn khách nước ngoài... Người chọn một ngôi nhà chật hẹp, một tầng của người thợ điện cũ trong khu Phủ Chủ tịch. Căn nhà tuy có ba phòng nhưng hẹp, tổng số diện tích chừng 30m². Căn phòng phía đông chỉ có một chiếc giường cá nhân bình thường như mọi người dân vẫn dùng, một tủ treo mấy bộ quần áo vải; phòng giữa là phòng ăn; phòng phía tây có một phòng làm việc, một tủ sách và hai cái ghế xalông để Người tiếp khách. Năm 1958, do ngôi nhà quá ẩm thấp, Người mới đồng ý cho làm một ngôi nhà sàn giản dị bằng gỗ. Khi có nhà sàn thì tầng dưới là nơi họp Bộ Chính trị và làm việc với cán bộ các ngành, còn phần "riêng tư" của Người là tầng trên có hai phòng với diện tích mỗi phòng chưa đầy 12m2. Trong phòng chỉ có những đồ vật thông thường. Người rất ghét thói xa hoa, lãng phí và càng xa lạ với thói thích phô trương, hình thức, vương giả vẫn thấy không ít ở những kẻ quyền cao chức trọng.

Bữa ăn hàng ngày của Người thường chỉ có ba đến bốn món: tương, cà, dưa, muối,... là những món quen thuộc với đồng bào ta. Người có thói quen ăn không để thừa, để tránh lãng phí. Nếu có người khác cùng ăn thì cùng chia sẻ ăn cho hết. Nếu biết ăn không hết thì san bớt từ trước để người khác có thể dùng hoặc để lại bữa sau. Ăn xong Người thường xếp gọn bát đũa để các đồng chí phục vụ thu xếp đỡ vất vả. Cái ăn là vậy, còn cái mặc của Người cũng rất giản dị, hài hoà. Khi ở Cao Bằng, Người mặc bộ đồ chàm như một ông Ké. Trong những năm kháng chiến, Người thường mặc như một lão nông. Khi đi ra mặt trận, Người mặc bộ quần áo lính. Khi về Hà Nội, Người vẫn thích bộ quần áo màu gụ, nhẹ nhàng, dân dã cùng với đó là đôi dép cao su quen thuộc.

Người luôn đặt cho mình một kỉ luật chặt chẽ, giữ nếp trật tự, ngăn nắp, gọn gàng trong sinh hoạt hàng ngày và rất chú ý rèn luyện sức khoẻ, sắp xếp thời gian thật khoa học, hợp lý để xử lý công việc đạt hiệu quả cao nhất.

Sau 14 tháng bị giam cầm, kìm kẹp trong nhà tù chính quyền Tưởng Giới Thạch, mắt Người bị mờ, chân Người bị yếu nhưng nhờ chăm chỉ luyện tập nên sức khoẻ đã hồi phục nhanh chóng để nhanh chóng trở về Tổ quốc. Hàng ngày, Người đều tập thể dục hay tập quyền thuật buổi sớm, đi bộ buổi chiều.

Ngoài ra, Người rất yêu thiên nhiên, hoà hợp, gắn liền thiên nhiên với cuộc chiến đấu giải phóng dân tộc và giải phóng con người. Hồ Chí Minh

tìm thấy sự thanh thản của tâm hồn trong những giờ phút căng thẳng. Dường như thiên nhiên chứng kiến thấy sự tận tuỵ với công việc của nhà lãnh đạo kháng chiến trong rừng sâu:

"Tiếng suối trong như tiếng hát xa.
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà"

IV. GIÁ TRỊ TRƯỜNG TỒN CỦA ĐẠO ĐỨC VÀ TÁC PHONG HỒ CHÍ MINH

Hồ Chủ tịch suốt đời tận tuỵ, hi sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, cho tự do và hạnh phúc của nhân dân, cho lí tưởng cộng sản chủ nghĩa. Phẩm chất và đạo đức đó còn mãi mãi là tấm gương sáng cho cán bộ và nhân dân ta soi chung.

Người đã vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta để định ra đường lối, chính sách đứng đắn của Đảng ta. Thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin điều tra nghiên cứu tình hình cụ thể, tổng kết và học tập kinh nghiệm đấu tranh giai cấp và kinh nghiệm sản xuất của quần chúng, cần cù, tận tuỵ, giản dị, khiêm tốn, trung thành tuyệt đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc và lí tưởng cộng sản chủ nghĩa, đó là những đức tính làm cho Hồ Chí Minh trở thành một lãnh tụ sáng suốt được nhân dân tin yêu và noi theo.

1. Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại

Bình sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh không thích hình thức, chống nói suông, và rất coi trọng việc làm thiết thực. Từ năm 1947, viết về tư cách người cách mạng ở trong trang đầu tác phẩm "Đường kách mệnh", Bác đã dặn chúng ta: "Nói thì phải làm". Thương yêu Người, tưởng nhớ Người, trung thành với Người là làm việc thiết thực cho nước, cho dân, suốt đời như vậy và trong từng ngày, từng giờ đều như vậy.

"Muôn vàn tình thân yêu" của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với chúng ta và của chúng ta với Người là tình cảm đối với tổ quốc Việt Nam, đối với lí tưởng xã hội chủ nghĩa, đối với sự nghiệp cách mạng, đối với đồng bào, đồng chí.

Người lãnh tụ của dân tộc Việt Nam và là một trong những lãnh tụ của phong trào hoà bình, dân chủ thế giới.

Căm thù thực dân Pháp, dân tộc Việt Nam biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh, người lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đến ngày Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, đến ngày thành lập nước Việt Nam dân chủ công hoà, ngày vẻ vang nhất của lịch sử Việt Nam. Biết ơn Người, dân tộc Việt Nam đã vượt qua bao gian khổ và đã đi đến giành thắng lợi đế quốc Mỹ.

Nhân dân ta tin tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh vì con đường của Người là con đường độc lập, tự do, hạnh phúc. Đó là con đường cách mạng chân chính,

con đường tất thắng, con đường vinh quang. Bởi vì Hồ Chí Minh là hiện thân của đạo đức vô song, là cây đại thọ trường tồn về tác phong hành động.

Suốt đời Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy chúng ta phải "trung với nước, hiếu với dân" và chúng ta còn phải học mãi câu nói ấy, và thế hệ mai sau cũng sẽ như vậy. Học ở Người là học phấn đấu chống giặc ngoại xâm, đồng thời cũng học phấn đấu chống giặc đói, chống giặc dốt, chống giặc yếu, phấn đấu để kháng chiến, phấn đấu để kiến quốc. Điều quan trọng không kém là phấn đấu chống con người cũ: chủ nghĩa vị kỉ, quan liêu, chậm linh hoạt, thiếu đạo đức,... Xây dựng con người mới theo gương Hồ Chí Minh. Người thường nói: không có cái gì dễ và cũng không có cái gì khó. Nghĩa là có dễ đi nữa thì cũng phải tích cực học tập, rèn luyện mới thành công, còn khó mấy mà quyết tâm phấn đấu, trau dồi có phương pháp, có kế hoạch thì sẽ thắng lợi.

Đây là bài học tinh thần, tinh thần chiến đấu quyết liệt, tinh thần cách mạng cao siêu của kẻ bị áp bức, bài học nghị lực, can đảm, quyết tâm trong mọi việc, mọi cảnh, bài học bền chí, nhẫn nại khắc khổ trong sinh hoạt hằng ngày để có được phẩm giá đạo đức và tác phong như Hồ Chí Minh. Toàn bộ cuộc đời của Người toát lên chủ nghĩa nhân văn cao đẹp, chủ nghĩa nhân văn cao cả.

Tác phẩm "Sửa đổi lề lối làm việc" (1947) của Người vẫn còn giá trị, mà ở đó Người đặt ra yêu cầu với Đảng ta, yêu cầu với tư cách cán bộ, đảng viên, các căn bệnh trong Đảng và cách sửa chữa. Tác phẩm này mang tính chất là tác phẩm lí luận chỉnh đốn Đảng. Đây là việc làm thường xuyên của Đảng ta hiện nay.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi vào cõi vĩnh hằng và để lại cho chúng ta bản "Di chúc" lịch sử thiêng liêng và bất hủ. Di chúc của Người là tài sản tinh thần vô giá, mãi mãi khắc sâu trong trong tâm khảm mỗi người dân Việt Nam, mỗi cán bộ, đảng viên và mãi mãi soi sáng con đường đi tới vinh quang và thắng lợi của dân tộc ta, Đảng ta thực hiện Di chúc của Người, sau đại thắng mùa xuân năm 1975, đặc biệt là 25 năm thực hiện đường lối đổi mới, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu to lớn trên con đường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trải qua năm kỳ Đại hội Đảng, kể từ Đại hội VII đến Đại hội XI, Đảng ta khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng, nhân dân ta. Mục tiêu tới năm 2020, nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Tuy rất ngắn gọn song nó chứa đựng biết bao giá trị tư tưởng và tình cảm, là sự kết tinh một đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh, đem lại những di sản bất hủ về đạo đức cách mạng và phong cách của Người cho nhiều thế hệ sau.

Ngày nay, toàn Đảng, toàn dân ta vững bước tiến vào kỉ nguyên mới, Đảng ta luôn kiên trì và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, những giá trị tư tưởng, đạo đức và tác phong của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm giải quyết những đòi hỏi mà thực tiễn cách mạng nước ta đặt ra.

2. Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại

Có thể nói trong tầm nhìn của nhân loại tiến bộ, tư tưởng, tấm gương đạo đức và tác phong Hồ Chí Minh để lại những dấu ấn không thể phai mờ. Ngược dòng thời gian đến năm 1988, đó là lúc các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đang rạn nứt và sụp đổ. Năm đó, Đại hội đồng UNESCO họp để xét tặng các danh nhân thế giới tròn 100 tuổi để tổ chức kỉ niệm. Hồ Chí Minh đã được phong tặng danh hiệu "Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất". Năm 1990, sau khi các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, Liên bang cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô Viết đang đứng trên bờ vực thẳm, UNESCO đã tổ chức kỉ niệm trọng thể lần thứ 100 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, "một vĩ nhân đã để lại dấu ấn trong quá trình phát triển của nhân loại".

Nhân loại cũng đang nói nhiều một "ngôi sao bắc đẩu", một "ngọn hải đăng", một "nguồn chiếu sáng"... Đó chính là Hồ Chí Minh. Điều cần đến và dễ hiểu, như bà Mácxêla Lômbácđô, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu triết học chính trị và xã hội Mexico đã nhận định: "Rõ ràng là những sự kiện bây giờ cho thấy thế giới đang chuẩn bị cho thiên niên kỉ thứ ba, mà sự đối đầu không phải là vũ khí quân sự nữa, mà bằng sức mạnh tư tưởng...". Cũng rõ ràng là con người tiến bộ vẫn tiếp tục khám phá và tìm về Hồ Chí Minh như tìm về "lí do để sống", một cuộc sống "đi tới tương lai của vũ trụ và thế giới: tìm về Hồ Chí Minh là tìm về lòng tốt của con người, tình bạn, lòng nhân ái, một con người không nghĩ đến mình, giản dị, khiêm tốn, không tự giam mình trong tháp ngà, một con người của quần chúng..."[1].

Trong cơn khủng hoảng về sự tiến bộ tinh thần, về các giá trị đạo đức, nhân loại tự hào có Hồ Chí Minh và hướng về Người. Trong khi trăn trở về một thế giới đang đứng trước thảm hoạ tha hoá về vật chất, con người đang bị xô đẩy và đòi hỏi cuộc sống tiện nghi tối đa xa dần cuộc sống thiên nhiên, xa cuộc sống giữa người với người, sống không có đạo lí, tức là một thế giới trong đó - như nhà sử học Mỹ, bà Ghitenson đã nói một số đông người đã tha hoá chạy theo cuộc sống hưởng thụ vật chất, bất chấp cả nhân phẩm đạo đức, coi sự hưởng thụ là mục đích của cuộc sống, nhân loại lại tìm về tấm gương sáng chói nhân cách của Hồ Chí Minh, một tấm gương cho mọi thế hệ tiếp sau"[2].

Khó có thể nói hết những lời ngợi ca của nhân loại về tư tưởng, đạo đức và tác phong của Hồ Chí Minh, bởi vì "Người là một con người kì diệu cho tất cả mọi thời đại". Với giá trị đạo đức và tác phong Hồ Chí Minh, không chỉ dân tộc Việt Nam mà còn cả thế giới hiện nay và tương lai, nhân loại sẽ vẫn coi đạo đức và tác phong Hồ Chí Minh là bài học kinh nghiệm, là vũ khí tinh thần phục vụ sự tiến bộ, hạnh phúc của con người trong một thế giới văn minh.

* *
*

(1) *Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại,* Nxb. Lao Động - Nxb. QĐND, HN, 1993, tr.103, 111

(2) Gi. Xtenxown: *Hồ Chí Minh là nhân cách thời đại,* Nguyệt san báo Tiền phong, số 5-94, tr.23

Lãnh tụ Cu Ba, Phi-đen-Cát-xtơ-rô đánh giá rằng: "đồng chí Hồ Chí Minh thuộc lớp người đặc biệt mà cái chết là mầm mống của sự sống và là nguồn cổ vũ đời đời bất diệt..."[1]. Thật vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh không còn nữa nhưng tư tưởng, đạo đức và sự nghiệp của người thì còn mãi với thời gian, còn mãi với dân tộc Việt Nam và nhân loại tiến bộ trên thế giới.

Ở Hồ Chí Minh, đạo đức đã đạt tới một sự thống nhất chặt chẽ giữa nói và làm, giữa đời công và đời tư, giữa đạo đức cách mạng và đạo đức đời thường. Do đó, Người đã trở thành "tinh hoa và khí phách, lương tâm và vinh dự", thành biểu tượng của đạo đức và văn minh, không phải chỉ của Đảng ta, dân tộc ta, mà còn là biểu tượng của đạo đức - văn minh nhân loại. Đúng như bạn bè quốc tế đã đánh giá: "Giữa lúc vàng thau lẫn lộn, đồng chí Hồ Chí Minh trở thành trung tâm và tượng trưng cho cuộc xung đột lớn lao đang diễn ra giữa cái cũ và cái mới, giữa chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa xã hội. Sở dĩ bản anh hùng ca Việt Nam thu hút được lòng yêu mến của hàng trăm triệu người trên thế giới, chính là vì nó được tiêu biểu bởi nhân vật phi thường đó". Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đã làm trong sáng thêm lương tâm của dân tộc và của loài người.

Đối với dân tộc ta, tư tưởng đạo đức của Người có ý nghĩa thật to lớn, đó là sự kết tinh của tinh hoa đạo đức dân tộc. Đặc biệt trong thời gian hiện nay khi Bộ Chính trị và toàn Đảng phát động cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" thì việc tìm hiểu và làm theo tư tưởng, đạo đức của Người là trở về với truyền thống văn hoá quý báu của dân tộc, trở về với những giá trị tinh thần tốt đẹp...

Hồ Chí Minh là người sống trước sau như một, nhằm những mục tiêu cao cả được xác định từ lúc bắt đầu và từng bước để thực hiện. Cuộc sống hàng ngày của Hồ Chí Minh là công việc, là làm việc, là đấu tranh, là con người Hồ Chí Minh hầu như không có ngày nghỉ và ngày nào cũng như ngày nào, bao giờ cũng có chương trình làm việc với những giờ giấc nghiêm ngặt, mà Hồ Chí Minh là người gương mẫu trong việc tuân thủ kỉ luật sinh hoạt đó. Hồ Chí Minh là con người của lí tưởng và lí tưởng thể hiện trong một con người. Đây là con người lịch sử và làm ra lịch sử.

Nghiên cứu cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh, hẳn ai cũng không khỏi xúc động và kính phục về một con người vừa giản dị vừa vĩ đại, mà lại là người cộng sản vĩ đại. Phẩm chất đạo đức cách mạng và tác phong của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn có sức sống đối với nhân dân ta.

Chủ tịch Phi-đen Cát-xtơ-rô đã viết: "Cuộc đời của Hồ Chủ tịch là một tấm gương sáng ngời của những đức tính và đạo lí làm người cao cả".

Hồ Chí Minh là một con người như vậy.

---

(1) *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chí Minh*, Nxb. Sự Thật, HN, 1970, tập 1, tr.27

Bản sao lưu trữ

Phần thứ tư.

QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Bản sao lưu trữ

Bản sao lưu trữ

CHƯƠNG I.
QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH QUA CÁC GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ

Cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh là di sản vô giá, là niềm tự hào vô hạn của Đảng và dân tộc ta, của thế hệ hôm nay và thế hệ mai sau.

Tư tưởng Hồ Chí Minh chứa đựng những chân lý bền vững, đã được thực tiễn cách mạng Việt Nam, trước kia cũng như hiện nay kiểm nghiệm và xác nhận. Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ có ý nghĩa trong đấu tranh giải phóng dân tộc mà còn có giá trị bền vững, lâu dài đối với sự phát triển của đất nước trong tương lai, đặc biệt là trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

Công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo được chính thức tiến hành từ Đại hội VI (1986), đến nay đã thu được nhiều thắng lợi. Đánh giá kết quả 20 năm đổi mới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng nêu rõ: "Hai mươi năm qua, với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử". Từ đó, Đảng rút ra bài học của 20 năm đổi mới trong đó, bài học đầu tiên là: "Trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đổi mới không phải từ bỏ mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà là làm cho chủ nghĩa xã hội được nhận thức đúng đắn hơn và được xây dựng có hiệu quả hơn. Đổi mới không phải xa rời mà là nhận thức đúng, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy đó làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng"[1]

Đến Đại hội XI của Đảng, đánh giá những thành tựu, kinh nghiệm của 25 năm đổi mới đã tạo cho đất nước thế và lực, sức mạnh tổng hợp lớn hơn nhiều so với trước. Qua 25 năm thực hiện đổi mới, Đảng ta rút ra 5 bài học kinh nghiệm, trong đó bài học đầu tiên là: *"Trong bất kỳ điều kiện và tình huống nào cũng phải kiên trì thực hiện đường lối và mục tiêu đổi mới.* Trong quá trình đổi mới, phải giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đổi mới toàn diện, đồng bộ với bước đi thích hợp. Tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế phải gắn với xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, giữ vững truyền thống và bản sắc văn hoá. Mở rộng, phát huy dân chủ phải gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương."

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. CTQG, HN, 2006, tr.70

Nhìn về lịch sử chúng ta thấy rằng đây là lần đầu tiên Đảng ta tiến hành công cuộc đổi mới một cách quy mô, toàn diện và sâu sắc. Trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đây cũng là một việc làm chưa có trong tiền lệ lịch sử. Trước khủng hoảng sâu sắc của chủ nghĩa xã hội, mỗi đảng cách mạng đều tự mình tìm lấy con đường thoát ra khỏi khủng hoảng. Đường lối chung đều là vận dụng sáng tạo lý luận Mác - Lênin và hoàn cảnh đặc thù của đất nước mình và mỗi đảng đều thu được những thành quả nhất định. Riêng Đảng ta, nhờ có tư tưởng Hồ Chí Minh *(sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điệu kiện cụ thể của Việt Nam)* dẫn đường đã có những bước đi vững chắc.

Từ đó, thiết nghĩ việc làm rõ vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng sự nghiệp đổi mới đất nước, có ý nghĩa rất quan trọng và cần thiết. Qua đó, góp phần tìm hiểu rõ hơn về những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh, phát triển và vận dụng sáng tạo vào cộng cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

Nhận thức là một quá trình từ đơn giản đến phức tạp, từ chưa đầy đủ đến toàn diện, và có khi không theo một con đường thẳng tắp. Nhận thức về tư tưởng Hồ Chí Minh và những cống hiến của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam cũng như đối với sự phát triển văn minh tiến bộ của nhân loại cũng như vậy. Có thể nêu lên một số mốc lớn ghi nhận về quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về tư tưởng Hồ Chí Minh từ khi Đảng ta ra đời đến nay như sau:

I. NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRƯỚC THỜI KỲ ĐỔI MỚI (TRƯỚC 1986)

Đầu năm 1930, tại Hương Cảng, với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng Đông Dương, Hồ Chí Minh đã chủ trì Hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Các văn kiện của Hội nghị đều do Hồ Chí Minh soạn thảo và đã được Hội nghị thông qua *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt* của Đảng. Tuy tất cả các văn kiện đó đều mới chỉ ở dạng vắn tắt, nhưng đã hội đủ những yếu tố cần thiết mang tính chất cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, vì các văn kiện đó đã chỉ ra mục tiêu, con đường, động lực, lực lượng, phương pháp cách mạng, chỉ rõ nét cơ bản về một xã hội mới sau khi Đảng lãnh đạo cách mạng thành công, đập tan bộ máy chính quyền thực dân phong kiến để lập chính quyền cách mạng. Những quan điểm đúng đắn của Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam đã được khẳng định trong Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng nhưng rất tiếc sau đó, do nhiều nguyên nhân, đã bị Quốc tế cộng sản và một số đồng chí trong Đảng ta hiểu lầm. Dần dần, qua chuyển biến tiến bộ của tình hình quốc tế và trong nước, nhất là do tác động tích cực, thuận lợi từ đường lối đúng đắn của đại hội VII Quốc tế Cộng sản năm 1935 với việc tập hợp, đoàn kết tất cả các lực lượng trên toàn thế giới chống chiến tranh phát xít, đòi tự do, dân chủ, đồng thời do ở trong nước Đảng ta đã chuyển hướng chiến lược với đường lối của các Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 (tháng 10/1939); lần thứ 7 (10/1940); đặc biệt là Hội nghị Trung ương 8 (5/1941) do Hồ Chí Minh chủ trì, thì những quan điểm của Hồ Chí

Minh về cách mạng Việt Nam đã được khẳng định lại. Kiên trì những quan điểm của mình về cách mạng Việt Nam, khi về nước tháng Giêng năm 1941, Hồ Chí Minh đã cùng Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, thực thi những quan điểm đã nêu lên trong cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Đầu năm 1942, do chuyển biến của tình hình, một nhiệm vụ bức thiết đặt ra cho cách mạng Việt Nam là phải thực hiện sự liên minh quốc tế; trước mắt, phải phối hợp hành động của phong trào Việt Minh với phong trào chống Nhật của nhân dân Trung Quốc và các lực lượng đồng minh chống phát xít trên chiến trường Thái Bình Dương. Nguyễn Ái Quốc quyết định lên đường sang Trung Quốc. Để đánh lạc hướng bọn mật thám, Nguyễn Ái Quốc lấy tên mới là Hồ Chí Minh, ngày 13/8/1942, lên đường sang Trung Quốc với tư cách là đại biểu của phong trào Việt Minh và đại diện của Phân hội Việt Nam thuộc hội quốc tế chống xâm lược. Với kết quả là đã dẫn đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và sự ra đời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, tiến hành sự nghiệp vừa kháng chiến vừa kiến quốc thành công.

Trong diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng do đồng chí Tôn Đức Thắng đọc, ngày 11/2/1951, có đoạn: "Đường lối chính trị nề nếp làm việc và đạo đức cách mạng của Đảng ta hiện nay là đường lối, tác phong và đạo đức Hồ Chủ tịch...". "Toàn Đảng hãy ra sức học tập đường lối chính trị, tác phong và đạo đức cách mạng Hồ Chủ tịch; sự học tập ấy là điều kiện tiên quyết làm cho Đảng mạnh và làm cho cách mạng đi đến thắng lợi hoàn toàn"(1).

Mặc dù Đại hội II chưa đặt tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và chưa nêu cụm từ "Tư tưởng Hồ Chí Minh", nhưng Đại hội đánh giá cao vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Đảng ta xác định: cùng với việc học tập "tác phong", "đạo đức", còn phải học tập "đường lối chính trị" của Chủ tịch Hồ Chí Minh nữa (thực chất thì "đường lối chính trị" của Chủ tịch Hồ Chí Minh được Đại hội II đề cập chính là quan điểm, tư tưởng của Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam).

Đến Đại hội III (1960), Đảng ta đã tiếp tục nhận thức về tư tưởng Hồ Chí Minh và phát triển tư tưởng này. "Đồng chí Hồ Chí Minh là người cộng sản đầu tiên ở nước ta, là người sáng lập, rèn luyện Đảng ta. Gần 50 năm qua, đồng chí Hồ Chí Minh đã đem hết tinh thần và nghị lực cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân ta. Đồng chí đã nêu gương chói lọi về sự trung thành vô hạn đối với lợi ích của giai cấp và dân tộc, đã phát huy cao độ đạo đức cộng sản chủ nghĩa: cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Đảng và nhân dân ta vô cùng tự hào về vị lãnh tụ của mình. Thay mặt toàn Đảng, toàn dân, Đại hội đại biểu toàn quốc đã tỏ lòng tin tưởng và biết ơn sâu sắc đồng chí Hồ Chí Minh và kêu gọi tất cả cán bộ, đảng viên dốc lòng học tập gương sáng của đồng chí. Tiếp tục phấn đấu không mệt mỏi cho học tập, thống nhất của Tổ quốc, tự do, hạnh phúc của nhân dân".

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng: Toàn tập,* Nxb. CTQG, HN, 2001, tập 12, tr.9

Với luận điểm này, chúng ta thấy rằng Đảng chưa tách ra đâu là nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh, nhưng Đại hội đã chỉ ra cách học tập tư tưởng của Người, đó là những tư tưởng về đường lối chính trị, đạo đức, phong cách đã được Đảng ta đề cập đến. Hồ Chí Minh thực sự là tấm gương để Đảng và toàn thể dân tộc ta noi theo.

Hồ Chí Minh qua đời ngày 02 tháng 09 năm 1969, thế giới tỏ lòng thương tiếc, đánh giá cao cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại. Trong Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam do Bí thư thứ Nhất Lê Duẩn đọc tại buổi lễ truy điệu trọng thể Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Quảng trường Ba Đình (Hà Nội) sáng ngày 09 tháng 09 năm 1969 có đoạn viết: "Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra HỒ CHỦ TỊCH, *người Anh hùng dân tộc vĩ đại*, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân tạ và non sông đất nước ta"(1).

"Vĩnh biệt Người, chúng ta thề suốt đời học tập đạo đức, tác phong của Người, bồi dưỡng phẩm chất cách mạng, không ngại gian khổ, không sợ hi sinh rèn luyện mình thành những người chiến sĩ trung thành với Đảng, với nhân dân, xứng đáng là đồng chí, là học trò của Hồ Chủ tịch. Noi gương Người, toàn thể nhân dân ta, thanh niên ta nguyện ra sức trau dồi mình thành những con người mới làm chủ đất nước, làm chủ xã hội mới, mang lá cờ bách chiến, bách thắng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến đích cuối cùng".

Như vậy, lần đầu tiên trong một Văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta, chúng ta thấy Trung ương Đảng ta đánh giá Chủ tịch Hồ Chí Minh là "Anh hùng dân tộc vĩ đại". Đây là sự tôn vinh rất có ý nghĩa của Trung ương Đảng khi đánh giá về cuộc đời, sự nghiệp của lãnh tụ Hồ Chí Minh.

Năm 1970, Đảng ta phát động cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp lớp đảng viên Hồ Chí Minh (19/5/1970 - 19/5/1972) trong đó, Nghị quyết số: 195 của Bộ Chính trị khẳng định: "Tất cả các đảng viên phải tham gia lớp nghiên cứu các tác phẩm của Hồ Chủ tịch. Công tác giáo dục ở trường Đảng các cấp và các lớp lý luận và chính trị phải được cải tiến theo phương châm kết hợp lý luận với thực tiễn, kết hợp nâng cao nhận thức chính trị với trau dồi tư tưởng đạo đức cách mạng".

Có thể nói, lần đầu tiên Nghị quyết đặt vấn đề phải học tập các tác phẩm của Hồ Chí Minh trong các trường Đảng và đảng viên của Đảng. Phải vận dụng phương pháp luận Hồ Chí Minh - kết hợp lý luận và thực tiễn, trau dồi phẩm chất cách mạng và đạo đức cách mạng. Và thực hiện Nghị quyết của Bộ chính trị, chúng ta đã mở được nhiều lớp tuyên truyền, huấn luyện đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh và kết nạp nhiều lớp đảng viên Hồ Chí Minh.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng diễn ra vào tháng 12/1976, sau khi cuộc kháng chiến chống xâm lược Mỹ kết thúc thắng lợi,

---

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb. CTQG, HN, 2002, tập 12, tr.516

đất nước được thống nhất. Đại hội IV đã đặt vấn đề là chúng ta phải thấm nhuần tư tưởng vĩ đại của Hồ Chủ tịch. Tư tưởng đó là: "Muốn cứu nước, giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản" và "chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên toàn thế giới khỏi ách nô lệ".

Đại hội IV đã xác định tư tưởng cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, giải phóng dân tộc bằng con đường cách mạng vô sản.

Khi tổng kết lại giai đoạn chống Mỹ, cứu nước, trong Văn kiện có đoạn: "Thắng lợi to lớn của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước cũng như những trang sử chói lọi của cách mạng Việt Nam ngót nửa thế kỷ nay mãi mãi gắn liền với tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, người khai sinh nền Cộng hoà Dân chủ Việt Nam, người vun trồng khối đại đoàn kết dân tộc và xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, vị lãnh tụ thiên tài của giai cấp công nhân và nhân dân ta, người anh hùng dân tộc vĩ đại, người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế"[1].

Như vậy, cũng là đánh giá Hồ Chí Minh là "Anh hùng dân tộc vĩ đại", nhưng năm 1969 sự đánh giá như vậy là ở tầm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, còn lần này, cuối năm 1976, sự đánh giá về Hồ Chí Minh là ở tầm Đại hội Đảng - cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng như tất cả Điều lệ Đảng được các Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng nhất quán thông qua ghi rõ.

Cũng tại Đại hội lần thứ IV, Đảng ta còn nêu rõ: Đảng phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin; kế thừa những giá trị về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các vị cách mạng khác.

Đến đây, chúng ta thấy rằng, bắt đầu từ Đại hội lần thứ IV này, lần đầu tiên trong Văn kiện một Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, Đảng ta đã ghi rõ cụm từ "tư tưởng Hồ Chí Minh", tuy rằng cụm từ này được đặt trong tổng thể luận đề những giá trị về tư tưởng và lý luận cách mạng của Hồ Chí Minh và các vị cách mạng khác.

Tại Đại hội V (1982), trong Báo cáo Xây dựng Đảng, Đảng ta đã viết: "Đảng phải đặc biệt coi trọng việc tổ chức học tập một cách có hệ thống tư tưởng đạo đức, tác phong của Hồ Chí Minh trong toàn Đảng". Qua luận điểm này, chúng ta thấy lần đầu tiên Đảng ta chính thức nêu lên khái niệm, hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh. Đây là sự kế thừa và phát triển quan điểm của Đảng ta trước đó về việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây cũng là Văn kiện của Đảng sớm nhất đề cập đến việc tổ chức học tập một cách hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nhìn tổng quan từ Đại hội II đến Đại hội V của Đảng Cộng sản Việt Nam, chúng ta có nhận xét rằng: Đảng ta chưa trực tiếp đề cập, nghiên

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng: Toàn tập,* Nxb. CTQG, HN, 2004, tập 37, tr.474

cứu, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh một cách rộng rãi và có hệ thống, nhưng Đảng ta đã nhấn mạnh đến việc học tập, học hỏi Chủ tịch Hồ Chí Minh về những vấn đề về tư tưởng, về đạo đức cách mạng, tác phong, đường lối chính trị, học tập một tấm gương tận trung với nước, tận hiếu với dân, một tấm gương kết hợp lý luận với thực tiễn. Từ đó, Đảng ta khẳng định mọi đảng viên phải ra sức học tập và tham gia các lớp nghiên cứu các tác phẩm Hồ Chí Minh; phải cải tiến công tác giáo dục lý luận chính trị ở các trường Đảng, thực hiện nguyên tắc, phương châm theo quan điểm Hồ Chí Minh.

Những nhận thức trên đây của Đảng có ý nghĩa là những sự tìm tòi, là những tiền đề để Đảng ta phát triển trong các đại hội tiếp theo.

II. NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TỪ THỜI KỲ ĐỔI MỚI 1986 ĐẾN NAY.

Đại hội VI của Đảng họp tháng 12/1986 chính thức bắt đầu một quá trình đổi mới toàn diện đất nước vì mục tiêu chủ nghĩa xã hội. Đại hội nhấn mạnh rằng: "Muốn đổi mới tư duy, Đảng ta phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh"[1].

Điều đó khẳng định giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh là di sản, nền tảng tư tưởng, là kim chỉ nam cho hành động được bắt nguồn từ Đại hội VI. Đối với mỗi đảng viên, Đại hội xác định: Mỗi người cộng sản chúng ta cần suốt đời học tập, noi gương đạo đức, tác phong của Bác Hồ, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, ghi nhớ và làm theo lời dạy của Người, nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân. Xứng đáng là người lãnh đạo và là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

Đến Nghị quyết Hội nghị Trung ương V (Khoá VI) bàn về một số vấn đề cấp bách trong công tác xây dựng Đảng, Đảng ta chỉ rõ tầm quan trọng của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong Văn kiện Hội nghị Trung ương V (khoá VI) ghi: "Trong công tác nghiên cứu, nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận của đồng chí Hồ Chí Minh vĩ đại". Đồng thời, Nghị quyết Trung ương V đòi hỏi phải đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị, tư tưởng cả về nội dung, hình thức tổ chức và phương pháp, con người, phương tiện và Nghị quyết Trung ương V còn nêu thành khẩu hiệu cách mạng hết sức cô đọng, có sức thuyết phục và lâu dài là: "Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại!".

Cái mới ở đây là nói rõ tư tưởng Hồ Chí Minh là di sản quý báu cả về lý luận và thực tiễn. Đảng yêu cầu phải học tập và làm theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại. Điều đó đánh dấu bước phát triển trong tư duy lý luận của Đảng ta, đặt nền móng cho sau này các đại hội Đảng tiếp theo phát triển. Những

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự Thật, HN, 1987, tr.125, 138

bước đường của cách mạng Việt Nam luôn luôn có sự chỉ dẫn từ những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đến thời điểm diễn ra Đại hội lần thứ VII của Đảng (6/1991)

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã qua đời 22 năm và sự nghiệp đổi mới toàn diện trên đất nước ta đang diễn ra. Thực tế của sự nghiệp cách mạng nước ta nói chung và của những năm đổi mới nói riêng đã chứng tỏ rằng, không những chủ nghĩa Mác - Lênin, mà cả tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành yếu tố chỉ đạo, làm nên thắng lợi cho nhân dân Việt Nam. Chính vì thế, Đại hội lần thứ VII của Đảng đã khẳng định: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, làm kim chỉ nam cho hành động"(1). Đại hội lần thứ VII nêu rõ: "tư tưởng Hồ Chí Minh chính là kết quả sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của nước ta và trong thực tế tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành một tài sản tinh thần quý báu của Đảng và của cả dân tộc"(2).

Trong khi khẳng định và nêu cao tư tưởng Hồ Chí Minh, Đại hội còn cho rằng: "Chủ tịch Hồ Chí Minh... là tiêu biểu sáng ngời cho sự kết hợp giai cấp và dân tộc, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với mỗi người Việt Nam là vô cùng gần gũi, gắn liền với tình cảm yêu thương vô hạn của nhân dân đối với Bác, bởi công lao to lớn và đạo đức cách mạng trong sáng của Người. Vì vậy, nói tư tưởng Hồ Chí Minh là phù hợp với thực tế cách mạng nước ta, phù hợp với tình cảm, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân ta". Đại hội xác định: "Điều kiện cốt yếu để công cuộc đổi mới giữ được định hướng xã hội chủ nghĩa và đi đến thành công là trong quá trình đổi mới Đảng phải kiên trì và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ vai trò lãnh đạo xã hội". Đại hội nêu lên yêu cầu: "Trong những năm tới, nhiệm vụ chủ yếu của các ngành khoa học xã hội là vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của nước ta và tiếp thu có chọn lọc những thành tựu khoa học của thế giới".

Đại hội VII, Đảng đã nêu cao vị thế của tư tưởng Hồ Chí Minh ngang với giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin, khẳng định giá trị không chỉ là sự vận dụng mà còn là bước sáng tạo so với chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Đồng thời khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh là di sản tư tưởng quý báu của Đảng và của dân tộc.

Có thể nói, Đại hội VII có ý nghĩa như là một cái mốc, đặt nền tảng cho sự ra đời của khoa học tư tưởng Hồ Chí Minh.

Việc khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, làm kim chỉ nam cho hành động của Đảng cũng được ghi

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự Thật, HN, 1991, tr.127

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự Thật, HN, 1991, tr.128

nhận trong 2 văn kiện nữa rất quan trọng của Đảng và Nhà nước ta, đó là: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội được Đại hội VII của Đảng năm 1991 thông qua và trong Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được Quốc hội thông qua năm 1992.

Từ khi Đại hội lần thứ VII của Đảng (1991) khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng thì công tác nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh được đẩy mạnh hơn. Trong các khóa VII, VIII, IX, nhiều hội nghị Trung ương Đảng cũng như nhiều hội nghị của Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị đề cập việc đẩy mạnh nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiêu biểu là Nghị quyết số 01/NQTW năm 1992 của Bộ Chính trị về "công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay" trong đó yêu cầu nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nghị quyết có đoạn viết: "Cần nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Phải đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành hệ thống tư tưởng chủ đạo trong hệ thống tinh thần xã hội ta"[1].

Nghị quyết số 09/NQTW, tháng 2/1995 của Bộ Chính trị về "Một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay", nhấn mạnh: "Khi các thế lực thù địch ra sức tấn công nền tảng tư tưởng của Đảng nhằm đẩy chúng ta đi chệch hướng thì đấu tranh để bảo vệ, phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh càng là vấn đề quan trọng trở thành nhiệm vụ hàng đầu trong công tác chính trị, tư tưởng và lý luận của toàn Đảng, toàn dân ta". Nghị quyết còn nêu rõ: "chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là học thuyết cách mạng và khoa học, là vũ khí tinh thần của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc". Nghị quyết khẳng định: "Chủ tịch Hồ Chí Minh không những vận dụng một cách sáng tạo mà còn góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên nhiều vấn đề quan trọng, đặc biệt là về cách mạng giải phóng dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội ở các nước thuộc địa hoặc phụ thuộc. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã và đang soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi. Trở thành giá trị bền vững không chỉ của dân tộc mà còn toả sáng đến thời đại"[2].

Do đó, Nghị quyết khẳng định: cần phải bảo vệ, phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là công tác quan trọng hàng đầu của công tác tư tưởng và lý luận của toàn Đảng, toàn dân.

---

(1) Ban Tư tưởng văn hoá Trung ương: *Một số văn kiện của Đảng về Công tác tư tưởng, văn hoá (1986 – 2000)*, Nxb. CTQG, HN, 2000, tr.187

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết số 09/NQTW của Bộ Chính trị về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng, chính trị hiện nay.*

Đến Đại hội VIII (1996) của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng đã rút ra những bài học kinh nghiệm trong công cuộc đổi mới sau 10 năm trong đó khẳng định bài học về tư tưởng Hồ Chí Minh: "Giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới; nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh". Ngoài ra, Đại hội còn đề cập đến vấn đề xác định định hướng giáo dục đào tạo nhấn mạnh nhiệm vụ tăng cường giáo dục công dân, giáo dục lòng yêu nước chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Khẳng định lại nhiều vấn đề tư tưởng Hồ Chí Minh đã được nêu ở các đại hội và các nghị quyết trước đây. Thường xuyên bồi dưỡng cán bộ, đảng viên về những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Coi việc học tập là nghĩa vụ và bắt buộc đối với mọi cán bộ. Coi trọng bồi dưỡng lý tưởng cách mạng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong thế hệ trẻ.

Đến Nghị quyết Trung ương 2 (1996) về định hướng chiến lược phát triển giáo dục đào tạo trong thời kỳ CNH, HĐH đã quyết định: đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào giảng dạy trong hệ thống nhà trường như một môn học. Tăng cường giáo dục công dân, giáo dục đạo đức, tư tưởng, lòng yêu nước chủ nghĩa Mác – Lênin, đưa việc giảng dạy trong nhà trường phù hợp với từng lứa tuổi và từng bậc học.

Đến Đại hội IX (4/2001), đã đánh dấu bước phát triển nhận thức trong tư duy lý luận của Đảng ta về tư tưởng Hồ Chí Minh. Đảng ta đã nêu khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh một cách đầy đủ hơn Đại hội VII: "Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân; về phát triển kinh tế, văn hoá, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau, về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân...

Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta. Khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chi nam cho hành động là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta..."[1].

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. CTQG, HN, 2001, tr.83-84

Như vậy, quan điểm nhất quán của Đảng ta về tư tưởng Hồ Chí Minh đến Đại hội IX đã có bước phát triển đặc biệt quan trọng. Đại hội đã nêu rõ những nội dung các luận điểm của tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 9 vấn đề cơ bản và rất cụ thể. Đại hội đã khẳng định lại một lần nữa việc lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, làm kim chỉ nam cho hành động của Đảng; chỉ rõ nguồn gốc ra đời của tư tưởng Hồ Chí Minh...

Đến Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX) nêu rõ: Đảng ta nhận thức đầy đủ hơn nội dung, giá trị và tầm vóc tư tưởng Hồ Chí Minh, khẳng định nền tảng tư tưởng của Đảng.

Nhân dịp 35 năm thực hiện Di chúc Hồ Chí Minh, một lần nữa Đảng tại lại đánh giá cao về vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng nước ta. 35 năm qua, kể từ ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của Đảng và dân tộc ta, đi vào cõi vĩnh hằng và để lại cho chúng ta bản Di chúc lịch sử, thiêng liêng và bất hủ. Thực hiện Di chúc của Hồ Chí Minh, đinh ninh 5 lời thề mà đồng chí Bí thư thứ Nhất Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam - Lê Duẩn thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta đọc tuyên thệ trước anh linh của Người, 35 năm qua, nhân dân Việt Nam anh hùng, dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, đã đoàn kết một lòng, đem hết tinh thần và nghị lực, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, gian khổ và hi sinh, phấn đấu không mệt mỏi để biến thành hiện thực những lời Bác căn dặn, nhờ đó, đã giành được những thắng lợi vang dội làm rạng rỡ non sông đất nước ta.

Trải qua 6 kỳ Đại hội Đảng, từ Đại hội VI đến đại hội IX, Đảng ta ngày càng xác định rõ hơn những quan niệm về chủ nghĩa xã hội và về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đại hội IX của Đảng đã nêu cao chủ đề: "Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa".

Đổi mới là con đường vẻ vang, cũng là con đường đầy gian nan thử thách, đòi hỏi phải có ý chí, quyết tâm lớn và trí tuệ cao. Bên cạnh những kết quả lớn, chúng ta còn có những yếu kém nhất định cả trong lĩnh vực kinh tế và công tác xây dựng Đảng. Chúng ta còn chưa làm được hoặc chưa làm đầy đủ nhiều điều Hồ Chí Minh căn dặn. Chúng ta phải phấn đấu hơn nữa để đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, như mục tiêu mà Đại hội X của Đảng đã xác định, xây dựng Việt Nam trở thành một nước: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, như ước nguyện mà Di chúc Hồ Chí Minh đã nêu.

Chỉ thị số 23 CT/TW ngày 27/3/2003 của Ban Bí thư "Về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay". Chỉ thị nêu rõ: ...Việc tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh còn một số hạn chế và yếu kém. Nội dung giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh chưa thống nhất và chưa đạt được chiều sâu tư tưởng, lý luận. Chậm đưa tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành môn học trong các trường đại học và cao đẳng, các trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và chưa có chương

trình thích hợp cho các trường phổ thông. Nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh thiếu sinh động; như chưa giúp cán bộ, đảng viên gắn việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh với việc giải quyết những vấn đề thực tiễn, chưa tạo được phong trào học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh sâu rộng trong Đảng và trong nhân dân. Việc đấu tranh và bảo vệ tư tưởng Hồ Chí Minh chưa chủ động kịp thời và sắc bén".

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong thời kỳ phát triển mới, bản Chỉ thị nhấn mạnh: "Cần thấm nhuần sâu sắc vận dụng sáng tạo những nguyên lý và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết những vấn đề thực tiễn trong tất cả các lĩnh vực kinh tế - chính trị - xã hội, an ninh quốc phòng, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong đó có việc tổ chức học tập tư tưởng Hồ Chí Minh là một nhiệm vụ mấu chốt của công tác tư tưởng của Đảng, cần được toàn Đảng thực hiện chặt chẽ, chất lượng, hiệu quả".

Trên cơ sở đó, chỉ thị đã đề ra mục đích, yêu cầu, đối tượng, nội dung, nhiệm vụ... của công tác tuyên truyền giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh một cách toàn diện sâu sắc và hệ thống.

Với sự cống hiến nổi bật của Hồ Chí Minh đối với sự phát triển của đất nước ta và đối với sự phát triển văn minh, tiến bộ của nhân loại, Việt Nam - một quốc gia thành viên đã gửi hồ sơ tới tổ chức Văn hoá, Giáo dục và Khoa học của Liên hiệp quốc (UNESCO) để tổ chức này xét công nhận Hồ Chí Minh là một danh nhân văn hoá. Trong phiên họp toàn thể lần thứ 24 tại Pari (Thủ đô nước Cộng hoà Pháp) từ ngày 20/10 đến ngày 20/11/1987, UNESCO đã có một chương trình nghị sự thảo luận, xem xét và cuối cùng đã thông qua Nghị quyết về kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Hồ Chí Minh, Nghị quyết có đoạn viết:

"Xét thấy việc tổ chức kỷ niệm trên quy mô quốc tế những nhà trí thức lỗi lạc và danh nhân văn hoá là góp phần vào việc thực hiện những mục tiêu của UNESCO và vào sự hiểu biết trên thế giới."

Nhắc lại Quyết định số: 18C- 4351 về việc tổ chức kỷ niệm những vĩ nhân và những sự kiện đã để lại dấu ấn trong quá trình phát triển của nhân loại.

Ghi nhận rằng, năm 1990 sẽ được đánh dấu bằng lễ kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị Anh hùng giải phóng dân tộc và là nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam"[1].

Nghị quyết trên đây của UNESCO còn khẳng định rằng: "Chủ tịch Hồ Chí Minh là một hình tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tôc, dân chủ và tiến bộ xã hội... Sự đóng góp quan trọng về

(1) Nghị quyết Ủy ban UNESCO

nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực văn hoá, giáo dục, nghệ thuật, là kết tinh của truyền thống văn hoá hàng nghìn năm của nhân dân Việt Nam, và những tư tưởng của Người là hiện thân những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau". Do đó, Nghị quyết đã nêu rõ: "Khuyến nghị các quốc gia thành viên kết hợp kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng cách tổ chức những hoạt động đa dạng để tưởng niệm Người, để làm cho mọi người hiểu được tầm vóc to lớn của những tư tưởng và sự nghiệp của Người vì công cuộc giải phóng dân tộc".

Đến Đại hội X của Đảng (4/2006) trên cơ sở những kinh nghiệm thu được qua đợt làm điểm ở một số cơ quan Trung ương và địa phương, cùng với việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, Bộ Chính trị quyết định tổ chức cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" trong toàn Đảng, toàn dân theo Chỉ thị 06-CT/TW ngày 07/11/2006 và Quyết định số: 35-QĐ/TW ngày 15/1/2007 về cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"*. Hướng đến kỷ niệm 77 năm thành lập Đảng (3/2/1930 – 3/2/2007) tới hết nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng, nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân về giá trị to lớn của tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tu dưỡng, rèn luyện hành động cách mạng theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, toàn dân, trước hết trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, đảng viên của hệ thống chính trị; góp phần đẩy lùi sự suy thoái về chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn xã hội, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vào vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nội dung chủ yếu thực hiện cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"* được Chỉ thị 06 nêu ra là: Trên cơ sở quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của đạo đức trong đời sống xã hội, "đạo đức là gốc của người cách mạng"; những phẩm chất đạo đức cơ bản của người cách mạng: trung với nước, hiếu với dân; yêu thương con người, sống có nghĩa, có tình; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân và những nguyên tắc xây dựng đạo đức: nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức xây đi đôi với chống; phải tu dưỡng, rèn luyện đạo đức suốt đời.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương trọn đời phấn đấu, hi sinh vì sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Tấm gương của ý chí và nghị lực, tinh thần to lớn, vượt qua mọi thử thách, khó khăn để đạt mục đích. Tấm gương tuyệt đối tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân, kính trọng nhân dân, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Tấm gương của một con người nhân ái, vị tha, khoan dung, nhân hậu hết mực vì con người. Tấm gương cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, đời riêng trong sáng nếp sống giản dị và đức khiêm tốn phi thường.

Đến Đại hội XI của Đảng (1/2011) đã khẳng định đưa việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh thành nhiệm vụ thường xuyên trong Đảng và xã hội. Thực hiện Nghị quyết Đại hội, ngày 14-5-2011, Bộ Chính trị (khóa XI) đã ban hành Chỉ thị 03-CT/TW về "Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Chỉ thị xác định rõ mục đích của việc tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là: Phát huy kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế trong việc thực hiện cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong thời gian qua, tiếp tục làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức sâu sắc những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh; tạo chuyển biến mạnh mẽ và sâu rộng hơn nữa về ý thức tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội thực dụng, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn tham nhũng, tiêu cực; góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XI của Đảng. Chỉ thị yêu cầu tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh phải trở thành nhiệm vụ thường xuyên, là trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức Đảng, của mỗi cán bộ, đảng viên.

Để đạt được mục đích, yêu cầu đó, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy Đảng, trực tiếp là ban thường vụ cấp ủy, đồng chí bí thư cấp ủy phải trực tiếp chỉ đạo thực hiện, không thành lập ban chỉ đạo như trước đây. Ở Trung ương, chỉ đạo việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong toàn Đảng và xã hội là nhiệm vụ của Ban Bí thư Trung ương Đảng và đồng chí Tổng Bí thư; trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo đòi hỏi phải đồng bộ, chặt chẽ, kết hợp việc tổ chức học tập, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, các cuộc vận động và các phong trào đang triển khai trong Đảng và trong xã hội; kết hợp giữa xây và chống; với đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XI của Đảng.

Căn cứ vào nội dung Chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương đã ban hành Kế hoạch số 03-KH/TW, xác định các công việc cần thực hiện trong nhiệm kỳ khóa XI của Đảng, tập trung vào 8 nhóm công việc cụ thể:

Một là, tiếp tục tổ chức học tập tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, bao gồm cả việc học tập và làm theo tác phong, phong cách của Bác, thể hiện cụ thể trong công việc thường ngày, trong quan hệ với nhân dân, đồng chí, đồng nghiệp... Đặc biệt nhấn mạnh việc làm theo qua những hành vi thiết thực, cụ thể.

Hai là, tiếp tục xây dựng và tổ chức thực hiện những chuẩn mực đạo đức theo tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, phù hợp với đặc điểm hoạt động của từng ngành, từng địa phương, cơ quan, đơn vị trong giai đoạn hiện nay.

Ba là, quy định rõ trách nhiệm tự giác đi đầu, gương mẫu của cán bộ lãnh đạo chủ chốt, người đứng đầu các cấp, của cán bộ, đảng viên. Xây dựng

cơ chế kiểm tra, giám sát của tổ chức Đảng và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên.

Bốn là, đưa việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh vào sinh hoạt thường xuyên của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể. Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt chương trình hành động của tổ chức Đảng, cơ quan, đơn vị; chương trình tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Lấy kết quả học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là một trong những tiêu chuẩn đánh giá, bình xét, phân loại đảng viên, tổ chức Đảng hàng năm.

Năm là, tiếp tục chỉ đạo việc biên soạn chương trình, giáo trình về đạo đức Hồ Chí Minh để giảng dạy ở các cấp học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở các học viện, trường chính trị, trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các cấp.

Sáu là, coi trọng việc giáo dục đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ. Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp có biện pháp cụ thể để tổ chức, chỉ đạo thực hiện tốt việc giáo dục đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ theo tấm gương đạo đức Bác Hồ.

Bảy là, định kỳ tổ chức kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết, phát hiện và biểu dương các điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Phê bình, uốn nắn các nhận thức lệch lạc, những việc làm thiếu gương mẫu, nói không đi đôi với làm. Đấu tranh với các quan điểm sai trái, các biểu hiện quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

Tám là, tiếp tục đẩy mạnh việc tuyên truyền về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, về các điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Bác Hồ bằng nhiều hình thức phong phú và sinh động.

Tiếp đó, Ban Tuyên giáo Trung ương, cơ quan được Bộ Chính trị giao là thường trực thực hiện nhiệm vụ này, đã ban hành Hướng dẫn số 12-HD/BTGTW để triển khai thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, Kế hoạch của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Như vậy, chúng ta có thể nói rằng, xét về mặt văn bản, về các đại hội, cũng như các Nghị quyết Trung ương của Đảng ta đánh giá, nhận thức về tư tưởng Hồ Chí Minh là hoàn toàn có cơ sở và hết sức sâu sắc. Đặt tư tưởng Hồ Chí Minh đúng với vị trí là nền tảng tư tưởng, là kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta. Song, chúng ta cũng có thể nói rằng: có một điều đặc biệt mà chưa một dân tộc, quốc gia nào có và cũng chưa thấy ở một bậc danh nhân nào ngoài Hồ Chí Minh đó là:

Thứ nhất: toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tộc Việt Nam nhiều thế hệ đã tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh là lãnh tụ, là người Bác kính yêu. Đã từ lâu, qua nhiều thế hệ kế tiếp nhau, mọi người Việt Nam đều coi Hồ Chí Minh là bậc danh nhân, là anh hùng dân tộc vĩ đại như những vị anh hùng

dân tộc Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,... Và giá trị tư tưởng, đạo đức của người đã trở thành giá trị văn hoá dân tộc, văn hoá dân gian tự nhiên truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, như nguồn sữa mẹ nuôi dưỡng cuộc sống tâm hồn của người Việt Nam yêu nước, như lớp lớp phù xa bồi đắp cho sự phì nhiêu của đời sống dân tộc. Đây không phải là kết quả từ sự sùng bái cá nhân mà chính là sự tôn vinh từ tâm khảm một cách tự giác của người Việt Nam chân chính.

Hai là: Giá trị nhân văn trong cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh mang tính đặc biệt đến mức là đã đi vào đời sống tâm linh của người Việt Nam. Trên nhiều bàn thờ của người Việt Nam, ngoài thờ tổ tiên và những người đã khuất của gia đình mình, còn đặt cả bàn thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhiều nơi trên đất nước Việt Nam, nhân dân đã tự động lập đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chúng ta hay nhắc nhau rằng, trong phương pháp nghiên cứu Hồ Chí Minh đừng mắc phải sai lầm là thần thánh hoá Hồ Chí Minh. Sự nhắc nhở ấy là đúng và đó là một hiện tượng văn hoá thật đặc biệt hợp với văn hoá tâm linh truyền thống văn hoá dân tộc.

Bản sao lưu trữ

CHƯƠNG II.
ĐẢNG VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

I. LÝ LUẬN CHUNG

1. Khái niệm

- Chủ nghĩa xã hội (theo từ điển chính trị) là hình thái kinh tế xã hội giai đoạn thấp của xã hội cộng sản chủ nghĩa dựa trên chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất chủ yếu, xóa bỏ đối kháng giai cấp.

- Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc toàn bộ các lĩnh vực đời sống xã hội, tạo ra những tiền đề vật chất và tinh thần cần thiết để hình thành một xã hội mà trong đó những nguyên tắc căn bản của xã hội, xã hội chủ nghĩa sẽ được thực hiện. Thời kỳ này bắt đầu từ khi giai cấp công nhân giành được chính quyền nhà nước cho đến khi chủ nghĩa xã hội đã tạo ra được những cơ sở của mình trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

2. Nguồn gốc

a. Cơ sở lý luận

Các nhà kinh điển của Chủ nghĩa Mác - Lênin đã làm sáng tỏ bản chất của chủ nghĩa xã hội từ những kiến giải kinh tế - xã hội, chính trị, triết học. Mác bằng học thuyết hình thái kinh tế - xã hội đã chứng minh rằng hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa tất yếu sẽ được thay thế bằng một hình thái kinh tế - xã hội cao hơn, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Mác và Ăngghen đã từng bước xây dựng những luận điểm cơ bản về chủ nghĩa xã hội, chỉ ra những phương hướng phát triển chủ yếu và những đặc trưng bản chất của nó, mà đặc trưng cơ bản nhất là xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, giải phóng cho con người khỏi tình trạng bị bóc lột về kinh tế, bị áp bức về chính trị, bị nô dịch về tinh thần, tạo điều kiện cho con người có thể tận lực phát triển mọi khả năng sẵn có của mình.

V.I. Lênin phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội trong điều kiện chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh đã chuyển sang chủ nghĩa tư bản độc quyền, tức giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười

Nga năm 1917, chủ nghĩa xã hội đã từ lý luận trở thành hiện thực. Chủ nghĩa xã hội với tư cách một chế độ xã hội, sau khi đã hoàn thiện sẽ là bước phát triển cao hơn, tốt đẹp hơn so với chủ nghĩa tư bản.

Như vậy là theo quan điểm của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở các nước lạc hậu không thể là con đường quá độ trực tiếp mà là quá độ gián tiếp qua nhiều bước trung gian, đồng thời cũng vạch ra khả năng các nước đó có thể đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã vạch rõ, nó chỉ có thể thực hiện được với điều kiện có sự giúp đỡ của các nước công nghiệp tiên tiến đã làm cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công và phải có sự lãnh đạo của một chính đảng vô sản kiên trì đưa đất nước đi theo con đường của chủ nghĩa xã hội.

b. Cơ sở thực tiễn

Từ quan điểm Mác - Lênin và thực tiễn đất nước, Hồ Chí Minh đã khẳng định: đi lên chủ nghĩa xã hội là bước phát triển tất yếu của con đường cách mạng Việt Nam. Quan niệm của Người về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta từng bước được làm rõ và vào cuối những năm 50 đã được cụ thể hóa thêm bằng một nội dung mới: thời kỳ quá độ. Vận dụng học thuyết Mác - Lênin về hình thái kinh tế - xã hội, Người đã phác họa chu trình vận động của lịch sử xã hội loài người như: "Từ cộng sản nguyên thủy đến chế độ nô lệ, đến chế độ phong kiến, đến chế độ tư bản, đến chủ nghĩa xã hội (cộng sản) nói chung thì loài người phát triển theo quy luật nhất định như vậy. Nhưng tùy hoàn cảnh, mà các dân tộc phát triển theo con đường khác nhau, có nước thì đi thẳng đến chủ nghĩa xã hội như Liên Xô, có nước thì phải kinh qua chế độ dân chủ mới, rồi tiến lên chủ nghĩa xã hội - như các nước Đông Âu, Trung Quốc, Việt Nam...

Theo Hồ Chí Minh, các quốc gia bước vào con đường phát triển xã hội chủ nghĩa, từ những tiền đề xuất phát khác nhau sẽ nảy sinh các hình thức và phương pháp khác nhau trong cải tạo, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Bằng thực tiễn cách mạng thế giới và Việt Nam, Hồ Chí Minh đã tiếp tục phát triển lý luận Mác - Lênin về thời kỳ quá độ, Người đã nêu lên hai phương thức quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, đó là: phương thức quá độ trực tiếp (từ chủ nghĩa tư bản phát triển) và phương thức quá độ gián tiếp (từ chế độ dân chủ nhân dân).

Như trên đã thấy Mác và Ăngghen chủ yếu đề cập đến phương thức quá độ trực tiếp từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. V.I. Lênin đã đặt vấn đề về cả hai loại hình quá độ: trực tiếp từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và gián tiếp từ xã hội tiền tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa xã hội. Ở loại hình thứ hai, những ý kiến của Lênin còn dưới dạng khái quát, mang tính định hướng lý luận chung. Còn Hồ Chí Minh đã căn cứ vào thực tiễn cụ thể của Việt Nam để xây dựng và lý giải những vấn đề của phương thức quá độ gián tiếp ở một nước chậm phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội.

3. Con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Quan điểm của Mác, Ăngghen, Lênin về thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học, trong khi nhấn mạnh tính khách quan của sự vận động lịch sử từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, đã đề cập về tính tất yếu của thời kỳ quá độ. Trong tác phẩm *Phê phán cương lĩnh Gô-ta*, Mác viết: "Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội này sang xã hội khác". Mác nói đến con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội xuất phát từ điều kiện của các nước tư bản phát triển ở Tây Âu, khi tìm hiểu về lịch sử phát triển ở nước Nga, Mác đã tán thành ý kiến của một nhà dân chủ cách mạng Nga rằng: "Nước Nga có thể không cần phải trải qua những đau khổ của chế độ đó mà vẫn chiếm đoạt mọi thành quả của chế độ ấy". Thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga đã làm cho lý luận về thời kỳ quá độ có sự phát triển mới, vì thế Lênin đã nhận ra rằng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Nga là một thời kỳ lịch sử tương đối dài, nó cần thiết phải thực hiện những bước quá độ nhỏ, những hình thức kinh tế trung gian để dần dần lôi cuốn nhân dân Nga, mà đa số là tiểu nông đi lên chủ nghĩa xã hội, tức là phải thực hiện bước quá độ gián tiếp. Lênin viết: "Nếu phân tích tình hình chính trị hiện nay, chúng ta có thể nói rằng chúng ta đang ở vào một thời kỳ quá độ trong thời kỳ quá độ", "phải tiến cực kỳ chậm, vô cùng chậm hơn mức mà trước kia chúng ta đã mơ tưởng, phải tiến làm sao cho tất cả quần chúng nông dân đều thực sự tiến lên cùng chúng ta?". Xuất phát từ đặc thù của nước Nga thì Lênin đã nêu lên tư tưởng về sự phát triển bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa đi lên chủ nghĩa xã hội. Ông viết: "Với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ Xô Viết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa".

Theo quan điểm của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở các nước lạc hậu không thể là con đường quá độ trực tiếp mà là quá độ gián tiếp qua nhiều bước trung gian, đồng thời cũng vạch ra khả năng các nước đó có thể đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Từ quan điểm của C.Mác - Lênin và thực tiễn đất nước, Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Đi lên chủ nghĩa xã hội là bước phát triển tất yếu của con đường cách mạng Việt Nam". Quan điểm của Người về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta từng bước được làm rõ và vào cuối những năm 50 đã được cụ thể hóa thêm một nội dung mới đó là thời kỳ quá độ. Vì thế, Người chủ trương sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, chúng ta chọn con đường rút ngắn, bỏ qua tư bản chủ nghĩa, nhưng phải trải qua thời kỳ quá độ. Cách này được Người chỉ rõ khi Người phân tích mâu thuẫn cơ bản giữa yêu cầu phải tiến lên trở thành một nước có nền công nông nghiệp hiện

đại, khoa học kỹ thuật tiên tiến với tình trạng lạc hậu kém phát triển đồng thời phải đối phó với các thế lực cản trở phá hoại mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Người nói: "miền Bắc nhất định phải tiến lên xã hội chủ nghĩa. Mà đặc điểm lớn nhất của ta trong thời kỳ quá độ là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Vì thế, nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng ta là phải xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội...".

Theo Hồ Chí Minh thời kỳ quá độ mang tính độc lập, nó đang từ bỏ những cái cũ, cái lạc hậu và bước đầu xây dựng những cái mới, cái tiến bộ. Đây là bước đi tất yếu và thích hợp với điều kiện Việt Nam. Hồ Chí Minh nói: Ta bước vào thời kỳ quá độ tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, không qua con đường phát triển tư bản chủ nghĩa với nghĩa là bỏ qua một phương thức sản xuất, một hình thái kinh tế xã hội, một chế độ chính trị. Sở dĩ chọn bước đi đó vì dân tộc đã độc lập dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, có sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa đi trước. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là thời kỳ xây dựng chế độ dân chủ mới với hai đặc điểm:

- *Một là:* về chính trị trên nền tảng công nông liên minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân làm chủ đất nước, xây dựng nền chuyên chính dân chủ nhân dân nghĩa là dân chủ với nhân dân, chuyên chính trừng trị bọn phản động làm phản đất nước chống lại nhân dân.

- *Hai là:* về thành phần kinh tế, thời kỳ quá độ có 5 thành phần kinh tế khác nhau: kinh tế quốc doanh có tính chất xã hội chủ nghĩa; kinh tế hợp tác xã có tính chất nửa chủ nghĩa xã hội; kinh tế cá nhân của nông dân và thủ công nghệ; kinh tế tư bản tư nhân và kinh tế tư bản Nhà nước.

Như vậy, quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội là một thời kỳ phát triển kinh tế nhiều thành phần. Chỉ có như vậy mới phát huy được sức mạnh tổng hợp của tất cả các nguồn lực, mọi đối tượng dân tộc và thời đại vào công cuộc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh khẳng định lộ trình gián tiếp đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là trải qua thời kỳ quá độ với nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế tư bản tư nhân và kinh tế tư bản nhà nước vẫn được coi trọng, giữ vai trò kinh tế, xã hội to lớn. Trong điều kiện có nhiều thành phần kinh tế cùng tồn tại và phát triển như vậy, để hướng tới chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh lưu ý phải làm cho thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa phát triển và giữ vai trò chủ đạo. Để đạt được cả mục tiêu kinh tế, chính trị, xã hội ở thời kỳ này, Người lưu ý cần giữ 4 điều chủ chốt như: công tư đều lợi, chủ và thợ đều lợi, công nông giúp nhau, lưu thông trong ngày. Bốn chính sách này là mấu chốt để phát triển kinh tế của nước ta.

Quan điểm của Đảng ta ở Đại hội IX và báo cáo chính trị trình Đại hội X về kinh tế đã thể hiện tư tưởng Hồ Chí Minh. Chúng ta xác định bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa tức là bỏ qua vị trí thống trị của chủ nghĩa tư bản

và giai cấp tư sản, nhưng ta kế thừa những yếu tố của nền kinh tế thị trường và phát triển nó theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Về mức độ của thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, theo Hồ Chí Minh đó là một việc hết sức khó khăn, bởi chủ nghĩa xã hội là tiến bộ, tốt đẹp, văn minh. Nhưng từ lạc hậu đến tiến bộ, văn minh là quá trình phấn đấu hết sức gian khổ. Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Việt Nam là một nước nông nghiệp lạc hậu, công cuộc đổi xã hội cũ thành xã hội mới gian nan, phức tạp hơn việc đánh giặc, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc biến đổi khó khăn nhất và sâu sắc nhất. Chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta. Chúng ta phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ, thành kiến có gốc rễ xưa hàng ngàn năm". Hồ Chí Minh cho rằng, thắng đế quốc tương đối dễ, thắng bần cùng lạc hậu khó khăn. Thắng đế quốc thực chất không chỉ là giành chính quyền mà còn tổ chức cho nhân dân giữ chính quyền. Trong Di chúc khi viết về công cuộc khôi phục đất nước sau chiến tranh, Người gọi đây là "cuộc chiến đấu khổng lồ, chống nghèo nàn lạc hậu, xây cái mới".

Nhận thức rõ tính chất phức tạp của thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam nên Hồ Chí Minh đòi hỏi Đảng, Nhà nước, nhân dân ta phải quyết tâm cao hơn nữa, không chủ quan tự mãn với thắng lợi trong quá khứ mà thiếu đi sự năng động sáng tạo trước những khó khăn, gian khổ. Xác định được như vậy chúng ta mới vững tâm và quyết tâm tìm tòi phương thức, cách đi phù hợp để xây dựng đất nước theo hướng mà Đảng và nhân dân ta lựa chọn.

II. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ

1. Giai đoạn 1930 - 1945

Đây là thời kỳ Đảng lãnh đạo cách mạng khi chưa giành được chính quyền. Từ khi ra đời (1930) cho đến khi Đảng lãnh đạo nhân dân ta tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám (8/1945) là thời kỳ Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo nhân dân tiến hành các hoạt động tuyên truyền, vận động, giác ngộ, tổ chức các tầng lớp nhân dân, đưa quần chúng nhân dân vào cuộc đấu tranh rộng lớn trong khắp cả nước bằng nhiều hình thức khác nhau, trong các tổ chức đa dạng đi từ thấp đến cao, từ lĩnh vực dân sinh, dân chủ, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền ở từng địa phương và tổng khởi nghĩa trong toàn quốc lật đổ chế độ thực dân, phong kiến giành độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, chấm dứt thời kỳ nô lệ của dân tộc, thành lập nước cộng hòa dân chủ đầu tiên ở Đông Nam Á, mở ra kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập tự do và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trong thời kỳ này, nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu cách mạng đề ra, thực hiện cuộc cách mạng giải phóng dân tộc với hai nhiệm vụ là phản đế và phản phong, Đảng phải hoạt động trong điều kiện bị bộ máy thống

trị của thực dân Pháp và triều đình phong kiến thực hiện chính sách đàn áp và khủng bố cực kỳ gắt gao với những thủ đoạn dã man, tàn bạo. Vì vậy phương thức lãnh đạo của Đảng thể hiện qua những nét sau:

Khi mới thành lập Đảng, để thực hiện mục đích là lãnh đạo nhân dân giành độc lập dân tộc, trong sách lược vắn tắt của Đảng, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã đề ra sách lược tập hợp, đoàn kết những tầng lớp nhân dân, trước tiên là dân cày nghèo, tranh thủ các tầng lớp tiểu tư sản, trí thức, trung nông... Sách lược tập hợp nhân dân lúc đó còn bao gồm cả việc đoàn kết giữa các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, làm tăng thêm lực lượng cách mạng trong nước. Để tập hợp quần chúng nhân dân vào các phong trào yêu nước và phong trào cách mạng do Đảng lãnh đạo, Đảng đã đặt ra vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu, coi đó là hành động cao nhất của cách mạng. Đây là chủ trương sáng suốt của Đảng, chỉ rõ mâu thuẫn gay gắt nhất của xã hội ta lúc đó là mâu thuẫn dân tộc chứ không phải mâu thuẫn giai cấp. Lợi ích giai cấp luôn nằm trong lợi ích dân tộc, nếu quyền lợi dân tộc không được giải quyết thì quyền lợi giai cấp mãi mãi không thể giành lại được.

Vào những năm sau 1939, khi bọn phát xít trực tiếp đe dọa Đông Dương, Đảng đã kịp thời chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, đặt ra mục tiêu cao nhất là chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa phát xít giành độc lập dân tộc, việc chống phong kiến, địa chủ, tư sản được thực hiện phù hợp với yêu cầu của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do cho Tổ quốc. Công tác tuyên truyền vận động quần chúng nhằm khơi dậy lòng yêu nước, ý thức dân tộc của nhân dân một cách mãnh liệt. Việc phát động các phong trào hành động cách mạng phải nhằm đúng vào những vấn đề bức xúc, nóng bỏng của xã hội như phong trào phá kho thóc giải quyết nạn đói trước tổng khởi nghĩa đã thổi bùng lên khí thế đấu tranh hừng hực của quần chúng. Trong những năm 1936-1939 do yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng, các tổ chức yêu nước cần phải được mở rộng cho nhiều người Việt Nam tham gia chống đế quốc, chống phát xít, do đó, phải giảm bớt tính đấu tranh giai cấp của các tổ chức. Sau năm 1939, khi sự tồn vong của dân tộc đã được đặt lên hàng đầu, Đảng phải động viên nhân dân đấu tranh dưới khẩu hiệu cứu nước trong những tổ chức cứu quốc.

Nhờ tuyên truyền vận động, giác ngộ quần chúng, qua việc đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân trong các phong trào các tổ chức, Đảng đã chuẩn bị những điều kiện cho việc đưa nhân dân lên cao trào đấu tranh, khởi nghĩa giành chính quyền. Quá trình đó là quá trình Đảng không ngừng vận động các hình thức lãnh đạo tạo nên các phong trào yêu nước và cách mạng hết sức phong phú. Đó là quá trình gắn bó giữa vận động tuyên truyền từng con người với công tác vận động của tổ chức, gắn bó giữa giác ngộ tư tưởng với đấu tranh.

Trong quá trình lãnh đạo các phong trào, các tổ chức yêu nước và cách mạng bằng những phương pháp linh hoạt và sáng tạo, Đảng đã bám sâu,

bám chắc trong quần chúng, do đó, Đảng có thể tồn tại trong lòng quần chúng và lắng nghe tâm tư tình cảm của nhân dân, thực hiện phương thức lãnh đạo từ quần chúng. Do nắm vững khởi nghĩa, nắm bắt và lựa chọn đúng thời cơ cách mạng theo lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, có vận dụng kinh nghiệm về khởi nghĩa của phong trào cách mạng thế giới, tổng kết kinh nghiệm các cuộc khởi nghĩa mà Đảng ta đã lãnh đạo thành công như Cách mạng Tháng Tám, một cuộc tổng khởi nghĩa về chiến lược và chiến thuật cướp chính quyền, giành chính quyền làm chủ đất nước về tay nhân dân.

Thành công của Cách mạng Tháng Tám là do đường lối đúng đắn của Đảng, do phương pháp cách mạng sáng tạo đã khơi dậy được sức mạnh của toàn dân tộc, đã nắm bắt được thời cơ cách mạng chuẩn xác và thể hiện quyết tâm chiến lược cao: "Dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành cho được độc lập". Kết hợp đồng bộ 3 yếu tố: đường lối, phương pháp, quyết tâm đã dẫn đến thắng lợi rực rỡ của Cách mạng Tháng Tám - 1945.

2. Giai đoạn 1945 - 1954

Đảng đã áp dụng phương thức lãnh đạo tài tình và khôn khéo, vừa giữ vững nguyên tắc là bảo vệ độc lập và thống nhất Tổ quốc vừa mềm dẻo, linh hoạt, sáng tạo, kể cả việc đưa Đảng vào hoạt động không công khai dưới danh nghĩa tuyên bố tự giải tán, để tránh sự tập trung phá hoại của các thế lực thù địch, phân hóa tranh thủ triệt để bọn chúng, tranh thủ đoàn kết tối đa những lực lượng có thể đoàn kết được, chèo lái con thuyền cách mạng nước ta vượt qua sóng gió, giữ vững được chính quyền trong vòng vây của đế quốc. Việc ký Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946 là một sách lược khôn khéo để tạo điều kiện chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ nhưng đi đến thắng lợi vẻ vang. Trong đó, Đảng thể hiện sự tin tưởng vô hạn vào lực lượng quần chúng nhân dân, thể hiện lòng trung thành tuyệt đối của Đảng với lợi ích của dân tộc, hi sinh tất cả vì lợi ích của toàn dân là giữ vững quyền độc lập, thống nhất của Tổ quốc. Mặc dù gặp muôn vàn khó khăn, Đảng đã lãnh đạo tổ chức thắng lợi cuộc tổng tuyển cử đầu tiên. Nhờ công tác tuyên truyền vận động, công tác tổ chức thích hợp có hiệu quả cao của cả hệ thống Đảng, Chính phủ, mặt trận và các đoàn thể quần chúng yêu nước, Đảng đã phát động được phong trào yêu nước, ra sức thi đua diệt giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm. Mặt khác, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã sớm nhìn thấy nguy cơ của một Đảng cầm quyền, đặc biệt quan tâm xây dựng chỉnh đốn Đảng ngay từ khi cách mạng mới thành công.

Đảng đã tổ chức lãnh đạo cuộc kháng chiến thần thánh, cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ chống thực dân Pháp và can thiệp của Mỹ dưới khẩu hiệu tự lực cách sinh, trường kỳ kháng chiến, vừa kháng chiến vừa kiến quốc. Phương thức lãnh đạo của Đảng lúc này tập trung nắm chắc lực lượng vũ trang gồm 3 thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích) lãnh đạo cuộc kháng chiến, bám sát quần chúng ở vùng tự do cũng như vùng địch tạm chiếm, bám sát cơ sở chiến đấu và sản xuất,

vận dụng sáng tạo và tài tình nghệ thuật chiến tranh nhân dân. Nhờ vậy đã làm cho lực lượng kháng chiến ngày càng mạnh từ gậy tầm vông vót nhọn đã tiến đến chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ vang dội, giải phóng nửa nước, tạo ra hậu phương vững chắc là miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Để lãnh đạo cuộc kháng chiến thắng lợi, Đảng đã giải quyết thành công hai vấn đề cơ bản nhất trong sự lãnh đạo của Đảng, đó là củng cố Đảng vững mạnh và xây dựng lối làm việc của Đảng.

Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng mở rộng (khóa II) họp tháng 7/1954 khi sắp kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, một thời kỳ đấu tranh mới mở ra, đòi hỏi Đảng phải tăng cường năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu mới. Nghị quyết hội nghị đề ra chủ trương tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trên cả ba phương diện: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Về tập hợp và đoàn kết toàn dân, Đảng đã hướng dẫn và tổ chức Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam để tập hợp đông đảo nhân sĩ, trí thức yêu nước, các tầng lớp nhân dân yêu nước, động viên lòng yêu nước, sự nhiệt tình của họ tham gia kháng chiến. Tiếp theo đó đã thống nhất Việt Minh với Liên Việt thành Mặt trận Liên Việt, đồng thời tăng cường củng cố, mở rộng và phát huy vai trò của Đảng Dân chủ và Đảng Xã hội Việt Nam, khối đại đoàn kết toàn dân ở trong nước được mở rộng hơn bao giờ hết, tập hợp được đông đảo nhân dân, làm cho đội ngũ kháng chiến ngày càng thêm đông, thêm mạnh, lực lượng kháng chiến ngày càng rộng khắp mọi vùng, miền của Tổ quốc. Mặt trận nhân dân kháng chiến còn được mở rộng ra toàn cõi Đông Dương, đoàn kết với nhân dân Lào, Campuchia anh em hình thành liên minh chiến lược cùng nhau chống đế quốc Pháp và can thiệp của Mỹ, tạo nên cục diện kháng chiến sôi nổi trên khắp chiến trường Đông Dương, đồng thời còn đoàn kết với Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân, các lực lượng hòa bình, dân chủ tiến bộ trên toàn thế giới.

Cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi là thắng lợi của việc không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, biết phát huy sức mạnh toàn dân, đi từ yếu đến mạnh, phá tan chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của địch, bẻ gãy âm mưu chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, thực hiện kháng chiến trường kỳ và đoàn kết toàn dân, đoàn kết quốc tế.

3. Thời kỳ 1954 - 1975

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, trải qua cuộc kháng chiến chống đế quốc lâu dài vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, chúng ta giành được độc lập cho dân tộc, ruộng đất cho dân cày. Sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, cách mạng Việt Nam tất yếu bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc từ năm 1954 - 1975. Sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, nền chuyên chính dân chủ nhân dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản trên nền tảng liên minh công nhân, nông dân và lao động trí óc đã được củng cố vững chắc; Nhà nước của dân, do dân, vì dân vững mạnh đã có kinh

nghiệm điều hành đất nước thực hiện nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc thắng lợi, những tiền đề chủ yếu cho việc quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã được tạo ra. Do đó cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới - quá độ lên chủ nghĩa xã hội - không bắt đầu bằng một cuộc đảo lộn chính trị, một cuộc cách mạng chính trị với đầy đủ ý nghĩa của nó, như ở nước Nga hay các nước tư bản phát triển.

Ở Việt Nam, Nhà nước Dân chủ cộng hòa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tự chỉnh đốn, tự phát triển để làm chức năng mới: lãnh đạo sự nghiệp cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng cách phát triển và cải tạo nền kinh tế quốc dân theo chủ nghĩa xã hội, biến nền kinh tế lạc hậu thành một nền kinh tế chủ nghĩa xã hội với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học kỹ thuật tiên tiến. Thực chất phát triển và cải tạo nền kinh tế quốc dân cũng là đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp trong điều kiện mới: nhân dân ta hoàn thành cơ bản cách mạng dân tộc, dân chủ, so sánh lực lượng trên thế giới và trong nước đã có những biến đổi mới. Từ đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị trực diện nhằm đánh đổ đế quốc xâm lược và phong kiến tay sai, chúng ta chuyển sang hình thức đấu tranh mới, đấu tranh hòa bình và toàn diện cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội chống lại các thế lực đi ngược lại con đường xã hội chủ nghĩa và chống phá xã hội chủ nghĩa. Từ đấu tranh trên chiến trường chuyển qua đấu tranh trên trên mặt trận sản xuất, trên thị trường và trên mặt trận tư tưởng, văn hóa... Đồng thời chuẩn bị sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu xâm phạm nền độc lập dân tộc và phá hoại sự nghiệp xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta. Phải tăng cường củng cố hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, củng cố chính quyền Nhà nước, Người khẳng định: "Chỉ có sự lãnh đạo của Đảng cách mạng chân chính của giai cấp công nhân, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân, biết vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước mình thì mới có thể đưa cách mạng giải phóng dân tộc đến thắng lợi và cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thành công".

Ở thời kỳ này, Người vạch rõ: "Chúng ta đã đánh thắng thực dân, phong kiến, hiện nay chúng ta đang làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, một cuộc cách mạng tuy trường kỳ gian khổ, song nhất định thắng lợi, chỉ phải đổ mồ hôi mà không đổ máu, một cuộc cách mạng nhằm đánh thắng lạc hậu bần cùng, để xây dựng hạnh phúc muôn đời cho nhân dân ta, con cháu ta". Người nói về nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội thì đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, nhiệm vụ của chúng ta là phải xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hóa, khoa học tiên tiến. Trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải cải tạo nền kinh tế cũ, xây dựng nền kinh tế mới mà xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài "xây dựng, xây dựng chủ nghĩa xã hội phải gắn liền với bảo vệ chủ nghĩa xã hội".

Tóm lại, Đảng ta đã vận dụng quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam bao gồm những vấn đề rất cơ bản về chiến lược, sách lược; về phương hướng, bước đi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, trên cơ sở vận dụng những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, kinh nghiệm của các đảng anh em và thực tiễn cách mạng Việt Nam. Thực tế những thành bại trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Những quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là đúng đắn, sáng tạo và rất thiết thực trong sự nghiệp ngày nay.

4. Giai đoạn 1975 đến nay

a. Hoàn thành thống nhất Tổ quốc, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam (1975 - 1982)

Sau thắng lợi mùa muân năm 1975, một thời kỳ mới đã mở ra trên đất nước ta: thời kỳ hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đi lên chủ nghĩa xã hội vừa là xu thế phát triển của đất nước ta vừa là nguyện vọng thiết tha của nhân dân ta. Chúng ta đã có đủ điều kiện để xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh, công bằng, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Sau bao nhiêu năm chiến tranh, nhân dân ta không có nguyện vọng nào tha thiết hơn là được sống trong độc lập, tự do để xây dựng lại đất nước như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn:

Còn non, còn nước, còn người.

Thắng giặc Mỹ ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay.

Cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội là xu thế chung của đất nước. Nhưng quá độ lên chủ nghĩa xã hội như thế nào cho phù hợp, đặc điểm nước ta là nước nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ, chưa có đại công nghiệp, đó là yêu cầu lịch sử thứ nhất đặt ra cho Đảng và nhân dân ta sau 30 năm chiến tranh.

Yêu cầu lịch sử đặt ra cho Đảng và nhân dân ta là một nước đã trải qua 30 năm chiến tranh ác liệt, liên tục ngay cả khi kết thúc chiến tranh, các thế lực thù địch lại có âm mưu mới, nhiệm vụ cấp bách trước mắt là vừa khắc phục hậu quả chiến tranh, vừa cảnh giác và chuẩn bị đối phó với những âm mưu gây chiến của chúng.

Yêu cầu lịch sử thứ ba là muốn tạo thêm sức mạnh mới phải củng cố sự thống nhất đất nước bằng cách hoàn thành những nhiệm vụ còn lại của sự thống nhất.

Tháng 9 năm 1975, Hội nghị Trung ương lần thứ 24 (khóa III) đã bàn về tình hình miền Nam và cả nước đã ra nghị quyết: "Cách mạng miền Nam đã trải qua một giai đoạn mới, từ chiến tranh chuyển sang hòa bình, từ một nửa nước bị chủ nghĩa thực dân chia cắt và thống trị sang cả nước độc lập và thống nhất, từ hai nhiệm vụ chiến lược, cách mạng dân tộc và dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa sang một nhiệm vụ chiến lược là làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội".

Do đó, nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là: "Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, miền Bắc phải đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thành quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, miền Nam phải đồng thời tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội".

Ngày 25/4/1976, tổng tuyển cử trong toàn quốc bầu ra Quốc hội của cả nước, ngày 25/6/1976 họp Quốc hội tại Thủ đô Hà Nội. Quốc hội nhất trí đổi tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phê chuẩn việc chọn Hà Nội làm Thủ đô, việc chọn quốc kỳ, quốc ca. Ngày 2/7/1976, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chính thức ra đời, ngày 16/12/1980, Hiến pháp mới chung cho cả nước đã được thông qua. Sự ra đời của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là bước phát triển rực rỡ của nước Việt Nam, khẳng định ý chí thống nhất của dân tộc Việt Nam.

Sau khi miền Nam giải phóng, về ngoại giao chúng ta đã khẩn trương tiếp quản các cơ sở ngoại giao của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu ngay tại Sài Gòn và ở nước ngoài, có chính sách đối với các cán bộ ngoại giao của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu còn lại. Về pháp lý thì sự tan rã của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu và sự ra đời của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để thay thế là một trường hợp thừa kế nhà nước rất phức tạp. Nói chung ta đã xóa bỏ mọi văn kiện có hại cho độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và các quyền lợi quốc gia nhưng tiếp tục tôn trọng các cam kết phù hợp với lợi ích dân tộc của nước ta. Mặt khác, chúng ta đã đề ra một số chính sách đối ngoại nhằm góp phần nhanh chóng ổn định tình hình miền Nam trong đó có chính sách đối với ngoại kiều.

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng quyết định đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội:

Sau 16 năm kể từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, Tổ quốc ta đã trải qua những thử thách cực kỳ nghiêm trọng. Vừa ra khỏi cuộc kháng chiến vĩ đại chống thực dân Pháp, nhân dân ta lại phải bước vào một trận chiến đấu mới chống cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo chưa từng có của đế quốc Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ. Trong cuộc đọ sức đó, đế quốc Mỹ tưởng có thể đè bẹp chúng ta trong một thời gian ngắn. Nhưng dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, và được anh em bầu bạn trên khắp thế giới hết lòng giúp đỡ quân dân ta đã chiến đấu anh dũng giành thắng lợi vĩ đại.

Với thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đã hoàn thành tốt đẹp những nhiệm vụ lịch sử giải phóng dân tộc và thống nhất nước nhà do Đại hội lần thứ III của Đảng đề ra, làm tròn sứ mệnh thiêng liêng của Tổ quốc và nhiệm vụ quốc tế cao cả của mình.

Chúng ta vô cùng tự hào nhìn lại bước đường đấu tranh cách mạng lâu dài và oanh liệt của nhân dân ta đã vượt qua dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đại hội IV của Đảng tiến hành từ ngày 14 đến ngày 20 tháng 12 năm 1976 là Đại hội có ý nghĩa lịch sử cực kỳ trọng đại: Đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, Đại hội thống nhất nước nhà, Đại hội cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong Báo cáo chính trị Đại hội do đồng chí Lê Duẩn trình bày đã nêu bật những vấn đề cơ bản sau:

- Thắng lợi vĩ đại, bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt Nam: Dưới ánh sáng của đường lối do Đại hội lần thứ III của Đảng đề ra, nhân dân cả nước đấu tranh vô cùng anh dũng và bền bỉ để thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Giải phóng miền Nam, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nhằm thực hiện một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh.

- Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới: Đại hội lần thứ III của Đảng đã vạch ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta. Khi bước sang giai đoạn mới, cách mạng nước ta phát triển với những đặc điểm như: Trải qua 20 năm miền Bắc đã đạt được nhiều thành tựu về cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, xóa bỏ các giai cấp bóc lột, xác lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Đây là đặc điểm lớn nhất nói lên thực chất của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Cả nước hòa bình, độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội trong khí thế cách mạng tưng bừng của một dân tộc vừa giành thắng lợi. Đảng ta là một Đảng Mác - Lênin dày dặn, được nhân dân yêu mến và tin tưởng. Nước ta tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trong hoàn cảnh quốc tế thuận lợi. Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đã và đang lớn mạnh không ngừng, phong trào độc lập dân tộc và phong trào cách mạng của giai cấp công nhân đang trên đà phát triển, chủ nghĩa đế quốc đang lún sâu vào cuộc khủng hoảng và ngày càng suy yếu.

Đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta là: Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó, cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt, đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Phương hướng và nhiệm vụ kế hoạch 5 năm (1976 – 1980) phát triển cải tạo kinh tế, văn hóa, phát triển khoa học kỹ thuật.

- Đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hóa, xây dựng và phát triển trên nền văn hóa mới. Thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước không chỉ là thắng lợi của đường lối chính trị, đường lối quân sự đúng đắn, mà còn là chính sách văn hóa của Đảng. Đó là thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lênin, của tư tưởng xã hội chủ nghĩa ngày càng thấm sâu vào đông đảo quần chúng, thắng lợi của ý chí độc lập, tự do, của chủ nghĩa yêu nước truyền thống được phát huy mạnh mẽ hơn bất cứ thời đại nào trong lịch sử dân tộc.

Trên miền Bắc, tư tưởng làm chủ bắt đầu thể hiện trong đời sống xã hội, con người mới đang từng bước hình thành. Ở miền Nam, chủ nghĩa thực dân cũ và mới cùng với 30 năm chiến tranh đã để lại hậu quả nặng nề trên lĩnh vực về văn hóa, tư tưởng.

- Tăng cường nhà nước xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò của đoàn thể, làm tốt công tác quần chúng. Đại hội vạch ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trên cả nước trong một thời kỳ lịch sử lâu dài, kế hoạch mở đầu thời kỳ phát triển kinh tế và văn hóa sau chiến tranh. Trong giai đoạn mới, Đảng quyết tâm làm tất cả vì sự phồn vinh của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

- Thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược đó là: bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc và tìm tòi con đường đổi mới.

b. Đổi mới toàn diện đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng được tiến hành tại Hà Nội từ ngày 5/12/1986. Cùng với việc đánh giá đúng những thành tích đã đạt được, ở Đại hội này sẽ chú trọng kiểm điểm những mặt yếu kém, vạch rõ nguyên nhân, nêu ra biện pháp khắc phục, xác định nhiệm vụ và mục tiêu phấn đấu trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên trong thời kỳ quá độ. Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, nhân dân ta tiếp tục nhận được sự giúp đỡ ta lớn của sự hợp tác nhiều mặt của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, sự ủng hộ của nhiều nước bầu bạn của nhân dân yêu thương tự do trên thế giới. Chúng ta tranh thủ các cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và tiềm năng lợi thế của nước ta để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chủ trương đẩy mạnh hơn nữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề về nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

III. KIÊN ĐỊNH CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Trong công cuộc đổi mới đất nước vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, nước ta bước vào thế kỷ XXI theo con đường xã hội chủ nghĩa đã lựa chọn với tất cả những thuận lợi và khó khăn, cơ hội và thách thức trong bối cảnh quốc tế và đất nước đang biến đổi không ngừng. Đánh giá thành tựu 20 năm đổi mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã khẳng định: "Công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt những thành tựu to lớn và có ý nghĩa trong lịch sử", "Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn, hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản". Đây là những cơ sở tư tưởng, lý luận cơ bản quan trọng của Đảng ta, nhân dân ta kiên định con đường đã lựa chọn, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Trước những biến động và những khó khăn của tình hình quốc tế, những khuyết điểm yếu kém của bản thân chúng ta trong tiến hành đổi mới đã làm nảy sinh những ý nghĩ cho rằng: dân tộc ta có nên đi tiếp con đường xã hội chủ nghĩa đã lựa chọn hay không? Hiện nay ở nước ta có sự dao động niềm tin trong một số người về con đường xã hội chủ nghĩa. Một số người có ý định ngả sang con đường khác để phát triển đất nước bằng những hình thức công khai hoặc kín đáo... vấn đề đặt ra cho chúng ta là phải kiên định con đường xã hội chủ nghĩa đã lựa chọn, đấu tranh khắc phục sự dao động niềm tin về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Theo lôgic có thể thấy rằng: ý định trong các quan điểm tư tưởng đã nêu trên là muốn chúng ta đưa đất nước phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa. Phải thừa nhận rằng, những thành tựu về kinh tế, khoa học công nghệ và quản lý mà chủ nghĩa tư bản đạt được trong những thập niên cuối thế kỷ XX nhờ ứng dụng nhanh những tiến bộ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại là to lớn, là không thể phủ nhận, đó là những đóng góp mới của chủ nghĩa tư bản vào lịch sử phát triển của nhân loại mà trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa chúng ta phải tiếp thu, kế thừa và sử dụng có chọn lọc. Trong khi còn khả năng tạo ra những điều "thần kỳ mới" thì mặt phản phát triển của chủ nghĩa tư bản cũng ngày càng lộ rõ. Sự vận động của "xã hội tiêu dùng" kiểu phương Tây gắn với những lãng phí về của cải và nguồn lực xã hội làm gay gắt thêm tình trạng cạnh tranh, tác động xấu đến đạo đức, môi trường. Các nước tư bản phát triển đều công khai thừa nhận không thể giải quyết được vấn đề đạo đức, văn hóa gia đình do sự thống trị của chủ nghĩa cá nhân cực đoan và lối sống thực dụng. Bởi vậy, sống trong sự đầy đủ về vật chất mà con người vẫn không thấy hạnh phúc. Trong một xã hội đầy ắp thông tin và nhộn nhịp đến chóng mặt mà con người nhiều khi vẫn cảm thấy cô đơn. Trước đây, nhà bác học vĩ đại Anbe Anhxtanh đã từng lên án chủ nghĩa tư bản luôn phạm phải một tội ác là hủy hoại con người, biến con người thành nô lệ của chủ nghĩa vị kỷ trong một cuộc tìm kiếm sự yên ổn của tâm hồn mình, điều này vẫn còn đúng trong xã hội tư bản ngày nay. Vì thế ông Goóc-Xôrôc một nhà tư bản tài chính vào "hàng cá mập" cũng phải thừa nhận sự bất ổn của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Trên phạm vi thế giới, chủ nghĩa tư bản ngày nay là kẻ thống trị, bóc lột, nô dịch các nước đang phát triển bằng các loại thực dân kinh tế, công nghệ, thông tin trong quá trình toàn cầu hóa và bằng cả các biện pháp bạo lực của chủ nghĩa cường quyền vô liêm sỉ và trắng trợn nhất như đối với Irắc và Nam Tư. Do đó, chủ nghĩa tư bản không thể là con đường mà chúng ta lựa chọn.

Trong sự dao động về niềm tin vào con đường xã hội chủ nghĩa, có những trào lưu muốn đi tìm một "con đường thứ ba" mà theo họ không phải là tư bản chủ nghĩa cũng không phải là xã hội chủ nghĩa, một con đường đứng giữa hai con đường, mà điển hình là con đường xã hội dân chủ. Thực chất con đường xã hội dân chủ chỉ là một biến dạng của con đường tư bản chủ nghĩa chứ không phải là con đường thứ ba nào cả. Ở một số nước tư bản

Tây Âu, các đảng xã hội dân chủ cầm quyền đã có những chính sách phù hợp làm thay đổi bộ mặt của chủ nghĩa tư bản đem lại cho nhân dân lao động những cải thiện đáng kể về đời sống kinh tế, các quyền tự do dân chủ... Cách làm của họ có nhiều điểm cho chúng ta nghiên cứu, học tập và áp dụng với tinh thần phê phán và có chọn lọc. Nhưng tất cả những cải cách đó vẫn không vượt ra khỏi khuôn khổ chế độ tư bản. Thực tế, các mô hình xã hội dân chủ dù ở Bắc Âu hay ở Pháp, Anh, Đức cũng chỉ là sự tìm tòi cứu vãn chủ nghĩa tư bản khỏi mâu thuẫn của nó. Hơn nữa chủ nghĩa xã hội dân chủ chỉ có thể ra đời và phát triển khi có những điều kiện cần thiết như: nền kinh tế tư bản đã phát triển cao, sự tồn tại của giai cấp trung lưu làm cơ sở xã hội, có môi trường dân chủ tư sản, có sự tồn tại của Đảng xã hội dân chủ lãnh đạo hoặc cầm quyền. Do đó, những mong muốn tìm con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội dân chủ trên đất nước ta là không có cơ sở.

Dù trong bối cảnh hiện nay, việc đi trên con đường xã hội chủ nghĩa có gặp nhiều trở ngại, thì chúng ta vẫn khẳng định tiếp tục đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đó vẫn là con đường đúng đắn duy nhất xét theo bản chất, nội dung của cuộc cách mạng ở nước ta: mục tiêu, lý tưởng của Đảng, nhân dân ta.

Khi phân tích về mặt chính trị thực tiễn, chúng ta thấy rằng Đảng và nhân dân ta chỉ có thể đi con đường xã hội chủ nghĩa chứ không có con đường nào khác. Để xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh thì đất nước phải ổn định về chính trị - xã hội. Hiện nay đất nước ta đang có ổn định chính trị - xã hội tốt so với nhiều nước quanh ta và trên thế giới. Đó là tiền đề và điều kiện thuận lợi hết sức quan trọng để xây dựng đất nước. Sự ổn định đó chính là được tạo ra trong khuôn khổ của con đường xã hội chủ nghĩa. Do vậy, giữ vững và củng cố sự ổn định theo hướng phát triển xã hội chủ nghĩa là con đường đúng đắn nhất, có lợi nhất cho đất nước, cho dân tộc.

Xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh hiện nay là một nhiệm vụ vô cùng khó khăn, phức tạp và lâu dài nhưng đó cũng là con đường đi thuận lợi nhất và nhanh nhất để có được một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh. Sự nghiệp đó đòi hỏi Đảng ta và nhân dân ta phải kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa, có một quyết tâm rất cao và phải rất sáng tạo vì chúng ta có đủ cơ sở để vững tin ở tương lai của con đường chúng ta đi. Bởi, chúng ta có chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cách mạng và khoa học soi đường, hướng dẫn để tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận một cách sáng tạo, có thực tiễn phong phú xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực ở nước ta và trên thế giới. Chính sự hình thành và phát triển của những nhân tố, những giá trị xã hội chủ nghĩa trong công cuộc đổi mới hôm nay, những tìm tòi thử nghiệm sẽ giúp chúng ta nhận thức đầy đủ hơn về con đường xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Mặt khác, chúng ta cũng có cả thực tiễn của chủ nghĩa tư bản thế giới ngày nay, một hệ thống kinh tế đã đạt đến trình độ xã hội

hóa rất cao, đã tạo ra những tiền đề mà nếu tước bỏ cái bản chất tư sản đi thì còn lại những tiền đề của chủ nghĩa xã hội. Ở đó những cái hay chúng ta tiếp thu học tập, cũng như những cái dở mà chúng ta cần biết đánh giá một cách có phê phán, tránh rơi vào bệnh giáo điều rập khuôn mới.

Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta không chỉ có những khó khăn, thách thức mà còn có nhiều thuận lợi và cơ hội mới. Với đường lối đổi mới đúng đắn sáng tạo của Đảng, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, Đảng ta và nhân dân ta sẽ tận dụng được những thuận lợi và thời cơ, khắc phục và vượt qua được các khó khăn, thử thách, nguy cơ để đi đến mục tiêu xã hội chủ nghĩa - con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

* *
*

Đúng như Đảng ta đã khẳng định: tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và dân tộc ta, là hiện thân của con đường cách mạng dân tộc Việt Nam, con đường đấu tranh thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội là tư tưởng về xây dựng một chế độ xã hội mới do nhân dân làm chủ, tất cả đều của dân, do dân và vì dân, một xã hội phát triển cao về kinh tế, văn hóa, đạo đức, con người có quan hệ xã hội lành mạnh, có cuộc sống vật chất và tinh thần cá nhân phong phú, được tạo điều kiện để phát triển hết mọi khả năng sẵn có của mình. Đó là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Vì vậy, tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa là quy luật tất yếu của cách mạng Việt Nam. Con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là từ một nước nông nghiệp lạc hậu bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa tiến lên một nước có nền công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có khoa học kỹ thuật tiên tiến là con đường mới lần đầu tiên được khai phá. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một thời kỳ lịch sử lâu dài và khó khăn, nó phải trải qua nhiều bước, "bước ngắn, bước dài tùy theo hoàn cảnh, nhưng bước đi nào phải vững chắc bước ấy, cứ tiến dần dần". Phải chống nóng nảy, chủ quan, duy ý chí, đồng thời phải chống rụt rè, bảo thủ, thiếu ý chí cách mạng tiến công. Phải thấy thời kỳ quá độ là một vấn đề lớn, có tính quy luật, sẽ còn chi phối lâu dài, nên cần được nghiên cứu.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá của toàn Đảng, toàn dân ta, là sự khái quát sâu sắc những quy luật phát triển và thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong 83 năm qua. Dưới ngọn cờ của Đảng Cộng sản Việt Nam, thực hiện đúng, vận dụng đúng tư tưởng Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã giành được những thành tích to lớn trong đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội thời kỳ hòa bình.

CHƯƠNG III.
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

I. MỘT SỐ NỘI DUNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỚI CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

1. Tư duy và hành động của Hồ Chí Minh mang nhiều ý nghĩa đổi mới

Sinh thời, Hồ Chí Minh ít dùng đến từ "đổi mới" nhưng trong thực tiễn thì tư duy và hành động cách mạng của Bác mang nhiều ý nghĩa đổi mới.

Năm 1911, khi ra đi tìm đường cứu nước, Người đã không theo cách đi của cha anh là sang phương Đông tìm sự viện trợ ở những người anh cả da vàng, phong kiến, tư sản, mà quyết đi sang phương Tây nhằm thấy rõ căn bệnh của chế độ nô lệ thuộc địa để tìm phương cứu chữa. Ở phương Tây, trong khi các bậc cha anh tìm sự cứu giúp của văn minh tư sản thì với Hồ Chí Minh khẩu hiệu *"tự do, bình đẳng, bác ái"* tuy vẫn còn cuốn hút sự chú ý của Người nhưng cái mà Hồ Chí Minh say sưa tìm hiểu lại là cái mới của thời đại. Đó là lý luận cách mạng vô sản và phong trào cộng sản công nhân quốc tế gắn với phong trào dân tộc thuộc địa.

Gặp chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh nhạy cảm nắm bắt lấy cái mới. Đó là sự phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại đế quốc chủ nghĩa - thời đại cách mạng dân tộc và thuộc địa. Khẩu hiệu "vô sản toàn thế giới liên hiệp lại" của Mác đã được Lênin phát triển lên thành khẩu hiệu "vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức liên hợp lại". Đọc *Luận cương về các vấn đề dân tộc thuộc địa* của Lênin, Hồ Chí Minh đã tìm thấy con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam.

Thực tiễn của cách mạng Việt Nam và thế giới đã cho Hồ Chí Minh thấy: Vô sản chính quốc phải cùng vô sản và nhân dân các thuộc địa trên toàn thế giới có liên kết lại với nhau mới có thể diệt được *"con đỉa hai vòi"* đế quốc chủ nghĩa: một vòi hút máu các dân tộc thuộc địa, một vòi hút máu của vô sản chính quốc để tồn tại.

Từ *cái mới* của tư duy, Hồ Chí Minh có *cái mới* trong hành động, năm 1919, Người đã cùng đại biểu các dân tộc thuộc địa gửi yêu sách lên Hội nghị Vécxây yêu cầu các cường quốc phải quan tâm đến quyền lợi của các dân tộc thuộc địa. Rồi tháng 12/1930, tham dự Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp, Người đã biểu quyết tán thành Quốc tế Cộng sản vì quốc tế này coi trọng

vấn đề giải phóng các dân tộc thuộc địa trên đất Pháp, Người đã hoạt động không mệt mỏi cho sự đoàn kết chiến đấu giữa vô sản chính quốc với vô sản thuộc địa.

Khi về nước xây dựng Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã chủ trương thành lập chính đảng của giai cấp công nhân từ ba yếu tố: Lý luận Mác - Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Đưa phong trào yêu nước vào thành một trong ba yếu tố cấu thành chính đảng vô sản là một đổi mới sáng suốt, táo bạo của Hồ Chí Minh, khiến có nhà lãnh đạo Quốc tế cộng sản bấy giờ đã cho Bác là nhà dân tộc chủ nghĩa. Nhưng lịch sử đã chứng minh đổi mới đó của Hồ Chí Minh là đúng đắn và sáng tạo.

Đến sự thành lập chính Đảng cách mạng của giai cấp công nhân Việt Nam, ngay từ đầu, *Chính cương vắn tắt* và *Sách lược vắn tắt* do Hồ Chí Minh soạn thảo đã ghi rõ thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam chứ không phải Đảng Cộng sản Đông Dương, mặc dù lúc đó sự nghiệp giải phóng các dân tộc Đông Dương còn do Đảng lãnh đạo. Cái mới này của Hồ Chí Minh xuất phát từ thực tiễn lịch sử và cách mạng của ba dân tộc Việt, Miên, Lào. Đến Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII (1941) mới được trở thành hiện thực và ngày càng được lịch sử xác minh là đúng đắn.

Tới cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám (1939 - 1945), tư duy đổi mới của Người lại tiếp tục phát huy. Từ nhận thức về mục tiêu cách mạng là cứu nước Hồ Chí Minh đã đổi mới phương châm chiến lược và tổ chức cách mạng lập "Mặt trận Việt Minh" thay cho "Mặt trận dân tộc phản đế Đông Dương", tổ chức ra các đoàn thể công, nông, thanh, phụ... cứu quốc thay cho các đoàn thể phản đế. Đường lối từ khởi nghĩa từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa... của Hồ Chí Minh cũng là cái mới trong lịch sử quân sự Việt Nam. Đặc biệt là trong chương trình cứu nước của Mặt trận Việt Minh do Hồ Chí Minh đề xướng đã nêu rõ: "thợ thuyền được hưởng Luật lao động... già có lương hưu trí, cải thiện chế độ làm việc... dân cày có đủ ruộng cày cấy, được cứu tế trong những năm mất mùa, tá điền được giảm địa tô, chia lại công điền; tư sản được tự do kinh doanh, được giúp đỡ trong việc mở mang các ngành kỹ nghệ cần thiết; địa chủ thì quyền sở hữu vẫn được coi trọng, được khai phá đất hoang; nhà buôn được tự do thông thương; sản nghiệp thương mại được pháp luật bênh vực..."[1].

Có thể nói, cho đến khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời mỗi thắng lợi của cách mạng Việt Nam được gắn liền với tư duy và hành động đổi mới của Hồ Chí Minh.

2. Một số nội dung kế thừa và phát huy tinh thần đổi mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Công cuộc đổi mới của chúng ta hiện nay nhằm giải quyết cuộc khủng hoảng sâu sắc bắt nguồn từ cuối thập niên 70 của thế kỷ XX cũng là sự kế thừa và phát huy tinh thần đổi mới mà Hồ Chí Minh đã thực hiện.

---

(1) *Văn kiện Đảng 1930 – 1945,* Nxb. Sự Thật, HN, 1977, tập 3, tr.445- 446

Từ Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (Khoá IV) tháng 8/1979, Đảng ta đã đề xuất chủ trương đổi mới. Trải qua một quá trình tìm tòi, đổi mới, bám sát thực tiễn... Đại hội lần thứ VI của Đảng năm 1986 mới chính thức bắt đầu tiến hành công cuộc đổi mới, như Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã tổng kết: "Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khoá VI) với những chính sách đã làm cho sản xuất "bung ra"; Chỉ thị: 100 của Ban Bí thư (khoá VI) về khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp; các Quyết định: 25, 26 - CP của Thủ tướng Chính phủ về nhiều nguồn cân đối và ba phần kế hoạch; Đại hội V của Đảng với việc xác định lại thứ tự ưu tiên trong phát triển kinh tế, khẳng định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu; Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (khoá V) tháng 6 năm 1985 về giá, lương, tiền; Kết luận của Bộ Chính trị (khoá V) tháng 8 năm 1986 về một số vấn đề lớn thuộc quan điểm kinh tế.

Những thử nghiệm ban đầu về đổi mới nói trên là tiền đề để dẫn tới đường lối đổi mới toàn diện tại Đại hội VI. Đường lối ấy hình thành trên cơ sở phát huy tinh thần độc lập, tự chủ, tổng kết những kinh nghiệm sáng tạo của nhân dân, của các cấp, các ngành, hợp quy luật, thuận lòng người nên đã nhanh chóng đi vào cuộc sống. Ở đây, tư tưởng Hồ Chí Minh về đổi mới đã được kế thừa và phát huy:

Thứ nhất: Như đã nói ở trên, Hồ Chí Minh trong quá trình lãnh đạo cách mạng luôn coi trọng *đổi mới tư duy*. Nay công cuộc đổi mới của Đảng ta cũng bắt đầu từ đổi mới tư duy.

Thấy rõ một trong những nguyên nhân của khủng hoảng là chúng ta duy trì quá lâu cơ chế tập trung quan liêu bao cấp mà nguồn gốc là sự trì trệ về tư duy và bảo thủ về tổ chức, nên Đại hội lần thứ VI của Đảng đã nêu rõ: "Để làm chuyển biến tình hình, Đại hội lần thứ VI này phải đánh dấu sự đổi mới của Đảng ta về tư duy, phong cách tổ chức và cán bộ. Đó là đòi hỏi bức thiết của đất nước. Đó cũng là đức tính của cách mạng, nhất là cách mạng xã hội chủ nghĩa, là bản chất sâu xa của chủ nghĩa Mác - Lênin"(1).

Báo cáo chính trị tại Đại hội nhấn mạnh: Đổi mới trước hết là đổi mới tư duy. Mà đổi mới tư duy: "Trước hết là tư duy kinh tế...". Đại hội VIII tổng kết thêm kinh nghiệm là: "Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị"(2). Nhận thức rõ tác dụng to lớn của đổi mới tư duy, Đại hội cho rằng: Đổi mới tư duy trong mọi lĩnh vực hoạt động của Đảng và Nhà nước là việc cấp bách, đồng thời là việc thường xuyên và lâu dài. Hiện nay, Đảng ta vẫn tiếp tục thực hiện phương châm đổi mới này.

Thứ hai: Hồ Chí Minh luôn nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin trong thực hiện đổi mới nên không lúc nào đi

(1)Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI,* Nxb. Sự Thật, HN, 1987, tr.124, 125

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội VIII,* Sđd, tr.71

chệch mục tiêu "độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội". Khi tìm được con đường cứu nước, Người đã khẳng định: "Chỉ có chủ nghĩa xã hội... mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên toàn thế giới khỏi ách nô lệ".

Nay trong đổi mới, Báo cáo chính trị trong Đại hội VI của Đảng cũng nhấn mạnh: "Muốn đổi mới tư duy, Đảng phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.."[1].

Theo gương Hồ Chí Minh, Đảng ta luôn xuất phát từ thực tiễn, lấy thực tiễn kiểm tra chân lý. Đại hội lần thứ VI của Đảng đã đề ra một phương châm nổi tiếng là *"nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật"*. Sự thật của cách mạng Việt Nam qua những năm đổi mới là: chỉ có khắc phục chủ nghĩa chủ quan, duy ý chí, quyết tâm đổi mới, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa mới đảm bảo được ổn định và phát triển kinh tế và văn hoá...

Đại hội VIII của Đảng đã rút ra được bài học quan trọng của Đảng là: phải xác định rõ đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là quan niệm đúng đắn hơn về chủ nghĩa xã hội và thực hiện mục tiêu ấy bằng những hình thức, bước đi và biện pháp phù hợp. Kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt, sáng tạo trong sách lược nhạy cảm "nắm bắt cái mới". Đổi mới phải được thực hiện trên cơ sở bảo vệ, kế thừa và phát huy truyền thống quý báu của dân tộc và những thành quả đã đạt được. Phê phán nghiêm túc sai lầm, khuyết điểm phải đi đôi với khẳng định những việc làm đúng, không phủ nhận sạch trơn quá khứ, không hoang mang, mất phương hướng, từ thái cực này chuyển sang thái cực khác.

Thứ ba: Trong đổi mới, Hồ Chí Minh luôn tìm cách khắc phục những yếu kém, sai lầm của giai đoạn trước bằng đổi mới sách lược hay chuyển hướng chỉ đạo chiến lược. Nay trong khắc phục sai lầm chủ quan, duy ý chí, Đảng ta từ đổi mới tư duy lý luận đã thấy rõ cách mạng xã hội chủ nghĩa phải trải qua nhiều nấc thang của thời kỳ quá độ đề ra chủ trương xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Ở đây, chúng ta thấy có sự vận dụng Chính sách kinh tế mới (NEP) của Lênin vào điều kiện hoàn cảnh Việt Nam, điều mà Hồ Chí Minh đã từng quan tâm trong xây dựng Chương trình cứu nước của Việt Minh thời Cách mạng Tháng Tám, đồng thời Đảng ta cũng nêu lên bài học kinh nghiệm: vận dụng các hình thức kinh tế và phương pháp quản lý nền kinh tế thị trường là để sử dụng mặt tích cực của nó phục vụ mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội chứ không đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, trong bất kỳ sự đổi mới nào, Đảng, Nhà nước, nhân dân ta vẫn không bao giờ xa rời con đường xã hội chủ nghĩa.

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự Thật, HN, tr.125

Tại Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 4/2006) đã xác định rõ nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta:

Thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"; giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân; đẩy mạnh xoá đói, giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát nghèo và từng bước khá giả hơn.

Phát triển nền kinh tế, trong đó nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó, thành phần kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng giữ vai trò nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá, y tế, giáo dục... giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội.

Phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Qua tổng kết 25 năm đổi mới, Đại hội XI đã tiếp tục xác định rõ thêm những vấn đề cần quan tâm để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở nước ta thời gian tới là:

- Về mục đích, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cơ chế thị trường phải được vận dụng đầy đủ để phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực nhằm phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, tăng cường đồng thuận xã hội để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Về mối quan hệ giữa các thành phần kinh tế, chủ thể kinh tế, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cần phát huy quyền tự do kinh doanh theo pháp luật của mọi công dân để làm giàu cho bản thân và đóng góp cho xã hội; mọi thành phần kinh tế, các chủ thể tham gia thị trường đều được coi trọng, cùng phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh và văn minh, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

- Về mối quan hệ giữa hội nhập quốc tế và độc lập, tự chủ, phải chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, đồng thời giữ vững tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế.

- Về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa, xã hội, phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Công bằng trong phân phối các yếu tố sản xuất, tiếp cận các cơ hội kinh doanh và phân phối kết quả làm ra.

- Phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý nền kinh tế của Nhà nước, chú trọng phát huy mặt tích cực, khắc phục mặt trái, tiêu cực của cơ chế thị trường; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong lĩnh vực kinh tế.

Thứ tư: Trong cách mạng, Hồ Chí Minh luôn coi trọng dân chủ, chăm lo tới quyền lợi của nhân dân với quan điểm lấy dân làm gốc, mọi sự nghiệp cách mạng, mọi sự nghiệp cách mạng đều là "của dân, do dân, vì dân".

Trong đổi mới, Đảng đưa ra kinh nghiệm lịch sử này lên vị trí hàng đầu: "Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng lấy dân làm gốc, xây dựng và phát triển quyền làm chủ của nhân dân lao động"[1]. Trong đổi mới chính trị phải chăm lo phát triển nguồn lực con người, thực hiện công bằng xã hội.

Tại Đại hội lần thứ X của Đảng, vấn đề phát huy quyền làm chủ của nhân dân rất được coi trọng: Đại hội khẳng định, dân chủ xã hội chủ nghĩa, vừa là động lực, vừa là mục tiêu của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Mọi đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, có sự tham gia ý kiến của nhân dân. Xây dựng xã hội dân chủ, trong đó, cán bộ, đảng viên và công chức phải thực sự là công bộc của nhân dân. Đề cao trách nhiệm của tổ chức Đảng, Nhà nước với nhân dân. Bộ máy Nhà nước và các thiết chế khác trong hệ thống chính trị không chỉ có nhiệm vụ tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, mà còn đề xuất ý kiến với Đảng trong quá trình xây dựng và hoạch định chính sách vì dân.

Xây dựng kinh tế phải chăm lo xoá đói giảm nghèo, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đưa nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, phấn đấu cho nhân dân ấm no, hạnh phúc, đất nước được văn minh, giàu mạnh.

Trong Văn kiện Đại hội XI, Đảng ta khẳng định: "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ XHCN, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân; cán bộ, công chức phải hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân".

Đảng ta là Đảng cầm quyền - một Đảng cách mạng chân chính, việc phục vụ nhân dân, hết lòng vì nhân dân phải là mục đích tối thượng. Vì vậy, mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tất cả các vấn đề về quốc kế dân sinh đều cần có sự tham gia trực tiếp của nhân dân theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Thực tế cho thấy, sự tham gia trực tiếp của nhân dân vào mọi mặt đời sống của đất nước là nét nổi bật của nền dân chủ XHCN trong hơn 25 năm qua. Nhiều vấn đề quan

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự Thật, HN, tr.29

trọng của Đảng, Nhà nước đã được trưng cầu ý kiến nhân dân. Đặc biệt, trong Đại hội XI, vai trò của nhân dân được phát huy mạnh mẽ cả trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, góp phần quan trọng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh; góp phần xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh và không ngừng tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng.

Thứ năm: Trong đổi mới, Hồ Chí Minh luôn coi trọng đổi mới tổ chức và sự lãnh đạo của Đảng, củng cố hệ thống chính trị, tăng cường khối đoàn kết toàn dân, mở rộng đoàn kết quốc tế... tạo nên một sức mạnh tổng hợp cho cách mạng Việt Nam giành thắng lợi cả trong dựng nước lẫn giữ nước.

Tại Đại hội VI của Đảng đã quyết định: "Phải xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị của một Đảng cầm quyền"(1).

Đến Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Báo cáo chính trị của Đảng lại nhấn mạnh: "Đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bao gồm: Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, lý luận..." của Đảng; "Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng"; "chấn chỉnh bộ máy cán bộ của Đảng"; "Phát huy dân chủ nội bộ, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng"; "làm sạch và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên"; "đổi mới cán bộ và đội ngũ cán bộ"(2). Đến nay, chủ trương đẩy mạnh phê bình và tự phê bình cũng như học tập và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh đang trở thành nội dung cơ bản trong công tác xây dựng Đảng.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, đã chỉ ra phương hướng và mục tiêu xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ tới là: Tiếp tục đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, có bản lĩnh chính trị, vững vàng, có đạo đức cách mạng trong sáng, có tầm trí tuệ cao, có phương thức lãnh đạo khoa học, luôn luôn gắn bó với nhân dân.

Cụ thể như sau: Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách; tổ chức thực hiện sáng tạo, có hiệu quả đường lối. Coi trọng công tác tư tưởng, tổng kết thực tiễn, xây dựng nền tảng tư tưởng, lý luận vững chắc cho sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ vững mục tiêu lý tưởng, giữ vững niềm tin, bảo đảm thống nhất giữa nhận thức và hành động. Tăng cường giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống, nâng cao tính tiên phong, gương mẫu, phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên, chống quan liêu, tham nhũng và lãng phí...

Thực hiện nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng. Kiện toàn hệ thống tổ chức. Đặc biệt chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Sđd, tr.31
(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự Thật, HN, 1991, tr.94, 98

đấu của các tổ chức cơ sở Đảng. Nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng. Tiếp tục đổi mới đồng bộ các khâu của công tác cán bộ, đặc biệt là cán bộ chiến lược, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, xây dựng và thực hiện chính sách phát triển nhân tài.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, bảo đảm vừa nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy tính chủ động, sáng tạo, tinh thần, trách nhiệm của Nhà nước, mặt trận và các đoàn thể nhân dân và người đứng đầu; khắc phục khuynh hướng buông lỏng lãnh đạo hoặc bao biện làm thay; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, thông qua Báo cáo kết quả kiểm điểm tự phê bình và phê bình của tập thể và cá nhân Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI *"Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay"* và Hướng dẫn theo Nghị quyết số 12 – NQ/TW đã đưa ra mục tiêu và các nhóm giải pháp sau đây:

Mục tiêu: Phải tạo được sự chuyển biến rõ rệt, khắc phục được những hạn chế, yếu kém trong công tác xây dựng Đảng, nhằm xây dựng Đảng ta thật sự là đảng cách mạng chân chính, ngày càng trong sạch, vững mạnh, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin trong Đảng và nhân dân, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thực hiện thắng lợi chủ trương, nghị quyết của Đảng.

Ba nhóm giải pháp:

Về tổ chức, cán bộ và sinh hoạt đảng

Một là, mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý kiểm điểm, liên hệ theo chức trách, nhiệm vụ được giao, tự phê bình và phê bình thẳng thắn, dân chủ, nghiêm túc, chân thành, gắn với thực hiện Quy định về những điều đảng viên không được làm, theo cương vị công tác. Làm tốt việc kiểm điểm để có căn cứ xem xét, sàng lọc đội ngũ cán bộ của cả hệ thống chính trị và chuẩn bị quy hoạch cấp ủy, các chức danh chủ chốt các cấp nhiệm kỳ tới.

Hai là, phát huy dân chủ thật sự trong Đảng, thực hiện nghiêm túc Quy chế chất vấn trong Đảng, nhất là chất vấn tại các kỳ họp Ban Chấp hành Trung ương và cấp ủy các cấp. Đổi mới cách lấy phiếu tín nhiệm để đánh giá, nhận xét cán bộ theo hướng mở rộng đối tượng tham gia. Những người không đủ năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ, có tín nhiệm thấp cần được sắp xếp phù hợp, có cơ chế kịp thời thay thế không chờ hết nhiệm kỳ, hết tuổi công tác.

Ba là, tiếp tục thực hiện chủ trương bố trí một số chức danh cán bộ chủ chốt ở cấp tỉnh, cấp huyện không phải là người địa phương. Thực hiện nghiêm việc kê khai tài sản theo quy định của Đảng và Nhà nước. Kê khai tài sản phải trung thực và được công khai ở nơi công tác và nơi cư trú.

Bốn là, thí điểm giao quyền cho bí thư cấp ủy lựa chọn, giới thiệu để bầu cử ủy viên thường vụ cấp ủy; cấp trưởng có trách nhiệm lựa chọn, giới

thiệu để bầu cử, bổ nhiệm cấp phó; thí điểm chế độ tiến cử, chế độ tập sự lãnh đạo quản lý; thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự theo hướng những người được dự kiến đề bạt, bổ nhiệm phải trình bày đề án hoặc chương trình hành động trước khi cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Năm là, chấn chỉnh tổ chức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, đảng bộ; thực hiện nghiêm nguyên tắc tự phê bình và phê bình.

Sáu là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Sớm tổng kết toàn diện công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm; bổ sung, sửa đổi Luật Phòng, chống tham nhũng. Kiện toàn và tăng cường trách nhiệm, nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan phòng, chống tham nhũng. Xét xử nghiêm những vụ án tham nhũng, trước hết là những vụ nghiêm trọng, phức tạp, được nhân dân quan tâm.

Bảy là, định kỳ tổ chức để nhân dân góp ý kiến xây dựng Đảng thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Về cơ chế, chính sách

Một là, khẩn trương rà soát, loại bỏ các cơ chế, chính sách đã lạc hậu, xây dựng, ban hành đồng bộ các chính sách để đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ. Trọng tâm là đánh giá cán bộ, xây dựng tiêu chuẩn cán bộ theo chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ làm cơ sở cho việc quy hoạch, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ; quy định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan, đơn vị. Ban hành quy chế để hằng năm Ban Chấp hành Trung ương góp ý kiến, thể hiện sự tín nhiệm đối với tập thể và từng thành viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư; ban chấp hành đảng bộ các cấp góp ý kiến, thể hiện sự tín nhiệm đối với tập thể và từng thành viên ban thường vụ cấp ủy cấp mình.

Hai là, rà soát cơ chế, chính sách và ban hành văn bản quy phạm pháp luật để quản lý, kiểm soát chặt chẽ vốn và tài sản nhà nước.

Ba là, tích cực thực hiện cải cách hành chính nhà nước và cải cách hành chính trong Đảng. Rà soát, loại bỏ những cơ chế, chính sách không còn phù hợp, cản trở việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức; sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định của Đảng và Nhà nước theo hướng đề cao hơn trách nhiệm và quyền hạn của người đứng đầu trong mối quan hệ giữa tập thể và cá nhân, vừa phải tôn trọng nguyên tắc tập thể, vừa phải phát huy vai trò cá nhân người đứng đầu; khuyến khích, bảo vệ người dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đặt lợi ích chung lên trên lợi ích riêng.

Bốn là, đẩy nhanh việc cải cách, thực hiện sớm chế độ tiền lương, nhà ở, chống bình quân, cào bằng; đồng thời chống đặc quyền, đặc lợi; gắn với tinh giảm biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức.

Năm là, trong năm 2012 ban hành quy chế giám sát (trực tiếp và gián tiếp) của nhân dân đối với cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng và chính quyền các cấp; trong đó có cơ chế giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, nhà khoa học; cơ chế để Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

Về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng

Một là, tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị 03-CT/TW, ngày 14-5-2011 của Bộ Chính trị; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc làm theo gương Bác một cách thiết thực, hiệu quả.

Hai là, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên gắn với việc kiểm điểm, đánh giá và biện pháp giải quyết vấn đề cấp bách trong công tác xây dựng Đảng của các cấp theo tinh thần Nghị quyết này, tạo niềm tin trong Đảng và nhân dân.

Ba là, đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn. Đưa vào nền nếp việc bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, đặc biệt là cấp Trung ương.

Bốn là, chấn chỉnh hoạt động thông tin, tuyên truyền; quản lý có hiệu quả hoạt động báo chí theo đúng định hướng của Đảng và Nhà nước. Chú trọng làm tốt hơn việc nêu gương những người tốt, việc tốt; lấy nhân tố tích cực để đẩy lùi tiêu cực; đồng thời phê phán, đấu tranh với những biểu hiện sa sút về tư tưởng chính trị, vô trách nhiệm, vụ lợi cá nhân, vi phạm những chuẩn mực đạo đức, lối sống... Tập trung chấn chỉnh, quản lý thông tin trên mạng Internet, các mạng xã hội và blog cá nhân.

Năm là, cán bộ chủ chốt và cán bộ dân cử các cấp phải thường xuyên tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân, chủ động nắm bắt tâm tư, đánh giá, dự báo diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và có biện pháp giải quyết kịp thời. Kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh, phê phán những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ Đảng. Giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội.

Thứ sáu: Trong quá trình đổi mới phải không ngừng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của dân, do dân và vì dân. Đại hội lần thứ VI - Đại hội khởi xướng sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, nếu không có một Nhà nước mạnh, đủ năng lực quản lý mọi mặt của đời sống xã hội, nhất là năng lực kinh tế thì Đảng Công sản không thể làm tròn vai trò đối với cách mạng trong những giai đoạn mới để tiếp tục mục đích, lý tưởng của mình xây dựng một Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Tại Đại hội VII, Đảng đã xác định: "Tiếp tục cải cách bộ máy Nhà nước theo phương hướng: Nhà nước thực sự là của dân, do dân và vì dân. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, dưới sự lãnh đạo của Đảng; tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện thống nhất quyền lực nhưng phân công, phân cấp rành mạch; bộ máy tinh giản, gọn nhẹ và hoạt động có chất lượng cao trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật, quản lý"(1). Nhà nước Việt Nam thống nhất có ba quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp, với sự phân công rành mạch ba quyền đó.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (6/1996) vẫn tiếp tục khẳng định lại năm quan điểm và các nhiệm vụ xây dựng kiện toàn bộ máy Nhà nước mà Đảng ta đã nêu ra trước đó, trong đó có đề cập quan điểm tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam, quản lý xã hội bằng pháp luật.

Sau đó, Nghị quyết thứ nhất của Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về "Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh".

Đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, nhận thức về Nhà nước pháp quyền được phát triển lên một tầm cao mới có tính đột phá về tư duy lý luận, là sự vận dụng sáng tạo học thuyết Nhà nước pháp quyền vào điều kiện Việt Nam. Văn kiện Đại hội IX khẳng định: "Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật"(2). Quan điểm về xây dựng Nhà nước pháp quyền của Đảng ta đã chính thức được thể chế hóa tại Điều 2 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sửa đổi, bổ sung năm 2001): "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức"(3).

Đại hội lần thứ X của Đảng, trên cơ sở tổng kết lý luận và thực tiễn của 20 năm đổi mới, đã khẳng định rõ những yếu tố hợp thành xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng. Trong các yếu tố đó có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Đây là một sự khái quát hết sức cô đọng và đầy đủ về nội hàm của

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII,* Nxb. Sự Thật, HN, 1991, tr.94 –98

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn Kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*

(3) Nghị quyết của Quốc hội số 51/2001/QH10 (sửa đổi, bổ sung một số điều) của Hiến pháp năm 2001, Điều 2.

khái niệm chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Từ thực tiễn 20 năm đổi mới, Đảng ta đã rút ra những bài học lớn, trong đó có bài học về xây dựng Nhà nước pháp quyền, coi đó là yêu cầu bức thiết của xã hội.

Đại hội lần thứ XI của Đảng, khẳng định: chế độ nhân dân làm chủ, quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện chủ yếu bằng nhà nước. Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền, lãnh đạo toàn xã hội cũng chủ yếu bằng Nhà nước và thông qua Nhà nước. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (NNPQXHCN) Việt Nam thật sự của dân, do dân, vì dân, trong sạch, vững mạnh, quản lý có hiệu lực, hiệu quả cao mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối nội, đối ngoại của đất nước luôn là mối quan tâm, là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng và nhân dân ta.

Một trong tám đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng được *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung phát triển năm 2011),* thông qua tại Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng (gọi tắt là Cương lĩnh), xác định là: **Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.** Cương lĩnh cũng xác định rõ bản chất và các nguyên tắc cơ bản về tổ chức, hoạt động của NNPQXHCN mà nhân dân ta phấn đấu xây dựng:

- Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

- Nhà nước phục vụ nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân.

- Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

- Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

Đây là những quan điểm cơ bản chỉ đạo việc xây dựng NNPQXHCN trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Thứ bảy: Trong quá trình đổi mới, phải phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Thực hiện đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để

gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài.

Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức Đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng, các chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa hàng đầu. Đó là cốt lõi theo tư tưởng Đại đoàn kết toàn dân của tư tưởng Hồ Chí Minh mà Đảng ta đang vận dụng một cách sáng tạo trong công cuộc đổi mới đất nước.

Đại hội X đưa vấn đề phát huy sức mạnh toàn dân tộc thành một trong bốn thành tố của chủ đề Đại hội với quan điểm: Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, là động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định đảm bảo thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đại hội XI của Đảng đã diễn ra với chủ đề: "Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại".

II. SỰ VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI HIỆN NAY

1. Kiên định con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Đối với mỗi dân tộc, không có gì quan trọng hơn việc tìm cho mình con đường đúng đắn. Trọng trách này thuộc về nhưng ai tiêu biểu nhất cho dân tộc, biết kết hợp nhuần nhuyễn các nhân tố khách quan và chủ quan, truyền thống và hiện đại, dân tộc và quốc tế... Kinh nghiệm lịch sử còn chỉ rõ, cách mạng chỉ giành thắng lợi khi đã có con đường đúng đắn và trong mọi tình huống, trước mọi thử thách luôn luôn kiên định con đường đã chọn.

Điều trước tiên để Hồ Chí Minh từ người đi tìm đường cứu nước trở thành người dẫn đường cho dân tộc Việt Nam là người tìm ra con đường giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người đúng đắn nhất: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Mỗi dân tộc đều tự khám phá con đường giải phóng và phát triển phù hợp với những điều kiện lịch sử cụ thể của mình. Từ một nhà yêu nước vĩ đại, bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường cứu nước. Con đường đó được khẳng định rất rõ ràng ngay trong Hội nghị thành lập Đảng 3/2/1930. Chính cương vắn tắt của Đảng, do Hồ Chí Minh soạn thảo, được hội nghị thông qua khẳng định: "Đảng chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản". Từ đó trở đi, bất chấp mọi khó khăn, cản trở, Hồ Chí Minh không bao giờ dao động, xa rời mục tiêu đã chọn. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là điều cốt lõi nhất trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Cũng có thể nói, bản chất của con đường cách mạng Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh đã từng nhấn mạnh, mọi hoạt động, mọi bài nói, bài viết của Người đều tập trung vào một mục tiêu, vào một chủ đề là chống đế quốc, chống phong kiến, tuyên truyền độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Chủ đề này cũng được Hồ Chí Minh thể hiện rất đậm nét trong bản Di chúc. Toàn bộ Di chúc trên 2600 chữ, trong đó từ điều: "Trước hết nói về Đảng" đến điều: "Điều mong muốn cuối cùng" của Người đều xoay quanh chủ đề độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Với Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng thành lý luận cách mạng xuyên suốt và nhất quán. Đây chính là đóng góp quan trọng nhất của Hồ Chí Minh vào kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin.

Nhận xét về tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh, đồng chí Phạm Văn Đồng viết: Trong toàn bộ tư tưởng cũng như suốt cả quá trình hoạt động của Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là quan điểm cơ bản nhất, là cốt lõi, là nguồn gốc, là hạt nhân chi phối hệ tư tưởng cũng như sự nghiệp cách mạng. Độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội đứng về mục tiêu và nội dung của từng bộ phận vừa là hai vừa là một, bởi hai bộ phận này gắn bó mật thiết, hữu cơ với nhau như hình với bóng, cái trước đòi hỏi cái sau, cái sau đáp ứng cái trước, khác nào như 2 bộ phận của một cơ thể, tác động qua lại một cách hài hoà, cùng nhau phát triển và lớn lên. Đồng chí Phạm Văn Đồng kết luận: Quan điểm có tính lý luận cơ bản và có tính thực tiễn phong phú này là sự vận dụng sáng tạo và có phát triển học thuyết Mác - Lênin.

Như vậy, với Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam, vấn đề trước tiên thể hiện lòng trung thành với sự lựa chọn của Hồ Chí Minh là kiên định con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Các văn kiện đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam, đặc biệt từ khi Tổ quốc thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, đều thấm nhuần sự trung thành, kiên định tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng nêu lên nhận định mang tính tổng kết: Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, khi cả nước làm một nhiệm vụ chiến lược hoặc hai nhiệm vụ chiến lược, Đảng ta từ khi ra đời đến nay vẫn luôn luôn giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đó là đường lối, là sức mạnh, là nguồn gốc mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội được thông qua tại Đại hội VII của Đảng đã rút ra 5 bài học lớn, bài học đầu tiên là nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh đòi hỏi trong thời kỳ đổi mới: "Toàn Đảng, toàn dân tiếp tục nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, ngọn cờ vinh

quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và thế hệ mai sau"[1].

Tổng kết chặng đường 10 năm đổi mới (1986 - 1996) Đại hội VIII rút ra một số bài học chủ yếu, trong đó bài học đầu tiên vẫn là: "Trong quá trình đổi mới, phải giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội"[2].

Đại hội VIII đòi hỏi bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phẩm chất hàng đầu của mỗi cán bộ, đảng viên là "chính trị vững vàng, trung thành với lý tưởng cách mạng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội".

Báo cáo chính trị tại Đại hội IX của Đảng nêu rõ: Qua thực tiễn đổi mới càng thấy nổi bật nhiều điều sâu sắc, trong đó điều đầu tiên là: trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Tại Đại hội X, khi tổng kết và rút ra bài học hơn 20 năm đổi mới, Đảng ta khẳng định: "Trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đổi mới không phải từ bỏ mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà là làm cho chủ nghĩa xã hội được nhận thức đúng đắn hơn và được xây dựng có hiệu quả hơn. Đổi mới không phải xa rời mà là nhận thức đúng, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy đó làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng"[3].

Hơn 75 năm qua, thời gian đó đủ để mỗi người Việt Nam kiểm nghiệm và rút ra những kết luận về sự sáng tạo đúng đắn của con đường cách mạng Hồ Chí Minh. Đối với Việt Nam, chỉ có độc lập thực sự mới tạo điều kiện để đi lên chủ nghĩa xã hội, và chỉ có xây dựng chủ nghĩa xã hội mới thực sự có độc lập cho Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định, ở Việt Nam, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn duy nhất đúng; đó là sự lựa chọn của lịch sử, sự lựa chọn này đã được khẳng định từ năm 1930. Quan điểm trên đây thể hiện sự trung thành và quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tại Đại hội XI, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng khẳng định: Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới bảo đảm cho dân tộc ta có độc lập, tự do thực sự, đất nước phát triển phồn vinh, nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, phải tiếp tục đổi mới toàn diện, mạnh mẽ với chất lượng

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội,* Nxb. Sự thật, HN, 1991, tr.4
(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII,* Nxb. CTQG, HN, 1996, tr.14
(3) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* Nxb. CTQG, HN, 2006, tr.70

và hiệu quả cao hơn; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức; phát triển kinh tế thị trường gắn với giải quyết hài hoà các vấn đề xã hội, môi trường; xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của xã hội; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia; thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Đặc biệt chú trọng xử lý và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn: quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011), khẳng định: "Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử".

Trong đó có vai trò rất to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh: "Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi."

2. Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới

Phần lớn cuộc đời Hồ Chí Minh tập trung cho giải phóng dân tộc. Khi Hồ Chí Minh qua đời, đất nước vẫn chưa hoà bình, thống nhất, vì vậy, những vấn đề về chủ nghĩa xã hội, Người mới chỉ kịp vạch ra trên những nét cơ bản. Bước vào thời kỳ xây dựng, nhất là trong điều kiện nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, càng đòi hỏi Đảng và Nhà nước và nhân dân ta vận dụng một cách sáng tạo, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh đưa đất nước đi lên vững chắc theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hội nghị lần thứ VI của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VI) tháng 3/1989, đã nêu lên những nguyên tắc cơ bản trong quá trình đổi mới. Một trong những nguyên tắc đó là: Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho mục tiêu được thực hiện có hiểu quả, bằng

những quan niệm đúng về chủ nghĩa xã hội, với những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp. Nguyên tắc này không chỉ đáp ứng kịp thời đòi hỏi tình hình trong nước và quốc tế lúc bấy giờ mà còn có ý nghĩa lâu dài đối với sự nghiệp đổi mới.

Như chúng ta đã biết ở thời điểm đó, các nhà chính trị Liên Xô (cũ), đã nhiều lần tuyên bố mục tiêu của cải tổ là để có chủ nghĩa xã hội nhiều hơn. Nhưng công cuộc cải tổ đã bị các lực lượng phản động, cơ hội các nước và quốc tế lợi dụng cấu kết chặt chẽ với nhau nên chỉ qua mấy năm Liên Xô - một cường quốc xã hội chủ nghĩa đã sụp đổ và tan rã.

Đối với Việt Nam, chính nhờ kiên trì mục tiêu xã hội chủ nghĩa nên qua 25 năm đổi mới đất nước đã có bước phát triển rõ rệt. Nguyên nhân quan trọng nhất đưa lại thành tựu to lớn đó như văn kiện Đại hội VIII khẳng định: Việc hoạch định và thực hiên đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cần nhận thức rằng, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa là khó khăn, phức tạp, lâu dài. Đó là cuộc đấu tranh chống lại các lực lượng phản động đang hàng ngày hàng giờ dùng trăm phương ngàn kế tác động trực tiếp đến sự nghiệp đổi mới và hi vọng làm chệch hướng xã hội chủ nghĩa, đó là việc phải khắc phục cho được những lệch lạc trong chính sách và chỉ đạo thực hiện. Đó còn là cuộc đấu tranh chống lại những nhận thức và làm sai trái của một số người.

Hồ Chí Minh đã nhiều lần chỉ rõ Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội là tất yếu, nhưng nó là cuộc đấu tranh gay go, quyết liệt, lâu dài giữa xấu và tốt, cũ và mới, lạc hậu và tiến bộ. Di chúc của Người có đoạn: việc xây dựng lại các thành phố, làng mạc đẹp đẽ đàng hoàng hơn trước chiến tranh, việc khôi phục, mở rộng các ngành kinh tế, phát triển kinh tế, giáo dục, cũng cố quốc phòng là rất to lớn nặng nề và rất phức tạp. Đồng thời Hồ Chí Minh cũng khẳng định: đây là cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ hư hỏng để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi. Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu thắng lợi này cần phải động viên toàn dân tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân.

Sự vĩ đại của Hồ Chí Minh còn thể hiện ở chỗ, ngay từ năm 1953, Người đã cho rằng dưới chế độ dân chủ mới có 5 thành phần kinh tế khác nhau: kinh tế quốc doanh, kinh tế hợp tác xã, kinh tế cá nhân, nông dân và thủ công, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước. Trong nền kinh tế nhiều thành phần ấy, để khỏi chệch hướng xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh nhấn mạnh phải làm cho kinh tế quốc doanh phát triển nhanh hơn và giữ vai trò lãnh đạo.

Trung thành và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh, hiện nay, trong khi phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, để khỏi chệch hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: phải làm cho kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa là cách mạng. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, để cách mạng thành công, trước hết cần có Đảng vững mạnh, để cho Đảng vững mạnh, lãnh đạo sự nghiệp đổi mới thắng lợi, trung thành với tư tưởng Hồ Chí Minh, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ III (khoá II) của Đảng khẳng định vị trí then chốt của công tác xây dựng Đảng. Cũng để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa mà Hội nghị Trung ương lần thứ III (khoá VIII) đã ra Nghị quyết: "Về chiến lược cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước" bởi vì: "Muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém". "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc, huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng".

Đặc biệt, làm theo lời căn dặn của Hồ Chí Minh: Việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, Đảng ta đã chính thức phát động cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương 6 (lần 2, khoá VIII) đã quyết định: "Toàn Đảng tiến hành cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình nhân kỷ niệm 30 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh... và kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng". Định hướng xã hội chủ nghĩa và sự lãnh đạo của Đảng có liên quan mật thiết với nhau. Chỉ có sự lãnh đạo của Đảng mới đảm bảo đưa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa và để có định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải có sự lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, Nghị quyết Trung ương sáu (lần 2, khoá VIII) đòi hỏi phải kiên định một số quan điểm mang tính nguyên tắc: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng ta, dân tộc ta; chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng; Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, không chấp nhận đa nguyên đa đảng.

3. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh: đổi mới là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; mọi chủ trương, chính sách phải dựa vào dân, lấy dân làm gốc

Trong tư tưởng chỉ đạo cũng như trong thực tiễn hành động, Hồ Chí Minh luôn luôn đề cao vai trò làm chủ của nhân dân, tôn trọng quyền lực của dân, tin tưởng vào khả năng, sức mạnh của dân. Hồ Chí Minh quan niệm: chủ nghĩa xã hội là công trình tập thể của dân, do nhân dân tự xây dựng lấy dưới sự lãnh đạo của Đảng, do đó phải đem tài dân, sức dân, của dân để làm lợi cho dân. Trong Di chúc đề cập đến những công việc đổi mới to lớn, phức tạp, khó khăn sau chiến tranh, Hồ Chí Minh nhắc nhở: "Để giành lấy thắng lợi trong cuộc kháng chiến khổng lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của nhân dân"[1].

Quán triệt bài học này, Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng ta nhấn mạnh: "Động lực chủ yếu để phát triển

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Nxb. CTQG, HN, 2000, tập 12, tr.505

đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hoà các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội"[1]. Nói cụ thể là phải khơi dậy mạnh mẽ mọi nguồn lực trong nhân dân.

Hiện nay, chúng ta đang đề cập đến 4 nguy cơ: tụt hậu, chệch hướng, quan liêu, tham nhũng và diễn biến hoà bình, nhưng còn ít nói về khâu đột phá để tạo sức mạnh vượt nguy cơ. Trong lịch sử dân tộc, không có thời kỳ nào cha ông ta không phải đối phó với những nguy cơ rình rập từ nhiều phía, song cha ông ta đã chiến thắng, vì cha ông ta biết dựa vào dân. Nếu cần phải đề phòng một nguy cơ nữa thì xin được nhắc lại lời nhắn của Hồ Chí Minh là phải làm sao để không xa dân, mất lòng dân, sao cho được lòng dân, vì mất lòng dân là mất tất cả.

Để vận dụng, quán triệt quan điểm dựa vào dân, lấy dân làm gốc của Hồ Chí Minh, chúng ta phải giải quyết đồng bộ nhiều vấn đề. Trước hết phải chăm lo nguồn lực con người, nhằm hình thành được một đội ngũ cán bộ chiến lược giỏi, một đội ngũ trí thức - các nhà khoa học và công nghệ có trình độ cao, một đội ngũ đông đảo những người lao động đã qua đào tạo, có văn hoá, đạo đức, có tay nghề, có ý chí, dẻo dai về thể chất và tinh thần để lao động trong điều kiện cạnh tranh dữ dội với các nền kinh tế trong khu vực và trên thế giới. Đồng thời, để khơi dậy sức mạnh đoàn kết toàn dân, phải mở rộng dân chủ, phát huy quyền làm chủ, bồi dưỡng ý thức làm chủ của nhân dân. Người lãnh đạo, người quản lý phải coi dân chủ vừa là bản chất, vừa là mục tiêu chủ nghĩa xã hội, vừa là sức mạnh, là chìa khoá để giải quyết mọi khó khăn, như Hồ Chí Minh đã nói.

Đại hội X của Đảng đã khẳng định: Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới. Điều đó thể hiện cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân.

Công cuộc đổi mới ở nước ta đã trải qua 25 năm, tròn 1/4 thế kỷ, từ Đại hội VI (12-1986) đến Đại hội XI (1-2011) đều được chỉ dẫn một cách nhất quán phương châm hành động và mục tiêu hướng tới là: Đại hội của Đổi mới - Trí tuệ - Dân chủ - Đoàn kết và Phát triển. Đại hội XI khẳng định: Thành tựu của đổi mới là to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Sau chặng đường mười năm đầu của đổi mới, nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, tạo được tiền đề cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Sau mười năm tiếp theo, nước ta đã ra khỏi tình trạng kém phát triển. Giờ đây, sau hơn 25 năm đổi mới, thời kỳ phát triển mới có tính bước ngoặt đã mở ra với Việt Nam. Đó là thời kỳ tiếp tục đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, phát huy nội lực, tận

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. CTQG, HN, 2001, tr.86

dụng ngoại lực, tạo nền tảng để nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Con đường phát triển của Việt Nam theo lý tưởng và mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh, tình hình và điều kiện hiện nay chỉ có thể là phát triển bền vững. Trong cuộc hành trình có không ít điều mới lạ và gian nan, khó nhọc này, thời cơ vận hội để phát triển luôn đan xen với những thách thức và nguy cơ của phát triển. Đón kịp và tận dụng được thời cơ thì thách thức, nguy cơ sẽ suy giảm, vượt qua được thách thức, nguy cơ thì tự nó lại phát lộ thêm thời cơ mới, tạo đà cho Thế và Lực của chúng ta mạnh lên. Ngược lại, nếu thời cơ bị bỏ lỡ, thách thức không vượt qua được thì khó khăn sẽ chồng lên khó khăn, mục tiêu khó đạt, sự nghiệp khó thành.

Những thành tựu của đổi mới có được là nhờ sức mạnh đại đoàn kết của toàn dân tộc gắn liền với tài năng sáng tạo, lao động cần cù, hai sương một nắng của nhân dân trên cơ sở Đảng đề ra đường lối đúng, có phương pháp lãnh đạo khoa học, có bản lĩnh chính trị vững vàng. Đổi mới thực sự là công trình sáng tạo vĩ đại của toàn dân dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng mà đoàn kết và đại đoàn kết là nguồn sinh khí dồi dào làm nên sức sống và tầm vóc của đổi mới.

4. Chống chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa giáo điều, bảo vệ và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

Sức sống mãnh liệt của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ ở những nguyên lý, quan điểm, do các ông nêu lên mà còn ở sự vận dụng sáng tạo, bảo vệ và phát triển của các thế hệ tiếp theo. Chính sự vận dụng sáng tạo, bảo vệ và phát triển đó làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trường tồn, ngày càng có sức mạnh to lớn.

Lênin cho rằng: "chủ nghĩa Mác không phải là một giáo điều, chết cứng, một học thuyết nào đó đã hoàn thành hẳn, có sẵn đâu vào đấy, bất di bất dịch, mà là một kim chỉ nam sinh động cho hành động. Chính vì thế, nó không thể không phản ánh sự biến đổi đặc biệt mạnh mẽ của điều kiện sinh hoạt xã hội".

Từ cách nhìn biện chứng cách mạng đó, vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Lênin đã có công bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác thành chủ nghĩa Mác - Lênin.

Cũng như vậy, khi tiếp thụ chủ nghĩa Mác - Lênin, cần thiết phải bổ sung cho Chủ nghĩa Mác những tư liệu mà ở thời mình Mác không thể có được. Đó là những vấn đề không thể có được của các dân tộc Phương Đông, và các dân tộc thuộc địa. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "chủ nghĩa Mác - Lênin là kim chỉ nam cho hành động, chứ không phải là kinh thánh". Đấy là tấm gương sáng về sự trung thành, đổi mới và sáng tạo.

Thực tế cho thấy, trước khi chế độ xã hội chủ nghĩa sụp đổ ở Đông Âu và Liên Xô, trong nhiều nước XHCN xuất hiện tình trạng nhận thức và vận

dụng sai những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa giáo điều đã đưa đến một mô hình về chủ nghĩa xã hội với nhiều khuyết tật và thiếu sót.

Tại Hội thảo khoa học quốc tế "Chủ nghĩa xã hội hướng tới thế kỷ XXI", tổ chức ở Cu Ba, tháng 10/1997, các nhà khoa học của nhiều đảng cộng sản và các đảng cánh tả, trong đó Đảng ta đã có chung một nhận định: Bi kịch của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu là do những sai lầm nghiêm trọng trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, dẫn đến việc làm sai lệch bản chất của chủ nghĩa xã hội. Kẻ thù của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xét lại đã căn cứ vào thực tiễn sai lầm đó để bôi nhọ toàn bộ chủ nghĩa xã hội, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin như vậy. Vấn đề đặt ra là để phù hợp với chính những lời nói và việc làm của Mác, Lênin và Hồ Chí Minh trong nghiên cứu khoa học cũng như hoạt động thực tiễn, chúng ta cần chú trọng giải quyết đúng đắn các mối quan hệ: tuyệt đối trung thành, vận dụng sáng tạo, bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là hai bộ phận không thể tách rời, tạo nên nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam. Để làm cho nền tảng của Đảng ngày một vững chắc, cách mạng Việt Nam không thể chệch hướng, chúng ta cần nghiên cứu, vận dụng sáng tạo, phát triển cũng như phải đấu tranh bảo vệ cả chủ nghĩa Mác - Lênin lẫn tư tưởng Hồ Chí Minh. Điều đó đòi hỏi chúng ta trong nghiên cứu lý luận cũng như hoạt động thực tiễn không nên nhấn mạnh bộ phận này, xem nhẹ bộ phận kia. Cũng không thể chấp nhận những biểu hiện phê phán chủ nghĩa Mác - Lênin để ca ngợi tư tưởng Hồ Chí Minh hoặc ngược lại những việc làm không khoa học và thiếu nhất quán đó đều ảnh hưởng trực tiếp đến nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam.

Thời kỳ đổi mới toàn diện và sâu sắc đất nước hiện nay đòi hỏi mỗi chúng ta cần có sự thống nhất, gắn bó chặt chẽ giữa nghiên cứu, học tập và vận dụng sáng tạo, hành động theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là con đường duy nhất đúng đắn đưa Việt Nam đến mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

* *
*

Từ Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khởi xướng và dẫn dắt nhân dân ta tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước theo lý tưởng và mục tiêu chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng Hồ Chí Minh thực sự trở thành nguồn sức mạnh cho sự nghiệp đổi mới.

Sau hơn 25 năm đổi mới toàn diện, trong những hoàn cảnh hết sức khó khăn và phức tạp, đất nước ta không những đã đứng vững vàng mà còn vượt lên đạt những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Đất nước đã từng bước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, kinh tế tăng trưởng khá nhanh,

nguồn nội lực đất nước tăng lên nhiều. Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ đã cơ bản hoàn thành và đang chuyển sang thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Chúng ta vô cùng tự hào vì mỗi bước đi lên của cách mạng Việt Nam đều gắn với công lao - sự nghiệp - tư tưởng - đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh - người anh hùng giải phóng dân tộc vĩ đại đã làm rạng rỡ dân tộc ta, non sông, đất nước ta, đã đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta vững vàng tiến bước tới tương lai.

Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường thắng lợi cho cách mạng Việt và ngày nay dưới sự lãnh đạo của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động tiến lên xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là di sản tinh thần vô cùng quý giá của Đảng và dân tộc ta. Bước vào thời kỳ tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, sự vận dụng đúng đắn và sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như chủ nghĩa Mác - Lênin càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Học tập, quán triệt những quan điểm cơ bản và vận dụng có hiệu quả tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cuộc sống xã hội của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta là nhân tố quyết định thắng lợi của toàn bộ sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

Bản sao lưu

CHƯƠNG IV.
ĐẢNG LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN DÂN CHỦ TỪ 1986 ĐẾN NAY

Lịch sử loài người đã trải qua nhiều giai đoạn với nhiều cấp độ phát triển khác nhau, gắn liền với những giai đoạn đó là những hình thái kinh tế xã hội, theo C. Mác loài người sẽ trải qua 5 hình thái kinh tế xã hội mà đỉnh cao là chủ nghĩa cộng sản. Khi đó con người hoàn toàn được giải phóng hay nói khác đi đó là giải phóng những lực lượng bản chất của con người. Trong quá trình phát triển của các hình thái kinh tế xã hội, thực chất chính là cuộc đấu tranh để tìm thấy xã hội tốt hơn tức là vì hạnh phúc của con người hay nói cách khác là tính dân chủ của nhân dân luôn được đảm bảo dưới chế độ xã hội đó. Mỗi người chúng ta, ai cũng thấy rằng dân chủ là khát vọng cháy bỏng từ ngàn đời của lịch sử loài người từ Cổ chí Kim, từ Đông sang Tây. Đối với các dân tộc thuộc địa, độc lập dân tộc là nội dung cốt lõi nhất là tiền đề cơ bản nhất của dân chủ. Do đó, một dân tộc thuộc địa không thể là một dân tộc có tự do được, vì vậy cuộc đấu tranh để giành độc lập chủ quyền, đem lại tự do dân chủ cho người dân là vấn đề được xem là trên hết.

Chính vì những vấn đề cơ bản đó, ngay từ khi thành lập Đảng đã lãnh đạo phong trào cách mạng cùng với nhân dân Việt Nam trải qua trên một thế kỷ đấu tranh chống Pháp, Mỹ và phải hi sinh biết bao xương máu để giành độc lập cho Tổ quốc và tự do cho nhân dân vào năm 1975. Cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam cũng là cuộc đấu tranh tiên phong chống lại chế độ chủ nghĩa thực dân cũ và mới trong thế kỷ XX. Vì vậy giá trị thời đại của cuộc đấu tranh vô cùng to lớn, nó không những vạch trần, lên án trên phạm vi toàn thế giới về chế độ bóc lột người của chủ nghĩa tư bản mà nó còn cho các dân tộc thuộc địa và nhân dân lao động hiểu rằng chế độ chủ nghĩa tư bản không bao giờ có dân chủ cho người dân lao động. Vì thế cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản và sự sụp đổ của nó là một tất yếu của lịch sử.

Ngày nay trong công cuộc đổi mới đất nước thì vấn đề dân chủ cũng thật sự là vấn đề nóng bỏng nhất. Đặc biệt trong giai đoạn cầm quyền của Đảng, phải đương đầu mọi khó khăn, thử thách để chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam đến bến bờ chủ nghĩa cộng sản. Đó là con đường đi khó khăn, gian nan, lâu dài và phải trải qua nhiều giai đoạn, trong đó có những thế lực phản động, thù địch hay những cán bộ thoái hóa biến chất là một trở ngại trong việc phát huy dân chủ. Chúng ta đều tin rằng chế độ ta thật sự là nguyện vọng của tất cả nhân dân lao động vì đó là thật sự một xã hội

dân chủ, đó là nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo và quản lý của Nhà nước và nhân dân lao động là người chủ của đất nước.

I. CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DÂN CHỦ

1. Quan niệm chủ nghĩa Mác - Lênin về tính tất yếu của dân chủ

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, dân chủ thuộc bản chất của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội không thể tách rời dân chủ, không có dân chủ thì không có chủ nghĩa xã hội. Dân chủ là khát vọng ngàn đời của loài người. Nhân dân lao động và biết bao thế hệ đã không ngừng đấu tranh vì dân chủ, đòi dân chủ, vì dân chủ. Vì vậy dân chủ là thành quả đấu tranh của quần chúng lao động. Chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản là đỉnh cao trong sự phát triển của xã hội loài người nên cũng là đỉnh cao của dân chủ.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản,* Mác và Ăngghen đã coi chủ nghĩa cộng sản là một thể liên hiệp tự do của những người lao động đã thoát khỏi mọi sự áp bức và bóc lột. Trong tác phẩm Nhà nước và Cách mạng, Lênin khẳng định bản chất giai cấp của dân chủ và cho rằng dân chủ xã hội chủ nghĩa là dân chủ gấp triệu lần dân chủ tư sản, là dân chủ với đại đa số nhân dân, đó là dân chủ thật sự. Lênin cho rằng: "Dân chủ cho tuyệt đại đa số nhân dân và trấn áp bằng vũ lực bọn bóc lột, bọn áp bức nhân dân, nghĩa là tước bỏ dân chủ đối với bọn chúng: đó là sự biến đổi của chế độ dân chủ trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản"(1).

Mác đã từng nói: "Đấu tranh giai cấp tất nhiên đưa đến chuyên chính vô sản"(2), sau khi lật đổ quyền lực của giai cấp tư sản, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, khi tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với xã hội cũ và xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi tất yếu phải thiết lập nền dân chủ xã hội chủ nghĩa (dân chủ vô sản, chuyên chính vô sản). Lênin còn cho rằng: Tiến lên chủ nghĩa cộng sản, phải trải qua chuyên chính vô sản chứ không thể đi theo hướng nào khác cả, vì không có giai cấp nào khác, mà cũng không có con đường nào khác, để đập tan sự phản kháng của bọn tư bản bóc lột được.

Mà chuyên chính vô sản, nghĩa là việc tổ chức đội tiên phong của những người bị áp bức thành giai cấp thống trị để trấn áp bọn áp bức, thì không thể giản đơn đóng khung trong việc mở rộng chế độ dân chủ được. Đồng thời với việc mở rộng rất nhiều chế độ dân chủ – lần đầu tiên biến thành chế độ dân chủ cho người nghèo, chế độ dân chủ cho nhân dân chứ không phải cho bọn nhà giàu"(3).

---

(1) *Lênin: Toàn tập,* Nxb. Tiến bộ Mátxcơva, 1976, tập 33, tr.109
(2) *C. Mác – Ăngghen: Tuyển tập,* Nxb. Sự Thật, HN, 1971, tr.552
(3) *Lênin: Toàn tập,* Nxb. Tiến bộ Mátxcơva, 1976, tập 33, tr.108 –109

Tuy nhiên dân chủ phải có hai mặt: quyền lợi và nghĩa vụ, "không có quyền lợi mà không có nghĩa vụ, không có nghĩa vụ nào mà không có quyền lợi"(1).

2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về dân chủ

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cụ thể hóa, vận dụng và phát triển quan điểm Chủ nghĩa Mác - Lênin về dân chủ. Theo Người, dân chủ tức là "dân là chủ và dân làm chủ" không thể có dân chủ nếu nhân dân không được làm chủ. Người chỉ rõ: "Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công cuộc đổi mới xây dựng là trách nhiệm của dân. Chính quyền từ xã đến chính phủ Trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân"(2).

Ngay từ khi tiếp tục chế độ Nhà nước, Hồ Chí Minh khẳng định: "Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nhà nước dân chủ nhân dân phải đặt dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính Đảng của mình"(3). Đó là nguyên tắc bất di bất dịch là nguyên nhân đầu tiên quyết định cho sự đứng vững của Nhà nước. Trong Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam (2/1951) đã nêu rõ vấn đề dân chủ của chính quyền Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Người chỉ rõ nhiệm vụ cấp bách là tổng tuyển cử tức là phát huy dân chủ cho người dân. Hồ Chí Minh nhấn mạnh "Tổng tuyển cử là một việc cho toàn thể quốc dân tự lựa chọn những người có tài, có đức để gánh vác công việc nước nhà"(4). Trong cuộc Tổng tuyển cử "hễ là những người muốn lo việc nước thì đều có quyền ra ứng cử; hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử (...) do tổng tuyển cử mà toàn dân bầu ra Quốc hội, Quốc hội sẽ cử ra Chính phủ, Chính phủ đó là Chính phủ của toàn dân".

Nhân dân không chỉ bầu ra mà có quyền kiểm soát, giám sát các đại biểu có quyền bãi miễn họ. Ngay sau khi giành chính quyền nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi nhân dân phát huy quyền làm chủ của mình để giám sát công việc của Chính phủ. "Nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân với đại biểu của mình". Tại kỳ họp Quốc hội thứ 11, Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 18/12/1959, Hồ Chí Minh khẳng định: "Nhà nước ta phát huy dân chủ đến cao độ, đó là tính chất của Nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân. Có phát huy dân chủ đến cao độ thì mới động viên được tất cả lực lượng nhân dân đưa cách mạng tiến lên. Đồng thời phải tập trung đến cao độ để thống

(1) *C. Mác – Ăngghen: Toàn tập,* Nxb. CTQG, HN, 1994, tập 16, tr.25
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Nxb. CTQG, HN, 1995, tập 5, tr.698
(3) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Nxb. CTQG, HN, 1995, tập 9, tr.586
(4) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Nxb. CTQG, HN, 1995, tập 4, tr.8, 33

nhất lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên Nhà nước phải đảm bảo quyền tự do dân chủ cho công dân, nhưng nghiêm cấm lợi dụng các quyền tự do dân chủ để xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước của nhân dân"...

II. ĐẢNG LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN DÂN CHỦ TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

1. Vai trò và tính chất của dân chủ

a. Vai trò của nền dân chủ

Vấn đề dân chủ đã, đang và sẽ còn là một vấn đề thời sự quốc tế, các thế lực thù địch thường giương lên chiêu bài dân chủ, nhân quyền để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, đòi các nước xã hội chủ nghĩa phải đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, rằng chỉ có như vậy mới là dân chủ. Họ còn nói chế độ một đảng là không dân chủ, thậm chí đòi các Đảng cộng sản đang cầm quyền phải từ bỏ vai trò lãnh đạo của mình. Từ đó chúng ta có thể thấy rằng vấn đề dân chủ nó có vị trí và vai trò rất lớn đối với sự thắng lợi của cách mạng nước ta.

Vấn đề dân chủ không chỉ đơn thuần là đối tượng của cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng - chính trị giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, mà ngay trong hệ thống chính trị của mỗi nước nó còn quan trọng đối với tính ổn định của hệ thống chính trị nước đó. Đặc biệt đối với chủ nghĩa xã hội dưới sự chống phá của kẻ thù, nó còn liên quan đến vận mệnh của chủ nghĩa xã hội.

Trong những năm của thập kỷ 60-70 của thế kỷ XX, chủ nghĩa xã hội phát triển rực rỡ ở nhiều nước, nhất là Liên Xô và Đông Âu đã tạo ra trật tự thế giới mới, không còn là chế độ độc tôn của chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa xã hội đã chứng tỏ rằng đó là xu thế tất yếu của thời đại. Trải qua thực tiễn, Đảng ta đã lãnh đạo, tích lũy khá nhiều kinh nghiệm, những bài học trong vấn đề giải quyết dân chủ, có những kinh nghiệm thành công và không thành công. Sự sụp đổ của chế độ chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô trước đây có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân từ những sai lầm trong việc giải quyết vấn đề dân chủ. Sự mất dân chủ cực đoan, quá trớn, vô chính phủ đều dẫn đến nguy cơ cho chủ nghĩa xã hội.

Dân chủ cũng là một trong hai mặt của quá trình hoàn thiện thể chế quản lý xã hội: Nhà nước pháp quyền trên nền dân chủ phát triển. Pháp luật có vai trò mở đường và bảo đảm thực thi dân chủ. Đồng thời dân chủ kiềm chế mọi xu hướng tha hóa của bộ máy cầm quyền. Dân chủ luôn nằm trong khuôn khổ đường lối chính trị, gắn liền với dân sinh, dân trí, tuy nhiên nó cũng tác động phát triển đường lối, thúc đẩy trình độ dân sinh, dân trí. Dân chủ vừa là giá trị chung của nhân loại vừa có tính giai cấp, tính lịch sử, đồng thời mang dấu ấn của truyền thống, đặc điểm dân tộc và tính chất của thời đại. Dân tộc ta vốn có truyền thống phát huy dân chủ để bàn bạc và giải quyết việc chung của đất nước. Ngày nay, dân chủ là một yêu cầu khách quan đi liền với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đảng ta khẳng định: "Dân chủ là quy luật hình thành, phát triển và tự hoàn thiện của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, nó vừa là mục tiêu, động lực của công cuộc đổi mới xã hội nước ta"(1). Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa là thực chất của việc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị. Trước đây dân chủ thường chỉ được nhấn mạnh như quyền lợi mà người dân được hưởng, thậm chí được ban phát, mà ít chú ý đến dân chủ là động lực, mục tiêu phát triển của đất nước, không thực hiện được sự phát triển dân chủ thì quyền lực sẽ bị tha hóa, quan liêu hóa, chính quyền dần dần tuột khỏi nhân dân. Đảng ta nhận thức dân chủ vừa có ý nghĩa sống còn đối với chế độ và kiên quyết khắc phục cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp.

Trong thời kỳ Đảng cầm quyền, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, thì dân chủ càng có vai trò quan trọng. Nó thúc đẩy và tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, nếu xa rời quần chúng nhân dân, tính chất của Đảng sẽ thay đổi, thì sẽ mất lòng tin của nhân dân, lòng dân ly tán. Lòng dân hướng về hay quay đi sẽ quyết định vận mệnh và tiền đồ của Đảng. Xa rời quần chúng thì Đảng sẽ không vạch ra một cách đúng đắn và quán triệt chấp hành đường lối, phương châm, chính sách của Đảng. Phát huy dân chủ sẽ động viên được sức mạnh, trí tuệ của nhân dân để họ tự nguyện tự giác phấn đấu quán triệt phương châm chính sách của Đảng, là điều kiện căn bản để duy trì địa vị cầm quyền của Đảng và nền chuyên chính vô sản.

b. Tính chất của nền dân chủ

Tính chất nhân dân của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ngay trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã bắt đầu được thể hiện ngày càng sinh động. Tính chất nhân dân của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thể hiện ở vai trò chủ thể sở hữu quyền lực Nhà nước của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng; ở vai trò chủ thể động lực của nhân dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân trong quá trình xây dựng và hoạt động của nền dân chủ, ở vai trò hưởng thụ của nhân dân đối với những thành quả của quá trình sử dụng quyền lực chính trị trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tính tổ chức của dân chủ xã hội chủ nghĩa: khi Đảng lãnh đạo thì vấn đề dân chủ trong công tác nội bộ Đảng cũng cực kỳ quan trọng, chỉ có dân chủ mà không có tập trung thì Đảng sẽ trở thành câu lạc bộ; chỉ có tập trung mà không có dân chủ thì Đảng sẽ trở thành chuyên quyền, độc đoán và đời sống của Đảng sẽ trở nên âm u. Tập trung phải trên cơ sở dân chủ và dân chủ phải dưới sự chỉ đạo của tập trung. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện rất khó, thường bị lệch về phía này hay phía khác. Đối với những người lãnh đạo thường hay nặng về tập trung, còn những người bị lãnh đạo thì nặng về dân chủ. Đối với nước ta Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, thì Nhà nước chính là tập trung quyền lực của nhân dân giao cho, và nhân dân chính là người chủ, làm chủ. Vì vậy, mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự Thật, HN, 1991, tr.125

nước phải được dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Tuy nhiên tính dân chủ của nhân dân phải được nằm trong khuôn khổ pháp luật. Có như vậy thì mới tránh khỏi được tình trạng dân chủ quá trớn, dân chủ tràn lan có khi trở thành những làn sóng phản động mạnh mẽ.

Tính dân chủ rộng rãi: ở đây không phải là rộng rãi cho tất cả, ví dụ: như những kẻ phạm tội, những phần tử ly khai, tội phạm... Đối với chúng, phải dùng biện pháp cứng rắn để trừng trị. Tuy nhiên cũng không nên hiểu là bó hẹp cho riêng những người dân Việt Nam trong nước mà phải kể đến những người Việt Nam nước ngoài hay những người nước ngoài định cư tại Việt Nam. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Xu hướng hợp tác đa phương hóa, đa dạng hóa trên nhiều lĩnh vực đã tạo nên sự giao thoa giữa các quốc gia dân tộc, thì vấn đề dân chủ cần được xem xét mang tính rộng rãi, nhưng dưới sự quản lý của Nhà nước nhằm phát huy tính dân chủ của người dân khi tiếp nhận các trào lưu mới, tiến bộ từ các quốc gia trên thế giới và cũng tạo tính chất dân chủ cho người nước ngoài được giao lưu, tìm hiểu đất nước chúng ta để đưa vị thế đất nước ngày càng vươn xa ra thế giới.

Tính kế thừa: dân chủ là giá trị chung của nhân loại nên trong quá trình phát triển của nhân loại qua các giai đoạn, hình thái kinh tế xã hội khác nhau, tính dân chủ cũng kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của nó. Đồng thời cũng cần phải xóa bỏ những thứ dân chủ hình thức, dân chủ ít người... mà ảnh hưởng đến cả cộng đồng quốc gia dân tộc. Trước đây trong xã hội phong kiến, tính dân chủ của người dân luôn luôn bị hạn chế bởi những quyền lực của bọn vua chúa triều đình phong kiến, hay những định kiến khắc nghiệt của chế độ xã hội đó. Dân chủ thật sự chỉ dành riêng cho bọn ít người, mặc dù trong nội tại từng người dân luôn luôn mong muốn được phát huy dân chủ. Từ đó tính tất yếu đi tìm nền dân chủ mới là cần thiết và cũng chính là nhu cầu mong muốn xóa bỏ chế độ xã hội bất công đó để tìm một xã hội mới tốt đẹp hơn. Và chỉ có chủ nghĩa cộng sản thì dân chủ mới mang ý nghĩa thật sự của nó mà giai đoạn thấp là dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Xuất phát từ đặc điểm trên, thì dân chủ cũng gắn liền với giai cấp, tính giai cấp đó do giai cấp nào thống trị và dân chủ thật sự cho ai mới là vấn đề cốt lõi cần quan tâm. Theo Lênin, dân chủ tư sản là một bước tiến so với dân chủ trước kia, nhất là khi "xã hội tư bản chủ nghĩa, xét trong những điều kiện phát triển thuận lợi nhất của nó, đem lại cho ta một chế độ dân chủ ít nhiều đầy đủ trong chế độ cộng hòa dân chủ"(1). Thế nhưng do tính giai cấp, lợi ích tư sản nên "... chế độ dân chủ ấy bao giờ cũng bị bó trong khuôn khổ chật hẹp của sự bóc lột tư bản chủ nghĩa và do đó, nó luôn luôn là một chế độ dân chủ đối với thiểu số, vẫn chỉ là một chế độ dân chủ đối với riêng những giai cấp có của, đối với riêng bọn giàu có mà thôi"(2).

---

(1) *Lênin: Toàn tập,* Nxb. Tiến bộ Mátxcơva, 1976, tập 33, tr.106
(2) *Lênin: Toàn tập,* Nxb. Tiến bộ Mátxcơva, 1976, tập 33, tr.107

Nền dân chủ xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội cũng là nền dân chủ mang bản chất giai cấp công nhân. Bản chất giai cấp công nhân của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được thể hiện ở vai trò chủ thể, vai trò động lực cơ bản của giai cấp công nhân và Đảng của nó trong quá trình thiết lập, xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thể hiện ở mục tiêu cuối cùng của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là giải phóng giai cấp công nhân và toàn xã hội khỏi sự thống trị, bóc lột của giai cấp tư sản và tiến tới xóa bỏ mọi hình thức tồn tại cuối cùng của quyền lực chính trị, xã hội như Lênin đã từng nói chuyên chính vô sản với tính cách là công cụ thực hành một loạt biện pháp để đem lại dân chủ cho nhân dân.

2. Đảng lãnh đạo phát huy dân chủ

Phát huy dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới ở Việt Nam, ở đây quan niệm dân chủ không phải là quan niệm chung chung trừu tượng, phi lịch sử, phi giai cấp. Dân chủ phải gắn với trình độ phát triển kinh tế - xã hội, quyền không thể thoát ly hoàn cảnh và điều kiện kinh tế - xã hội cho phép thực thi cái quyền đó. Dân chủ phải gắn với Nhà nước với pháp luật, kỷ cương. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa không thể tách rời việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp luật của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Dân chủ phải gắn liền với dân trí, với trình độ học vấn. Đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước thuộc địa nửa phong kiến, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa chưa trải qua trường học dân chủ tư sản, nên xã hội Việt Nam không thể bỗng chốc có ngay một nền dân chủ đầy đủ và hoàn thiện. Chúng ta phải từng bước xây dựng chế độ dân chủ và từng bước học dân chủ để làm dân chủ. Do đó, dân chủ là cả một quá trình, song Đảng và nhân dân ta quyết phấn đấu để thực hiện dân chủ xã hội một cách đầy đủ nhất. Kể từ khi đổi mới từ Đại hội VI đã rút ra nhiều bài học kinh nghiệm, trong đó có bài học kinh nghiệm lấy dân là gốc với phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", đánh dấu một bước phát huy dân chủ mới dưới sự lãnh đạo Đảng.

a. Nhận thức rõ một số quan điểm sai trái trong xu thế hội nhập

Trong công cuộc đổi mới hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Vậy phải chăng kinh tế thị trường nhiều thành phần tất yếu sẽ dẫn đến đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập như quan điểm của một số người nêu lên? Không. Không có cái tất yếu như vậy. Bởi vì, Đảng lãnh đạo các thành phần kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, các thành phần kinh tế này đều là những bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong đó kinh tế, Nhà nước đóng vai trò chủ đạo, kinh tế thành phần không tránh khỏi dẫn đến phân hóa giàu nghèo, song bằng kế hoạch, chính sách, pháp luật... chúng ta phải chống phân hóa hai đầu, chống phân hóa giai cấp để không tạo ra những lực lượng chính trị đối lập.

Mặt khác đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập không chỉ phụ thuộc vào kinh tế mà còn phụ thuộc một loạt các yếu tố khác như tương quan so sánh lực lượng giai cấp, vị thế, vai trò của Đảng cầm quyền, hoàn cảnh lịch sử cụ thể, truyền thống lịch sử.

Dù có ý kiến khác nhau nhưng ai có cái nhìn khách quan nhất, qua thực tiễn cách mạng Việt Nam, đều thừa nhận rằng Việt Nam không có sự cần thiết khách quan cho việc hình thành chế độ đa đảng đối lập, đa nguyên chính trị. Chỉ có một sự cần thiết là Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng duy nhất lãnh đạo xã hội đi theo con đường kết hợp giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Chế độ một đảng hay nhiều đảng không phải là dấu hiệu của dân chủ hay không dân chủ. Không phải cứ đa đảng là dân chủ còn một đảng thì không dân chủ. Chế độ một đảng cũng có thể dân chủ và cũng có thể mất dân chủ, vấn đề là đảng cầm quyền có thật sự cách mạng không, có thật sự vì lợi ích của nhân dân hay không. Nếu một đảng cầm quyền dù mang tên cộng sản nhưng thoái hóa biến chất, xa rời quần chúng, xa rời nhân dân không có tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động bảo đảm được dân chủ; không có một cơ chế kiểm soát, giám sát được quyền lực; nếu như đảng đó không có khả năng xây dựng một nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân... điều chắc chắn là không thể có dân chủ. Còn nếu ngược lại, làm đúng nguyên tắc dân chủ chủ nghĩa xã hội, sao có thể gọi là không dân chủ được.

Vấn đề dân chủ trong xã hội của mỗi quốc gia được chế định bởi nhiều yếu tố nhưng chủ yếu là:

- Truyền thống văn hóa nói chung trong đó có truyền thống dân chủ trong xã hội.

- Thể chế chính trị hoặc bản chất của chế độ xã hội.

- Cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị.

- Bản chất giai cấp của đảng cầm quyền, phẩm chất, năng lực của đảng đó xét trong tổng thể: Cương lĩnh, đường lối, chủ trương chính sách, phẩm chất năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên ....

- Trình độ giác ngộ chính trị của nhân dân, hoặc trình độ dân trí nói chung cũng như năng lực thực hành dân chủ của quần chúng nhân dân nói riêng. Như vậy là số lượng của các đảng chính trị của một nước không quyết định trình độ dân chủ xã hội của nước đó mà trình độ dân chủ được tác động bởi nhiều yếu tố, trong đó có yếu tố bản chất và chất lượng của đảng cầm quyền. Điều này cho chúng ta thấy rằng quyết định của Đảng Cộng sản Việt Nam trong những năm đầu khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng ta kiên quyết không chấp nhận đa nguyên chính trị và đa đảng. Đó là quyết định hết sức sáng suốt, chứng tỏ rằng Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng trong những thời điểm khó khăn của cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam.

b. Phát huy dân chủ trong điều kiện Đảng cầm quyền

Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, dân chủ trở thành mục tiêu và động lực của sự phát triển. Làm thế nào để dưới sự lãnh

đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng chính trị duy nhất ở nước ta hiện nay, sức mạnh toàn dân được huy động một cách tối đa vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trên nền tảng bảo đảm và phát huy dân chủ thật sự, dân chủ đúng nghĩa của nó, tức là dân chủ đi liền với kỷ cương trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Vấn đề này phụ thuộc rất lớn vào phẩm chất và năng lực của Đảng ta với tư cách là hạt nhân của hệ thống chính trị đảm bảo cho sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Để tiếp tục đảm bảo và phát huy dân chủ xã hội trong điều kiện nước ta cần phải chú ý tới những điểm sau:

** Thực hiện dân chủ trong Đảng, coi đây là điều kiện quyết định bảo đảm và phát huy dân chủ trong xã hội:*

Bảo đảm và phát huy dân chủ trong Đảng có ý nghĩa quyết định dân chủ trong xã hội. Nói đến dân chủ trong Đảng là nói đến nguyên tắc tập trung dân chủ cũng như Hồ Chí Minh đã đề cập: tập trung và dân chủ luôn luôn đi đôi với nhau, tập trung trên nền tảng dân chủ và dân chủ dưới sự chỉ đạo của tập trung. Đó là dân chủ đích thực. Trong "Di chúc" của Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: "Phải thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng"(1).

Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là sự nghiệp mới mẻ, phức tạp không thể rập khuôn theo một mô hình có sẵn. Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình quốc tế và khu vực đầy biến động là nhiệm vụ không đơn giản. Hai nhiệm vụ chiến lược này của Đảng đòi hỏi phải phát huy cao độ trí tuệ, tính tự giác và năng lực sáng tạo của từng cá nhân, từng tổ chức, trong nội bộ Đảng và của toàn xã hội. Thiếu yếu tố ấy thì không thể có thắng lợi của cách mạng trong thời kỳ mới. Mở rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa phát huy quyền làm chủ của nhân dân là mục tiêu hàng đầu, cũng là động lực to lớn của cách mạng lúc này. Mở rộng dân chủ nội bộ trong đảng cầm quyền là hạt nhân, là tấm gương mẫu mực cho việc thực hiện dân chủ ngoài xã hội. Nhưng trên nền tảng phát huy quyền làm chủ của nhân dân, mở rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa thì dân chủ nội bộ càng thêm sức sống, phản ánh được hoạt động thực tiễn và tập trung trí tuệ, điều kiện tiếp cận thông tin rộng rãi và nhanh chóng, trình độ kiến thức của cán bộ, đảng viên cùng với mặt bằng dân trí nâng cao thì nhu cầu mở rộng dân chủ ngày càng tăng.

Mặc dù nội bộ đảng đã có những tiến bộ nhưng vẫn còn nhiều yếu kém, có những người lãnh đạo thiếu sâu sát thực tế, xa cách cán bộ, thiếu lắng nghe ý kiến của quần chúng và cấp dưới, đi tới những nhận định chủ quan, những chủ trương quyết định không phù hợp với đòi hỏi khách quan của cuộc sống. Về phương pháp công tác, nhiều khi không coi trọng giáo dục

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb. CTQG, HN, 1996, tập 12, tr.479-498

thuyết phục, nặng về dùng mệnh lệnh, biện pháp hành chính. Có những cán bộ lãnh đạo cách mạng nặng bệnh quan liêu, gia trưởng độc đoán, đặt mình lên trên tập thể, không chịu sự kiểm soát của tổ chức. Dân chủ có khi trở thành hình thức, hợp thức hóa cho những quyết định quan liêu, chủ quan của cá nhân người thủ trưởng, chưa tạo điều kiện cho các cấp ủy viên, đảng viên, cán bộ nắm được thông tin, được nghiên cứu thấu đáo vấn đề cho nên việc lấy ý kiến, biểu quyết nhiều khi chỉ là chiếu lệ, không chuẩn xác. Việc bầu cử các cấp ủy đảng, các chức vụ lãnh đạo trong bộ máy Đảng và Nhà nước nhiều trường hợp còn mang tính dân chủ hình thức, các đại biểu không có điều kiện hiểu rõ những người được cấp trên đề cử. Điều lệ Đảng ghi nhận quyền đảng viên được ứng cử, đề cử nhưng chưa tạo những điều kiện để quyền đó thực hiện một cách thuận lợi trên thực tế.

Mở rộng dân chủ giúp cho lãnh đạo có chất lượng và hiệu quả cao hơn. Nhưng một số cán bộ lãnh đạo sau khi nắm quyền lực lại dị ứng với việc mở rộng dân chủ, cho rằng như vậy là hạn chế quyền uy của mình. Người nắm quyền thường hay lạm quyền để lộng hành, trong khi đó nhiều đảng viên và cán bộ cấp dưới không dám nói và làm trái ý cấp trên, sợ bị thành kiến, không được lên chức, lên lương, ảnh hưởng đến mình, không dám nói thẳng thắn sử dụng quyền lực mà Điều lệ Đảng đã trao cho, thậm chí có thái độ xu nịnh, cơ hội. Điều đó càng nuôi dưỡng bệnh chủ quan và quan liêu của người lãnh đạo. Tình cảm đồng chí, đồng đội giữa những người cùng chung lý tưởng cách mạng bị nhạt phai. Mối quan hệ đồng chí đã bị hành chính hóa, chỉ còn là quan hệ người lãnh đạo và người bị lãnh đạo, có sự cách biệt trong mức sống, lối sống, cách nghĩ giữa người có chức quyền và người dưới quyền.

Đảng ta là Đảng duy nhất cầm quyền, đó là tất yếu của khách quan lịch sử là sứ mệnh nặng nề của Đảng được nhân dân giao phó. Điều đó chứng tỏ sức mạnh và uy tín của Đảng tạo ra những điều kiện mới, những phương tiện mới, công cụ mới để Đảng thực hiện mục tiêu, lý tưởng và những hứa hẹn với nhân dân. Chúng ta không chấp nhận đa nguyên đa đảng đối lập. Nhưng trong điều kiện đó, không ít cán bộ, đảng viên dễ mắc nhiều bệnh tật, nhất là quan liêu, xa rời nhân dân, chủ quan, tự mãn, kiêu ngạo, đặc quyền đặc lợi. Bệnh quan liêu trong quản lý Nhà nước, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân với quan liêu trong nội bộ đảng gắn liền với nhau là một. Đã quan liêu mất dân chủ ngay trong nội bộ đội ngũ tiên phong cách mạng thì làm sao có thể dân chủ với nhân dân.

Kinh nghiệm của phong trào cộng sản thế giới cho thấy: Một khi dân chủ nội bộ không được mở rộng, số đông đảng viên, kể cả ủy viên ban chấp hành trung ương có thái độ thụ động, ỷ lại mất sức chiến đấu, để mặc mấy phần tử phản bội trong cơ quan lãnh đạo cấp cao khuynh loát tất cả thì một đảng lớn mấy chục triệu đảng viên như Đảng Cộng sản Liên Xô có lịch sử rất anh hùng cuối cùng cũng tan rã mau chóng.

Mở rộng dân chủ có tác dụng to lớn khai thác và phát huy trí tuệ và năng lực sáng tạo của đông đảo cán bộ, đảng viên, nêu cao tính tự giác, tính

tích cực của mọi người. Chỉ có như vậy, Đảng mới có thể hoàn thành nhiệm vụ lịch sử xây dựng xã hội chủ nghĩa và bảo vệ Tổ quốc. Thực hiện dân chủ nội bộ tạo ra bầu không khí cởi mở, phấn khởi tin cậy giữa cấp trên và cấp dưới, giữa trung ương và địa phương.

Mở rộng dân chủ nội bộ đi đôi với dân chủ hóa mọi mặt đời sống xã hội là thiết thực đấu tranh chống sự xâm nhập chủ nghĩa quan liêu vào trong Đảng và Nhà nước ta, là phương thuốc hiệu quả nhất chống lại nguy cơ suy thoái chính trị tư tưởng và đạo đức lối sống của Đảng cầm quyền, giữ gìn bản chất cách mạng tốt đẹp của Đảng và Nhà nước.

Không thể có một xã hội mà trong đó dân chủ được bảo đảm và phát huy khi đảng cầm quyền không thực sự có dân chủ. Đây là sự khẳng định, là một vấn đề bắt buộc trong quy trình các giải pháp bảo đảm và phát huy dân chủ trong xã hội.

** Nâng cao hiệu quả vận hành của hệ thống chính trị:*

Làm gì để đảm bảo và phát huy dân chủ trong điều kiện Đảng cầm quyền trong hệ thống chính trị:

Xây dựng Đảng Cộng sản thật sự trong sạch, vững mạnh, thật sự vì lợi ích của nhân dân, của dân tộc, xứng đáng là Đảng cách mạng chân chính. Mọi đảng viên một lòng một dạ phục vụ nhân dân, xứng đáng vừa là người lãnh đạo vừa là đày tớ trung thành của nhân dân; tăng cường sự gắn bó "máu thịt" giữa Đảng với nhân dân; chống quan liêu, tham nhũng, độc đoán chuyên quyền, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân.

Đảng có đầy đủ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, xứng đáng là đội ngũ tiên phong chính trị của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, của cả dân tộc. Mặt khác, không kém phần quan trọng là Đảng phải có phương thức lãnh đạo, tổ chức chặt chẽ, khoa học, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước, giữa Đảng với nhân dân, sao cho phát huy tốt vai trò lãnh đạo của Đảng vai trò quản lý của Nhà nước, cũng như vai trò làm chủ của nhân dân. Mở rộng các hình thức dân chủ - cả dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Việc mở rộng dân chủ phải có lãnh đạo, có bước đi vững chắc, phù hợp với dân trí và tình hình chính trị - xã hội, văn hóa, tâm lý; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Xây dựng và hoàn thiện hệ thống tổ chức, kiểm tra các cấp và cơ chế kiểm tra, giám sát hữu hiệu để đảm bảo quyền lực thực sự thuộc về nhân dân. Khắc phục tình trạng Đảng bao biện, làm thay Nhà nước hoặc buông lỏng sự lãnh đạo đối với Nhà nước.

Xây dựng Nhà nước thật sự trong sạch vững mạnh, thật sự của dân, do dân, vì dân. Đổi mới hệ thống chính trị, cải cách bộ máy nhà nước theo hướng nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Đồng thời xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật thể hiện ý chí của nhân dân. Dân chủ phải được bảo đảm bằng pháp luật, làm cho xã hội

sống và làm việc theo pháp luật, xử lý nghiêm các hành vi phạm pháp. Dân chủ còn gắn với nâng cao dân trí, nâng cao văn hóa chính trị, văn hóa pháp lý, ý thức trách nhiệm của công dân.

Phát huy đầy đủ vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Đây là những kênh rất quan trọng của dân chủ, của việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong điều kiện một đảng cầm quyền.

Trong điều kiện chế độ một đảng cầm quyền, nhân dân thông qua các tổ chức chính trị - xã hội của mình là người thẩm định, góp ý kiến cho đảng, cho nhà nước những chủ trương, chính sách, những vấn đề đặt ra. Đồng thời cần coi trọng vai trò của báo chí cách mạng như là tiếng nói của nhân dân, cải tiến sự lãnh đạo đối với báo chí và phát huy vai trò của báo chí cũng là một nhiệm vụ rất quan trọng để bảo đảm, phát huy dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền.

** Thực hiện tốt dân chủ cơ sở:*

Việc bảo đảm phát huy dân chủ xã hội ở nước ta cần chú ý ở tất cả các cấp, những cấp cơ sở có vai trò đặc biệt quan trọng bởi vì cơ sở là nơi trực tiếp thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, là nơi thực hiện quyền dân chủ của nhân dân một cách trực tiếp và rộng rãi nhất. Việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động ở nước ta trở thành khâu quan trọng và cấp bách trước mắt.

Yêu cầu đó càng cấp bách khi thực tế quyền làm chủ của nhân dân còn vi phạm ở nhiều nơi trên nhiều lĩnh vực, tệ quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền, tham nhũng, gây phiền hà cho nhân dân vẫn đang diễn ra không ít. Những khuyết điểm đó có trách nhiệm của Đảng, bên cạnh những mặt tích cực là cơ bản, trong Đảng đang bộc lộ một số yếu kém như suy thoái về tư tưởng, chính trị, tham nhũng, lãng phí, quan liêu trong một bộ phận cán bộ, đảng viên không những chưa được ngăn chặn mà còn có chiều hướng phát triển nghiêm trọng hơn. Tình hình các cơ sở Đảng trong những năm gần đây càng cho chúng ta thấy rõ hơn vai trò lãnh đạo của Đảng ta để bảo đảm dân chủ và phát huy dân chủ cơ sở.

** Bảo đảm sự ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, coi đó là điều kiện cơ bản bảo đảm dân chủ và phát huy dân chủ:*

Dân chủ trong xã hội là điều kiện, là môi trường để có sự ổn định chính trị và phát triển kinh tế xã hội. Chỉ có trong môi trường đó thì mới có dân chủ thực sự, nếu không chỉ là dân chủ giả hiệu. Vì vậy trách nhiệm bảo đảm ổn định chính trị trở thành một nội dung cực kỳ quan trọng đối với sự lãnh đạo của Đảng ta. Nhưng các thế lực phản động quốc tế đang âm mưu "diễn biến hòa bình" làm cho tình hình chính trị ở nước ta mất ổn định. Hàng ngày, hàng giờ chúng đang lợi dụng chiêu bài dân chủ để chống phá cách mạng nước ta. Điều gì sẽ xảy ra khi nước ta mất ổn định chính trị? Chắc chắn khi đó những giá trị dân chủ chân chính sẽ bị bóp méo và bị thủ tiêu.

Tốc độ phát triển và sự giàu có của một đất nước cũng ảnh hưởng đến dân chủ trong xã hội, nhưng một đất nước giàu kinh nghiệm chưa chắc đã có dân chủ. Tuy nhiên, làm cho đất nước giàu mạnh là một khâu rất quan trọng của Đảng ta để góp phần tạo nên dân chủ trong xã hội, do đó, Đảng ta xác định xây dựng kinh tế là trọng tâm, là điều kiện để bảo đảm dân chủ và phát huy dân chủ.

**Đảng phải nâng cao trình độ giác ngộ chính trị của quần chúng nhân dân, nói chung là nâng cao dân trí, nâng cao năng lực thực hành dân chủ nhân dân:*

Trình độ dân chủ trong xã hội còn phụ thuộc vào trình độ dân trí nói chung. Theo quan niệm Hồ Chí Minh thì dân chủ là dân làm chủ, dân là chủ... Trong thời đại ngày nay, sự giác ngộ chính trị của nhân dân, trình độ dân trí của nhân dân ngày càng được nâng cao tất yếu sẽ dẫn đến việc nâng cao năng lực thực hành dân chủ của nhân dân. Đảng ta luôn luôn phấn đấu trở thành Đảng trí tuệ, Đảng ta không chỉ là Đảng của giai cấp công nhân mà còn là Đảng của toàn thể nhân dân lao động. Do vậy, nâng cao dân trí không những tạo ra điều kiện bảo đảm dân chủ và phát huy dân chủ mà còn tạo ra cơ sở để nâng cao trí tuệ của Đảng.

Với yêu cầu dân chủ trong xã hội trách nhiệm lãnh đạo của Đảng ta là:

Đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục - đào tạo, Lênin từng nói: "người mù chữ là người đứng ngoài chính trị", Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: "một dân tộc dốt là một dân tộc yếu" và vấn đề trước hết là xóa mù chữ.

Làm cho dân giác ngộ, thấu hiểu, tin tưởng vào đường lối quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành nhân tố cơ bản, thường xuyên trong suy nghĩ và hành động của nhân dân.

Làm cho dân nâng cao tinh thần trách nhiệm công dân, phát huy chủ nghĩa yêu nước, phát động quyền làm chủ để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện tốt mong muốn cuối cùng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Toàn dân ta đoàn kết phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới"(1).

c. Đảng lãnh đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở

Để đảm bảo việc phát huy vai trò dân chủ ở cơ sở ngày 18/12/1998, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị 30-CT/TW về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị ra đời thực sự đáp ứng kịp thời những đòi hỏi vô cùng bức xúc của người dân ở cơ sở. Ở nước ta, cơ sở tồn tại với 3 loại hình phổ biến là: xã, phường, thị trấn; cơ quan hành chính, sự nghiệp; và các

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập,* Nxb. CTQG, HN, 1996, tập 12, tr.500

doanh nghiệp nhà nước. Cơ sở là nền tảng, là tế bào tạo dựng nên một xã hội nhất định. Đó là địa bàn sinh sống cụ thể của người dân, là nơi mọi người lao động, sản xuất tạo ra của cải vật chất và tinh thần của xã hội. Cơ sở chính là thực tiễn cuộc sống, vì vậy, nó vừa là điểm xuất phát của mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, vừa là nơi triển khai thực hiện, kiểm định và bổ sung, phát triển đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, thực hiện dân chủ ở cơ sở sẽ đem lại quyền dân chủ trực tiếp cho người dân. Đó là điều kiện và tiền đề để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Rõ ràng, thực hiện dân chủ ở cơ sở sẽ tạo ra động lực mạnh mẽ để phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, chống quan liêu, cửa quyền, chuyên quyền, chống tham ô, lãng phí, bè phái, cơ hội... góp phần ổn định và lành mạnh đời sống xã hội.

Để thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa X) đã ban hành các Nghị quyết số 45/1998, số 55/1998 và số 60/1998 giao cho Chính phủ ban hành các nghị định về thực hiện Quy chế dân chủ ở 3 loại hình cơ sở. Chính phủ đã ban hành ba Nghị định là: Nghị định số 29/1998/NĐ-CP *Quy chế thực hiện Dân chủ ở xã* (11/5/1998); Nghị định số 71/1998/NĐ-CP *Quy chế thực hiện Dân chủ trong hoạt động của các cơ quan* (8/9/1998); và Nghị định số 07/1999/NĐ-CP Quy chế thực hiện Dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước (13/2/1999). Triển khai Chỉ thị 30, Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ từ Trung ương đến cơ sở đã được thành lập. Ngày 28/3/2002, Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) đã ra Chỉ thị số 10-CT/TW *Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở.*

Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị và triển khai các nghị định của Chính phủ về Quy chế dân chủ ở cơ sở, chỉ một thời gian ngắn, từ Trung ương đến địa phương; từ Bộ, ban, ngành đến các doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp đều thành lập *Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.* Trưởng Ban thường là người lãnh đạo cao nhất của Đảng hoặc của chính quyền tại địa phương. Ban chỉ đạo vừa có chức năng trực tiếp chỉ đạo thực hiện xây dựng và triển khai Quy chế dân chủ ở cơ sở vừa có chức năng tham mưu cho cấp ủy để cấp ủy kịp thời chỉ đạo.

Sau 9 năm thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị, việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở trong cả nước đã từng bước nâng lên một chất lượng mới và đã đi vào cuộc sống có nề nếp. Quy chế dân chủ ở cơ sở đúng là ý Đảng lòng dân. Nó đáp ứng nguyện vọng thiết tha của người dân ở cơ sở, nhất là ở nông thôn. Nó thực sự trở thành một cuộc sinh hoạt chính trị rộng khắp của đông đảo quần chúng nhân dân. Bầu không khí dân chủ và ý thức dân chủ, ý thức chấp hành pháp luật của người dân được nâng lên rõ rệt.

Ở nông thôn, thực hiện Nghị định 29/1998/NĐ-CP, các xã, phường, thị trấn đều đã xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở; đồng thời, các thôn, bản, tổ dân phố, đều xây dựng và triển khai các nội quy, quy ước,

hương ước... Thực tiễn cho thấy, nơi nào thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở đều tạo ra bầu không khí phấn khởi, nhiệt tình của đông đảo nhân dân; kinh tế tăng trưởng cao; an ninh, trật tự được bảo đảm; khiếu kiện và các tệ nạn xã hội giảm mạnh; chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên được nâng cao rõ rệt; tính tự quản cộng đồng được đề cao và phát huy tác động tích cực trong đời sống xã hội nông thôn.

Thực hiện Nghị quyết 71/1998/NĐ-CP ở các cơ quan hành chính, sự nghiệp được gắn liền với quá trình cải cách hành chính tổng thể trong cả nước. Tất cả các cơ quan đều xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; đồng thời, đã rà soát, bổ sung và ban hành các nội quy, quy chế, quy ước nhằm thực hiện công khai, minh bạch nhằm dân chủ hóa cơ quan. Những cơ quan thực hiện tốt Quy chế dân chủ đã tạo được bầu không khi lành mạnh, cởi mở, phấn khởi trong cán bộ, công chức; các hiện tượng tiêu cực như: độc đoán, chuyên quyền, tham nhũng, bè phái, trù dập... từng bước được ngăn chặn, hạn chế.

Thực hiện Nghị định 07/1999/NĐ-CP, các doanh nghiệp nhà nước hầu như đều xây dựng, ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở; đồng thời, ban hành nhiều nội quy, quy định mới hướng tới thực hiện công khai, dân chủ trong công ty, xí nghiệp. Tuy nhiên, việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở trong loại hình doanh nghiệp nhà nước còn bộc lộ nhiều hạn chế. Dẫu vậy, đơn vị nào thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở thì đều đã tạo điều kiện để người lao động trực tiếp tham gia vào quá trình quản lý, điều hành sản xuất, kinh doanh và kịp thời phát hiện những bất hợp lý, lãng phí, ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực. Vì thế, đã khuyến khích được tinh thần lao động, sáng tạo của công nhân, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao đời sống người lao động.

Phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" chưa phải là toàn bộ vấn đề dân chủ mà chỉ là quy trình thực thi dân chủ, được diễn đạt cô đọng, súc tích, dể hiểu, dể nhớ với sự sắp xếp hợp lý. Quy trình "biết - bàn - làm - kiểm tra" là quy luật trình tự nhận thức đến hành động, qua kiểm tra đánh giá lại kết quả hành động rồi tiếp tục nhận thức và hành động với hiệu quả cao hơn; là quy trình lãnh đạo, quản lý của chế độ do nhân dân làm chủ từ khâu thu thập thông tin, hình thành chủ trương, chính sách, thực hiện chủ trương, chính sách kiểm tra, thu thập thông tin mới cho một chu trình quản lý mới.

Bốn nội dung của phương châm đều lấy "dân" làm chủ thể. Khái niệm "dân" trong phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" cần được nhận thức trong mối quan hệ được quy định bởi cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ". Dân là đối tượng lãnh đạo của Đảng; Đảng lãnh đạo nhưng nhân dân phải được biết, được bàn và thực hiện đường lối chủ trương lãnh đạo của Đảng, phải cùng tham gia kiểm tra cán bộ, đảng viên. Dân là đối tượng quản lý nhưng dân phải biết, được bàn, được tham gia quản lý và phải cùng tham gia kiểm tra, giám sát cơ quan và cán bộ quản lý.

Đi vào từng khái niệm "biết", "bàn", "làm", "kiểm tra" cũng chỉ nên hiểu trong mối quan hệ với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Biết không phải là toàn bộ vấn đề dân trí. Bản chất của nó là quyền được thông tin. "Biết" không chỉ là quyền mà còn có nghĩa vụ phải biết để bàn, làm, kiểm tra nhằm tham gia những công việc chung của đất nước với tư cách là người dân của đất nước có chủ quyền. Nói chung, tất cả những gì liên quan đến lợi ích của dân, của tập thể, của Nhà nước, dân đều phải được biết; hoặc tất cả những gì dân phải làm, dân đều phải được biết. Trách nhiệm cho dân biết trước hết là của Nhà nước và của cả hệ thống chính trị. Đương nhiên cũng cần phân biệt những gì dân cần được biết ngay, biết trước, những gì dân chưa cần biết ngay.

Bàn cũng cần được phân định: bàn để tham gia; bàn để quyết định; bàn để thực hiện. Cần chú ý để dân bàn ngay từ đầu, khi quyết định đang còn ý để dân bàn, khi quyết định đang còn ở giai đoạn dự thảo. Để khuyến khích "dân bàn", người lãnh đạo, người quản lý phải biết lắng nghe ý kiến nhân dân. Điều tra dư luận xã hội cũng là cách làm tốt về mặt này. Chúng ta đang từng bước thực hiện chế độ dân chủ trực tiếp, nhất là ở cơ sở thì nên đi sâu, đi sát cụ thể hóa vấn đề "dân bàn để quyết định".

Dân làm thì phải hướng dẫn dân làm đúng pháp luật, tạo cơ sở pháp lý và các chính sách động lực để khuyến khích dân làm, chỉ đạo các phong trào thi đua hành động trong nhân dân một cách thiết thực có hiệu quả.

Dân kiểm tra là vấn đề bản chất và cũng là vấn đề khó nhất trong việc thực thi quyền làm chủ của nhân dân.

Bốn khâu "biết - bàn - làm - kiểm tra" có mối liên hệ tác động lẫn nhau và không thể tách rời song phải đặc biệt chú trọng khâu "dân kiểm tra". Thực hiện công khai và tổ chức việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của dân có tác dụng thúc đẩy mạnh mẽ "dân kiểm tra".

Phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" đã ngày càng chứng tỏ tác dụng to lớn trong việc phát huy vai trò làm chủ của người dân. Nó là điều kiện để tập hợp, đoàn kết mọi lực lượng nhân dân nhằm thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; điều kiện để động viên nhân dân tham gia quản lý công việc của Nhà nước, đấu tranh thắng lợi nạn tham nhũng, quan liêu; xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Nó là động lực không thể thiếu của một xã hội mới. Nói cụ thể hơn, có thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" thì mọi chủ trương, chính sách mới đến người dân và được dân tự giác thực hiện. Ngược lại, sẽ gây ra sự mất ổn định xã hội trong điều kiện bùng nổ thông tin và trình độ nhân dân đã có bước tiến đáng kể.

Phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" thể hiện trong cả hai hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp. Ở nước ta, đương nhiên chúng ta phải ra sức nâng cao và hoàn thiện hình thức dân chủ

đại diện. Song, hình thức dân chủ trực tiếp vẫn rất cần thiết. Hai hình thức này có mối quan hệ qua lại với nhau. Hình thức dân chủ trực tiếp chỉ có thể được thực hiện đầy đủ khi hình thức dân chủ đại diện ngày càng được thực hiện tốt. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa VIII) nhấn mạnh "điều quan trọng hàng đầu là nâng cao chất lượng chế độ dân chủ đại diện, mở rộng và có cơ chế từng bước thực hiện chế độ dân chủ trực tiếp một cách thiết thực và có hiệu quả"(1). Trong đó nhấn mạnh trên ba yếu tố cấu thành và ba điều kiện. Ba yếu tố cấu thành là phổ thông đại chúng, trực tiếp và hiệu lực thi hành. Ba điều kiện là:

- Bảo đảm thông tin đầy đủ cho dân biết về các vấn đề cần quyết định; tổ chức cho dân bàn thấu đáo các vấn đề đó để dân chủ có điều kiện cân nhắc trước khi thể hiện ý kiến.

- Bảo đảm môi trường xã hội lành mạnh, tự do, bình đẳng. Mọi người trước khi quyết định không bị ép buộc, mua chuộc, lôi kéo...

- Bảo đảm trình tự, thủ tục đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện: tổ chức khoa học, chu đáo.

Thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" không thể thoát ly sự lãnh đạo của Đảng và phụ thuộc rất lớn vào chất lượng của hệ thống chính trị cơ sở. Kinh nghiệm thực tế chỉ rõ rằng, tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở yếu kém thì không thể nói gì đến phát huy dân chủ đúng hướng; ngọn cờ dân chủ sẽ rơi vào tay các lực lượng khác và tổ chức đảng ở cơ sở sẽ nhanh chóng bị vô hiệu hóa. Mặt khác, chính có phát huy dân chủ, thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" đến mức độ như thế nào còn phụ thuộc vào trình độ dân sinh, dân trí và việc xây dựng tổ chức đảng nhất là xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở.

Kết luận số 65-KL/TW ngày 4/3/2010 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở với sáu điểm chính sau:

- Tiếp tục quán triệt, không ngừng nâng cao nhận thức; xác định rõ trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội; của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân về những quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát huy quyền làm chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp của nhân dân ở cơ sở.

- Tăng cường việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về dân chủ xã hội chủ nghĩa trong các quy định của pháp luật, chính sách cụ thể. Tổng kết, rà soát, bổ sung các văn bản đã ban hành; sớm nghiên cứu, ban hành pháp lệnh về xây dựng và thực hiện dân chủ cho các loại hình doanh nghiệp. Các cơ sở, các loại hình cần rà soát, bổ sung, xây dựng quy chế thực hiện dân chủ (xây dựng thành quy định, nguyên tắc, quy trình

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba BCH TW khóa VIII*, Nxb. CTQG, HN, 1997, tr.43

thực hiện dân chủ) trong các lĩnh vực hoạt động cụ thể của địa phương, đơn vị mình, nhất là các lĩnh vực có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của nhân dân.

- Gắn việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị; cải cách hành chính; cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; các phong trào thi đua yêu nước nhằm tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- Nâng cao trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính tri, phát huy cao vai trò làm chủ của nhân dân trong phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, các tệ nạn, tiêu cực ở cơ sở; chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch kích động, chống đối, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị, trật tự xã hội.

- Phát huy vai trò của ban chỉ đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, các cấp, các ngành trong việc hướng dẫn, đôn đốc, tham mưu cho cấp ủy kiểm tra, chỉ đạo thường xuyên; đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tổng kết lý luận và thực tiễn; coi trọng công tác tập huấn, bồi dưỡng, giáo dục, rèn luyện cán bộ, công chức về ý thức, trách nhiệm, phong cách, năng lực thực hiện dân chủ ở cơ sở và dân chủ với nhân dân.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng; trách nhiệm của chính quyền, của người đứng đầu về thực hiện quy chế dân chủ; tiếp tục chỉ đạo cụ thể hóa phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" ở cơ sở. Phát huy vai trò của mặt trận, các đoàn thể nhân dân trong việc tuyên truyền và giám sát việc thực hiện; vận động nhân dân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cơ sở.

3. Điều kiện cần cho dân chủ

a. Các điều kiện kinh tế

Dù nhất quán là phải tiến tới giải phóng lao động, phát triển các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, các tranh luận về sở hữu nhà nước trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cho đến nay vẫn chưa thật ngã ngũ.

Một là, phát triển nhận thức quan trọng nhất được bao hàm trong thuật ngữ "dân chủ trong kinh tế". Nằm dưới khái niệm này chính là vấn đề sở hữu tư liệu sản xuất và phân phối sản phẩm. Nội hàm chính của dân chủ trong kinh tế cần được hiểu là: "mọi thành phần kinh tế đều được phát triển tự do và bình đẳng trước và trong khuôn khổ pháp luật". Điều này được cụ thể hóa trong nhiều văn kiện và cả trong các luật, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Hai là nhận thức dẫn đến vấn đề là nếu công nhận các thành phần kinh tế tư nhân thì sự phát triển của nền sản xuất liệu có đưa đến sự phát

triển tư bản chủ nghĩa không? Do vậy, một phát triển nhận thức quan trọng có liên quan đến vấn đề này chính là Nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động vẫn có khả năng định hướng được sự phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội, nếu có các hình thức lãnh đạo quản lý thích hợp, dù rằng các cách thức đó cần được nghiên cứu và luận chứng khoa học hơn nữa. Vấn đề chính ở đây là nhận thức về khả năng tận dụng được mặt mạnh của cơ chế thị trường trong khi vẫn nâng cao được nhận thức và tạo các cơ sở vật chất, văn hóa, tinh thần cho chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ.

Ba là, các tranh luận và thử nghiệm, đến nay, một phát triển nhận thức liên quan tiếp theo là nhận thức về sự cần thiết của cơ chế "khoán". Điều này được thể hiện trong các chính sách của Đảng, trước hết trong nông nghiệp, sau đó là công nghiệp, dịch vụ xã hội... Chủ trương cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp Nhà nước cũng như các quyết định liên quan đến xác lập cơ chế tự chủ tài chính của các cơ quan cung cấp dịch vụ công (giáo dục, y tế, thông tin đại chúng...) trong hai năm gần đây chính là thể hiện nhận thức này. Cơ chế khoán nhấn mạnh tính độc lập, tự chịu trách nhiệm của cá nhân và do đó cũng khuyến khích sự cạnh tranh vì lợi nhuận. Sự cạnh tranh mang tính cá nhân (có khuynh hướng theo chủ nghĩa tư bản) sẽ được điều chỉnh ở tầm vĩ mô để cuối cùng vẫn phát triển theo quỹ đạo xã hội chủ nghĩa.

b. Về chính trị - xã hội

Trên cơ sở được đảm bảo bởi các điều kiện kinh tế, dân chủ chỉ có thể được mở rộng trên cơ sở tạo điều kiện cho người dân nhận thức được trách nhiệm xã hội và có điều kiện tham gia vào các quá trình chính trị để thực hiện trách nhiệm đó theo khả năng của mình. Do vậy, có thể tổng kết những nhận thức quan trọng trên những lĩnh vực sau:

Một là, nhận thức quan trọng nhất là dân chủ chỉ có thể phát triển được khi chính bản thân Đảng phải trong sạch, vững mạnh. Nếu nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, thì nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng là then chốt. Đây là một chủ trương quan trọng, đặc biệt dưới tác động của kinh tế thị trường và hoạt động chính trị thực tiễn. Những nội dung mới của xây dựng chỉnh đốn Đảng có thể thấy trong các nghị quyết về công tác cán bộ; về luân chuyển, đào tạo cán bộ; về phát huy dân chủ trong nội bộ Đảng ... Nói cách khác, dân chủ trong xã hội phải gắn liền với dân chủ trong Đảng.

Hai là nhận thức về sự cần thiết phải thể chế hóa các quyền cũng như các hình thức tham gia của nhân dân. Điều này thể hiện trong các chủ trương về phát triển Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Đây là phát triển nhận thức quan trọng trong những năm đổi mới xuất phát từ thực tiễn chính trị cũng như sự kế thừa các thành tựu nghiên cứu của thế giới. Theo đó Đảng ta khẳng định tối cao của pháp luật, mà thực chất pháp luật là sự thể chế hóa quyền làm chủ của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhận thức này được thể hiện thông qua nhiều chương

trình nghị sự và hoạt động của Đảng và Quốc hội. Công việc cụ thể không chỉ việc ban hành đủ, đồng bộ và kịp thời các bộ luật và văn bản dưới luật, mà bao gồm cả việc chuẩn bị tinh thần pháp luật, năng lực và kiến thức pháp luật cho cả đảng viên và toàn bộ xã hội, biến khẩu hiệu "sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật" thành một nét của văn hóa công dân.

Ba là, Đảng ta đi đến nhận thức việc phát huy các hình thức dân chủ gián tiếp (đại diện) cần đi đôi với dân chủ trực tiếp, trong đó việc nâng cao tính chuyên trách của đại biểu Quốc hội và mở rộng dân chủ ở cơ sở được coi là hai bước đi quan trọng theo hướng này. Nhận thức này đã được thể chế hóa bằng các nghị quyết của Đảng và Nhà nước nhằm cụ thể hóa phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

Phát huy tính tích cực và hoàn thiện các tổ chức quần chúng, trong đó nhấn mạnh chức năng phản biện và giám sát trên tinh thần xây dựng của các tổ chức quan trọng như Mặt trận và các đoàn thể chính trị xã hội khác.

4. Thành tựu và một số chú ý trong thời gian tới

a. Thành tựu đạt được

Thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta luôn đề cao dân chủ và không ngừng phát huy dân chủ trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Vào cuối những năm 80 của thế kỷ XX, trước những đảo lộn lớn trong đời sống chính trị thế giới và những đòi hỏi cấp bách của thực tiễn đất nước, Đảng ta đã nhạy bén, kịp thời lãnh đạo nhân dân đổi mới toàn diện đất nước. Nghị quyết Đại hội VI của Đảng - Đại hội đổi mới chỉ rõ: "trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc", xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động"[1]. Đây chính là những tư tưởng trọng yếu làm cơ sở lý luận và thực tiễn để thực hiện dân chủ và phát huy dân chủ trong quá trình đổi mới đất nước.

Cùng với quan điểm *"nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật"*, quan điểm *"lấy dân làm gốc"* và phương châm: *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"* của Đại hội VI, đã tạo ra một động lực, một luồng sinh khí, một phong trào cách mạng mới cho đất nước. Nhưng dân chủ luôn luôn biến đổi cùng với sự biến đổi của đời sống kinh tế - xã hội. Dân chủ hóa đời sống xã hội càng đạt được thành tựu to lớn thì trình độ nhận thức và thực hành dân chủ của nhân dân về dân chủ càng được nâng cao, và do đó, nhu cầu về dân chủ của người dân cũng được nâng lên một tầm mới. Vì thế, không ngừng mở rộng và phát huy dân chủ trong đời sống xã hội là một đòi hỏi tất yếu của đời sống.

Phát triển tư tưởng về dân chủ, Đại hội VII đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* với nội dung: "Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự Thật, HN, 1987, tr.29

mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Dân chủ gắn liền với công bằng xã hội phải được thực hiện trong thực tế cuộc sống trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội thông qua hoạt động của Nhà nước do dân cử ra và bằng các hình thức dân chủ trực tiếp"(1).

Tại Đại hội VIII, Đảng ta khẳng định: "Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là nội dung cơ bản đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta. Phải có cơ chế và cách làm cụ thể để thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước"(2). Tư tưởng quan trọng này chính là cơ sở của Chỉ thị 30-CT/TW, ngày 18/2/1998 Về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Bộ Chính trị chỉ rõ phải ban hành Chỉ thị này là vì: "Quyền làm chủ của nhân dân còn bị vi phạm ở nhiều nơi, trên nhiều lĩnh vực; tệ quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền, tham nhũng, sách nhiễu, gây phiền hà cho dân vẫn đang phổ biến và nghiêm trọng mà chúng ta chưa đẩy lùi, ngăn chặn được. Phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" chưa được cụ thể hóa và thể chế hóa thành luật pháp, chậm đi vào cuộc sống"(3) và, "Khâu quan trọng và cấp bách trước mắt là phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở, là nơi trực tiếp thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, là nơi cần thực hiện quyền làm chủ của nhân dân một cách trực tiếp và rộng rãi nhất. Muốn vậy, Nhà nước cần ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở có tính pháp lý, yêu cầu mọi người, mọi tổ chức ở cơ sở đều phải nghiêm chỉnh thực hiện"(4).

Cùng với việc đề ra phương hướng, chiến lược phát triển đất nước một cách toàn diện và lâu dài, tại Đại hội IX, Đảng ta nhấn mạnh: "Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân gắn với việc phát huy dân chủ trong đời sống xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện dân chủ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở tất cả các cấp, các ngành"(5). Cụ thể hóa các quan điểm này, Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX), chỉ rõ: "thực hành dân chủ thực sự trong nội bộ các tổ chức của hệ thống chính trị ở cơ sở theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phát huy quyền làm chủ của dân trên cơ sở thực hiện quyền dân chủ trực tiếp, phát huy quyền dân chủ đại diện, quy định cụ thể việc thực hiện quyền của dân giám sát tổ chức và cán bộ ở cơ sở và thay thế người không đủ tín nhiệm. Phát huy dân chủ phải đi liền với củng cố và nâng cao kỷ luật, kỷ cương theo pháp luật"(6).

---

(1) *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội,* Nxb. Sự Thật, HN, 1991, tập 19.
(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII,* Nxb. CTQG, HN, 1996, tr.44
(3) *Các văn kiện của Đảng và Nhà nước về Quy chế dân chủ ở cơ sở,* Nxb. CTQG, HN, 2004, tr.9
(4) *Các văn kiện của Đảng và Nhà nước về Quy chế dân chủ ở cơ sở,* Nxb. CTQG, HN, 2004, tr.10
(5) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX,* Nxb. CTQG, HN, 2001, tr.124
(6) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm, BCH TW khóa IX,* Nxb. CTQG, HN, 2002, tr.167

Như vậy, trong suốt quá trình đổi mới, Đảng ta đã có sự lãnh đạo nhất quán, liên tục về dân chủ, thực hiện phương châm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng; mọi đường lối, chủ trương của Đảng đều xuất phát từ thực tiễn và lấy dân làm gốc; mọi hành động cách mạng đều thực sự của dân, do dân và vì dân; kiên quyết thực hiện nguyên tắc dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra... Những tư tưởng cơ bản về dân chủ được Đảng ta thể hiện ngày càng sâu sắc và cụ thể qua các kỳ đại hội. Đặc biệt, trong thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước, để đáp ứng kịp thời nhu cầu của đời sống xã hội, sự lãnh đạo của Đảng ta về dân chủ đã được nâng lên một tầm cao mới.

Sự kiện nổi bật trong quá trình Đảng lãnh đạo phát huy dân chủ trong thời kỳ đổi mới là việc ban hành Chỉ thị 30-CT/TW Về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của Bộ Chính trị. Đây vừa là kết quả tất yếu của quá trình Đảng lãnh đạo thực hiện dân chủ, vừa thực sự là bước đột phá quyết định để phát huy dân chủ ở cơ sở. Chỉ thị đã tạo ra một bước ngoặt cả về mặt lý luận và thực tiễn đối với vấn đề dân chủ trong quá trình đổi mới. Lãnh đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở là bước triển khai cụ thể những tư tưởng của Đảng về phát huy dân chủ trong thực tiễn đời sống. Đó cũng là sự đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng trong quá trình mở rộng và phát huy dân chủ trong điều kiện mới. Vì lẽ đó, cùng với tiếp tục những tư tưởng về dân chủ xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn cách mạng mới, Đại hội X của Đảng chỉ rõ: "Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở để mặt trận, các đoàn thể và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị"[1] trong giai đoạn hiện nay là việc làm có ý nghĩa quyết định những thắng lợi tiếp theo của công cuộc đổi mới.

Đại hội X của Đảng chỉ rõ: "Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Nhà nước đại diện quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức và thực hiện đường lối chính trị của Đảng. Mọi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, có sự tham gia ý kiến của nhân dân"[2]. Dân chủ là một thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới, đồng thời cũng chính là bài học quan trọng rút ra từ quá trình lãnh đạo nhạy bén, tài tình của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Từ thực tiễn sự lãnh đạo của Đảng xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở thời gian qua, có thể nêu một số thành tựu sau:

- Đã làm thay đổi cơ bản nhận thức của người dân và của cả hệ thống chính trị về dân chủ, quyền dân chủ, về chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa;

- Bước đầu phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sản xuất, kinh doanh và là động lực trực tiếp phát triển kinh tế ở cơ sở;

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. CTQG, HN, 2006, tr.44

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. CTQG, HN, 2006, tr.125

- Tạo ra bầu không khí phấn khởi, cởi mở trong xã hội cả nông thôn và thành thị, góp phần thúc đẩy xây dựng đời sống văn hóa - xã hội ở cơ sở lành mạnh, môi trường trong sạch;

- Là một phương thức, một giải pháp hữu hiệu để giải quyết các thắc mắc, tháo gỡ những bức xúc ở cơ sở góp phần thiết thực giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở;

- Tăng cường và củng cố vai trò lãnh đạo, thúc đẩy đổi mới phương thức lãnh đạo của các tổ chức đảng ở cơ sở. Góp phần nâng cao uy tín của Đảng ở cơ sở;

- Góp phần tích cực vào chương trình cải cách hành chính, xây dựng chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh;

- Góp phần nâng cao vai trò và vị trí của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở; thúc đẩy sự đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các đoàn thể nhân dân cho phù hợp với tình hình mới...

Mặc dù đã đạt được những thành tựu quan trọng trên nhưng vẫn còn một số nơi, một số địa phương, cơ quan, đơn vị, sự lãnh đạo của Đảng đối với việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở chưa đạt được kết quả như mong muốn. Đó là do:

- Lãnh đạo ở các cơ sở này chưa nhận thức đầy đủ vai trò và ý nghĩa của Quy chế Dân chủ, vì vậy, thiếu tập trung chỉ đạo kịp thời;

- Không có những biện pháp tuyên truyền tích cực và phù hợp nhằm làm thay đổi nhận thức của cán bộ và nhân dân về dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân, và vai trò của dân chủ trong đời sống;

- Không thường xuyên tuyên truyền, vận động làm cho người dân thấu hiểu ý nghĩa to lớn của việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở;

- Quá trình thực hiện Quy chế dân chủ ở một số nơi còn mang tính chất hình thức, chiếu lệ;

- Nhiều nơi quy chế, quy ước, hương ước thực hiện dân chủ ở cơ sở được xây dựng nhưng, hoặc thiếu thực tiễn, không gắn liền với những vấn đề bức xúc ở địa phương, hoặc còn dài dòng, rắc rối, khó hiểu vì vậy khó thực hiện và kém hiệu quả.

Sau 10 năm thực hiện, trong Kết luận số 65–KL/TW ngày 4/3/2010 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 30–CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) *Về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở,* đã đánh giá những kết quả đạt được như:

- Thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở được gắn với phát triển kinh tế- xã hội, cải cách thủ thục hành chính, cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", các phong trào, các hoạt động văn hóa, xã hội, giữ vững an ninh, trật tự ở cơ sở. Nhân dân đồng tình hưởng ứng và thực hiện có hiệu quả. Dân chủ và thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, nhất là dân chủ trực tiếp của nhân dân tiếp tục được coi trọng, tăng cường.

- Xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã góp phần đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của mặt trận, các đoàn thể nhân dân; phát huy tính tiền phong, gương mẫu, chấn chỉnh phong cách, lề lối làm việc của cán bộ, công chức theo hướng sát dân, trọng dân và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp nhân dân; góp phần quan trọng trong phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí; tăng cường đoàn kết, đồng thuận xã hội, củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân; chống lại các âm mưu lợi dụng dân chủ, dân tộc, tôn giáo, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

b. Một số chú ý trong thời gian tới

Trên cơ sở thành tựu và hạn chế nêu trên, để đưa cuộc vận động thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở lên một bước mới, hiệu quả, thiết thực hơn theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X của Đảng, thời gian tới cần tập trung vào một số vấn đề sau:

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị; tích cực triển khai nghiêm túc các Nghị định 29/1998/NĐ-CP, 71/1998/NĐ-CP, 07/1999/NĐ-CP của Chính phủ và Chỉ thị số 10-CT/TW của Ban Bí thư; đồng thời, ban hành những văn bản mới của Đảng và chính phủ nhằm kịp thời chỉ đạo, điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với tình hình mới.

- Gắn việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở với việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, văn hóa - môi trường; với việc xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở; với cải cách hành chính; với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, kiện toàn bộ máy chính quyền, nâng cao vai trò và địa vị của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng.

- Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở cần đồng thời xây dựng quy chế phối hợp hoạt động đồng bộ, thống nhất giữa Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân nhằm tích cực xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch và vững mạnh.

- Giải quyết tốt mối quan hệ giữa dân chủ và kỷ cương, kiên quyết xử lý những phần tử lợi dụng dân chủ gây mất đoàn kết nội bộ, mất ổn định xã hội.

- Cần đặc biệt quan tâm củng cố và kiện toàn hệ thống Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở từ Trung ương đến cơ sở để Ban tiếp tục hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian tới.

Tiếp đó, Kết luận số 65–KL/TW ngày 4/3/2010 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 30–CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) *Về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở,* cũng khẳng định: Quốc hội, Chính phủ đã thể chế hóa trong nhiều văn bản pháp quy về thực hiện Quy chế dân chủ cho một số loại hình cơ sở. Các cơ quan, đơn vị, cơ sở đã tích cực xây dựng quy chế,

quy định; thôn, ấp, bản, làng, tổ dân phố xây dựng hương ước, quy ước thực hiện dân chủ trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

* *

*

Trong 83 năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo cuộc đấu tranh cách mạng giành chính quyền về tay nhân dân từ Cách mạng Tháng Tám, lãnh đạo Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tổ chức cuộc sống mới của nhân dân đã được giải phóng khỏi ách nô lệ thực dân, tiến hành hai cuộc kháng chiến vĩ đại chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược bảo vệ nền độc lập dân tộc và thống nhất đất nước. Đảng đã không ngừng xây dựng và phát huy quyền làm chủ của người dân đó là thực hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, một nền dân chủ ở trình độ cao hơn chế độ dân chủ tư sản cả về pháp lý và trong thực tế. Quyền làm chủ của nhân dân, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trở thành mục tiêu động lực của sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Tất cả những điều đó cho thấy rằng, Đảng ta đã huy động được nguồn lực tinh thần và vật chất trong nhân dân, phát huy hết tiềm lực của dân tộc trong công cuộc xây dựng đất nước góp phần thành công trong sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá. Không những thể hiện trong lý luận mà ngay trong thực tiễn cách mạng Việt Nam, để đưa đất nước tiến đến mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Bản sao tài liệu

Phần thứ năm.

NHỮNG MỐC SON LỊCH SỬ QUA CÁC KỲ ĐẠI HỘI ĐẢNG(*)

Bản sao lưu trữ

(*) Nguồn: *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (Văn kiện Đảng)*

Bản sao lưu trữ

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ I CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG (Tháng 3-1935)

Đại hội lần thứ nhất của Đảng có ý nghĩa lịch sử quan trọng. Đại hội đánh dấu sự khôi phục được hệ thống tổ chức của Đảng từ Trung ương đến địa phương, từ trong nước ra ngoài nước; thống nhất phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đại hội được tiến hành trong bối cảnh lịch sử thế giới và trong nước có nhiều chuyển biến quan trọng. Trên thế giới, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế tiếp tục phát triển có lợi cho cuộc đấu tranh của các dân tộc thuộc địa. Những thành tựu to lớn về mọi mặt của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô có tác động to lớn tới phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa. Các nước tư bản chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng kinh tế sâu sắc. Ở Đông Dương, phong trào đấu tranh của công nhân đã từng bước hồi phục. Các tầng lớp nhân dân ở thành thị và nông thôn tham gia đấu tranh bằng nhiều hình thức như bãi khoá của học sinh, bãi thị của thương nhân, biểu tình chống thuế của nông dân.

Đảng cũng từng bước hồi phục sau các cuộc khủng bố trắng. Về tổ chức, Ban lãnh đạo hải ngoại đã liên hệ được với những cơ sở và tổ chức trong nước, đưa đảng viên ở nước ngoài về nước phối hợp với đảng viên trong nước hoạt động; tiếp tục củng cố và phát triển những cơ sở và tổ chức còn lại, đồng thời xây dựng những cơ sở mới.

Trên cơ sở phong trào cách mạng đã được phục hồi và sự chuẩn bị trước đó, từ ngày 28 đến 31-3-1935, Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng đã họp tại một địa điểm ở phố Quan Công, Ma Cao (Trung Quốc) nhằm xác định đường lối cho thời kỳ đấu tranh mới khi Đảng đã phục hồi. Tham dự Đại hội có 13 đại biểu, lúc này đồng chí Nguyễn Ái Quốc đang công tác ở Quốc tế Cộng sản, đồng chí Lê Hồng Phong dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng ta đi dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII, nên không tham dự được.

Trên cơ sở đánh giá tình hình thế giới và trong nước, Đại hội đề ra 3 nhiệm vụ chủ yếu của toàn Đảng trong thời gian trước mắt là củng cố và phát triển Đảng, tranh thủ quần chúng rộng rãi, chống chiến tranh đế quốc.

Về nhiệm vụ phát triển và củng cố Đảng, tăng cường phát triển đảng vào các xí nghiệp, đồn điền, hầm mỏ, đường giao thông quan trọng, biến mỗi

xí nghiệp thành một thành luỹ của Đảng; đồng thời phải đưa nông dân lao động và trí thức cách mạng đã trải qua thử thách vào Đảng. Phải chăm lo tăng cường các đảng viên ưu tú xuất thân từ công nhân vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng. Để bảo đảm sự thống nhất về tư tưởng và hành động, các đảng bộ cần tăng cường phê bình và tự phê bình đấu tranh trên cả hai mặt chống "tả" khuynh và "hữu" khuynh, giữ vững kỷ luật của Đảng.

Về "thâu phục quảng đại quần chúng", Đại hội chỉ rõ Đảng mạnh là căn cứ vào ảnh hưởng và thể lực của Đảng trong quần chúng. Nếu Đảng không mật thiết liên lạc với quần chúng, không được quần chúng tán thành và ủng hộ những khẩu hiệu của mình thì những nghị quyết cách mạng đưa ra vẫn chỉ là lời nói không. Muốn thâu phục quảng đại quần chúng thì nhiệm vụ trung tâm, căn bản, cần kíp trước mắt của Đảng là: bênh vực quyền lợi của quần chúng; củng cố và phát triển các tổ chức quần chúng. Đại hội chủ trương tổ chức quần chúng chủ yếu theo hình thức bí mật, bất hợp pháp, đồng thời coi trọng những hình thức công khai, hợp pháp.

Phải đẩy mạnh chống chiến tranh đế quốc, vạch trần luận điệu "hoà bình" giả dối của bọn đế quốc, giải thích cho quần chúng thấy rõ chiến tranh đế quốc đã bắt đầu. Đại hội xem nhiệm vụ chống chiến tranh đế quốc bảo vệ Liên bang Xô Viết là nhiệm vụ của Đảng và của toàn thể cách mạng. Đại hội quyết định thành lập Ban Chống chiến tranh đế quốc do Đảng lãnh đạo, bao gồm đại biểu nhiều tổ chức cách mạng và cá nhân yêu nước, hoà bình và công lý.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương Đảng, gồm 13 ủy viên (9 ủy viên chính thức và 4 ủy viên dự khuyết), trong đó có các đồng chí:

Lê Hồng Phong, Đình Thanh, Hà Huy Tập, Phùng Chí Kiên, Võ Nguyên Hiếu, Hoàng Đình Giong, Nguyễn Ái Quốc... đồng chí Lê Hồng Phong được bầu làm Tổng Bí thư[1].

Ban Chấp hành Trung ương nhất trí cử đồng chí Nguyễn Ái Quốc là đại biểu của Đảng bên cạnh Quốc tế Cộng sản.

(1) Ngày 21-3-1935, Quốc tế Cộng sản đã phê chuẩn đề nghị của *Ban chỉ huy ở nước ngoài* cử đồng chí Lê Hồng Phong làm Tổng Bí thư (đề nghị kí ngày 20-12-1934).

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ II CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG (Từ ngày 11 đến ngày 19 tháng 2-1951)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng diễn ra trong một bối cảnh trong nước và quốc tế có nhiều chuyển biến lớn.

Từ năm 1950, phong trào cách mạng trên thế giới phát triển mạnh mẽ. Hệ thống xã hội chủ nghĩa đã được củng cố và tăng cường về mọi mặt. Phong trào giải phóng dân tộc vẫn tiếp tục phát triển làm rung chuyển hậu phương của chủ nghĩa đế quốc. Phong trào bảo vệ hoà bình thế giới trở thành phong trào quần chúng rộng rãi.

Về phía chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là Mỹ, cho tới lúc này, Mỹ đã căn bản hoàn thành việc chia lại thị trường thế giới tư bản dưới sự khống chế của Mỹ. Mỹ còn ra sức tiếp tay cho các đế quốc khác trong cuộc chiến tranh xâm lược thuộc địa, chuẩn bị điều kiện hất cẳng bọn thực dân cũ, thay bằng chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Mâu thuẫn giữa Mỹ và các nước đế quốc ngày càng sâu sắc. Trong quan hệ với Đông Dương, để cứu nguy cho Pháp đang sa lầy trong cuộc chiến tranh và thực hiện ý đồ can thiệp sâu vào Đông Dương, Mỹ đã quyết định tăng cường viện trợ cho Pháp và quân đội bù nhìn.

Tình hình quốc tế trên đây có tác động vào Đông Dương về hai mặt. Sự ủng hộ về tinh thần và giúp đỡ về vật chất của các nước XHCN cho cuộc kháng chiến của ba nước Đông Dương là một nhân tố tích cực. Song song với những nhân tố mới tích cực, việc Mỹ cấu kết với Pháp, tăng cường can thiệp vào Đông Dương... cũng gây cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta nhiều phức tạp. Điều đó đòi hỏi Đảng ta phải có những chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình mới.

Ở trong nước, sau 16 năm kể từ Đại hội lần thứ I của Đảng, tình hình có những chuyển biến căn bản. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã đưa nhân dân ta từ người mất nước lên người làm chủ đất nước. Nhưng do dã tâm xâm lược của thực dân Pháp, nhân dân ta lại phải tiếp tục cầm súng đứng lên đánh giặc để bảo vệ nền tự do, độc lập. Qua hơn 5 năm chiến đấu, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta đã liên tiếp thu được nhiều thắng lợi, thực dân Pháp ngày càng sa lầy vào cuộc chiến khó tránh khỏi thất bại. Thế và lực của cuộc kháng chiến từ sau chiến thắng Biên giới có bước phát triển vượt bậc. Tuy nhiên, cuộc kháng chiến bước sang giai đoạn mới lại có những yêu cầu mới, đòi hỏi Đảng ta phải giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách để đưa cách mạng tiến

lên. Ở hai nước bạn Lào và Campuchia, cuộc kháng chiến cũng giành được những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược.

Là người tổ chức và lãnh đạo cách mạng của cả ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia, từ năm 1930 đến nay, Đảng Cộng sản Đông Dương đã luôn làm tròn vai trò và sứ mệnh lịch sử của mình. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, Đảng cũng bộc lộ một số thiếu sót, hạn chế ảnh hưởng đến sự lãnh đạo của Đảng. Mặt khác, cuộc kháng chiến của ba nước Đông Dương tuy cùng chung một mục tiêu, cùng một chiến trường, nhưng mỗi nước đã có những bước phát triển riêng biệt. Tình hình đó đang đòi hỏi mỗi nước cần phải thành lập một chính đảng cách mạng theo Chủ nghĩa Mác - Lênin, trực tiếp đảm nhiệm sứ mệnh lịch sử trước dân tộc mình và chủ động góp phần vào sự nghiệp cách mạng chung của nhân dân ba dân tộc.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng được triệu tập nhằm đáp ứng những đòi hỏi bức thiết đó. Đại hội họp tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang từ ngày 11 đến ngày 19/2/1951. Về dự Đại hội có 158 đại biểu chính thức và 53 đại biểu dự khuyết thay mặt cho 766.349 đảng viên đang sinh hoạt trong Đảng bộ toàn Đông Dương. Đến dự Đại hội còn có đại biểu của Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Cộng sản Xiêm (Thái Lan).

Sau diễn văn khai mạc của đồng chí Tôn Đức Thắng, Đại hội đã nghiên cứu và thảo luận kỹ các báo cáo trình trước Đại hội: Báo cáo Chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh; Báo cáo Bàn về cách mạng Việt Nam của Tổng Bí thư Trường Chinh; Báo cáo về Tổ chức và Điều lệ Đảng của Đồng chí Lê Văn Lương, cùng nhiều báo cáo bổ sung về Mặt trận dân tộc thống nhất, Chính quyền dân chủ nhân dân, Quân đội nhân dân, Kinh tế tài chính và về Văn hoá, văn nghệ... và những tham luận khác.

Báo cáo chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khái quát những chuyển biến của tình hình thế giới và trong nước những năm nửa đầu thế kỷ XX, dự đoán những triển vọng tốt đẹp của nửa thế kỷ sau.

Về quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng trong 2 năm qua, Báo cáo đã khẳng định những thắng lợi to lớn của cách mạng, kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng và những bài học kinh nghiệm của các thời kỳ vận động cách mạng của Đảng. Thắng lợi của cách mạng và kháng chiến đã khẳng định đường lối, chính sách của Đảng nói chung là đúng; cán bộ, đảng viên của Đảng là những chiến sĩ dũng cảm, tận tuỵ hi sinh, được quần chúng tin yêu...

Căn cứ vào sự phân tích cụ thể tình hình thế giới và trong nước, Báo cáo chính trị nêu khẩu hiệu chính của ta là tiêu diệt thực dân Pháp xâm lược và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành thống nhất độc lập hoàn toàn, bảo vệ hoà bình thế giới.

Bản Báo cáo cũng nêu lên mấy nhiệm vụ chính trong nhiệm vụ mới của cách mạng Việt Nam:

1. Đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

2. Tổ chức Đảng Lao động Việt Nam.

Để thực hiện nhiệm vụ thứ nhất cần phải đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang (quân đội, dân quân, du kích) về mọi mặt (bao gồm nâng cao giác ngộ chính trị, nâng cao chiến thuật và kỹ thuật, nâng cao kỷ luật tự

giác; tổ chức, huấn luyện, chỉ đạo và sức chiến đấu), củng cố và phát triển Mặt trận dân tộc thống nhất (Mặt trận Liên Việt - Việt Minh); phát huy tinh thần yêu nước và đẩy mạnh thi đua ái quốc (trước hết, là bộ đội thi đua giết giặc lập công; hai là, nhân dân thi đua tăng gia sản xuất), triệt để giảm tô, giảm tức, tịch thu ruộng đất của thực dân và Việt gian chia cho dân cày nghèo, bảo vệ nền tảng kinh tế tài chính của ta, đấu tranh kinh tế với địch, thực hiện công bằng hợp lý về thuế khoá; tích cực giúp đỡ cuộc kháng chiến của Cao Miên và Lào, tiến tới thành lập Mặt trận thống nhất Việt - Miên - Lào. Củng cố tình thân thiện giữa nước ta và các nước bạn, giữa nhân dân ta và nhân dân các nước trên thế giới.

Muốn làm tròn nhiệm vụ trên, cần phải có một Đảng hoạt động công khai, tổ chức phải phù hợp với tình hình thế giới và trong nước để lãnh đạo toàn dân kháng chiến đến thắng lợi. Đảng đó lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam. Mục đích trước mắt của Đảng là đoàn kết và lãnh đạo toàn dân kháng chiến cho đến thắng lợi hoàn toàn, lãnh đạo toàn dân thực hiện dân chủ mới, xây dựng điều kiện để tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, một đảng to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để. Trong điều kiện lịch sử mới, Đại hội chủ trương xây dựng ở mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia, một Đảng cách mạng thích hợp với hoàn cảnh cụ thể, để lãnh đạo cuộc kháng chiến từng nước đến thắng lợi hoàn toàn. Ở Việt Nam, Đại hội quyết định xây dựng Đảng Lao động Việt Nam. Kế thừa truyền thống của Đảng Cộng sản Đông Dương, Đảng Lao động Việt Nam đảm nhận sứ mệnh lịch sử trọng đại vừa tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân ta, vừa có nghĩa vụ giúp đỡ các Đảng cách mạng ở Lào và Campuchia đấu tranh thắng lợi.

Trên cơ sở tổng kết những kinh nghiệm thực tiễn của hơn 20 năm lãnh đạo cách mạng nước ta, đồng thời tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của phong trào cách mạng thế giới, Báo cáo Bàn về cách mạng Việt Nam của đồng chí Trường Chinh đã trình bày trước Đại hội toàn bộ đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là tiêu diệt bọn đế quốc xâm lược, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập và thống nhất, xoá bỏ hình thức bóc lột phong kiến, làm cho người cày có ruộng, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Nhiệm vụ chống đế quốc và nhiệm vụ chống phong kiến khăng khít với nhau. Nhưng trọng tâm của cách mạng trong giai đoạn hiện tại là giải phóng dân tộc. Kẻ thù cụ thể trước mắt của cách mạng là chủ nghĩa đế quốc xâm lược và bè lũ tay sai. Mũi nhọn của cách mạng chủ yếu chĩa vào bọn đế quốc xâm lược.

Nhiệm vụ phản phong kiến nhất định phải làm đồng thời với nhiệm vụ phản đế, nhưng làm có kế hoạch, có từng bước, để vừa bồi dưỡng và phát triển được lực lượng cách mạng của nhân dân, vừa giữ vững được khối đại đoàn kết toàn dân để kháng chiến, nhằm mau tiêu diệt bọn đế quốc xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc.

Lực lượng cách mạng Việt Nam bao gồm giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản và giai cấp tư sản dân tộc. Động lực của cách mạng Việt Nam bao gồm giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và giai cấp tư sản, chủ yếu là công nhân và nông dân. Lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam là giai cấp công nhân.

Cuộc cách mạng nhằm đánh đổ đế quốc và phong kiến do nhân dân tiến hành, trong đó, công nông là động lực chủ yếu và do giai cấp công nhân lãnh đạo gọi là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Bàn về triển vọng của cách mạng Việt Nam, Báo cáo nêu rõ con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam là tiến lên CNXH. Nhưng con đường tiến lên CNXH ở Việt Nam có những hình thái đặc biệt phù hợp với những điều kiện cụ thể của nó. Dưới chính quyền nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo, giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể là một quá trình cải cách vừa ôn hòa vừa bạo lực, không có hiện tượng nổ bùng, không có nội chiến để thủ tiêu chính quyền đã có của nhân dân và sáng lập nên một chính quyền nào mới.

Hình thức của nhà nước Việt Nam hiện nay là cộng hòa dân chủ, nội dung của nó là chuyên chính dân chủ nhân dân. Khi cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì chuyên chính dân chủ nhân dân chuyển thành chuyên chính vô sản. Hình thức nhà nước cộng hòa dân chủ vẫn có thể tồn tại lâu dài hoặc một thời gian khi nội dung của nó đã đổi thành chuyên chính vô sản.

Căn cứ vào tình hình thế giới và tình hình trong nước, căn cứ vào nhiệm vụ và tính chất của cách mạng nước ta, Báo cáo Bàn về cách mạng Việt Nam vạch ra 12 chính sách của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. 12 chính sách đó là:

- Đẩy mạnh kháng chiến đến toàn thắng, tiêu diệt bọn đế quốc xâm lược và bè lũ tay sai, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập và thống nhất.

- Thi hành từng bước chính sách ruộng đất, tiến tới thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng, xoá bỏ các hình thức bóc lột phong kiến và nửa phong kiến ở nước ta.

- Xây dựng, củng cố và phát triển chế độ dân chủ nhân dân về chính trị, kinh tế và văn hoá, chuẩn bị tiến lên giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Củng cố mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc xâm lược.

- Xây dựng và phát triển quân đội nhân dân.

- Chính sách dân tộc.

- Chính sách đối với tôn giáo.

- Chính sách đối với vùng bị địch chiếm.

- Chính sách đối với ngoại kiều.

- Chính sách đối ngoại.

- Ra sức ủng hộ cách mạng Campuchia và cách mạng Lào.

- Tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, dân chủ và độc lập dân tộc của nhân dân thế giới.

Báo cáo *Bàn về cách mạng Việt Nam* là một văn kiện lịch sử rất quan trọng. Nội dung của văn kiện đã bổ sung, hoàn chỉnh và phát triển lý luận của Đảng ta về cách mạng dân tộc dân chủ do giai cấp công nhân lãnh đạo, tiến hành trong điều kiện một nước thuộc địa, nửa phong kiến, trong thời đại mới quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên CNXH, ở một dân tộc có truyền thống kiên cường, bất khuất hàng nghìn năm chống xâm lược. Nó là kim chỉ nam cho những chủ trương, chính sách cụ thể của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ, và phương hướng phấn đấu cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đưa sự nghiệp kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Nội dung cơ bản của Báo cáo *Bàn về cách mạng Việt Nam* đã được đúc kết trong bản Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam.

Đại hội cũng thảo luận và nhất trí thông qua Điều lệ mới của Đảng Lao động Việt Nam. Điều lệ mới gồm có phần mục đích và tôn chỉ, 13 Chương và 71 Điều. Điều lệ xác định rõ mục đích của Đảng là phấn đấu để "phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chế độ XHCN ở Việt Nam, để thực hiện tự do, hạnh phúc cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và tất cả dân tộc đa số, thiểu số Việt Nam"

Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và của nhân dân lao động Việt Nam. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng và xây dựng Đảng theo nguyên tắc một Đảng vô sản kiểu mới, lấy tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt căn bản của Đảng; phê bình, tự phê bình là quy luật phát triển của Đảng; phục vụ nhân dân là mục tiêu hoạt động của Đảng.

Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới gồm 19 đồng chí ủy viên chính thức:

Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Nguyễn Chí Thanh, Lê Duẩn, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Phan Đình Khải (Thọ), Nguyễn Lương Bằng, Hoàng Quốc Việt, Chu Văn Tấn, Tôn Đức Thắng, Lê Văn Lương, Trần Đăng Ninh, Hoàn Văn Hoan, Trần Quốc Hoàn, Lê Thanh Nghị, Nguyễn Duy Trinh, Phạm Hùng, Nguyễn Văn Khiêm.

Và 10 đồng chí ủy viên dự khuyết:

Nguyễn Khang, Nguyễn Văn Trân, Hà Huy Giáp, Hồ Viết Thắng, Văn Tiến Dũng, Tố Hữu, Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Văn Kỉnh, Nguyễn Chánh, Hoàng Anh.

Ban Chấp hành đã bầu Bộ Chính trị gồm có 7 đồng chí ủy viên chính thức:

Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Lê Duẩn, Hoàng Quốc Việt, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Chí Thanh và một đồng chí ủy viên dự khuyết là Lê Văn Lương. Bầu đồng chí Hồ Chí Minh là Chủ tịch Đảng. Đồng chí Trường Chinh là Tổng Bí thư.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta. Đường lối do Đại hội vạch ra đã đáp ứng yêu cầu trước mắt của kháng chiến và yêu cầu lâu dài của cách mạng, và thực sự là những đóng góp quý báu vào kho tàng lý luận cách mạng nước ta.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ III CỦA ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM (Từ ngày 5-9-1960 đến ngày 10-9-1960)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại thủ đô Hà Nội từ ngày 5 đến ngày 10/9/1960. 525 đại biểu chính thức và 51 đại biểu dự khuyết thay mặt cho hơn 50 vạn đảng viên trong cả nước đã về dự Đại hội.

Trong tổng số các đại biểu tham dự Đại hội có 50% số đại biểu là các đảng viên đã tham gia cách mạng từ khi Đảng còn hoạt động bí mật, tất cả các đại biểu đã trải qua cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược, nhiều đại biểu là anh hùng và chiến sĩ thi đua, là đại biểu đại diện cho các dân tộc thiểu số, nhà thơ, nhà văn, nhà khoa học... Gần 20 đoàn đại biểu quốc tế, đại biểu của Đảng Xã hội, Đảng Dân chủ và các đoàn thể trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng tới dự Đại hội.

Đồng chí Hồ Chí Minh - Chủ tịch Đảng đọc lời khai mạc Đại hội. Người nói, lịch sử 30 năm đấu tranh của Đảng đã dạy cho chúng ta rằng: "Thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp vô sản và của dân tộc; giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Đảng và sự đoàn kết nhất trí giữa các Đảng cộng sản, giữa các nước trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa, đó là các bảo đảm chắc chắn nhất cho cách mạng thắng lợi". Người khẳng định: "Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hoà bình thống nhất nước nhà". Người nhắc lại ý chí sắt đá giải phóng miền Nam của nhân dân cả nước ta: "Ngày nào mà chưa đuổi được đế quốc Mỹ ra khỏi miền Nam nước ta, chưa giải phóng được miền Nam khỏi ách thống trị tàn bạo của Mỹ - Diệm, thì nhân dân ta vẫn chưa thể ăn ngon, ngủ yên", và nhấn mạnh "Miền Bắc giàu mạnh là cơ sở vững chắc của cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà". Để bảo đảm thắng lợi của cách mạng, vấn đề có ý nghĩa quyết định là "phải nâng cao hơn nữa sức chiến đấu của toàn Đảng ta, phát huy hơn nữa tác dụng lãnh đạo của Đảng ta trên mọi mặt công tác. Từ trước tới nay, Đảng ta đã cố gắng liên hệ chặt chẽ chủ nghĩa Mác - Lênin với thực tế cách mạng Việt Nam. Cán bộ và đảng viên ta nói chung đều có phẩm chất cách mạng tốt đẹp. Nhưng chúng ta còn khuyết điểm như: bệnh chủ quan, chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa kinh nghiệm, tác phong quan liêu, chủ nghĩa cá nhân... chúng ta phải ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tăng cường giáo dục tư tưởng trong Đảng, đấu tranh khắc phục khuyết điểm... Phải nâng cao hơn nữa tính giai cấp và tính tiên phong của Đảng, tăng cường không ngừng mối liên hệ giữa Đảng

và quần chúng, phải biết đoàn kết mọi người yêu nước và tiến bộ để xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà".

Đại hội đã nghe Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương do đồng chí Lê Duẩn đọc; Báo cáo về sửa đổi Điều lệ Đảng do đồng chí Lê Đức Thọ đọc; Báo cáo về phương hướng và nhiệm vụ kế hoạch 5 năm lần thứ nhất do đồng chí Nguyễn Duy Trinh đọc và nhiều tham luận khác.

Báo cáo chính trị đã kiểm điểm lại sự lãnh đạo của Đảng từ Đại hội lần thứ II đến Đại hội lần thứ III, đặc biệt là thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Báo cáo khẳng định "cuộc kháng chiến trường kỳ của nhân dân ta kết thúc thắng lợi. Thắng lợi đó đã chứng tỏ rằng trong điều kiện thế giới ngày nay, một dân tộc dù là nhỏ yếu, nhưng một khi đã đoàn kết đứng lên kiên quyết đấu tranh dưới sự lãnh đạo của chính Đảng Mác - Lênin để giành độc lập và dân chủ, thì có đầy đủ lực lượng để chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược. Thắng lợi đó chứng tỏ rằng chỉ có sự lãnh đạo đúng đắn của giai cấp công nhân mà Đảng ta là đại biểu, chỉ có đường lối cách mạng khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin mới có thể tạo điều kiện cho nhân dân ta đánh bại quân thù và giành tự do, độc lập".

Phân tích tình hình đất nước ta tạm thời bị chia làm 2 miền, có hai chế độ khác nhau, Báo cáo xác định: "Nhiệm vụ cách mạng của nhân dân ta trong giai đoạn hiện nay là: tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, thiết thực góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới".

Hai nhiệm vụ cách mạng ở miền Bắc và ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, song trước mắt đều có một mục tiêu chung là thực hiện hoà bình thống nhất Tổ quốc, đều nhằm giải quyết mâu thuẫn chung là mâu thuẫn giữa nhân dân ta với đế quốc Mỹ và tay sai của chúng. Để giải quyết mâu thuẫn chung, mỗi miền Nam, Bắc, có nhiệm vụ chiến lược riêng và giữ những vị trí khác nhau: nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là: "nhiệm vụ quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng nước ta, đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà của nhân dân ta".

Cách mạng miền Nam "có tác dụng quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước".

Báo cáo chính trị nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng. Vì vậy, "nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam là đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị Ngô Đình Diệm,

tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên hợp dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc, các quyền tự do dân chủ và cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, tích cực góp phần bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và trên thế giới".

Báo cáo chính trị đã phân tích một cách sâu sắc về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu chủ yếu dự trên cơ sở sản xuất nhỏ cá thể, cơ sở kinh tế tư bản chủ nghĩa hết sức kém cỏi cho nên "công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc phải là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt nhằm đưa miền Bắc từ nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ chế độ sản xuất nhỏ tiến lên chế độ sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, từ tình trạng kinh tế phân tán và lạc hậu, xây dựng thành một nền kinh tế cân đối và hiện đại, làm cho miền Bắc tiến bộ mau chóng, thành cơ sở ngày càng vững chắc cho sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà". Tuy có điểm xuất phát rất thấp nhưng miền Bắc có thuận lợi cơ bản là chủ nghĩa xã hội đã trở thành hệ thống thế giới và ngày càng lớn mạnh. Tình hình đó đảm bảo cho miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Trong điều kiện đất nước còn tạm thời bị chia cắt làm hai miền, thì sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc phải biến miền Bắc thành hậu phương vững chắc cho cả nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Quá trình cải biến cách mạng ở miền Bắc là quá trình kết hợp cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, là quá trình đấu tranh gay gắt, phức tạp giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hoá, xã hội.

Trên cơ sở những phân tích đúng đắn, Đại hội đã xác định đường lối chung của Đảng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc là "đoàn kết toàn dân, phát huy tinh thần yêu nước nồng nàn và truyền thống phấn đấu anh dũng, lao động cần cù của nhân dân ta, đồng thời tăng cường đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa anh em do Liên Xô đứng đầu, để đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no hạnh phúc ở miền Bắc và củng cố miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà, góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hoà bình Đông Nam Á và thế giới".

"Muốn đạt mục tiêu ấy phải sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản để thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản tư doanh; phát triển thành phần kinh tế quốc doanh, thực hiện công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ; đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hoá và kỹ thuật, biến nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hoá khoa học tiên tiến".

Muốn cải tạo nền kinh tế lạc hậu ở nước ta, không còn con đường nào khác ngoài con đường công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Vì vậy công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Để thực hiện một bước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, làm cho nền kinh tế miền Bắc nước ta thành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Đại hội xác định những nhiệm vụ cơ bản của Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất:

- Ra sức phát triển công nghiệp và nông nghiệp, thực hiện một bước việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp toàn diện, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp nhẹ.

- Hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản tư doanh, mở rộng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong toàn bộ nền kinh tế quốc doanh.

- Nâng cao trình độ văn hoá của nhân dân, đẩy mạnh đào tạo cán bộ và công nhân lành nghề, nâng cao năng lực quản lý kinh tế của cán bộ, xúc tiến công tác khoa học kỹ thuật.

- Cải thiện thêm một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, mở mang phúc lợi công cộng, xây dựng đời sống mới ở nông thôn và thành thị.

- Ra sức củng cố quốc phòng, trật tự an ninh xã hội.

Các nhiệm vụ đó liên hệ mật thiết với nhau.

Đại hội cũng quyết định các chủ trương tăng cường nhà nước dân chủ nhân dân củng cố sự nhất trí về chính trị của nhân dân, đoàn kết quốc tế và đẩy mạnh xây dựng Đảng.

Về vai trò lãnh đạo của Đảng, Đại hội đã rút ra những bài học kinh nghiệm chủ yếu của cách mạng nước ta trong 30 năm qua. Đó là:

- Xây dựng Đảng Mác - Lênin đoàn kết nhất trí, liên hệ chặt chẽ với quần chúng, luôn luôn giữ vững quyền lãnh đạo cách mạng.

- Có đường lối, phương châm cách mạng đúng đắn, kết hợp nhiệm vụ chống đế quốc và bè lũ tay sai là nhiệm vụ chủ yếu nhất và nhiệm vụ chống phong kiến phải tiến hành từng bước, kết hợp với nhiệm vụ chống đế quốc.

- Giải quyết đúng đắn vấn đề nông dân, thực hiện khối liên minh công nông vững chắc.

- Dựa trên cơ sở khối liên minh công nông vững mạnh, tập hợp mọi lực lượng dân tộc và dân chủ thành một mặt trận thống nhất rộng rãi dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Lấy việc xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng làm cơ bản, phối hợp hoạt động hợp pháp và hoạt động không hợp pháp, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, kết hợp lực lượng vũ trang với lực lượng chính trị.

- Tăng cường nhà nước dân chủ nhân dân.

- Nắm vững phương hướng chiến lược lợi dụng những mâu thuẫn cục bộ và tạm thời trong nội bộ kẻ thù để phân hoá chúng, trung lập những lực lượng có thể trung lập, cô lập triệt để bọn nguy hiểm nhất.

- Tăng cường đoàn kết quốc tế.

Kinh nghiệm cách mạng được tổng kết đã khẳng định sự lãnh đạo của Đảng là yếu tố cơ bản quyến định mọi thắng lợi của nhân dân ta. Để cho Đảng làm tròn sứ mệnh, vấn đề mấu chốt là phải không ngừng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng tức là "phải nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng,... củng cố sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng, phải cải tiến công tác lãnh đạo của Đảng, phải nâng cao không ngừng trình độ hiểu biết và năng lực công tác của cán bộ đảng viên".

Đại hội nghe và thảo luận Báo cáo về sửa đổi Điều lệ Đảng. Báo cáo chỉ rõ: trong tình hình mới, yêu cầu cơ bản của việc xây dựng Đảng là phải giữ vững và nâng cao hơn nữa tính giai cấp và tính tiên phong của Đảng để nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng; phải nâng cao trình độ lý luận và tư tưởng trong Đảng, mở rộng dân chủ và tăng cường tập trung trong sinh hoạt Đảng, tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng trên cơ sở phê bình và tự phê bình. Báo cáo sửa đổi Điều lệ đặc biệt nhấn mạnh vấn đề về đảng viên, coi đó là một trong những vấn đề quyết định chất lượng và sức chiến đấu của Đảng.

Trong hơn 5 ngày làm việc, Đại hội đã thảo luận sôi nổi và hoàn toàn tán thành Báo cáo chính trị và các báo cáo khác của Ban Chấp hành Trung ương. Những vấn đề Đại hội thảo luận và thông qua có tầm quan trọng quyết định phương hướng nhiệm vụ của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương mới gồm 47 đồng chí ủy viên chính thức:

Hồ Chí Minh, Hoàng Anh, Lê Quảng Ba, Nguyễn Lương Bằng, Trần Tử Bình, Nguyễn Côn, Võ Chí Công, Trường Chinh, Lê Duẩn, Văn Tiến Dũng, Trần Hữu Dực, Phan Văn Đáng, Phạm Văn Đồng, Võ Thúc Đồng, Hà Huy Giáp, Võ Nguyên Giáp, Song Hào, Hoàng Văn Hoan, Trần Quốc Hoàn, Phạm Hùng, Tố Hữu, Nguyễn Văn Kỉnh, Nguyễn Khang, Ung Văn Khiêm, Nguyễn Lam, Nguyễn Văn Linh, Lê Văn Lương, Trần Lương, Lê Hiến Mai, Chu Huy Mân, Đỗ Mười, Lê Thanh Nghị, Hà Thị Quế, Bùi Quang Tạo, Chu Văn Tấn, Phan Trọng Tuệ, Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Văn Thái, Tôn Đức Thắng, Nguyễn Thị Thập, Lê Quốc Thân, Lê Đức Thọ, Xuân Thuỷ, Nguyễn Văn Trân, Nguyễn Duy Trinh, Hoàng Quốc Việt, Phạm Văn Xô.

Và 31 đồng chí ủy viên dự khuyết:

Lý Ban, Nguyễn Thanh Bình, Phạm Thái Bường, Đinh Thị Cẩn, Nguyễn Thọ Chân, Lê Quang Đạo, Trần Độ, Nguyễn Đôn, Trần Quý Hai, Lê Hoàng, Trần Quang Huy, Võ Văn Kiệt, Hoàng Văn Kiểu, Nguyễn Khai, Nguyễn Hữu Khiếu, Lê Liêm, Ngô Minh Loan, Nguyễn Văn Lộc, Nguyễn

Hữu Mai, Hà Kế Tấn, Nguyễn Khánh Toàn, Hoàng Tùng, Trần Danh Tuyên, Lê Thành, Đinh Đức Thiện, Ngô Thuyền, Lê Toàn Thư, Trần Văn Trà, Bùi Công Trừng, Nguyễn Văn Vịnh, Nguyễn Trọng Vĩnh.

Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị lần thứ nhất đã bầu Bộ Chính trị gồm 11 đồng chí ủy viên chính thức:

Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Phạm Hùng, Võ Nguyên Giáp, Lê Đức Thọ, Nguyễn Chí Thanh, Nguyễn Duy Trinh, Lê Thanh Nghị, Hoàng Văn Hoan, và hai ủy viên dự khuyết là Trần Quốc Hoàn và Văn Tiến Dũng.

Bí thư Trung ương Đảng có 7 đồng chí:

Lê Duẩn, Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Anh, Tố Hữu và Lê Văn Lương. Đồng chí Hồ Chí Minh được bầu lại làm Chủ tịch Đảng và đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Ngày 10-9-1960, Đại hội đã nhất trí thông qua Nghị quyết về nhiệm vụ và đường lối của Đảng trong giai đoạn mới; Thông qua Điều lệ (sửa đổi) của Đảng và Lời kêu gọi của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc diễn văn bế mạc Đại hội.

Bản sao lưu trữ

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ IV CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (Từ ngày 14 đến 20 tháng 12-1976)

Sau đại thắng mùa xuân 1975, đất nước ta bắt đầu một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên hoà bình, thống nhất, độc lập và cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

"Còn non, còn nước, còn người
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay"

Lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước lúc Người đi xa đã thôi thúc cả dân tộc chống Mỹ, cứu nước thắng lợi. Quá trình thống nhất đất nước về mặt quản lý Nhà nước diễn ra hết sức khẩn trương. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 24 (khóa III) quyết định: "Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội". Thực hiện Nghị quyết của Đảng, quá trình thống nhất đất nước đã diễn ra toàn diện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội.

Về mặt nhà nước, nhân dân cả nước đã tham gia cuộc tổng tuyển cử đầu tiên bầu ra Quốc hội nước Việt Nam thống nhất. Quốc hội đã ra những quyết định lịch sử về quốc hiệu, quốc kỳ, quốc ca, xác lập hệ thống bộ máy nhà nước. Quốc hội đã bầu Chủ tịch nước, các Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, thông qua danh sách Hội đồng Quốc phòng, Hội đồng Chính phủ và thành lập Ủy ban của Quốc hội. Các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội trên cả hai miền đất nước nhanh chóng tiến hành đại hội hợp nhất và đi vào hoạt động.

Trước hoàn cảnh lịch sử trong nước và thế giới có nhiều thuận lợi đồng thời cũng có nhiều khó khăn thách thức, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 14 đến ngày 20/12/1976. 1008 đại biểu thay mặt hơn 1.550.000 đảng viên trong cả nước dự Đại hội. Trong số đại biểu đó có 214 đại biểu vào Đảng trước Cách mạng tháng Tám 1945, 200 đại biểu đã từng bị đế quốc giam cầm, 39 đại biểu là anh hùng các lực lượng vũ trang và anh hùng lao động, 142 đại biểu là nữ, 98 đại biểu đại diện các dân tộc thiểu số... Đến dự Đại hội còn có 29 đoàn đại biểu các Đảng cộng sản, Đảng công nhân, phong trào giải phóng dân tộc và các tổ chức quốc tế.

Đại hội nghe Diễn văn khai mạc của đồng chí Tôn Đức Thắng; Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương do đồng chí Lê Duẩn trình bày; Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của Kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ hai (1976-1980) do đồng chí Phạm Văn Đồng trình bày;

Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng do đồng chí Lê Đức Thọ trình bày, tham luận của các đồng chí Trường Chinh, Phạm Hùng, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Duy Trinh, Văn Tiến Dũng, Trần Quốc Hoàn... và lời chào mừng các đoàn đại biểu trong nước và quốc tế.

Báo cáo chính trị của Đại hội nêu rõ trong những năm qua nhân dân ta đã phải đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược lớn nhất và ác liệt nhất của đế quốc Mỹ để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, đã chiến đấu anh dũng và thắng lợi vẻ vang. Thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi ghi vào lịch sử dân tộc như một trong những trang chói lọi nhất và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX. Đối với đế quốc Mỹ, đây là thất bại lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ. Nếu thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và kháng chiến chống thực dân Pháp mở đầu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ thì thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ chứng minh sự phá sản hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân mới là không tránh khỏi.

Thắng lợi đó là kết quả tổng hợp của một loạt các nhân tố tạo nên. Đó là sự lãnh đạo của Đảng ta với đường lối, phương pháp cách mạng và chiến tranh cách mạng đúng đắn và sáng tạo; cuộc chiến đấu đầy khó khăn gian khổ, bền bỉ và thông minh của nhân dân, quân đội cả nước, đặc biệt là của các đảng bộ, cán bộ, chiến sĩ công tác và chiến đấu ở chiến trường miền Nam, của hàng triệu đồng bào yêu nước khắp mọi miền Tổ quốc; sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, của đồng bào miền Bắc vừa xây dựng vừa chiến đấu để bảo vệ căn cứ địa chung của cách mạng cả nước, vừa huy động ngày càng nhiều sức người, sức của cho cuộc chiến đấu trên chiến trường miền Nam; sự đoàn kết liên minh chiến đấu của nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia; sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, của giai cấp công nhân và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới. Đặc biệt là sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô và Trung Quốc. Thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đã để lại cho nhân dân ta nhiều bài học kinh nghiệm lớn.

1. Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp với sức mạnh chiến đấu của tiền tuyến lớn với tiềm lực của hậu phương lớn, động viên đến mức cao nhất lực lượng của toàn dân, toàn quân vào cuộc chiến đấu cứu nước.

2. Nắm vững và vận dụng đúng đắn chiến lược tiến công, đẩy lùi địch từng bước. Không ngừng củng cố trận địa cách mạng, tạo thế và lực hơn hẳn địch để tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

3. Ra sức xây dựng và tổ chức lực lượng chiến đấu trong cả nước, đặc biệt hết sức coi trọng xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng ở miền Nam; tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.

4. Tạo ra một phương pháp cách mạng đúng, sử dụng bạo lực cách mạng gồm lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, khởi nghĩa từng phần ở nông thôn phát triển thành chiến tranh cách mạng, kết hợp đấu tranh quân sự với

đấu tranh ngoại giao, kết hợp khởi nghĩa của quần chúng với chiến tranh cách mạng; đánh địch trên ba vùng chiến lược, kết hợp ba thứ quân, phát triển và kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy, kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa và đánh lớn; nắm vững phương châm chiến lược đánh lâu dài với tạo thời cơ nhằm mở ra những cuộc tiến công chiến lược tiến lên thực hiện tổng công kích và nổi dậy để đè bẹp quân thù giành thắng lợi cuối cùng.

Phân tích tình hình mọi mặt, Báo cáo đã nêu lên ba đặc điểm lớn của đất nước khi bước vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Một là, sau 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu: xoá bỏ giai cấp bóc lột, xác lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, xây dựng được cơ sở bước đầu của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện. Tuy nhiên sản xuất nhỏ vẫn là đặc điểm chủ yếu của nền kinh tế miền Bắc. Miền Nam vừa thoát ra từ một xã hội thuộc địa kiểu mới, kinh tế về cơ bản vẫn còn là sản xuất nhỏ. Vì vậy, nước ta vẫn đang ở trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Hai là, cả nước hoà bình độc lập, thống nhất đang tiến lên chủ nghĩa xã hội với nhiều thuận lợi cơ bản: tinh thần cách mạng đang lên sau khi giành thắng lợi vĩ đại, nhân dân ta cần cù, thông minh, sáng tạo, tha thiết với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có Đảng Cộng sản lãnh đạo, có sự ủng hộ chí tình của các nước xã hội chủ nghĩa và có những điều kiện về lao động, tài nguyên phong phú... Bên cạnh đó cũng gặp nhiều khó khăn do hậu quả của chiến tranh và các tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới gây ra.

Ba là, hoàn cảnh quốc tế có nhiều thuận lợi, song cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa cách mạng và phản cách mạng còn diễn ra rất gay go phức tạp. Các thế lực phản cách mạng quốc tế có nhiều âm mưu, hành động tinh vi thâm độc chống phá phong trào cộng sản quốc tế.

Những đặc điểm đó đã tác động mạnh mẽ đến quá trình biến đổi cách mạng nước ta. Vì vậy, Báo cáo đã xác định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là: "Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hoá mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xoá bỏ chế độ người bóc lột người, xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội".

Trên cơ sở đường lối chung, Báo cáo vạch ra đường lối kinh tế: "Đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ

nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta đi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế Trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế Trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất; kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; kết hợp kinh tế với quốc phòng; tăng cường quan hệ phân công, hợp tác, tương trợ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên cơ sở chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác trên cơ sở giữ vững độc lập chủ quyền và các bên cùng có lợi; làm cho nước Việt Nam trở thành một nước xã hội chủ nghĩa có kinh tế công - nông nghiệp hiện đại, văn hoá và khoa học kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh, hạnh phúc".

Đó là nội dung cơ bản của cuộc đấu tranh giai cấp gay go phức tạp nhằm giải quyết vấn đề "ai thắng ai" giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh là quá trình thực hiện kết hợp cải tạo với xây dựng, chính trị với kinh tế, hoà bình với bạo lực, thuyết phục với cưỡng bách, giáo dục với hành chính...

Muốn đưa sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa đến toàn thắng, điều kiện quyết định trước tiên là phải thiết lập và không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Trong đó, nắm vững chuyên chính vô sản là nắm vững đường lối của Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, thực hiện và phát huy quyền làm chủ của tập thể nhân dân lao động, xây dựng nhà nước vững mạnh để tiến hành ba cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất, khoa học kỹ thuật và tư tưởng văn hoá, xóa bỏ chế độ bóc lột, đập tan sự phản kháng của kẻ thù. Xây dựng chế độ làm chủ tập thể là xây dựng một xã hội trong đó người làm chủ là nhân dân lao động, có tổ chức mà nòng cốt là liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Báo cáo đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế và văn hoá (1976-1980) nhằm 2 mục tiêu vừa cơ bản vừa cấp bách là bảo đảm nhu cầu của đời sống nhân dân, tích luỹ để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Muốn vậy, phải ra sức thực hiện các nhiệm vụ: phát triển vượt bậc về nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, giải quyết một cách vững chắc nhu cầu của cả nước về lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng thông dụng, xây dựng thêm nhiều cơ sở mới về công nghiệp nặng, đặc biệt là cơ khí, mở mang giao thông vận tải, xây dựng cơ bản, đẩy mạnh khoa học kỹ thuật; sử dụng hết lực lượng lao động; hoàn thành cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cải tiến mạnh mẽ công tác thương nghiệp, giá cả, tài chính, ngân hàng; tăng nhanh nguồn xuất khẩu; phát triển giáo dục, văn hoá, y tế, cải cách giáo dục, đào tạo cán bộ, thanh toán hậu quả của chủ nghĩa thực dân mới; xây dựng một hệ thống mới về quản lý kinh tế trong cả nước.

Về đối ngoại, Báo cáo nêu rõ trong giai đoạn mới, chúng ta cần ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi để nhanh chóng hàn gắn những vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá, khoa học - kỹ thuật, củng cố quốc phòng, cùng các nước xã hội chủ nghĩa, các dân tộc trên thế giới đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, chống chủ nghĩa đế quốc. Trong quá trình làm việc, Đại hội đã tập trung phân tích đánh giá tình hình thế giới và khẳng định mạnh mẽ chính sách đối ngoại nhất quán của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn mới là tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa, làm hết sức mình để góp phần làm cho lý tưởng cao đẹp của chủ nghĩa Mác - Lênin ngày càng thắng lợi rực rỡ. Ra sức bảo vệ và phát triển mối quan hệ đặc biệt giữa nhân dân ta với nhân dân Lào và Campuchia. Ủng hộ sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của nhân dân các nước vì độc lập dân tộc, dân chủ, hoà bình và tiến bộ xã hội. Thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường giữa nước ta với tất cả các nước khác trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, bình đẳng cùng có lợi. Ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi để hàn gắn vết thương chiến tranh, phát triển đất nước về mọi mặt.

Về xây dựng Đảng, Báo cáo đã tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng, nêu lên những thay đổi và nhiệm vụ chủ yếu của công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ mới:

Trong Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng đã trình bày những kinh nghiệm tích luỹ được trong mấy chục năm qua, xác định nhiệm vụ, phương châm và biện pháp công tác Đảng trong giai đoạn mới, bảo đảm cho Đảng làm tròn trách nhiệm lãnh đạo nhân dân cả nước tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội quyết định đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Việt Nam và thông qua Điều lệ mới của Đảng gồm có 11 chương và 59 điều. Điều lệ đã rút gọn 10 nhiệm vụ của đảng viên thành 5 nhiệm vụ, đặt lại chức vụ Tổng Bí thư thay chức Bí thư thứ nhất, quy định nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương là 5 năm.

Sau một tuần làm việc khẩn trương, đầy trách nhiệm, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã thành công tốt đẹp và thu được những kết quả to lớn. Đại hội đã thông qua Nghị quyết đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Đại hội nhất trí hoàn toàn Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - văn hoá từ năm 1976 đến 1980, Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương gồm 101 ủy viên chính thức và 32 ủy viên dự khuyết. Bộ Chính trị gồm có 14 ủy viên chính thức và 3 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngày 20/12/1976, Tổng Bí thư Lê Duẩn đọc diễn văn bế mạc Đại hội.

Ban Chấp hành Trung ương gồm 101 đồng chí ủy viên chính thức:

Lê Duẩn, Tôn Đức Thắng, Lê Thanh Nghị, Nguyễn Lương Bằng, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Duy Trinh, Xuân Thuỷ, Hoàng Văn Thái, Võ Nguyên Giáp,

Trần Quốc Hoàn, Lê Quang Đạo, Lê Văn Lương, Chu Huy Mân, Nguyễn Đức Thuận, Nguyễn Đức Tâm, Đỗ Mười, Trần Lương, Lê Đức Thọ, Văn Tiến Dũng, Nguyễn Lam, Đồng Sĩ Nguyên, Đàm Quang Trung, Lê Văn Nhung (Ví, công cụ), Tố Hữu, Nguyễn Quyết, Võ Toàn (Võ Chí Công), Trần Sâm, Phan sản mại bản (Mười Kỷ), Lê Văn Hiền (Tám Hiền), Nguyễn Thị Thập, Vũ Ngọc H đã được án Phẩm (Chín Hải), Trần Hữu Dực, Nguyễn Hữu Mai, Đoàn Khuê, Ngang được inh Bình, Bùi Quang Tạo, Ngô Duy Đông, Song Hào, Nguyễn Cơ Thạ được tổ chọ, Hoàng Quốc Việt, Võ Văn Kiệt (Sáu Dân), Dương Quốc Chính, Lê Trọng thành, Trường Minh, Trần Lê (Năm Hoà), Trường Chinh, Hoàng Cầm, Nguyễn Thành Lê, Nguyễn Xuân Hữu (Bẩy Hữu), Hoàng Văn Kiểu, Bùi Phùng, Đinh Đức Thiện, Trần Quang Huy, Lê Đức Anh, Nguyễn Hữu Khiếu, Nguyễn Vịnh, Trần Đông, Phan Trọng Tuệ, Trần Văn Long (Mười Dài), Võ Thúc Đồng, Trần Văn Trà, Nguyễn Như Ý (Năm Chữ), Nguyễn Văn Chí (Sáu Chí), Đỗ Văn Nuống (Tư Nguyện), Nguyễn Tuấn Tài (Trần Kiên), Vũ Đình Liệu (Tư Bình), Hoàng Minh Thi, Phạm Hùng, Hoàng Anh, Lê Quốc Thân, Trần Quỳnh, Hà Kế Tấn, Đặng Quốc Bảo, La Lâm Gia (Bảy Máy), Nguyễn Ngọc Trìu, Hà Thị Quế, Nguyễn Côn, Nguyễn Thị Định (Ba Định), Lê Quang Hoà, Trần Văn Sớm, Trần Quyết, Mai Chí Thọ (Năm Xuân), Đặng Thí, Bùi San, Phan Văn Đáng (Hai Văn), Trần Văn Hiển, Võ Văn Thạnh, Phạm Văn Kiết (Năm Vận), Trần Ngọc Ban (Mười Hương), Tạ Hồng Thanh, Nguyễn Thị Bạch Tuyết (Sáu Tuyết), Trần Độ, Nguyễn Quang Lâm (Tám Tú), Nguyễn Thành Thơ (Mười Thơ), Nguyễn Văn Cúc (Nguyễn Văn Linh), Đặng Hữu Khiêm, Vũ Tuân, Hoàng Tùng, Nguyễn Thị Như, Đỗ Chính.

Và 32 đồng chí ủy viên dự khuyết:

Nguyễn Ngọc Cừ, Cao Đăng Chiếm (Sáu Hoàng), Nguyễn Chấn, Nguyễn Văn Chính (Chín Cần), Trần Hữu Dư, Nguyễn Đáng (Năm Trung), Y Ngông Niêđk Đam (Y Ngông), Trần Hanh, Lê Ngọc Hiền, Đặng Vũ Hiệp, Hoàng Văn Hiếu, Vũ Thị Hồng, Trương Văn Kiện, Lê Khắc, Bùi Thanh Khiết, Trần Lâm, Nguyễn Tường Lân, Y Một (Y Pah), Lương Văn Nghĩa, Hồ Nghinh (Phước), Vũ Oanh, Trần Phương, Nguyễn Văn Sĩ (Ksor Kron), Đào Duy Tùng, Nguyễn Đình Tứ, Hoàng Minh Thảo, Hoàng Thế Thiện, Lê Phước Thọ (Sáu Hậu), Nguyễn Hữu Thụ, Lê Văn Tri, Trần Vỹ.

Bộ Chính trị gồm 14 ủy viên chính thức, gồm các đồng chí:

Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Duy Trinh, Lê Thanh Nghị, Trần Quốc Hoàn, Văn Tiến Dũng, Lê Văn Lương, Nguyễn Văn Cúc (Nguyễn Văn Linh), Võ Toàn (Võ Chí Công), Chu Huy Mân.

Ủy viên dự khuyết, gồm 3 đồng chí: Tố Hữu, Võ Văn Kiệt (tức Sáu Dân), Đỗ Mười.

Ban Bí thư, gồm các đồng chí: Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Nguyễn Duy Trinh, Nguyễn Văn Cúc (tức Nguyễn Văn Linh), Tố Hữu, Xuân Thuỷ, Nguyễn Lam, Song Hào, Lê Quang Đạo.

Đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Tổng Bí thư.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ V CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Từ ngày 27 đến 31 tháng 3-1982)

...n tranh, ...
...ật, củng cố ...
...đấu tranh ...
...ghĩa đế q...
...tình hình t...
...Đảng ...

Đại hội đã nghe đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng trình bày Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V.

Về tình hình Đảng ta từ sau Đại hội toàn quốc lần thứ IV và nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng

Bản Báo cáo Chính trị đã giành phần đầu đánh giá những thắng lợi của Đảng và nhân dân ta từ sau thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mùa Xuân 1975.

Báo cáo khẳng định:

Thành công rực rỡ của Đảng ta và nhân dân ta là đã nhanh chóng thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước, thiết lập hệ thống chuyên chính vô sản trong cả nước và thực hiện nhiều chính sách thúc đẩy quá trình thống nhất về mọi mặt, tạo nên cuộc sống hoà hợp dân tộc, chan hoà từ Bắc đến Nam.

Thắng lợi của hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc là thắng lợi có ý nghĩa lịch sử hết sức to lớn. Nhân dân ta đã bảo vệ độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, làm tròn nghĩa vụ quốc tế với nhân dân Campuchia và nhân dân Lào anh em, tích cực bảo vệ độc lập dân tộc và hoà bình ở Đông Dương và Đông Nam Á. Bằng cuộc chiến đấu và chiến thắng của mình, nhân dân ta đã góp phần tăng cường ba dòng thác cách mạng của thời đại, tăng cường cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc và phản động quốc tế, vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội...

Cùng với thắng lợi vẻ vang trong chiến tranh giữ nước, và gắn liền với thắng lợi đó, chúng ta đã tăng cường liên minh chiến đấu và hình thành thế liên hoàn vững chắc chưa từng có của cách mạng ba nước Đông Dương, tăng cường đoàn kết chiến đấu và hợp tác toàn diện với Liên Xô, gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế, mở rộng hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Những thành tựu có ý nghĩa chiến lược đó là một bảo đảm cực kỳ quan trọng cho nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trên mặt trận kinh tế, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu đáng kể. Chúng ta đã ra sức phấn đấu khắc phục những hậu quả nặng nề do chiến tranh xâm lược và thiên tai liên tiếp gây ra. Những cơ sở nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải bị giặc đánh phá đến nay về cơ bản đã được khôi phục; sản xuất trên một số mặt có phát triển. Lao động xã hội bước đầu được phân bố lại. Nhờ những cố gắng liên tục trên mặt trận sản xuất lương thực, thực phẩm, những vùng bị thiên tai nặng nề đã vượt qua

được nạn đói. Mức sống của các tầng lớp lao động tuy còn thấp, song đời sống ở nhiều vùng nông thôn đã có những mặt được cải thiện. Quan hệ sản xuất mới ở miền Bắc tiếp tục được củng cố một bước. Ở miền Nam, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đạt được kết quả bước đầu. Giai cấp tư sản mại bản đã bị xoá bỏ; một bộ phận công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa đã được cải tạo. Tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp nhỏ đang được sắp xếp và tổ chức lại. Một bộ phận nông dân các tỉnh Nam Bộ đã được tổ chức vào các tập đoàn sản xuất; các tỉnh Nam Trung Bộ đã cơ bản hoàn thành đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể.

Mặt trận văn hoá đã đạt được nhiều thành tựu. Sự nghiệp giáo dục tiếp tục phát triển. Nạn mù chữ trong vùng mới giải phóng về cơ bản đã được thanh toán. Nước ta hiện nay có gần 16 triệu người, tức là gần một phần ba số dân, đi học. Công cuộc xây dựng nền văn hoá mới được triển khai trong cả nước; các tỉnh miền Nam đã làm nhiều việc để loại trừ văn hoá phản động, lạc hậu, đồi trụy do chế độ cũ để lại. Sự nghiệp văn học, nghệ thuật đạt được một số tiến bộ. Công tác y tế, thể dục, thể thao có nhiều cố gắng vươn lên. Các ngành khoa học, kỹ thuật đã đáp ứng tốt một số yêu cầu của kinh tế và quốc phòng.

Toàn bộ những thành tựu cách mạng vĩ đại mà nhân dân ta đã giành được bằng bao nhiêu xương máu và mồ hôi qua nửa thế kỷ đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã được phản ánh tập trung trong Hiến pháp mới. Đó là Hiến pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hiến pháp của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Hiến pháp mới đã thể chế hoá đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tạo ra một chỗ dựa quan trọng, một vũ khí sắc bén để nhân dân ta tiếp tục đấu tranh xây dựng và bảo vệ chế độ mới.

Báo cáo Chính trị khẳng định: *Năm năm qua được ghi vào lịch sử dân tộc như một đoạn đường thắng lợi rất vẻ vang của cách mạng Việt Nam. Vượt khó khăn chồng chất, nhân dân ta đã đưa cách mạng Việt Nam phát triển lên một thế chiến lược mới vững chắc hơn so với trước đây, tạo ra khả năng to lớn hơn để bảo vệ Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.*

Đạt được thắng lợi đó là nhờ có sự lãnh đạo vững vàng của Đảng ta, Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, trung thành vô hạn với chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, với vận mệnh của dân tộc và sự nghiệp của nhân dân. Những thắng lợi đã giành được chứng tỏ đường lối do Đại hội lần thứ IV của Đảng vạch ra và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng là đúng đắn. Trong tình thế cực kỳ nghiêm trọng của đất nước trước âm mưu và hành động xâm lược của kẻ thù mới, Đảng đã đề ra những chủ trương chiến lược kiên quyết và sáng suốt, những quyết định chính xác và kịp thời, đưa cách mạng nước ta vượt qua một bước ngoặt quan trọng và tiếp tục phát triển theo hướng đi đúng.

Báo cáo Chính trị cũng chỉ ra những khó khăn yếu kém hiện nay:

- *Trên mặt trận kinh tế:* Kết quả thực hiện các kế hoạch kinh tế trong 5 năm (1976 - 1980) chưa thu hẹp được những mất cân đối nghiêm trọng của nền

kinh tế quốc dân. Sản xuất phát triển chậm trong khi số dân tăng nhanh. Thu nhập quốc dân chưa bảo đảm được tiêu dùng xã hội, một phần tiêu dùng xã hội phải dựa vào vay và viện trợ, nền kinh tế chưa tạo được tích luỹ. Lương thực, vải mặc và các hàng tiêu dùng thiết yếu đều thiếu. Tình hình cung ứng năng lượng, vật tư, tình hình giao thông vận tải đang rất căng thẳng. Nhiều xí nghiệp sử dụng công suất ở mức thấp. Chênh lệch giữa thu và chi tài chính, giữa hàng và tiền, giữa xuất khẩu và nhập khẩu còn lớn. Thị trường và vật giá không ổn định. Số người lao động chưa được sử dụng còn đông. Đời sống nhân dân lao động còn nhiều khó khăn, nhất là đời sống công nhân, viên chức và nông dân những vùng bị thiên tai, địch họa.

- Mặt trận tư tưởng, văn hoá còn bị xem nhẹ; việc giáo dục cho đảng viên và quần chúng về đấu tranh giữa hai con đường chưa được chú ý đầy đủ. Trong đấu tranh chống chiến tranh tâm lý, chống tư tưởng phản động, chống văn hoá đồi trụy, công tác tư tưởng, văn hoá thiếu sắc bén, kém tính chiến đấu.

- Pháp chế xã hội chủ nghĩa chậm được tăng cường; pháp luật, kỷ luật bị buông lỏng. Việc đấu tranh chống những hành vi phạm pháp và tệ nạn xã hội thiếu kiên quyết và triệt để.

Mặt khác, khó khăn còn do khuyết điểm, sai lầm của các cơ quan Đảng và Nhà nước ta từ Trung ương đến cơ sở về lãnh đạo và quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Đó là, chúng ta thấy chưa hết những khó khăn, phức tạp của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế mà sản xuất nhỏ còn phổ biến; lại phải gánh chịu hậu quả hết sức nặng nề của chiến tranh lâu dài và chủ nghĩa thực dân; 5 năm qua, chúng ta phải tiến hành chiến tranh giữ nước ngót 3 năm, lại thêm kẻ địch thường xuyên phá hoại về nhiều mặt. Cùng một lúc, nền kinh tế phải đáp ứng ba yêu cầu cơ bản, rất cấp bách là bảo đảm nhu cầu bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm đời sống nhân dân và xây dựng từng bước cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Trong hoàn cảnh đó, khó khăn, mất cân đối là điều không thể tránh khỏi.

- Khó khăn còn do chủ quan, nóng vội đề ra một số chỉ tiêu quá lớn về quy mô và quá cao về tốc độ xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất, nhất là lúc ban đầu. Chúng ta đã duy trì quá lâu cơ chế quản lý hành chính quan liêu, bao cấp, chậm thay đổi các chính sách, chế độ kìm hãm sản xuất.

Báo cáo còn nhấn mạnh về tổ chức thực hiện, khuyết điểm, sai lầm của chúng ta là quan liêu, xa thực tế, không nhạy bén với cuộc sống, là bảo thủ, trì trệ, thiếu trách nhiệm trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Công tác xây dựng Đảng có những mặt trì trệ kéo dài, chưa đi kịp và chưa bám sát những nhiệm vụ mới, nhất là những nhiệm vụ về cải tạo và xây dựng kinh tế. Đặc biệt, công tác cán bộ rất chậm trễ và bảo thủ trên tất cả các khâu đào tạo, sắp xếp, sử dụng và đãi ngộ.

Hiện nay, bọn phản động được Mỹ phụ hoạ và tiếp sức, đang tiến hành một kiểu chiến tranh phá hoại đối với Việt Nam trên các mặt trận quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá bằng nhiều lực lượng khác nhau và nhiều thủ

đoạn rất thâm độc. Bằng chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp, chúng ra sức phá hoại ta về chính trị, tư tưởng và tổ chức, âm mưu chia rẽ các dân tộc, chia rẽ nhân dân với Đảng, ngấm ngầm nhen nhóm các lực lượng phản động, tổ chức các hoạt động chống đối hòng gây bạo loạn và lật đổ. Chúng phá hoại kinh tế, phá hoại sản xuất, đồng lõa với đế quốc thi hành chính sách cấm vận, đồng thời gieo rắc nọc độc văn hoá phản động, đồi trụy. Chúng tìm mọi cách bôi nhọ hình ảnh của Việt Nam hòng cô lập nước ta trên trường quốc tế...

Như vậy, đất nước ta đang ở trong tình thế vừa có hoà bình vừa phải đương đầu với một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt... đồng thời, phải sẵn sàng đối phó với tình huống địch có thể gây chiến tranh xâm lược quy mô lớn.

Xuất phát từ tình hình nói trên, trong giai đoạn mới của cách mạng, toàn dân, toàn quân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phải đoàn kết một lòng, ra sức phấn đấu làm hai nhiệm vụ chiến lược:

Một là, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội;

Hai là, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Hai nhiệm vụ chiến lược đó quan hệ mật thiết với nhau. Phải xây dựng chủ nghĩa xã hội đạt những kết quả thiết thực làm cho đất nước ta mạnh lên về mọi mặt và trong mọi hoàn cảnh thì mới có đủ sức đánh thắng mọi cuộc chiến tranh xâm lược của địch, bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Ngược lại, có tăng cường phòng thủ đất nước, làm thất bại chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch và bảo đảm cho đất nước luôn luôn được bảo vệ vững chắc thì mới có điều kiện để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

"Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân!". Đó là khẩu hiệu hành động của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, là sứ mệnh cao cả và thiêng liêng mà các thế hệ người Việt Nam chúng ta từ nay về sau phải gánh vác trước lịch sử dân tộc.

Trong khi thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược nói trên, chúng ta phải luôn luôn tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác toàn diện với Liên Xô, với Lào và Campuchia, với các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, luôn luôn ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân tất cả các nước chống chủ nghĩa đế quốc và phản động quốc tế, vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Báo cáo nhấn mạnh, trong khi không một phút lơi lỏng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, Đảng và nhân dân ta phải đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội.

"Đại hội chúng ta đã khẳng định tiếp tục thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa do Đại hội lần thứ IV của Đảng vạch ra."[1]

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V,* Nxb. Sự Thật, HN, 1982, tập 1, tr.47

Báo cáo Chính trị của Đảng đề ra những nhiệm vụ chủ yếu về kinh tế - xã hội trong 5 năm 1981-1985 và những năm 80.

Xuất phát từ tình hình nền kinh tế quốc dân, Báo cáo đã đề ra mục tiêu kinh tế - xã hội những năm 80 là:

1. Đáp ứng những nhu cầu cấp bách và thiết yếu nhất, dần dần ổn định, tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, trước hết giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, đáp ứng tốt hơn những nhu cầu về mặc, về học hành, chữa bệnh, về ở, đi lại, về chăm sóc trẻ em và các nhu cầu tiêu dùng thiết yếu khác.

2. Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, chủ yếu nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu, đồng thời tăng thêm trang bị kỹ thuật cho các ngành kinh tế khác, và chuẩn bị cho sự phát triển mạnh mẽ hơn nữa của công nghiệp nặng trong chặng đường tiếp theo.

3. Hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh miền Nam; tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc; củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong cả nước.

4. Đáp ứng các nhu cầu của công cuộc phòng thủ đất nước, củng cố quốc phòng và giữ vững an ninh, trật tự.

Việc thực hiện bốn mục tiêu tổng quát nói trên đòi hỏi phải chuyển biến một bước cơ bản thực trạng của nền kinh tế:

Một, làm cho sản xuất thu nhập quốc dân từ chỗ chưa đủ để trang trải tiêu dùng xã hội, tiến tới bảo đảm được nhu cầu tiêu dùng xã hội, và có tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế.

Hai, làm cho khối lượng và cơ cấu tổng sản phẩm xã hội từ chỗ quá thấp và mất cân đối nặng so với nhu cầu của nền kinh tế và của đất nước tiến tới đáp ứng được một phần quan trọng nhu cầu, kể cả thông qua xuất khẩu để nhập khẩu những sản phẩm mà trong nước chưa tạo ra được hoặc tạo ra chưa đủ.

Đại hội đã xác định những chính sách lớn về kinh tế, xã hội:

1. Trước hết và quyết định hơn hết là kết hợp đúng đắn công nghiệp và nông nghiệp.

Trong 5 năm 1981-1985 và những năm 80, cần tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý. Đó là những nội dung chính của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường trước mắt. Đó cũng chính là thực hiện "ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ", tạo ra lực lượng

sản xuất mới trong chặng đường đầu tiên này, đồng thời chuẩn bị tiền đề và lực lượng cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong những năm tiếp sau, mà nội dung chính sẽ là xây dựng cơ cấu công - nông nghiệp hiện đại, lấy hệ thống công nghiệp nặng tương đối phát triển làm nòng cốt.

2. Kết hợp đúng đắn xây dựng kinh tế Trung ương với phát triển mạnh kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất. Quan hệ giữa Trung ương và địa phương phải thể hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ, trên dưới gắn bó thống nhất với nhau. Khắc phục bệnh tập trung quan liêu, đồng thời uốn nắn những biểu hiện phân tán, vô tổ chức.

3. Bảo đảm sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, luôn luôn kết hợp chặt chẽ cải tạo quan hệ sản xuất với tổ chức lại và phát triển sản xuất. Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác hoá nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ, từng bước phát huy tác dụng của hợp tác hoá đối với việc đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và xây dựng nông thôn mới. Khắc phục xu hướng chần chừ, do dự, thiếu tích cực trong việc chỉ đạo phong trào hợp tác hoá, đồng thời tránh nóng vội, giản đơn, làm ồ ạt và nặng về hình thức. Tiếp tục điều chỉnh ruộng đất để bảo đảm cho mọi người nông dân lao động đều có ruộng cày; ở những nơi chưa cải tạo, phải thực hiện ngay việc điều chỉnh ruộng đất, tạo tiền đề cho hợp tác hoá. Cùng với việc phát triển tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp, cần phát triển các hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng.

Bằng những chính sách và các hình thức tổ chức sản xuất thích hợp, Nhà nước tăng cường mối liên hệ chặt chẽ với các tổ chức kinh tế tập thể và cá thể, chú ý liên kết các thành phần kinh tế dưới sự lãnh đạo của kinh tế quốc doanh, để khắc phục lợi ích của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải tạo xã hội chủ nghĩa theo hướng của kế hoạch Nhà nước.

4. Kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế theo một phương hướng cơ bản, lâu dài, đồng thời có dự kiến trước để kịp điều chỉnh cho phù hợp khi xảy ra biến động bảo đảm đánh thắng quân thù.

5. Kết hợp phát triển kinh tế trong nước với mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài. Do tầm quan trọng đặc biệt của nó, công tác kinh tế đối ngoại phải được tăng cường. Nắm vững nguyên tắc chiến lược và phương hướng chủ yếu của công tác kinh tế đối ngoại là: mở rộng và tăng cường hợp tác toàn diện với Liên Xô và phát triển hợp tác với các nước khác trong Hội đồng tương trợ kinh te[1], theo hướng liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa, tích cực tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế, chuyên môn hoá và hợp tác sản xuất trên những lĩnh vực thích hợp; mở rộng hợp tác toàn diện

(1) Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) ra đời 1-1949, nhằm tăng cường hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy phát triển kinh tế, giảm dần sự chênh lệch về trình độ kinh tế giữa các nước này.

và giúp đỡ lẫn nhau với Lào và Campuchia để phát huy tiềm năng kinh tế của mỗi nước; đồng thời mở rộng thích đáng quan hệ kinh tế với các nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa. Hết sức xem trọng hiệu quả kinh tế, sử dụng tốt vốn vay và viện trợ; ra sức phát huy tác dụng cực kỳ to lớn của sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước anh em khác; phấn đấu thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, xây dựng sự tín nhiệm quốc tế rộng rãi; kiên quyết khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại sự viện trợ của bên ngoài.

Chính sách của ta là Nhà nước độc quyền ngoại thương và Trung ương thống nhất quản lý công tác ngoại thương. Theo tinh thần ấy, Nhà nước cần có những chính sách và quy chế thích hợp để khuyến khích mở rộng và để quản lý tốt các hoạt động xuất - nhập khẩu. Một phương hướng quan trọng của Nhà nước ta là tổ chức sự hợp tác có hiệu quả với nước ngoài để tăng nhanh năng lực xuất khẩu của ta.

6. Mở rộng phân công lao động, phân bố lại và sử dụng tốt lao động trong cả nước để tăng năng suất lao động. Trong những năm 1981 - 1985, phải mở rộng phân công lao động, bố trí, sử dụng tốt lực lượng lao động tại chỗ trên địa bàn huyện, đồng thời chuyển một lực lượng lớn lao động của các vùng đông dân, các thành phố, đi đến những huyện ít dân cùng đồng bào địa phương phát triển sản xuất, đi xây dựng các vùng kinh tế mới về nông nghiệp và lâm nghiệp, đi xây dựng các công trình thuỷ lợi, giao thông và công nghiệp quan trọng.

7. Đẩy mạnh công tác khoa học, kỹ thuật. Gắn các hoạt động khoa học, kỹ thuật với sản xuất, đời sống, quốc phòng. Làm tốt công tác nghiên cứu khoa học. Phát huy đích đáng vai trò của từng bộ môn khoa học; đồng thời kết hợp chặt chẽ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật; rất coi trọng tổ chức sự cộng tác và phối hợp giữa các bộ môn khoa học bằng những hình thức hoạt động liên ngành, để cùng nhau nghiên cứu, giải quyết các vấn đề khoa học, kỹ thuật quan trọng. Đặc biệt phải làm tốt công tác ứng dụng rộng rãi, nhanh chóng các thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, vào quản lý, vào các mặt khác của đời sống kinh tế, xã hội.

8. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tích luỹ và tiêu dùng, vừa bảo đảm đời sống và nhu cầu quốc phòng và an ninh hiện nay, vừa xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội để cải thiện đời sống, bảo đảm nhu cầu quốc phòng và an ninh ở mức cao hơn trong tương lai.

9. Thiết lập trật tự mới, xã hội chủ nghĩa, trên mặt trận phân phối, lưu thông, để góp phần ổn định đời sống, đẩy mạnh sản xuất, chuyển tốt tình hình kinh tế và xã hội. Phải kết hợp chặt chẽ cả ba loại biện pháp: kinh tế, hành chính và giáo dục, trong đó biện pháp kinh tế là gốc. Nhà nước phải có chính sách thúc đẩy sản xuất và nắm nguồn hàng của khu vực kinh tế tập thể và cá thể bằng thu thuế hiện vật, thu mua theo nghĩa vụ và qua hợp đồng hai chiều; các ngành, các cấp, phải ra sức đấu tranh chống ăn cắp, lãng phí hàng hoá, vật tư của Nhà nước. Sớm thực hiện một chính sách tài chính, tiền tệ tích cực phù hợp với chặng đường hiện nay.

Tiếp tục thực hiện điều chỉnh hệ thống giá một cách kịp thời và vững chắc nhằm phát huy tác dụng của giá cả đối với việc thúc đẩy sản xuất, sắp xếp lại kinh tế và ổn định đời sống nhân dân. Tiếp tục cải tiến tiền lương. Khẩn trương nghiên cứu phương án và tích cực tạo điều kiện để cải cách chế độ tiền lương, gắn liền một cách đồng bộ với cải cách giá và cải tiến các khâu khác của mặt trận phân phối lưu thông, dựa trên cơ sở sản xuất có bước phát triển tốt.

Cải tiến mạnh mẽ hệ thống thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, tiến lên làm chủ vững chắc thị trường, nắm đại bộ phận bán buôn, chi phối bán lẻ, phát triển kinh doanh ăn uống, dịch vụ. Cải tiến cung ứng vật tư, bảo đảm cung ứng đồng bộ, kịp thời cho sản xuất, ưu tiên cho những nhiệm vụ quan trọng, và bảo đảm cho vật tư được sử dụng tiết kiệm, với hiệu quả cao. Tăng cường cải tạo và quản lý thị trường, ngăn chặn và trừng trị các hoạt động đầu cơ, nâng giá, buôn lậu, trốn thuế và mọi hoạt động gây rối thị trường.

10. Xác lập chế độ quản lý và kế hoạch hoá đúng đắn, đổi mới chế độ quản lý và kế hoạch hoá hiện hành. Xoá bỏ cơ chế quản lý hành chính quan liêu, bao cấp, khắc phục bằng được tình trạng trì trệ, bảo thủ, vô trách nhiệm, vô kỷ luật, phát huy động lực làm chủ tập thể, nâng cao tính năng động sáng tạo, tinh thần trách nhiệm và ý thức kỷ luật.

Vận dụng tốt quan hệ hàng hoá - tiền tệ, quan hệ thị trường, trong đó sử dụng thị trường có tổ chức là chính, đồng thời quản lý thật tốt thị trường tự do.

Tiếp tục tổ chức lại nền sản xuất xã hội. Xây dựng, củng cố và tăng cường các đơn vị cơ sở về mọi mặt, đưa việc quản lý sản xuất, kinh doanh đi vào nền nếp.

Chấn chỉnh tổ chức bộ máy phù hợp với yêu cầu của cơ chế quản lý mới, làm cho bộ máy khỏi cồng kềnh, nặng nề, chồng chéo, khẩn trương giải quyết tốt việc phân cấp giữa Trung ương và địa phương.

Thực hiện đồng bộ các chính sách lớn trên đây là tạo ra sức mạnh tổng hợp để chuyển biến một bước cơ bản thực trạng của nền kinh tế quốc dân. Cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý phải được thể hiện cụ thể ở tất cả các ngành, các cấp bằng các mối quan hệ đúng đắn và phương pháp hoạt động thích hợp, nhằm động viên cho được phong trào cách mạng sôi nổi của đông đảo quần chúng, thực hiện thắng lợi những mục tiêu kinh tế và xã hội của những năm 80.

Tiếp đó, Báo cáo Chính trị nêu rõ: Trong 5 năm 1981-1985, chúng ta cần tập trung lực lượng phấn đấu thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

1- Giải quyết những vấn đề cấp bách nhất để ổn định và cải thiện một bước đời sống của nhân dân.

2- Phát triển và sắp xếp lại sản xuất. Tiếp tục thực hiện việc phân công và phân bố lại lao động xã hội.

3- Bố trí lại xây dựng cơ bản cho phù hợp với khả năng và theo hướng tạo thêm điều kiện để phát huy các cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có, nhằm vào các mục tiêu cấp bách nhất về kinh tế và xã hội.

4- Cải tiến công tác phân phối, lưu thông, thiết lập một bước trật tự mới trên mặt trận này. Điều chỉnh từng bước vững chắc hệ thống giá, kiên quyết phấn đấu kiểm soát cho được tiến tới ổn định giá cả.

5- Quyết tâm đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, hoàn thành về cơ bản việc hợp tác hoá nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ với hình thức phổ biến là tập đoàn sản xuất, phấn đấu hoàn thành về cơ bản cải tạo thương nghiệp, vận tải, công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp ở miền Nam bằng cách làm và hình thức thích hợp. Củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong cả nước về các mặt chế độ sở hữu, chế độ quản lý, chế độ phân phối.

6- Làm tốt hợp tác kinh tế với Liên Xô, với Lào và Campuchia, với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế. Ra sức phấn đấu tạo cho được một chuyển biến lớn về xuất khẩu, giảm một bước quan trọng chênh lệch giữa xuất và nhập.

7- Thực hành tiết kiệm nghiêm ngặt, đặc biệt coi trọng tiết kiệm trong xây dựng cơ bản và sản xuất.

8- Làm tốt việc ứng dụng nhanh chóng và rộng rãi thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

9- Đổi mới một bước hệ thống quản lý kinh tế.

10- Đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, y tế phù hợp với yêu cầu và khả năng kinh tế. Thực hiện cải cách giáo dục một cách tích cực và vững chắc; hết sức coi trọng nâng cao chất lượng giáo dục. Xác định quy mô hợp lý và tiếp tục đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý và công nhân lành nghề.

11- Tăng cường quản lý xã hội, kiên quyết đấu tranh chống các hành vi phạm pháp, tệ nạn xã hội và các biểu hiện tiêu cực khác, đề cao kỷ cương trong quản lý nhà nước, quản lý kinh tế; giữ vững trật tự và an toàn xã hội.

12- Bảo đảm các nhu cầu về kinh tế của công cuộc củng cố quốc phòng và an ninh, bảo vệ đất nước, đồng thời huy động năng lực công nghiệp quốc phòng và sử dụng hợp lý lực lượng quân đội vào những hoạt động kinh tế thích hợp.

Về phương hướng, nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu về kinh tế và xã hội trong 5 năm (1981 - 1985) và những năm 80

Báo cáo nêu lên những mục tiêu tổng quát về kinh tế và xã hội trong những năm 80 như sau:

1. Đáp ứng những nhu cầu cấp bách và thiết yếu nhất, dần dần ổn định, tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, trước hết giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, đáp ứng tốt hơn những nhu cầu về mặc, về học hành, chữa bệnh, về ở, đi lại, về chăm sóc trẻ em và các nhu cầu tiêu dùng thiết yếu khác.

2. Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, chủ yếu nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu, đồng thời tăng thêm trang bị kỹ thuật cho các ngành kinh tế khác, và chuẩn bị cho sự phát triển mạnh mẽ hơn nữa của công nghiệp nặng trong chặng đường tiếp theo.

3. Hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh miền Nam, tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong cả nước.

4. Đáp ứng các nhu cầu của công cuộc phòng thủ đất nước, củng cố quốc phòng và giữ vững an ninh, trật tự.

Trong khi thực hiện đường lối và các chính sách ấy, cần đặc biệt chú ý một số điểm rất quan trọng sau đây:

- Trước hết, phải luôn luôn nắm vững nội dung chính của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong 5 năm (1981 - 1985) và những năm 80 là: Tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý.

- Phải đẩy mạnh mặt trận nông nghiệp toàn diện, cùng với lâm nghiệp và ngư nghiệp, nhất là đẩy mạnh sản xuất lương thực và thực phẩm.

- Phải tiếp tục xây dựng kinh tế Trung ương thành xương sống của nền kinh tế quốc dân, nắm vững những vị trí then chốt, đồng thời hết sức chú ý phát triển kinh tế địa phương, phát huy tác dụng quan trọng của kinh tế địa phương đối với sản xuất nông nghiệp và sản xuất hàng tiêu dùng. Tích cực tổ chức các ngành kinh tế - kỹ thuật thành trụ cột của nền kinh tế, đồng thời ra sức xây dựng kinh tế nông - công nghiệp huyện, và xây dựng kinh tế trên địa bàn tỉnh theo hướng từng bước tạo ra cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp tỉnh.

- Phải phát triển những quan hệ phân công và hợp tác trong cả nước cũng như trên từng địa bàn, gắn bó chặt chẽ kinh tế Trung ương với kinh tế địa phương thành một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất, thanh toán những sự chồng chéo, vướng mắc hiện nay.

- Xác định rõ cơ cấu kinh tế Trung ương và cơ cấu kinh tế từng địa phương, thực hiện phân cấp quản lý giữa các cơ quan Trung ương và chính quyền địa phương là vấn đề cần phải khẩn trương giải quyết.

Điều có ý nghĩa cấp bách và có tầm quan trọng đặc biệt là phải khẩn trương làm tốt việc sắp xếp lại kinh tế theo những phương hướng sau đây:

+ Phải chỉnh đốn và cải tiến cơ cấu sản xuất, xây dựng, lao động, phân phối, lưu thông và tiêu dùng, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu cấp bách, hợp với khả năng thực tế trong những năm trước mắt, nhất là khả năng về năng lượng, nguyên liệu, giao thông vận tải, đồng thời hợp với hướng tiến lên lâu dài, làm cho nền kinh tế phát triển ổn định, đúng hướng và đạt hiệu quả ngày càng cao.

+ Sắp xếp lại các cơ sở sản xuất, phải ưu tiên dành các điều kiện vật chất cho việc đẩy mạnh sản xuất những sản phẩm phục vụ đời sống, xuất khẩu và củng cố quốc phòng.

+ Bố trí lại xây dựng cơ bản, phải soát xét cơ cấu đầu tư, quy mô và tiến độ xây dựng cơ bản, khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn đều, không đồng bộ và kém hiệu quả kinh tế. Kiên quyết không đầu tư xây dựng thêm các công trình mới nếu công suất của các cơ sở cùng loại chưa được dùng hết. Kiên quyết đình hoặc hoãn khởi công những công trình không có điều kiện xây dựng, không đủ năng lượng và nguyên liệu để đi vào hoạt động. Theo hướng đó, phải điều chỉnh lại lực lượng lao động và thiết bị thi công.

+ Bố trí lại lao động, phải mở rộng phân công và phân bố lại lao động trong từng cơ sở, từng địa phương, từng ngành và trên địa bàn cả nước, giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn, nhằm tận dụng mọi khả năng đất đai, rừng, biển và các cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có. Kiên quyết giảm biên chế hành chính. Rất coi trọng giảm tỷ lệ tăng dân số. Xác định lại quy mô và phương hướng đào tạo cán bộ và công nhân hợp với yêu cầu và khả năng của nền kinh tế trong những năm trước mắt và các năm tiếp theo; bố trí và sử dụng hợp lý lực lượng cán bộ và công nhân đã được đào tạo.

+ Sắp xếp lại phân phối, lưu thông, phải thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trên mặt trận rất phức tạp này, khẩn trương tổ chức và mở rộng thị trường xã hội chủ nghĩa, hạn chế và quản lý chặt thị trường không có tổ chức, kiên quyết áp dụng nguyên tắc phân phối theo lao động và thực hiện hạch toán kinh tế, điều tiết cho công bằng thu nhập của các tầng lớp dân cư, phát huy tác dụng đòn xeo và cầu nối của phân phối, lưu thông đối với nông nghiệp và công nghiệp, thành thị và nông thôn, để thúc đẩy sản xuất và phục vụ tiêu dùng.

+ Sắp xếp lại tiêu dùng xã hội, phải hết sức tiết kiệm về đầu tư và sản xuất, về sự nghiệp văn hoá và xã hội, về chi phí quốc phòng và hành chính, thể hiện chủ trương tiết kiệm thành những chỉ tiêu cụ thể hằng năm phải phấn đấu đạt cho bằng được. Toàn xã hội cũng như từng ngành, từng địa phương, từng cơ sở và từng cá nhân đều phải triệt để thực hiện nguyên tắc "chỉ tiêu dùng trong giới hạn mà sản xuất cho phép", sống bằng kết quả lao động của mình và phấn đấu tăng tích luỹ.

Về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của những ngành và lĩnh vực quan trọng:

1. Mặt trận nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản

Tập trung sức phát triển nông nghiệp, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là một chủ trương chiến lược của Đảng ta, có tác dụng cực kỳ to lớn về kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội. Nhằm thực hiện chủ trương chiến lược đó, trong 5 năm (1981 - 1985), chúng ta phải ra sức làm tốt những công việc chính sau đây:

Nông nghiệp: Lương thực và thực phẩm là vấn đề bức thiết nhất và rất cơ bản, mà chúng ta phải giải quyết để ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng. Trước mắt, phải đáp ứng bằng được nhu cầu về lương thực của toàn xã hội và phải huy động bằng được số lương thực cần thiết vào tay Nhà nước.

Phấn đấu đạt sản lượng lương thực bình quân một năm trong 5 năm (1981 - 1985) là 17 triệu tấn quy thóc (tăng 3,6 triệu tấn so với sản lượng bình quân một năm trong thời kỳ 1976 - 1980), trong đó, Nhà nước huy động bình quân một năm là 3,5 triệu tấn.

Lâm nghiệp: Sớm hoàn thành quy hoạch lâm nghiệp theo hướng lâm - nông - công nghiệp kết hợp, sử dụng tổng hợp tài nguyên, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các tỉnh, huyện miền núi. Phân bố lại lao động trong cả nước, tăng cường đầu tư và áp dụng các biện pháp kỹ thuật để từng bước xây dựng và sử dụng hợp lý 15 triệu hécta đất rừng. Trong 5 năm (1981 - 1985), cần quản lý, tu bổ và khai thác tốt số rừng hiện có, trồng mới khoảng 30 vạn hécta rừng và phát triển rộng khắp phong trào trồng cây của nhân dân.

Thuỷ sản: Tổ chức lại và phát triển nghề đánh, bắt hải sản; tận dụng mọi diện tích mặt nước để phát triển rộng rãi nghề nuôi cá, nuôi tôm và các thuỷ sản khác, đưa sản lượng đánh, bắt cá biển và cá nuôi năm 1985 lên khoảng 70 vạn tấn (trong đó 47 - 50 vạn tấn cá biển). Tăng thêm sản lượng cá khô, cá chế biến và nước mắm.

2. Sản xuất hàng tiêu dùng

Đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất và văn hóa của xã hội, tạo thêm nhiều việc làm, tăng nguồn hàng để mở rộng thị trường trong nước và tăng cường xuất khẩu, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, mở rộng phân công lao động, tăng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, góp phần tích luỹ cho nền kinh tế.

3. Công nghiệp nặng

Báo cáo nhấn mạnh: Chúng ta luôn luôn nhớ rằng nhiệm vụ trung tâm suốt thời kỳ quá độ là công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, rằng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội là nền đại công nghiệp cơ khí hoá. Điều quyết định để tạo ra năng suất lao động cao là trang bị kỹ thuật mới, chẳng những cho nông nghiệp, mà cho cả các ngành khác của nền kinh tế quốc dân. Tiếp đó, Báo cáo đã nêu lên nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của các lĩnh vực cụ thể như điện, than, dầu khí, cơ khí, luyện kim, phân bón và hóa chất, vật liệu xây dựng,...

4. Giao thông, vận tải và thông tin bưu điện

Gấp rút chấn chỉnh tổ chức, sắp xếp lại lực lượng, nâng cao năng lực quản lý, tăng năng suất và hiệu quả, đi đôi với trang bị thêm phương tiện vật chất để khắc phục một bước sự yếu kém và mất cân đối nghiêm trọng giữa giao thông vận tải với yêu cầu phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng. Khối lượng vận tải trong nước tăng bình quân hằng năm 10 - 12 %, trong đó vận tải hàng xuất khẩu và vận tải Bắc - Nam tăng gấp ba lần.

5. Xây dựng cơ bản

Khả năng vật tư, tiền vốn của ta có hạn, lại phải ưu tiên giải quyết những yêu cầu cấp bách của đời sống và xuất khẩu, do đó phải bố trí hợp

lý tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản, sử dụng vốn đầu tư đúng hướng và có hiệu quả cao. Củng cố và nâng cao trình độ nghề nghiệp cho các lực lượng xây lắp, tổ chức hợp lý các lực lượng xây dựng chuyên ngành. Tổng mức vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung của Nhà nước trong 5 năm (1981 - 1985) dự kiến khoảng 16 - 18 tỷ đồng (theo giá cũ). Ngoài ra, các ngành, các địa phương phải huy động nguồn vốn tự có, nguồn vốn của các hợp tác xã và nhân dân, để cải tạo và mở rộng các cơ sở sản xuất, các công trình phúc lợi và văn hoá, giáo dục, y tế.

6. Lao động và dân số

Khẩn trương nghiên cứu và ban hành Luật Lao động. Giải quyết việc làm cho lao động xã hội theo hướng chủ yếu là phân công lao động tại chỗ để tham gia sản xuất nông nghiệp; mở mang ngành, nghề ở nông thôn, ở các thị xã, thành phố, nhất là tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp; khai thác lâm nghiệp, ngư nghiệp; mở mang dịch vụ ở thành phố, v.v..

7. Mặt trận phân phối, lưu thông

Phải sớm thiết lập trật tự mới, xã hội chủ nghĩa, trên mặt trận phân phối, lưu thông để góp phần ổn định đời sống, đẩy mạnh sản xuất, chuyển tốt tình hình kinh tế, xã hội. Nhà nước phải nắm hàng, nắm tiền, phân phối hợp lý thu nhập quốc dân, điều tiết cho được những thu nhập không hợp lý, không chính đáng, tăng cường quản lý thị trường, đấu tranh chống đầu cơ, làm ăn phi pháp.

8. Quan hệ kinh tế với nước ngoài, xuất nhập khẩu

Ưu tiên mở rộng sự hợp tác toàn diện giữa nước ta với Liên Xô và các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế, về chiều rộng cũng như chiều sâu. Chúng ta phải làm hết sức mình để tranh thủ đến mức cao nhất sự giúp đỡ quý báu của Liên Xô và các nước anh em khác, sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ đó, đồng thời thực hiện tốt nghĩa vụ của chúng ta, trên nguyên tắc có đi, có lại, không được tùy tiện, ỷ lại.

Xuất khẩu là nhiệm vụ có tầm chiến lược cực kỳ quan trọng, là nghĩa vụ lớn của mọi ngành, mọi cấp. Phải ra sức đẩy mạnh xuất khẩu để bảo đảm nhập khẩu các loại thiết bị, vật tư kỹ thuật cần thiết cho những hoạt động bình thường của nền kinh tế quốc dân, cho sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và để từng bước cân bằng xuất - nhập, cân bằng thanh toán quốc tế. Đi đôi với đẩy mạnh sản xuất và tiết kiệm tiêu dùng để tăng nguồn hàng xuất khẩu, phải tích cực mở mang dịch vụ, du lịch và các hoạt động kinh doanh khác để tăng thu ngoại tệ. Trong 5 năm (1981 - 1985), phấn đấu tăng kim ngạch xuất khẩu lên gấp hai lần so với mức 5 năm (1976 - 1980).

Ưu tiên đầu tư để tăng năng lực xuất khẩu, phấn đấu xây dựng nguồn hàng xuất khẩu chủ lực có hiệu quả kinh tế và có vị trí ổn định trên thị trường thế giới, chú trọng các nguồn xuất khẩu về nông sản, lâm sản, thuỷ sản, khoáng sản, hàng tiêu dùng, cơ khí, v.v..

9. Công tác khoa học và kỹ thuật

Yêu cầu cấp bách hiện nay là triển khai có hiệu quả các chương trình khoa học và kỹ thuật trọng điểm, đặc biệt coi trọng việc nhanh chóng ứng dụng các tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Khoa học, kỹ thuật phải là một trong những nhân tố hàng đầu trong việc nâng cao năng suất, chất lượng, tiết kiệm, đạt hiệu quả cao, thúc đẩy quá trình tái sản xuất mở rộng.

Trước hết khoa học và kỹ thuật phải phục vụ tốt nhất cho việc đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý. Phải ứng dụng rộng rãi thành tựu của cách mạng khoa học - kỹ thuật, đặc biệt chú ý những thành tựu về sinh học (trước hết về giống) nhằm thúc đẩy nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến phát triển. Đồng thời, phải hướng khoa học và kỹ thuật phục vụ các ngành công nghiệp quan trọng như điện, than, dầu khí, cơ khí, luyện kim, hoá chất... và phục vụ giao thông vận tải...

10. Công tác giáo dục, đào tạo và văn hoá, y tế, xã hội

Thực hiện cải cách giáo dục một cách tích cực và vững chắc, phù hợp với khả năng kinh tế, chú trọng đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục ở vùng núi và vùng đồng bằng sông Cửu Long từng bước theo kịp các vùng khác. Củng cố và phát triển giáo dục mầm non; từng bước phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở bằng nhiều hình thức học tập.

Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công nhân lành nghề, cán bộ khoa học, kỹ thuật và cán bộ quản lý kinh tế, cân đối và đồng bộ, hợp với yêu cầu cách mạng trong chặng đường hiện nay và sắp tới. Sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp, kết hợp tốt giữa đào tạo và lao động sản xuất.

Ra sức phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao. Ngoài số đầu tư của Nhà nước, cần động viên khả năng của nhân dân, của các cơ sở, các đoàn thể và sử dụng tốt quỹ phúc lợi xí nghiệp để phát triển sự nghiệp văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao, nhất là phong trào văn hoá quần chúng, phong trào rèn luyện thân thể. Chú trọng phục vụ cơ sở, như các công trường, nông trường, lâm trường và đơn vị vũ trang..., nhất là ở các tỉnh biên giới, các vùng kinh tế mới.

Đấu tranh ráo riết và liên tục để quét sạch các loại văn hoá nô dịch, phản động, lạc hậu, đồi truỵ. Kiên quyết bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội.

Tăng cường bảo vệ sức khoẻ nhân dân, xây dựng nền y học dân tộc Việt Nam trên cơ sở kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền. Làm tốt công tác vệ sinh, phòng bệnh, chữa bệnh và vệ sinh môi trường. Mở rộng và nâng cao chất lượng công tác y tế, hộ sinh, chăm sóc sức khoẻ nhân dân bằng cách sử dụng ngân sách nhà nước, quỹ phúc lợi công cộng và động viên sự đóng góp của nhân dân.

Khai thác nguồn dược liệu trong nước, chế biến các loại thuốc thông thường, tích cực khắc phục tình trạng thiếu thuốc.

Cải tiến chính sách, chế độ và tận tình chăm sóc, giúp đỡ các gia đình có công với cách mạng, anh chị em thương binh, gia đình liệt sĩ. Củng cố các trại nuôi dưỡng thương binh, các cơ sở chỉnh hình, để phục hồi chức năng lao động và mở rộng việc dạy nghề cho thương binh. Tổ chức tốt việc nuôi dạy các trẻ mồ côi, giúp đỡ những người già yếu, tàn tật.

Về tình hình Đảng ta từ sau Đại hội toàn quốc lần thứ IV và nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng

Về ưu điểm, Báo cáo khẳng định:

- Đảng ta là một đảng Mác - Lênin kiên cường, vững vàng về đường lối, đã tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta vượt qua mọi thử thách nghiêm trọng của đất nước, luôn luôn phát huy tinh thần cách mạng tiến công để đưa cách mạng tiến lên không ngừng. Đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa, đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, đường lối đối ngoại của Đảng là đúng đắn. Trong mọi tình huống khó khăn, phức tạp, Đảng đã kiên trì đường lối đúng đắn ấy.

- Đảng ta đã nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp hài hoà giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng và đã phấn đấu cao để làm tròn nghĩa vụ quốc tế. Với lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa nồng nàn và tinh thần quốc tế vô sản sâu sắc, chúng ta đã hết sức ủng hộ và giúp đỡ nhân dân Campuchia anh em đập tan chế độ diệt chủng. Với thắng lợi đó của nhân dân Campuchia, cả ba nước Đông Dương đã hoàn toàn độc lập, tự do và cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Cũng với tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa nồng nàn và tinh thần quốc tế vô sản sâu sắc, Đảng và nhân dân ta đã phát triển mạnh mẽ tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác toàn diện với Liên Xô, thành trì của cách mạng và hoà bình thế giới, đã ra sức tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác anh em với các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Về khuyết điểm: *Bên cạnh những thắng lợi đã giành được trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta cũng đã phạm những khuyết điểm và sai lầm trong lãnh đạo quản lý kinh tế - xã hội. Qua thắng lợi và trước những vấp váp, Đảng đã hiểu thêm thực tiễn của đất nước, có thêm những kinh nghiệm và bước trưởng thành mới trên lĩnh vực quản lý kinh tế và xã hội.*

Qua thực tiễn chấp hành Nghị quyết của Đại hội, Ban Chấp hành Trung ương, các cấp uỷ đảng, các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức sản xuất, kinh doanh đã thấy rõ hơn các khuyết điểm, nhược điểm của mình và đang tìm các biện pháp khắc phục những khuyết điểm, nhược điểm ấy. Những khó khăn hiện nay thật sự có những nguyên nhân khách quan, *song phải nghiêm khắc nhận rõ những khuyết điểm và sai lầm chủ quan của chúng ta nhất là trong lãnh đạo về quản lý kinh tế - xã hội.*

Trong công tác xây dựng Đảng, Báo cáo nhấn mạnh: Thực hiện Nghị quyết của Đại hội IV của Đảng, chúng ta đã phấn đấu để không ngừng nâng cao tính giai cấp công nhân, tính tiên phong của Đảng, cụ thể hóa và vận dụng phương châm xây dựng Đảng do Đại hội đề ra. Chúng ta cũng đã có những cố gắng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Trong 5 năm qua chấp hành Điều lệ Đảng, các cấp đã tiến hành hai lần đại hội đảng bộ. Việc tiến hành Đại hội theo Chỉ thị 55-CT/TW của Ban Bí thư được chỉ đạo tập trung hơn trước, là một dịp tiến hành xây dựng Đảng một cách toàn diện về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đó là một dịp mở rộng dân chủ nội bộ, tiến hành tự phê bình và phê bình từ trên xuống, từ dưới lên một cách sâu sắc, một dịp phát động quần chúng tham gia xây dựng Đảng một cách toàn diện.

Công tác kiểm tra của Ủy ban kiểm tra các cấp được tăng cường một bước đã đem lại những kết quả nhất định góp phần phát huy mặt tích cực, khắc phục mặt tiêu cực, phát hiện, đưa ra khỏi Đảng những phần tử xấu và không còn đủ tư cách đảng viên.

Hệ thống trường đảng các cấp được mở rộng, công tác giáo dục lý luận chính trị được tăng cường. Những cố gắng trong công tác xây dựng Đảng về tư tưởng và về tổ chức đã góp phần nâng cao trình độ và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng.

Về hạn chế của công tác tư tưởng và công tác tổ chức của Đảng, Báo cáo chỉ rõ:

Trên mặt trận tư tưởng: công tác tư tưởng *còn thiếu sắc bén, thiếu kịp thời và kém tính chiến đấu.* Có những mặt còn phạm hữu khuynh, giản đơn, một chiều, kém tính linh hoạt, chưa bám chắc những vấn đề nóng hổi do cuộc sống đặt ra nên hiệu quả thấp. Việc giáo dục về *cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa* chưa được tiến hành thường xuyên và sâu sắc. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao giác ngộ về cách mạng xã hội chủ nghĩa, về lý tưởng cộng sản trong Đảng, trong nhân dân, nhất là trong thanh niên, bị xem nhẹ. Việc giáo dục tư tưởng làm chủ tập thể cho cán bộ, đảng viên và quần chúng thiếu cụ thể, thiết thực.

Trong Đảng và cơ quan nhà nước, bên cạnh tư tưởng nóng vội, tình trạng thiếu nhạy bén, quan liêu, bảo thủ nặng nề đang là một nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trì trệ hiện nay.

Tình trạng sa sút phẩm chất, giảm sút ý chí chiến đấu trong một bộ phận cán bộ phụ trách ở các cấp, các ngành từ trên xuống dưới và một bộ phận đảng viên đang gây tác hại lớn. Nhiều người từ sai lầm trong sinh hoạt, quan liêu hoá trong tác phong, đã đi đến chỗ bị biến chất trong lối sống, thoái hoá về chính trị. Đến nay, số này vẫn chưa được sàng lọc hết.

Về mặt tổ chức, Báo cáo khẳng định: công tác tổ chức cũng *rất trì trệ, chậm chuyển hướng,* không đi kịp tình hình và nhiệm vụ.

Chúng ta chưa xây dựng được một cơ cấu tổ chức đồng bộ và mạnh từ Trung ương cho đến cơ sở. Cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý, như Báo cáo chính trị đã chỉ rõ, chưa thể hiện trong nền nếp sinh hoạt hằng ngày của các cấp uỷ đảng, các cơ quan nhà nước và các đoàn thể quần chúng ở mọi cấp, mọi ngành. Tổ chức đảng có nơi chưa trong sạch. Nhiều tổ chức cơ sở đảng yếu kém kéo dài. Chất lượng sinh hoạt chi bộ thấp, tính năng động chủ quan của nhiều đảng bộ cơ sở yếu.

Chỗ yếu kém trong cơ cấu tổ chức của Đảng và Nhà nước từ Trung ương đến cơ sở nói chung hiện nay là bộ máy tổ chức cồng kềnh, nặng nề mà hiệu lực lại thấp, chế độ trách nhiệm không rõ ràng; sự phân định về chức năng, trách nhiệm, quyền hạn giữa cơ quan đảng, cơ quan nhà nước và các đoàn thể, giữa cấp trên và cấp dưới, giữa cơ quan quản lý với các đơn vị sản xuất, kinh doanh, sự nghiệp, giữa cá nhân và tập thể đều chưa thật rõ. Việc chia tách hoặc sáp nhập tổ chức, thành lập tổ chức mới trong nhiều trường hợp còn tuỳ tiện.

Công tác cán bộ còn bảo thủ, trì trệ về nhiều mặt: đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, đề bạt cũng như chính sách, chế độ đãi ngộ. Đó là một nguyên nhân hết sức trọng yếu của sự trì trệ trong công tác tổ chức và nhiều việc khác. Chúng ta chưa xây dựng được *phong cách và chế độ làm việc cách mạng và khoa học.* Bệnh sự vụ, thủ công, phân tán, họp hành, giấy tờ quá nhiều từ trên xuống dưới, đều còn rất nặng là một nguyên nhân quan trọng của những khuyết điểm trong việc ra những quyết định thiếu chính xác, thiếu cụ thể.

Những khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng về tư tưởng và tổ chức đang làm cho bộ máy của chúng ta kém hiệu lực và có một *sức ỳ rất lớn.*

Báo cáo đã chỉ ra *bài học kinh nghiệm* của việc chỉ đạo công tác xây dựng Đảng về tư tưởng và tổ chức trong thời gian qua là phải coi trọng việc làm quán triệt sâu sắc hơn nữa tính chất giai cấp công nhân, tính tiền phong của Đảng, các nguyên tắc và phương châm xây dựng Đảng đã được Đại hội toàn quốc lần thứ IV tổng kết, cụ thể hoá và phát triển hơn nữa cho sát với thực tế của tình hình không ngừng đổi mới, và chỉ đạo việc thực hiện các nguyên tắc, phương châm ấy một cách đồng bộ. Cần đề cao vai trò gương mẫu và kỷ luật chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Đảng mà đặc biệt là các nghị quyết, chỉ thị về công tác tư tưởng và công tác tổ chức, từ trên xuống dưới, trước hết là từ trong cơ quan lãnh đạo và cán bộ chủ chốt ở mọi cấp, mọi ngành, nhất là từ cấp trung ương và các cấp uỷ cấp trên để có thể triển khai tốt xuống cơ sở.

Công tác xây dựng Đảng về tư tưởng và tổ chức phải bám chắc và nhằm thúc đẩy hơn nữa những nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ kinh tế, mà khâu rất bức thiết hiện nay là đổi mới công tác quản lý kinh tế, nhất là đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Đó là điều mà trước đây chúng ta chưa coi trọng.

Từ thực tế tình hình của Đảng và của đất nước, từ những nhiệm vụ mới đã được đề ra trong Báo cáo chính trị, nhiệm vụ then chốt của công tác xây

dựng Đảng hiện nay là: *Tiếp tục nâng cao tính chất giai cấp công nhân, tính tiền phong của Đảng, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức nhằm bảo đảm thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng, nâng cao năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, làm cho Đảng ta luôn luôn giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, một đảng thật trong sạch, có sức chiến đấu cao, gắn bó chặt chẽ với quần chúng.*

Để thực hiện được những nhiệm vụ trên, Báo cáo nhấn mạnh: Đảng phải thật sự là một *đảng có bản lĩnh, có kiến thức và năng lực* lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là có kiến thức và năng lực về lãnh đạo quản lý kinh tế, có khả năng *xây dựng Nhà nước,* biết quản lý kinh tế, đời sống, quản lý xã hội có hiệu quả.

Đảng phải là một đảng rất kiên cường trong cuộc đấu tranh chống... đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác, đủ sức đánh bại mọi hành động phá hoại và xâm lược của chúng.

Đảng phải thật sự là một đảng có sức chiến đấu cao, đoàn kết thống nhất, trong sạch về chính trị, vững mạnh về tổ chức, thực sự gắn bó với quần chúng.

Nhằm vào những nhiệm vụ trên đây, trong 5 năm tới, phải đổi mới và tạo ra một chuyển biến sâu sắc và căn bản về công tác tư tưởng và công tác tổ chức của Đảng theo các yêu cầu sau đây:

Một là: Bảo đảm thấu suốt đường lối; nâng cao năng lực lãnh đạo và tổ chức về mọi mặt: kinh tế, xã hội, quốc phòng và an ninh, nhất là về kinh tế.

Hai là: Cải tiến sự lãnh đạo của Đảng gắn với việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và việc tinh giản bộ máy, khắc phục quan liêu và bảo thủ trong bộ máy của Đảng và Nhà nước.

Ba là: Củng cố cho được cơ sở đảng gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị xây dựng huyện, quận, thành phố, xã, phường, v.v. xây dựng các tổ chức sản xuất, kinh doanh, các đơn vị chiến đấu và phát động các phong trào quần chúng. Nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng; phát triển và củng cố đội ngũ của Đảng, kiên quyết đưa những phần tử cơ hội, thoái hoá, biến chất và những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Bốn là: Theo quy hoạch, tiến hành đổi mới việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, bố trí đúng và bảo đảm tính kế thừa trong việc xây dựng đội ngũ cốt cán, ra sức nâng cao phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ, bảo đảm sự vững vàng của Đảng trong mọi tình thế. Đó là một điều cực kỳ quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng lâu dài của Đảng ta.

Năm là: Giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết thống nhất của Đảng, thực hiện đầy đủ nguyên tắc tập trung dân chủ, tiến hành tự phê bình và phê bình thường xuyên trong sinh hoạt của Đảng.

Về những nhiệm vụ, chủ trương cụ thể nhằm nâng cao chất lượng lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng

Báo cáo nhấn mạnh: *Tăng cường mặt trận tư tưởng để củng cố đảng và nâng cao chất lượng lãnh đạo chính trị của Đảng*

Trên cơ sở quán triệt đường lối của Đảng, nâng cao giác ngộ về cách mạng xã hội chủ nghĩa và rèn luyện phẩm chất cho cán bộ đảng viên, nhiệm vụ cơ bản của công tác tư tưởng là phải xây dựng cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta ý chí kiên cường, quyết tâm sắt đá và trình độ hiểu biết cần thiết để làm cả hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Cụ thể là:

1. Làm quán triệt đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, nâng cao lập trường giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường.

Để làm tốt việc đó, phải triệt để *khai thác một cách sáng tạo kho tàng lý luận* của chủ nghĩa *Mác - Lênin,* những kinh nghiệm phong phú của Đảng Cộng sản Liên Xô và của các đảng anh em, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới; đồng thời phải rất coi trọng *tổng kết tình hình thực tế* của ta nhất là về mặt kinh tế; tổng kết các hoạt động kinh tế, rút ra được những bài học kinh nghiệm để làm cơ sở cho việc cụ thể hoá đường lối của Đảng, phát triển và làm rõ hơn nữa để nắm vững những quy luật tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nước ta một cách sát đúng và có sáng tạo. Phải khắc phục chủ nghĩa kinh nghiệm, coi thường lý luận cũng như chủ nghĩa giáo điều áp dụng kinh nghiệm nước ngoài một cách máy móc.

Để bảo đảm cho việc quán triệt cụ thể hóa và tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng phải nâng cao kiến thức về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, đặc biệt là kiến thức về quy luật kinh tế, về quản lý kinh tế cho cán bộ, đảng viên một cách rộng rãi. Cần quy định chế độ bắt buộc cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý phải học tập những kiến thức kinh tế, làm dấy lên phong trào học tập kinh tế trong Đảng và trong nhân dân.

Trong việc quán triệt và tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, phải không ngừng nâng cao tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng lập trường cách mạng kiên định của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường, khắc phục các thiên hướng hữu và "tả".

2. Xây dựng lập trường kiên định chống đế quốc (nhất là đế quốc Mỹ) và các thế lực phản động khác, luôn luôn đề cao cảnh giác cách mạng, sẵn sàng bảo vệ Đảng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Phải nâng cao bản chất giai cấp công nhân của quân đội và lực lượng an ninh, bảo đảm cho lực lượng vũ trang và an ninh của chúng ta phát huy truyền thống mưu trí và dũng cảm, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, với mục đích và lý tưởng của Đảng, với sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Tổ quốc và nhân dân, với chủ nghĩa quốc tế vô sản.

3. Nắm vững nguyên tắc, liên hệ chặt chẽ với quần chúng, với thực tiễn, chống quan liêu, chủ quan, bảo thủ; chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ, chống tự do vô kỷ luật, thiếu dân chủ, vô trách nhiệm.

Phải sâu sát thực tế, nhạy cảm với cuộc sống, chống quan liêu và bảo thủ, khắc phục chủ quan, nóng vội.

Nghiêm chỉnh chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, tăng cường kỷ luật, đề cao trách nhiệm.

4. Rèn luyện phẩm chất cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân.

Đã là đảng viên thì phải phấn đấu không mệt mỏi cho lý tưởng, sẵn sàng hi sinh vì lý tưởng.

Phải nâng cao nhiệt tình cách mạng, chống sa sút về phẩm chất, chống chủ nghĩa cá nhân, tư lợi cá nhân, xem trọng tiền tài, lợi ích phi pháp hơn là danh dự con người, lý tưởng của người đảng viên cộng sản, hơn cả sinh mệnh chính trị của người chiến sĩ cách mạng.

Phải nghiêm cấm đặc quyền, đặc lợi; nghiêm cấm các cơ quan có quyền nắm trong tay vật tư, tài chính lại tự định ra chế độ riêng cho mình và cho cán bộ dưới quyền; nghiêm cấm quỹ đen; chấm dứt chè chén bê tha, lấy của công để chia nhau trong nội bộ. Các chi bộ phải giám sát việc đó thật chặt chẽ.

Phải giúp đỡ cán bộ, đảng viên mà đời sống có khó khăn; song tư cách của một đảng viên không cho phép vi phạm đạo đức cộng sản.

5. Siết chặt hàng ngũ, tăng cường đoàn kết toàn Đảng

Bài học lịch sử của Đảng ta và của các đảng anh em đều chỉ rõ rằng sức mạnh vô địch của Đảng Mác - Lênin là ở sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Sự đoàn kết thống nhất ấy phải dựa trên đường lối chính trị đúng đắn và những nguyên tắc tổ chức sinh hoạt của Đảng, được củng cố bằng tình cảm cách mạng trong sáng của những người cùng chung lý tưởng.

Truyền thống đoàn kết toàn Đảng từ trước đến nay luôn là một nguyên nhân cơ bản của những thắng lợi to lớn của Đảng và nhân dân ta. Trong Đảng phải tuyệt đối "giữ gìn sự đoàn kết thống nhất của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình".

6. Không ngừng tăng cường đoàn kết quốc tế và giáo dục tinh thần quốc tế vô sản cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Toàn Đảng, toàn dân phải coi tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác toàn diện với Liên Xô, Lào, Campuchia và các nước xã hội chủ nghĩa anh em là một nguyên tắc, một vấn đề có ý nghĩa về chiến lược của đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Đó cũng là điều kiện sống còn của cách mạng nước ta, là nghĩa vụ quốc tế tất yếu đối với giai cấp công nhân và nhân dân thế giới, đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế mà Đảng ta luôn luôn phấn đấu để làm tròn.

Phải giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu một cách sâu sắc quan điểm và đường lối quốc tế của Đảng ta.

Phải không ngừng giáo dục tinh thần quốc tế vô sản cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, khắc phục mọi tư tưởng dân tộc hẹp hòi hoặc dân tộc nước lớn.

Mọi lời nói và việc làm của cán bộ, đảng viên phải không ngừng góp phần tăng cường đoàn kết thống nhất của Đảng, góp phần vun đắp cho tình đoàn kết quốc tế.

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng đội ngũ của Đảng đáp ứng hai nhiệm vụ chiến lược.

Việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng đội ngũ của Đảng để đáp ứng hai nhiệm vụ chiến lược đòi hỏi toàn Đảng phải có quyết tâm cao, có nhận thức mới nhằm thực hiện bằng được những nhiệm vụ cụ thể sau đây về công tác tổ chức.

1. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng kết hợp chặt chẽ với phát huy hiệu lực quản lý của Nhà nước và thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Điều lệ Đảng đã quy định và Hiến pháp mới đã thể chế hoá nội dung cơ bản của nguyên tắc "Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý". Đó là cơ sở để tiếp tục cụ thể hoá mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước ở từng cấp, từng ngành, từng đơn vị, thành các nguyên tắc, chế độ, nền nếp hoạt động để giải quyết đúng đắn các vấn đề cụ thể trong mối quan hệ giữa các tổ chức đảng và cơ quan nhà nước, giữa Nhà nước với nhân dân.

a) Đảng lãnh đạo mọi tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản.

b) Cần khắc phục một cách kiên quyết và dứt khoát tình trạng lẫn lộn chức năng giữa cơ quan đảng và cơ quan nhà nước kéo dài đã từ lâu.

c) Các đoàn thể quần chúng, với chức năng tổ chức, giáo dục vận động quần chúng thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, với sự phối hợp và giúp đỡ của Nhà nước, cũng chính là người đại diện cho quyền làm chủ tập thể của quần chúng, là người tập hợp, đề đạt ý kiến, nguyện vọng của quần chúng ở giới mình, giai cấp và lứa tuổi mình với Đảng và Nhà nước.

2. Kiện toàn Ban Chấp hành Trung ương và các cấp uỷ đảng

Các uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương và các cấp uỷ phải tiêu biểu cho trí tuệ của toàn Đảng hay của mỗi đảng bộ và phải thật sự có khả năng đóng góp vào sự lãnh đạo tập thể của Ban Chấp hành.

Ban Chấp hành Trung ương đề nghị Đại hội sửa đổi Điều 12 của Điều lệ Đảng và giao cho Ban Chấp hành Trung ương quy định cụ thể tổ chức sự lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội nhân dân Việt Nam.

3. Kiện toàn bộ máy nhà nước

Vấn đề lớn hiện nay là phải xây dựng Nhà nước theo yêu cầu của việc xây dựng cơ cấu kinh tế mới và bảo đảm phương thức quản lý mới. Ba vấn đề cơ bản của việc kiện toàn bộ máy nhà nước là xây dựng cơ chế quản lý mới, sửa đổi phương pháp làm việc của Đảng và Nhà nước, bố trí đúng cán bộ.

Trong hệ thống bộ máy nhà nước, Đảng ta coi trọng làm cho cơ quan quyền lực nhà nước do dân cử, thực sự làm tròn trách nhiệm và giữ vững quyền hạn của mình dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tinh thần ấy cần được quán triệt tốt hơn nữa trong các cấp uỷ đảng.

4. Ra sức kiện toàn tổ chức cơ sở đảng gắn với đẩy mạnh xây dựng huyện, quận, kiện toàn cơ sở, xây dựng, củng cố các liên hiệp sản xuất và phát động các phong trào quần chúng.

a) Phải qua phong trào xây dựng huyện, củng cố cơ sở mà *kiện toàn tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn,* gắn xây dựng huyện với kiện toàn cơ sở. Cần khẩn trương đẩy mạnh xây dựng huyện trong 5 năm (1981-1985) và những năm 80.

b) Trong các xí nghiệp quốc doanh, để bảo đảm thực hiện cơ chế quản lý mới, phải sớm định rõ tiêu chuẩn nghiệp vụ của giám đốc, các phó giám đốc, các cán bộ chủ chốt khác, và điều chỉnh lực lượng cán bộ từ dưới lên và từ trên xuống nhằm khắc phục tình trạng bố trí nhiều giám đốc, phó giám đốc không tương xứng với nhiệm vụ hiện nay.

5. Nâng cao tính chiến đấu và vai trò tiên phong của đảng viên, xây dựng đội ngũ đảng viên trong sạch, vững mạnh.

Đảng ta hiện có 1.727.784 đảng viên[1] bao gồm những chiến sĩ ưu tú đã được kết nạp vào Đảng qua nhiều thế hệ cách mạng trong hơn nửa thế kỷ qua.

Đảng viên dù ở cương vị công tác nào cũng đều phải là những chiến sĩ cộng sản có lý tưởng và hành động theo đường lối của Đảng.

6. Theo quy hoạch cán bộ, đào tạo, bố trí đúng và đổi mới đội ngũ cán bộ chủ chốt từ trên xuống dưới.

a) Trước hết phải thường xuyên chăm lo xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

b) Khẩn trương sắp xếp, bố trí lại cán bộ. Cần có một sự quyết đoán dứt khoát để thực hiện những sự thay đổi về tổ chức và nhân sự đã rõ là không đáp ứng được nhiệm vụ, trước hết đối với cán bộ chủ trì ở các cấp, các ngành và ở các cơ quan, đơn vị quan trọng.

c) Vấn đề không kém phần quan trọng là phải *đổi mới phương pháp chọn và quản lý cán bộ.*

d) Để đáp ứng sự đổi mới trong công tác bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ, cần đổi mới một cách có hệ thống các chính sách, chế độ đãi ngộ khen thưởng đối với cán bộ cho phù hợp với cơ chế quản lý mới và với vị trí mới của các tổ chức, nhằm khuyến khích phát triển tài năng của cán bộ.

7. Phải đổi mới phương pháp làm việc, xây dựng phong cách làm việc lêninnít.

---

(1) Tính đến tháng 12 - 1981

a) Trước hết phải dứt khoát đổi mới phương pháp chuẩn bị và ra các quyết định, nhất là đối với các vấn đề kinh tế, theo hướng nâng cao tính khoa học trong phương pháp làm việc.

b) Ra quyết định đúng chỉ mới đặt cơ sở cho phương hướng hành động. Vấn đề trọng yếu là tổ chức thực hiện các quyết định để biến nó thành hiện thực.

c) Sự đổi mới phương pháp ra quyết định và tổ chức thực hiện các quyết định theo yêu cầu trên đây là một bộ phận quan trọng của phương pháp và phong cách làm việc lêninnít.

8. Coi trọng và luôn luôn tăng cường công tác kiểm tra của Đảng

Công tác kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo chủ yếu của Đảng, một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng, nhất là trong hoàn cảnh Đảng lãnh đạo chính quyền.

Nâng cao chất lượng và hiệu lực công tác kiểm tra của Đảng phải gắn chặt với nâng cao hiệu lực công tác kiểm tra của Nhà nước và công tác kiểm tra có tính chất quần chúng, của mạng lưới kiểm tra nhân dân. Lãnh đạo mà không kiểm tra thì coi như không có lãnh đạo.

Phần kết luận, Báo cáo nhấn mạnh: *Coi trọng chất lượng và hiệu quả của công tác xây dựng Đảng.*

Thực tế tình hình công tác tư tưởng và tổ chức của Đảng hiện nay nói lên rằng chất lượng và hiệu quả của công tác xây dựng Đảng chưa tương xứng với đòi hỏi của nhiệm vụ chính trị và công sức đã bỏ ra.

Nhiệm vụ của chúng ta là phải xem trọng việc phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm trên đây để nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác xây dựng Đảng, công tác tổ chức, công tác tư tưởng, chống buông lỏng các công tác này.

Phải chống bệnh quan liêu và bệnh hình thức trong công tác xây dựng Đảng. Điều quan trọng là phải tăng cường công tác kiểm tra để thúc đẩy việc thực hiện các nghị quyết, phổ biến những kinh nghiệm tốt, uốn nắn các lệch lạc, giảm bớt các giấy tờ, hội nghị không cần thiết.

Phải chấp hành nghiêm túc Điều lệ Đảng. Mỗi cấp uỷ, mỗi chi bộ và cán bộ, đảng viên phải nghiên cứu kỹ Điều lệ Đảng, các văn kiện đã được tổng kết về xây dựng Đảng ở Đại hội IV và Đại hội V của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác này để chủ động chấp hành.

Công tác xây dựng Đảng *phải thật sự là công tác của toàn Đảng.* Mỗi cấp uỷ, mỗi cơ quan giúp việc, mỗi cán bộ, đảng viên đều có trách nhiệm xây dựng Đảng theo đúng cương vị và trách nhiệm của mình trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Đảng, các phương châm xây dựng Đảng và các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương.

Phải đổi mới về chất lượng đội ngũ chuyên trách làm công tác tổ chức, công tác tư tưởng và công tác kiểm tra bằng cách vừa bồi dưỡng đội ngũ hiện có, vừa thay đổi những người không còn xứng đáng như kém phẩm chất,

thiếu công tâm, không khách quan hoặc còn lợi dụng chức quyền, quan liêu, hống hách, thậm chí còn ăn hối lộ, "móc ngoặc"... Cần xây dựng cho từng cấp uỷ, từng cơ quan và mỗi cán bộ làm công tác nói trên một nếp suy nghĩ có tính toán hiệu quả và cách làm việc thiết thực trong chỉ đạo công tác tổ chức và công tác tư tưởng. Vũ trang cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ tổ chức kiến thức về nhiều mặt, đặc biệt về lĩnh vực công tác mình phụ trách, về kiến thức quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật, khoa học tổ chức. Đó là những điều kiện tối cần thiết để giúp Trung ương và các cấp uỷ nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác xây dựng Đảng.

*

* *

Ngoài ra, Bản Báo cáo Chính trị còn trình bày nhiều vấn đề quan trọng khác, như: *Về những nhiệm vụ văn hoá, xã hội; Về tăng cường nhà nước xã hội chủ nghĩa, phát động phong trào cách mạng của quần chúng; Về tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta; Về nhìn lại tình hình kinh tế, xã hội những năm 1976 - 1980 và hiện nay; Về đổi mới quản lý kinh tế, phát động phong trào quần chúng tạo ra chuyển biến cách mạng*

Công tác xây dựng Đảng vốn đã có tầm quan trọng và có tính quyết định đối với mọi thành quả của cách mạng, ngày nay, trước sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày càng rộng lớn, phức tạp, và trước sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hết sức khẩn trương, càng có tầm quan trọng và có tính quyết định đối với vận mệnh của đất nước ta.

Chúng ta tin tưởng rằng, với Nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần này, trên cơ sở những kinh nghiệm đã tổng kết được từ thực tiễn và sự nỗ lực của toàn Đảng trong việc thực hiện các nhiệm vụ, chủ trương, biện pháp đề ra trên đây, công tác xây dựng Đảng đã vươn lên đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị và nhất định sẽ góp phần quan trọng tạo ra sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chuyên chính vô sản trong cả nước, bảo đảm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ do Đại hội đề ra.

Báo cáo của Đoàn Chủ tịch Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng về kết quả bầu cử của Đại hội do đồng chí Lê Đức Thọ trình bày.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá V gồm 152 đồng chí, trong đó 116 đồng chí Ủy viên chính thức và 36 đồng chí Ủy viên dự khuyết.

Danh sách 116 đồng chí ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương:

Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Duy Trinh, Lê Thanh Nghị, Trần Quốc Hoàn, Văn Tiến Dũng, Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc), Lê Văn Lương, Chu Huy Mân, Võ Chí Công, Tố Hữu, Võ Văn Kiệt, Đỗ Mười, Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Văn Chí (Sáu Chí), Đỗ Chính, Cao Đăng Chiếm (Sáu Hoàng), Nguyễn Côn, Lê Quang Đạo, Nguyễn Thị Định, Trần Độ, Trần Đông, Ngô Duy Đông, La Lâm Gia (Bảy Máy), Song Hào, Vũ Thị Hồng, Lê Khắc, Bùi Thanh Khiết, Nguyễn Lam, Trần Lâm,

Trần Lê (Năm Hoà), Trần Văn Long (Mười Dài), Đồng Sĩ Nguyên, Nguyễn Thị Như, Đỗ Văn Nguyện (Tư Nguyện), Vũ Oanh, Trần Phương, Trần Quyết, Trần Quỳnh, Trần Văn Sớm, Nguyễn Đức Tâm, Nguyễn Cơ Thạch, Đặng Thí, Nguyễn Hữu Thụ, Nguyễn Đức Thuận, Đào Duy Tùng, Hoàng Tùng, Nguyễn Đình Tứ, Nguyễn Ngọc Trìu, Nguyễn Vịnh, Trần Xuân Bách, Nguyễn Đức Bình, Lê Đức Bình, Nguyễn Thị Bình, Vũ Đại, Trần Hữu Đắc, Nguyễn Hoà, Đinh Nho Liêm, Vũ Mão, Bình Phương, Vũ Quang, Lê Đức Thịnh, Nguyễn Văn Chính (Chín Cần), Lê Quang Chữ (Năm Chữ), Y-ngông Niek Đam, Nguyễn Đáng (Năm Trung), Lê Văn Hiền (Tám Hiền), Trần Quốc Hương (Mười Hương), Nguyễn Xuân Hữu (Bảy Hữu), Trần Kiên (Nguyễn Tuấn Tài), Vũ Đình Liệu (Tư Bình), Vũ Ngọc Linh, Trường Minh, Y Một, Hồ Nghinh, Lê Văn Phẩm (Chín Hải), Bùi San, Nguyễn Văn Sĩ, Bùi Quang Tạo, Lê Việt Thắng (Việt Thắng), Lê Phước Thọ (Sáu Hậu), Mai Chí Thọ (Năm Xuân), Trần Vỹ, Phạm Bái, Nguyễn Kỳ Cẩm, Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Văn Hơn (Sáu Sên), Phạm Văn Hy (Tư Hy), Hoàng Nó, Hoàng Quy, Phan Minh Tánh, La Thăng, Võ Trung Thành (Năm Vinh), Vũ Thắng, Hoàng Minh Thắng, Lâm Văn Thê (Ba Hương), Vương Dương Tường, Lê Đức Anh, Hoàng Cầm, Lê Ngọc Hiền, Đặng Vũ Hiệp, Đoàn Khuê, Vũ Lập, Bùi Phùng, Nguyễn Quyết, Lê Trọng Tấn, Hoàng Văn Thái, Đàm Quang Trung, Nguyễn Thế Bôn, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Nam Khánh, Trần Văn Phác.

Danh sách 36 đồng chí ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương:

Nguyễn Chân, Nguyễn Cảnh Dinh, Lê Văn Dỹ, Phan Xuân Đợt, Hồng Hà, Nguyễn Văn Hiệu, Phạm Hưng, Đặng Hữu, Nguyễn Khánh, Đinh Văn Lạp, Trần Đức Lương, Chu Tam Thức, Phan Ngọc Tường, Lê Văn Triết, Nguyễn Tấn Trịnh, Hà Xuân Trường, Nguyễn Chí Vu, Phạm Thế Duyệt, Trần Thị Đường, Vũ Ngọc Hải, Vũ Tuyên Hoàng, Phan Thanh Liêm, Nguyễn Thị Yến, Nguyễn Văn An, Lê Đại, Trần Anh Điền, Hà Trọng Hoà, Hà Thiết Hùng, Phan Văn Khải, Trần Tấn, Đoàn Duy Thành, Đoàn Thanh Vị, Nguyễn Thị Ngọc Liên, Tráng A Pao, Nguyễn Hoà, Hồ Quang Hoá.

Ủy viên chính thức Bộ Chính trị gồm 13 đồng chí:

Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Văn Tiến Dũng, Võ Chí Công, Chu Huy Mân, Tố Hữu, Võ Văn Kiệt, Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Nguyễn Đức Tâm.

* Hai đồng chí ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị là: Nguyễn Cơ Thạch, Đồng Sỹ Nguyên.

Ban Bí thư gồm 10 đồng chí:

Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Võ Chí Công, Nguyễn Đức Tâm, Nguyễn Lam, Lê Quang Đạo, Hoàng Tùng, Nguyễn Thanh Bình, Trần Kiên, Trần Xuân Bách. Đồng chí Lê Duẩn được bầu lại làm Tổng Bí thư.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng gồm 7 đồng chí:

Trần Kiên, Nguyễn Văn Chí, Vũ Thị Hồng, Trần Hữu Đắc, Hoàng Văn Kiểu, Phạm Chánh, Nguyễn Văn Trọng.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (Từ ngày 15 đến 18 tháng 12-1986)

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội lần thứ IV, thứ V và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương trong thời gian của các nhiệm kỳ đại hội đó, nhân dân ta đã giành được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực, cải biến được một phần cơ cấu của nền kinh tế - xã hội, đặt những cơ sở đầu tiên cho sự phát triển mới. Song, chúng ta chưa tiến xa được bao nhiêu, trái lại còn gặp nhiều khó khăn và khuyết điểm mới. Trong thời kỳ kế hoạch năm năm 1981-1985, chúng ta không thực hiện được mục tiêu đã đề ra là cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống của nhân dân. Sai lầm về tổng điều chỉnh giá, lương, tiền cuối năm 1985 đã đưa nền kinh tế của đất nước ta đến những khó khăn mới. Nền kinh tế - xã hội nước ta đã lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Tình hình đất nước đang đòi hỏi Đảng phải tích cực chuẩn bị và tiến hành Đại hội lần thứ VI theo yêu cầu đổi mới mạnh mẽ, phải nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá đúng thực trạng của đất nước. Từ đó xác định đúng mục tiêu và nhiệm vụ của cách mạng trong chặng đường trước mắt, đề ra chủ trương, chính sách đúng để xoay chuyển tình thế, đưa đất nước vượt qua khó khăn, tiến lên phía trước.

Giữa bối cảnh đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng họp tại Hà Nội, Đại hội họp nội bộ từ ngày 5 đến 14 tháng 12-1986. Từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986, Đại hội họp công khai. Dự Đại hội có 1.129 đại biểu thay mặt gần 1,9 triệu đảng viên trong toàn Đảng, trong số đó có 925 đại biểu thuộc đảng bộ 40 tỉnh, thành phố, đặc khu; 172 đại biểu thuộc các đảng bộ trực thuộc Trung ương, 153 đại biểu nữ, 115 đại biểu thuộc các dân tộc thiểu số, 50 đại biểu là anh hùng lực lượng vũ trang và anh hùng lao động, 72 đại biểu là công nhân trực tiếp sản xuất...

Đến dự Đại hội có 35 đoàn đại biểu quốc tế, đồng chí Nguyễn Văn Linh - Ủy viên Bộ Chính trị đọc Diễn văn khai mạc. Đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư của Đảng đọc Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đồng chí Võ Văn Kiệt đọc Báo cáo *về phương hướng, mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội trong năm năm (1986-1990)*...

Báo cáo Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng do đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V), Chủ tịch Hội đồng Nhà nước trình bày.

Báo cáo Chính trị nêu rõ: "Năm năm qua là một đoạn đường đầy thử thách. Bên cạnh những thắng lợi giành được, chúng ta đã mắc một số khuyết điểm và sai lầm. Cách mạng nước ta có những nhân tố thuận lợi mới nhưng cũng đang đứng trước nhiều khó khăn gay gắt..."

Về tình hình và nhiệm vụ

Báo cáo Chính trị khẳng định: Thái độ của Đảng ta trong việc đánh giá tình hình là nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật.

Về tình hình kinh tế - xã hội trong nước, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, sự giảm sút của sản xuất vào cuối những năm 70 cùng với những sai lầm trong bố trí cơ cấu kinh tế, nhất là bố trí đầu tư và xây dựng cơ bản của 5 năm 1976-1980, đã để lại hậu quả nặng nề.

Những nhiệm vụ và mục tiêu do Đại hội lần thứ V của Đảng vạch ra, nhân dân ta anh dũng phấn đấu, khắc phục khó khăn, vượt qua trở ngại, đã đạt được những thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, đã ngăn chặn được đà giảm sút của những năm 1979-1980, từ năm 1981 đến nay, đạt được nhiều tiến bộ rõ rệt. Nông nghiệp tăng bình quân hằng năm 4,9% so với 1,9% hằng năm của thời kỳ 1976-1980. Sản xuất lương thực có bước phát triển quan trọng, mức bình quân hằng năm từ 13,4 triệu tấn trong thời kỳ 1976-1980 đã tăng lên 17 triệu tấn trong thời kỳ 1981-1985. Sản xuất công nghiệp tăng bình quân hằng năm 9,5% so với 0,6% hằng năm trong thời kỳ 1976-1980. Thu nhập quốc dân tăng bình quân hằng năm 6,4% so với 0,4% trong 5 năm trước.

Về xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, trong 5 năm 1981-1985, đã hoàn thành mấy trăm công trình tương đối lớn và hàng nghìn công trình vừa và nhỏ, trong đó có một số cơ sở quan trọng về điện, dầu khí, xi măng, cơ khí, dệt, đường, thuỷ lợi, giao thông... Về năng lực sản xuất, tăng thêm 456 nghìn kilôoát điện; 2,5 triệu tấn than; 2,4 triệu tấn xi măng; 33 nghìn tấn sợi; 58 nghìn tấn giấy; thêm 309 nghìn hécta được tưới nước, 186 nghìn hécta được tiêu úng, 241 nghìn hécta được khai hoang đưa vào sản xuất; dầu mỏ bắt đầu được khai thác. Các công trình thủy điện Hoà Bình, Trị An đang được xây dựng, chuẩn bị đưa vào hoạt động trong những năm tới.

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã tiến thêm một bước, đại bộ phận nông dân Nam Bộ đi vào con đường sản xuất tập thể, đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên có tiến bộ trong sự nghiệp xây dựng cuộc sống mới.

Nhà nước và nhân dân ta cố gắng chăm lo bảo đảm các nhu cầu của quốc phòng và an ninh, thi hành chính sách hậu phương quân đội.

Chăm lo đời sống của nhân dân là một nhiệm vụ thường xuyên và hết sức khó khăn của Đảng và Nhà nước ta trong hoàn cảnh nền kinh tế còn yếu kém, thiên tai dồn dập, dân số tăng nhanh.

Quân và dân ta tiếp tục thực hiện nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Campuchia, củng cố liên minh chiến lược với hai nước láng giềng anh em, cùng nhau tăng cường thế và lực của cách mạng ở cả ba nước.

Báo cáo Chính trị nêu nguyên nhân đạt được những thành tựu trên là:

- Thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, sự tăng cường quan hệ đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô, Lào, Campuchia, với các nước anh em khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, việc phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước độc lập dân tộc, các lực lượng tiến bộ và hoà bình đã tạo cho sự nghiệp cách mạng nước ta những nhân tố mới để tiếp tục tiến lên.

- Bắt nguồn từ đường lối chung và đường lối kinh tế được xác định tại Đại hội lần thứ IV và Đại hội lần thứ V, gắn liền với những chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

Đồng thời Báo cáo cũng chỉ ra những khó khăn về tình hình kinh tế - xã hội:

- Sản xuất tuy có tăng, nhưng tăng chậm so với khả năng sẵn có và công sức bỏ ra, so với yêu cầu cần nhanh chóng ổn định đời sống của nhân dân, có tích lũy để công nghiệp hóa và củng cố quốc phòng.

- Hiệu quả sản xuất và đầu tư thấp.

- Tài nguyên của đất nước chưa được khai thác tốt, lại bị sử dụng lãng phí, nhất là đất nông nghiệp và tài nguyên rừng; môi trường sinh thái bị phá hoại.

- Lưu thông không thông suốt, phân phối rối ren, vật giá tăng nhanh đang tác động tiêu cực đến sản xuất, đời sống và xã hội.

- Những mất cân đối lớn trong nền kinh tế giữa cung và cầu về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, năng lượng, nguyên liệu, vận tải..., giữa thu và chi, xuất khẩu và nhập khẩu chậm được thu hẹp, có mặt còn gay gắt hơn trước.

- Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chậm được củng cố. Vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh suy yếu. Các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa chưa được sử dụng và cải tạo tốt.

- Đời sống của nhân dân, nhất là công nhân, viên chức còn nhiều khó khăn.

- Hiện tượng tiêu cực trong xã hội phát triển.

Báo cáo Chính trị đánh giá: Nhìn chung, chúng ta chưa thực hiện được mục tiêu do Đại hội lần thứ V đề ra là về cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống của nhân dân.

Những nguyên nhân chủ quan:

1. Về đánh giá tình hình, xác định mục tiêu và bước đi.

2. Về bố trí cơ cấu kinh tế.

3. Về cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố quan hệ sản xuất mới, sử dụng các thành phần kinh tế.

4. Về cơ chế quản lý kinh tế.

5. Về phân phối, lưu thông.

6. Về thực hiện chuyên chính vô sản.

Từ thực tiễn cách mạng trong những năm qua, chúng ta có thể rút ra những bài học kinh nghiệm sau đây:

Một là, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc", xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động.

Hai là, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Năng lực nhận thức và hành động theo quy luật là điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

Ba là, phải biết kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới.

Bốn là, phải xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị của một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Tại Đại hội này, chúng ta khẳng định: *Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm đem hết tinh thần và lực lượng tiếp tục thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.*

Đại hội lần thứ VI xác định nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề.

Xuất phát từ nhiệm vụ bao trùm và mục tiêu tổng quát, Đại hội xác định những mục tiêu cụ thể về kinh tế - xã hội sau đây cho những năm còn lại của chặng đường đầu tiên:

1. Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích luỹ.

2. Bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất.

3. Xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

4. Tạo ra chuyển biến tốt về mặt xã hội.

5. Bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh.

Những phương hướng cơ bản của chính sách kinh tế, xã hội

Báo cáo Chính trị nêu rõ: *Tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch và các chính sách kinh tế là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.*

Tư tưởng chỉ đạo đó thể hiện trong các chính sách và biện pháp lớn dưới đây:

1. Bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư

2. Xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế

3. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế

Trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phải nắm vững những vấn đề có tính nguyên tắc dưới đây:

- *Thực hiện tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế*

- *Đổi mới kế hoạch hoá.*

- *Sử dụng tốt các đòn bẩy kinh tế.*

4. Phát huy mạnh mẽ động lực khoa học, kỹ thuật

5. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại

Báo cáo trình bày một số phương hướng, nhiệm vụ của chính sách xã hội.

1. Kế hoạch hóa dân số, giải quyết việc làm cho người lao động

Phấn đấu hạ tỷ lệ phát triển dân số đến năm 1990 xuống 1,7%. Các cấp đảng, chính quyền và đoàn thể phải chỉ đạo chặt chẽ và thường xuyên cuộc vận động kế hoạch hoá dân số, coi đó là một điều kiện quan trọng để tăng thu nhập quốc dân bình quân đầu người, thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

2. Thực hiện công bằng xã hội, lối sống có văn hóa; bảo đảm an toàn xã hội, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội

3. Chăm lo đáp ứng các nhu cầu giáo dục, văn hóa, bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân: Về sự nghiệp giáo dục; Về hoạt động văn hoá, văn nghệ; Về chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ của nhân dân

4. Xây dựng chính sách bảo trợ xã hội

5. Thực hiện đúng chính sách giai cấp và chính sách dân tộc

Về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta

Trong những năm tới, nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước ta trên lĩnh vực đối ngoại là ra sức kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, phấn đấu giữ vững hoà bình ở Đông Dương, góp phần tích cực giữ vững hoà bình ở Đông Nam Á và trên thế giới, tăng cường quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương, tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô luôn luôn là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

Đảng ta nhận thức sâu sắc rằng: phát triển và củng cố mối quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương, đoàn kết và tôn trọng độc lập, chủ quyền của mỗi nước, hợp tác toàn diện, giúp đỡ lẫn nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là quy luật sống còn và phát triển của cả ba dân tộc anh em...

Chúng ta:

Ủng hộ chính sách của Liên Xô cải thiện quan hệ với Trung Quốc.

Ủng hộ sáng kiến của Mông Cổ về việc tiến tới một hiệp ước không dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực giữa các nước trong khu vực. Ủng hộ những nỗ lực nhằm biến Ấn Độ Dương thành khu vực hoà bình, những sáng kiến nhằm thiết lập các khu vực phi hạt nhân ở Đông Nam Á. Ủng hộ phong trào độc lập dân tộc và đòi phi hạt nhân của các nước nam Thái Bình DŒương và trên bán đảo Triều Tiên.

Ủng hộ những sáng kiến của Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên nhằm làm giảm tình hình căng thẳng và tiến tới thống nhất hai miền đất nước bằng con đường hoà bình và dân chủ.

Ủng hộ những biện pháp kiên quyết của Afghanistan chống cuộc chiến tranh không tuyên bố của các thế lực đế quốc và tay sai.

Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, thấm nhuần những tư tưởng và tình cảm cách mạng trong sáng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, Đảng ta tiếp tục giương cao ngọn cờ hoà bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, giữ vững độc lập tự chủ, tăng cường hợp tác quốc tế, ra sức làm tròn nhiệm vụ dân tộc và làm tốt nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân thế giới.

Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Báo cáo nêu lên: Lợi ích chính đáng của quần chúng đang đặt ra nhiều vấn đề cần phải giải quyết. Trước mắt, tập trung sức giải quyết những vấn đề có thể giải quyết được, phù hợp với từng đối tượng.

Đối với *giai cấp công nhân,* Đảng cần có những biện pháp cụ thể nhằm nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và trình độ hiểu biết về mọi mặt để xứng đáng với vị trí giai cấp tiên phong của cách mạng, đồng thời chăm lo đời sống vật chất và văn hoá, tạo ra những điều kiện cần thiết để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình...

Đối với *nông dân,* phải giải quyết tốt quan hệ giữa nghĩa vụ đóng góp cho đất nước và quyền lợi của nông dân. Nhà nước phải soát lại các chính sách quan hệ đến nông dân, bãi bỏ những chính sách không đúng.

Đối với *trí thức,* điều quan trọng nhất là bảo đảm quyền tự do sáng tạo.

Thanh niên phải được bảo đảm việc làm khi bước vào đời và được quan tâm giáo dục về nhân cách, bản lĩnh và lý tưởng theo phương châm "sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại".

Phụ nữ nói chung, và lao động nữ nói riêng, có những đặc điểm cần được chú ý. Như: thiết thực tạo thêm việc làm, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ nữ, chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em, thực hiện đúng *Luật Hôn nhân và gia đình.*

Để thiết lập cơ chế quản lý mới, cần thực hiện một cuộc cải cách lớn về tổ chức bộ máy của các cơ quan nhà nước theo phương hướng sau đây: *Xây dựng và thực hiện một cơ chế quản lý nhà nước thể hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở tất cả các cấp.*

Đó là bộ máy nhà nước có đủ năng lực thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu:

- Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành pháp luật, chính sách cụ thể.

- Xây dựng chiến lược kinh tế - xã hội và cụ thể hóa chiến lược đó thành những kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Quản lý hành chính - xã hội và hành chính - kinh tế; điều hành các hoạt động kinh tế, xã hội trong toàn xã hội theo kế hoạch, giữ vững pháp luật, kỷ cương Nhà nước và trật tự xã hội, giữ vững quốc phòng và an ninh.

- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của Nhà nước, phát hiện những mất cân đối và đề ra những biện pháp để khắc phục.

- Thực hiện một quy chế làm việc khoa học, có hiệu suất cao.

- Xây dựng bộ máy gọn nhẹ, có chất lượng cao, với một đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị và có năng lực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Về nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng

1. Đổi mới tư duy, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân là nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng.

2. Đổi mới đội ngũ cán bộ, kiện toàn các cơ quan lãnh đạo và quản lý.

3. Đổi mới phong cách làm việc, giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt trong Đảng

Tập trung dân chủ là nguyên tắc quan trọng nhất chỉ đạo mọi hoạt động tổ chức, sinh hoạt nội bộ và phong cách làm việc của chúng ta.

Lập lại kỷ cương, củng cố kỷ luật trong Đảng và bộ máy nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, nói và làm theo nghị quyết của cấp trên và của tập thể. Mọi cán bộ, đảng viên phải phục tùng kỷ luật.

Nâng cao chất lượng sinh hoạt của các cấp ủy là một yêu cầu quan trọng.

Đẩy mạnh tự phê bình và phê bình đúng với ý nghĩa là quy luật phát triển của Đảng, thước đo trình độ sinh hoạt dân chủ trong Đảng và ý thức trách nhiệm của Đảng đối với nhân dân.

4. Nâng cao chất lượng đảng viên, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực

5. Nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở

Báo cáo nhấn mạnh: Tổ chức cơ sở phải là người nắm vững và bảo đảm cho mọi hoạt động ở cơ sở theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước... Công tác quần chúng có vị trí quan trọng trong hoạt động của tổ chức cơ sở.

6. Tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng

Báo cáo khẳng định: Tăng cường đoàn kết, nhất trí về chính trị, tư tưởng và tổ chức trên cơ sở hệ tư tưởng Mác - Lênin, đường lối, quan điểm và nguyên tắc tổ chức của Đảng luôn luôn là vấn đề sống còn của cách mạng. Đoàn kết trong Đảng không phải là "bằng mặt mà không bằng lòng"; mà là sự đoàn kết được xây dựng trên cơ sở đấu tranh để bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng. Đoàn kết không có nghĩa là không có ý kiến khác nhau...

Kết thúc, Báo cáo Chính trị kết luận: "Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đánh dấu sự đổi mới quan trọng của Đảng trong lãnh đạo chính trị, tư tưởng, tổ chức và có ý nghĩa to lớn tăng cường hơn nữa khối đoàn kết, thống nhất của toàn Đảng.

Trước mắt chúng ta có nhiều khó khăn, nhưng Đảng và nhân dân ta có những điều kiện cần thiết để khắc phục những khó khăn ấy, đưa sự nghiệp cách mạng vẻ vang tiếp tục tiến lên...

Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân!"

Danh sách 124 đồng chí ủy viên chính thức:

Nguyễn Văn An, Lê Đức Anh, Trần Xuân Bách, Phạm Bái, Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Đức Bình, Lê Đức Bình, Nguyễn Thới Bưng, Hoàng Cầm, Nguyễn Mạnh Cầm, Nguyễn Kỳ Cẩm, Huỳnh Văn Cần, Võ Chí Công, Nguyễn Minh Châu, Lữ Minh Châu, Nguyễn Văn Chi, Võ Trần Chí, Đỗ Chính, Nguyễn Văn Chính, Cao Đăng Chiếm, Nguyễn Chơn, Nguyễn Huy Chương, Nguyễn Cảnh Dinh, Phạm Đình Di, Lê Văn Dĩ, Văn Tiến Dũng, Phạm Thế Duyệt, Lê Quang Đạo, Trần Hữu Đắc, Nguyễn Thị Định, Trần Độ, Trần Đông, Nguyễn Văn Đức, Võ Nguyên Giáp, Hồng Hà, Vũ Ngọc Hải, Nguyễn Thị Hằng, Cù Thị Hậu, Phạm Văn Huy, Lê Ngọc Hiền, Nguyễn Văn Hiệu, Nguyễn Hoà, Hà Trọng Hoà, Trần Hoàn, Vũ Tuyên Hoàng, Vũ Thị Hồng, Nguyễn Văn Hớn, Phạm Hùng, Hà Thiết Hùng, Phạm Hưng, Trần Quốc Hương, Nguyễn Đình Hương, Đặng Hữu, Nguyễn Xuân Hữu, Trần Kiên, Võ Văn Kiệt, Lê Văn Kiến, Nguyễn Khánh, Nguyễn Nam Khánh, Phan Văn Khải, Đoàn Khuê, Trịnh Văn Lâu, Vũ Lập, Nguyễn Văn Linh, Nguyễn Thị Ngọc Liên, Đinh Nho Liêm, Phan Thanh Liêm, Phạm Tâm Long, Đào Đình Luyện, Trần Đức Lương, Bùi Danh Lưu, Vũ Mão, Hoàng Trường Minh, Y Một, Đỗ Mười, Huỳnh Văn Niềm, Nguyễn Niệm, Bùi Thiện Ngộ, Đàm Văn Nguỵ, Đồng Sĩ Nguyên, Lê Thanh Nhàn, Vũ Oanh, Tráng A Páo, Trần Văn Phác, Nguyễn Thanh Quất, Hoàng Quy, Nguyễn Quyết, Trần Quyết, Nguyễn Văn Sỹ, Nguyễn Đình Sở, Hoàng Bích Sơn, Nguyễn Công Tạn, Phan Minh Tánh, Trần Trọng Tân, Trần Tấn, Nguyễn Đức Tâm, Nguyễn Trung Tín, Đào Duy Tùng, Nguyễn Đình Tứ, Phan Ngọc Tường,

Dương Tường, Võ Viết Thanh, Đoàn Duy Thành, Lê Quang Thành, Nguyễn Cơ Thạch, La Thăng, Hoàng Minh Thắng, Vũ Thắng, Đỗ Quang Thắng, Nguyễn Thị Thân, Lâm Văn Thê, Đặng Thí, Mai Chí Thọ, Lê Phước Thọ, Nguyễn Quốc Thước, Nguyễn Ngọc Trìu, Nguyễn Tấn Trịnh, Lê Văn Triết, Đàm Quang Trung, Nguyễn Ký Ức, Đoàn Thanh Vy, Đậu Ngọc Xuân, Nguyễn Trọng Xuyên, Lê Danh Xương.

Có 49 đồng chí ủy viên dự khuyết:

Đỗ Văn Ân, Nguyễn Bá, Phạm Văn Bính, Vũ Trọng Cảnh, Nguyễn Nhiêu Cốc, Trần Quang Cơ, Phạm Như Cương, Nguyễn Tấn Dũng, Hà Đăng, Phan Xuân Đợt, Trần Thị Đường, Nguyễn Bình Giang, Phạm Minh Hạc, Trương Mĩ Hoa, Nguyễn Hoà, Nguyễn Thế Hữu, Đặng Xuân Kỳ, Nguyễn Xuân Kỷ, Cao Sỹ Kiêm, Đinh Văn Lạp, Ngô Xuân Lộc, Trần Lum, Nguyễn Duy Luân, Nông Đức Mạnh, Nguyễn Thị Minh, Nguyễn Thị Xuân Mĩ, Hoàng Đức Nghi, Lê Huy Ngọ, Nguyễn Trọng Nhân, Ama Pui, Lò Văn Puốn, Nguyễn Hà Phan, Lâm Phú, Trần Hồng Quân, Đỗ Quốc Sam, Lê Tài, Nguyễn Thị Tâm, Phan Văn Tiệm, Lê Xuân Tùng, Nguyễn Văn Tư, Đặng Văn Thân, Phan Thu, Hà Học Trạc, Nguyễn Đức Triều, Trương Vĩnh Trọng, Đỗ Quang Trung, Hà Xuân Trường, Nguyễn Thị Hồng Vân và Nguyễn Chí Vu.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ nhất bầu Bộ Chính trị gồm có 13 uỷ viên chính thức và 1 ủy viên dự khuyết, bầu Ban Bí thư gồm 14 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Văn Linh được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng. Các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng và Lê Đức Thọ được giao trách nhiệm làm Cố vấn cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Bộ Chính trị gồm 13 đồng chí ủy viên chính thức:

Nguyễn Văn Linh, Phạm Hùng, Võ Chí Công, Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt, Lê Đức Anh, Nguyễn Đức Tâm, Nguyễn Cơ Thạch, Đồng Sĩ Nguyên, Trần Xuân Bách, Nguyễn Thanh Bình, Đoàn Khuê, Mai Chí Thọ. Một ủy viên dự khuyết là đồng chí Đào Duy Tùng.

Ban Bí thư gồm 14 đồng chí:

Nguyễn Văn Linh, Nguyễn Đức Tâm, Trần Xuân Bách, Đào Duy Tùng, Trần Kiên, Lê Phước Thọ, Nguyễn Quyết, Đàm Quang Trung, Vũ Oanh, Nguyễn Khánh, Trần Quyết, Trần Quốc Hương, Phạm Thế Duyệt, Nguyễn Thanh Bình (bổ sung từ tháng 10-1988).

Đại hội VI của Đảng đã hoạch định đường lối đổi mới toàn diện, sâu sắc và triệt để. Đó là sự kết tinh trí tuệ của toàn Đảng và toàn dân, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao của Đảng trước đất nước, dân tộc. Đường lối do Đại hội VI đề ra đã thể hiện sự phát triển tư duy lý luận, khả năng tổng kết và tổ chức thực tiễn của Đảng mở ra thời kỳ mới của sự nghiệp cách mạng nước ta trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VII CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (Từ ngày 24 đến 27 tháng 6-1991)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, họp từ ngày 24 đến 27-6-1991, tại Hội trường Ba Đình, thủ đô Hà Nội. Dự Đại hội có 1.176 đại biểu, thay mặt cho hơn 2 triệu đảng viên trong cả nước. Có hơn 30 đoàn đại biểu quốc tế tham dự đại hội. Trong đó có 134 đại biểu nữ, chiếm 11,39% số đại biểu, 125 đại biểu dân tộc thiểu số, chiếm 10,62% số đại biểu, 27 đại biểu là anh hùng lực lượng vũ trang và anh hùng lao động, 13 đại biểu là nhà giáo, nghệ sĩ, thầy thuốc nhân dân và ưu tú, 743 đồng chí có trình độ học vấn từ đại học, cao đẳng trở lên, chiếm 63,18%, trong đó có 108 tiến sĩ, phó giáo sư, 49 giáo sư. Đại biểu trẻ nhất là đồng chí Sùng Tờ Din, 29 tuổi, dân tộc H'Mông đại biểu đảng bộ tỉnh Hà Tuyên. Đại biểu cao tuổi nhất là đồng chí Dương Quang Đông, vào Đảng năm 1930, đại biểu của Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh.

Đến dự Đại hội còn có đoàn đại biểu của Đảng Cộng sản Liên Xô, đoàn đại biểu của Đảng Nhân dân cách mạng Lào, đoàn đại biểu của Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia, đoàn đại biểu của Đảng Cộng sản Cu Ba. Dự khai mạc Đại hội còn có đại biểu Đảng Cộng sản Nhật Bản thường trú tại Hà Nội, các vị trong đoàn ngoại giao, đại diện các tổ chức quốc gia và quốc tế, đại diện các tổ chức phi chính phủ tại Hà Nội.

Đại hội VII là Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương - đoàn kết; là Đại hội lần đầu tiên thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đại hội một lần nữa khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng lấy Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam được tiến hành vào tháng 6-1991, trong bối cảnh quốc tế và trong nước đang có những diễn biến phức tạp. Đó là những biến động đã và đang xảy ra trong các nước xã hội chủ nghĩa, sự tiến công nhiều phía vào chủ nghĩa xã hội, vào chủ nghĩa Mác - Lênin và Đảng cộng sản, những âm mưu và thủ đoạn của các thế lực thù địch quốc tế hòng xoá bỏ chủ nghĩa xã hội hiện thực và sự hoang mang dao động trong

một bộ phận lớn những người cộng sản trên thế giới đã tác động mạnh đến tư tưởng và tình cảm của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và nhân dân Việt Nam. Đất nước ta cũng phải đương đầu với các hoạt động phá hoại của các lực lượng thù địch ở cả ngoài nước và ở trong nước. Nhưng nhờ những thành tựu bước đầu của gần năm năm đổi mới, chúng ta đã đứng vững và tiếp tục tiến lên, mặc dù còn nhiều khó khăn. Đất nước vẫn chưa chấm dứt được sự khủng hoảng về kinh tế - xã hội.

Đồng chí Võ Chí Công đọc diễn văn khai mạc, Diễn văn nêu rõ: Đảng ta thấm nhuần chủ nghĩa Mác – Lênin, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân và của dân tộc, giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Đảng. Đảng và nhân dân ta tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, quyết tâm thực hiện những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Đó là sự lựa chọn duy nhất đúng.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh đọc Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương về các văn kiện Đại hội VII. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương do đồng chí Nguyễn Văn Linh đọc tại Đại hội đã đánh giá việc thực hiện hơn 4 năm đổi mới trên các lĩnh vực đời sống xã hội, đề ra phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu trong 5 năm (1991-1995).

Đại hội có nhiệm vụ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, đánh giá những việc làm được, những việc có thể làm nhưng chưa làm được, những vấn đề mới nảy sinh, chỉ ra những ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân và những kinh nghiệm tiến hành đổi mới trên các lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội. Trên cơ sở đó Đại hội đề ra phương hướng, mục tiêu và các nhiệm vụ chủ yếu cho năm năm tới. Ý nghĩa trọng đại của Đại hội VII còn ở chỗ, đây là lần đầu tiên Đại hội thông qua Cương lĩnh vạch ra những quan niệm và phương hướng cơ bản về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, thông qua chiến lược ổn định và phát triển kinh tế, xã hội đến năm 2000.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội đã đánh giá việc thực hiện đổi mới trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, sau hơn bốn năm đưa Nghị quyết Đại hội VI vào cuộc sống. Công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Đó là:

- Tình hình chính trị của đất nước ổn định.

- Nền kinh tế có những chuyển biến tích cực: đã đạt được những tiến bộ rõ rệt trong việc thực hiện các mục tiêu của ba chương trình kinh tế, bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, nguồn lực sản xuất của xã hội được huy động tốt hơn, tốc độ lạm phát được kìm chế bớt, đời sống vật chất và tinh thần của một bộ phận nhân dân có phần được cải thiện.

- Sinh hoạt dân chủ trong xã hội ngày càng được phát huy.

- Quốc phòng được giữ vững, an ninh quốc gia được bảo đảm. Từng bước phá thế bị bao vây về kinh tế và chính trị, mở rộng quan hệ quốc tế, tạo ra môi trường thuận lợi hơn cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Bên cạnh những thành tựu, đất nước vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế, xã hội, công cuộc đổi mới còn những hạn chế, nhiều vấn đề kinh tế, xã hội nóng bỏng chưa được giải quyết.

Trên cơ sở đánh giá tình hình hơn 4 năm đổi mới, Đại hội lần thứ VII đã rút ra năm bài học kinh nghiệm bước đầu về đổi mới:

Một là, phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới, kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới. Phải giữ vững tư duy độc lập và sáng tạo trong việc đề ra đường lối đổi mới phù hợp với đặc điểm tình hình của nước ta, đáp ứng đúng lợi ích và nguyện vọng của nhân dân. Điều kiện cốt yếu để công cuộc đổi mới giữ được định hướng xã hội chủ nghĩa và đi đến thành công là trong quá trình đổi mới, Đảng phải kiên trì và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ vững vai trò lãnh đạo xã hội. Đảng phải tự đổi mới và chỉnh đốn, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình.

Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để, nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. Đổi mới là một cuộc cách mạng sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đồng thời trong mỗi bước đi lại phải xác định đúng khâu then chốt để tập trung sức giải quyết làm cơ sở đổi mới các khâu khác và lĩnh vực khác. Phải tập trung sức làm tốt đổi mới kinh tế, đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của nhân dân về đời sống, việc làm và các nhu cầu xã hội khác, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, coi đó là điều kiện quan trọng để tiến hành thuận lợi đổi mới trong lĩnh vực chính trị. Chính trị đụng chạm đến các mối quan hệ đặc biệt phức tạp và nhạy cảm trong xã hội, nên việc đổi mới trong hệ thống chính trị nhất thiết phải trên cơ sở nghiên cứu và chuẩn bị rất nghiêm túc, không cho phép gây mất ổn định chính trị dẫn đến sự rối loạn. Nhưng không vì vậy mà tiến hành chậm trễ đổi mới hệ thống chính trị, nhất là về tổ chức bộ máy và cán bộ, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, bởi đó là điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và thực hiện dân chủ.

Ba là, phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước về kinh tế, xã hội.

Bốn là, tiếp tục phát huy ngày càng sâu rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhưng để phát huy dân chủ đúng hướng và đạt kết quả thì quá trình đó phải được lãnh đạo tốt, có bước đi vững chắc phù hợp với tình hình chính trị, xã hội nói chung. Có như vậy mới thực sự bảo đảm được quyền làm chủ của nhân dân, động viên toàn dân hăng hái xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Năm là, trong quá trình đổi mới phải quan tâm dự báo tình hình, kết hợp phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề mới nảy sinh trên tinh thần kiên định thực hiện đường lối đổi mới, tăng cường tổng kết thực tiễn và không ngừng hoàn chỉnh lý luận về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội

ở nước ta. Công cuộc đổi mới càng đi vào chiều sâu thì càng xuất hiện nhiều vấn đề mới liên quan đến nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chỉ có tăng cường tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận thì công cuộc đổi mới mới trở thành hoạt động tự giác, chủ động và sáng tạo, bớt được sai lầm và bước đi quanh co, phức tạp.

Báo cáo đã nêu những phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu trong năm năm 1991-1995. Dựa vào việc phân tích đặc điểm, tình hình thuận lợi và khó khăn, căn cứ vào mục tiêu của chặng đường đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Báo cáo đã xác định "Mục tiêu tổng quát của 5 năm tới là vượt khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế, xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay". Báo cáo cũng nêu lên bốn phương châm chỉ đạo và những nhiệm vụ chủ yếu trong năm năm trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Đại hội đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế xã hội đến năm 2000; Báo cáo xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng; Điều lệ Đảng* (sửa đổi).

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã đánh giá tổng quát quá trình cách mạng Việt Nam và nêu lên những bài học kinh nghiệm lớn. Đó là:

Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Ba la, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết; đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Cương lĩnh đã vạch rõ quan niệm của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta sẽ xây dựng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ để thực hiện mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội:

- Do nhân dân lao động làm chủ.

- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.

- Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Để thực hiện dân giàu nước mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa, điều quan trọng nhất là phải cải biến căn bản tình trạng kinh tế, xã hội kém phát triển, chiến thắng những lực lượng cản trở việc thực hiện mục tiêu đó, trước hết là các lực lượng thù địch chống độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Cương lĩnh xác định quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường; trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, cần nắm vững 7 phương hướng cơ bản sau:

Một là, xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đủ quyền dân chủ của nhân dân.

Hai là, phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hoá đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

Ba là, phát triển lực lượng sản xuất phù hợp với quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu, phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Bốn là, trong lĩnh vực tư tưởng và văn hoá lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại.

Năm là, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu nước mạnh. Thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước.

Sáu là, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam.

Bảy là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ngang tầm nhiệm vụ.

Đại hội còn thông qua *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000.*

Đại hội thông qua báo cáo *Xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng,* khẳng định vai trò trách nhiệm của Đảng, đánh giá thực trạng tình hình

Đảng và xác định phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng trong thời kỳ mới với những nội dung sau:

- Những quan điểm và nguyên tắc được Đại hội VII khẳng định:

+ Về vai trò lãnh đạo của Đảng, Đại hội VII xác định vai trò của Đảng gắn liền với việc xây dựng và thực hiện thắng lợi Cương lĩnh, Chiến lược và công cuộc đổi mới. Đồng thời gắn vai trò của Đảng với hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Đặc biệt trong bối cảnh quốc tế, trong nước và tình hình Đảng ta hiện nay việc xác định đúng và phát huy vai trò của Đảng càng có ý nghĩa đặc biệt.

Đảng lãnh đạo xã hội bằng Cương lĩnh, Chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác, bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên.

Đại hội VII khẳng định tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là một tất yếu vì trong điều kiện nước ta Đảng Cộng sản là lực lượng duy nhất lãnh đạo.

+ Về bản chất giai cấp của Đảng, Đại hội VII khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiền phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

+ Về nền tảng tư tưởng của Đảng, Đại hội VII khẳng định: Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động.

+ Về mục đích của Đảng, Đại hội VII xác định Đảng lãnh đạo nhân dân xây dựng nước Việt Nam dân chủ, giàu mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa và cuối cùng là thực hiện lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.

+ Đại hội VII khẳng định tiếp tục đổi mới, chỉnh đốn Đảng. Đại hội VII coi việc tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng là yêu cầu quan trọng hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng, là công việc thường xuyên bảo đảm cho Đảng ta luôn luôn ngang tầm nhiệm vụ cách mạng.

Công tác xây dựng Đảng rất quan trọng nên việc đổi mới, chỉnh đốn Đảng phải được chỉ đạo một cách kiên quyết, có bước đi vững chắc làm từ Trung ương đến cơ sở, bằng nhiều biện pháp đồng bộ, gắn với quá trình đổi mới cơ chế quản lý, tăng cường hệ thống chính trị, cải cách bộ máy Nhà nước, dựa vào nhân dân, thông qua phong trào cách mạng của nhân dân để đổi mới, chỉnh đốn Đảng.

Đại hội đã thông qua Điều lệ của Đảng (sửa đổi). Điều lệ gồm 12 chương 47 điều.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII) gồm có 155 đồng chí ủy viên là:

Nguyễn Văn An, Lê Đức Anh, Đỗ Văn Ân, Nguyễn Bá, Nguyễn Đức Bình, Lê Đức Bình, Nguyễn Thới Bưng, Nguyễn Mạnh Cầm, Nguyễn Kỳ Cẩm, Huỳnh Văn Cần, Nguyễn Văn Chi, Võ Trần Chí, Nguyễn Văn Chiểu, Nguyễn Văn Chính, Đỗ Chính, Nguyễn Chơn, Đặng Vũ Chư, Nguyễn Nhiêu Cốc, Trần Quang Cơ, Vũ Đình Cự, Huỳnh Cương, Nguyễn Cảnh Dinh, Nguyễn Tấn Dũng, Phạm Thế Duyệt, Hà Quang Dự, Đỗ Bình Dương, Lê Văn Dỹ, Trần Văn Đăng, Hà Đăng, Nguyễn Đệ, Trương Quang Được, Trần Thị Đường, Nguyễn Bình Giang, Hồng Hà, Phạm Minh Hạc, Nguyễn Ngô Hai, Vũ Ngọc Hải, Nguyễn Thị Hằng, Cù Thị Hậu, Nguyễn Văn Hiệu, Trương Mĩ Hoa, Trần Đình Hoan, Nguyễn Đức Hoan, Trần Hoàn, Vũ Tuyên Hoàng, Nguyễn Thị Kim Hồng, Nguyễn Văn Hơn, Vũ Quốc Hùng, Phạm Hưng, Nguyễn Đình Hương, Lê Minh Hương, Đặng Hữu, Phạm Văn Hy, Phan Văn Khải, Nguyễn Khánh, Nguyễn Nam Khánh, Hà Thị Khiết, Vũ Khoan, Đoàn Khuê, Cao Sỹ Kiêm, Lê Văn Kiên, Võ Văn Kiệt, Đặng Xuân Kỳ, Nguyễn Xuân Kỷ, Mai Thúc Lân, Trịnh Văn Lâu, Phạm Tâm Long, Ngô Xuân Lộc, Nguyễn Duy Luân, Trần Lum, Đào Đình Luyện, Trần Đức Lương, Bùi Danh Lưu, Nông Đức Mạnh, Vũ Mão, Nguyễn Thị Minh, Đỗ Mười, Nguyễn Thị Xuân Mĩ, Phạm Thanh Ngân, Hoàng Đức Nghi, Lê Huy Ngọ, Bùi Thiện Ngộ, Đàm Văn Nguỵ, Lê Thanh Nhàn, Nguyễn Trọng Nhân, Võ Hồng Nhân, Thái Bá Nhiệm, Huỳnh Văn Niềm, Nguyễn Niệm, Nguyễn Dy Niên, Nguyễn Thái Ninh, Vũ Oanh, Tráng A Páo, Nguyễn Hà Phan, Lê Khả Phiêu, Nguyễn Minh Triết (Trần Phong), Đỗ Phượng, Ama Pui, Lò Văn Puốn, Trần Hồng Quân, Nguyễn Duy Quý, Chu Văn Rị, Đỗ Quốc Sam, Trương Tấn Sang, Phạm Song, Nguyễn Đình Sở, Bùi Xuân Sơn, Nguyễn Văn Sĩ, Nguyễn Công Tạn, Hoàng Tanh, Phan Minh Tánh, Nguyễn Thị Tâm, Trần Trọng Tân, Nông Hồng Thái, Trần Thị Thanh Thanh, Tạ Hữu Thanh, Đỗ Quang Thắng, Vũ Thắng, Nguyễn Thị Thân, Đặng Văn Thân, Phạm Văn Thọ, Lê Phước Thọ, Hữu Thọ, Phan Thu, Đặng Quân Thuỵ, Phan Văn Tiệm, Nguyễn Trung Tín, Phạm Văn Trà, Hà Học Trạc, Lê Văn Triết, Nguyễn Đức Triều, Lê Xuân Trinh, Nguyễn Tấn Trịnh, Trương Vĩnh Trọng, Đỗ Quang Trung, Lê Văn Tu, Đào Duy Tùng, Lê Xuân Tùng, Nguyễn Văn Tư, Nguyễn Đình Tứ, Phan Ngọc Tường, Nguyễn Thị Hồng Vân, Bùi Thanh Vân, Đậu Ngọc Xuân, Nguyễn Trọng Xuyên, Lê Danh Xương, Nguyễn Phú Trọng (bổ sung từ tháng 1-1994), Phan Diễn (bổ sung từ tháng 1-1994), Thái Phụng Nê (bổ sung từ tháng 1-1994), Tô Xuân Toàn (bổ sung từ tháng 1-1994), Trần Văn Vụ (bổ sung từ tháng 1-1994), Hà Mạnh Trí (bổ sung từ tháng 1-1994), Trương Công Thận (bổ sung từ tháng 1-1994), Võ Văn Cương (bổ sung từ tháng 1-1994), Đặng Thành Học (bổ sung từ tháng 1-1994).

Hội nghị lần thứ nhất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII) đã bầu Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng gồm 17 đồng chí ủy viên:

Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt, Đào Duy Tùng, Đoàn Khuê, Vũ Oanh, Lê Phước Thọ, Phan Văn Khải, Bùi Thiện Ngộ, Nông Đức Mạnh, Phạm Thế Duyệt, Nguyễn Đức Bình, Võ Trần Chí, Lê Khả Phiêu (bổ sung

từ tháng 12-1993), Đỗ Quang Thắng (bổ sung từ tháng 12-1993), Nguyễn Mạnh Cầm (bổ sung từ tháng 12-1993), Nguyễn Hà Phan (bổ sung từ tháng 12-1993).

- Ban Bí thư gồm 10 đồng chí: Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Đào Duy Tùng, Lê Phước Thọ, Nguyễn Hà Phan, Hồng Hà, Nguyễn Đình Tứ, Trương Mỹ Hoa, Đỗ Quang Thắng, Lê Khả Phiêu (bổ sung từ tháng 12-1993).

Đồng chí Đỗ Mười được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Thành công của Đại hội đánh dấu bước trưởng thành mới của Đảng, cột mốc mới trong tiến trình cách mạng nước ta. Diễn văn bế mạc Đại hội của Tổng Bí thư Đỗ Mười đã nêu rõ:

"Kết quả nổi bật của Đại hội chúng ta là sự nhất trí trên tất cả các vấn đề lớn thuộc về quan điểm, đường lối có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh của đất nước. Đại hội là sản phẩm trí tuệ của toàn Đảng và của nhân dân trong việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những giá trị của loài người vào giai đoạn hiện nay của sự nghiệp cách mạng nước ta... Kết quả đó khẳng định trong đường lối của mình, Đảng ta và nhân dân ta quyết tâm không gì lay chuyển nổi đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn. Đó là con đường duy nhất đúng đắn. Kết quả đó khẳng định Đảng ta kiên trì và tích cực đẩy mạnh công cuộc đổi mới do chính bản thân Đảng khởi xướng theo những nguyên tắc đã được xác định... Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có nguyên tắc và có bước đi vững chắc, đó là mệnh lệnh của cuộc sống, là quá trình không thể đảo ngược.

Đại hội VII đã làm tròn được trách nhiệm trọng đại do toàn Đảng, toàn dân giao phó và sự chờ trông của bạn bè quốc tế. Đó là: "Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương - đoàn kết".

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (Từ ngày 28-6 đến 1 tháng 7-1996)

Cuối những năm 80 đầu những năm 90 của thế kỷ XX, chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào sau sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu, "nhưng điều đó không làm thay đổi tính chất của thời đại; loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội"(1).

Nguy cơ chiến tranh thế giới huỷ diệt bị đẩy lùi, nhưng xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, xung đột về dân tộc, sắc tộc và tôn giáo chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn xảy ra ở nhiều nơi.

Cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển với trình độ ngày càng cao, tăng nhanh lực lượng sản xuất, đồng thời thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thế giới, quốc tế hoá nền kinh tế và đời sống xã hội.

Bối cảnh quốc tế nói trên, có ảnh hưởng lớn đến công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đến năm 1996, công cuộc đổi mới đã tiến hành được 10 năm và đạt được nhiều thành tựu quan trọng về mọi mặt. Đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, cải thiện một bước đời sống vật chất của đông đảo nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh được củng cố. Đồng thời, thành tựu 10 năm đổi mới đã tạo được nhiều tiền đề cần thiết cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, nước ta cũng phải đối đầu với nhiều thách thức như nguy cơ tụt hậu xa về kinh tế, "diễn biến hoà bình"; tệ quan liêu, tham nhũng; nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa.

Tình hình thế giới và thực tiễn công cuộc đổi mới đặt ra cho Đảng ta những nhiệm vụ và bước đi mới.

Trong hoàn cảnh đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra từ ngày 28-6 đến 1-7-1996, tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội. Dự Đại hội có 1.198 đảng viên đại diện cho gần 2 triệu 130 nghìn đảng viên trong cả nước. Trong đó, có 153 đại biểu nữ; 154 đại biểu dân tộc thiểu số; 158 đại biểu quân đội; 56 đại biểu công an; 488 đại biểu công tác đảng các cấp; 321 đại biểu chuyên trách công tác cơ quan; 132 đại

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. CTQG, HN, 1996

biểu chuyên trách công tác đoàn thể nhân dân; 29 anh hùng (26 anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, 3 anh hùng lao động); 13 đại biểu là nhà giáo, nghệ sĩ, thầy thuốc nhân dân và ưu tú; 710 là đại biểu lần đầu tham dự; 11 đại biểu được tặng huy hiệu 50 tuổi Đảng và 88 đại biểu được tặng huy hiệu 40 năm tuổi Đảng; 923 đại biểu có trình độ khoa học kĩ thuật và chuyên môn nghiệp vụ cao đẳng và đại học trở lên; 998 đại biểu có trình độ lý luận cao cấp; có 2 đại biểu 79 tuổi và đại biểu trẻ nhất 28 tuổi, người dân tộc Mường (Hòa Bình).

Đại hội mời 64 khách trong nước gồm một số đồng chí lão thành cách mạng, bà mẹ Việt Nam anh hùng, nhân sĩ, trí thức,... và một số đại biểu quốc tế.

Sau bốn ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, Đại hội đã thông qua những văn kiện quan trọng sau đây:

1. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII.

2. Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996-2000.

3. Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi).

4. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam.

Các văn kiện nêu trên bao gồm những nội dung cơ bản sau:

Đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII (Báo cáo Chính trị) như sau:

Về thành tựu, văn kiện khẳng định chúng ta đã giành được 5 thành tựu quan trọng:

1. Đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, hoàn thành vượt mức nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm.

2. Tạo được một số chuyển biến tích cực về mặt xã hội.

3. Giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh.

4. Thực hiện có hiệu quả một số đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị.

5. Phát triển mạnh mối quan hệ đối ngoại, phá thế bao vây cấm vận, tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng quốc tế.

Cùng với việc đánh giá đúng thành tựu, Đảng ta cũng chỉ rõ những khuyết điểm và yếu kém:

1. Nước ta còn nghèo và kém phát triển. Chúng ta chưa thực hiện tốt cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, dồn vốn cho đầu tư phát triển.

Nhà nước còn thiếu chính sách để huy động có hiệu quả nguồn vốn trong dân. Sử dụng nguồn lực còn phân tán, kém hiệu quả, chưa kiên quyết tập trung cho các chương trình, dự án kinh tế - xã hội cấp thiết.

2. Tình hình xã hội còn nhiều vấn đề tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết. Nạn tham nhũng, buôn lậu, lãng phí của công chưa ngăn chặn được.

Tiêu cực trong bộ máy nhà nước, đảng và đoàn thể, trong các doanh nghiệp nhà nước, nhất là trên các lĩnh vực nhà đất, xây dựng cơ bản, hợp tác đầu tư, thuế, xuất nhập khẩu... nghiêm trọng kéo dài. Việc làm đang là vấn đề gay gắt. Sự phân hoá giàu nghèo giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn và giữa các tầng lớp dân cư tăng nhanh.

3. Việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới có phần vừa lúng túng vừa buông lỏng. Chậm tháo gỡ những vướng mắc về cơ chế, chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhà nước nâng cao hiệu quả hoạt động, phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Chưa quan tâm tổng kết thực tiễn.

4. Quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội, các hoạt động khoa học và công nghệ, bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái, giáo dục, đào tạo, thông tin, báo chí, xuất bản, văn hoá, văn nghệ chưa tốt.

5. Hệ thống chính trị còn nhiều nhược điểm. Năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước, hiệu quả hoạt động của các đoàn thể chính trị, xã hội chưa nâng lên kịp với đòi hỏi của tình hình.

Đánh giá tổng quát sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII Báo cáo Chính trị khẳng định đất nước đã vượt qua một giai đoạn thử thách gay go và đạt những thắng lợi nổi bật trên nhiều mặt.

"Công cuộc đổi mới trong 10 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ do Đại hội VII, đề ra cho 5 năm 1991-1995 đã được hoàn thành về cơ bản.

Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc.

Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị những tiền đề cho công nghiệp hoá đã cơ bản hoàn thành cho phép chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Tổng kết 10 năm đổi mới, Báo cáo Chính trị rút ra 6 bài học chủ yếu:

"1. Giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới; nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

3. Xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa

4. Mở rộng và tăng cường đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc.

5. Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

6. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt"[1]

Trên cơ sở phân tích những đặc điểm nổi bật của tình hình thế giới, những xu thế chủ yếu trong quan hệ quốc tế, nêu rõ những thời cơ và thách thức lớn, Đại hội định ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2000 và 2020 của sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là: tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Từ nay đến 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp."[2]

Trên cơ sở mục tiêu tổng quát, Đại hội chỉ rõ nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của giai đoạn 1996-2000 là:

Tập trung sức cho mục tiêu phát triển, đến năm 2000, GDP bình quân đầu người tăng gấp đôi năm 1990. Nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm đạt khoảng 9-10%.[3]

Phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp, gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản và đổi mới cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp bình quân hằng năm 4,5-5%.

Phát triển các ngành công nghiệp, chú trọng trước hết công nghiệp chế biến, công nghiệp hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng về dầu khí, than, xi măng, cơ khí, điện tử, thép, phân bón, hoá chất, một số cơ sở công nghiệp quốc phòng. Tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hằng năm 14-15%.

Đến năm 2000, tỷ trọng công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 34-35% trong GDP; nông, lâm, ngư nghiệp chiếm khoảng 45-46%.

Tăng nhanh khả năng và tiềm lực tài chính của đất nước, lành mạnh hoá nền tài chính quốc gia. Huy động 20 - 21% GDP vào ngân sách thông qua thuế và phí; kiềm chế bội thu ngân sách không quá 4,5% GDP; thực hiện cam kết trả nợ.

Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Sđd, tr.70-74
(2) Đảng Cộng sản Việt Nam, Sđd, tr.80
(3) Đảng Cộng sản Việt Nam, Sđd, tr.70

Giải quyết tốt một số vấn đề xã hội.

Bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh của Tổ quốc, giữ vững ổn định chính trị và an toàn xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vững mạnh, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống.

Tích cực chuẩn bị và tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000, chủ yếu là phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực khoa học và công nghệ, xây dựng kết cấu hạ tầng và một số công trình công nghiệp then chốt, hình thành đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Các nhiệm vụ và mục tiêu nêu trên phải được thực hiện theo các định hướng phát triển các lĩnh vực chủ yếu:

- Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nội dung cơ bản của công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong những năm còn lại của thập kỷ 90 là: Đặc biệt coi trọng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn; phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản; phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Mở rộng thương nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đẩy mạnh các hoạt động kinh tế đối ngoại. Hình thành dần một số ngành mũi nhọn như chế biến nông, lâm, thuỷ sản, khai thác và chế biến dầu khí, một số ngành cơ khí chế tạo, công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin, du lịch. Phát triển mạnh sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

- Xác định các chính sách đối với các thành phần kinh tế, bao gồm: kinh tế nhà nước; kinh tế hợp tác mà nòng cốt là các hợp tác xã; kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, bao gồm tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật về kinh tế, đổi mới công tác kế hoạch hóa, đổi mới các chính sách tài chính, tiền tệ, giá cả; nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý kinh tế của Nhà nước.

- Phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo. Đảng chủ trương phát triển mạnh mẽ sự nghiệp giáo dục và đào tạo, cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Coi trọng cả quy mô, chất lượng và hiệu quả giáo dục và đào tạo.

- Xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đại hội khẳng định, văn hoá là nền tảng tinh thần xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Mọi hoạt động văn hoá, văn nghệ phải nhằm xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh cho sự phát triển xã hội.

- Chính sách giải quyết một số vấn đề xã hội theo quan điểm: tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong

từng bước và trong suốt quá trình phát triển; khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xoá đói giảm nghèo. Thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, về mức sống giữa các vùng, các dân tộc, các tầng lớp dân cư; phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc "uống nước nhớ nguồn", "đền ơn đáp nghĩa", nhân hậu thuỷ chung.

- Tăng cường quốc phòng an ninh. Đại hội xác định nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh trong những năm tới là: phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, từng bước tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh của đất nước, xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân và thế trận an ninh nhân dân, nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang, bảo vệ vững chắc độc lập, an ninh, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa; ngăn ngừa và làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động gây mất ổn định chính trị xã hội, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, gây tổn hại cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

- Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hoá và đa dạng hoá các quan hệ đối ngoại với tinh thần Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển. Mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân, quan hệ với các tổ chức phi chính phủ, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của nhân dân các nước, góp phần thúc đẩy xu thế hoà bình, hợp tác, phát triển.

- Thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân.

- Tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo các quan điểm: xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; lấy liên minh công nông và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Về công tác xây dựng Đảng, Báo cáo Chính trị khẳng định, toàn bộ thành tựu và khuyết điểm của công cuộc đổi mới gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo và hoạt động của Đảng. Sự lãnh đạo và hoạt động của Đảng là một nhân tố quyết định tạo ra những thành tựu đổi mới.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, công tác xây dựng Đảng vẫn còn nổi lên một số vấn đề lớn như: sự tác động của cơ chế thị trường và hoạt động chống phá của kẻ thù làm một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng bản thân, phai nhạt lý tưởng, mất cảnh giác, giảm sút ý chí, kém ý thức tổ chức kỷ luật, sa đoạ về đạo đức lối sống, một số thoái hoá biến chất về chính trị; trình độ, kiến thức, năng lực lãnh đạo của Đảng có mặt chưa theo kịp yêu cầu của sự nghiệp đổi mới.

Để làm tốt vai trò lãnh đạo, Đảng phải tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao hơn nữa sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của mình, khắc phục các khuyết điểm, các biểu hiện tiêu cực và yếu kém. Đảng phải mạnh

từ Trung ương đến cơ sở, ở tất cả các cấp, các ngành. Trong công tác xây dựng Đảng phải thường xuyên nắm vững và quán triệt các nhiệm vụ sau: giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân; nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực cán bộ, đảng viên; kiện toàn hệ thống tổ chức của Đảng, thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, chú trọng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, chuẩn bị tốt đội ngũ cán bộ kế cận; nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Một vấn đề được nhấn mạnh trong các văn kiện Đại hội lần này là tăng cường và đổi mới công tác kiểm tra của Đảng.

Đại hội quyết định bổ sung và sửa đổi một số điểm cụ thể trong Điều lệ Đảng cho phù hợp với tình hình mới.

Đại hội đã thảo luận và thông qua Điều lệ Đảng (sửa đổi) và bầu Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII gồm có 170 đồng chí ủy viên chính thức là:

Đỗ Mười, Nguyễn Văn An, Lê Đức Anh, Đỗ Văn Ân, Võ Đông Ba, Nguyễn Bá, Nguyễn Đình Bin, Đào Đình Bình, Nguyễn Đức Bình, Nguyễn Mạnh Cầm, Nguyễn Văn Chi, Trần Thị Trung Chiến, Đặng Vũ Chư, Vũ Đình Cự, Võ Văn Cương, Phan Diễn, Nguyễn Cảnh Dinh, Nguyễn Thị Doan, Hồ Nghĩa Dũng, Nguyễn Tấn Dũng, Lê Văn Dũng, Phạm Thế Duyệt, Hà Quang Dự, Đỗ Bình Dương, Nguyễn Khắc Dương, Lê Văn Dỹ, Trần Văn Đăng, Nguyễn Văn Đăng, Nguyễn Khoa Điềm, Lư Văn Điền, Chamaléa Điêu, Lương Công Đoan, Trương Quang Được, Trần Xuân Giá, Nguyễn Bình Giang, Phạm Minh Hạc, Nguyễn Ngô Hai, Bùi Hữu Hải, Trần Mai Hạnh, Nguyễn Thị Hằng, Cù Thị Hậu, Nguyễn Minh Hiển, Nguyễn Huy Hiệu, Nguyễn Văn Hiệu, Trương Mĩ Hoa, Trần Hoà, Trần Đình Hoan, Nguyễn Đức Hoan, Trần Thị Minh Hoàng, Vũ Tuyên Hoàng, Đặng Thành Học, Hoàng Văn Hon, Nguyễn Thị Kim Hồng, Võ Nhân Huân, Bùi Văn Huấn, Vũ Quốc Hùng, Nguyễn Sinh Hùng, Phan Thế Hùng, Võ Đức Huy, Bùi Quang Huy, Lê Minh Hương, Đặng Hữu, Phan Văn Khải, Phạm Gia Khiêm, Hà Thị Khiết, Vũ Khoan, Đinh Hữu Khoá, Đoàn Khuê, Cao Sỹ Kiêm, Phan Trung Kiên, Đoàn Văn Kiển, Võ Văn Kiệt, Vũ Trọng Kim, Hoàng Kỳ, Vũ Ngọc Kỳ, Mai Thúc Lân, Đào Trọng Lịch, Mai Kiều Liên, Ngô Xuân Lộc, Trần Đức Lương, Bùi Danh Lưu, Nông Đức Mạnh, Vũ Mão, Nguyễn Ánh Minh, Nguyễn Thị Minh, Đặng Vũ Minh, Nguyễn Thị Xuân Mĩ, Đỗ Hoài Nam, Mai Văn Năm, Thái Phụng Nê, Phạm Thanh Ngân, Hoàng Đức Nghi, Phạm Quang Nghị, Hồ Tiến Nghị, Hoàng Văn Nghiên, Lê Huy Ngọ, Tạ Quang Ngọc, Trần Minh Ngọc, Võ Hồng Nhân, Nguyễn Dy Niên, Tráng A Pao, Nguyễn Tấn Phát, Lê Khả Phiêu, Phạm Thanh Phong, Tòng Thị Phóng, Lâm Phủ, Võ Hồng Phúc, Ksor Phước, Đỗ Nguyên Phương, Lò Văn Puốn, Trần Hồng Quân, Nguyễn Văn Quân, Nguyễn Duy Quý, Nguyễn Văn Rinh, Nguyễn Văn Rốp, Tô Huy Rứa, Chu Văn Rỵ, Trương Tấn Sang, Nguyễn Văn Son, Phạm Thị Sơn, Bùi Xuân Sơn, Đỗ Trung Tá, Nguyễn Công Tạn, Hoàng Tanh, Sôlây Tăng, Nguyễn Văn Tâm, Nông Hồng Thái, Tạ Hữu Thanh, Nguyễn Phúc

Thanh, Trần Thị Thanh Thanh, Tổ Tử Thanh, Võ Thị Thắng, Trương Công Thận, Đào Trọng Thi, Ngô Yên Thi, Nguyễn Hữu Thọ, Phạm Văn Thọ, Nguyễn Văn Thới, Nguyễn Thị Hoài Thu, Hoàng Thừa, Lê Thế Tiệm, Nguyễn Khánh Toàn, Tô Xuân Toàn, Phạm Văn Trà, Hà Mạnh Trí, Nguyễn Thi Trị, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Đức Triều, Đỗ Ngọc Trinh, Nguyễn Tấn Trịnh, Nguyễn Phú Trọng, Trương Vĩnh Trọng, Đinh Trung, Đỗ Quang Trung, Vũ Xuân Trường, Lê Văn Tu, Trần Văn Tuấn, Lê Xuân Tùng, Trương Đình Tuyển, Nguyễn Văn Tư, Nguyễn Đình Tứ, Nguyễn Thị Hồng Vân, Hồ Đức Việt, Hồng Vinh (Nguyễn Duy Lự), Trần Văn Vụ, Lê Danh Xương, Nguyễn Văn Yểu.

Hội nghị lần thứ nhất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) đã bầu Bộ Chính trị gồm 23 đồng chí:

Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt, Nông Đức Mạnh, Lê Khả Phiêu, Đoàn Khuê, Phan Văn Khải, Nguyễn Mạnh Cầm, Nguyễn Đức Bình, Nguyễn Văn An, Phạm Văn Trà, Trần Đức Lương, Nguyễn Thị Xuân Mĩ, Trương Tấn Sang, Lê Xuân Tùng, Lê Minh Hương, Nguyễn Đình Tứ, Phạm Thế Duyệt, Nguyễn Tấn Dũng, Phạm Thanh Ngân (bổ sung từ tháng 12-1997), Nguyễn Minh Triết (bổ sung từ tháng 12-1997), Phan Diễn (bổ sung từ tháng 12-1997), Nguyễn Phú Trọng (bổ sung từ tháng 12-1997). Đồng chí Đỗ Mười được bầu làm Tổng Bí thư. Từ tháng 12-1997, đồng chí Lê Khả Phiêu làm Tổng Bí thư.

Bộ Chính trị cử ra Thường vụ Bộ Chính trị gồm 7 đồng chí: Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt, Lê Khải Phiêu, Nguyễn Tấn Dũng, Nông Đức Mạnh (bổ sung từ tháng 1-1998, Phạm Thế Duyệt (bổ sung từ tháng 10-1998).

Cố vấn Ban Chấp hành trung ương Đảng: Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng "có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đánh dấu cột mốc phát triển mới trong tiến trình phát triển của cách mạng nước ta". Đại hội VIII của Đảng là Đại hội tiếp tục đổi mới vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. "Kết quả của Đại hội có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh dân tộc và tương lai đất nước vào lúc chúng ta sắp bước vào thế kỷ XXI".

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN IX CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (Từ ngày 19 đến 22 tháng 4-2001)

Đại hội diễn ra trong bối cảnh loài người đã kết thúc thế kỷ XX và bước sang thế kỷ XXI, trong bối cảnh dân tộc ta đứng trước những thời cơ lớn đan xen với nhiều thách thức lớn.

Khả năng duy trì hoà bình ổn định trên thế giới và khu vực cho phép chúng ta tập trung vào nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, đồng thời đòi hỏi phải đề cao cảnh giác, chủ động đối phó với các tình huống bất trắc, phức tạp có thể xảy ra.

Cách mạng khoa học và công nghệ, đặc biệt và công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tiếp tục có bước phát triển nhảy vọt, ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, thúc đẩy sự phát triển kinh tế tri thức, làm chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế và biến đổi sâu sắc các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tri thức và sở hữu trí tuệ có vai trò ngày càng quan trọng. Trình độ làm chủ thông tin, tri thức có ý nghĩa quyết định sự phát triển.

Toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ. Đây là xu thế khách quan, lôi cuốn các nước, bao trùm hầu hết các lĩnh vực, vừa thúc đẩy hợp tác, vừa tăng sức ép cạnh tranh và tuỳ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế. Quan hệ song phương, đa phương giữa các quốc gia ngày càng sâu rộng cả trong kinh tế, văn hoá và bảo vệ môi trường, phòng chống tội phạm, thiên tai và các đại dịch...

Tình hình đất nước ta sau 15 năm đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tạo thế và lực để thúc đẩy công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu. Bên cạnh đó, chúng ta còn phải đối phó với những thách thức: tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, chệch hướng xã hội chủ nghĩa, nạn tham nhũng quan liêu, "diễn biến hoà bình" do các thế lực thù địch gây ra.

Nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ mới là vấn đề có ý nghĩa sống còn của Đảng và nhân dân ta. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX diễn ra trong hoàn cảnh đó, nhằm hoạch định đường lối cho sự phát triển của đất nước trong những năm 2001- 2005 và 2005 - 2010.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng họp tại Hà Nội từ ngày 19 đến 22 tháng 4 năm 2001, với sự tham gia của 1.168 đại biểu là những

đảng viên ưu tú được bầu từ các đại hội đảng bộ trực thuộc, đại diện cho 2.479.719 đảng viên trong toàn Đảng.

Đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị đọc diễn văn khai mạc. Đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đọc Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII về các văn kiện trình Đại hội IX.

Đại hội IX của Đảng đã đánh giá về chặng đường 71 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam, tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, 15 năm đổi mới, 10 năm thực hiện chiến lược kinh tế - xã hội, rút ra những bài học kinh nghiệm của công cuộc đổi mới, từ đó phát triển và hoàn thiện đường lối, định ra chiến lược phát triển đất nước trong hai thập kỷ đầu của thế kỷ XXI. Đại hội IX có nhiệm vụ kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng, đề ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng ta ngang tầm với đòi hỏi của dân tộc trong thời kỳ mới; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng, bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới.

Báo cáo Chính trị "Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa" đã trình bày 10 vấn đề:

- Việt Nam trong thế kỷ XX và triển vọng trong thế kỷ XXI;

- Tình hình đất nước 5 năm qua và những bài học chủ yếu của 15 năm đổi mới;

- Về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta;

- Đường lối và chính sách phát triển kinh tế - xã hội;

- Phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;

- Tăng cường quốc phòng và an ninh;

- Mở rộng quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế;

- Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân;

- Đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế;

- Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đánh giá về nước ta trong thế kỷ XX, Đại hội IX khẳng định: Thế kỷ XX là thế kỷ của những biến đổi to lớn, thế kỷ đấu tranh oanh liệt giành lại độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thế kỷ của những chiến công và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại.

"Với những thắng lợi giành được trong thế kỷ XX, nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất

nước ta từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu đã bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá".

Về triển vọng trong thế kỷ XXI: Thế kỷ XXI sẽ tiếp tục có nhiều biến đổi, nhân dân ta có cả cơ hội lớn và thách thức lớn.

Về đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch của 5 năm (1996-2000), Báo cáo Chính trị khẳng định 5 nhóm thành tựu quan trọng sau: kinh tế tăng trưởng khá; văn hoá, xã hội có những tiến bộ; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện; tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định; quốc phòng và an ninh được tăng cường; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chú trọng; hệ thống chính trị được củng cố; quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng, hội nhập kinh tế quốc tế được tiến hành chủ động và đạt nhiều kết quả tốt.

Bên cạnh khẳng định những thành tựu đó, Đại hội IX đánh giá quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII còn bộc lộ những yếu kém, khuyết điểm: Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp; một số vấn đề văn hoá - xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết; cơ chế, chính sách không đồng bộ và chưa tạo động lực mạnh để phát triển; tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng.

Tổng kết 10 năm thực hiện "Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000". Đại hội đánh giá tổng quát: phần lớn các mục tiêu chủ yếu đề ra trong Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991-2000 đã được thực hiện. Nền kinh tế có bước phát triển mới về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và hội nhập kinh tế quốc tế; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt, văn hoá xã hội không ngừng tiến bộ; thế và lực của đất nước hơn hẳn 10 năm trước, khả năng độc lập tự chủ được nâng lên, tạo thêm điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Đại hội IX khẳng định những kinh nghiệm, bài học đổi mới mà các Đại hội VI, VII, VIII của Đảng đã đúc rút vẫn có giá trị lớn, nhất là các bài học chủ yếu sau:

Một là, trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hai là, đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo.

Ba là, đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Bốn là, đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới.

Đại hội xác định mô hình kinh tế tổng quát của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định

hướng xã hội chủ nghĩa; đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức, do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hoà các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân gắn với việc phát huy dân chủ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội ở tất cả các cấp, các ngành, thu hút trí tuệ và sức lực của toàn dân vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đường lối kinh tế của Đảng được Đại hội thông qua là: Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hoá, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh.

Cùng với lĩnh vực kinh tế, Đại hội IX đã xác định đường lối lãnh đạo đối với các lĩnh vực khác: "Phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"; "Tăng cường quốc phòng và an ninh"; "Mở rộng quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế"; "Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân"; "Đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế"; "Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng".

Đại hội khẳng định phải coi xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ then chốt, là yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Đảng ta, là nhân tố bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Đại hội IX đã hoạch định Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010 với mục tiêu tổng quát là: Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Đi đôi với hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010, Đại hội IX đã thông qua Phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm 2001-2005.

Đại hội đã thông qua Báo cáo Chính trị, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001-2010 và Phương hướng nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001-2005 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII trình Đại hội. Đại hội đã thông qua toàn văn Điều lệ Đảng bổ sung, sửa đổi.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương khoá IX gồm 150 đồng chí ủy viên là:

Nguyễn Văn An, Lê Hồng Anh, Lê Thị Bân, Trịnh Long Biên, Đào Đình Bình, Nguyễn Thái Bình, Nguyễn Văn Chi, Trần Thị Trung Chiến, Vũ Tiến Chiến, Nguyễn Văn Chiến, Hoàng Xuân Cừ, Nguyễn Quốc Cường, Phan Diễn, Nguyễn Thị Loan, Ngô Văn Thụ, Lê Văn Dũng, Hồ Nghĩa Dũng, Nguyễn Tấn Dũng, Đỗ Bình Dương, Mai Thế Dương, Huỳnh Đảm, Phan Tất Đạt, Nguyễn Văn Đẳng, Nguyễn Khoa Điềm, Chama Léa Điêu, Nguyễn Văn Được, Trương Quang Được, Lê Nam Giới, Hoàng Trung Hải, Lê Thanh Hải, Trần Mai Hạnh, Nguyễn Đức Hạt, Nguyễn Thị Hằng, Cù Thị Hậu, Hà Văn Hiền, Vũ Văn Hiền, Vũ Văn Hiến, Nguyễn Minh Hiển, Nguyễn Văn Hiện, Nguyễn Huy Hiệu, Trương Mĩ Hoa, Trần Hòa, Trần Đình Hoan, Hoàng Công Hoan, Hoàng Văn Hon, Nguyễn Thị Kim Hồng, Lê Doãn Hợp, Bùi Văn Huấn, Nguyễn Sinh Hùng, Vũ Quốc Hùng, Bùi Quang Huy, Bùi Quốc Huy, Võ Đức Huy, Đinh Thế Huynh, Lê Minh Hương, Nguyễn Văn Hưởng, Huỳnh Hữu Kha, Phan Văn Khải, Nguyễn Tuấn Khanh, Phạm Gia Khiêm, Hà Thị Khiết, Vũ Khoan, Nguyễn Đức Kiên, Phan Trung Kiên, Vũ Trọng Kim, Hoàng Kỳ, Vũ Ngọc Kỳ, Phạm Văn Long, Nguyễn Hữu Luật, Trần Đức Lương, Uông Chu Lưu, Hồ Xuân Mãn, Nông Đức Mạnh, Vũ Mão, Đặng Vũ Minh, Nguyễn Ánh Minh, Nguyễn Tuấn Minh, Đỗ Hoài Nam, Mai Văn Năm, Nguyễn Thị Kim Nhân, Hồ Tiến Nghị, Phạm Quang Nghị, Lê Hữu Nghĩa, Hoàng Văn Nghiên, Nguyễn Khắc Nghiên, Lê Huy Ngọ, Tạ Quang Ngọc, Nguyễn Duy Niên, Tráng A Pao, Nguyễn Tấn Phát, Hoàng Văn Phong, Tòng Thị Phóng, Phạm Đình Phú, Phùng Hữu Phú, Võ Hồng Phúc, Giàng Seo Phử, Ksor Phước, Đỗ Nguyên Phương, Lê Hoàng Quân, Hoàng Bình Quân, Nguyễn Hồng Quân, Nguyễn Văn Quân, Nguyễn Tấn Quyên, Trịnh Trọng Quyền, Nguyễn Văn Rinh, Tô Huy Rứa, Trương Tấn Sang, Nguyễn Văn Son, Khuất Hữu Sơn, Sơn Song Sơn, Đỗ Trung Tá, Lê Thanh Tâm, Lê Bình Thanh, Nguyễn Phúc Thanh, Phùng Quang Thanh, Quách Lê Thanh, Tạ Hữu Thanh, Nguyễn Thế Thảo, Dương Mạc Thăng, Võ Thị Thắng, Đào Trọng Thi, Phạm Văn Thọ, Nguyễn Thị Hoài Thu, Niê Thuật, Lê Đức Thúy, Lê Thế Tiệm, Bùi Sĩ Tiếu, Nguyễn Văn Tình, Ma Thanh Toàn, Nguyễn Khánh Toàn, Phạm Văn Trà, Hà Mạnh Trí, Nguyễn Thế Trị, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Đức Triều, Nguyễn Phú Trọng, Trương Vĩnh Trọng, Đỗ Quang Trung, Mai Thế Trung, Trần Văn Truyền, Mai Ái Trực, Trần Văn Tuấn, Phạm Minh Tuyên, Trương Đình Tuyển, Nguyễn Văn Tự, Y Vêng, Hồ Đức Việt, Lâm Chí Việt, Hồng Vinh (Nguyễn Duy Lự), Nguyễn Văn Yểu.

Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) đã bầu Bộ Chính trị gồm 15 đồng chí ủy viên:

Nông Đức Mạnh, Trần Đức Lương, Phan Văn Khải, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Tấn Dũng, Lê Minh Hương, Nguyễn Phú Trọng, Phan Diễn, Lê Hồng Anh, Trương Tấn Sang, Phạm Văn Trà, Nguyễn Văn An, Trương Quang Được, Trần Đình Hoan, Nguyễn Khoa Điềm.

Ban Bí thư Trung ương Đảng gồm 9 đồng chí:

Nông Đức Mạnh, Nguyễn Văn An, Lê Hồng Anh, Trần Đình Hoan, Nguyễn Khoa Điềm, Lê Văn Dũng, Tòng Thị Phóng, Trương Vĩnh Trọng, Vũ Khoan. Đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đại hội IX của Đảng có ý nghĩa trọng đại mở đường cho đất nước ta nắm lấy cơ hội, vượt qua thách thức tiến vào thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới, thực hiện mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Bản sao lưu trữ

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (Từ ngày 18 đến 25 tháng 4-2006)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam - Đại hội của trí tuệ, đổi mới, đoàn kết và phát triển bền vững - họp từ ngày 18-4-2006 đến ngày 25-4-2006 tại Thủ đô Hà Nội. Dự Đại hội có 1.176 đại biểu thay mặt cho hơn 3,1 triệu đảng viên trong toàn Đảng. Trong đó có 144 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX, 1023 đại biểu được bầu cử từ đại hội các Đảng bộ trực thuộc Trung ương và 9 đại biểu của Đảng bộ ngoài nước do Trung ương chỉ định theo quy định của Điều lệ Đảng.

Dự Đại hội có các đại biểu khách mời: đồng chí Đỗ Mười, Đồng chí Lê Khả Phiêu, nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng; đồng chí Lê Đức Anh, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đồng chí Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam và các đồng chí nguyên Uỷ viên Bộ Chính trị, Nguyên Bí thư Trung ương Đảng; các đồng chí nguyên Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ các khoá; các đồng chí nguyên Ủy viên Trung ương Đảng các khoá II, III, IV; các đồng chí Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương khoá IX; đại biểu các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; các nhân sĩ trí thức; đại biểu các tôn giáo; đại biểu thanh niên tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam.

Đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thay mặt Đoàn Chủ tịch đọc Diễn văn khai mạc Đại hội. Diễn văn nhấn mạnh: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra trong thời điểm lịch sử có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Sự nghiệp đổi mới trên đất nước ta đã trải qua 20 năm. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vừa kết thúc 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, cũng là 5 năm đầu tiên của thế kỷ XXI. Nhìn khái quát 20 năm đổi mới chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử, đã đưa lại cho đất nước ta một sự thay đổi cơ bản, toàn diện, làm cho thế và lực, uy tín quốc tế của nước ta tăng lên nhiều so với trước.

Đại hội X của Đảng có nhiệm vụ nhìn thẳng vào sự thật để kiểm điểm, đánh giá khách quan, toàn diện thành tựu và những yếu kém, khuyết điểm,

đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm qua việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 5 năm (2001-2005), chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001-2010) và nhìn lại 20 năm đổi mới; từ đó tiếp tục phát triển và hoàn thiện đường lối, quan điểm, định ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm tới (2006-2010); phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng; bổ sung sửa đổi một số điểm trong Điều lệ Đảng; bầu Ban Chấp hành Trung ương khoá X.

Đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng đọc báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về các văn kiện trình Đại hội X.

Đồng chí Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị; Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng đọc Báo cáo Kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X gồm 160 Ủy viên chính thức và 21 Ủy viên dự khuyết. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X đã bầu Bộ Chính trị gồm 14 đồng chí, Ban Bí thư Trung ương Đảng gồm 8 đồng chí. Đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu lại làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X. Đồng chí Nguyễn Văn Chi, Ủy viên Bộ Chính trị được bầu làm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng khoá X.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã quyết định:

- Thông qua Báo cáo Chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010 và Báo cáo về công tác xây dựng Đảng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX trình Đại hội; giao Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X căn cứ vào kết quả biểu quyết và những kết luận của Đại hội để hoàn chỉnh và chính thức ban hành.

- Thông qua toàn văn Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đã được bổ sung, sửa đổi.

- Giao Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X và các cấp ủy, tổ chức đảng xây dựng chương trình và kế hoạch hành động cụ thể để tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối và những chủ trương đã nêu trong các văn kiện Đại hội.

Đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X đọc diễn văn bế mạc Đại hội đã nhấn mạnh: Thành công của Đại hội X của Đảng cổ vũ mạnh mẽ toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta tiến lên tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ hơn, phát triển với tốc độ nhanh hơn và bền vững hơn. Đại hội chân thành cảm ơn các Đảng Cộng sản và công nhân, các Đảng cầm quyền của các nước, các tổ chức quốc tế đã gửi thiệp chúc mừng đến Đại hội.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương khoá X gồm 160 đồng chí ủy viên chính thức là:

Hoàng Tuấn Anh, Lê Hồng Anh, Lê Thị Thu Ba, Lê Thị Bân, Huỳnh Văn Be, Trịnh Long Biên, Nguyễn Thái Bình, Trương Hoà Bình, Võ Thanh Bình, Đào Xuân Cần, Nguyễn Văn Chi, Nguyễn Văn Chiền, Võ Minh Chiến, Vũ Tiến Chiến, Phạm Thị Hải Chuyền, Trần Thị Kim Cúc, Nguyễn Thành Cung, Hoàng Xuân Cừ, Đinh Văn Cương, Hà Hùng Cường, Nguyễn Quốc Cường, Nguyễn Thị Doan, Ngô Văn Dụ, Đào Ngọc Dung, Bùi Tiến Dũng, Hồ Nghĩa Dũng, Lê Văn Dũng, Nguyễn Tấn Dũng, Trịnh Đình Dũng, Mai Thế Dương, Huỳnh Đảm, Trần Đình Đàn, Chu Văn Đạt, Phan Tấn Đạt, Nguyễn Văn Đẳng, Huỳnh Minh Đoàn, Nguyễn Văn Được, Nguyễn Văn Giầu, Vũ Hoàng Hà, Hoàng Trung Hải, Lê Thanh Hải, Trần Lưu Hải, Nguyễn Đức Hạt, Trần Văn Hằng, Hà Văn Hiền, Vũ Văn Hiền, Nguyễn Văn Hiến, Vũ Văn Hiến, Phùng Quốc Hiển, Nguyễn Văn Hiện, Đặng Văn Hiếu, Nguyễn Huy Hiệu, Nguyễn Thị Thanh Hoà, Phương Minh Hoà, Vũ Ngọc Hoàng, Vũ Huy Hoàng, Lê Doãn Hợp, Bùi Văn Huấn, Vương Đình Huệ, Đinh Văn Hùng, Nguyễn Sinh Hùng, Phạm Xuân Hùng, Võ Đức Huy, Đinh Thế Huynh, Nguyễn Tấn Hưng, Nguyễn Văn Hưởng, Nguyễn Tuấn Khanh, Trương Quang Khánh, Phạm Gia Khiêm, Hà Thị Khiết, Nguyễn Đức Kiên, Phan Trung Kiên, Vũ Trọng Kim, Ngô Xuân Lịch, Đào Tấn Lộc, Nguyễn Văn Lợi, Uông Chu Lưu, Trương Thị Mai, Hồ Xuân Mãn, Vi Văn Mạn, Nông Đức Mạnh, Đặng Vũ Minh, Nguyễn Tấn Minh, Đỗ Hoài Nam, Mai Văn Năm, Nguyễn Thị Kim Ngân, Phạm Quang Nghị, Lê Hữu Nghĩa, Nguyễn Khắc Nghiên, Phạm Khôi Nguyên, Huỳnh Thị Nhân, Nguyễn Thiện Nhân, Hoàng Minh Nhất, Hà Sơn Nhin, Vũ Văn Ninh, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Đình Phách, Cao Đức Phát, Mai Quang Phấn, Hoàng Văn Phong, Tòng Thị Phóng, Phùng Hữu Phú, Lê Hữu Phúc, Nguyễn Xuân Phúc, Võ Hồng Phúc, Giàng Seo Phử, Ksor Phước, Nguyễn Minh Quang, Nguyễn Phong Quang, Trần Đại Quang, Hoàng Bình Quân, Lê Hoàng Quân, Nguyễn Việt Quân, Nguyễn Hồng Quân, Nguyễn Tấn Quyên, Bùi Thanh Quyến, Nguyễn Văn Quynh, Tô Huy Rứa, Trương Tấn Sang, Trương Văn Sáu, Nguyễn Bắc Son, Nguyễn Văn Son, Huỳnh Ngọc Sơn, Sơn Song Sơn, Thào Xuân Sùng, Tạ Ngọc Tấn, Nguyễn Bá Thanh, Phùng Quang Thanh, Trần Đình Thành, Nguyễn Thế Thảo, Đinh La Thăng, Đào Trọng Thi, Phạm Văn Thọ, Nguyễn Văn Thuận, Niê Thuật, Lê Đức Thúy, Lê Thế Tiệm, Trương Văn Tiếp, Nguyễn Khánh Toàn, Huỳnh Phong Tranh, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Quốc Triệu, Nguyễn Phú Trọng, Trương Vĩnh Trọng, Mai Thế Trung, Nguyễn Thế Trung, Trần Văn Truyền, Trần Văn Tuấn, Trương Quốc Tuấn, Đặng Ngọc Tùng, Phạm Minh Tuyên, Nguyễn Văn Tự, Huỳnh Văn Tý, Đỗ Bá Tỵ, Y Vêng, Hồ Đức Việt, Nguyễn Hoàng Việt, Bùi Quang Vinh, Ngô Đức Vượng, Trần Quốc Vượng.

21 đồng chí ủy viên dự khuyết gồm:

Phan Thanh Bình, Đỗ Văn Chiến, Mai Văn Chính, Phạm Biên Cương, Phan Xuân Dũng, Võ Văn Dũng, Vũ Đức Đam, Bùi Thị Minh Hoài, Điểu Kré, Hầu A Lềnh, Nguyễn Hồng Lĩnh, Trần Thanh Mẫn, Phạm Bình Minh,

Võ Văn Phuông, Nguyễn Xuân Quang, Nguyễn Thanh Sơn, Đặng Thị Ngọc Thịnh, Võ Văn Thưởng, Nguyễn Thị Kim Tiến, Trần Cẩm Tú, Triệu Tài Vinh.

Bộ Chính trị khóa X gồm 15 đồng chí:

Nông Đức Mạnh; Lê Hồng Anh; Nguyễn Tấn Dũng; Nguyễn Minh Triết; Trương Tấn Sang; Nguyễn Phú Trọng; Phạm Gia Khiêm; Phùng Quang Thanh; Trương Vĩnh Trọng; Lê Thanh Hải; Nguyễn Sinh Hùng; Nguyễn Văn Chi; Hồ Đức Việt; Phạm Quang Nghị, Tô Huy Rứa.

Ban Bí thư khóa X gồm 8 đồng chí:

Nông Đức Mạnh; Trương Tấn Sang; Trương Vĩnh Trọng; Nguyễn Văn Chi; Phạm Quang Nghị; Lê Văn Dũng; Tòng Thị Phóng; Tô Huy Rứa.

Đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu lại làm Tổng Bí thư.

Ủy ban kiểm tra Trung ương gồm 13 đồng chí:

Nguyễn Văn Chi: Chủ nhiệm Uỷ ban Kiểm tra Trung ương; Nguyễn Thị Doan; Phạm Thị Hải Chuyền; Trần Hoà; Phạm Chí Hoà; Phạm Thị Hoè; Lê Hồng Liêm; Lê Văn Giảng; Nguyễn Văn Đảm; Sa Như Hoà; Nguyễn Minh Quang; Bùi Văn Thể; Tô Quang Thu.

Bản sao lưu trữ

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (Từ ngày 12 đến 19 tháng 1 năm 2011)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam họp từ ngày 12 đến 19/1/2011, tại Trung tâm Hội nghị quốc gia Mỹ Đình, Thủ đô Hà Nội. Chủ đề của Đại hội là: "Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại".

Tổng số đại biểu tham dự Đại hội XI là 1377 đại biểu, thay mặt cho hơn 3,6 triệu đảng viên trong cả nước, trong đó có: 158 đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng chính thức và 20 đồng chí là Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, 1.188 đại biểu được bầu tại các đại hội đảng bộ trực thuộc Trung ương, 11 đại biểu ở Đảng bộ ngoài nước do Bộ Chính trị chỉ định.

Trong 1377 đại biểu có 150 đại biểu là nữ, chiếm 10,89%; 167 đại biểu là người dân tộc thiểu số, chiếm 12,13%; 196 đại biểu là sĩ quan trong lực lượng vũ trang (Quân đội, Công an), chiếm 14,23%; 13 đại biểu là Anh hùng lực lượng vũ trang, chiếm 0,94% và 3 đại biểu là Anh hùng lao động, chiếm 0,22%; 18 đại biểu là Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, chiếm 1,31%, 7 đại biểu là Thầy thuốc nhân dân và Thầy thuốc ưu tú, chiếm 0,51%.

Dự Đại hội còn có các đại biểu khách mời: đồng chí Đỗ Mười và đồng chí Lê Khả Phiêu, nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng; đồng chí Lê Đức Anh và đồng chí Trần Đức Lương, nguyên Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đồng chí Phan Văn Khải, nguyên Thủ tướng Chính phủ; đồng chí Nguyễn Văn An, nguyên Chủ tịch Quốc hội; các đồng chí nguyên Ủy viên Bộ Chính trị; nguyên Bí thư Trung ương Đảng; nguyên Phó Chủ tịch nước, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ; các đồng chí nguyên Ủy viên Trung ương Đảng các khóa II, III, IV, V; các đồng chí Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X; đại diện các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; cùng các đại biểu nhân sĩ, trí thức; đại biểu các tôn giáo; đại biểu thanh niên tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam.

Đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thay mặt Đoàn Chủ tịch đọc Diễn văn khai mạc Đại hội. Diễn văn nhấn mạnh: "Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng ta diễn ra trong một thời điểm có ý nghĩa rất quan

trọng. Sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước đã trải qua 25 năm. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã được thực hiện 20 năm. 5 năm qua (2006 - 2010), toàn dân và toàn quân ta đã nỗ lực phấn đấu đạt được những thành tựu quan trọng, đáng tự hào. Chúng ta đã thực hiện thành công chặng đường đầu của công cuộc đổi mới, đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển, đời sống nhân dân có nhiều thay đổi tích cực, sức mạnh quốc gia về mọi mặt được tăng cường, độc lập, tự chủ và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững, vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao, tạo tiền đề để nước ta tiếp tục phát triển mạnh mẽ và bền vững hơn trong giai đoạn mới".

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng có nhiệm vụ nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật, đề cao tinh thần tự phê bình nghiêm túc, để kiểm điểm, đánh giá khách quan, toàn diện những thành tựu và yếu kém, khuyết điểm, đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm qua việc thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2006 - 2010), tổng kết Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó, Đại hội quyết định việc bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991; xác định Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020); đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ 5 năm (2011 - 2015).

Ban Chấp hành Trung ương đã trình Đại hội các văn kiện: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011); Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020; Báo cáo chính trị; Báo cáo một số vấn đề về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng và Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X.*

Đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng đọc Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về các văn kiện trình Đại hội XI của Đảng. Báo cáo đã đưa ra đánh giá về những thành tựu, hạn chế trong quá trình 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, đồng thời rút ra một số kinh nghiệm từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội X. Đồng thời, Báo cáo cũng phân tích một số vấn đề trọng yếu khác như: phát triển văn hoá, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, tăng cường quốc phòng - an ninh, mở rộng hoạt động đối ngoại, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc...

Trên cơ sở các văn kiện được trình tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Ban Chấp hành Trung ương đã nhất trí thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011),* trong đó đặc biệt nhấn mạnh mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của

chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hoá phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Từ nay đến giữa thế kỷ thứ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, Cương lĩnh cũng đưa ra những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... Ban Chấp hành Trung ương khẳng định: Cương lĩnh này là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng hiện nay và trong những thập kỷ tới. Thực hiện thắng lợi Cương lĩnh này, nước nhà nhất định trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh.

Về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 – 2020, Đại hội Đảng lần thứ XI đã quyết định mục tiêu tổng quát của Chiến lược là: Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau.

Nhằm thực hiện tốt mục tiêu đề ra, Đại hội đã nhất trí thông qua những định hướng phát triển được nêu ra trong Chiến lược như: hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; phát triển mạnh công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh, tạo nền tảng cho một nước công nghiệp; phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững; phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ có giá trị cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh; phát triển nhanh kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông...

Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011–2015, Ban Chấp hành Trung ương đã xác định mục tiêu tổng quát trong 5 năm tới là: *"Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; phát triển kinh tế nhanh, bền vững; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; tăng cường hoạt động đối ngoại; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại".*

Về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, Ban Chấp hành Trung ương đề nghị kiên định các nguyên tắc cơ bản về Đảng, xây dựng Đảng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; đồng thời xem xét những vấn đề đã chín muồi, đã rõ, căn cứ kết quả tổng kết 20 năm thực hiện *Cương*

lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, một số nghị quyết Trung ương *về xây dựng Đảng,* quy định *về thi hành Điều lệ Đảng để bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã nghe Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X. Báo cáo nêu rõ: năm năm qua, Ban Chấp hành Trung ương đã lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, thử thách đạt được những thành tựu quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội X đã đề ra, nhưng đồng thời cũng còn những hạn chế, khuyết điểm cần được khắc phục. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã nghiêm túc tự phê bình trước toàn Đảng về những khuyết điểm, thiếu sót còn tồn tại, đồng thời rút ra một số kinh nghiệm từ công tác lãnh đạo trong nhiệm kỳ Đại hội X.

Ban Chấp hành Trung ương khoá X tin tưởng chắc chắn rằng những ưu điểm, kinh nghiệm trong nhiệm kỳ qua sẽ được Ban Chấp hành Trung ương khoá XI kế thừa và phát triển, đồng thời cũng sẽ khắc phục được những khuyết điểm, yếu kém để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Ban Chấp hành Trung ương, tiếp tục lãnh đạo đưa sự nghiệp đổi mới đất nước vững bước tiến lên trong những năm tới, xứng đáng với sự tin cậy và giao phó của toàn Đảng, toàn dân ta.

Về vấn đề nhân sự, Ban Chấp hành Trung ương khoá XI, các đại biểu về dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đều nhất trí rằng: Ban chấp hành Trung ương mới cần hội đủ các nhân tố để gánh vác vận mệnh đất nước, chèo lái con thuyền Việt Nam tiến ra biển lớn. Ban Chấp hành Trung ương mới gồm những đảng viên ưu tú nhất trong 3,6 triệu đảng viên, thể hiện qua việc giải quyết các vấn đề nóng bỏng của đất nước, của nhân dân, trong đối nội và đối ngoại, trong các tình thế bình thường và đột xuất, thuận và nghịch về chính trị, kinh tế, xã hội, môi trường...

Đồng thời, Đại hội cũng nhấn mạnh đến những tiêu chí đã được Đảng đặt ra khi chuẩn bị nhân sự: những con người ưu tú ấy phải là những người có tâm, có tầm, có tư duy đổi mới, có khát vọng, có "lửa" để luôn sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Theo dự kiến, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI sẽ có ba độ tuổi, trong đó tăng tỷ lệ trẻ, tỷ lệ nữ, tỷ lệ cán bộ người dân tộc, tỷ lệ cán bộ khoa học. Cụ thể, Trung ương cố gắng phấn đấu là phải trên 20% dưới 50 tuổi, trên 10% cán bộ nữ. Số Ủy viên Trung ương mới không dưới 1/3, số dư để bầu tối thiểu là 15%.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI gồm 175 đồng chí Ủy viên chính thức và 25 đồng chí Ủy viên dự khuyết. 9/15 Ủy viên Bộ Chính trị khóa X tái đắc cử Ban Chấp hành Trung ương khóa XI. Trong số 175 Ủy viên chính thức có 72 đồng chí lần đầu tiên tham gia Ban Chấp hành Trung ương, 16 đồng chí từng là Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương khóa X. Trong số ủy viên chính thức có 14 đồng chí là nữ; Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương nhiều tuổi

nhất là đồng chí Nguyễn Phú Trọng (67 tuổi) - Chủ tịch Quốc hội và Ủy viên chính thức ít tuổi nhất là đồng chí Võ Văn Thưởng (41 tuổi) - Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn. 100% các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đều có trình độ từ đại học trở lên.

Tại Hội nghị Trung ương lần thứ nhất, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã bầu Bộ Chính trị gồm 14 Ủy viên, Ban Bí thư gồm 4 ủy viên, bầu Ủy ban Kiểm tra Trung ương gồm 21 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng được Đại hội bầu giữ chức Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI. Đồng chí Ngô Văn Dụ được bầu làm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Sau 9 ngày làm việc nghiêm túc, khẩn trương, dân chủ, với ý thức trách nhiệm cao trước Đảng và nhân dân, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã hoàn thành toàn bộ chương trình đề ra và thành công tốt đẹp. Đại hội đã thảo luận sôi nổi, dân chủ và nhất trí thông qua các văn kiện rất quan trọng, có ý nghĩa chiến lược, lâu dài đối với sự phát triển của đất nước ta: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011), *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 – 2020; phương hướng, nhiệm vụ năm 2011 - 2015* và *Điều lệ Đảng* (bổ sung, sửa đổi).

Phát biểu bế mạc Đại hội, đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: "Thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng tạo nên sức mạnh cổ vũ to lớn toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vượt lên mọi khó khăn, thách thức, tranh thủ cơ hội mới, phấn đấu vì mục tiêu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại".

Danh sách 175 đồng chí ủy viên chính thức là:

Hoàng Tuấn Anh, Lê Hồng Anh, Lê Thị Thu Ba, Hà Ban, Bùi Quang Bền, Dương Thanh Bình, Nguyễn Hoà Bình, Nguyễn Thái Bình, Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Văn Bình, Phan Thanh Bình, Trương Hoà Bình, Lương Ngọc Bính, Huỳnh Minh Chắc, Lê Chiêm, Đỗ Văn Chiến, Hà Ngọc Chiến, Võ Minh Chiến, Mai Văn Chính, Phạm Minh Chính, Phạm Thị Hải Chuyền, Nguyễn Thành Cung, Đinh Văn Cương, Hà Hùng Cường, Lương Cường, Nguyễn Quốc Cường, Nguyễn Xuân Cường, Nguyễn Thị Doan, Ngô Văn Dụ, Đào Ngọc Dung, Đinh Tiến Dũng, Mai Tiến Dũng, Nguyễn Chí Dũng, Nguyễn Tấn Dũng, Phan Xuân Dũng, Trần Trí Dũng, Trịnh Đình Dũng, Võ Văn Dũng, Mai Thế Dương, Vũ Đức Đam, Trần Đơn, Lê Hữu Đức, Phạm Xuân Đương, Lò Văn Giàng, Nguyễn Văn Giàu, Nguyễn Thị Thu Hà, Phạm Hồng Hà, Hoàng Trung Hải, Lê Thanh Hải, Nguyễn Đức Hải, Trần Lưu Hải, Trần Văn Hằng, Phùng Quốc Hiển, Nguyễn Văn Hiến, Đặng Văn Hiếu, Dương Đức Hoà, Nguyễn Thị Thanh Hoà, Phương Minh Hoà, Bùi Thị Minh Hoài, Vũ Huy Hoàng, Vũ Ngọc Hoàng, Vương Đình Huệ, Nguyễn Sinh Hùng, Phạm Xuân Hùng, Trần Quốc Huy, Đinh Thế Huynh, Nguyễn Tấn Hưng, Thuận Hữu, Nguyễn Tuấn Khanh, Nguyễn Doãn Khánh, Trương Quang Khánh, Hà Thị Khiết, Phùng Thanh Kiểm, Vũ Trọng Kim, Tô Lâm, Ngô

Xuân Lịch, Đào Tấn Lộc, Phạm Vũ Luận, Uông Chu Lưu, Trương Thị Mai, Trần Thanh Mẫn, Châu Văn Minh, Nguyễn Tuấn Minh, Phạm Bình Minh, Trần Bình Minh, Trần Văn Minh, Bùi Văn Nam, Nguyễn Phương Nam, Nguyễn Văn Nên, Nguyễn Thị Kim Ngân, Phạm Quang Nghị, Trương Quang Nghĩa, Phạm Quý Ngọ, Hồ Mẫu Ngoạt, Trần Thế Ngọc, Nguyễn Thiện Nhân, Hà Sơn Nhin, Mai Văn Ninh, Vũ Văn Ninh, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Đình Phách, Cao Đức Phát, Mai Quang Phấn, Nguyễn Thành Phong, Tòng Thị Phóng, Lê Hữu Phúc, Nguyễn Hạnh Phúc, Nguyễn Xuân Phúc, Võ Văn Phuông, Giàng Seo Phử, Ksor Phước, Lê Thanh Quang, Nguyễn Minh Quang, Trần Đại Quang, Hoàng Bình Quân, Lê Hoàng Quân, Nguyễn Quân, Nguyễn Tấn Quyên, Bùi Thanh Quyến, Nguyễn Văn Quynh, Tô Huy Rứa, Trương Tấn Sang, Phan Văn Sáu, Nguyễn Bắc Son, Hồ Xuân Sơn, Huỳnh Ngọc Sơn, Nguyễn Thanh Sơn, Thào Xuân Sùng, Lê Vĩnh Tân, Tạ Ngọc Tấn, Ngô Thị Doãn Thanh, Nguyễn Bá Thanh, Phùng Quang Thanh, Nguyễn Văn Thành, Trần Đình Thành, Nguyễn Thế Thảo, Đinh La Thăng, Nguyễn Xuân Thắng, Sơn Minh Thắng, Đào Trọng Thi, Nguyễn Ngọc Thiện, Nguyễn Văn Thiện, Đặng Thị Ngọc Thịnh, Nguyễn Văn Thông, Niê Thuật, Võ Văn Thưởng, Huỳnh Văn Tí, Nguyễn Thị Kim Tiến, Nguyễn Xuân Tiến, Bùi Văn Tỉnh, Phan Đình Trạc, Huỳnh Phong Tranh, Lò Mai Trinh, Nguyễn Phú Trọng, Đào Việt Trung, Mai Thế Trung, Nguyễn Thế Trung, Võ Tiến Trung, Mai Trực, Bế Xuân Trường, Trần Cẩm Tú, Nông Quốc Tuấn, Đặng Ngọc Tùng, Trần Văn Tuý, Đỗ Bá Tỵ, Nguyễn Hữu Vạn, Nguyễn Sáng Vang, Nguyễn Hoàng Việt, Võ Trọng Việt, Bùi Quang Vinh, Triệu Tài Vinh, Nguyễn Chí Vịnh, Phạm Văn Vọng, Lê Quý Vương, Trần Quốc Vượng.

Và 25 đồng chí ủy viên dự khuyết gồm:

Chu Ngọc Anh, Nguyễn Xuân Anh, Tất Thành Cang, Nguyễn Tân Cương, Bùi Văn Cường, Nguyễn Phú Cường, Nguyễn Công Định, Trần Hồng Hà, Ngô Đông Hải, Điểu Kré, Hầu A Lềnh, Bh'Riu Liếc, Nguyễn Hồng Lĩnh, Lâm Văn Mẫn, Phạm Hoài Nam, Nguyễn Thanh Nghị, Phùng Xuân Nhạ, Trần Lưu Quang, Nguyễn Thị Thanh, Trần Sỹ Thanh, Nguyễn Văn Thể, Nguyễn Khắc Toàn, Nguyễn Thị Tuyến, Nguyễn Đắc Vinh, Võ Thị Ánh Xuân.

Bộ Chính trị, gồm 14 đồng chí:

1. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Bộ Chính trị khoá VIII, IX, X

2. Đồng chí Trương Tấn Sang Thường trực Ban Bí thư; Ủy viên Bộ Chính trị khoá VIII, IX, X

3. Đồng chí Phùng Quang Thanh Bộ trưởng Quốc phòng; Ủy viên Bộ Chính trị khóa X

4. Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng Thủ tướng, Ủy viên Bộ Chính trị khoá VIII, IX, X

5. Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng Phó Thủ tướng, Ủy viên Bộ Chính trị khóa X

6. Đồng chí Lê Hồng Anh Bộ trưởng Công an, Ủy viên Bộ Chính trị khóa IX, X

7. Đồng chí Lê Thanh Hải Bí thư Thành ủy TP HCM, Ủy viên Bộ Chính trị khoá X

8. Đồng chí Tô Huy Rứa Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị khoá X

9. Đồng chí Phạm Quang Nghị Bí thư Thành ủy Hà Nội, Ủy viên Bộ Chính trị khóa X

10. Đồng chí Trần Đại Quang Thứ trưởng Bộ Công an

11. Đồng chí Tòng Thị Phóng Phó Chủ tịch Quốc hội

12. Đồng chí Ngô Văn Dụ Chánh Văn phòng Trung ương Đảng

13. Đồng chí Đinh Thế Huynh Tổng Biên tập báo Nhân Dân, Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam

14. Đồng chí Nguyễn Xuân Phúc Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ

Tổng Bí thư: đồng chí Nguyễn Phú Trọng

Ban Bí thư, gồm 4 đồng chí: Bộ Chính trị sẽ cử một số đồng chí trong Bộ Chính trị tham gia Ban Bí thư; Ban Chấp hành Trung ương bầu các đồng chí sau: Ngô Xuân Lịch, Trương Hòa Bình, Hà Thị Khiết, Nguyễn Thị Kim Ngân.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương, gồm 21 đồng chí: Mai Thế Dương, Sa Như Hoà, Ngô Văn Dụ, Trần Cẩm Tú, Mai Trực, Nguyễn Công Học, Bùi Thị Minh Hoài, Nguyễn Văn Đản, Nguyễn Tấn Quyên, Phạm Thị Hoè, Phạm Thị Hải Chuyền, Nguyễn Đình Phách, Trần Sĩ Thanh, Nguyễn Minh Quang, Nguyễn Công Ngọ, Tô Quang Thu, Lê Hồng Liêm, Nguyễn Văn Sửu, Nguyễn Thị Bích Ngà, Hoàng Văn Trà, Nguyễn Văn Hỷ.

Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XI: Đồng chí Ngô Văn Dụ

Phần thứ sáu.

HỎI - ĐÁP NHỮNG VẤN ĐỀ CĂN BẢN VỀ ĐẢNG & CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Bản sao lưu trữ

Bản sao lưu trữ

CHƯƠNG I.
VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Câu hỏi: Đảng lãnh đạo Hệ thống chính trị bằng cách nào và làm thế nào bảo đảm được sự lãnh đạo đó?

Trả lời:

Sự lãnh đạo của Đảng được thể hiện bằng phương thức:

a. "Đảng lãnh đạo Nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội bằng Cương lĩnh chính trị, chiến lược, chính sách, chủ trương; bằng công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ và kiểm tra, giám sát việc thực hiện".

b. "Đảng giới thiện cán bộ đủ tiêu chuẩn để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào cơ quan Nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội".

e. "Tổ chức Đảng và đảng viên công tác trong cơ quan Nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội phải chấp hành nghiêm nghị quyết, chỉ thị của Đảng; tổ chức Đảng lãnh đạo việc cụ thể hoá thành các văn bản pháp luật của Nhà nước, chủ trương của đoàn thể; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả" (Điều 41, Điều lệ Đảng).

Tóm lại, Đảng ta là Đảng cầm quyền, Đảng đề ra đường lối, chính sách xây dựng và bảo vệ đất nước; nắm vững tổ chức và cán bộ để bảo đảm thực hiện có kết quả đường lối của Đảng. Đảng lãnh đạo theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; lãnh đạo thông qua tổ chức Đảng chứ không chỉ thông qua cá nhân đảng viên; lãnh đạo bằng các quyết định của tập thể và bằng cách theo dõi, cho ý kiến chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện, khuyến khích những mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc, nhằm phát huy mạnh mẽ vai trò và hiệu lực của Nhà nước, không điều hành thay Nhà nước.

Để đảm đương được vai trò lãnh đạo:

Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo. Giữ vững truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, bảo đảm đầy đủ dân chủ và kỷ luật trong sinh hoạt Đảng. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội và mọi hành động chia rẽ, bè phái. Đảng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, có phẩm chất, năng lực, có sức chiến đấu cao. Đảng quan

tâm bồi dưỡng, đào tạo lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân.

"Để làm tròn nhiệm vụ trước dân tộc trong thời kỳ mới, yêu cầu vừa cơ bản, vừa cấp bách đối với Đảng ta là phải tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng luôn luôn trong sạch và vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, về phẩm chất đạo đức, trí tuệ, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu; phát huy ưu điểm và nhân tố mới, kiên quyết sửa chữa khuyết điểm và đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các tiêu cực nhất là tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh từ chi bộ, cơ sở. Đó là yếu tố quyết định thành công của quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và là yếu tố sống còn đối với Đảng" (do đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đọc: Diễn văn bế mạc Đại hội lần thứ IX của Đảng).

Câu hỏi: Xây dựng Đảng về chính trị và tư tưởng bao gồm những nội dung gì?

Trả lời:

Đại hội VIII của Đảng phân tích rõ những nội dung xây dựng Đảng về chính trị và tư tưởng, đó là nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực của cán bộ, đảng viên. Điều hết sức quan trọng là phải coi trọng việc giáo dục lý tưởng, đường lối, chính sách, đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch của đội ngũ cán bộ, đảng viên; kiên quyết đấu tranh với tệ quan liêu, xa rời nhân dân, tham nhũng, tha hoá ở trong Đảng và trong các cơ quan Nhà nước; củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng và dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng.

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, đẩy mạnh công tác lý luận, cụ thể hoá và phát triển các quan điểm, đường lối của Đảng, các vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, những kiến thức mới, từng bước xác định rõ thêm con đường và giải pháp đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, bảo đảm sự thống nhất về chính trị và tư tưởng trong toàn Đảng, xây dựng cho cán bộ, đảng viên niềm tin và ý chí kiên định lý tưởng cách mạng, kiên định mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; khắc phục bệnh bảo thủ, giáo điều, đồng thời kiên quyết phê phán những quan điểm cơ hội, xét lại, khuynh hướng phủ nhận quá khứ tốt đẹp của Đảng và của dân tộc, muốn đưa đất nước đi chệch con đường xã hội chủ nghĩa.

Công tác lý luận trước hết hướng vào những vấn đề cuộc sống cần giải đáp, làm rõ căn cứ khoa học của các giải pháp, dự báo các xu hướng phát triển, góp phần bổ sung, hoàn thiện đường lối của Đảng; thường xuyên bồi dưỡng cán bộ, đảng viên về lý luận, quan điểm và đường lối; thông tin trung thực và phân tích sâu sắc những nhân tố mới. Công tác tư tưởng phải gắn với tổ chức thực hiện có kết quả các nghị quyết của Đảng, giải quyết một số vấn đề kinh tế - xã hội cụ thể, nóng bỏng trước mắt như việc làm, đời sống, thu hẹp diện đói nghèo: khắc phục có hiệu quả các hiện tượng tiêu cực, trước hết là tệ tham nhũng, buôn lậu.

Mọi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt, phải có kế hoạch thường xuyên học tập, nâng cao trình độ kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn. Học tập là nghĩa vụ bắt buộc đối với mọi cán bộ, đảng viên và phải được quy định thành chế độ; lười học tập, lười suy nghĩ, không thường xuyên tiếp nhận những thông tin mới, những hiểu biết mới, đó cũng là biểu hiện của sự thoái hoá.

Uốn nắn những nhận thức lệch lạc, những quan điểm mơ hồ, những biểu hiện dao động về tư tưởng, mất niềm tin vào chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng: phê phán và bác bỏ những quan điểm sai trái, thù địch. Đảng viên được quyền phát biểu ý kiến trong tổ chức, được bảo lưu ý kiến, nhưng phải chấp hành nghị quyết của Đảng, không được truyền bá những quan điểm trái với quan điểm, đường lối của Đảng, không được làm lộ bí mật của Đảng và quốc gia. Tổ chức đảng cần quản lý, có biện pháp xử lý kịp thời đối với những đảng viên vi phạm nguyên tắc đảng hoặc lợi dụng dân chủ để tuyên truyền chống Đảng.

Xây dựng đạo đức cách mạng và lối sống lành mạnh của cán bộ, đảng viên trong điều kiện kinh tế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế. Cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân lên trên, lên trước. Nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, gương mẫu trong lao động, cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, giữ gìn, phát huy truyền thống và bản chất tốt đẹp của dân tộc, khắc phục tư tưởng thụ động, ỷ lại. Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, lối sống thực dụng chỉ nghĩ đến tiền tài địa vị, lạc thú cá nhân, xa rời quần chúng, cách biệt người lao động; khắc phục tình trạng một bộ phận cán bộ, đảng viên sa sút phẩm chất đạo đức, làm giàu phi pháp, tham nhũng, buôn lậu, kèn cựa, cục bộ, quan liêu, độc đoán. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu tự rèn luyện, tự phấn đấu nâng cao đạo đức cách mạng, khắc phục chủ nghĩa cá nhân, không được lợi dụng tình trạng luật pháp chưa đồng bộ hoặc cơ chế, chính sách còn sơ hở để đục khoét của công, nhũng nhiễu dân chúng.

Các tổ chức đảng phải thường xuyên giáo dục, rèn luyện, quản lý đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ cao cấp. Xác định rõ những việc liên quan đến kinh doanh, đến việc làm cho người nước ngoài mà công chức không được làm; quy định chặt chẽ việc nhận quà biếu, tiếp khách; quy định chế độ cán bộ, công chức, đảng viên trước hết là những người giữ cương vị lãnh đạo chủ chốt ở các cấp, phải báo cáo và chịu sự kiểm tra về thu nhập, về tài sản. Những người bất thường giàu lên phải có sự kiểm tra của tổ chức đảng. Quy định trách nhiệm của những cán bộ, đảng viên có vợ, chồng và con làm ăn phi pháp; định rõ những hoạt động kinh doanh mà vợ, chồng, con của cán bộ lãnh đạo chủ chốt đương chức ở Trung ương và địa phương không được phép làm. Đảng viên không làm hoặc mượn danh nghĩa người thân để làm kinh tế tư bản tư nhân (Về những việc đảng viên, cán bộ, công chức không được làm - xem phần *Đảng viên và công tác đảng viên* trong sách này).

Xử lý kịp thời và nghiêm minh những cán bộ, đảng viên thoái hoá, biến chất, bất kể là ai, ở cương vị nào; nghiêm trị ô dù, bao che cho người làm sai.

Củng cố, khối đoàn kết thống nhất trong đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. Toàn Đảng, toàn thể cán bộ, đảng viên phải nâng cao ý thức tổ chức, kỷ luật, thống nhất tư tưởng và hành động, gắn bó mật thiết với nhân dân.

Mở rộng dân chủ trong quá trình ra nghị quyết để có những quyết định chính xác làm cơ sở cho sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Đồng thời, giáo dục cán bộ, đảng viên chấp hành nghị quyết, chỉ thị của đảng và pháp luật của Nhà nước, ai vi phạm phải bị xử lý kỷ luật.

Nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chống "diễn biến hoá bình". Vạch trần những âm mưu thâm độc và những luận điệu chiến tranh tâm lý. Quản lý chặt chẽ các cuộc hội thảo, các dịch vụ thông tin, ngăn chặn việc lợi dụng diễn đàn và các cơ hội để thu thập tin tức tình báo, truyền bá các quan điểm thù địch và lối sống tư sản. Phê phán thái độ miệt thị dân tộc.

Cần kết hợp nhiều biện pháp giáo dục và hành chính, tư tưởng và tổ chức, gắn với chăm lo phát triển kinh tế, ổn định đời sống...; sử dụng nhiều lực lượng và hình thức sát hợp với mỗi loại đối tượng, mở rộng dân chủ trong thảo luận, trao đổi ý kiến cởi mở, giúp cho đảng viên có điều kiện tự nhận thức, tự giáo dục. Nâng cao tính chiến đấu sắc bén, bảo vệ lý tưởng cách mạng, bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng và nguyên tắc xây dựng Đảng.

Nâng cao chất lượng thông tin nội bộ và công tác tuyên truyền. Coi trọng biện pháp điều tra dư luận xã hội. Bồi dưỡng và sử dụng tốt lực lượng báo cáo viên, thực hiện có nền nếp thông báo tình hình thời sự, phổ biến kịp thời những vấn đề mới về chủ trương, chính sách, pháp luật. Tăng cường lãnh đạo công tác báo chí, xuất bản, văn hoá, văn nghệ.

Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong hệ thống trường đảng tập trung, tại chức và các trường học, xây dựng bộ giáo trình chuẩn quốc gia về các môn học chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Câu hỏi: Tại sao coi tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng? Nội dung của nguyên tắc đó là gì?

Trả lời:

A. Điều lệ Đảng do Đại hội lần thứ IX thông qua ghi rõ: "Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình, thương yêu đồng chí, kỷ luật nghiêm minh, đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng".

Đảng ta coi đây là nguyên tắc tổ chức cơ bản, phân biệt chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, đảng cách mạng chân chính với đảng phái khác. Phủ nhận nguyên tắc này là phủ nhận Đảng Cộng sản từ bản chất.

Đảng chống tập trung quan liêu, độc đoán, chuyên quyền, song triệt để tuân theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Chỉ có thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ mới có thể vừa chống được tập trung quan liêu, vừa chống được tình trạng vô chính phủ và bè phái, bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động của Đảng. Chỉ có như vậy, Đảng mới có sức mạnh và sức chiến đấu.

Đảng ta nhấn mạnh thực hiện đầy đủ dân chủ trong Đảng. Trước hết phải bảo đảm thực hiện các quyền của đảng viên, nhất là quyền được thông tin, thảo luận thẳng thắn, tự do trong tổ chức các vấn đề về đường lối, chính sách của Đảng và quyền được bảo lưu ý kiến; quyền được đề đạt ý kiến, phê bình, chất vấn trong phạm vi tổ chức về hoạt động của tổ chức đảng và mọi đảng viên ở mọi cấp. Những quy định này nhằm bảo đảm, tạo điều kiện khắc phục tình trạng cấp ủy vi phạm quyền của đảng viên, còn đảng viên thì thụ động, tiêu cực. Trong khi thực hiện đầy đủ dân chủ, đồng thời nhấn mạnh phải bảo đảm kỷ luật, bảo đảm tính tập trung, thống nhất trong Đảng. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy hễ xa rời nguyên tắc tập trung dân chủ, Đảng sẽ trở thành một thứ câu lạc bộ, mở đường cho chủ nghĩa cơ hội, bè phái, vô chính phủ các loại; cuối cùng đưa đến chỗ tan rã Đảng về mặt tổ chức, cũng tức là thủ tiêu bản thân Đảng.

Phát huy dân chủ trong sinh hoạt Đảng, từ sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp uỷ ở cơ sở đến Ban Chấp hành Trung ương, trong công tác cán bộ và trong xây dựng, hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Đảng viên có quyền được bảo lưu ý kiến, nhưng phải nói và làm theo nghị quyết của Đảng. Chống dân chủ hình thức, dân chủ cực đoan hoặc lợi dụng dân chủ để mưu cầu lợi ích riêng, cục bộ, bản vị.

Mở rộng dân chủ trong hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, kinh tế, xã hội...

Trong đảng bộ giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong tập thể lãnh đạo. Đối với những cấp uỷ tổ chức đảng vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, cán bộ lãnh đạo độc đoán, chuyên quyền, kéo bè kéo cánh, gây mất đoàn kết nội bộ, cấp uỷ cấp trên phải chỉ đạo kiểm điểm làm rõ đúng sai, xử lý nghiêm những người có khuyết điểm, kiện toàn tổ chức cán bộ; nơi không có khả năng khắc phục khuyết điểm thì giải tán về tổ chức, lập tổ chức mới theo quy định của Điều lệ Đảng, Ban Chấp hành Trung ương, tập thể cấp uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn thảo luận dân chủ, biểu quyết và ra nghị quyết theo đa số những vấn đề quan trọng về đường lối, chủ trương, chính sách, về tổ chức, cán bộ. Tăng cường chế độ tập thể đi đôi với phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cá nhân.

Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) một lần nữa nhấn mạnh: "Nâng cao nhận thức thống nhất trong Đảng về nguyên tắc tập trung dân chủ. Xây dựng và bổ sung các quy định, quy chế thực hiện nguyên tắc này. Cụ thể hoá nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, chế độ trách nhiệm của người đứng đầu; quy định cụ thể về bảo lưu ý kiến, bảo đảm cho người có ý

kiến bảo lưu được phát biểu đầy đủ trong tổ chức đảng và một số cơ quan lý luận thích hợp.

"Giữ vững chế độ sinh hoạt định kỳ của các tổ chức đảng, mở rộng dân chủ, khuyến khích tranh luận thẳng thắn; tôn trọng, tập hợp và xem xét để tiếp thu hết ý kiến đúng đắn của các cấp uỷ viên và đảng viên trước khi quyết định... Khi có ý kiến khác nhau phải thảo luận kỹ, đối với những vấn đề quan trọng phải biểu quyết; khi cần phải điều tra khảo sát, làm thí điểm rồi kết luận. Khi đã có kết luận thì mọi người phải nói và làm theo kết luận; đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số có quyền báo cáo lên cấp trên.

Ở những nơi có biểu hiện mất đoàn kết thì cấp ủy cấp trên phải trực tiếp chỉ đạo việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình; từng đảng viên có trách nhiệm tự kiểm điểm, chỉ rõ trách nhiệm của tập thể nhất là của người đứng đầu; trường hợp nghiêm trọng thì phải thay ngay cán bộ chủ chốt và có hình thức xử lý thích đáng đối với những người có liên quan".

B. Nội dung của nguyên tắc tập trung dân chủ, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam ghi rõ:

1. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng do bầu cử lập ra, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

2. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên.

Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi cấp là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp ủy).

3 Cấp uỷ các cấp báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước đại hội cùng cấp, trước cấp uỷ cấp trên và cấp dưới; định kỳ thông báo tình hình hoạt động của mình đến các tổ chức trực thuộc, thực hiện tự phê bình và phê bình.

4. Tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghị quyết của Đảng. Thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương.

5. Nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Đảng chỉ có giá trị thi hành khi có hơn một nửa số thành viên trong cơ quan đó tán thành. Trước khi biểu quyết, mỗi thành viên được phát biểu ý kiến của mình. Đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên cấp uỷ cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, không được truyền bá ý kiến trái với nghị quyết của Đảng. Cấp uỷ có thẩm quyền nghiên cứu xem xét ý kiến đó, không phân biệt đối xử với đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số.

6. Tổ chức đảng quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn của mình, song không được trái với nguyên tắc, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của cấp trên. (Điều 9)

Tinh thần cơ bản của nguyên tắc này là: đối với toàn Đảng, chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất. Các đại hội đại biểu đảng bộ cấp dưới chịu sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương (giữa hai nhiệm kỳ đại hội).

C. Tại Quy định số 14-QĐ/TW ngày 16-11- 2001 Bộ Chính trị đã quy định một số giải pháp thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ:

1. Về quy chế làm việc có cấp ủy và tổ chức Đảng:

Căn cứ vào Điều lệ Đảng và quy chế làm việc của cấp uỷ cấp trên, các cấp uỷ đảng, đảng đoàn ban cán sự Đảng, cơ quan của Đảng xây dựng quy chế làm việc. Quy chế làm việc của tổ chức đảng phải báo cáo với tổ chức đảng cấp trên và thông báo cho tổ chức đảng cấp dưới. Các cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện chế độ kiểm tra việc thực hiện quy chế làm việc của tổ chức đảng cấp dưới và giám sát cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên.

2. Về chế độ tự phê bình và phê bình:

a) Hằng năm gắn với tổng kết công tác, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, cấp ủy viên các cấp và đảng viên phải tự phê bình và phê bình tập thể và cá nhân, có kế hoạch và chương trình hành động phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm.

b) Cuối nhiệm kỳ đại hội phải tiến hành tự phê bình và phê bình gắn với kiểm điểm đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết đại hội.

- Báo cáo kiểm điểm của cấp uỷ phải lấy ý kiến đóng góp của cấp ủy cấp dưới trực tiếp, của đảng đoàn, ban cán sự đảng và của lãnh đạo ban, ngành, đoàn thể cùng cấp, phải có ý kiến của cấp uỷ cấp trên trực tiếp.

- Báo cáo của đảng đoàn, ban cán sự đảng và lãnh đạo ban, ngành, đoàn thể phải lấy ý kiến đóng góp của cơ quan chuyên môn, của đảng ủy cơ quan và của cấp ủy cùng cấp.

- Cấp ủy cấp trên gợi ý cho cá nhân và tập thể cấp ủy cơ quan đảng, tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp những nội dung cần làm rõ:

Đối với cá nhân cấp ủy viên, đi sâu kiểm điểm về trách nhiệm chính trị và mức độ phấn đấu hoàn thành công việc được giao và những vấn đề khác có liên quan đến trách nhiệm cá nhân, về giữ gìn phẩm chất cá nhân (tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ).

Đối với tập thể cấp ủy, kiểm điểm việc chấp hành nghị quyết, chủ trương của cấp trên; việc đề ra và kết quả tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương của cấp mình; về xây dựng và thực hiện quy chế làm việc; về xây dựng nội bộ đoàn kết; về quản lý tài chính, ngân sách, quản lý đất đai.

Thường trực cấp ủy cấp trên có trách nhiệm tổng hợp, phân tích, chọn lọc các vấn đề để đưa xuống các tổ chức đảng, cấp ủy cấp dưới gợi ý cho tập thể và cá nhân tự phê bình và phê bình.

- Tổ chức lấy ý kiến quần chúng đóng góp tham gia, bao gồm: ban chấp hành các đoàn thể chính trị - xã hội, mặt trận Tổ quốc, hội đồng nhân dân cùng cấp, đại diện cán bộ lão thành cách mạng, nhằm phát huy vai trò giám sát của nhân dân góp ý kiến xây dựng đảng."

3. Về quy định nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Đảng chỉ có giá trị thi hành khi có hơn một nửa số thành viên trong cơ quan đó tán thành.

Số thành viên của đại hội đại biểu là tổng số đại biểu chính thức được triệu tập có đủ tư cách dự đại hội.

Số thành viên của đại hội đảng viên là tổng số đảng viên chính thức trong đảng bộ, chi bộ, trừ số đảng viên đã được giới thiệu sinh hoạt tạm thời ở đảng bộ khác và đảng viên đã được miễn công tác và sinh hoạt đảng không có mặt ở đại hội (nếu đảng viên đó có mặt ở đại hội và tham gia bầu cử thì vẫn tính), số đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, bị khởi tố, truy tố, tạm giam.

Số thành viên của ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra là tổng số cấp uỷ viên đương nhiệm của ban chấp hành đảng bộ ban thường vụ cấp ủy, ủy viên ủy ban kiểm tra đương nhiệm.

Trường hợp kết nạp đảng viên, công nhận đảng viên chính thức, xoá tên đảng viên, khai trừ đảng viên phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của tổ chức đảng nhất trí đề nghị và cấp ủy cấp trên có thẩm quyền quyết định với sự nhất trí của trên một nửa số thành viên.

Trường hợp giải tán tổ chức đảng phải được ít nhất hai phần ba thành viên cấp ủy cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp ủy cấp trên cách một cấp quyết định với sự đồng ý của trên một nửa số thành viên.

Về xây dựng và thực hiện quy chế làm việc của tổ chức Đảng, Ban Tổ chức Trung ương Đảng hướng dẫn thêm:

Sau mỗi kỳ đại hội các cấp uỷ và tổ chức đảng phải xây dựng quy chế làm việc.

Căn cứ vào Điều lệ Đảng, quy chế làm việc của cấp trên trực tiếp và chức năng, nhiệm vụ được giao để xây dựng quy chế làm việc nhằm bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và thực hiện tốt quyền hạn, trách nhiệm được giao. Cấp ủy cấp trên kiểm tra việc xây dựng và thực hiện quy chế làm việc của cấp dưới, nếu phát hiện quy định không đúng thẩm quyền thì yêu cầu cấp dưới phải điều chỉnh. Định kỳ hằng năm, cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới phải báo cáo với cấp trên việc thực hiện quy chế làm việc.

Đối với quy chế làm việc của cấp ủy hoặc tổ chức đảng liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp nếu cần thì cấp ủy cấp trên chuẩn y và ban hành trong phạm vi hoạt động có liên quan.

Cấp ủy và tổ chức đảng cấp dưới giám sát việc thực hiện quy chế làm việc của cấp ủy và tổ chức đảng cấp trên. Nếu phát hiện có ai vi phạm cần báo cáo ngay với cấp ủy có thẩm quyền.

Câu hỏi: Tổ chức đảng và đảng viên phải gắn bó với quần chúng như thế nào?

Trả lời:

1. Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Quan hệ giữa Đảng với nhân dân mãi mãi là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp cách mạng. *Nguồn sức mạnh làm nên thắng lợi của chúng ta chính là ở chỗ Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân.* Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân thể hiện tập trung ở vai trò của Nhà nước, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Nhà nước có mối liên hệ thường xuyên và chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân. Có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và xử lý kiên quyết tệ quan liêu, tham nhũng, lộng quyền, vô trách nhiệm, xâm phạm quyền dân chủ của công dân. Do đó, cần xúc tiến đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đổi mới cơ cấu bộ máy và phương thức quản lý của Nhà nước, đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, nhằm phát huy mọi tiềm lực vật chất, tinh thần và trí tuệ của tất cả các giai cấp và tầng lớp xã hội tập hợp trong khối đại đoàn kết dân tộc, phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Công tác quần chúng là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể; mọi đảng viên đều phải làm công tác dân vận theo chức trách của mình.

Công tác quần chúng không chỉ là trách nhiệm của các đoàn thể, mà còn là trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, có sự phối hợp với nhau dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mọi cán bộ, đảng viên, nhân viên Nhà nước đều phải làm công tác quần chúng theo chức trách của mình.

Đây là cuộc đấu tranh quyết liệt của các lực lượng cách mạng chống lại các thế lực thù địch trên các lĩnh vực để vận động và tổ chức nhân dân tự giác đi theo con đường cách mạng, đập tan những âm mưu và thủ đoạn chia rẽ Đảng, chương trình, kế hoạch cụ thể về công tác quần chúng từng thời gian và phân công đảng viên làm công tác dân vận tuỳ theo điều kiện, cương vị và công việc cụ thể của từng người.

2. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng quyền làm chủ và chịu sự giám sát của nhân dân, đoàn kết và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng.

Điều lệ Đảng quy định: "Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ, chịu sự giám sát của nhân dân; dựa vào nhân dân để xây dựng đảng; đoàn kết và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng lãnh đạo, tôn trọng và phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật".

"Tổ chức đảng và đảng viên công tác trong cơ quan Nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, chỉ thị của Đảng; tổ chức đảng lãnh đạo việc cụ thể hoá thành các văn bản luật pháp của Nhà nước, chủ trương của đoàn thể; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả (Điều 41).

Một trong những điều kiện phải đạt được của những người xin vào Đảng là: "Qua thực tiễn chứng tỏ là người ưu tú, được nhân dân tín nhiệm" và một trong những tiêu chuẩn của người đảng viên là phải "gắn bó mật thiết với nhân dân" (Điều 1). Tinh thần trên được thể hiện cụ thể trong nhiệm vụ của đảng viên: "Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân; tích cực tham gia công tác quần chúng, công tác xã hội tại nơi làm việc và nơi ở; tuyên truyền, vận động gia đình và nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước" (Điều 2).

Tổ chức cơ sở đảng có nhiệm vụ: "Lãnh đạo xây dựng chính quyền, tổ chức kinh tế, hành chính, sự nghiệp, quốc phòng, an ninh và các đoàn thể chính trị - xã hội trong sạch, vững mạnh; chấp hành đúng pháp luật và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Liên hệ mật thiết với nhân dân chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân; lãnh đạo nhân dân tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước" (Điều 23). Chi bộ phải "làm công tác vận động quần chúng" (Điều 24)...

Một trong năm tiêu chuẩn của tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh là "lãnh đạo xây dựng chính quyền đoàn thể nhân dân vững mạnh": xây dựng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân vững mạnh, hoạt động có hiệu lực và đúng pháp luật; lãnh đạo các đoàn thể nhân dân làm tốt việc vận động, tập hợp, giáo dục quần chúng tham gia thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở địa phương; lãnh đạo thực hiện đúng các chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước, bảo đảm đoàn kết các tầng lớp nhân dân ở cơ sở.

3. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và mọi lĩnh vực đời sống xã hội, từng tổ chức trong hệ thống chính trị phải gắn bó với quần chúng, mở rộng dân chủ, lắng nghe ý kiến của quần chúng.

Các tổ chức chính quyền thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng tại xã, phường, thị trấn, khắc phục mọi biểu hiện dân chủ hình thức. Nhà nước xây dựng luật trưng cầu ý dân.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân phải phát huy dân chủ, nâng cao trách nhiệm công dân của hội viên, đoàn viên, giữ gìn kỷ cương phép nước, thúc đẩy công cuộc đổi mới, thắt chặt mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước; động viên nhân dân vừa thực hiện quyền dân chủ trực tiếp vừa thực hiện quyền dân chủ thông qua đại diện là các cơ quan nhà

nước, các đại biểu nhân dân, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Có quy chế để Mặt trận và các đoàn thể phát huy quyền làm chủ của nhân dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", qua đó tăng cường đoàn kết toàn dân, củng cố sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong xã hội. Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật Nhà nước; tham gia xây dựng chỉnh đốn Đảng, xây dựng tổ chức chính quyền vững mạnh, thực hiện giám sát của nhân dân đối với công tác và đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, đại biểu dân cử và các cơ quan nhà nước; giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân.

Câu hỏi: Khắc phục tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên hiện nay như thế nào?

Trả lời:

Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên là vấn đề cực kỳ quan trọng đối với công tác xây dựng Đảng. Trong mọi giai đoạn của cách mạng, nhất là trong công cuộc đổi mới hiện nay, Đảng hết sức quan tâm và có nhiều chủ trương, biện pháp để giữ vững, nâng cao tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

Hai mươi năm trước, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) đã ra Nghị quyết *"Về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng"*. Nghị quyết đã nhận định: "Trong Đảng có một bộ phận giảm sút ý chí chiến đấu, phai nhạt lý tưởng, dao động, mất lòng tin, trong đó một số chịu ảnh hưởng của khuynh hướng cơ hội, xét lại, muốn đưa đất nước đi con đường khác; thậm chí đã có người phản bội, đầu hàng. Không ít cán bộ, đảng viên (CB,ĐV) bị chủ nghĩa cá nhân thực dụng cuốn hút, trở nên thoái hóa, hư hỏng. Tệ tham nhũng, hối lộ, buôn lậu, ăn chơi vung phí tài sản của nhân dân rất nghiêm trọng và kéo dài"[1]. Tại Đại hội VIII, Đảng nêu rõ: "Điều đáng lo ngại là không ít CB,ĐV phai nhạt lý tưởng cách mạng, tha hóa về phẩm chất đạo đức"[2]. Tiếp đó, Đại hội IX và Đại hội X của Đảng đều nhấn mạnh tình trạng đó có chiều hướng phát triển nghiêm trọng hơn... Đến Đại hội XI, Đảng ta khẳng định: "Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ CB,ĐV và tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, những tiêu cực và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn, đẩy lùi mà còn tiếp tục diễn biến phức tạp"[3].

Nhận thức rõ tình trạng suy thoái về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ CB,ĐV hiện nay và nguy cơ của vấn đề

---

(1) ĐCSVN - *Văn kiện Đảng: Toàn tập, tập 25,* Nxb. CTQG, H. 2007, tr.190

(2) ĐCSVN - *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới, Phần I (khoá VI, VII, VIII, IX, X),* Nxb. CTQG, H. 2010, tr.657

(3) ĐCSVN - *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI,* Nxb CTQG, H. 2011, tr.173.

đó đối với sự nghiệp cách mạng, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) đã ra Nghị quyết "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay", không những đã tập trung phân tích làm rõ nguyên nhân của tình trạng đó, mà còn xác định mục tiêu, phương châm, giải pháp để khắc phục. Tại Hội nghị cán bộ toàn quốc quán triệt, triển khai Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XI), Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ rõ những biểu hiện sự suy thoái về tư tưởng chính trị của CB,ĐV, thể hiện ở chỗ: Phai nhạt lý tưởng cách mạng, không kiên định con đường XHCN; dao động, thiếu niềm tin, sa sút ý chí chiến đấu, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh, phụ họa theo những nhận thức sai, quan điểm lệch lạc; không còn ý thức hết lòng vì nước, vì dân, không làm tròn bổn phận, chức trách được giao; không thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng... Sự suy thoái về đạo đức, lối sống gắn liền với tư tưởng thực dụng, cơ hội, vụ lợi, hám danh, tham nhũng, lãng phí; bè phái, cục bộ, mất đoàn kết; phong cách quan liêu, xa dân, vô cảm trước khó khăn, bức xúc của dân; lối sống xa hoa, hưởng lạc... trong một bộ phận CB,ĐV, kể cả cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng đó là, sự thiếu tu dưỡng, rèn luyện, giảm sút ý chí chiến đấu; sa vào chủ nghĩa cá nhân, quên trách nhiệm, bổn phận trước Đảng, trước dân; ngại khó, ngại khổ, ngại va chạm; bất chấp đạo lý, dư luận; kỷ luật, kỷ cương không nghiêm của một bộ phận CB,ĐV; nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý không gương mẫu.

Nhằm đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, Bộ Chính trị đã triệu tập Hội nghị cán bộ toàn quốc để quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung và bốn nhóm giải pháp khắc phục tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận CB,ĐV. Đồng thời, chỉ thị cho toàn Đảng phải thực hiện Nghị quyết một cách kiên quyết, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm và tính khả thi cao. Để làm được điều đó, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp phải rà soát, đánh giá đúng thực trạng tình hình CB,ĐV ở địa phương, cơ quan, đơn vị mình và có kế hoạch thực hiện Nghị quyết một cách cụ thể, thiết thực, hiệu quả. Nếu chỉ dừng lại ở việc quán triệt, học tập nghị quyết, sinh hoạt tự phê bình và phê bình một cách chung chung, thì hiệu quả sẽ không cao. Bởi thế, quá trình triển khai, thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI), điều quan trọng nhất là mỗi tập thể, cá nhân phải thẳng thắn nhìn nhận rõ vì sao tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận CB,ĐV vẫn không giảm, mà ngược lại còn trầm trọng, diễn biến phức tạp hơn? Vì sao Cuộc vận động "Xây dựng, chỉnh đốn Đảng", tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2, khóa VIII) chưa đạt yêu cầu? Vì sao Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" chưa đi vào chiều sâu, một số nơi còn mang tính hình thức, hiệu quả làm theo chưa cao, chưa đạt yêu cầu? Từ đó, các cấp có biện pháp tiến hành một cách triệt để, với những bước đi vững chắc, hiệu quả, phù hợp với từng đối tượng; kịp thời khắc phục dứt điểm tình trạng hình thức, xuôi chiều, làm

theo "thời vụ", hiệu quả thấp, làm mất lòng tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng; tạo kẽ hở để các thế lực thù địch lợi dụng công kích, chống phá Đảng, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Để đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận CB,ĐV, các cấp ủy đảng cần *tăng cường công tác giáo dục, nâng cao nhận thức cho mỗi CB,ĐV về mục tiêu, lý tưởng cách mạng mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn;* xác định các tiêu chí về đạo đức, lối sống của CB,ĐV gắn với quán triệt Quy định về những điều đảng viên không được làm và chức trách, nhiệm vụ của từng người. Cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp cần có kế hoạch học tập thường xuyên, không ngừng nâng cao trình độ lý luận chính trị, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn; đồng thời, coi việc học tập cũng là nghĩa vụ bắt buộc đối với mọi CB,ĐV và phải được quy định thành chế độ để mọi người tự giác chấp hành. Hệ thống giáo dục quốc dân, từ phổ thông đến đại học phải được đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; giá trị truyền thống, tinh thần yêu nước, luân lý, đạo đức cách mạng; trách nhiệm và nghĩa vụ công dân, với những chuẩn mực của người Việt Nam trong thời đại mới. Cùng với đó, công tác tư tưởng, lý luận của Đảng phải thường xuyên đổi mới, nhất là về nội dung, phương pháp và phương thức giáo dục, đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh; các trường chính trị - hành chính tỉnh, thành phố; hệ thống các học viện, nhà trường trong lực lượng vũ trang cần tích cực đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, đào tạo theo hướng toàn diện, chuyên sâu, nhằm nâng cao trình độ lý luận, năng lực tư duy, rèn luyện đạo đức, lối sống và *tính Đảng* của CB,ĐV, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý cao cấp. Các cấp cần có kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ, giảng viên lý luận chính trị và những người làm công tác giáo dục, đào tạo một cách nghiêm túc, bài bản, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Trong quá trình thực hiện, các cấp ủy đảng cần phải kết hợp tốt giữa giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao lập trường, quan điểm, trình độ trí tuệ, năng lực thực tiễn với rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, tư cách đảng viên; khắc phục mọi biểu hiện trung bình chủ nghĩa, cơ hội, thực dụng, chủ nghĩa cá nhân, mơ hồ mất cảnh giác, giảm sút ý chí chiến đấu và những biểu hiện sa sút về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; bảo đảm không có CB,ĐV suy thoái về chính trị.

Tăng cường hơn nữa tính nghiêm minh của kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước trong các tổ chức đảng và các cơ quan nhà nước. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước có mối quan hệ tương hỗ, gắn bó mật thiết với nhau. Mọi CB,ĐV phải tuân thủ nghiêm ngặt *Điều lệ Đảng*, những nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng, Quy định về những điều đảng viên không được làm; tham gia sinh hoạt và phải chịu sự quản lý chặt chẽ của tổ chức cơ sở đảng, của cấp ủy trực tiếp. Sự quản lý, giám sát của tổ chức đảng, cấp ủy, là một bảo đảm cho mọi CB,ĐV tuân thủ nghiêm ngặt kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước; đồng thời, góp phần

đấu tranh, phòng ngừa những hành vi vi phạm về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Nếu buông lỏng điều đó, sẽ dẫn tới có những đảng viên, nhất là cán bộ, đảng viên có chức, có quyền đứng ngoài sự quản lý, giám sát của tổ chức; coi thường kỷ luật, nguyên tắc lãnh đạo của Đảng, cũng như quy định của cơ quan, đơn vị; từ đó, dẫn tới độc đoán, chuyên quyền, đặc quyền, đặc lợi, tham nhũng, lãng phí, xa dân, coi thường tập thể... Mỗi CB,ĐV phải nhận thức sâu sắc rằng, nếu làm điều gì sai, có hại cho Đảng, cho dân, cho nước thì tự hổ thẹn và phải biết tự mình sửa chữa, khắc phục; nếu không làm được điều đó thì cũng có nghĩa tự khai trừ mình ra khỏi Đảng. Kỷ luật Đảng đòi hỏi người đảng viên phải gắn với tổ chức, chấp hành nghiêm các chế độ quy định, đề cao ý thức trách nhiệm trước tập thể, đề cao điều nghĩa. Tức là "ngay thẳng, không có tư tâm, không làm việc bậy, không có việc gì phải giấu Đảng"[1]. Mỗi người đều có niềm tự hào, lòng tự trọng và sự xấu hổ với lương tâm mình. Tự hào về truyền thống vẻ vang của dân tộc, của Đảng, của sự nghiệp cách mạng và truyền thống gia đình; đồng thời, phải biết xấu hổ về những yếu kém, những việc làm xấu, về hành vi tham nhũng, lãng phí và vì trách nhiệm không làm tròn. Có như vậy, mỗi người mới học được điều hay, lẽ phải, tự tu dưỡng làm cho mình tốt hơn; khắc phục được tính ích kỷ, vụ lợi, hám danh, lòng tham lam, cục bộ, đặc quyền, đặc lợi...

Khâu mấu chốt để khắc phục tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận CB,ĐV hiện nay là đẩy mạnh tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt Đảng. Chỉ thị của Bộ Chính trị về việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) đã xác định, các tổ chức đảng khi tiến hành tự phê bình và phê bình phải nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nhất là những mặt còn yếu kém, không nể nang, né tránh; đề ra các biện pháp khắc phục, sửa chữa thiết thực, khả thi; kết hợp "chống và xây", "xây và chống", nói đi đôi với làm, tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc, trì trệ nhất hiện nay. Quá trình tiến hành kiểm điểm phải bảo đảm thật sự dân chủ, nghiêm túc, thẳng thắn với tinh thần xây dựng, đúng yêu cầu, nội dung, cách làm, thời gian mà Trung ương, Bộ Chính trị đã đề ra. Kinh nghiệm cho thấy, muốn tự phê bình và phê bình có kết quả tốt, các tổ chức đảng phải tạo được môi trường thuận lợi để mọi đảng viên có điều kiện phấn đấu, rèn luyện, tự điều chỉnh hành vi của mình, tự giác đấu tranh với những khuyết điểm của bản thân; đồng thời, tích cực đóng góp ý kiến phê bình các đồng chí khác, trên tinh thần đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Trong quá trình tiến hành, cấp trên phải làm gương tự phê bình trước, cấp dưới làm sau; tập thể làm trước, cá nhân làm sau; các đồng chí trong thường vụ, cấp ủy viên cấp trên gương mẫu, nghiêm túc tự phê bình và phê bình, làm gương cho cấp dưới; cái gì tốt thì phát huy, cái gì xấu thì tự gột rửa. Cấp ủy, tổ chức đảng, CB,ĐV kiểm điểm tự phê bình và phê bình không đạt yêu cầu phải làm lại; kiên quyết xử lý kỷ luật những tổ

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, tập 5, Nxb. CTQG, H. 2001, tr.252

chức đảng và cá nhân không tự giác kiểm điểm tự phê bình và phê bình, không tự nhận được sai lầm, khuyết điểm, không khắc phục được những hạn chế, khuyết điểm đã được nêu ra.

Cùng với đó, *các cấp cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng của cấp trên với cấp dưới, của tổ chức đảng với đảng viên.* Thông qua kiểm tra, giám sát, nhằm quản lý chặt chẽ từng CB,ĐV ở nơi công tác, nơi cư trú và khi công tác xa đơn vị, nhất là đi công tác nước ngoài; phát hiện và xử lý kịp thời những đảng viên vi phạm tư cách, thoái hóa biến chất về đạo đức, lối sống, những phần tử cơ hội, bất mãn, gây mất đoàn kết nội bộ trong Đảng, vi phạm các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng. Các cấp ủy, tổ chức đảng cần tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân tham gia xây dựng Đảng; phát huy vai trò giám sát của nhân dân, của báo chí, công luận đối với việc rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của CB,ĐV; có cơ chế khen thưởng những cá nhân, cơ quan báo chí đã tích cực đấu tranh, phê phán những hành động sai trái. Đảng và Nhà nước cần có chế độ, chính sách hợp lý bảo đảm cho CB,ĐV có mức sống ổn định, có điều kiện phát triển đúng với sở trường, công việc của mình; tích cực tham gia công tác xây dựng Đảng, góp phần quan trọng vào rèn luyện đội ngũ CB,ĐV, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

PGS, TS. Nguyễn Trọng Phúc

Câu hỏi: Tổ chức đảng các cấp, nhất là tổ chức cơ sở đảng, đổi mới công tác vận động quần chúng như thế nào?

Trả lời:

Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quần chúng, giữ vững mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới và toàn bộ sự nghiệp cách mạng.

Bản thân tổ chức đảng cần làm tốt mấy việc sau đây:

l. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Các cấp ủy từ Trung ương tới cơ sở phải nắm vững và làm đúng chức năng lãnh đạo của mình bằng phương pháp dân chủ, khắc phục lối làm việc quan liêu, mệnh lệnh.

Các tổ chức đảng từ Trung ương đến chi bộ phải lấy công tác vận động và chăm lo lợi ích của quần chúng làm một nội dung chủ yếu trong hoạt động của mình. Có kế hoạch thường xuyên tìm hiểu tình hình đời sống, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân và có chủ trương, biện pháp xử lý đúng đắn, kịp thời phân công đồng chí chủ chốt trong cấp uỷ chuyên trách công tác quần chúng. Mỗi đảng viên đều làm công tác vận động quần chúng, gương mẫu thực hiện chức trách trong đơn vị và nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú, hoạt động tích cực trong đoàn thể mà mình tham gia.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện một số chính sách đối với các giai cấp, các tầng lớp nhân dân và các dân tộc.

2. Làm trong sạch Đảng, nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên, biểu dương những đảng viên gương mẫu, xử lý nghiêm những phần tử thoái hoá, biến chất, ức hiếp quần chúng, lạm dụng chức quyền, vi phạm lợi ích của nhân dân, dù người đó ở cấp nào và cương vị công tác nào. Cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật phải xử lý theo pháp luật.

Các cấp, các ngành xoá bỏ ngay những quy định nội bộ tạo đặc quyền, đặc lợi cho cán bộ, đảng viên.

Chi bộ đảng phải định kỳ tổ chức tốt việc lấy ý kiến nhân dân nhận xét, phê bình đảng viên, tổ chức đảng và những người Đảng dự định kết nạp.

3. Củng cố tổ chức cơ sở đảng, kiện toàn tổ chức từ đảng uỷ đến chi bộ, tổ đảng, đặc biệt là chi bộ, bảo đảm chi bộ đủ sức trực tiếp lãnh đạo nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, chăm lo quyền lợi của nhân dân.

4. Các cấp uỷ và tổ chức đảng cần tăng cường lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, nâng cao chất lượng đoàn viên và cán bộ đoàn, nhằm phát huy vai trò Đoàn là nòng cốt trong phong trào thanh niên, phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, xứng đáng là đội dự bị tin cậy của Đảng.

5. Từng thời gian, các tổ chức đảng cần sơ kết công tác vận động quần chúng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương lần thứ tám (khoá VI), khảo sát tình hình đời sống và tâm trạng các tầng lớp nhân dân, đề ra những nhiệm vụ tiếp tục thực hiện nghị quyết về công tác vận động nhân dân tại địa phương, ngành và đơn vị mình. Tổng kết và phổ biến kinh nghiệm của những điển hình tiên tiến. Các cơ quan thông tin, báo chí thường xuyên đưa tin và bài về vấn đề này. Các trường chính trị, trường chuyên nghiệp có nội dung huấn luyện về công tác quần chúng; các trường, đoàn thể cần nâng cao chất lượng huấn luyện nghiệp vụ công tác vận động nhân dân.

Các cấp uỷ hằng năm có chương trình công tác quần chúng, tổ chức phối hợp kiểm tra và kịp thời xử lý những vấn đề mới phát sinh trong nội bộ nhân dân, trong quan hệ công tác giữa các tổ chức có liên quan. Cử cấp uỷ viên có phẩm chất và năng lực phụ trách công tác đoàn thể. Chi bộ thực hiện chế độ phân công đảng viên làm công tác vận động nhân dân, định kỳ lấy ý kiến nhân dân nhận xét, phê bình cán bộ, đảng viên. Mỗi đảng viên phải báo cáo kết quả và kinh nghiệm công tác vận động quần chúng nhân dân, coi đó là một nội dung sinh hoạt của chi bộ.

Câu hỏi: Đứng trước công cuộc đổi mới, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Đảng tăng cường vai trò lãnh đạo đổi mới Nhà nước như thế nào?

Trả lời:

Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước nhằm giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước, bảo đảm mọi quyền lực thuộc về nhân dân, đưa công cuộc đổi mới đi đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

1. Nắm vững và thực hiện tốt ba nội dung trọng yếu về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước:

a. Lãnh đạo các cơ quan nhà nước kịp thời thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng thành pháp luật, nhất là các chủ trương về thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, về đổi mới thể chế kinh tế, về xây dựng quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa, củng cố nâng cao hiệu quả của kinh tế nhà nước, phát triển kinh tế hợp tác.

b. Tăng cường kiểm tra cán bộ, đảng viên trong bộ máy nhà nước; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước trong sạch, vững mạnh, thật sự vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

c. Tăng cường kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên trong các doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp khác, các tổ chức sự nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang đối với việc thực hiện các nghị quyết của Đảng, các quy định của Nhà nước, nhất là về quản lý kinh tế, tài chính, thu chi ngân sách, việc sử dụng, bảo quản vốn và tài sản của Nhà nước, không phân biệt đại diện chủ sở hữu thuộc ngành hoặc địa phương.

2. Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước:

a. Đảng đoàn Quốc hội và các đảng đoàn Hội đồng nhân dân phải được tiếp tục kiện toàn về tổ chức, đề cao trách nhiệm trong việc chủ động đề xuất những vấn đề thuộc lĩnh vực của mình, phản ánh đầy đủ ý kiến của đại biểu với cấp uỷ. Mặt khác, cấp uỷ đảng cần lắng nghe đầy đủ các ý kiến đó để kịp thời xem xét và điều chỉnh chủ trương khi thấy có cơ sở xác đáng.

Khi cấp uỷ đã có quyết định thì đảng đoàn phải lãnh đạo quán triệt và thực hiện nghiêm túc quyết định của Đảng. Mọi đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh các quyết định đó.

b. Có cơ chế gắn hoạt động của trưởng ban và các ban của Đảng với hoạt động của các uỷ ban của Quốc hội và các ban của Hội đồng nhân dân.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng để Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện tốt vai trò của mình.

c. Củng cố tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của ban cán sự đảng Chính phủ, các bộ, ngành và Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh. Xây dựng quy chế, làm rõ mối quan hệ lãnh đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng với các ban cán sự đảng, giữa ban cán sự đảng ở các bộ với ban cán sự đảng Chính phủ cho phù hợp với mối quan hệ về mặt nhà nước. Phát huy vai trò của đảng uỷ, chi bộ trong các cơ quan nhà nước sắp xếp lại đầu mối tổ chức đảng trong các khối cơ quan hành chính, doanh nghiệp theo đúng quy định của Điều lệ Đảng.

d. Kiện toàn ban cán sự đảng ở các cơ quan tư pháp. Nghiên cứu, cụ thể hoá cơ chế cấp uỷ cho ý kiến về việc xử lý các vụ án quan trọng, phức tạp trên cơ sở tôn trọng quyền theo luật định của các cơ quan tư pháp và bảo đảm tốt sự lãnh đạo của Đảng.

3. Các cấp ủy đảng phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân trong việc xây dựng và bảo vệ chính quyền, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân; kiện toàn tổ chức, đổi mới hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhằm thu hút sự tham gia ngày càng rộng rãi của nhân dân vào công việc quản lý nhà nước.

4. Kiện toàn các cơ quan tham mưu theo hướng tinh gọn, hợp lý để giúp cấp uỷ nắm tình hình, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước.

Đảng tăng cường lãnh đạo Nhà nước trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Câu hỏi: Đứng trước yêu cầu của công cuộc đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vấn đề nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng được đặt ra như thế nào?

Trả lời:

1. Cơ sở là cấp triển khai thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đảng ta thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố tổ chức đảng các cấp, trước hết là cấp Trung ương, nơi hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và cấp cơ sở, tổ chức cơ sở đảng, nơi tập hợp, phản ánh các ý nguyện của quần chúng với Đảng và lãnh đạo quần chúng thực hiện các đường lối, chính sách đó. Do vậy nhiều nghị quyết của Đảng chỉ rõ: Phải chấn chỉnh tổ chức và hoạt động của các tổ chức cơ sở cho phù hợp với sự thay đổi về tổ chức và cơ chế quản lý của hệ thống chính trị của các tổ chức kinh tế xã hội và phương thức lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới; xác định rõ vai trò, chức năng lãnh đạo, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, khắc phục tình trạng thụ động, trì trệ của nhiều tổ chức cơ sở đảng hiện nay; thay ngay những người không đủ tiêu chuẩn phẩm chất và năng lực, xây dựng và thực hiện nghiêm túc các quy chế làm việc của cấp uỷ.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ ba (khoá VII), Ban Bí thư Trung ương Đảng đã cụ thể hoá chức năng, nhiệm vụ của từng loại tổ chức cơ sở đảng. Trên cơ sở đó, sắp xếp các tổ chức cơ sở đảng phù hợp với cơ chế quản lý mới; khắc phục ngay sự lỏng lẻo, sự chia cắt và những "khoảng trống" về tổ chức, bảo đảm và tăng cường vai trò lãnh đạo của đảng bộ cơ sở và cấp trên cơ sở. Tiếp tục xây dựng và củng cố các chi bộ theo địa bàn do cụm thôn, xóm, ấp, bản, đường phố và chi bộ theo ngành nghề (sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sự nghiệp). Tách các tổ chức cơ sở đảng ở các doanh nghiệp nhà nước ra khỏi tổ chức đảng ở các cơ quan bộ, ngành và đảng ủy khối các cơ quan Trung ương, đưa về trực thuộc thành ủy, tỉnh ủy hoặc huyện ủy, thị ủy, quận ủy, tuỳ theo quy mô, tính chất của các cơ sở đó.

Đặc biệt coi trọng củng cố các tổ chức cơ sở đảng ở những địa bàn, lĩnh vực trọng yếu về kinh tế và chính trị. Bố trí lại cán bộ chủ chốt ở những nơi cần thiết. Chọn cử một số cán bộ có đủ tiêu chuẩn và điều kiện

ở các cơ quan Trung ương, tỉnh, huyện về tăng cường cho cơ sở. Cử cấp uỷ viên và cán bộ có kinh nghiệm trực tiếp chỉ đạo, củng cố các cơ sở, thu hẹp diện yếu kém.

2. Những năm qua, thực hiện cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nhiều cấp uỷ đảng đã dành nhiều công sức nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng; đã khảo sát kỹ từng loại tổ chức cơ sở đảng, đánh giá đúng thực trạng và nguyên nhân để có biện pháp đổi mới, chỉnh đốn phù hợp, bảo đảm cho mỗi loại hình cơ sở đảng hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình.

Phát huy kết quả và kinh nghiệm của việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ ba (khoá VII), đã chỉ đạo tốt cuộc vận động xây dựng cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, chấn chỉnh các cơ sở yếu kém; khắc phục sự buông lỏng công tác đảng. Những nơi nội bộ mất đoàn kết, cán bộ chủ chốt có nhiều biểu hiện tiêu cực, cấp trên đã chỉ đạo, giúp đỡ trực tiếp; tạo ra một bước chuyển biến mới của cơ sở đảng vùng đồng bào tôn giáo, dân tộc.

Hướng chủ yếu củng cố, chỉnh đốn các tổ chức cơ sở đảng là làm cho các cơ sở này quán triệt được đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đề ra được chủ trương, giải pháp đúng và lãnh đạo tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ của đơn vị, phát triển kinh tế, xoá đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống của người lao động, chống tham nhũng, ức hiếp quần chúng, lãnh đạo giải quyết những nguyện vọng chính đáng, thiết thực bức xúc của nhân dân. Chấn chỉnh và cải tiến sinh hoạt đảng; có quy định chặt chẽ đối với những trường hợp đảng viên đi công tác, làm việc lưu động ở nơi xa, ở nước ngoài. Thực hiện có nền nếp việc quản lý đảng viên.

Đối với các doanh nghiệp tư nhân các cơ sở liên doanh với nước ngoài, những nơi chưa có hoặc có ít đảng viên, đã bắt đầu từ việc xây dựng các đoàn thể, tập hợp và giáo dục quần chúng, phát triển đoàn viên, hội viên, đảng viên, tiến tới xây dựng các tổ đảng và chi bộ đảng, từng bước hướng dẫn hoạt động của các tổ chức đảng ở khu vực này.

Nhiều địa phương dành kinh phí thoả đáng cho việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở, chú ý kiện toàn và tăng cường đội ngũ cốt cán.

Các tổ chức cơ sở đảng đã động viên và tổ chức nhân dân thường xuyên tham gia xây dựng Đảng: đóng góp ý kiến xây dựng các nghị quyết của Đảng; giám sát, phê bình cán bộ, đảng viên; giới thiệu những người xứng đáng để kết nạp vào Đảng, để bầu vào các cấp uỷ và chính quyền; giúp tổ chức đảng làm tốt công tác kiểm tra, phát hiện, đấu tranh với những hành vi tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn khác.

Nhiều tổ chức cơ sở đảng đã đổi mới cách phân công, tạo điều kiện để mọi đảng viên đều gắn với nhiệm vụ cụ thể. Đối với những đồng chí già yếu, cán bộ nghỉ hưu, phải chăm lo giúp đỡ bảo đảm đời sống và tạo điều kiện để các đồng chí đó tiếp tục phát huy khả năng và kinh nghiệm đóng góp cho việc chung.

Công tác phát triển Đảng được đẩy mạnh, bảo đảm tiêu chuẩn và chất lượng, đã tổ chức bồi dưỡng, giáo dục thanh niên tạo nguồn phát triển Đảng.

3. Đại hội IX của Đảng một lần nữa nhấn mạnh: "Tất cả các đảng bộ, chi bộ ở cơ sở đều nắm vững và thực hiện đúng chức năng là hạt nhân lãnh đạo đối với chính quyền, đoàn thể, các tổ chức kinh tế, sự nghiệp, các mặt công tác và các tầng lớp nhân dân ở cơ sở, nâng cao tính chiến đấu, khắc phục tình trạng thụ động, ỷ lại, buông lỏng vai trò lãnh đạo.

Cấp uỷ cấp trên tập trung chỉ đạo củng cố các đảng bộ, chi bộ yếu kém, kịp thời kiện toàn cấp uỷ và tăng cường cán bộ ở những nơi có nhiều khó khăn, nội bộ mất đoàn kết. Nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp uỷ, chi bộ. Phân công, hướng dẫn, kiểm tra đảng viên chấp hành nhiệm vụ, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu trong công tác, học tập và lối sống; giữ mối liên hệ với quần chúng nơi công tác, với chi bộ và nhân dân nơi cư trú.

Phát triển đảng viên theo đúng tiêu chuẩn quy định, chú ý những người ưu tú trong công nhân, trí thức, lao động thuộc các thành phần kinh tế, đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, những nơi còn ít hoặc chưa có đảng viên. Đổi mới việc phân tích, đánh giá chất lượng "các tổ chức cơ sở và đảng viên".

Câu hỏi: Tiến hành công tác chính trị, tư tưởng ở cơ sở, tổ chức đảng và đảng viên phải chú ý những nội dung, nguyên tắc gì?

Trả lời:

Công tác chính trị, tư tưởng là một lĩnh vực rộng lớn, do nhiều cơ quan, tổ chức, nhiều cấp và nhiều người cùng làm.

1. Để hiểu được những công việc cần làm ở cơ sở trên lĩnh vực công tác chính trị, tư tưởng, cần quán triệt những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo chung của Đảng, rồi từ đó vận dụng vào điều kiện cụ thể của địa phương, đơn vị mình.

a. Hội nghị Trung ương 5 (khoá IX) nhận định: *"Nhìn chung, tình hình tư tưởng trong Đảng và trong nhân dân hiện nay là: mặt tích cực và tiêu cực đan xen nhau, trong đó mặt tích cực là cơ bản, đã và đang quyết định chiều hướng phát triển của xã hội, là nhân tố quan trọng tạo lên thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước; tuy vậy, mặt tiêu cực có lúc, có nơi cũng còn rất nghiêm trọng, thực sự là nguy cơ tiềm ẩn, liên quan đến sự mất còn của Đảng, của chế độ".*

Từ Đại hội lần thứ VI của Đảng đến nay, trình độ lý luận của Đảng ta đã có bước phát triển rõ rệt. Đảng đã không ngừng đổi mới phương pháp tư duy lý luận, kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, khắc phục bệnh giáo điều, chủ quan, duy ý chí, mở ra bước chuyển biến quan trọng trong tư duy lý luận, từng bước xây dựng và hoàn chỉnh đường lối đổi mới toàn diện, làm cho nước ta có bước phát triển ngày càng mạnh mẽ; giải đáp có căn cứ khoa học một số vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn; nhận thức đầy đủ hơn nội dung, giá trị và tầm vóc

của tư tưởng Hồ Chí Minh, khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng.

Công tác tư tưởng, lý luận của Đảng trong hơn 15 năm qua đã đạt được thành tựu quan trọng: những kết quả nghiên cứu lý luận gắn với tổng kết thực tiễn đã cung cấp nhiều luận cứ khoa học cho việc xây dựng, bổ sung và phát triển đường lối đổi mới của Đảng; góp phần tăng cường sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội. Chất lượng, hiệu quả của công tác tư tưởng, lý luận được nâng cao một bước. Các cấp uỷ đảng đã coi trọng việc tuyên truyền, giáo dục ý thức nâng cao cảnh giác cách mạng, vạch trần các thủ đoạn phá hoại về tư tưởng, góp phần làm thất bại một bước chiến lược "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch.

Mặt yếu kém, bất cập của công tác tư tưởng là còn thiếu sắc bén, tính chiến đấu chưa cao, phương pháp chưa linh hoạt, chưa tạo được nhận thức thống nhất cao và thông suốt đối với một số vấn đề trong đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng. Chưa thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng; chưa phê phán mạnh và đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, tư tương cơ hội, thực dụng, những quan điểm mơ hồ, sai trái, khuynh hướng "thương mại hoá", lai căng, chạy theo thị hiếu tầm thường trong hoạt động báo chí, xuất bản, văn hoá, văn nghệ. Công tác lý luận chưa theo kịp sự phát triển và yêu cầu của cách mạng. Công tác tư tưởng chưa gắn với công tác tổ chức, xây dựng cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

b. Từ tình hình trên, phương hướng chung của công tác tư tưởng, lý luận của Đảng được đặt ra là: Kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, sự lãnh đạo và các nguyên tắc hoạt động của Đảng; quán triệt đường lối đổi mới, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn dân, từ Trung ương đến cơ sở. Đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương pháp công tác tư tưởng; đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, góp phần làm rõ hơn nữa con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đồng thời triển khai liên tục và sâu rộng công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm phát huy chủ nghĩa yêu nước, phẩm chất đạo đức cách mạng, năng lực sáng tạo, ý chí tự lực tự cường đi đôi với đề cao tinh thần quốc tế chân chính; khơi dậy và nâng cao ý chí cách mạng tiến công, tinh thần đại đoàn kết dân tộc, quyết tâm nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, cổ vũ phong trào thi đua yêu nước, động viên khí thế và tinh thần chủ động sáng tạo trong lao động, học tập và công tác, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

c. Công tác tư tưởng lý luận tập trung vào sáu nhiệm vụ chủ yếu:

- Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, tiếp tục làm sáng tỏ hơn lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị tạo sự thống nhất cao hơn nữa trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân.

- Công tác tư tưởng, lý luận phải góp phần giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc, chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng, chặn đà suy thoái về đạo đức, lối sống.

- Chủ động tiến công, triển khai có hiệu quả cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận, làm thất bại chiến lược "diễn biến hoà bình", âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

- Thực hiện nghiêm túc những chỉ thị, quy định của Đảng về bảo vệ Đảng: xử lý kịp thời theo pháp luật và kỷ luật đảng mọi hoạt động phát tán tài liệu xấu, thông tin bịa đặt, các thư nặc danh, mạo danh có nội dung xấu.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, cổ động báo chí - xuất bản, văn hoá văn nghệ, thông tin đối ngoại.

Tuỳ theo chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng loại cơ sở đảng, mỗi cơ sở đảng tiến hành đồng thời và có hiệu quả sáu nhiệm vụ trên đây, không coi nhẹ mặt nào.

d. Bảy giải pháp lớn thực hiện nhiệm vụ công tác tư tưởng, lý luận:

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và vai trò quản lý của Nhà nước. Bí thư cấp uỷ, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải có chương trình, kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư tưởng, lý luận; coi trọng nắm bắt, phân tích, dự báo diễn biến tư tưởng và có biện pháp xử lý kịp thời các tình huống tư tưởng, tăng cường kiểm tra các hoạt động tư tưởng của cấp dưới và trong đơn vị, gắn chặt với tổng kết thực hiện nhiệm vụ chính trị.

- Mở rộng dân chủ, phát huy tự do tư tưởng, khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận, đồng thời giữ nghiêm kỷ cương trong việc phổ biến kết quả nghiên cứu.

Nêu cao vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành kiên quyết thực hiện "nói đi đôi với làm, nói và làm đúng đường lối, chính sách, pháp luật"; mỗi cán bộ, đảng viên và gia đình phải thật sự là tấm gương mọi mặt cho quần chúng noi theo.

- Tích cực đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, lý luận.

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy, tăng cường đầu tư cho công tác tư tưởng, lý luận.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp để đẩy mạnh công tác tư tưởng, theo phương châm "toàn Đảng làm công tác tư tưởng", "lấy quần chúng giáo dục quần chúng".

- Đổi mới nội dung, phương pháp công tác tư tưởng, lý luận, theo hướng gắn với thực tiễn, phù hợp với từng đối tượng, hiệu quả thiết thực, giải đáp được những vấn đề đặt ra từ thực tiễn; coi trọng tuyên truyền gương người tốt, việc tốt, nhân tố mới tích cực.

2. Từng đảng bộ, chi bộ phải chú ý làm tốt một số công việc cụ thể:

a. Làm tốt việc giáo dục tư tưởng trong các tầng lớp nhân dân (xã, phường, thị trấn), trong cán bộ, đảng viên, công chức, nhân viên đơn vị (đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, cơ quan), cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên quốc phòng (đơn vị lực lượng vũ trang), nhằm phát huy tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội của các tầng lớp nhân dân và cán bộ, đảng viên, công chức, công nhân trong từng cơ quan, đơn vị; xây dựng tinh thần làm chủ, đoàn kết, đùm bọc, thương yêu, giúp đỡ nhau, đoàn kết dân tộc, tôn giáo (xã, phường, thị trấn), xây dựng tinh thần làm chủ, ý thức cần, kiệm, liêm, chính, tình đoàn kết thương yêu, hợp tác, giúp đỡ nhau trong cán bộ, công nhân, công chức các cơ quan, đơn vị.

b. Làm cho nhân dân (xã, phường), cán bộ, công nhân, công chức (các đơn vị khác) hiểu và chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương nhiệm vụ của cấp trên và của cơ sở; hiểu được tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân (hoặc của cán bộ, công chức, công nhân, nhân viên) để kịp thời giải quyết và báo cáo lên cấp trên; không ngừng nâng cao trình độ dân trí và trình độ kiến thức nghiệp vụ, tay nghề và năng lực hoạt động thực tiễn của cán bộ, đảng viên, công nhân, công chức.

c. Chống những tư tưởng và việc làm trái với đường lối, chính sách của Đảng pháp luật của Nhà nước và nghị quyết, chỉ thị của cấp trên; chống tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, cục bộ, bè phái, gia trưởng, tác phong quan liêu, xa rời thực tế, vô tổ chức, vô kỷ luật, thiếu tinh thần trách nhiệm, ý thức hợp tác, tham vọng quyền lực, gây rối và làm mất đoàn kết nội bộ; chống tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực khác, chống các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội khác.

d. Đặc biệt, trong giai đoạn phát triển nền kinh tế nhiều thành phần và mở cửa hiện nay luôn luôn phải chú trọng chống lại các âm mưu thủ đoạn "diễn biến hoà bình" của các thực thù địch; chống lại các tác động, biểu hiện tiêu cực của kinh tế thị trường trong các hoạt động của tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân.

Tóm lại, nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng là làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên và quần chúng thấm nhuần sâu sắc các quan điểm, đường lối, nguyên tắc, chính sách đổi mới được thể hiện trong các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật Nhà nước; vừa đấu tranh tiếp tục khắc phục bệnh giáo điều, bảo thủ, kỳ thị kinh tế hàng hoá và cơ chế thị trường, vừa đấu tranh chống những khuynh hướng xa rời định hướng xã hội chủ nghĩa và các biểu hiện tiêu cực, tệ nạn xã hội khác.

Quá trình tiến hành công tác chính trị, tư tưởng, phải chú ý những vấn đề có tính nguyên tắc:

a. Phải thể hiện tính đảng, tính giai cấp và tính chiến đấu cao, không tuỳ tiện;

b. Phải xuất phát từ đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của cấp trên và đơn vị mình, đi sâu vào các lĩnh vực hoạt động và đời sống của quần chúng, của cán bộ, công nhân, công chức, sát hợp từng loại đối tượng;

c. Phải có kế hoạch, chủ động, sáng tạo, thiết thực, cụ thể, bảo đảm chất lượng, hiệu quả cao, không làm hình thức, chiếu lệ...

Quá trình làm công tác chính trị, tư tưởng, phải kết hợp chặt chẽ giữa công tác tư tưởng và công tác tổ chức. Công tác tư tưởng phải có tính quần chúng rộng rãi, phát huy được sức mạnh tổng hợp của nhiều tổ chức, nhiều người.

Câu hỏi: Nêu những nội dung cơ bản và những điểm mới của Cương lĩnh 2011?

Trả lời:

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) - gọi tắt là Cương lĩnh 2011 về cơ bản giữ lại những nội dung quan trọng của Cương lĩnh 1991 mà cho đến nay qua sự kiểm nghiệm của thời gian chúng ta thấy vẫn còn nguyên giá trị. Chúng ta bổ sung và phát triển thêm nhiều nội dung mới mà những nội dung ấy phải đảm bảo được nguyên tắc: Một là, đây là những nội dung cho đến nay đã rõ, đã thống nhất, đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn, đã được thể hiện, được khẳng định trong nghị quyết các Đại hội, các Hội nghị Trung ương; Hai là, không đưa vào Cương lĩnh 2011 những nội dung chưa rõ, chưa được nhận thức, chưa được khẳng định tính đúng đắn trong thực tiễn.

Cương lĩnh 2011 cơ bản giữ kết cấu tổng thể của Cương lĩnh 1991. Có 4 phần lớn: Phần thứ nhất, quá trình cách mạng Việt Nam và những bài học kinh nghiệm; phần thứ hai, thời kỳ quá độ đi lên CNXH ở nước ta; phần thứ ba, những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; phần thứ tư, về hệ thống chính trị và sự lãnh đạo của Đảng. Đây là 4 phần được kết cấu rất chặt chẽ; phần đầu là chuẩn bị và mở ra cho phần tiếp theo; phần tiếp theo là cụ thể hóa những nội dung của phần trước đó.

Phần thứ nhất: Quá trình cách mạng và những bài học kinh nghiệm

1. Về quá trình cách mạng, có hai điểm chúng ta cần chú ý.

Điểm thứ nhất, Cương lĩnh đã khẳng định những thắng lợi vĩ đại, những thành tựu to lớn của cách mạng Việt Nam 80 năm qua. Cương lĩnh 1991 được xây dựng và ban hành năm 1991- tức là tổng kết và nhìn lại 60 năm cách mạng Việt Nam. Trong Cương lĩnh 1991 có điểm lại quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam qua 3 chặng đường chính: một là, thời kỳ đấu tranh giành chính quyền, tiến hành kháng chiến để bảo vệ chính quyền, bảo vệ thành quả cách mạng qua các năm 1930, 1945, 1954, 1975, coi đó là một chặng đường lớn; hai là, chặng đường cả nước đi lên CNXH; ba là, những năm đầu đổi mới.

Cương lĩnh 1991 nhìn lại quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam theo các thời kỳ, giai đoạn phát triển của cách mạng. Đến Cương lĩnh 2011, trên cơ sở kế thừa những nội dung của Cương lĩnh 1991 có khái quát hơn, bổ sung thêm quá trình thực tiễn của 20 năm đổi mới và nhấn mạnh vào 3 thắng lợi vĩ đại: một là, Cách mạng Tháng Tám; hai là, những cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc, bảo vệ độc lập chủ quyền và làm tròn nghĩa vụ quốc tế; ba là, thắng lợi của công cuộc đổi mới. Cách trình bày về quá trình cách mạng Việt Nam trong Cương lĩnh 2011 so với Cương lĩnh 1991 khái quát hơn, đánh giá, cân nhắc chính xác hơn, có tính đến sự tinh tế trong quan hệ quốc tế.

Nhìn lại quá trình cách mạng Việt Nam, trong Cương lĩnh 1991 cũng như trong Cương lĩnh 2011 đều có phần đánh giá một cách rất nghiêm khắc những sai lầm, khuyết điểm của Đảng ta trong quá trình lãnh đạo cách mạng. Cương lĩnh 1991 viết dài hơn, cụ thể hơn. Cương lĩnh 2011 viết khái quát hơn, sâu sắc hơn, trong đó nhấn mạnh, trong quá trình lãnh đạo, cũng có lúc Đảng mắc khuyết điểm, sai lầm, có những khuyết điểm, sai lầm nghiêm trọng. Nguyên nhân của khuyết điểm, sai lầm nghiêm trọng đó chính là bệnh chủ quan, giáo điều, duy ý chí và chính vì chủ quan, giáo điều, duy ý chí mà chúng ta đã vi phạm quy luật phát triển khách quan. Cương lĩnh 2011 cũng phản ánh thái độ của Đảng ta trong việc nhận thức và sửa chữa sai lầm, nêu rõ Đảng ta đã kịp thời và nghiêm túc nhận ra những khuyết điểm, sai lầm và quyết tâm sửa chữa khuyết điểm, sai lầm, quyết tâm tự đổi mới, chỉnh đốn Đảng để tiếp tục đưa cách mạng Việt Nam tiến lên.

Điểm thứ hai, trên cơ sở đánh giá những thắng lợi của 80 năm qua, Cương lĩnh 2011 nhấn mạnh 3 thành tựu hết sức quan trọng, ba sự thay đổi có tính cách mạng: Thành tựu thứ nhất là sự thay đổi vận mệnh đất nước, dân tộc. Chính nhờ những thắng lợi vĩ đại nói trên mà vận mệnh đất nước thay đổi, từ một xứ nô lệ của thực dân Pháp trở thành một quốc gia độc lập, có chủ quyền, độc lập, phát triển theo con đường XHCN. Thành tựu thứ hai là sự thay đổi thân phận con người. Chính nhờ những thắng lợi vĩ đại đó mà con người Việt Nam ta từ thân phận của những người nô lệ đã trở thành những người làm chủ đất nước và xã hội. Thành tựu thứ ba có ý nghĩa lịch sử là sự thay đổi cục diện và vị thế của đất nước, từ một đất nước nghèo, kém phát triển chúng ta đã đẩy mạnh CNH, HĐH, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và thế giới.

2. Nội dung cuối cùng của phần thứ nhất đúc kết những bài học kinh nghiệm lớn qua 80 năm. Trong Cương lĩnh 1991, trên cơ sở thực tiễn 60 năm, Đảng ta có đưa ra 5 bài học lớn: một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH; hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; ba là, không ngừng củng cố và tăng cường đoàn kết, đoàn kết trong nội bộ Đảng, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế; bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế; năm là, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng

lợi của cách mạng Việt Nam. Năm bài học mà Cương lĩnh 1991 tổng kết, đúc kết là sự kết hợp khá nhuần nhuyễn các nhân tố về chính trị, tư tưởng, tổ chức, các nhân tố bên trong và bên ngoài để tạo thành sức mạnh tổng hợp quyết định thắng lợi của cách mạng nước ta trong 60 năm qua.

Cương lĩnh 2011 kế thừa về cơ bản 5 bài học được trình bày trong Cương lĩnh 1991, nhưng bổ sung, hoàn thiện, làm sâu sắc hơn, cập nhập hơn một số ý sau đây: một là, bổ sung và làm sâu sắc hơn bài học về sự gắn bó máu thịt với nhân dân. Cương lĩnh 1991 khẳng định, vấn đề quan hệ với dân, lấy dân làm gốc, dân làm chủ là quan trọng, đến Cương lĩnh 2011 đã chỉ ra những nguy cơ nếu Đảng xa rời dân. Cương lĩnh 2011 có một đoạn bổ sung: quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ XHCN và của Đảng. Hai là, Cương lĩnh 2011 nhấn mạnh sự kiên định ý chí độc lập, tự chủ gắn liền với tinh thần hợp tác quốc tế, phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực. Ba là, đề cao tầm quan trọng đặc biệt sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. Trong Cương lĩnh 1991, chúng ta thể hiện bài học về sự lãnh đạo của Đảng: "Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng", đến Cương lĩnh 2011, thay hai từ "bảo đảm" bằng từ "quyết định" nhấn mạnh sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Trong nội dung của Cương lĩnh 2011, phần thứ nhất tuy gọn nhưng rất quan trọng. Đây không đơn giản là phần đặt vấn đề, phần mở đầu của Cương lĩnh mà là sự khẳng định tính đúng đắn và giá trị tư tưởng, hành động của Đảng ta, của nhân dân ta trong chặng đường 80 năm qua, khẳng định giá trị cách mạng và khoa học của các cương lĩnh trước đó. Một sự khẳng định hết sức quan trọng khi mà bên ngoài các thế lực chống đối, các thế lực thù địch phê phán chúng ta đi sai đường, chệch đường, chọn CNXH là đi vào đường hầm bế tắc. Cương lĩnh khẳng định lại những thắng lợi vĩ đại, những thành tựu có ý nghĩa lịch sử chính là khẳng định tính đúng đắn được kiểm chứng trong thực tiễn con đường chúng ta đang đi, sẽ đi; khẳng định tính đúng đắn của những tư duy, những tư tưởng đã được thể hiện trong những cương lĩnh cách mạng. Phần này có thể nói là phần đặt cơ sở về nhận thức lý luận và cơ sở thực tiễn cho những nội dung của 3 phần tiếp theo.

Phần thứ hai: Quá độ lên CNXH ở nước ta

Đây là phần rất quan trọng của Cương lĩnh 2011, trình bày những quan điểm, tư tưởng cốt lõi nhất của Đảng ta, những nhận thức quan trọng nhất của Đảng ta về bối cảnh thời đại ngày nay, về mục tiêu, về mô hình CNXH mà chúng ta xây dựng, về định hướng phát triển đất nước trong vài thập kỷ tới. Trong phần này có mấy điểm cần lưu ý sau đây:

1. Trước hết, phần này thể hiện nhận thức nhất quán của Đảng ta về thời kỳ quá độ. Trong quá trình nghiên cứu, chuẩn bị bổ sung, phát triển Cương lĩnh 2011, về lý luận có những ý kiến tranh luận. Có một số đồng chí nói là có lẽ không nên dùng khái niệm "thời kỳ quá độ", chỉ nên dùng

khái niệm "quá độ". Có đồng chí nói nên gọi là Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ mới, hoặc là xây dựng đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH, hội nhập quốc tế. Vì sao lại nói là không nên dùng khái niệm "thời kỳ quá độ" , bởi vì nội hàm thời kỳ quá độ, các đặc điểm thời kỳ quá độ chưa rõ lắm. Nếu theo nhận thức cũ thì thời kỳ quá độ hình như bây giờ không còn phù hợp nữa. Nhận thức mới về đặc trưng thời kỳ quá độ là thế nào? Cũng chưa thật rõ lắm. Về phân kỳ thời kỳ quá độ, có bao nhiêu giai đoạn, bắt đầu từ đâu và bao giờ kết thúc, cũng chưa rõ lắm. Quả thật vấn đề "thời kỳ quá độ" còn cần phải tiếp tục nghiên cứu để làm sâu sắc hơn, rõ hơn. Quá độ về chính trị thế nào? Quá độ về kinh tế thế nào? Quá độ về văn hóa thế nào? Quá độ xã hội thế nào? Trong Cương lĩnh khi đưa ra những đặc trưng của mô hình CNXH cũng đã phần nào nói đến những đặc điểm, đặc trưng của thời kỳ quá độ. Khi phân tích bối cảnh của thời đại ngày nay cũng đã phần nào nói đến tính chất của thời kỳ quá độ. Tuy nhiên, chúng ta vẫn cần tiếp tục nghiên cứu một cách có hệ thống cho rõ hơn, tạo sự thống nhất cao hơn. Chúng ta cần phải nghiên cứu sâu hơn cách phân kỳ thời kỳ quá độ để hình dung được lộ trình, con đường thực hiện trong thời kỳ quá độ. Chúng ta thống nhất nhận thức rằng, thời kỳ quá độ là một thời gian rất dài, song ở nước ta dài là khoảng bao nhiêu năm? dưới 100 năm hay trên 100 năm và trong chặng đường 100 năm hoặc trên 100 năm ấy thì về đại thể sẽ có những giai đoạn nào? Bước đi thế nào? Vấn đề này cũng đã nghiên cứu nhưng cần phải tiếp tục làm rõ hơn.

Sau khi thảo luận, tranh luận, Bộ Chính trị đã trình Trung ương, trình Đại hội XI thì vẫn đạt sự thống nhất cao là cần thiết phải dùng khái niệm "thời kỳ quá độ". Sự cần thiết này căn cứ vào những cơ sở nhận thức lý luận và căn cứ vào tổng kết thực tiễn. Về mặt nhận thức lý luận thì từ một hình thái kinh tế - xã hội này sang một hình thái kinh tế - xã hội khác tất yếu phải có một giai đoạn chuyển tiếp; từ chủ nghĩa tư bản sang CNXH tất yếu phải có một giai đoạn dài, chuyển tiếp rất lâu dài. Các Mác đã dùng khái niệm thời kỳ quá độ từ tư bản chủ nghĩa lên hình thái cộng sản chủ nghĩa. Lênin cụ thể hóa khái niệm giai đoạn chuyển tiếp từ chủ nghĩa tư bản lên cộng sản chủ nghĩa qua 3 thời kỳ, trong đó có thời kỳ đầu là thời kỳ quá độ, mà Lênin gọi là "thời kỳ đau đẻ kéo dài".

Đặc điểm nổi bật nhất của thời kỳ quá độ là gì? Đó là thời kỳ cái cũ vẫn đang tồn tại và bị triệt tiêu dần, chuyển hóa dần; cái mới từng bước xuất hiện ngày càng lớn lên; cái cũ chưa mất đi, cái mới chưa hình thành đầy đủ, cái cũ, cái mới đan xen nhau, tác động lẫn nhau. Do vậy, để khắc phục, chuyển hóa cái cũ, để chăm lo bồi đắp, phát huy cái mới, khẳng định cái mới cần phải có một thời kỳ dài với các phương pháp, phương thức, các hình thức tổ chức quá độ trung gian. Đây là một thời kỳ đòi hỏi chúng ta phải có một sự vững vàng, kiên định về nguyên tắc, nhưng hết sức mềm dẻo, linh hoạt về phương pháp, phương thức tổ chức.

Trong phương pháp, phương thức, trong hình thức tổ chức, thời kỳ quá

độ là thời kỳ diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa cái cũ, cái mới, cái đúng, cái sai. Về thực tiễn, chúng ta bắt tay vào xây dựng CNXH ở miền Bắc từ năm 1954 cho đến nay đã trải qua mấy chục năm. Thực tiễn cho thấy để chuyển một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, mà thực chất có thể nói là một xã hội tiền tư bản lên CNXH thật sự là một quá trình lâu dài, gian khổ, phức tạp, đòi hỏi những bước đi quá độ, những hình thức tổ chức trung gian, lúc tiến, lúc lùi, có những lúc khó khăn, có những lúc khủng hoảng. Nhận thức lý luận cũng thế, thực tiễn diễn ra cũng thế, cho nên cần thiết phải nghiên cứu sâu hơn về thời kỳ quá độ. Trong tư tưởng, trong chỉ đạo thực tiễn cũng cần thiết phải nhận thức thời kỳ quá độ để chúng ta cố gắng, quyết tâm khắc phục cho được nguyên nhân sâu xa dẫn đến sai lầm. Chủ quan, nóng vội, muốn đốt cháy giai đoạn, duy ý chí, chính là do không nhận thức đầy đủ tính chất lâu dài, phức tạp của thời kỳ quá độ, muốn có ngay một sớm, một chiều CNXH.

Chúng ta cũng cần tỉnh táo để không mắc bẫy luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, rằng "CNXH ở Việt Nam nói một đằng, làm một nẻo, nói thì hay lắm, dân chủ, bình đẳng hơn triệu lần CNTB, nhưng thực tế không có". Chúng ta đang phấn đấu đến cái tốt đẹp, phấn đấu đến một nền dân chủ đích thực, bình đẳng đích thực gấp triệu lần chế độ tư bản. Đây là điều chúng ta phải làm, quyết làm, song, trước mắt, khi đất nước còn nhiều khó khăn về kinh tế, xã hội, khi cái cũ, cái mới còn đan xen, tác động lẫn nhau, trong thời kỳ quá độ, chúng ta buộc phải chấp nhận còn có bóc lột, còn có bất công, còn có tiêu cực. Sẽ đẩy lùi, khắc phục từng bước để xã hội ngày càng tốt đẹp hơn. Cũng cần hiểu để có thể bình tĩnh hơn, tránh ngộ nhận ta đã có CNXH rồi, hoang mang không tự giải thích được nghịch lý đang tồn tại, dẫn đến bi quan: chả nhẽ CNXH mà như thế này sao?

2. Trong phần thời kỳ quá độ có 2 nội dung lớn:

- Nội dung thứ nhất, bối cảnh quốc tế trong thời đại ngày nay. Trong Cương lĩnh 1991 có phần phản ánh và dự báo tình hình quốc tế những năm cuối thế kỷ XX. Nhiều nhận định và đánh giá của Cương lĩnh 1991 cho đến bây giờ vẫn còn giá trị. Tuy nhiên, 20 năm qua, cục diện và tình hình thế giới đã có những thay đổi lớn, xuất hiện nhiều xu hướng, nhiều khuynh hướng, nhiều tình huống rất mới, rất bất ngờ, khó lường (Chẳng hạn, năm ngoái có ai hình dung trong thời gian ngắn, ở Bắc Phi và Trung Đông diễn ra cuộc biến động chính trị làm rung động toàn cầu!). Trên cơ sở nhận thức, phân tích, mổ xẻ diễn biến của 20 năm trong đời sống quốc tế, Cương lĩnh 2011 có bổ sung, phát triển thêm, cập nhập hóa và đưa ra những dự báo tổng thể về bối cảnh quốc tế trong thời đại ngày nay. Vấn đề khái niệm thời đại rộng lắm: thời đại đồ đá, thời đại đồ đồng... Thời đại chúng ta muốn nói là thời đại trong bối cảnh ngày nay. So với Cương lĩnh 1991, phần trình bày về bối cảnh quốc tế trong Cương lĩnh 2011 đầy đủ hơn, cập nhập hơn, phong phú hơn trong đó có 6 nhóm vấn đề được đề cập trong Cương lĩnh: Nhóm vấn đề thứ nhất, đặc điểm và xu thế chung của thời đại ngày nay, trong đó

có nói đến cách mạng khoa học công nghệ; đến kinh tế tri thức; đến toàn cầu hóa, xem đó như là 3 nhân tố mà trong những thập niên tới sẽ tác động mạnh mẽ đến đời sống của các quốc gia, đời sống nhân loại. Nói đến các mâu thuẫn cơ bản của thời đại. Bây giờ dù được biểu hiện dưới các hình thức mới, các phương thức mới, nhưng về cơ bản các mâu thuẫn thời đại vẫn đang tồn tại. Nói đến xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ thì vẫn là xu thế lớn. Nhưng bên cạnh xu hướng chính ấy vẫn luôn diễn ra, luôn tiềm ẩn sự cạnh tranh, xung đột cục bộ, nhất là sự cạnh tranh ngày càng gay gắt về nguyên liệu, về địa bàn chiến lược. Có dự báo về sự năng động và các nguy cơ mất ổn định tiềm ẩn ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Nhóm vấn đề thứ hai là nhận định và đánh giá về CNXH trước đây và hiện nay, trong đó có đánh giá thành tựu và đóng góp to lớn của Liên Xô và hệ thống CNXH trước đây; đánh giá những tổn thất thực tế sau khi mô hình CNXH ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ; sự phục hồi đầy khó khăn của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Nhóm vấn đề thứ 3 là đưa ra nhận định, đánh giá về chủ nghĩa tư bản hiện đại. Chúng ta thừa nhận tiềm năng còn có của chủ nghĩa tư bản và cũng chỉ ra được bản chất và mâu thuẫn không thể khắc phục được của chủ nghĩa tư bản hiện đại, đặc biệt là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hoá ngày càng cao của lực lượng sản xuất hiện đại với chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Chính bản thân các nước tư bản nhận thức rất sâu sắc về vấn đề này. Những ý kiến phát biểu của những người đứng đầu các nước tư bản chủ nghĩa trong Hội nghị ở Đavốt (Thụy Sĩ) khi đánh giá khủng hoảng tài chính, tiền tệ, suy giảm kinh tế toàn cầu (2008 - 2009) cho thấy chính những người lãnh đạo, những lý thuyết gia của chủ nghĩa tư bản đã nhận thấy chủ nghĩa tư bản như mô hình hiện nay không còn hợp lý nữa, chứa đựng những bất công, những bất hợp lý cần phải thay đổi. Cương lĩnh 2011 nhận định, sự tác động của mâu thuẫn cơ bản và phong trào của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, nhân loại tiến bộ sẽ quyết định vận mệnh cuối cùng của chủ nghĩa tư bản. Đây là nhận định khách quan, không phải là suy nghĩ chủ quan của chúng ta. Nhóm vấn đề thứ tư là đánh giá tình hình các nước đang phát triển và kém phát triển trong bối cảnh thế giới sôi động. Nhóm vấn đề thứ năm là những vấn đề toàn cầu đang và ngày càng tác động đến vận mệnh của loài người. Nhóm vấn đề thứ sáu là nhận định về đặc điểm lớn nhất trong giai đoạn hiện nay của thời đại. Trong Cương lĩnh 1991 nhấn mạnh cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp gay go, quyết liệt. Cái đó đúng với thực tiễn giai đoạn đó. Qua diễn biến của tình hình thế giới, cục diện thế giới trong 20 năm, Cương lĩnh 2011 đưa ra nhận thức về đặc điểm lớn nhất trong giai đoạn hiện nay của thời đại là các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau, cùng tồn tại, vừa hợp tác, vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Toàn cầu hóa, thế giới phẳng, lợi ích của các nước vượt ra ngoài phạm vi các quốc gia, nhu cầu phải hợp tác trên phạm vi quốc tế ngày càng trở nên phổ biến. Các quốc gia lớn, nhỏ, mạnh, yếu tùy thuộc lẫn nhau, ràng buộc lẫn nhau tạo thành một xu thế,

một hiện thực là các nước tuy có chế độ xã hội khác nhau, trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, cùng hợp tác vì mục tiêu chung là hòa bình và phát triển. Nhưng bên cạnh đặc điểm nổi bật ấy, vẫn còn tồn tại xu hướng đấu tranh, cạnh tranh quyết liệt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Chưa bao giờ vấn đề lợi ích của quốc gia, dân tộc lại được đặt thành trung tâm điểm trong chiến lược phát triển của các nước như giai đoạn bây giờ và sắp tới.

Kết lại toàn bộ nhận định bối cảnh quốc tế thì có một luận điểm rất quan trọng là: "cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức nhưng có bước phát triển mới. Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới CNXH". Đây là quy luật khách quan. Ngay cả những nhà lý luận tư bản cũng đã thấy rằng mô hình chủ nghĩa tư bản hiện đại không còn phù hợp nữa và phải tự vượt qua. Tất nhiên, họ không bao giờ chịu thừa nhận mô hình tự vượt qua ấy chính là mô hình của CNXH. Họ đưa ra các khái niệm xã hội hậu công nghiệp, xã hội hậu hiện đại, xã hội phúc lợi chung, xã hội tiêu thụ... Những cái đó đều là sự khẳng định rằng cái chủ nghĩa tư bản đang và tất yếu sẽ phải bị vượt qua. Chúng ta tin sự vượt qua ấy không có gì khác chính là CNXH. Điều này Các Mác đã dự báo, chính trong các nước tư bản phát triển đã chuẩn bị những tiền đề cho CNXH. Cho nên gọi là quá độ không chỉ là quá độ của từng nước từ chủ nghĩa tư bản lên CNXH mà quá độ có tính thời đại, một xu thế quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên CNXH. Đấy là con đường phát triển tất yếu: loài người sẽ tiến tới CNXH.

- Nội dung thứ hai, những đặc trưng của mô hình CNXH mà Đảng và nhân dân ta phấn đấu xây dựng, mục tiêu và những phương hướng cơ bản. Cương lĩnh 2011 đã kế thừa và tiếp tục hoàn thiện về mô hình CNXH ở nước ta. Cương lĩnh 1991 có phác họa sáu đặc trưng cơ bản của mô hình CNXH mà chúng ta xây dựng: (1) Do nhân dân lao động làm chủ; (2) Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; (3) Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; (4) Con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, làm theo năng lực hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; (5) Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; (6) Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới. Sáu đặc trưng đó đã thể hiện một mô hình khá toàn diện, phản ánh được đặc trưng chính trị, đặc trưng kinh tế, văn hóa, xã hội và các mối quan hệ bên trong và bên ngoài. Cương lĩnh 2011 bổ sung, hoàn thiện sáu đặc trưng được trình bày trong Cương lĩnh 1991 và bổ sung thêm hai đặc trưng mới.

Về sáu đặc trưng đã được trình bày trong Cương lĩnh 1991, trước hết, Cương lĩnh 2011 mở rộng biên độ "nhân dân làm chủ". Trong Cương lĩnh 1991 nói là "do nhân dân lao động làm chủ". Cương lĩnh 2011 nói là "do nhân dân làm chủ", bỏ 2 từ "lao động". Ý tứ là, đến khi chúng ta hoàn thành

xây dựng CNXH thì danh giới giữa nhân dân lao động và không lao động là không còn ý nghĩa nữa và giữa lao động chân tay và lao động trí óc không còn danh giới tuyệt đối nữa, mà nhân dân trong CNXH là một cộng đồng xã hội bao gồm những người lao động với các phương thức, hình thức lao động khác nhau, phù hợp với năng lực và sở trường của mình. Khái niệm "nhân dân làm chủ" dùng trong Cương lĩnh 2011 là bước nhận thức mới. Điểm thứ hai là điều chỉnh đặc trưng kinh tế theo một nhận thức đầy đủ hơn. Cương lĩnh 1991nhấn rất mạnh "chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu". Đến Đại hội X chúng ta kế thừa nhận thức đó, nhưng trình bày một cách đầy đủ hơn. Cương lĩnh 2011 nhấn mạnh sự tương thích giữa lực lượng sản xuất hiện đại với chế độ công hữu tư liệu sản xuất là muốn nhấn mạnh nội dung quan trọng nhất trong quan hệ sản xuất XHCN. Đại hội X nhấn mạnh là "có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất". Hiểu theo cách diễn đạt của Đại hội X, có nghĩa là, nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại không chỉ phù hợp với nội dung quan trọng nhất của quan hệ sản xuất XHCN mà phù hợp với toàn bộ các thành tố của quan hệ sản xuất XHCN. Trong quan hệ sản xuất thì rất quan trọng là vấn đề sở hữu, nhưng không kém phần quan trọng và ngày càng quan trọng là chế độ quản lý và chế độ phân phối. Nhấn mạnh "chế độ công hữu" là nhấn mạnh một nội dung quan trọng nhất, nhưng chưa phản ánh được hai nội dung cũng quan trọng của quan hệ sản xuất là "quản lý" và "phân phối". Đại hội X trình bày đầy đủ hơn, toàn diện hơn. Đến Cương lĩnh 2011 có hai điều chỉnh là, thêm chữ "tiến bộ" trước chữ "phù hợp" và bỏ vế sau "với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất". Đây là sự tiếp tục hoàn thiện nhận thức của Đảng ta về mối tương quan giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Khái niệm "quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp" được hiểu là quan hệ sản xuất không chỉ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất như là Cương lĩnh 1991 nói, mà phù hợp với xu thế phát triển khách quan của xã hội loài người; phù hợp với bản chất của chế độ XHCN và phù hợp với đường lối, chủ trương phát triển một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước mà chúng ta kiên trì thực hiện trong nhiều năm nay và trong lâu dài. Cách diễn đạt trong Cương lĩnh 2011 không trái với cách diễn đạt trong Cương lĩnh 1991 mà chính là sự kế thừa, bổ sung, hoàn thiện hơn nhận thức về tính chất của nền kinh tế chúng ta xây dựng trong CNXH. Nó phản ánh một cách biện chứng hơn, đầy đủ hơn, toàn diện hơn mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Điểm thứ ba, trong Cương lĩnh 2011 vẫn giữ nguyên đặc trưng văn hóa vì đặc trưng xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một đặc trưng rất đầy đủ, không cần bổ sung thêm. Đặc trưng thứ tư trong Cương lĩnh 2011 là đặc trưng về con người. Cương lĩnh 1991 viết quá cụ thể. Cương lĩnh 2011 diễn đạt khái quát hơn, nêu bật những tư tưởng cơ bản phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người: Con người có cuộc sống ấm

no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện. Nói như vậy là đủ, không cần phải diễn đạt quá chi tiết, quá cụ thể như trong Cương lĩnh 1991. Đặc trưng thứ năm về dân tộc. Cương lĩnh 2011 mở rộng phạm vi các dân tộc, thay cụm từ "các dân tộc trong nước" bằng cụm từ "các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam". Khái niệm "cộng đồng Việt Nam" rộng hơn khái niệm "trong nước". Cương lĩnh 1991 lúc ấy, do bối cảnh chính trị cụ thể, chưa thấy hết tầm quan trọng của việc tập hợp, đoàn kết một bộ phận máu thịt của dân tộc là cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Cương lĩnh 2011 sử dụng khái niệm "các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam" đầy đủ hơn, chặt chẽ hơn và thêm 2 cụm từ "tôn trọng lẫn nhau". Cương lĩnh 1991 nhấn mạnh các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ nhau, nhưng còn một điều nữa là tôn trọng nhau. Sự kì thị dân tộc phát sinh do chính sách "chia để trị" của thực dân, đế quốc trước đây, đến bây giờ vẫn còn để lại di căn tư tưởng kỳ thị dân tộc, coi thường lẫn nhau, nhất là các dân tộc thiểu số. Thêm cụm từ "tôn trọng" là nhằm khắc phục cho được sự kì thị dân tộc. Đặc trưng thứ sáu về quốc tế. Cương lĩnh 2011 bỏ 2 từ "nhân dân" trong cụm từ "có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các dân tộc trên thế giới" và thay bằng "có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới". Phạm vi "có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước" rộng hơn phạm vi "có quan hệ với nhân dân tất cả các nước", thể hiện đúng đường lối, quan điểm của Đảng ta quan hệ với các đảng (đảng cầm quyền, đảng cánh tả và đảng chính trị), quan hệ với các nước, các nhà nước có chế độ chính trị khác nhau.

Cương lĩnh 2011 có bổ sung 2 đặc trưng mới: Đặc trưng thứ nhất là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, đưa thành đặc trưng đầu tiên. Đây là đặc trưng tổng quát nhất, vừa phản ánh mục tiêu phấn đấu, vừa phản ánh bản chất chế độ XHCN mà Đảng và nhân dân ta xây dựng. Đặc trưng này đã được xác định từ Đại hội X, nhưng đến Cương lĩnh 2011 có sự điều chỉnh đưa "dân chủ" lên trên "công bằng". Đại hội X nói là "xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh". Cương lĩnh 2011 thì nói là "xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh". Đây không chỉ đơn thuần là sự đảo câu chữ cho vui mà là cả một quan niệm, cả một ý tưởng. Đưa "dân chủ" lên trên "công bằng" với hàm ý rằng, dân chủ chính là điều kiện tiên quyết, là nhân tố quan trọng để đảm bảo công bằng và tiến bộ xã hội; là để khẳng định tư tưởng rất nổi bật của Chủ tịch Hồ Chí Minh "dân chủ là bản chất của xã hội ta". Bác Hồ đã rất nhiều lần nói "xã hội ta là xã hội dân chủ". Đặc trưng thứ hai, có Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Đặc trưng này đã được xác định từ Đại hội X và được khẳng định trong Cương lĩnh 2011 thể hiện nhận thức của Đảng ta về vai trò rất quan trọng của Nhà nước trong đời sống xã hội. Trong quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp có khái niệm "chế độ quản lý". Trong chế độ quản lý đó có ý nghĩa là phát huy vai trò tham gia quản lý của nhân dân, đồng thời rất coi trọng vai trò quản lý của nhà nước. Đưa Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân thành một đặc trưng của mô hình là

đề cao vai trò, trách nhiệm của Nhà nước trước nhân dân. Nhà nước pháp quyền ấy vừa là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân nhưng đồng thời do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Nó khác với Nhà nước pháp quyền tư bản chủ nghĩa. Đưa đặc trưng này thành một đặc trưng trong mô hình CNXH còn có ý nghĩa khẳng định phương thức lãnh đạo của Đảng. Đảng lãnh đạo đất nước, lãnh đạo toàn xã hội bằng nhiều phương thức, trong đó rất quan trọng là Đảng lãnh đạo bằng Nhà nước, thông qua Nhà nước.

Như vậy đến Cương lĩnh 2011 đặc trưng mô hình CNXH đã được xây dựng thành một hệ thống gồm tám đặc trưng cơ bản. Tám đặc trưng ấy hình thành một chỉnh thể bổ sung lẫn nhau, hòa quyện với nhau để trở thành bản chất của CNXH. Có đồng chí nói xem ra những đặc trưng này không khác gì mấy với các nước tư bản chủ nghĩa, họ cũng nói thế này, thế kia. So sánh mô hình không đơn giản là so sánh từng thành tố mô hình mà phải so sánh tổng thể hệ thống các nhân tố đó. Trong tám đặc trưng của mô hình CNXH của chúng ta, đặc trưng nhân dân làm chủ, đặc trưng Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo là những đặc trưng rất quan trọng. Nó kết hợp với nhân tố khác, nó chế định và quy định các nhân tố khác, phản ánh thành một bản chất, một trạng thái riêng của chế độ XHCN của chúng ta.

Cương lĩnh 2011 xác định mục tiêu tổng quát đến khi kết thúc thời kỳ quá độ và mục tiêu phấn đấu của chúng ta đến giữa thế kỷ XXI. Về mục tiêu tổng quát, cơ bản Cương lĩnh 2011 giữ nội dung Cương lĩnh 1991, nhưng có điều chỉnh, bổ sung một số từ ngữ. Những từ ngữ này thể hiện một quan niệm.

Mục tiêu được diễn đạt như sau: "Cho đến khi kết thúc thời kỳ quá độ chúng ta xây dựng được (Trong Cương lĩnh 1991 là "xây dựng xong") về cơ bản nền tảng kinh tế của CNXH". "Xong" và "được" là 2 cấp độ khác nhau. Trong Cương lĩnh 1991 dùng khái niệm "xây dựng xong cơ sở kinh tế", Cương lĩnh 2011 "xây dựng cơ bản nền tảng kinh tế". "Nền tảng kinh tế" cao hơn, rộng hơn "cơ sở kinh tế".

Cương lĩnh 1991 viết: "Với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp tạo cơ sở nước ta trở thành một nước XHCN ngày càng phồn vinh". Trong Cương lĩnh 1991 không có 2 từ "hạnh phúc". Đến Cương lĩnh 2011 bổ sung thêm "phồn vinh, hạnh phúc". Cái quan trọng nó nằm ở từ "hạnh phúc". Quốc hiệu của chúng ta là "độc lập, tự do, hạnh phúc". Toàn bộ các văn kiện của chúng ta đặt vấn đề con người phải trở thành trung tâm của chiến lược phát triển. Phồn vinh có thể rất nhiều nước phồn vinh, nhưng không phải quốc gia phồn vinh nào cũng có hạnh phúc. Hạnh phúc phản ánh bản chất của chế độ xã hội. Đấy là mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ.

Về mục tiêu từ nay đến thế kỷ XXI tức là khoảng năm 2045 khi Nhà nước cách mạng của chúng ta tròn 100 năm thì chúng ta phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại theo định hướng XHCN. Đó là cái đích phải đến của quá trình CNH, HĐH; là quá trình giải quyết

về cơ bản các mối quan hệ giữa hạ tầng cơ sở và kiến trúc thượng tầng, giữa lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp, giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Chúng ta sẽ tiếp tục nghiên cứu để định lượng hóa, cụ thể hóa các tiêu chí về một nước công nghiệp hiện đại theo định hướng XHCN.

Những nội dung về đặc trưng, về mô hình, các định hướng lớn cũng là phác những nét khái quát về mục tiêu xây dựng một nước công nghiệp hiện đại theo định hướng XHCN. Đây còn là vấn đề "treo" về mặt lý luận, cần thiết phải tiếp tục nghiên cứu để cụ thể hóa hơn, nó là mục tiêu thể hiện một tư duy nhất quán của chúng ta. Khi chúng ta nói từ nay đến năm 2015 xây dựng nền tảng để trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại; đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, chính là từng bước chuẩn bị để đến giữa thế kỷ XXI trở thành một nước công nghiệp hiện đại theo định hướng XHCN.

Muốn thực hiện được hai mục tiêu trên phải xây dựng, cụ thể hóa một bước thành các phương hướng mà chúng ta phấn đấu xây dựng. Trong Cương lĩnh 1991 xác định 7 phương hướng cơ bản: (1) Xây dựng Nhà nước XHCN; (2) Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại; (3) Thiết lập từng bước quan hệ sản xuất XHCN, phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; (4) Tiến hành cách mạng XHCN trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa; (5) Thực hiện đại đoàn kết dân tộc, chính sách đối ngoại hòa bình, hợp tác, hữu nghị; (6) Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN; (7) Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Đến Cương lĩnh 2011, chúng ta sắp xếp lại trật tự, bổ sung thêm nội dung của từng phương hướng, tách vấn đề đối ngoại, quan hệ quốc tế thành một phương hướng riêng.

Phương hướng thứ nhất, bổ sung như sau: chúng ta không dùng khái niệm "công nghiệp hoá theo hướng hiện đại" như Cương lĩnh 1991 mà dùng khái niệm "đẩy mạnh CNH, HĐH" gắn với 2 vế sau mà Cương lĩnh 1991 chưa có: gắn với phát triển kinh tế tri thức, gắn với bảo vệ tài nguyên môi trường.

Phương hướng thứ hai, chúng ta nói gọn lại là phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Cương lĩnh 1991 viết dài: "phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước".

Phương hướng thứ ba, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Cương lĩnh 2011 bổ sung xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội - những nội dung rất mới phản ánh bước tiến trên con đường xây dựng CNXH ở nước ta.

Phương hướng thứ tư, bảo vệ vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, đồng thời chăm lo trật tự, an toàn xã hội. Trong xã hội hiện đại, các yếu tố an ninh phi truyền thống, các loại tội phạm xuyên quốc gia đang trở thành vấn đề toàn cầu, cho nên khái niệm "bảo vệ Tổ quốc" bên cạnh quốc phòng, an ninh còn có vấn đề cực kỳ quan trọng là "trật tự, an toàn xã hội".

Phương hướng thứ năm nói rõ hơn, đầy đủ hơn về đối ngoại: Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế là cái rất mới. Trước đây chỉ có một câu là "mở rộng quan hệ với nước ngoài".

Phương hướng thứ sáu là xây dựng một nền dân chủ XHCN, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất. Trong Cương lĩnh 1991 vấn đề dân chủ XHCN mới được đề cập bước đầu, nhấn mạnh chủ yếu là vấn đề đoàn kết đến Cương lĩnh 2011 đưa vấn đề dân chủ XHCN lên trên gắn với vấn đề đại đoàn kết dân tộc và khẳng định vai trò của Mặt trận Tổ quốc.

Phương hướng thứ bảy là xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Phương hướng thứ tám là xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Như vậy, tám phương hướng cơ bản nêu trên là những phương hướng chung nhất phải được tiến hành đồng bộ, triển khai đồng bộ. Thực hiện có kết quả tám phương hướng trên chính là điều kiện tiên quyết để đến giữa thế kỷ XXI nước ta có thể trở thành một nước công nghiệp hiện đại theo định hướng XHCN và đến khi kết thúc thời kỳ quá độ nước ta xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của CNXH với kiến trúc thượng tầng phù hợp. Việc thực hiện các phương hướng trên không tách rời nhau mà tác động qua lại lẫn nhau tạo thành chất lượng và hiệu quả của quá trình phát triển trong đó có các mối quan hệ lớn mà chúng ta cần nhận thức cho đúng và giải quyết cho hiệu quả. Nếu không quan tâm giải quyết đúng tám quan hệ này thì tám phương hướng nêu trên sẽ chệch hướng. Tám mối quan hệ lớn là: (1) Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; (2) Quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; (3) Quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng XHCN; (4) Quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất XHCN; (5) Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; (6) Quan hệ giữa xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN; (7) Quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; (8) Quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ.

Nhận thức và giải quyết một cách khoa học, biện chứng, tránh phiến diện, cục bộ, chủ quan, duy ý chí. Tám mối quan hệ này rất quan trọng. Ví dụ, ổn định, đổi mới, phát triển, không cẩn thận, chỉ lo ổn định mà không chú ý đổi mới để phát triển thì sẽ trì trệ, ngược lại, nếu nôn nóng làm tất cả cho phát triển mà không chú ý giữ gìn ổn định sẽ phá vỡ phát triển. Từng cặp quan hệ này đòi hỏi một nhận thức rất sâu, giải quyết rất hiệu quả.

Phần thứ ba, những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Chúng ta cần chú ý 3 điểm:

(1) Trong Cương lĩnh 1991 phần này được trình bày với tiêu đề những định hướng lớn về chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh, đối

ngoại. Đến Cương lĩnh 2011 điều chỉnh hai từ "chính sách" thành "phát triển" và bổ sung thêm một cụm từ "văn hoá" thành "những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại". Định hướng về phát triển, phạm vi định hướng mở rộng rất nhiều, định hướng chính sách cụ thể quá, nó bị khuôn quá, bó quá cho nên định hướng những chính sách trong Cương lĩnh 1991 nhiều nội dung được viết quá cụ thể. Đến Cương lĩnh 2011 định hướng phát triển, phạm vi định hướng rộng hơn, nên nội dung định hướng được trình bày bao quát hơn.

(2) Trong Cương lĩnh 1991 nội dung văn hóa không được đưa thành tiêu đề và được trình bày trong vấn đề xã hội, cho nên vấn đề văn hóa không được trình bày một cách đầy đủ và hệ thống, trong khi vấn đề văn hóa càng ngày càng trở nên vô cùng quan trọng. Bây giờ người ta nói, thời kỳ cạnh tranh về kinh tế đã và đang qua và cạnh tranh quan trọng nhất để khẳng định sức mạnh và độ bền vững của quốc gia là cạnh tranh văn hóa. Có người nói thế kỷ XXI là thế kỷ văn hóa. Trong Cương lĩnh 2011 nói đầy đủ hơn định hướng phát triển văn hóa. Trong Cương lĩnh 1991, nội dung về giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ được trình bày gắn với phát triển nguồn nhân lực, gắn với việc nâng cao trình độ kỹ thuật, công nghệ, trình độ sản xuất trong phần viết về định hướng chính sách kinh tế do vậy không trình bày một cách đầy đủ, hệ thống được những vấn đề của giáo dục - đào tạo, của khoa học - công nghệ. Cho nên đến Cương lĩnh 2011 chuyển nội dung giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ về phần văn hóa - xã hội, trình bày đầy đủ hơn, cặn kẽ hơn. Trong Cương lĩnh 1991, vấn đề an ninh được trình bày gắn với quốc phòng. Tiêu đề nói định hướng chính sách quốc phòng - an ninh là đúng vì quốc phòng và an ninh gắn với nhau. Nhưng nếu trình bày sự gắn ấy mà không thấy đặc thù của từng lĩnh vực thì không đầy đủ. Cương lĩnh 2011, vừa trình bày mối quan hệ khăng khít giữa quốc phòng và an ninh, vừa quan tâm thể hiện tính đặc thù của từng lĩnh vực. Đó là những điều chỉnh, đổi mới trong nhận thức, định hướng của Cương lĩnh 2011.

(3) Trong Cương lĩnh 1991, những nội dung định hướng chính sách đối với những lĩnh vực chủ yếu được phác họa trên cơ sở thực tiễn của mấy chục năm xây dựng CNXH trong điều kiện chiến tranh và trong thực tiễn 5 năm đầu còn rất chập chững, mới mẻ của sự nghiệp đổi mới. Cho nên nội dung định hướng trình bày trong Cương lĩnh 1991 tất yếu không tránh khỏi những hạn chế, chưa đầy đủ, chưa bao quát. Đến Cương lĩnh 2011 chúng ta có cả thực tiễn 25 năm đổi mới, thực tiễn 20 năm thực hiện Cương lĩnh 1991. Trên cơ sở tổng kết nghiêm túc thực tiễn ấy, có cơ sở để chúng ta xây dựng một cách chắc chắn hơn, đầy đủ hơn, toàn diện hơn những định hướng về các lĩnh vực:

Về định hướng phát triển kinh tế, chúng ta tiếp tục phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN với nhiều hình thức sở hữu, với nhiều thành phần kinh tế, với nhiều tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối. Cương lĩnh 2011 phân tích rõ các thành phần kinh tế có tư cách pháp nhân và tính chất của nó, vị trí, vai trò của từng thành phần kinh tế. Kinh tế Nhà nước

lâu dài vẫn giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể càng ngày càng phát triển và kinh tế Nhà nước cùng với kinh tế tập thể càng ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Có đồng chí nói kinh tế tập thể đang rất khó khăn, cùng với kinh tế Nhà nước nền tảng thế nào được? Chúng ta nhìn 30 năm nữa kinh tế tập thể không đơn giản như lâu nay chúng ta nghĩ. Nó là sự phát triển tự thân. Trình độ phát triển kinh tế lên, nhu cầu hợp tác trở thành nhu cầu khách quan cho nên thành phần kinh tế tập thể sẽ càng ngày càng phát triển theo quy luật phát triển khách quan của kinh tế, không tùy thuộc vào ý muốn chủ quan. Khẳng định kinh tế tư nhân là một trong những động lực; khẳng định chủ trương khuyến khích phát triển thành phần kinh tế có vốn đầu tư của nước ngoài và đặc biệt nhấn mạnh các tiềm năng và triển vọng của một loại hình tổ chức rất đặc biệt đó là các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng, ngày càng phát triển.

Về thể chế kinh tế thị trường, về chế độ quản lý, về quan hệ phân phối được định hướng rất rõ. Trong quan hệ phân phối lần này, có quan điểm đáng quan tâm là ngoài điểm nhấn phân phối theo lao động, phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực, còn phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, xác định rõ hơn trách nhiệm của Nhà nước trong việc điều tiết phân phối.

Trong phần định hướng về kinh tế có những định hướng quan trọng về cơ cấu. Cơ cấu ngành thế nào? Vùng thế nào? Phát triển theo phương châm nào? Nhấn mạnh phương châm phải xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ song song với phương châm chủ động hội nhập quốc tế.

Về định hướng phát triển văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường, phần này khá phong phú và toàn diện, đề cập đến sáu nội dung định hướng: Định hướng về văn hóa thì kế thừa tư tưởng Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; kế thừa tư tưởng của Nghị quyết 23 của Bộ Chính trị về tiếp tục phát triển văn học - nghệ thuật trước yêu cầu mới và những quan điểm, chủ trương phát triển báo chí cách mạng đã thể hiện trong Nghị quyết Đại hội X, những quan điểm được thể hiện trong Nghị quyết Trung ương về công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trước yêu cầu mới được thể hiện đầy đủ trong định hướng này.

Định hướng về phát triển con người, trong phần này Cương lĩnh 1991 chưa có điều kiện trình bày nhiều, trong Cương lĩnh 2011 phần viết về con người rất đậm, viết về vị trí của con người - trung tâm chiến lược phát triển, vừa là chủ thể phát triển. Nói về nguyên tắc tôn trọng quyền con người gắn với quyền lợi của dân tộc, đất nước, quyền làm chủ của nhân dân. Chúng ta đặt vấn đề nhân quyền, quyền con người thành một vấn đề rất lớn, nhưng chúng ta kiên quyết phản bác quan niệm tuyệt đối hóa quyền con người, đặt quyền con người cao hơn chủ quyền quốc gia, đặt con người cao hơn xã hội, cao hơn cộng đồng, một mặt chúng ta coi trọng, nhấn mạnh, tôn trọng bảo vệ quyền con người, nhưng gắn quyền con người với quyền của dân tộc,

quyền của quốc gia và quyền làm chủ của nhân dân. Đó là những định hướng hết sức căn bản. Chúng ta đưa ra chuẩn mực con người Việt Nam, chúng ta phấn đấu xây dựng con người trong thời kỳ mới theo các chuẩn mực: yêu nước; có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, lao động giỏi; sống có văn hóa, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế trong sáng.

Về định hướng phát triển giáo dục - đào tạo, Cương lĩnh nêu sứ mệnh, vị trí của giáo dục - đào tạo; nhấn mạnh phải đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục; phải nâng cao chất lượng giáo dục theo phương châm: chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hóa, dân chủ hóa, hội nhập quốc tế. Phải xây dựng một xã hội học tập để đảm bảo công dân có quyền học tập suốt đời.

Định hướng phát triển khoa học - công nghệ, Cương lĩnh 2011 nhấn mạnh vị trí then chốt của khoa học - công nghệ trong phát triển lực lượng sản xuất, trong nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Không chỉ gắn phát triển khoa học - công nghệ với phục vụ CNH, HĐH mà gắn phát triển khoa học - công nghệ với phát triển văn hóa và nâng cao dân trí. Bây giờ khoa học - công nghệ phát triển thế nào mà mê tín dị đoan ngày càng nặng hơn, văn hóa có biểu hiện xuống cấp, chưa đúng thiên chức, chưa phản ánh được sức mạnh và hiệu quả của khoa học - công nghệ. Nhấn mạnh việc phát triển đồng bộ nhiều lĩnh vực của khoa học - công nghệ, đồng bộ giữa khoa học - công nghệ với văn hóa, với dân trí, quan tâm đến việc tăng nhanh và sử dụng hiệu quả tiềm lực khoa học - công nghệ, coi trọng và ứng dụng hiệu quả các công nghệ tiên tiến trên thế giới, quan tâm đồng bộ cơ chế, chính sách để khuyến khích sáng tạo, sử dụng nhân tài và đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ.

Định hướng về phát triển môi trường trong Cương lĩnh 1991 được viết còn đơn giản. Chúng ta chưa thấm vấn đề môi trường. Hai mươi năm qua, chúng ta ngày càng thấm vấn đề môi trường, cho nên phần định hướng về môi trường trong Cương lĩnh 2011 viết khá đầy đủ, trong đó rất quan tâm những định hướng lớn: phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu thụ sạch; coi trọng nghiên cứu, dự báo đồng thời chủ động thực hiện các giải pháp để ngăn chặn và thích ứng với biến đổi khí hậu và thảm họa của tự nhiên. Coi trọng bảo vệ, tái tạo và sử dụng hợp lý tài nguyên quốc gia. Nếu suy nghĩ, quán triệt sâu sắc, thực hiện đúng những định hướng này thì chúng ta không có sự cố đáng tiếc đã và còn đang xảy ra xung quanh vấn đề tài nguyên, môi trường.

Định hướng về chính sách xã hội và phát triển xã hội, được thể hiện rất đầy đủ và có bước phát triển mới. Cương lĩnh 1991 chỉ nói gắn phát triển kinh tế với tiến bộ. Đến Cương lĩnh 2011 đã đổi thành một hệ quan điểm là kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển, từng chính sách; gắn chủ trương làm giàu chính đáng với xóa đói giảm nghèo bền vững, hoàn thiện chủ trương phát triển đồng bộ, đa dạng về bảo hiểm và trợ cấp thành hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội.

Bổ sung vấn đề hạn chế tội phạm và giảm thiểu tác hại của tệ nạn xã hội, bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số. Tiếp thu tinh thần của các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương về xây dựng giai cấp công nhân, nông dân, trí thức, thanh niên, trong Cương lĩnh 2011 có định hướng xây dựng cộng đồng văn minh, đoàn kết, nhân ái, trong đó định hướng xây dựng giai cấp công nhân, nông dân, đội ngũ trí thức, đội ngũ doanh nhân.

Định hướng đào tạo thế hệ trẻ, thực hiện bình đẳng giới và hành động vì sự tiến bộ phụ nữ.

Định hướng đoàn kết, hỗ trợ đồng bào định cư ở nước ngoài.

Định hướng về chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau giữa các dân tộc; tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo. Những định hướng trong chính sách xã hội và phát triển xã hội rộng hơn và đầy đủ hơn.

5. Phần thứ tư, hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng, có 4 vấn đề chúng ta cần quan tâm:

(1) Hoàn thiện một bước khái niệm và định hướng xây dựng dân chủ XHCN. Trong Cương lĩnh 1991 viết đơn giản: Toàn bộ tổ chức hoạt động của hệ thống chính trị ở nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ XHCN. Đến Cương lĩnh 2011 khẳng định dứt khoát: dân chủ XHCN là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. Một nhận thức rất cao về tầm quan trọng, vai trò của dân chủ XHCN, đồng thời thể hiện quyết tâm xây dựng và bảo vệ nền dân chủ XHCN trong thực tế và trong đời sống xã hội của đất nước, chăm lo quyền con người và quyền công dân; trình bày các phương thức làm chủ của nhân dân.

(2) Hoàn thiện định hướng lớn về xây dựng Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, trong đó nhấn mạnh bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của chúng ta; nguyên tắc thiết kế và sử dụng quyền lực; phương thức vận hành của Nhà nước pháp quyền; quan hệ mật thiết với nhân dân; định hướng đấu tranh chống sự tha hóa của Nhà nước; định hướng về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền. Những vấn đề rất quan trọng liên quan đến vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền đã được trình bày thành những định hướng lớn của Cương lĩnh 2011.

(3) Làm rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng và nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân. Có thể nói, Cương lĩnh 2011 đã trình bày lần đầu tiên một cách hệ thống, đầy đủ và sâu sắc chức năng, nhiệm vụ của mặt trận và đoàn thể. Có 5 chức năng, nhiệm vụ lớn: (1) đại diện và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích của đoàn viên, hội viên; (2) thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh; (3) tham gia xây dựng Đảng và Nhà nước; (4) giáo dục lý tưởng và đạo đức cách

mạng; quyền và nghĩa vụ công dân; (5) tăng cường mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước. Năm chức năng, nhiệm vụ được trình bày thành hệ thống quan điểm có tính chất định hướng toàn bộ hoạt động của Mặt trận và hệ thống pháp luật.

(4) Bổ sung những nhận thức mới về Đảng và định hướng xây dựng Đảng. Trong Cương lĩnh 2011, bổ sung cách diễn đạt mới về Đảng trong đó thể hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa giai cấp và dân tộc, không vì đưa tính chất dân tộc vào mà hạ thấp vấn đề giai cấp, đó là thể hiện đặc thù có tính quy luật trong quá trình xây dựng và phát triển Đảng. Cương lĩnh 2011 khẳng định giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh, mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân; định hướng về xây dựng, chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng./.

GS.TS Phùng Hữu Phú

Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận T.Ư

(*) Lược trích bài giảng tại Hội nghị nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội XI của Đảng ngày 20/4/2011

Câu hỏi: Nêu những vấn đề mới được bổ sung, sửa đổi trong Điều lệ Đảng tại Đại hội XI

Trả lời:

Trên cơ sở tổng kết năm năm thực hiện Điều lệ Đảng Đại hội X, Đại hội XI của Đảng vừa qua đã bổ sung, sửa đổi một số nội dung trong Điều lệ Đảng để đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng trong thời kỳ mới và phù hợp với Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã được Đại hội XI của Đảng thông qua.

Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng được tiến hành trên cơ sở quán triệt các quan điểm và nguyên tắc cơ bản là: Những nội dung nào được quy định trong Điều lệ Đảng qua thực tiễn hoạt động vẫn đúng và phù hợp thực tiễn thì giữ nguyên; những nội dung nào quy định trong Điều lệ Đảng nhưng qua hoạt động thực tiễn thấy không còn phù hợp hoặc chưa rõ, việc thực hiện khó khăn, thiếu thống nhất thì phải bỏ hoặc sửa đổi cho phù hợp; những vấn đề nào chưa được quy định trong Điều lệ Đảng nhưng thực tiễn của công tác xây dựng Đảng đã và đang đặt ra thì phải bổ sung để thực hiện. Quán triệt các quan điểm, nguyên tắc nêu trên, Đại hội XI của Đảng đã thông qua toàn văn Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi) ngày 19-1-2011 gồm: Phần mở đầu, 12 chương và 48 điều. Ngoài việc sửa đổi cụm từ "giữ mối liên hệ mật thiết với nhân dân" thành "gắn bó mật thiết với nhân dân" ở phần mở đầu, trong các điều của Điều lệ Đảng có 11 nội dung mới được bổ sung, sửa đổi sau đây:

Một là, bổ sung nội dung về tiêu chuẩn đảng viên: Điều 1, Điều lệ Đảng Đại hội X quy định tiêu chuẩn đảng viên như sau: "Đảng viên Đảng Cộng

sản Việt Nam là chiến sĩ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam,...". Trên cơ sở tổng kết 25 năm thực hiện đổi mới và 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội cho thấy: Người đảng viên không chỉ là chiến sĩ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân, mà còn là chiến sĩ cách mạng trong đội tiên phong của nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam. Do đó, trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã được bổ sung thêm nội dung "nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam". Vì vậy, để thống nhất với tiêu chuẩn đảng viên được ghi trong Cương lĩnh và phần đầu của Điều lệ Đảng, Điều 1, Điều lệ Đảng đã được bổ sung thêm cụm từ "nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam" và thể hiện đầy đủ như sau: "Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam là chiến sĩ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam".

Hai là, bổ sung nội dung về nhiệm vụ của đảng viên: Ngoài các nhiệm vụ của đảng viên được quy định tại Điều 2, Điều lệ Đảng, Bộ Chính trị các khóa vừa qua còn có Quy định về "Những điều đảng viên không được làm". Trong quá trình thực hiện, có nhiều ý kiến cho rằng cần đưa nội dung những điều đảng viên không được làm vào trong Điều lệ Đảng để tính pháp lý cao hơn và mọi đảng viên phải nghiêm chỉnh chấp hành. Tuy nhiên, qua thảo luận, phần lớn đại biểu đại hội cho rằng: Nếu đưa tất cả những điều đảng viên không được làm vào trong Điều lệ Đảng thì Điều lệ Đảng sẽ dài và khi cần phải bổ sung, sửa đổi thì phải chờ đến Đại hội Đảng toàn quốc. Do đó, Điều lệ Đảng chỉ nên ghi một câu chung là: đảng viên phải "Chấp hành quy định của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm", còn nội dung cụ thể thì Ban Chấp hành Trung ương giao cho Bộ Chính trị xem xét, quyết định cho phù hợp. Vì vậy, Điều 2, Điều lệ Đảng đã bổ sung thêm nội dung về nhiệm vụ của đảng viên là: đảng viên phải "Chấp hành quy định của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm".

Ba là, bổ sung, sửa đổi về việc thành lập tổ chức cơ sở đảng:

Điều 21, Điều lệ Đảng Đại hội X quy định: "Ở xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đơn vị cơ sở trong quân đội, công an và các đơn vị cơ sở khác có từ ba đảng viên chính thức trở lên, lập tổ chức cơ sở đảng". Trong thực tế của công tác xây dựng Đảng thời gian qua cho thấy: Cùng với sự phát triển của công cuộc đổi mới đất nước, có rất nhiều đơn vị cơ sở thuộc các loại hình được thành lập mới hoặc chia tách, sáp nhập..., nếu đơn vị nào cứ có đủ từ ba đảng viên chính thức trở lên đều thành lập tổ chức cơ sở đảng và trực thuộc cấp ủy cấp huyện thì cấp ủy huyện, quận và tương đương sẽ có rất nhiều tổ chức cơ sở đảng trực thuộc, việc theo dõi, quản lý và phân bổ đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ cấp mình có rất nhiều khó khăn, phức tạp. Vì vậy, Điều 21, Điều lệ Đảng đã được bổ sung và sửa đổi để phù hợp với yêu cầu của thực tiễn như sau: "Ở xã, phường, thị trấn có từ ba đảng viên chính thức trở lên, lập tổ chức cơ

sở đảng (trực thuộc cấp ủy cấp huyện). Ở cơ quan, doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp, đơn vị quân đội, công an và các đơn vị khác có từ ba đảng viên chính thức trở lên, lập tổ chức đảng (tổ chức cơ sở đảng hoặc chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở); cấp ủy cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định tổ chức đảng đó trực thuộc cấp ủy cấp trên nào cho phù hợp; nếu chưa đủ ba đảng viên chính thức thì cấp ủy cấp trên trực tiếp giới thiệu đảng viên sinh hoạt ở tổ chức cơ sở đảng thích hợp".

Bốn là, bổ sung sửa đổi về cách tính nhiệm kỳ đại hội của những tổ chức đảng mới thành lập, chia tách, sáp nhập... trong nhiệm kỳ ở các cấp: Điều 13, Điều lệ Đảng Đại hội X quy định: "Đối với tổ chức đảng mới thành lập, cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định cấp ủy lâm thời; chậm nhất trong vòng một năm kể từ ngày có quyết định chỉ định, tổ chức đảng đó phải tiến hành đại hội; nếu kéo dài thêm thời gian phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý".

Thực tiễn của công tác xây dựng Đảng những năm qua cho thấy: Việc thành lập mới hoặc chia tách, sáp nhập các tổ chức đảng ở các cấp trong nhiệm kỳ được diễn ra thường xuyên, do đó nhiệm kỳ của những tổ chức đảng này không khớp với nhiệm kỳ của tổ chức đảng cấp trên và kéo dài từ nhiệm kỳ hiện tại sang nhiệm kỳ sau của tổ chức đảng cấp trên. Như vậy, năm nào cấp ủy cấp trên cũng phải chỉ đạo đại hội hết nhiệm kỳ của một số tổ chức đảng và trong các kỳ tiến hành đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng đều có một số tổ chức đảng chỉ tiến hành đại hội ba nội dung do chưa hết nhiệm kỳ. Vì vậy, Điều 13, Điều lệ Đảng đã bổ sung, sửa đổi về nhiệm kỳ đại hội đảng ở những nơi mới thành lập, chia tách, sáp nhập... trong nhiệm kỳ đại hội ở các cấp như sau: "Từ tổ chức cơ sở đảng đến đảng bộ trực thuộc Trung ương nếu được thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập trong nhiệm kỳ, thì cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định cấp ủy chính thức; chỉ đạo xây dựng hoặc bổ sung nhiệm vụ cho phù hợp; nhiệm kỳ đầu tiên của các cấp ủy này không nhất thiết phải là 5 năm để nhiệm kỳ đại hội phù hợp với nhiệm kỳ đại hội của tổ chức đảng cấp trên".

Năm là, bổ sung, sửa đổi việc tính tuổi đảng của đảng viên:

Điều 5, Điều lệ Đảng Đại hội X quy định: "Tuổi đảng của đảng viên tính từ ngày ghi trong quyết định công nhận đảng viên chính thức'. Qua thực hiện, nhiều cấp ủy và đảng viên cho rằng: Quần chúng ưu tú sau khi được kết nạp vào Đảng, tuy mới là đảng viên dự bị, nhưng thực chất là người đã đứng trong hàng ngũ của Đảng và đã phải thực hiện các nhiệm vụ của người đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng, do đó sau khi được công nhận là đảng viên chính thức thì tuổi đảng của đảng viên nên được tính từ khi được kết nạp vào Đảng. Vì vậy, Đại hội XI đã quyết định bổ sung, sửa đổi Điều 5, Điều lệ Đảng về thời gian tính tuổi đảng của đảng viên như sau: "Đảng viên đã được công nhận chính thức thì tuổi đảng của đảng viên tính từ ngày ghi trong quyết định kết nạp". Tuy nhiên, việc thực hiện nội dung này như thế nào (chỉ thực hiện đối với những đảng viên được kết nạp sau khi Đại hội XI thông qua Điều lệ Đảng hay thực hiện đối với tất cả đảng

viên trong toàn Đảng) đang còn nhiều ý kiến khác nhau. Do đó, vấn đề này còn phải chờ Quy định của Bộ Chính trị và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng.

Sáu là, bổ sung về thẩm quyền kỷ luật đảng viên của cấp ủy tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương: Điều 36, Điều lệ Đảng Đại hội X quy định: "Cấp ủy tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên cùng cấp". Qua thực tiễn hoạt động cho thấy việc quy định như vậy là chưa thật phù hợp. Vì vậy, Đại hội XI đã bổ sung, sửa đổi Điều 36, Điều lệ Đảng và được thể hiện đầy đủ như sau: "Cấp ủy tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên cùng cấp vi phạm nhiệm vụ do cấp ủy giao".

Bảy là, bổ sung việc giao cho Ban Chấp hành Trung ương quyết định việc chỉ đạo thực hiện thí điểm một số chủ trương mới:

Điều 48, Điều lệ Đảng Đại hội X quy định: "Chỉ Đại hội đại biểu toàn quốc mới có quyền sửa đổi Điều lệ Đảng". Thực tiễn của công tác xây dựng Đảng cho thấy: Trong một nhiệm kỳ Đại hội Đảng toàn quốc, cùng với sự phát triển của công cuộc đổi mới, công tác xây dựng Đảng cũng nảy sinh nhiều vấn đề mới cần phải xem xét, giải quyết cho phù hợp với thực tiễn, nhưng vấn đề đó lại chưa được quy định trong Điều lệ Đảng. Mặt khác, với trách nhiệm là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng giữa hai kỳ đại hội, Ban Chấp hành Trung ương phải chuẩn bị những nội dung cần bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng để trình Đại hội xem xét, quyết định. Nếu trong những vấn đề mới nảy sinh đó có những vấn đề đang còn có ý kiến khác nhau, chưa tạo được sự thống nhất cao thì cần thiết phải thực hiện thí điểm để Ban Chấp hành Trung ương có đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn trình ra Đại hội. Vì vậy, để đáp ứng với yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn đặt ra và tạo sự thống nhất nhận thức trong toàn Đảng về việc chỉ đạo thí điểm một số chủ trương mới khi chưa được quy định trong Điều lệ Đảng, khoản 2, Điều 16, Điều lệ Đảng đã bổ sung thêm nội dung: "Ban Chấp hành Trung ương căn cứ tình hình thực tế quyết định chỉ đạo thí điểm một số chủ trương mới".

Tám là, thay đổi tên gọi của Đảng ủy Quân sự Trung ương: Điều lệ Đảng Đại hội X quy định: "Đảng ủy Quân sự Trung ương (gọi tắt là Quân ủy Trung ương)". Trong quá trình thảo luận ở đại hội đảng bộ các cấp cũng như ở Đại hội XI của Đảng, nhiều đại biểu đại hội đề nghị không nên gọi là Đảng ủy Quân sự Trung ương (gọi tắt là Quân ủy Trung ương) mà gọi là Quân ủy Trung ương theo tên gọi truyền thống từ những ngày thành lập của Quân đội nhân dân Việt Nam. Vì vậy, Đại hội đã biểu quyết tán thành đổi tên gọi của Đảng ủy Quân sự Trung ương thành "Quân ủy Trung ương".

Chín là, bổ sung nội dung về sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước đối với Quân đội, Công an: Để bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với Quân đội, Công an.

Điều 25, khoản 1, Điều lệ Đảng đã bổ sung hai nội dung sau: "Đảng lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt; Sự lãnh đạo của Đảng được tập trung thống nhất vào Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Đảng quyết định những vấn đề cơ bản xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân... Nhà nước thống nhất quản lý đối với Quân đội, Công an và sự nghiệp quốc phòng, an ninh theo quy định của Hiến pháp và pháp luật".

Mười là, bổ sung nội dung nhằm cụ thể hóa một số chức danh và vai trò chỉ đạo của Đảng đối với Quân đội: Nhằm bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội, Điều 26 và Điều 27, Điều lệ Đảng đã bổ sung nội dung nhằm cụ thể hóa một số chức danh và xác định vai trò lãnh đạo của Đảng trong Quân đội như sau: "Đồng chí Tổng Bí thư là Bí thư Quân ủy Trung ương"; "Đồng chí bí thư cấp ủy địa phương trực tiếp làm bí thư đảng ủy quân sự cùng cấp".

Mười một là, bổ sung, sửa đổi về chức năng, nhiệm vụ của đảng đoàn, ban cán sự đảng: Điều lệ Đảng Đại hội X quy định: Đảng đoàn, ban cán sự đảng kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng. Qua thực tế hoạt động của đảng đoàn, ban cán sự đảng trong những năm qua cho thấy: Đảng đoàn, ban cán sự đảng không có tổ chức bộ máy và cán bộ riêng nên việc thực hiện công tác kiểm tra chấp hành đường lối, chính sách của Đảng không thực hiện được, chỉ nên quy định lãnh đạo công tác kiểm tra là phù hợp. Vì vậy, Điều 42 và Điều 43, Điều lệ Đảng được bổ sung, sửa đổi: Đảng đoàn, ban cán sự đảng lãnh đạo công tác kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng.

Nguyễn Đức Hà - Ban Tổ chức T.Ư

Câu hỏi: Đường lối đối ngoại Đại hội XI và những phát triển quan trọng trong tư duy đối ngoại của Đảng ta được thể hiện như thế nào?

Trả lời:

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI diễn ra khi đất nước ta bước vào thập niên thứ hai của thế kỷ 21. Đại hội Đảng đã thông qua ba văn kiện quan trọng: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011); Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011- 2020 và Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

Ba văn kiện quan trọng này nêu quan điểm, phương hướng cơ bản chỉ đạo cả lâu dài, trung hạn và ngắn hạn về đường lối đối ngoại, tạo thành một

thể thống nhất. Cương lĩnh nêu những định hướng, nguyên tắc lớn, mang tầm chiến lược cho cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chiến lược cụ thể hóa đường lối đối ngoại nhằm phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011- 2020. Phần đối ngoại trong Báo cáo Chính trị đề cập nhiều định hướng cụ thể cho các hoạt động đối ngoại năm năm tới. Từ Báo cáo Chính trị đến Chiến lược và Cương lĩnh, đường lối đối ngoại của Đảng được đề cập phù hợp với nhiệm vụ đối ngoại trong từng giai đoạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, nhưng thống nhất về mục tiêu, nguyên tắc, phương châm và những định hướng lớn, lâu dài. Nội dung của phần đối ngoại trong các văn kiện đó hợp thành Đường lối đối ngoại Đại hội XI.

Kế thừa đường lối đối ngoại của 25 năm đổi mới, đường lối đối ngoại Đại hội XI có những bổ sung, phát triển phù hợp với tình hình mới, thể hiện ở những nội dung chính dưới đây:

Thứ nhất, về mục tiêu của đối ngoại, văn kiện Đại hội XI nêu: "Vì lợi ích quốc gia, dân tộc"(1). Cùng với lợi ích quốc gia dân tộc, Đại hội XI cũng đặt mục tiêu đối ngoại là "vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh". Hai mục tiêu này thống nhất với nhau. Bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc là cơ sở cơ bản để xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh là phù hợp lợi ích quốc gia dân tộc và là điều kiện cần để thực hiện các lợi ích đó.

Lần đầu tiên, mục tiêu đối ngoại "vì lợi ích quốc gia, dân tộc" được nêu rõ trong phần đối ngoại của Cương lĩnh và Báo cáo Chính trị tại Đại hội Đảng. Nói như vậy không có nghĩa Đảng ta chưa từng xác định mục tiêu đối ngoại là vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Từ khi Đảng ra đời, lợi ích quốc gia, dân tộc luôn luôn là mục tiêu phấn đấu của Đảng ta. Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị khóa VI đã khẳng định "Lợi ích cao nhất của Đảng và nhân dân ta là phải củng cố và giữ vững hòa bình để tập trung sức xây dựng và phát triển kinh tế"(2). Nghị quyết Trung ương 8, khóa IX nhấn mạnh "bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc" là một trong những mục tiêu then chốt của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc(3).

Tuy nhiên, việc nêu rõ lợi ích quốc gia, dân tộc là mục tiêu đối ngoại trong văn kiện Đại hội XI của Đảng có ý nghĩa rất quan trọng, khẳng định rõ hơn định hướng: Đảng ta hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại trên cơ sở lợi ích quốc gia, dân tộc, từ đó tái khẳng định sự thống nhất và hòa quyện giữa lợi ích của giai cấp và lợi ích của dân tộc. Khẳng định lợi ích quốc gia, dân tộc là mục tiêu đối ngoại cũng có nghĩa là Đại hội đặt lợi

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI,* NXB. CTQG - 2011, trang 236.
(2) Nguyễn Cơ Thạch, *"Những chuyển biến trên thế giới và tư duy mới của chúng ta"*, Tạp chí Quan hệ Quốc tế, số tháng 1-1990.
(3) Tài liệu học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ Tám, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương phát hành, NXB. CTQG - 2003.

ích quốc gia, dân tộc là nguyên tắc cao nhất của các hoạt động đối ngoại. Nói cách khác, bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc là nguyên tắc mà tất cả các hoạt động đối ngoại, từ ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Đảng đến ngoại giao nhân dân, đều phải tuân thủ.

Thứ hai, về nhiệm vụ của công tác đối ngoại, văn kiện Đại hội XI nêu rõ: "Nhiệm vụ của công tác đối ngoại là giữ vững môi trường hòa bình, thuận lợi cho đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao vị thế của đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới"(1). Phục vụ các mục tiêu quốc gia về phát triển, an ninh và nâng cao vị thế đất nước là nhiệm vụ nhất quán trong đường lối, chính sách đối ngoại thời kỳ đổi mới. Điểm mới trong phần đối ngoại của văn kiện Đại hội XI là xác định rõ hơn khía cạnh an ninh khi nêu rõ nhiệm vụ "bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ". Độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ là cơ sở tồn tại của một quốc gia. Bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ luôn luôn là một trong những nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia. Việc nêu rõ điều này trong nhiệm vụ đối ngoại là nhằm đáp ứng những phát triển mới của tình hình, đồng thời khẳng định vai trò của đối ngoại trong sự nghiệp bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

Thứ ba, về các nguyên tắc phải tuân thủ khi tiến hành các hoạt động đối ngoại, tái khẳng định các nguyên tắc của đường lối, chính sách đối ngoại thời kỳ đổi mới, Đại hội XI nêu: "Bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển", "tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc". Bên cạnh những nguyên tắc nhất quán này, văn kiện Đại hội XI, phần định hướng giải quyết các vấn đề còn tồn tại về biên giới, lãnh thổ, ranh giới trên biển và thềm lục địa với các nước liên quan, nêu thêm nguyên tắc giải quyết các vấn đề tồn tại trên cơ sở các "quy tắc ứng xử của khu vực".

Thứ tư, về phương châm của đường lối đối ngoại, các văn kiện của Đại hội khẳng định: Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Điểm mới trong phương châm đối ngoại của Đại hội XI là "hội nhập quốc tế" và "thành viên có trách nhiệm".

Về hội nhập quốc tế, Đại hội XI chuyển từ chủ trương "Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI,* NXB. CTQG - 2011, trang 236.

các lĩnh vực khác"[1] được thông qua tại Đại hội X sang "chủ động và tích cực hội nhập quốc tế"[2]. Với chủ trương này, hội nhập quốc tế không còn bó hẹp trong lĩnh vực kinh tế mà mở rộng ra tất cả các lĩnh vực khác, kể cả chính trị, quốc phòng, an ninh và văn hóa - xã hội...

Hội nhập quốc tế trên tất cả các lĩnh vực mang đến cho chúng ta nhiều cơ hội, nhất là khả năng tranh thủ hiệu quả hơn các nguồn lực bên ngoài. Cùng với hội nhập kinh tế, hội nhập trong các lĩnh vực khác sẽ tạo cơ hội lớn hơn trong tiếp cận tới tri thức tiên tiến của nhân loại, gia tăng mức độ đan xen lợi ích, từng bước làm cho đất nước trở thành bộ phận hữu cơ của khu vực và thế giới, chiếm vị trí ngày càng cao trong nền kinh tế, chính trị và văn hóa toàn cầu. Hội nhập quốc tế trên các lĩnh vực cũng tạo cho chúng ta khả năng tận dụng được sự tác động qua lại, bổ sung lẫn nhau giữa hội nhập trong từng lĩnh vực. Tuy nhiên, từ hội nhập kinh tế quốc tế và mở rộng hợp tác trong các lĩnh vực khác chuyển sang hội nhập quốc tế trên tất cả các lĩnh vực đặt ra cho chúng ta một số thách thức mới. Tác động tiêu cực từ các diễn biến bên ngoài sẽ gia tăng. Những bất ổn không chỉ về kinh tế mà cả về an ninh, chính trị, xã hội từ bên ngoài sẽ nhanh chóng tác động tới nước ta; các loại tội phạm xuyên biên giới như: Buôn bán ma túy, rửa tiền, thâm nhập tiền giả, tài liệu phản động, văn hóa phẩm không lành mạnh và các thách thức an ninh phi truyền thống khác có thể gây tác hại đến mọi mặt của an ninh quốc gia, từ an ninh kinh tế đến an ninh chính trị xã hội. Phạm vi và tốc độ lây lan của các cú sốc từ bên ngoài cũng gia tăng. Đồng thời, yêu cầu bổ sung và hoàn thiện thể chế; cải cách và hiện đại hóa nền hành chính quốc gia, phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao, v.v... sẽ ngày càng lớn.

Theo đó, để giảm các tác động tiêu cực và khai thác tối đa các cơ hội từ hội nhập quốc tế, nội hàm và lộ trình của hội nhập trong các lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh và văn hóa-xã hội cần phải được xác định phù hợp với thế, lực của đất nước và bối cảnh tình hình đất nước sao cho hội nhập quốc tế phục vụ hiệu quả nhất mục tiêu phát triển, bảo vệ Tổ quốc XHCN và vị thế quốc gia.

Từ đường lối đối ngoại trên cơ sở tuyên bố "muốn là bạn" (Đại hội Đảng lần thứ VII, lần thứ VIII), "là bạn, là đối tác tin cậy" (Đại hội Đảng lần thứ IX), Đại hội Đảng lần thứ XI hoàn chỉnh và bổ sung thêm cụm từ là "thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế". Nội hàm này thể hiện bước trưởng thành của ngoại giao Việt Nam với sự tham gia ngày càng tích cực, chủ động, có trách nhiệm của nước ta tại các cơ chế/tổ chức/diễn đàn khu vực, đa phương và toàn cầu (ngoại giao đa phương), góp phần củng

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X*, NXB. CTQG - 2006, trang 112.
(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI*, NXB. CTQG - 2011, trang 236.

cố, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, bổ sung, hỗ trợ hiệu quả cho ngoại giao song phương. Nội hàm mới này là một trong những cơ sở để xác định một trong những ưu tiên đối ngoại trong thời gian tới là "xây dựng Cộng đồng ASEAN vững mạnh". Tuy vậy, trách nhiệm bao gồm những gì và thực hiện trách nhiệm như thế nào luôn luôn cần được tính toán kỹ trên cơ sở lợi ích quốc gia dân tộc, năng lực thực hiện của ta trong từng vấn đề, từng giai đoạn. Trách nhiệm cần được xác định theo các cấp độ: Trách nhiệm đối với dân tộc của mình; trách nhiệm đối với khu vực của mình; trách nhiệm đối với những vấn đề chung của nhân loại.

Thứ năm, về định hướng đối ngoại, bên cạnh định hướng bao trùm là nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa các mối quan hệ quốc tế đi vào chiều sâu, Đại hội XI nêu định hướng về: Giải quyết các vấn đề tồn tại về biên giới lãnh thổ; ưu tiên đối tác và định hướng quan hệ ASEAN; đối ngoại Đảng; ngoại giao nhân dân và định hướng tổ chức thực hiện. Về đối ngoại quốc phòng, an ninh, Đại hội chỉ rõ: "Tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh", "Tham gia các cơ chế hợp tác chính trị, an ninh, song phương và đa phương vì lợi ích quốc gia và trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc"[1]. Với định hướng này, đối ngoại quốc phòng, an ninh sẽ tiếp tục phát triển và có vai trò ngày càng quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, phù hợp với bối cảnh nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng vào khu vực và thế giới.

Về định hướng tham gia trong ASEAN, Đại hội XI chỉ rõ: "Chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước xây dựng Cộng đồng ASEAN vững mạnh, tăng cường quan hệ với các đối tác, tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong các khuôn khổ hợp tác ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương"[2]. Định hướng này là bước phát triển cao hơn từ định hướng: "Thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện và có hiệu quả với các nước ASEAN, các nước châu Á-Thái Bình Dương"[3] được thông qua tại Đại hội X. Bước phát triển này thể hiện, Đảng ta khẳng định rõ Việt Nam là một thành viên trong ASEAN, Việt Nam tham gia các hoạt động trong ASEAN với tư cách là một thành viên có trách nhiệm; chỉ rõ mục tiêu của các hoạt động của Việt Nam trong ASEAN là xây dựng thành công Cộng đồng ASEAN; xác định rõ đặc tính của Cộng đồng ASEAN mà Việt Nam phấn đấu cùng các nước xây dựng là một cộng đồng vững mạnh, có quan hệ chặt chẽ với các đối tác bên ngoài và có vai trò ngày càng quan trọng trong các cơ chế hợp tác ở khu vực; đồng thời khẳng định, phương châm tham gia hợp tác ASEAN là chủ động, tích

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI,* NXB. CTQG - 2011, trang 235, 236.
(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI,* NXB. CTQG - 2011, trang 237.
(3) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X,* NXB. CTQG - 2006, trang 114.

cực và có trách nhiệm. Với định hướng này, việc tham gia trong ASEAN trở thành một trong những trọng tâm trong chính sách đối ngoại của Việt Nam, ngang với "quan hệ hợp tác, hữu nghị truyền thống với các nước láng giềng chung biên giới".

Thứ sáu, về triển khai các hoạt động đối ngoại, Đại hội XI nêu: "Triển khai đồng bộ, toàn diện hoạt động đối ngoại". Khi hội nhập quốc tế mở ra tất cả các lĩnh vực thì việc triển khai đối ngoại tất yếu phải toàn diện và để các hoạt động này không chồng chéo, không triệt tiêu lẫn nhau thì việc triển khai phải được thực hiện đồng bộ. Tính toàn diện của đối ngoại Việt Nam được quy định bởi sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trong mọi hoạt động của hệ thống chính trị, đặc biệt trong hoạt động đối ngoại; tính toàn diện trong mục tiêu của chính sách đối ngoại và sự đa dạng của các mối quan hệ đối ngoại trong quá trình hội nhập.

Triển khai đồng bộ và toàn diện các hoạt động đối ngoại, nói cách khác là xây dựng một nền đối ngoại toàn diện, sẽ tạo nên xung lực tổng hợp của các lĩnh vực, các loại hình, các kênh đối ngoại, nhưng cũng tạo nên một số thách thức mới. Nếu không có kế hoạch tổng thể và nếu không có sự chỉ đạo thống nhất và phối hợp nhịp nhàng giữa các kênh, các lĩnh vực đối ngoại thì sẽ dẫn đến lãng phí nguồn lực và làm suy giảm hiệu quả của các hoạt động đối ngoại.

Coi triển khai đồng bộ và toàn diện là phương châm ưu tiên trong triển khai đối ngoại, Đại hội XI sẽ tạo ra nhận thức và đồng thuận lớn hơn trong Đảng và nhân dân về tính chất mới của sự nghiệp đối ngoại cũng như nêu rõ hơn yêu cầu tham gia tích cực và chủ động hơn của mọi lực lượng trong hoạt động đối ngoại, đồng thời đưa tới những bước tiến mạnh hơn theo hướng thống nhất chỉ đạo hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước, các bộ/ngành và địa phương.

Với những bước phát triển mới trong đường lối đối ngoại Đại hội XI, chúng ta càng tin tưởng chắc chắn rằng, sự nghiệp đối ngoại dưới sự lãnh đạo của Đảng sẽ tiếp tục thu được những thắng lợi mới. Tuy nhiên, để đường lối sớm đi vào cuộc sống, cần phải có nỗ lực vượt bậc trong tất cả các khâu, từ cụ thể hóa đường lối thành chính sách đến xây dựng và triển khai chiến lược, kế hoạch, đề án đối ngoại. Là binh chủng chủ lực trong đối ngoại, Đảng bộ Bộ Ngoại giao đã và đang triển khai học tập nghị quyết Đại hội XI trong toàn thể Đảng bộ và cán bộ của bộ; tổ chức nghiên cứu để đóng góp vào quá trình cụ thể hóa đường lối đối ngoại, nhất là những vấn đề liên quan đến việc xác định nội hàm, xây dựng lộ trình hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực chính trị, an ninh, quốc phòng, văn hóa, xã hội. Bộ Ngoại giao cũng đang triển khai kế hoạch nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ của Bộ, phối hợp với các địa phương bồi dưỡng kiến thức đối ngoại cho các cán bộ đang công tác tại cơ quan ngoại vụ các tỉnh, thành phố; đồng thời chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai định hướng "thường xuyên bồi dưỡng

kiến thức đối ngoại cho cán bộ chủ chốt các cấp[1] đã được Đại hội XI thông qua. Tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, phối hợp chặt chẽ với các ngành, các cấp, các địa phương, Bộ Ngoại giao sẽ nỗ lực vượt bậc, góp phần thực hiện thành công đường lối đối ngoại Đại hội XI.

Phạm Bình Minh - Ủy viên BCH T.Ư Đảng,

Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao

Câu hỏi: Nêu những điểm mới về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI

Trả lời:

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã thông qua Nghị quyết và các văn kiện quan trọng, trong đó có một số điểm mới về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

1- Công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng và Ủy ban kiểm tra các cấp

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, cùng với quá trình xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, Đảng ta luôn coi trọng công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. Đảng ta khẳng định: kiểm tra, giám sát là chức năng lãnh đạo của Đảng, lãnh đạo mà không kiểm tra, giám sát thì coi như không có lãnh đạo. Qua mỗi kỳ Đại hội Đảng, quan điểm, nguyên tắc, nhiệm vụ, phương pháp công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật trong Đảng được bổ sung, phát triển, hoàn thiện. Đến Đại hội VIII của Đảng, nhiệm vụ kiểm tra của các cấp ủy, tổ chức đảng chính thức được "luật hóa" thành một điều (Điều 30) trong Điều lệ Đảng. Đến Đại hội X của Đảng, nhiệm vụ giám sát được Điều lệ Đảng quy định, nhằm tăng cường công tác phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên từ lúc còn manh nha. Điều lệ Đảng khóa X và khóa XI quy định tại Điều 30, Điều 32 về chức năng, nhiệm vụ giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng và Ủy ban kiểm tra các cấp. Điều 30, Điều lệ Đảng khóa XI quy định: "1. Kiểm tra, giám sát là những chức năng lãnh đạo của Đảng. Tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra, giám sát. Tổ chức đảng và đảng viên chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng. 2. Các cấp ủy đảng lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng".

So với Điều lệ Đảng khóa X, Điều lệ Đảng khóa XI đã bổ sung, sửa đổi một số nội dung về công tác kiểm tra, giám sát như sau:

Về chức năng, nhiệm vụ giám sát

Điều lệ Đảng khóa XI đã bổ sung từ "giám sát" vào các Điều 17, 20, 23 và 24 để quy định rõ chức năng, nhiệm vụ giám sát của các tổ chức đảng sau:

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI*, NXB. CTQG - 2011, trang 238.

+ Bổ sung khoản 2, Điều 17: Bộ Chính trị lãnh đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc, Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương;

+ Bổ sung khoản 3, Điều 17: Ban Bí thư lãnh đạo công việc hằng ngày của Đảng: chỉ đạo công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại;

+ Bổ sung khoản 3, Điều 20 về nhiệm vụ của ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy, huyện ủy, quận ủy, thị ủy: Ban thường vụ lãnh đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của đại hội đại biểu, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy cùng cấp và cấp trên;

+ Bổ sung khoản 5, Điều 23 về nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng: Kiểm tra, giám sát việc thực hiện, bảo đảm các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước được chấp hành nghiêm chỉnh; kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng;

+ Bổ sung khoản 2, Điều 24 về nhiệm vụ của chi bộ: kiểm tra, giám sát thi hành kỷ luật đảng viên.

Điều lệ Đảng khóa XI bổ sung từ "giám sát" vào các điều trên nhằm bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ với quy định về chức năng, nhiệm vụ giám sát của cấp ủy, các tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp được quy định tại Điều 30, Điều 32 Điều lệ Đảng, là cơ sở chính trị, pháp lý quan trọng để mọi tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành và chịu sự giám sát của Đảng. Khẳng định rõ hơn vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ giám sát.

Về nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra các cấp

Điều lệ Đảng khóa XI bổ sung vào khoản 2, Điều 32, quy định ủy ban kiểm tra các cấp kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng. Ủy ban kiểm tra các cấp cùng với việc kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, nay thực hiện cả việc kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ giám sát trong Đảng, góp phần giúp công tác giám sát của các tổ chức đảng và trong toàn Đảng được tiến hành một cách đồng bộ, thường xuyên, có chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hơn.

Về chức năng, nhiệm vụ của đảng đoàn, ban cán sự đảng

Điều lệ Đảng khóa XI sửa đổi khoản 3, Điều 42 và khoản 3, Điều 43: chuyển nhiệm vụ của đảng đoàn, ban cán sự đảng từ "trực tiếp" thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng sang "lãnh đạo công tác kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng" để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các tổ chức đảng này.

2- Thi hành kỷ luật trong Đảng

Điều lệ Đảng khóa XI giữ nguyên khoản 1, Điều 36, Điều lệ Đảng khóa X quy định thẩm quyền kỷ luật đảng viên của chi bộ: Chi bộ quyết định

khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ (kể cả cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ do cấp trên giao); đồng thời bổ sung khoản 2, Điều 36 về thẩm quyền của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy tỉnh, thành phố, huyện, quận và tương đương: quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên cùng cấp vi phạm nhiệm vụ do cấp ủy giao. Ban thường vụ cấp ủy: quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý vi phạm nhiệm vụ chuyên môn được giao.

- Bổ sung khoản 3, Điều 36 về thẩm quyền của Bộ Chính trị, Ban Bí thư: quyết định khiển trách, cảnh cáo Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

Việc bổ sung thẩm quyền kỷ luật đảng viên như trên là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy tỉnh, thành phố, huyện, quận và tương đương quy định trong Điều lệ Đảng khóa XI; nâng cao trách nhiệm trong việc xem xét, quyết định thi hành kỷ luật đảng viên, tổ chức đảng của cấp ủy, tránh việc đùn đẩy trách nhiệm lên cấp trên; giúp việc thi hành kỷ luật đảng viên được bảo đảm kịp thời.

3 - Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X trình Đại hội XI và Điều lệ Đảng khóa XI đã thể hiện mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật trong Đảng được tổng kết, bổ sung, phát triển qua các kỳ Đại hội Đảng. Chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của ủy ban kiểm tra các cấp theo Điều lệ Đảng khóa XI ít thay đổi so với Điều lệ Đảng khóa X. Đại hội XI của Đảng nhấn mạnh việc đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát nhằm góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; giải quyết một số vấn đề bức xúc trong xã hội (suy thoái đạo đức, lối sống, tệ nạn xã hội, trật tự kỷ cương); đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp lựa chọn nội dung kiểm tra, giám sát cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm của tổ chức mình. Tập trung kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước; việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ; việc thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, rèn luyện phẩm chất đạo đức,

lối sống của cán bộ, đảng viên; việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp; việc điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, nhất là những vụ án nghiêm trọng, gây bức xúc trong dư luận xã hội; kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, đề bạt, bố trí, sử dụng cán bộ.

Chú trọng kiểm tra, giám sát người đứng đầu tổ chức đảng, nhà nước, mặt trận và các đoàn thể nhân dân các cấp trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng phải phối hợp chặt chẽ với công tác thanh tra của Chính phủ, công tác giám sát của Quốc hội và các cơ quan hành pháp, tư pháp, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân theo đúng chức năng và thẩm quyền của mỗi cơ quan. Hoàn thiện quy chế phối hợp giữa ủy ban kiểm tra đảng với các tổ chức đảng và các cơ quan bảo vệ pháp luật trong việc xem xét khiếu nại, tố cáo và xử lý kỷ luật cán bộ, đảng viên. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và hoạt động của hệ thống ủy ban kiểm tra các cấp.

Như vậy, cùng với việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng về nội dung công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật trong Đảng, Đảng ta đã xác định phương hướng, nhiệm vụ, đối tượng, nội dung, phương pháp kiểm tra, giám sát cần tập trung thực hiện trong nhiệm kỳ Đại hội XI của Đảng, tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi cho việc lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng trong việc tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

Tần Cẩm Tú -

Ủy viên T.Ư Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra T.Ư

Câu hỏi: Nêu toàn văn Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4: Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay

Trả lời:

Ngày 16/1/2012, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TW - Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI): *Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay.*

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện. Trải qua hơn 80 năm phấn đấu, xây dựng và trưởng thành, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, với bản lĩnh của một đảng cách mạng chân chính, dạn dày kinh nghiệm, luôn gắn bó máu thịt với nhân dân, Đảng đã lãnh đạo, tổ chức và phát huy sức mạnh to lớn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, giành được nhiều thắng lợi vĩ đại trong sự nghiệp cách mạng.

Từ khi thực hiện đường lối đổi mới, Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư các khóa đã ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Trên cơ sở đó, công

tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã đạt được nhiều kết quả tích cực; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng không ngừng được nâng cao; phương thức lãnh đạo của Đảng từng bước được đổi mới; vai trò lãnh đạo của Đảng được giữ vững, niềm tin của nhân dân với Đảng được củng cố; đội ngũ cán bộ, lãnh đạo, quản lý các cấp đã có bước trưởng thành và tiến bộ về nhiều mặt. Đa số cán bộ, đảng viên có ý thức rèn luyện, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, có ý thức phục vụ nhân dân, được nhân dân tin tưởng. Thành tựu 25 năm đổi mới là thành quả của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, trong đó có sự đóng góp to lớn của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

2. Bên cạnh kết quả đạt được, công tác xây dựng Đảng vẫn còn không ít hạn chế, yếu kém, thậm chí có những yếu kém khuyết điểm kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ chậm được khắc phục, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng; nếu không được sửa chữa sẽ là thách thức đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tồn vong của chế độ. Nổi lên một số vấn đề cấp bách sau đây:

Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc...

Đội ngũ cán bộ cấp Trung ương, cấp chiến lược rất quan trọng, nhưng chưa được xây dựng một cách cơ bản. Công tác quy hoạch cán bộ mới tập trung thực hiện ở địa phương, chưa thực hiện được ở cấp Trung ương, dẫn đến sự hẫng hụt, chắp vá, không đồng bộ và thiếu chủ động trong công tác bố trí, phân công cán bộ. Một số trường hợp đánh giá, bố trí cán bộ chưa thật công tâm, khách quan, không vì yêu cầu công việc, bố trí không đúng sở trường, năng lực, ảnh hưởng đến uy tín cơ quan lãnh đạo, sự phát triển của ngành, địa phương và cả nước.

Nguyên tắc "tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách" trên thực tế ở nhiều nơi rơi vào hình thức, do không xác định rõ cơ chế trách nhiệm, mối quan hệ giữa tập thể và cá nhân; khi sai sót, khuyết điểm không ai chịu trách nhiệm. Do vậy, vừa có hiện tượng dựa dẫm vào tập thể, không rõ trách nhiệm cá nhân, vừa không khuyến khích người đứng đầu có nhiệt tình, tâm huyết, dám nghĩ, dám làm; tạo kẽ hở cho cách làm việc tắc trách, trì trệ, hoặc lạm dụng quyền lực một cách tinh vi để mưu cầu lợi ích cá nhân.

3. Tình hình trên đây có nguyên nhân khách quan do việc thực hiện đổi mới kinh tế phải vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, chưa lường hết được những tác động của mặt trái cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế; chưa có sự chuẩn bị thật kỹ về lập trường, tư tưởng và cả cách thức tiếp cận mới cho cán bộ, đảng viên. Đặc biệt, còn thiếu những cơ chế, chính sách đồng bộ, khoa học để chủ động ngăn ngừa những vi phạm.

Đất nước ta đang trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, xây dựng, phát triển với quy mô ngày càng lớn, một

bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý nắm giữ khối lượng tài sản, nguồn vốn lớn của tập thể, của Nhà nước; đó là môi trường để chủ nghĩa cá nhân vụ lợi, thực dụng phát triển.

Trong khi đó, các thế lực thù địch không từ bỏ âm mưu và hoạt động "diễn biến hòa bình", thúc đẩy "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", tăng cường hoạt động chống phá, chia rẽ nội bộ Đảng và phá hoại mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân, làm suy yếu vai trò lãnh đạo của Đảng.

Nhưng chủ yếu là do những nguyên nhân chủ quan:

Cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện, giảm sút ý chí chiến đấu, quên đi trách nhiệm, bổn phận trước Đảng, trước nhân dân. Việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các nghị quyết, chỉ thị, quy định về xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở một số nơi chưa đến nơi đến chốn, kỷ cương, kỷ luật không nghiêm, nói không đi đôi với làm hoặc làm chiếu lệ.

Các nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình ở nhiều nơi vừa bị buông lỏng trong thực hiện, vừa chưa được quy định cụ thể để làm cơ sở cho công tác kiểm tra, giám sát. Việc nghiên cứu, sửa đổi, ban hành cơ chế, chính sách, pháp luật thích ứng với quá trình vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa kịp thời; nhiều văn bản quy định thiếu chế tài cụ thể. Đánh giá, sử dụng, bố trí cán bộ còn nể nang, cục bộ; chưa chú trọng phát hiện và có cơ chế thật sự để trọng dụng người có đức, có tài; không kiên quyết thay thế người vi phạm, uy tín giảm sút, năng lực yếu kém.

Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống nhiều khi còn hình thức, chưa đủ sức động viên và thường xuyên nâng cao ý chí cách mạng của cán bộ, đảng viên; một số nơi có tình trạng những việc làm đúng, gương người tốt không được đề cao, bảo vệ; những sai sót, vi phạm không được phê phán, xử lý nghiêm minh. Công tác kiểm tra, giám sát, giữ gìn kỷ cương, kỷ luật ở nhiều nơi, nhiều cấp chưa thường xuyên, ráo riết; đấu tranh với những vi phạm còn nể nang, không nghiêm túc. Vai trò giám sát của nhân dân thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội chưa được phát huy, hiệu quả chưa cao.

4. Để tạo chuyển biến mạnh mẽ về công tác xây dựng Đảng trong thời gian tới, cần tiếp tục thực hiện tốt 8 nhiệm vụ trong công tác xây dựng Đảng mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã đề ra, coi đó là những nhiệm vụ vừa cơ bản, vừa lâu dài và phải thực hiện thường xuyên, có hiệu quả, đồng thời tập trung cao độ để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt ba vấn đề cấp bách sau đây:

Một là, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của đảng viên và của nhân dân đối với Đảng.

Hai là, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp Trung ương, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Ba là, xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong mối quan hệ với tập thể cấp ủy, cơ quan, đơn vị; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Trong ba vấn đề trên, vấn đề thứ nhất là trọng tâm, xuyên suốt và cấp bách nhất.

II. MỤC TIÊU, PHƯƠNG CHÂM:

1. Mục tiêu:

Phải tạo được sự chuyển biến rõ rệt, khắc phục được những hạn chế, yếu kém trong công tác xây dựng Đảng, nhằm xây dựng Đảng ta thật sự là đảng cách mạng chân chính, ngày càng trong sạch, vững mạnh, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin trong Đảng và nhân dân, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thực hiện thắng lợi các chủ trương, nghị quyết của Đảng.

2. Phương châm:

Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, khách quan, không nể nang, né tránh.

Các giải pháp phải bảo đảm đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, khả thi, kết hợp "chống và xây", "xây và chống", nói đi đôi với làm, tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc, trì trệ nhất.

Chỉ đạo, tổ chức thực hiện với trách nhiệm và quyết tâm chính trị cao trong toàn Đảng. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy đảng, cán bộ chủ chốt, nhất là cấp trung ương, người đứng đầu làm trước và phải thật sự gương mẫu để cho các cấp noi theo. Phải làm kiên quyết, kiên trì, xác định rõ lộ trình thực hiện, thời gian hoàn thành, làm từng bước vững chắc, thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ. Làm tốt nhiệm vụ xây dựng Đảng cũng chính là để thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Phải bình tĩnh, tỉnh táo, không nóng vội, cực đoan; đồng thời không để rơi vào trì trệ, hình thức, không chuyển biến được tình hình; giữ đúng nguyên tắc, không để các thế lực thù địch, những phần tử cơ hội lợi dụng, kích động, xuyên tạc, đả kích gây rối nội bộ.

III. GIẢI PHÁP:

Cùng với việc tiếp tục thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, các quy định đã có về xây dựng Đảng, cần tập trung thực hiện tốt các nhóm giải pháp sau đây:

1. Nhóm giải pháp về tự phê bình và phê bình, nêu cao tính tiền phong, gương mẫu của cấp trên.

Một là, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương tập trung kiểm điểm, đánh giá làm rõ tại sao những hạn chế, khuyết điểm đã chỉ ra nhiều năm nhưng chậm được khắc phục, có mặt còn yếu kém, phức tạp thêm; làm rõ nguyên nhân trở ngại trong việc lãnh đạo thực hiện các nghị quyết của Trung ương về xây dựng Đảng.

Hai là, các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương tiến hành kiểm điểm, đánh giá liên hệ bản thân về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao liên quan đến một số vấn đề cấp bách nêu trong Nghị quyết này, đề ra biện pháp khắc phục. Tập trung làm rõ trách nhiệm cá nhân, gương mẫu thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình, nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức, lối sống.

Ba là, các đồng chí ủy viên ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, lãnh đạo các ban của Trung ương Đảng, ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy và cấp ủy các cấp nghiêm túc kiểm điểm, tự phê bình và phê bình, nêu gương bằng hành động thực tế. Trong quá trình kiểm điểm cần liên hệ, gắn với xem xét việc thực hiện các quy chế, quy định; việc giải quyết những vấn đề về tổ chức, cán bộ; về giải quyết những vấn đề bức xúc của ngành, cơ quan hoặc địa phương.

Trước khi kiểm điểm, cần có hình thức phù hợp lấy ý kiến góp ý, gợi ý kiểm điểm.

2. Nhóm giải pháp về tổ chức, cán bộ và sinh hoạt đảng

Một là, mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý kiểm điểm, liên hệ theo chức trách, nhiệm vụ được giao, tự phê bình và phê bình thẳng thắn, dân chủ, nghiêm túc, chân thành, gắn với thực hiện Quy định về những điều đảng viên không được làm, theo cương vị công tác. Làm tốt việc kiểm điểm để có căn cứ xem xét, sàng lọc đội ngũ cán bộ của cả hệ thống chính trị và chuẩn bị quy hoạch cấp ủy, các chức danh chủ chốt các cấp nhiệm kỳ tới.

Hai là, phát huy dân chủ thật sự trong Đảng, thực hiện nghiêm túc Quy chế chất vấn trong Đảng, nhất là chất vấn tại các kỳ họp Ban Chấp hành Trung ương và cấp ủy các cấp. Đổi mới cách lấy phiếu tín nhiệm để đánh giá, nhận xét cán bộ theo hướng mở rộng đối tượng tham gia. Những người không đủ năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ, có tín nhiệm thấp cần được sắp xếp phù hợp, có cơ chế để kịp thời thay thế không chờ hết nhiệm kỳ, hết tuổi công tác.

Ba là, tiếp tục thực hiện chủ trương bố trí một số chức danh cán bộ chủ chốt ở cấp tỉnh, cấp huyện không phải là người địa phương. Thực hiện nghiêm việc kê khai tài sản theo quy định của Đảng và Nhà nước. Kê khai tài sản phải trung thực và được công khai ở nơi công tác và nơi cư trú.

Tiếp tục thực hiện thí điểm chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện; gắn với xây dựng quy chế kiểm tra,

giám sát, bảo đảm thực sự có hiệu quả, ngăn chặn sự lạm quyền, độc đoán. Sơ kết, rút kinh nghiệm để có chủ trương về việc đại hội đảng bộ từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở trực tiếp bầu bí thư cấp ủy có số dư. Triển khai thực hiện quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước nhiệm kỳ 2016-2020; tích cực tạo nguồn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tham mưu, chuyên gia cấp chiến lược. Thực hiện bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ trì cấp trên nói chung phải qua chức vụ lãnh đạo, quản lý chủ trì ở cấp dưới. Hướng dẫn để sớm thực hiện quy định việc lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn. Quy định việc thực hiện lấy phiếu tín nhiệm hằng năm đối với các chức danh lãnh đạo trong cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể. Những người hai năm liền tín nhiệm thấp, không hoàn thành nhiệm vụ cần được xem xét, cho thôi giữ chức vụ, không chờ kết nhiệm kỳ, hết tuổi công tác.

Bốn là, thí điểm giao quyền cho bí thư cấp ủy lựa chọn, giới thiệu để bầu cử ủy viên thường vụ cấp ủy; cấp trưởng có trách nhiệm lựa chọn, giới thiệu để bầu cử, bổ nhiệm cấp phó; thí điểm chế độ tiến cử, chế độ tập sự lãnh đạo quản lý; thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự theo hướng những người được dự kiến đề bạt, bổ nhiệm phải trình bày đề án hoặc chương trình hành động trước khi cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Năm là, chấn chỉnh tổ chức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, đảng bộ; thực hiện nghiêm nguyên tắc tự phê bình và phê bình.

Sáu là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Sớm tổng kết toàn diện công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm; bổ sung, sửa đổi Luật Phòng, chống tham nhũng. Kiện toàn và tăng cường trách nhiệm, nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan phòng, chống tham nhũng. Xét xử nghiêm những vụ án tham nhũng, trước hết là những vụ nghiêm trọng, phức tạp, được nhân dân quan tâm.

Bảy là, định kỳ tổ chức để nhân dân góp ý kiến xây dựng Đảng thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

3. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách

Một là, khẩn trương rà soát, loại bỏ các cơ chế, chính sách đã lạc hậu, xây dựng, ban hành đồng bộ các chính sách để đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ. Trọng tâm là đánh giá cán bộ, xây dựng tiêu chuẩn cán bộ theo chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ làm cơ sở cho việc quy hoạch, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ; quy định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan, đơn vị. Ban hành quy chế để hằng năm Ban Chấp hành Trung ương góp ý kiến, thể hiện sự tín nhiệm đối với tập thể và từng thành viên Bộ Chính trị, Ban Bí

thư; ban chấp hành đảng bộ các cấp góp ý kiến, thể hiện sự tín nhiệm đối với tập thể và từng thành viên ban thường vụ cấp ủy cấp mình.

Thực hiện nghiêm Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác cán bộ. Ủy ban kiểm tra các cấp thường xuyên kiểm tra, giám sát đối với cán bộ thuộc diện cấp ủy quản lý trong việc chấp hành các quy định của Đảng và Nhà nước về cán bộ, công chức; hàng năm cần có báo cáo kết quả thực hiện của cán bộ thuộc cấp ủy quản lý trong việc chấp hành quy định của Đảng và Nhà nước về công tác cán bộ, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức. Xây dựng, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật để bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch trong công tác cán bộ; loại trừ khả năng để cán bộ và người thân của cán bộ lợi dụng chức vụ, vị trí công tác để trục lợi.

Hai là, rà soát cơ chế, chính sách và ban hành văn bản quy phạm pháp luật để quản lý, kiểm soát chặt chẽ vốn và tài sản nhà nước.

Ba là, tích cực thực hiện cải cách hành chính nhà nước và cải cách hành chính trong Đảng. Rà soát, loại bỏ những cơ chế, chính sách không còn phù hợp, cản trở việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức; sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định của Đảng và Nhà nước theo hướng đề cao hơn trách nhiệm và quyền hạn của người đứng đầu trong mối quan hệ giữa tập thể và cá nhân, vừa phải tôn trọng nguyên tắc tập thể, vừa phải phát huy vai trò cá nhân người đứng đầu; khuyến khích, bảo vệ người dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đặt lợi ích chung lên trên lợi ích riêng.

Bốn là, đẩy nhanh việc cải cách, thực hiện sớm chế độ tiền lương, nhà ở, chống bình quân, cào bằng; đồng thời chống đặc quyền, đặc lợi; gắn với tinh giảm biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức.

Năm là, trong năm 2012 ban hành quy chế giám sát (trực tiếp và gián tiếp) của nhân dân đối với cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng và chính quyền các cấp; trong đó có cơ chế giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, nhà khoa học; cơ chế để Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

4. Nhóm giải pháp về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng

Một là, tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị 03-CT/TW, ngày 14-5-2011 của Bộ Chính trị; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc làm theo gương Bác một cách thiết thực, hiệu quả.

Hai là, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên gắn với việc kiểm điểm, đánh giá và biện pháp giải quyết vấn đề cấp bách trong công tác xây dựng Đảng của các cấp theo tinh thần Nghị quyết này, tạo niềm tin trong Đảng và nhân dân.

Ba là, đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn. Đưa vào nền nếp việc bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, đặc biệt là cấp Trung ương.

Bốn là, chấn chỉnh hoạt động thông tin, tuyên truyền; quản lý có hiệu quả hoạt động báo chí theo đúng định hướng của Đảng và Nhà nước. Chú trọng làm tốt hơn việc nêu gương những người tốt, việc tốt; lấy nhân tố tích cực để đẩy lùi tiêu cực; đồng thời phê phán, đấu tranh với những biểu hiện sa sút về tư tưởng chính trị, vô trách nhiệm, vụ lợi cá nhân, vi phạm những chuẩn mực đạo đức, lối sống... Tập trung chấn chỉnh, quản lý thông tin trên mạng Internet, các mạng xã hội và blog cá nhân.

Năm là, cán bộ chủ chốt và cán bộ dân cử các cấp phải thường xuyên tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân, chủ động nắm bắt tâm tư, đánh giá, dự báo diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và có biện pháp giải quyết kịp thời. Kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh, phê phán những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ Đảng. Giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị, Kế hoạch, phân công việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết, định rõ lộ trình thực hiện, làm từng bước vững chắc; giữa nhiệm kỳ sơ kết, cuối nhiệm kỳ tổng kết báo cáo Ban Chấp hành Trung ương, Đại hội Đảng; trực tiếp chỉ đạo việc phổ biến, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị ở các cấp chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết, giải quyết từng vấn đề cấp bách, xác định rõ những việc cần làm ngay, làm quyết liệt có hiệu quả, thời gian hoàn thành và phân công người chịu trách nhiệm cụ thể.

3. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan liên quan khẩn trương rà soát các cơ chế, chính sách về tổ chức, cán bộ, đề xuất sửa đổi, xây dựng mới để thực hiện tốt các giải pháp nêu ra trong Nghị quyết này.

Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với Ban cán sự đảng Chính phủ, Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan rà soát và kiện toàn tổ chức những cơ quan của Đảng, Nhà nước chưa phù hợp, hoạt động chưa hiệu quả. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống tham nhũng, từ đó đề xuất việc kiện toàn để nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức này.

4. Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng xây dựng kế hoạch, kiến nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư nội dung gợi ý cho các cấp ủy viên

ở những nơi cần thiết trước khi tiến hành tự phê bình và phê bình; tổ chức kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng về thực hiện Nghị quyết này.

5. Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo các cơ quan báo chí tuyên truyền, phổ biến nội dung nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch của Trung ương, Bộ Chính trị về vấn đề này và kết quả thực hiện theo tiến độ chặt chẽ, kịp thời, tránh nhận thức sai lệch, hiểu nhầm, ngộ nhận; không để các thế lực thù địch, chống đối lợi dụng kích động, làm mất ổn định chính trị. Các cấp ủy, cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm quản lý, chấn chỉnh các cơ quan báo chí của mình, bảo đảm đúng định hướng thông tin của Đảng và Nhà nước. Tăng cường quản lý và chấn chỉnh các trang mạng và blog có nội dung xấu.

6. Ban Dân vận Trung ương chủ trì phối hợp với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, cơ chế để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, trình Bộ Chính trị ban hành.

7. Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo rà soát, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật cần thiết để quản lý, sử dụng, kiểm soát chặt chẽ vốn và tài sản của Nhà nước, không để sơ hở, thất thoát.

*

* *

Ban Chấp hành Trung ương Đảng tin tưởng với truyền thống và bản chất tốt đẹp của Đảng, được nhân dân đồng tình, ủng hộ, nhất định chúng ta sẽ thực hiện thắng lợi Nghị quyết này, tạo bước chuyển biến mới trong công tác xây dựng Đảng, làm cho Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh./.

Bản sao lưu trữ

CHƯƠNG II.
VỀ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Câu hỏi: Phân tích nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong những nguồn gốc đó, nguồn gốc nào là quan trọng nhất, quyết định bản chất của tư tưởng Hồ Chí Minh?

Trả lời:

Bất cứ một tư tưởng nào cũng phải có nguồn gốc, cơ sở hình thành, đó chính là tuân theo qui luật hình thành tư tưởng từ ít đến nhiều, từ hình thức đến nội dung, bản chất. Vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng không nằm ngoài qui luật đó.

Nguồn gốc:

a. Truyền thống tốt đẹp của dân tộc

- Lòng yêu nước và chủ nghĩa yêu nước được hình thành từ rất sớm và trở thành một tính chất của mọi người dân Việt và đây là một yếu tố quan trọng nhất để Nguyễn Tất Thành đi vào con đường cách mạng (lòng yêu nước là cái vốn có của người dân Việt. Vấn đề đặt ra là Đảng phải khơi gợi).

- Cho đến nay, mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam kể cả thắng lợi công cuộc đổi mới đều có cội nguồn từ lòng yêu nước, với học thuyết được du nhập vào Việt Nam đều phải thông qua lòng yêu nước và chủ nghĩa yêu nước của người dân Việt.

- Truyền thống đoàn kết, đoàn kết là sự gắn bó hợp tác với nhau để tạo nên sức mạnh. Truyền thống đoàn kết được hình thành cùng với sự hình thành của dân tộc Việt và cũng là cội nguồn của sức mạnh dân tộc Việt. Có 4 hình thức đoàn kết cơ bản:

+ Đoàn kết gia đình.

+ Đoàn kết trong cộng đồng và dòng họ.

+ Đoàn kết trong cộng đồng làng xã.

+ Đoàn kết quốc gia dân tộc thể hiện ở chỗ: Có tính nội dung, có văn hóa chung và có ngày giỗ Tổ chung (10/3 Âm lịch).

- Truyền thống nhân văn, nhân ái quý trọng con người, hướng con người vào làm điều thiện, đồng thời xử lý tinh tế các mối quan hệ, gia đình, vợ chồng, anh em, họ hàng và đề cao tình nghĩa, quy tắc ứng xử trong xã hội. Do đó người Việt sống tình cảm hơn, nhân nghĩa hơn, thông minh hơn.

- Trong lối sống của người Việt: giản dị, khiêm nhường, cởi mở và đặc biệt không cực đoan, cố chấp. Vì vậy, có thể tiếp thu những cái hay, cái tốt, cái đẹp của dân tộc khác.

- Truyền thống văn hiến: Văn hiến là sự kết hợp nhuần nhuyễn của ba yếu tố sau đây: tri thức, đạo đức, cái đẹp.

- Dân tộc Việt có khả năng học, hiếu học, coi trọng sự học, luôn luôn tôn vinh những người học cao, đỗ đạt.

b. Tinh hoa văn hóa nhân loại

- Tinh hoa văn hoá phương Đông: Người tiếp thu Đạo phật và Nho giáo.

+ Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình Nho giáo nên Người đã tiếp thu những quan điểm tốt đẹp của Nho giáo. Người đánh giá rất cao Khổng Tử. Ngày 19/5/1966, Người đến thăm Khổng Tử, khắc chữ lên bia đá: "Khổng Tử là người thầy vĩ đại nhất của nhân loại".

+ Người dùng rất nhiều những khái niệm, phạm trù Nho giáo như: *"Vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người"* (Thập niên thụ mộc, bách niên thụ nhân).

+ Người đánh giá rất cao tư tưởng bình đẳng của nhà Phật: *"Ta là Phật đã thành còn chúng sinh là Phật sẽ thành"*.

- Trong tinh hoa văn hóa phương Tây.

+ Hồ Chí Minh còn nghiên cứu, tiếp thu tư tưởng văn hoá dân chủ và cách mạng của cách mạng Pháp, cách mạng Mỹ, trong đó có tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp năm 1789; Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của Mỹ.

+ Người đánh giá rất cao về chúa Jêsus. Người tiếp thu những tư tưởng của những nhà khai sáng Pháp.

c. Chủ nghĩa Mác - Lênin

Chủ nghĩa Mác - Lênin là nguồn gốc lý luận trực tiếp, quyết định bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh khẳng định: *"Chủ nghĩa Lênin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái "cẩm nang" thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam mà cũng là mặt trời soi sáng đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản"*.

Đối với chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã nắm vững cái cốt lõi linh hồn sống của nó, là phương pháp biện chứng duy vật, học tập lập trường quan điểm, phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin để giải quyết các vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt Nam.

Các tác phẩm, bài viết của Hồ Chí Minh phản ánh bản chất tư tưởng cách mạng của Người theo thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Là yếu tố quan trọng nhất, quyết định việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

d. Những phẩm chất cá nhân riêng của Hồ Chí Minh

- Hồ Chí Minh có một tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo và khả năng phê phán tinh tường, sáng suốt trong việc tìm hiểu tinh hoa tư tưởng văn hoá cách mạng trong nước và trên thế giới.

- Sự khổ công rèn luyện học tập để chiếm lĩnh những tri thức phong phú của thời đại và với kinh nghiệm đấu tranh trong phong trào giải phóng dân tộc và phong trào công nhân quốc tế để tiếp cận với chủ nghĩa Mác - Lênin một cách khoa học.

- Có một tâm hồn của nhà yêu nước chân chính, một chiến sĩ cộng sản nhiệt thành và một trái tim yêu nước thương nòi, yêu thương những người cùng khổ, sẵn sàng chịu đựng hi sinh cao nhất vì độc lập của Tổ quốc, vì hạnh phúc của đồng bào.

Kết luận: tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của sự tổng hoà và phát triển biện chứng, tư tưởng văn hoá truyền thống của dân tộc, tinh hoa văn hoá của phương Đông và phương Tây với chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng, cùng với thực tiễn của dân tộc và thời đại, qua sự tiếp biến và phát triển của Hồ Chí Minh - một con người có tư duy sáng tạo, có phương pháp biện chứng, có nhân cách, phẩm chất cách mạng cao đẹp tạo nên. Tư tưởng Hồ Chí Minh là tư tưởng Việt Nam hiện đại.

Câu hỏi: Nêu khái quát những sự kiện chính trong cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Trả lời:

Cuộc đời, sự nghiệp hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh như một bản trường ca bất tận. Với phạm vi và giới hạn nghiên cứu, nên chỉ tóm tắt những sự kiện chính về cuộc đời hoạt động của Bác Hồ kính yêu!

Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ngày 19.5.1890 tại làng Hoàng Trù (quê mẹ), quê cha ở làng Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An.

Thời thơ ấu Hồ Chí Minh có tên gọi là Nguyễn Sinh Cung. Lên 5 theo cha vào Huế. Năm 1901-1905, học chữ Hán ở Nghệ An và Hà Tĩnh.

Tháng 9 -1905, học lớp dự bị trường Tiểu học Pháp - Bản xứ ở thành phố Vinh - Nghệ An. Đây là lần đầu tiên Nguyễn Sinh Cung tiếp xúc với khẩu hiệu "Tự do - bình đẳng - bác ái" của Đại Cách mạng tư sản Pháp.

Tháng 5-1908, Nguyễn Sinh Cung (Nguyễn Tất Thành) tham gia biểu tình chống thuế của nông dân Thừa Thiên và bị thực dân Pháp theo dõi.

Tháng 9-1910, Người dạy học ở trường Dục Thanh - Phan Thiết (9/1910 - 1/1911).

Ngày 5-6-1911, Nguyễn Tất Thành (lấy tên là Văn Ba) lên tàu Amiran Latouche Tréville từ cảng Nhà Rồng rời Tổ quốc sang Pháp.

Cuối 1917, Nguyễn Tất Thành theo tàu buôn đi vòng quanh các nước châu Phi, châu Mỹ và trở lại Pháp tham gia hoạt động chính trị tại Pháp.

Đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành vào Đảng Xã hội Pháp và lấy tên mới là Nguyễn Ái Quốc. 18-6-1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, Người đã gửi tới hội nghị Vécxây bản yêu sách 8 điểm của nhân dân An Nam đòi chính phủ Pháp thừa nhận các quyền tự do, dân chủ và quyền bình đẳng của nhân dân Việt Nam bằng một văn bản pháp luật cao nhất.

Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đó bỏ phiếu tán thành việc ra nhập Quốc tế III, từ một người yêu nước, Nguyễn Ái Quốc trở thành người cộng sản. Là một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp đồng thời cũng là người cộng sản đầu tiên của Việt Nam.

Tháng 6-1925: Nguyễn Ái Quốc sáng lập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội - đóng vai trò quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị về mặt tư tưởng, chính trị và tổ chức để tiến tới việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ngày 16 và 17-7-1920, báo L'Humanité đăng sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin đã thật sự thu hút sự chú ý của Nguyễn Ái Quốc. Sau này, Hồ Chí Minh đã viết: "Trong luận cương ấy, có những chữ chính trị khó hiểu. Nhưng cứ đọc đi đọc lại nhiều lần, cuối cùng tôi cũng hiểu được phần chính. Luận cương của Lênin đó làm cho tôi cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đoạ đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!" Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo quốc tế thứ ba".

Ngày 10-10-1929, Nguyễn Ái Quốc bị Toà án Vinh (Nghệ An) xử vắng mặt và kết tội tử hình.

Ngày 3 đến 7-2-1930, Nguyễn Ái Quốc chủ trì hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời thông qua những văn kiện chính thức do Nguyễn ái Quốc khởi thảo: Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt, Người thay mặt Quốc tế cộng sản và Đảng Cộng sản Việt Nam viết lời kêu gọi gửi đồng bào cả nước.

Ngày 6-6-1931, Nguyễn Ái Quốc mang thẻ căn cước với tên là Tống Văn Sơ, bị sĩ quan Anh và cảnh sát Trung Quốc bắt ở Cửu Long (Hồng Kông). Tháng 8-1932, nhờ sự giúp đỡ của Luật sư Lôdơkai và ông Tômát Xôntôn (phó Thống đốc Hồng Kông), Người được trả tự do và lại tiếp tục hoạt động cách mạng.

Từ 1934 đến 1937, Hồ Chí Minh học tập tại các trường, viện nghiên cứu ở Liên Xô. 1937, Nguyễn Ái Quốc làm nghiên cứu sinh và chuẩn bị tư liệu để viết luận án: "Cách mạng ruộng đất ở Đông Nam Á".

Cuối 1938-1940: Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Trung Quốc. Liên lạc với các đồng chí trong nước, xây dựng lực lượng, tổ chức để chuẩn bị cho họ trở về nước hoạt động.

28-10-1941, sau hơn 30 năm nơi quê người xứ lạ tìm con đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã về đến cột mốc 108 (Cao Bằng) trở về nước tiếp tục dẫn dắt, chỉ đạo công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của nước ta.

Tháng 8-1942, Hồ Chí Minh lên đường sang Trung Quốc để liên lạc với các lực lượng cách mạng của người Việt Nam và lực lượng đồng minh. Trong chuyến đi này, Người đã bị quân Quốc dân Đảng (Trung Quốc) bắt giam, giải đi nhiều nơi. Tháng 9-1943, Người mới được tha nhưng bọn Quốc dân Đảng vẫn còn nhiều thủ đoạn để ngăn cản - "giam lỏng" Người.

Đầu tháng 9-1943, Hồ Chí Minh đã vượt biên giới Việt - Trung trở về Pắc Pó (Cao Bằng) trực tiếp lãnh đạo chuẩn bị tổng khởi nghĩa.

Tháng 8-1945: theo đề nghị của Hồ Chí Minh. Hội nghị toàn quốc của Đảng được triệu tập tại Tân Trào, thành lập Ủy ban khởi nghĩa (13-8-1945). Ngày 16-8 Đại hội Quốc dân được họp của ở Tân Trào bầu ra Ủy ban Giải phóng dân tộc Việt Nam - chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tuyên ngôn độc lập do chính người soạn thảo tại Quảng trường Ba Đình trước hàng chục vạn đồng bào Thủ đô. Đây là bản khai sinh của nước Việt Nam độc lập sau gần 80 năm bị nô lệ và khai sinh ra nền cộng hoà dân chủ Việt Nam.

Ngày 6-1-1946: tổng tuyển cử đầu tiên của nước ta đạt kết quả tốt đẹp, Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Chính phủ.

Ngày 31-5-1946: Chủ tịch Hồ Chí Minh lên đường sang Pháp để tìm cách thương lượng với chính phủ Pháp mong ngăn chặn chiến tranh Pháp - Việt sẽ nổ ra, hội nghị đó không thành.

Năm 1954, trở lại Thủ đô Hà Nội trong giai đoạn cách mạng mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ nhiệm vụ của nhân dân Việt Nam là thi hành đúng Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương; củng cố hoà bình, đấu tranh để thực hiện thống nhất đất nước bằng Tổng tuyển cử tự do; củng cố miền Bắc về mọi mặt; mở rộng và củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất trong cả nước.

Đặc biệt chú trọng công tác xây dựng Đảng, Người nhắc nhở đảng viên phải phấn đấu, chú trọng nâng cao đạo đức cách mạng, coi đó là nền tảng của mỗi đảng viên để hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang của mình.

Năm 1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết tác phẩm "Đạo đức cách mạng", trong đó Người nêu lên tư cách của một người đảng viên là: phải trung thành tuyệt đối với Đảng, quyết tâm suốt đời phấn đấu cho Đảng, cho cách mạng; ra sức làm việc cho Đảng, giữ vững kỷ luật của Đảng, đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lao động lên trên lợi ích của cá nhân, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, vì Đảng vì dân mà đấu tranh; gương mẫu trong mọi việc,

ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, luôn luôn dùng phê bình và tự phê bình để nâng cao tư tưởng và cải tiến công tác của mình và đồng chí mình tiến bộ.

Về phần mình, lời nói đi đôi với việc làm, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn là tấm gương sáng về thực hành đạo đức cách mạng. Những kỷ vật của Người để lại được giới thiệu trong bảo tàng (như bộ quần áo gụ, đôi dép cao su v.v...) không chỉ nói về cuộc sống giản dị, đức khiêm tốn của một con người mà còn nói lên nhân cách của một vị lãnh tụ của nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Một ngày Tổ quốc chưa thống nhất, miền Nam chưa được giải phóng là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên".

Người luôn dành tình cảm sâu đậm với miền Nam, quan tâm theo dõi và cổ vũ từng bước tiến của cách mạng miền Nam. Trong Thư gửi đồng bào cả nước ngày 6 tháng 7 năm 1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Thống nhất nước nhà là con đường sống của nhân dân ta. Đại đoàn hết là một lực lượng tất thắng". Đồng bào miền Nam luôn hướng về Bác Hồ, về Thủ đô Hà Nội, quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Những vật lưu niệm từ miền Nam gửi tới Người được trưng bày đã nói lên tình cảm tha thiết của nhân dân miền Nam đối với Người.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III Đảng Lao động Việt Nam, tháng 9 năm 1960 Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hoà bình thống nhất nước nhà". Đại hội đã bầu lại Chủ tịch Hồ Chí Minh là Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III miền Bắc bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Cùng với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh động viên toàn Đảng, toàn dân vừa xây dựng, phát triển kinh tế, giữ gìn và phát triển nền văn hoá dân tộc, vừa chăm lo đến đời sống hàng ngày của nhân dân.

Người cổ vũ nhân dân miền Nam ruột thịt đang chiến đấu anh dũng để giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh đến việc xây dựng con người mới, Người nói: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa". Người đặc biệt quan tâm đến sự nghiệp giáo dục và chỉ rõ: "Trong công tác giáo dục phải luôn luôn kết hợp chặt chẽ giữa lý luận và thực hành, giữa giáo dục với lao động, văn hoá với đạo đức cách mạng; phải đẩy mạnh phong trào thi đua hai tốt: Dạy thật tốt và học thật tốt".

Trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao nhiệm vụ miền Bắc phải là nền tảng, là niềm tin đối với đồng bào miền Nam. Năm 1962, khi tiếp đoàn đại biểu nhân dân miền Nam ra thăm miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Hình ảnh miền Nam yêu quý luôn luôn ở trong trái tim tôi". Người mong muốn miền Nam sớm được giải phóng để vào thăm đồng bào, cán bộ và chiến sĩ

thân yêu. Năm 1963, khi Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đề nghị tặng Huân chương Sao vàng cho Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người đề nghị: "Chờ đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc thống nhất, Quốc hội cho phép đồng bào miền Nam trao cho tôi Huân chương cao quý đó. Như vậy thì toàn dân ta sẽ sung sướng, vui mừng".

Tháng 8 năm 1964, đế quốc Mỹ gây ra sự kiện "Vịnh Bắc Bộ", và từ tháng 2 năm 1965 đã mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân ra miền Bắc và ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ vào miền Nam Việt Nam. Trước tình hình đó Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi toàn thể nhân dân Việt Nam: "Lúc này chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng nhất của mọi người Việt Nam yêu nước".

Tháng 7 năm 1966, Mỹ đã dùng máy bay ném bom Thủ đô Hà Nội và thành phố Hải Phòng, Chủ tịch Hồ Chí Minh động viên nhân dân Việt Nam vượt qua hi sinh gian khổ và kêu gọi: "Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm, hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố xí nghiệp có thể bị tàn phá. Song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do! Đến ngày thắng lợi nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!".

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng tình đoàn kết giúp đỡ của nhân dân thế giới đối với nhân dân Việt Nam và luôn gắn cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam với cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Trong những năm kháng chiến cứu nước gian khổ, Người nói với nhân dân Việt Nam: "Nhân dân ta chiến đấu hi sinh chẳng những vì tự do, độc lập riêng của mình mà còn vì tự do, độc lập chung của các dân tộc và hoà bình thế giới". Tháng 11 năm 1964, Hội nghị quốc tế đoàn kết với nhân dân Việt Nam đã được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội với sự tham dự của 64 đoàn đại biểu của 52 nước và tổ chức quốc tế là sự cổ vũ to lớn đối với cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Việt Nam.

Về quan hệ với nước Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn phân biệt sự khác nhau giữa những người Mỹ xâm lược và nhân dân Mỹ; Người thông cảm sâu sắc với nỗi đau của những gia đình, những người phụ nữ Mỹ có người thân tham gia cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết nhiều thư gửi nhân dân Mỹ, coi họ là những người bạn thân thiết. Trong bức thư gửi nhân dân Mỹ tháng 1 năm 1962, Người viết: "Nhân dân Mỹ và nhân dân Việt Nam không thù oán gì nhau. Nhân dân Việt Nam kính trọng các bạn là nước đầu tiên phất cờ chống chủ nghĩa thực dân và chúng tôi mong muốn có quan hệ hữu nghị với các bạn".

Từ năm 1965, khi tròn 75 tuổi, chuẩn bị cho cuộc "ra đi" của mình, Bác Hồ bắt đầu viết Di chúc để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta. Trong những năm còn lại, cứ đến tháng 5, Bác Hồ lại sửa chữa và viết thêm vào văn kiện "tuyệt đối bí mật" này.

Trong Di chúc Người viết: *"Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân... Đảng cần có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế, văn hoá, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân...".*

Vào hồi 9 giờ 47 phút, ngày 2 tháng 9 năm 1969, trái tim của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngừng đập, để lại nỗi tiếc thương vô hạn cho toàn thể nhân dân Việt Nam và bạn bè quốc tế. Nhà thơ Tố Hữu đã viết:

"Suốt mấy hôm rày đau tiễn đưa
Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa ..."

Câu hỏi: Chủ tịch Hồ Chí Minh có những tên gọi, bí danh và bút danh nào?

Trả lời:

Trong cả cuộc đời của mình, Bác Hồ có nhiều tên gọi ở những thời kỳ khác nhau mà chúng ta biết, cụ thể như:

* **Nguyễn Sinh Cung** - lúc Người sống ở quê hương và ở Huế.

* **Nguyễn Tất Thành** - khi Người dạy học ở trường Dục Thanh (Phan Thiết) và sống ở Sài Gòn.

* **Văn Ba** - là tên khi Người làm phụ bếp trên tàu Amiral Latouch Tréville thuộc hãng vận tải Hợp nhất (Chargeurs Resunis) để rời Sài Gòn đi Pháp (năm 1911).

* **Nguyễn Ái Quốc** - là tên khi Người ký trong bản Yêu sách 8 điểm gửi Hội nghị Vécxây năm 1919.

* **Hồ Chí Minh** - Người dùng từ ngày 13/8/1942 khi từ Cao Bằng sang Trung Quốc với danh nghĩa đại diện của Việt Nam độc lập đồng minh và Phân bộ Quốc tế chống xâm lược của Việt Nam để tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.

Cùng với các tên gọi trên đây, Bác Hồ còn dùng nhiều tên gọi, bí danh và bút danh khác như:

* **A.G**, bút danh Người ký trong bài *Giữ bí mật* (30/7/1948), bài *Rút kinh nghiệm và trao đổi kinh nghiệm* (báo Sự Thật ngày 31/10/1949).

* **C.B,** bút danh Người dùng trong khoảng 70 bài báo, phần nhiều đăng trên báo *Nhân dân* từ năm 1951 - 1957.

* **C.K**, bút danh Người dùng đăng trên *báo Nhân dân* ngày 10/1/1960.

* **Chiến sĩ,** bút danh Người ký trong hơn 50 bài viết trong khoảng 1963 - 1968, đăng trên báo *Nhân dân*.

* **Chiến thắng**, bút danh ở một số bài Người đăng báo *Cứu quốc* tháng 9,10/1945.

* **ĐH**, bút danh Người ký trong tập *Nhật ký hành trình của Hồ Chủ tịch, bốn tháng sang Pháp* năm 1946.

* **Đ.X**, là bút danh Người dùng trong khoảng 50 bài báo đăng trong chuyên mục *Thường thức chính trị* của báo *Cứu quốc* từ 16/1 đến 23/9/1953.

* **Đin**, bút danh mà Người đăng trên tạp chí *Vì một nền hòa bình lâu dài, vì một nền dân chủ nhân dân,* ngày 21/8/1953.

* **G,** là bút danh của Người dùng trong bài viết nhan đề *Bệnh khẩu hiệu* (báo *Sự thật* ngày 15/3/1951).

* **Già Thu**, bí danh Người dùng trong thời gian ở Pắc Pó (Cao Bằng) khi Người vừa trở về Tổ quốc (tháng 2/1941).

* **L.T**, bút danh Người ký trong bài *Thuốc đắng dã tật, nói thật mất lòng* (báo *Sự thật* ngày 15/4/1949).

* **La Lập**, bút danh Người ký trong bài *Tổng Giôn đã phạm tội ác tày trời,* đăng báo *Nhân dân* ngày 10/8/1949.

* **Lê Nông**, bút danh của Người ký trên báo *Nhân dân* từ 15 đến 18/9/1964 và ngày 7/4/1965.

* **Lê Quyết Thắng**, bút danh của Người ký ở báo *Cứu quốc* từ 30/5/1949 đến 2/6/1949.

* **Lê Thanh Long**, bút danh Người ký trên báo *Nhân dân* ngày 4/2/1963.

* **N.A.Q**, bút danh Người ký trong bài và tranh đăng trên báo *Người Cùng khổ* (Le Paria, số 5 ra ngày 1/8/1922, số 2 tháng 6/1922).

* **Ng. Ái Quốc,** bút danh Người ký bài đăng trên báo *Người Cùng khổ,* số tháng 4 và 5/1925.

* **Nguyễn A.Q**, bút danh Người ký trong các thư gửi đại diện Tổng công hội Thống nhất Pháp ở Quốc tế Công hội đỏ, bằng tiếng Anh.

* **P.C.Line**, bút danh Người dùng trong thời gian trở lại hoạt động ở Trung Quốc năm 1938 và một số bài báo năm 1939.

* **Quac.E.Wen**, bút danh Người ký trong bài *Uy quyền của đế quốc Pháp ở Đông Dương* ngày 5/3/1931.

* **T.L**, bút danh Người ký trong khoảng 30 bài đăng trên báo *Nhân dân* từ năm 1955 đến 1969.

* **Tân Sinh**, bút danh Người ký trong tác phẩm *Đời sống mới,* ngày 20/3/1947.

* **Thanh Lan**, bút danh Người ký trên báo *Nhân dân* ngày 26/6/1963.

* **Thu Sơn**, bí danh Người dùng trong thời gian ở Pắc Bó (Cao Bằng), tháng 2/1941).

* **Trần Lực**, bút danh Người ký trong các bài đăng trên báo *Nhân dân* từ năm 1958 đến 1961.

* **U.L**, bút danh Người ký trong các bài đăng trên báo *Người Cùng khổ* năm 1922.

* **Victor,** bút danh Người ký dùng cho một bài gửi cho báo *Pháp Thế Giới* (Le Monde năm 1934).

* **Việt Hồng**, bút danh Người ký trong bài *Vừa đi đường vừa nói chuyện về Các-Mác* trên báo *Nhân dân* ngày 5/5/1968.

* **Wang**, bút danh Người ký trong một bài đăng trên tạp chí *Thư tín quốc tế* năm 1927-1928.

Câu hỏi: Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà như thế nào?

Trả lời:

Sáu ngày sau khi Thủ đô Hà Nội lọt vào tay Việt Minh, ngày 25 tháng 8 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có mặt tại Hà Nội, nghỉ tạm tại làng Gạ (thôn Phú Gia, xã Phú Thượng, huyện Từ Liêm - nay là phường Phú Thượng, quận Tây Hồ).

Ngày 26/8/1946, sau khi nghe đồng chí Võ Nguyên Giáp và Trần Đăng Ninh báo cáo về tình hình khởi nghĩa của Hà Nội, rồi ngay chiều hôm đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh chuyển về làm việc ở số nhà 48 - phố Hàng Ngang - Hà Nội *(vẫn bí mật).*

Hồ Chí Minh đưa ra 3 đề nghị quan trọng:

- Mở rộng hơn nữa thành phần Chính phủ lâm thời, và sớm công bố danh sách chính phủ ấy.

- Cần có ngay một bản *Tuyên ngôn độc lập* để nhanh chóng công bố với thế giới sự ra đời của Chính phủ mới càng sớm càng tốt.

- Tổ chức ngay một cuộc mít tinh lớn ở Hà Nội, mới giải phóng trên một quảng trường lớn để Chính phủ lâm thời ra mắt và đọc bản Tuyên ngôn độc lập, chứ không chủ trương như cũ đã chuẩn bị lễ ra mắt ở Nhà hát lớn thành phố và không có *Tuyên ngôn độc lập.*

Rồi liền trong 3 ngày, từ ngày 28 tháng 8 - 30/8/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ngồi thảo bản *Tuyên ngôn độc* lập ở tầng 2 số nhà 48 - phố Hàng Ngang - Hà Nội. Cả cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết nhiều nhưng có lẽ đây là niềm hạnh phúc lớn nhất của Người cho "đến bây giờ". Nội dung của ba chữ "đến bây giờ" phải hiểu một cách cụ thể là 3 ngày 28, 29 và 30/8 mà Chủ tịch Hồ Chí Minh có được để viết Tuyên ngôn độc lập, đồng thời cần gắn liền xuyên suốt nó với đời hoạt động của Bác. Để giờ đây thành quả cách mạng của toàn Đảng, toàn dân đã trở thành hiện thực. Toàn thể dân tộc Việt Nam phải giữ lấy bằng được kết quả phấn đấu vô cùng gian khổ, ròng rã suốt 34 năm trời. Công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng toàn Đảng, toàn dân được hun đúc trong bản *Tuyên ngôn độc lập*, bằng những lời lẽ đanh thép, hùng hồn... Đây là một văn kiện lịch sử, một bản

Tuyên ngôn cho một Nhà nước mới ra đời! Một bản khai sinh long trọng của một chế độ dân chủ cộng hoà lần đầu tiên ra mắt thế giới ở Đông Nam Á, một lá bùa hộ mệnh, một lá chắn bảo vệ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà non trẻ.

Sáng ngày 2/9/1945, từ sáng sớm cả Hà Nội đã tưng bừng cờ đỏ sao vàng rực trời. Đến 12 giờ trên những con đường dẫn vào vườn hoa Ba Đình người đã đông nghịt. Đủ mặt các giới, các đoàn thể, các tầng lớp nhân dân, hoà cùng dòng người đi dự lễ độc lập. Đúng 14 giờ, các thành viên của Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu bước lên lễ đài. Bài tiến quân ca vang lên hùng tráng, lá cờ đỏ sao vàng từ từ kéo lên. Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản *Tuyên ngôn độc* lập lịch sử, trịnh trọng tuyên bố với nhân dân cả nước và nhân dân thế giới về sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, khẳng định độc lập chủ quyền của dân tộc Việt Nam.

Tuyên ngôn độc lập đã khẳng định với thế giới cơ sở pháp lý về quyền được hưởng tự do độc lập của dân tộc Việt Nam, đồng thời qua đó đóng góp vào sự phát triển nền pháp lý dân chủ và tiến bộ của xã hội loài người trong thời đại ngày nay.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945, chứng tỏ một vai trò to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng đúng đắn, sáng tạo và phát triển học thuyết Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám chứng minh một chân lý: Trong thời đại cách mạng vô sản, cách mạng giải phóng dân tộc, do giai cấp công nhân lãnh đạo hoàn toàn có khả năng giành thắng lợi ở một nước thuộc địa nửa phong kiến; cuộc cách mạng ấy không chỉ quan hệ mật thiết với cách mạng vô sản ở chính quốc mà trái lại nó có thể phát huy tính chủ động để giành thắng lợi.

Câu hỏi: Địa điểm, không gian, thời gian ra đời bản Di Chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh?

Trả lời:

Trong cuộc đời 79 mùa xuân, Bác Hồ đã ở và làm việc ở nhiều nơi, nhưng nơi Người ở và làm việc lâu nhất là khu Phủ Chủ tịch (từ 19-12-1954 đến 2-9-1969). Trong 15 năm ấy, Người sống và làm việc ở nhà sàn nhiều thời gian nhất (từ 19-5-1958 đến 17-8-1969). Từ ngày 17-8-1969, do điều kiện sức khoẻ của Người, các bác sĩ đề nghị Người không lên xuống nhà sàn nữa, Người đã đến ở căn nhà được xây dựng năm 1967. Tại đây, Người đã được các bác sĩ tận tình cứu chữa, nhưng Người đã ra đi vào lúc 9 giờ 47 phút, ngày 2-9-1969 sau một cơn đau tim. Chuẩn bi cho sự ra đi này, từ năm 1965, khi còn ở nhà sàn, Người chọn đúng giờ đẹp nhất trong ngày, chọn lúc sức khoẻ tốt để viết sẵn *Di Chúc*, mà với đức tính khiêm tốn cao cả Người không gọi là *"Di Chúc"*, là *"Chúc thư"* hay *"Di huấn"*. Bác gọi rất giản dị là *"Tài liệu"* là *"Mấy lời để lại"*. Bác cũng không muốn cho nhiều người biết việc làm của một người "sắp đi xa", ngại dẫn đến những suy nghĩ

không có lợi, nên mở đầu bài viết, Bác ghi rõ *"Nhân dịp 75 tuổi"* và phía bên lề trái, Bác ghi chú thêm hàng chữ *"Tuyệt đối bí mật"*. Tài liệu *"Tuyệt đối bí mật"* này sẽ chỉ được công bố khi người đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác.

Những lúc thảo tài liệu *"Tuyệt đối bí mật"*, Bác đã ngồi ở ghế mây để viết hoặc để đánh máy trên chiếc bàn gỗ được kê trong phòng làm việc tầng 2 nhà sàn. Cơ sở khẳng định điều này có nhiều tư liệu song những tài liệu đã công bố và lời kể của đồng chí Vũ Kỳ - nguyên thư ký riêng của Bác, người được Bác tin tưởng giao phó cho "cất giữ cẩn thận" tài liệu *"Tuyệt đối bí mật"* là đáng tin cậy. Trong hồi ký của mình, đồng chí Vũ Kỳ đã từng viết: "Đúng 9h, Bác Hồ ngồi chăm chú viết, vấn đề chắc đã suy ngẫm từ lâu. Phòng làm việc trên nhà sàn yên tĩnh, gió mát dịu, thoang thoảng hương thơm của hoa vườn. Chính vào giờ phút đó Bác Hồ đặt bút viết những dòng đầu tiên vào tài liệu *"Tuyệt đối bí mật"* để dặn lại cho muôn đời con cháu mai sau"(1)

Đó là ngày 10-5-1965, ngày đầu tiên Bác viết *Di chúc*. Rồi những ngày tiếp theo của tháng 5 năm ấy hay những ngày trung tuần tháng năm của các năm sau cũng vậy, Bác vẫn viết, sửa chữa, bổ sung *Di chúc* ở phòng làm việc nhà sàn. Ngày 19-5-1969 Bác xem lại *Di chúc*: "Đúng 9h, Bác ngồi vào bàn làm việc với bản Di chúc trước mặt. Bên ngoài nắng đã lên cao. Những chùm hoa phượng nở sớm, bắt nắng khoe màu rực rỡ. Mặt hồ lăn tăn gợn sóng, lấp lánh ánh mặt trời. Một làn gió mát rượi ùa vào khung cửa sổ làm bay bay những sợi tóc bạc của Bác. Bác ngồi đó tựa lưng vào thành ghế thoải mái, ung dung, nét suy tư hiện lên trên vầng trán rộng". Ngày 20-5-1969, "Người xem lại tài liệu lần cuối và xếp vào phong bì cất đi"(2)

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, để chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam đi đến bến bờ thắng lợi, Bác đã viết nhiều văn kiện quan trọng, không kể những văn kiện Bác đã viết trong những năm ở nước ngoài hay trước tháng 8-1945 mà chúng ta không có điều kiện nghiên cứu hết hoàn cảnh ra đời của chúng, thì cuối tháng 8-1945 Bác đã viết bản *Tuyên ngôn độc lập* ở căn nhà 48, Hàng Ngang, Hà Nội, chuẩn bị cho ngày lễ khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hoà; Đêm khuya ngày 18-12-1946, tại một căn gác nhỏ toả một vùng sáng hẹp quanh chiếc bàn gỗ, Bác viết *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* - lời hịch cho cả dân tộc bước vào trận chiến mới đầy thử thách ác liệt giành độc lập, tự do; Tại nhà sàn, tháng 7-1966 khi đế quốc Mỹ leo những nấc thang nghiêm trọng xâm lược nước ta, Bác viết *Lời kêu gọi quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*.

Những văn kiện trên, do hoàn cảnh lịch sử cụ thể, Bác đã không dành được nhiều thì giờ, riêng những lời để lại trước khi từ biệt thế giới này, thì

(1) Vũ Kỳ: *"Càng nhớ Bác Hồ"*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1999, tr.245.
(2) *Hồ Chí Minh: Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 10, tr.351

giờ Bác dành cho nó khá nhiều. Theo đồng chí Vũ Kỳ: "Trong khoảng thời gian 4 năm, từ 10-5-1965 đến 19-5-1969, Bác để cả thảy 28 buổi, phần lớn mỗi buổi 2 giờ rưỡi để viết *Di chúc*"(1).

Để tìm hiểu vấn đề này, chúng ta thử hệ thống lại: Năm 1965: Những dòng đầu tiên của *Di chúc* đã được Bác viết từ 9 giờ đến 10 giờ, thứ 2 ngày 10-5. Cũng vào giờ này của các ngày 11, 12, 13, Bác tiếp tục viết *Di chúc*. Ngày 14-5, từ 6h đến 9h Bác đến thăm nông dân xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm - Hà Nội, gặt lúa chiêm. Gần 10h, Bác mới về đến nhà kịp tham gia họp Bộ Chính trị bàn về công tác đào tạo cán bộ, nên ngày đó Bác đã không viết tiếp lời dặn như đã định. Buổi chiều từ 14h đến 16h Bác viết tiếp tài liệu *"Tuyệt đối bí mật"* và tự tay đánh máy. Đúng 16h ngày 14-5-1965, Bác hẹn đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn sang gặp. "Nhưng Bác đánh máy dòng chữ "Hà Nội, ngày 15-5-1965 trước chữ ký Hồ Chí Minh. Bên cạnh, phía trái là chữ ký chứng kiến của đồng chí Lê Duẩn"(2).

Như vậy, sự chứng kiến của đồng chí Lê Duẩn đã diễn ra trong khoảng thời gian từ sau 16h đến trước 18h ngày 14-5-1965, vì đúng 18h các đồng chí Trung ương vào chúc thọ Bác 75 tuổi. Sau đó từ 19h30 Bác đi dự mít tinh của thiếu nhi thủ đô nhân dịp kỷ niệm lần thứ 24 ngày thành lập Đội thiếu niên tiền phong Việt Nam và chúc thọ Bác 75 tuổi. Đúng 21h hôm đó, về đến nhà sàn, Bác giao lại chiếc phong bì to đựng các bản thảo Di chúc và bản Di chúc đã đánh máy có chữ ký của đồng chí Lê Duẩn cho đồng chí Vũ Kỳ và dặn "chú giữ cẩn thận, sang năm 10-5 nhớ đưa lại cho Bác"(3). Sáng sớm ngày 15-5-1965 Bác đi thăm Trung quốc, Liên Xô một tháng. Ngày 15 ấy, Bác cũng lấy là ngày viết xong Di chúc. Có sự trùng hợp ngẫu nhiên của con số 15 (Ngày 15-2-1965, Bác về thăm Nguyễn Trãi ở Côn Sơn- Hải Dương) mà đồng chí Vũ Kỳ cho là: "rồi đây các nhà viết sử có lẽ phải dành nhiều trang cho sự kiện ngẫu nhiên này"(4).

Năm 1966: Từ ngày 10-5 đến ngày 15-5, từ 9h đến 10h hàng ngày Bác dành cho tài liệu "Tuyệt đối bí mật". Theo đồng chí Vũ Kỳ, Bác đã đọc rất chăm chú trên từng câu từng chữ bản Di chúc Bác đánh máy xong lúc 16h ngày 14-5-1965. Bác không viết gì thêm, chỉ ghi thêm một câu đặc biệt quan trọng "Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau" sau đoạn "Trong Đảng phải thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình, là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng".

Nhưng nghiên cứu bản gốc Di chúc, chúng ta còn thấy có thêm cụm từ "Phục vụ Tổ quốc" Bác viết ở bên lề để thêm vào sau cụm từ "phục vụ nhân

---

(1) Vũ Kỳ: *"Tưởng nhớ Bác Hồ viết Di chúc lịch sử"*, Tổng Cục Văn hoá - nghệ thuật, số 8, 1999, tr.12
(2) Vũ Kỳ: *"Càng nhơ Bác Hồ"*, Nxb. Thanh Niên, 1999, tr.152
(3) Vũ Kỳ: *"Càng nhơ Bác Hồ"*, Sđd, tr.154
(4) Hồi kí của Vũ Kỳ: *"Bác Hồ viết Di chúc"*, Thế Kỷ ghi, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr.11

dân" và Bác mở ngoặc "Tôi viết thêm H.C.M". Câu "phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau" và cụm từ "phục vụ tổ quốc" viết bằng bút mực cửu long xanh đen. Ngoài ra chúng ta còn thấy Bác sửa một số lỗi chính tả do đánh máy sai bằng bút bi màu mực xanh. Ví dụ trong câu "Lâu ngày cây nhiều thành rừng, sẽ tốt cho phong cảnh và lợi cho nông nghiệp", Bác sửa chữ "tốt" thay cho chữ "lợi".

Năm 1967: từ ngày 14-4, Bác đi công tác nước ngoài đến 30-6 mới về, nên tài liệu *"Tuyệt đối bí mật"* được đồng chí Vũ Kỳ cất vào một chỗ khác.

Năm 1968: Từ ngày 10-5 đến ngày 19-5, ngày nào Bác cũng dành 1 giờ, từ 9h đến 10h, tiếp tục viết tài liệu *"Tuyệt đối bí mật"*. Năm này Bác bổ sung và sửa chữa nhiều cho *Di chúc* và viết thêm 6 trang: một bản là một tờ giấy trắng ngà khổ 19cm x 24cm có dòng kẻ đỏ. Bác viết cả hai mặt và bằng bút mực cửu long xanh đen. Những chỗ sửa chữa Bác viết bằng bút mực đỏ, những chỗ gạch chân để nhấn mạnh Bác dùng bút bi mực đỏ. Một bản gồm 3 tờ giấy trắng ngà khổ 18.5cm x 26cm có dòng kẻ đỏ. Tờ 1, Bác viết 2 mặt; tờ 2 và 3, Bác viết một mặt. Chữ viết bằng bút mực cửu long xanh đen, chữ sửa bằng bút mực đỏ. Những chỗ viết con số ghi số trang, Bác viết bằng bút bi đỏ, bi xanh. Ở những tờ Bác viết 2 mặt, chữ trang 1 thấm sang cả trang 2 và ngược lại nên rất khó đọc.

Từ ngày 10-5 đến 18-5 năm ấy, Bác viết và sửa chữa *Di chúc* ở nhà sàn, riêng ngày 19-5 Bác viết ở nhà khách Hồ Tây. Vì 18h ngày 18-5, sau bữa cơm chiều Bác đã bí mật rời Phủ Chủ tịch lên Hồ Tây để tránh liên hoan chúc thọ sinh nhật Bác. Ngày sinh nhật Bác năm ấy, Bác bình thản chuẩn bị cho ngày ra đi của mình.

Năm 1969: từ ngày 10-5 đến ngày 20-5, Bác vẫn đều đặn dành mỗi ngày 1 giờ, từ 9h đến 10h, để xem lại và sửa chữa *Di chúc*. Riêng ngày 11-5, do đi dự Hội nghị Trung ương họp ở nhà khách Hồ Tây về đến nhà sàn đã hơn 9h nên "Lần đầu tiên trong 4 năm viết *Di chúc*, Bác đã lùi thời gian từ 9h30 đến 10h30"(1). "Ngày đó Bác viết lại toàn bộ phần mở đầu của *Di chúc* vào mặt sau tờ cuối cùng của tập bản tin (tin tham khảo đặc biệt) - số ra thứ 7 ngày 3-5-1969 do Việt Nam thông tấn xã phát hành. Tập bản tin này gồm 15 trang, khổ giấy A4, bản viết này Bác viết bằng mực cửu long xanh đen. Những chữ sửa lại, viết thêm Bác dùng bút mực đỏ"(2). Ngày 12-5, do buổi sáng Bác đi dự họp Bộ Chính trị nên Bác chuyển giờ viết *Di chúc* vào buổi chiều, từ 15h đến 16h. Những ngày này Bác chủ yếu tập trung vào sửa chữa đoạn mở đầu và viết thêm *Di chúc* năm 1968.

Như vậy, bản *Di chúc* đã được Bác khởi thảo từ ngày 10-5-1965. Ngày 20-5-1969 là ngày Bác xem lại lần cuối cùng. Trong khoảng 4 năm ấy cứ vào trung tuần tháng 5 hàng năm, phần lớn mỗi ngày Bác đều dành 1 giờ để

(1) Vũ Kỳ: *"Càng nhớ Bác Hồ"*, Sđd, tr. 225
(2) Vũ Kỳ: *"Tưởng nhớ Bác Hồ viết Di chúc"*, Sđd, tr.12

xem lại, sửa chữa, bổ sung những chỗ cần thiết, có khi viết thêm một số trang, hoặc sửa chữa một số câu, có khi chỉ thay đổi một vài chữ trong *Di chúc*. Với trách nhiệm với hậu thế Bác cân nhắc từng ý từng lời, nhưng mỗi ý, mỗi lời đều giản dị chân thành, trong sáng, tự nhiên như chính cuộc đời mà Bác đã sống.

Câu hỏi: Những biểu hiện về văn hoá ứng xử của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong suốt cuộc đời được thể hiện như thế nào?

Trả lời:

1. Khiêm nhường, lịch lãm nhưng vẫn linh hoạt, chủ động, biến hoá

Đây là biểu hiện đặc trưng cơ bản trong phong cách ứng xử Hồ Chí Minh, bằng cuộc đời hoạt động cách mạng phi thường, bằng nhãn quan chính trị đặc biệt và hơn cả là tấm gương đạo đức vô song đã đưa Hồ Chí Minh lên hàng những nguyên thủ quốc gia có uy tín và danh giá vào bậc nhất thế giới. Song, khiêm nhường là một trong những nét nổi bật của phong cách ứng xử văn hoá Hồ Chí Minh mà bất kỳ ai dù là cùng chiến tuyến hay bên kia chiến tuyến đều phải thừa nhận.

Khiêm nhường thực sự là một phẩm chất văn hoá, càng có văn hoá thì lại càng khiêm nhường, Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng ta cũng vậy, dù ở địa vị cao sang tất cả những ai tiếp xúc với Người đều thấy, Người luôn ẩn mình đi, không bao giờ đặt mình cao hơn người khác và luôn quan tâm chu đáo đến mọi người xung quanh. Người không bao giờ tự đặt mình cao hơn người khác để đòi hỏi một sự suy tôn, tâng bốc càng không bao giờ tỏ thái độ vĩ đại để đòi hỏi người khác phải thừa nhận mình là vĩ đại, mà Người luôn "biết đứng sau thiên hạ". Hồ Chủ tịch chinh phục trái tim của nhân dân Việt Nam, trái tim của cả nhân loại không phải bằng tranh cãi hay bằng những lý luận cao siêu mà bằng chính cuộc sống giản dị, khiêm tốn, chân tình của mình.

Thái độ khiêm nhường của Hồ Chí Minh đã được thể hiện bằng rất nhiều hành vi ứng xử trong cuộc đời hoạt động của mình. Khi đã giữ cương vị Chủ tịch nước rồi mà Người vẫn xưng hô mình là "cháu" đối với phụ lão cứu quốc ở huyện Ứng Hoà - Hà Tây thì đó là điều tiền lệ chưa từng có.

"Thưa Cụ! Những vị thượng thọ như Cụ là của quý vô giá của dân tộc và nước nhà... Cháu xin thay mặt Chính phủ cảm ơn Cụ và trân trọng chúc Cụ sống lâu và luôn mạnh khoẻ, để kêu gọi con cháu ra sức tham gia công việc kháng chiến và kiến quốc. Cháu lại kính gửi Cụ lời chào thân ái và quyết thắng"(1).

Trong cuộc đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, vì nền độc lập của đất nước, Hồ Chí Minh giao tiếp với biết bao nhiêu đối thủ - những kẻ

(1) *Hồ Chí Minh: Biên niên tiểu sử*, Nxb. CTQG, H. 1994, tr.198 - 199

luôn muốn tìm cách lật đổ chính quyền cách mạng và Đảng Cộng sản Việt Nam mà Người đã dày công xây dựng. Với những đối tượng này, Người đã ứng xử với phong cách của một nhà hoạt động chính trị lão luyện, một nhà ngoại giao từng trải, một chiến sĩ ngoài trận tiền cực kỳ dũng cảm và thông minh để giành thắng lợi trong từng trận đánh. Đó là phong cách lịch lãm và tự chủ, bình tĩnh và đĩnh đạc, chủ động và tỉnh táo để vượt qua mọi cạm bẫy, đẩy lùi mọi đòn tiến công hiểm độc và mọi thủ đoạn xảo trá của đối phương. Phong cách đó đòi hỏi một sự tinh tế rất cao trong từng chữ, từng lời từ cái nhìn đến bước đi, thế đứng. Trong những cuộc giao tiếp phức tạp, cũng như cuộc đấu trí có ý nghĩa quyết định Hồ Chí Minh đã rất am tường "Năm cái biết" mà người phương Đông đã đúc kết để đưa vào cách ứng xử: biết mình, biết người, biết thời thế, biết dừng, biết biến (tức Ngũ tri: tri kỷ, tri bỉ, tri thời, tri chỉ, tri biến: dĩ bất biến ứng vạn biến).

Một biểu hiện khác trong ứng xử Hồ Chí Minh thể hiện sự lịch lãm đó là: Năm 1946, tại Pari một nhà báo cánh hữu muốn làm giảm thiện cảm của những người Pháp vốn không ưa Cộng sản đối với Chính phủ Hồ Chí Minh, đã đưa ra một câu hỏi chứa đựng sự khiêu khích: "Thưa Chủ tịch, Ngài có phải là Cộng sản không?

Chủ tịch Hồ Chí Minh điềm tĩnh đi tới lẵng hoa trên bàn, rút ra những bông hoa đẹp nhất đem tặng cho những người có mặt và nói:

- Tôi là người Cộng sản như thế này".

Một hành động nhỏ nhưng với sự lịch lãm nó mạnh hơn bất cứ đòn đánh nào giành cho những kẻ đang muốn hạ thấp những người Cộng sản trong đó có Người.

Một nét đặc sắc nữa trong phong cách ứng xử Hồ Chí Minh đó là sự linh hoạt, chủ động, biến hoá.

Trong ứng xử với đồng bào, đồng chí, nhất là với bạn bè thế giới, Hồ Chí Minh thường không câu lệ về hình thức hay dễ bị ràng buộc bởi những lễ nghi ngoại giao trang trọng, cứng nhắc mà luôn có cách ứng xử linh hoạt, biến hoá đem lại hiệu quả cao và gây ngạc nhiên cho tất cả mọi người. Tại cuộc mít tinh của nhân dân Ấn Độ chào mừng Người được tổ chức ở cung Đivahao, Hồ Chí Minh đã khéo léo từ chối vào chiếc ghế danh dự giành cho khách quý và nói "Tôi không muốn khác biệt với mọi người trong cuộc gặp mặt vui vẻ và thân tình này". Cử chỉ này của Người đã làm nhân dân Thủ đô Niuđêli xúc động và hoan nghênh nhiệt liệt.

Những cử chỉ như khi xe của Người đến ngã tư đèn đỏ, Người đề nghị chờ đèn xanh mới đi tiếp; khi vào chùa, Người cũng bỏ dép để bên ngoài theo quy định. Hay khi đi thăm đồng bào chống hạn, Người lội ngay xuống ruộng cùng đạp guồng nước với bà con nông dân.

Trong thời gian giữ vị trí Chủ tịch nước, có rất nhiều cán bộ quốc tế sang Việt Nam công tác thường có nguyện vọng được yết kiến Người, trong

đó có cả những người không có chức vụ gì trong Chính phủ hay Trung ương Đảng các nước anh em. Yêu cầu thì nhiều nhưng không bố trí được hết cho họ gặp, nhưng một phần còn do cán bộ ngoại giao ta nghĩ là "chưa tương xứng". Biết được điều này có lần Người đã nhắc nhở các đồng chí ở Bộ ngoại giao "Các chú biết một mà không biết hai. Sao các chú chỉ nghĩ đến khía cạnh tương xứng hay không tương xứng mà không nghĩ là do quý mến Đảng ta, nhân dân ta nên bạn bè quốc tế sang Việt Nam muốn được gặp Bác? Bác có thể tiếp một đoàn văn công, một đội bóng đá... sao lại không thể tiếp một vị thượng tướng, một nhà hoạt động xã hội vì Việt Nam?... Các chú phải làm sao để mỗi người bạn quốc tế đến nước ta là gần và yêu Việt Nam thêm một chút"[(1)]. Chính điều này đã làm nảy nở tình yêu, tình hữu ái và sự hiểu biết lẫn nhau giữa những con người.

Như vậy, bằng sự khiêm nhường và lịch lãm, linh hoạt và chủ động đã làm nên nét ứng xử đặc trưng - nét ứng xử Hồ Chí Minh. Đúng như lời nhà báo Mỹ David Stamp đã viết trong cuốn sách "Hồ" xuất bản năm 1971: "Hồ Chí Minh là một trong những nhân vật kỳ lạ của thời đại này - hơi giống Gandi, hơi giống Lênin, hoàn toàn Việt Nam. Đối với dân tộc của mình và đối với cả nhân dân thế giới, ông là hiện thân của một cuộc cách mạng. Thế nhưng, đối với hầu hết nông dân Việt Nam, ông là biểu tượng của cuộc sống, hi vọng, đấu tranh, hi sinh và thắng lợi của họ. Ông là một người Việt Nam lịch sự, khiêm tốn, nói năng hoà nhã, không màng địa vị... Tính giản dị của ông Hồ là một sức mạnh. Địa vị càng cao, ông càng giản dị và trong sạch. Ông Hồ không cố tìm kiếm cho mình những trang sức và quyền lực vì ông tự tin ở mình và ở mối quan hệ của ông với nhân dân; với lịch sử"[(2)].

2. Chân tình, nồng hậu, yêu thương, quý mến và trân trọng con người

Hồ Chí Minh có cách ứng xử rất tự nhiên, bình dị, rất cởi mở chân tình và nồng hậu. Đã nhiều lần Người tiếp khách quốc tế ngay trên sàn gỗ của ngôi nhà nhỏ bé, bên ao cá của mình.

Phong cách ứng xử Hồ Chí Minh đã làm cho bất cứ ai gặp Người đều thấy thoải mái, tự nhiên, xua tan đi mọi sự e ngại hay sợ sệt bởi Người chủ động xóa bỏ đi mọi nghi thức, đi thẳng đến mọi trái tim mọi người bằng một tình cảm thân thiết, gần gũi như người nhà. Trong các buổi họp mặt, những buổi mít tinh... Khi có Hồ Chí Minh là có ngay một không khí chan hoà, ấm cúng. Chỉ cần một lời chào hỏi thân tình, một thái độ giao tiếp niềm nở, một cử chỉ vượt ra ngoài quy cách thông thường, những trao đổi ngắn gọn, thiết thực và đầy ý nghĩa với những người xung quanh, Hồ Chí Minh đã xoá bỏ mọi sự cách biệt về cấp bậc, chức vụ giữa lãnh tụ và quần chúng, giữa vì nhân và bình dân. Qua giao tiếp, Hồ Chí Minh đem đến cho mọi người ý thức về sự bình đẳng hoàn toàn giữa những con người tự do và làm chủ như

(1) Theo Hồi kí của Đ/c Lê Minh Nghĩa, nguyên Chánh văn phòng Quân ủy Trung ương, tài liệu lưu tại bảo tàng Hồ Chí Minh

(2) Đỗ Hoàng Linh: *Hồ Chí Minh: nhân cách của thời đại,* Nxb. Thanh Niên, tr.150- 151.

một giá trị, hơn nữa, như một tố chất thẩm mỹ, đưa đến những rung động, những xúc cảm mạnh mẽ và để lại những ấn tượng bền vững trong ký ức mọi người. Đúng như nhà sử học Pháp, Charles Fourniau đã viết: "Con người mà sự có mặt phi thường, như đoán hết cả gian phòng, có thể làm xoá nhoà sự có mặt của những người khác; nhưng sự chăm sóc, thái độ ân cần hết sức lịch thiệp và hoà nhã của Người đối với khách, làm cho người ta trong những giây phút đầu thấy đôi chút lúng túng, nhưng sau đó lại tạo ra một bầu không khí thân mật, thoải mái ngay"(1).

Nhà thơ Quách Mạt Nhược, Viện trưởng viện khoa học Trung Quốc sang thăm Việt Nam, được Hồ Chí Minh mời vào thăm nơi ở của Người, được dẫn đi thăm vườn cây, thăm ao cá rồi dắt tay lên nhà, ngồi ngay dưới nhà sàn mà uống rượu. Được đối xử như một người anh em tri kỷ, Người quan tâm đến cả việc nhà báo nước ngoài bị ngã ngựa khi tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ, rồi ân cần trao khăn cho, đồng chí này cảm động mà thốt lên rằng "nó thể hiện tình cảm của một người cha đối với những đứa con từ phương xa về"(2).

Phong cách ứng xử này của Hồ Chí Minh cũng đã làm cho nhà nghiên cứu người Mỹ David đi đến nhận định "Toàn thể con người của Ông (tức Hồ Chí Minh) toả lên một phong thái bình dị và tế nhị bẩm sinh. Văn minh châu Âu tác động bằng lưỡi lê và rượu cồn giấu dưới áo thụng đen của cha cố Công giáo. Còn Ông tiêu biểu cho một nền văn hoá không phải là nền văn hoá châu Âu mà có lẽ tiêu biểu cho nền văn hoá tương lai"(3).

Khi đọc bản Tuyên ngôn độc lập - Sự kiện trọng đại của cả dân tộc, giây phút dừng lại giữa chừng để hỏi: "Tôi nói đồng bào nghe rõ không?" thật bất ngờ, nhưng cũng thật bình dị - nó đã làm tan biến đi cái nóng của trời thu Hà Nội, và đặc biệt hơn nó xoá đi khoảng cách giữa Người với triệu quốc dân đang đứng dưới quảng trường. Đây cũng chính là nét tiêu biểu cho phong cách giao tiếp của Hồ Chí Minh với quần chúng nhân dân, với cả dân tộc. Chỉ một câu nói đã khiến biết bao người xúc động. Nó có giá trị hơn biết bao nhiêu bản tuyên bố hay những lời hứa hẹn, bởi vì nó còn lại mãi trong lòng dân tộc về một kiểu giao tiếp hoàn toàn mới giữa lãnh tụ với quần chúng nhân dân.

Trong phong cách ứng xử của Hồ Chí Minh bao giờ cũng là thái độ yêu thương, quý mến và trân trọng con người. Chính vì vậy, đối với cán bộ và quần chúng nhân dân, phong cách ứng xử của Người vừa ân cần, niềm nở, vừa thân ái, nhiệt tình, khi cần thì nhắc nhở nhẹ nhàng hoặc phê bình nghiêm khắc, nghiêm khắc với độ lượng, khoan dung để nâng con người lên, chứ không phải hạ thấp, vùi dập con người. Những ai được gặp Hồ Chí Minh đều thấy phấn khởi, tự tin và cảm thấy tuy mình nhỏ bé nhưng lại

(1) *1h với đồng chí Hồ Chí Minh*, Nxb. Thanh Niên, HN, 1985, tr.188 - 189
(2) *1h với đồng chí Hồ Chí Minh*, Nxb. Thanh Niên, HN, 1985, tr.144.
(3) *David Hanbocxtam: Hồ Chí Minh*, Nxb. Buy se Santeu, Pari 1972, tr.86.

có thể tham gia cùng tập thể, cùng cộng đồng dân tộc để đóng góp vào sự nghiệp chung.

Điểm xuất phát của Bác là từ "Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn đến tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành". Chính vì vậy, sau Cách mạng Tháng Tám, trước nạn đói rất nghiêm trọng, Hồ Chí Minh đã kêu gọi đồng bào, cán bộ tăng gia sản xuất, đồng thời phát động phong trào nhường cơm sẻ áo, mỗi người cứ 10 ngày nhịn đói một bữa để góp gạo cưu mang người đói và chính Người đã làm trước. Rồi có lần Bác cùng đoàn cán bộ đi công tác, trên đường đi Bác gặp một đội công nhân đang rải đường vào giữa buổi trưa mùa hè, trong đó có một số phụ nữ mồ hôi nhễ nhại, khăn trùm kín mặt chỉ hở có hai con mắt xách thùng tưới nhựa rải đường. Bác nói với các đồng chí cùng đi: Các chú xem có cách nào bố trí công việc cho phù hợp với nữ không. Điều này thể hiện tình yêu thương của Bác đối với tất cả mọi người, đặc biệt là đối với phụ nữ và người lao động.

Như vậy, tình yêu thương, quý trọng con người của Bác rất bao la:

"Bác thương các cụ già, xuân về đem biếu lụa.
Bác thương đàn cháu nhỏ, trung thu gửi cho quà.
Bác thương đoàn dân công đêm nay ngủ ngoài rừng.
Bác thương đoàn chiến sĩ đương gác ngoài biên cương".

3. Cảm hoá, khoan dung và đại lượng

Khoan dung là một khái niệm đa nghĩa có vai trò như quy phạm đạo đức, luân lý, góp phần hình thành một lối ứng xử giữa người với người trong cuộc sống. Theo nghĩa thông thường nhất, khoan dung được hiểu là sự tha thứ, sự thừa nhận, sự tôn trọng lẫn nhau mà ở cấp độ cao nhất là sự tiếp nhận. Vì vậy, đạt đến phẩm chất khoan dung biểu hiện đầu tiên là sự tha thứ. Tha thứ cho lỗi lầm của kẻ khác, tha thứ cho những dị biệt của kẻ khác trong sự so sánh với chính bản thân mình. Rõ ràng về phương diện đạo đức đây không phải là sự khoan thứ của bề trên đối với kẻ dưới mà sự khoan thứ của cá thể đồng loại giữa con người với nhau; là sự khoan thứ của cái thiện đối với cái ác, cái đẹp đối với các xấu...

Ngoài tha thứ, khoan dung còn là sự thừa nhận lẫn nhau giữa con người với con người. Thừa nhận sự cùng tồn tại, thừa nhận về những giá trị mà cá nhân, cộng đồng biểu hiện, trong hệ thống giá trị ấy có những dị biệt thậm chí là đối lập nhau.

Trong khoan dung, tôn trọng là một biểu hiện quan trọng. Sự tôn trọng lẫn nhau là cơ sở điều chỉnh hành vi của con người khiến cho những giá trị của cá nhân cộng đồng không bị kì thị. Nhờ đó những giá trị riêng được bảo tồn, các nền văn hoá không dẫn đến xung đột, các dân tộc nhược tiểu không bị đồng hoá văn hoá bởi toan tính của những thế lực cường quyền.

Nếu có một sự thống nhất nào đó về cách hiểu khái niệm khoan dung như trên thì Hồ Chí Minh là biểu hiện của sự khoan dung và cao hơn là mẫu

mực về sự khoan dung. Khoan dung ở Hồ Chí Minh cũng được biểu hiện rất đa dạng, đa diện. Đây là một giá trị đạo đức mà ý nghĩa và tầm ảnh hưởng của nó không giới hạn ở lĩnh vực luân lý thuần tuý. Ngược lại nó được lan toả, trải rộng trong mọi biểu hiện của nhân cách Hồ Chí Minh mà tập trung nhất là trong lĩnh vực chính trị, trong lối ứng xử với các dân tộc, các nền văn hoá khác hay nói cách khác, trong lĩnh vực văn hoá.

Với Hồ Chí Minh, khoan dung là một trong những giá trị đạo đức trụ cột trong một nhân cách hoàn thiện bởi nhờ nó, Người có thể chia sẻ với những khổ đau của người lao động bị áp bức, với những dân tộc bị nô dịch. Người trở nên thân thương, gần gũi với người dân. Ngay cả những người không cùng ý thức hệ, thậm chí ở một chiều cạnh nào đó là "địch thủ" vẫn phải kính trọng thừa nhận Người.

Đối với nhân dân Việt Nam, uy tín của Hồ Chí Minh không phải bắt nguồn từ chức vụ Chủ tịch nước hay Chủ tịch Đảng mà là do phong cách ứng xử văn hoá của Người là phong cách chứa đựng những giá trị nhân văn nhất của con người, thể hiện cái đẹp với tính cách là lý tưởng thẩm mỹ mà con người mong muốn, do vậy mà nó có sức cảm hoá mọi người. Hai tiếng Bác Hồ đầy đủ ý nghĩa nhất vì "Đối với nhân dân Việt Nam, tôi không phải là Chủ tịch mà chỉ là Bác Hồ".

Tất cả những người dân bình thường đi theo Người, đặt niềm tin tuyệt đối ở Người không phải thông qua việc nghiên cứu tư tưởng, lý luận mà là thông qua cảm nhận trực tiếp từ con người, đức độ, phong cách và đặc biệt là cách ứng xử của Hồ Chí Minh.

Bằng tấm lòng khoan dung, đại lượng, Hồ Chí Minh đã quy tụ được các bậc yêu nước lão thành, những tri thức lớn, nhiều vị đại thần thuộc Nam triều hay Chính phủ dưới chế độ cũ, nhiều vị chức sắc các tôn giáo,... Với cương vị Chủ tịch, Chính phủ, Hồ Chí Minh đã mời được cụ Huỳnh Thúc Kháng ra đảm đương việc nước chỉ sau một buổi gặp mặt, tuy lúc đầu cụ Huỳnh không muốn, không tin. Người đã thuyết phục kể cả các đồng chí của mình, để cụ Bùi Bằng Đoàn - nguyên Thượng thư Bộ hình làm Trưởng ban Thường trực Quốc hội; cụ Phan Kế Toại - nguyên Khâm sai Bắc kỳ làm Phó Thủ tướng; Linh mục Phạm Bá Trực đã cùng Người đi kháng chiến ra sức vận động đồng bào công giáo, kính chúa, yêu nước, phấn đấu sao cho đẹp đạo tốt đời. Năm 1968, Hoà thượng Thích Đôn Hậu đã vượt qua cả ngàn cây số bom đạn ác liệt từ Huế ra Hà Nội gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sau khi được tiếp xúc và làm việc với Người, Hoà thượng đã viết những dòng cảm động: "Tất cả những người đã đến với Hồ Chủ tịch thì không bao giờ từ giã Người cả. Tôi đã hiểu vì sao Người là một lãnh tụ sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam mà Người vẫn thu hút được tất cả các thành phần khác trong xã hội đứng chung quanh mình làm việc lớn cho dân, cho nước"(1).

(1) *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh*, Viện Hồ Chí Minh, HN, 1993, t.3, tr.112

Qua tiếp xúc với Hồ Chí Minh, nhiều trí thức Việt kiều ở Pháp đã xin về nước, tham gia kháng chiến, chấp nhận mọi gian khổ, hi sinh để được đóng góp tài trí của mình vào sự nghiệp chung như kỹ sư Trần Đại Nghĩa, bác sĩ Trần Hữu Tước...

Thái độ ứng xử của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với Vĩnh Thuỵ (vua Bảo Đại) là một ví dụ điển hình cho tấm lòng khoan dung độ lượng, sức thuyết phục cảm hoá của Người đối với vị vua cuối cùng của chế độ phong kiến cũ bị lật đổ. Ngày 9/9/1945, Vĩnh Thuỵ đã ra tới Hà Nội theo lời mời của Bác: ngay lúc 15h, Người đã tiếp ông ta tại Bắc Bộ Phủ. Ngày 10/9/1945: Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 213, cử ông Vĩnh Thuỵ làm cố vấn Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Từ chỗ lo lắng cho số phận của mình không biết có giống như vua Lui XVI ở Pháp hay không, Vĩnh Thuỵ đã mang ơn sâu nặng với Hồ Chủ tịch. Và ông đã viết về Người như sau: "Cụ Hồ tốt lắm! Con ra đây được Cụ thương lắm! Cụ thương con như con! Ả cứ yên tâm, không phải lo chi cho con cả"(1). Cho đến lúc Vĩnh Thuỵ không vượt qua được sự lôi kéo của thực dân đế quốc, quay trở về con đường cũ, Hồ Chí Minh vẫn giữ thái độ khoan dung với ông ta: "Chính phủ và nhân dân ta rất mong cố vấn Vĩnh Thuỵ không có những hành động trái ngược với những lời cố vấn đã thề trước Tổ quốc và trước đồng bào và trái với nguyện vọng của dân tộc. Dù sao vận mệnh của dân tộc sẽ không vì một người hoặc một nhóm người mà thay đổi"(2). Thái độ ứng xử này của Người như một lời khuyên, một lời cảnh tỉnh đối với Vĩnh Thuỵ, mặt khác, lại như một lời khẳng định con đường tất thắng của cả dân tộc.

Trong kháng chiến chống Pháp, có một số đồng bào do hạn chế về nhận thức, hoặc do không vững vàng, ngã lòng, thiếu niềm tin, đã bỏ kháng chiến vào thành, một số cán bộ và nhân dân ta cho rằng, những người "dinh tế" là Việt gian, phản quốc. Bác Hồ đã nhắc nhở: "... đối với những người không kháng chiến, những người "dinh tế"... Bất kỳ trước đây họ là thế nào, nếu ngày nay họ thật thà tán thành hoà bình thống nhất, độc lập, dân chủ, nếu họ muốn thật thà phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, thì chúng ta cần cộng tác với họ"(3).

Ngay đối với những người là kẻ thù của chúng ta khi đã là tù binh Pháp, Người cũng dặn: "... Phải chăm lo hết sức chu đáo, đối xử thật nhã nhặn để tỏ sự ân cần của ta đối với người dân Pháp, để cho họ thấy rõ ta chiến đấu là vì tiền đồ của quốc gia và dân tộc Việt Nam chứ không có ý ghét bỏ người Pháp, khẩu phần của họ phải hơn người Việt Nam, tổ chức việc nấu ăn và chăm lo họ cho kỹ lưỡng"(4).

Giăng Xanhtơny, đại diện cho Chính phủ Pháp đảm nhiệm việc đàm phán với Chính phủ Hồ Chí Minh trong thời gian 1945 - 1946, đã tìm mọi

---

(1) Phạm Khắc Hoè: *Từ Triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc,* Nxb. Hà Nội, 1983, tr.107
(2) Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử,* Nxb. CTQG, H. 1994, t.4, tr.144 - 145
(3) Sđd, tập 7, tr.437.
(4) Lê Văn Hiến: *Nhật ký của một Bộ trưởng,* Nxb. Đà Nẵng, 1995, tập 1, tr.6

cách để đè bẹp lực lượng cách mạng Việt Nam, nhằm tái lập ách thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp trên nước này. Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, ông cũng là người thay mặt Chính phủ Pháp sang viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hà Nội, con người ấy đã viết về Hồ Chí Minh bằng những lời rất trân trọng trong tập Hồi kí *"Một nền hoà bình bị bỏ lỡ"*: "Hồ Chí Minh đó là một nhân vật đang đối đầu và tôi là người đối thoại trong suốt 16 tháng. Do hiểu biết rộng, thông minh, hoạt động rất tích cực tuyệt đối không nghĩ đến chuyện riêng tư, ông đã được nhân dân kính yêu tin tưởng không ai sánh kịp. Rất tiếc là hồi đó, Chính phủ Pháp đã đánh giá thấp nhân vật này và đã không hiểu được giá trị cũng như uy lực của ông"[1]. Cho đến cuối đời, Xanhtơny đã phải thú nhận, Hồ Chí Minh là người đã đánh đắm cả chế độ thực dân Pháp, nhưng vẫn là bạn của cả nước Pháp.

Tướng Valuy, với vai trò chính khách Pháp, đã nhiều lần tiếp xúc với Hồ Chí Minh năm 1946, thấy rõ thái độ hết sức nhã nhặn, lịch sử và quyến rũ của Người. Được thuyết phục bởi phong cách ứng xử của Hồ Chí Minh, ông đã trở thành người đối thoại rất tâm đắc với Hồ Chí Minh và giữa hai người đã có một tình hữu nghị keo sơn.

Thiếu uý Saclơ Phen và thiếu tá Acsimet Patty là hai sĩ quan của cơ quan tình báo Mỹ OSS (Cục Công tác chiến lược) đã có dịp gần gũi, tiếp xúc với Hồ Chí Minh thời kỳ 1944 - 1945. Chỉ trong thời gian gần một năm, Hồ Chí Minh đã để lại cho họ ấn tượng không thể nào quên. Điều đó cũng đã đưa họ đến quyết định khuyến nghị Chính phủ Mỹ đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ Hồ Chí Minh, đáng tiếc là Chính phủ Mỹ đã bỏ qua lời khuyến nghị này. Nhưng mối quan hệ giữa Hồ Chí Minh với những người Mỹ đã trở thành tình bạn hiếm có. Cuốn *"Why Viet Nam"* đã nói lên toàn bộ phong cách ứng xử văn hoá của Hồ Chí Minh.

Như vậy, bằng sự khoan dung đại lượng bắt nguồn từ đại nghĩa dân tộc, Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với không biết bao nhiêu người, về quan điểm và đường lối chính trị đã rất khác nhau hoặc hoàn toàn đối lập nhau; là bạn có điều kiện hoặc hai bên đứng về hai trận tuyến rõ rệt, nhưng phong cách ứng xử Hồ Chí Minh đã có sức thuyết phục, cảm hoá to lớn đối với khối óc và trái tim của quần chúng.

Thủ tướng Ấn Độ P.J.Têru đã thể hiện những tình cảm hết sức chân thành và sâu sắc khi nói về Hồ Chí Minh: *"Chúng ta được tiếp xúc với một người, người ấy là một phần lịch sử của châu Á... Ngoài phần gặp gỡ một con người vĩ đại, chúng ta không chỉ tăng thêm về sự hiểu biết, mà chúng ta còn lớn lên về tầm vóc. Được gặp người ấy, một con người từng trải khiến chúng ta trở lên tốt hơn... Mặc dầu trong thế giới ngày nay còn có khác biệt và xung đột, nhưng được gặp Bác Hồ, chúng ta thật sung sướng được thấy lòng tốt của con người... Tình bạn, lòng nhân ái sẽ vượt qua tất cả"*[2].

---

(1) Lê Kim: *Bác Hồ tiếp xúc với tình báo đối phương*, Nxb. Đà Nẵng, 1990

(2) Báo *Tin nhanh* AĐ, số ra ngày 8/2/1958, Dẫn theo phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh, Nxb. Lý luận chính trị

4. Nụ cười - nét ứng xử văn hoá đặc biệt của Hồ Chí Minh

Tiếng cười là hiện thân của sự sống, lòng yêu đời, trí thông minh, sự coi thường mọi thử thách gian nan của cuộc đời. Tiếng cười cũng là sự uốn nắn nhẹ nhàng đối với mọi cái gì còn tầm thường, thô kệch. Truyền thống lạc quan của dân tộc đã thấm sâu vào máu thịt, tâm hồn Hồ Chí Minh và được Người thể hiện ra một cách tự nhiên trong cuộc sống và trong ứng xử. Đây được xem là nét đặc sắc, cắt nghĩa sự thành công và khả năng chinh phục lòng người của Bác Hồ là Người luôn luôn xuất hiện với một nụ cười trong ánh mắt hoặc trên môi.

Có những nụ cười có nhiều cung bậc trong thơ văn Hồ Chí Minh. *Tập Nhật ký trong tù* của Người là một minh chứng, nó hội tụ tiếng cười của niềm tin sắt đá:

Ngâm thơ ta vốn không ham
Nhưng mà trong ngục biết làm chi đây
Ngày ngày ngâm ngợi cho khuây
Vừa ngân vừa đợi tới ngày tự do.

Tiếng cười của bậc chính nhân quân tử:

Trong tù không rượu cũng không hoa
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

Tiếng cười của sự châm biếm:

... Đau khổ chi bằng mất tự do
Đến buồn đi ỉa cũng không cho
Cửa tù khi mở, không đau bụng
Đau bụng, thì không mở cửa tù.

Tiếng cười còn có cả trong các truyện ngắn, văn chính luận, nhất là trong văn nói của Hồ Chí Minh. Trong ứng xử đời thường, ta thấy sự hóm hỉnh, tính hài hước ấy được thể hiện cũng đa dạng, phong phú hơn, để đùa vui, để nhắc nhở, châm biếm, giáo dục và nhất là để phá đi cái nghi thức, cái trịnh trọng không cần thiết, nhằm tạo ra không khí giao hoà, gần gũi giữa quần chúng với lãnh tụ. Vì vậy mà ta thấy mỗi khi Bác Hồ xuất hiện ở đâu là ở đó rộn lên niềm vui và tiếng cười hồ hởi không dứt.

Một lần, khi đi thăm Hà Tĩnh, sau khi ghé qua các phòng ban của cơ quan tỉnh ủy. Người vào thăm nơi ở của cán bộ tuyên huấn. Thấy đầu giường của một anh có dán ảnh một cô gái đẹp cắt ra từ họa báo.

Người hỏi:

- *Vợ chú phải không?*

Mọi người cười rộ lên. Đồng chí cán bộ tuyên huấn thẹn quá, lúng túng cải chính:

- Dạ thưa bác, vợ cháu làm ruộng ở quê ạ!

Người quay ra chỉ cây ớt ngoài cửa sổ:

- Loại ớt này có cay không?

- Dạ ớt mọi, cay lắm ạ!

Bác cười: *ớt nào mà chẳng cay, có đúng thế không? Nếu cô ấy lên thăm thấy chú suốt ngày ngắm gái đẹp thế này thì không ổn đâu.*

Từ sự đùa vui nhẹ nhàng, mọi người đều nhận thấy được từ Người bài học từ sự tế nhị, về cách cư xử khéo léo... trong cuộc sống.

Như vậy, qua những biểu hiện trên đây, ta có thể thấy trong văn hoá ứng xử Hồ Chí Minh sự chắt lọc, cô đúc tất cả những cái gì là chân, thiện, mỹ của tinh hoa ứng xử dân tộc và nhân loại. Thành công của Hồ Chí Minh được lý giải trước hết là bởi tư tưởng sáng suốt, đường lối đúng đắn, phương pháp sáng tạo của Người đề ra cho cách mạng Việt Nam. Song cũng có thể nói trong thành công đó có phần đóng góp không nhỏ của phong cách ứng xử văn hoá Hồ Chí Minh. Người không chỉ có sức thu hút mãnh liệt đối với các tầng lớp nhân dân Việt Nam mà còn có sức chinh phục, cảm hoá mạnh mẽ đối với đông đảo bạn bè quốc tế và cả với những người đã từng có thời gian "đối mặt" với Người. Một chính khách nước ngoài đã phát biểu khi được gặp Hồ Chủ tịch: *"Tôi đã đi nhiều nước, đã gặp những nhân vật chính trị trên thế giới, kể cả châu Âu, châu Á, nhưng tôi chưa thấy ai đạt tới sự thống nhất hài hoà giữa chủ nghĩa nhân đạo và tầm cao chính trị, giữa đức tính giản dị, khiêm tốn và sự hiểu biết sâu rộng, giữa tình cảm ấm áp và nghị lực phi thường đến mức tuyệt vời như Bác Hồ. Được gặp Người quả thật là một điều sung sướng, vinh dự, một diễm phúc trong đời"*(1).

Câu hỏi: Chứng minh rằng: Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân của một tấm gương sáng ngời về đạo đức trong suốt cuộc đời?

Trả lời:

Đạo đức Hồ Chí Minh là đỉnh cao và rực rỡ nhất của văn hoá Việt Nam, biểu tượng của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, có quá trình hình thành và phát triển gắn liền với cuộc đời, sự nghiệp cách mạng sôi nổi hào hùng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người không chỉ để lại cho dân tộc ta một sự nghiệp cách mạng vẻ vang chưa từng có trong lịch sử, mà qua "cuộc đời oanh liệt, đầy gian khổ hi sinh, vô cùng cao thượng và phong phú, vô cùng trong sáng và đẹp đẽ" của mình, Người còn để lại cho toàn Đảng toàn dân ta một di sản cao quý, đó là tấm gương sáng ngời về đạo đức của người cách mạng, tượng trưng cho những gì cao đẹp nhất trong tâm hồn, ý chí, nhân cách của dân tộc và của loài người. Người nói: "Đảng ta là đạo đức, là văn minh" và chính Người là đỉnh cao, là tượng trưng của đạo đức và văn minh đó.

---

(1) John Stern: *Bác Hồ như chúng ta đã biết,* Nxb. Thanh Niên, HN, 1985, tr.56

Tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh là một tấm gương của một vĩ nhân, một vị lãnh tụ cách mạng vĩ đại, một người cộng sản vĩ đại, nhưng đó đồng thời cũng là tấm gương đạo đức của một người bình thường, ai cũng có thể học theo để làm một người cách mạng, một công dân tốt hơn.

Nổi bật lên trong tấm gương cao đẹp của Người là những phẩm chất của một nhà lãnh tụ kiểu mới của nhân dân: có lý tưởng mãnh liệt, ý chí kiên cường, có trí tuệ và tầm nhìn chiến lược, có khả năng hấp dẫn và thuyết phục đối với quần chúng, hết lòng thương yêu quý trọng nhân dân, trọng dụng nhân tài, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và đức khiêm tốn phi thường...

1. Là người có lý tưởng mãnh liệt, ý chí kiên cường

Vấn đề số một trong đạo đức vĩ nhân - cũng như của một người bình thường - là vấn đề lý tưởng, vấn đề lẽ sống: Sống cho ai? Sống vì cái gì? "Không có gì quý hơn độc lập tự do", đó là lý tưởng, là lẽ sống mà cũng là học thuyết chính trị - đạo đức của Hồ Chí Minh, của dân tộc Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên khi nước đã mất, các phong trào cứu nước như: Phong trào Cần Vương (1885-1895) mà tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Hương Khê do cụ Phan Đình Phùng lãnh đạo; phong trào Đông Du (1905-1909) do cụ Phan Bội Châu; phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục do cụ Lương Văn Can lãnh đạo; cuộc khởi nghĩa Yên Thế (1884-1913) do cụ Hoàng Hoa Thám lãnh đạo; cuộc vận động cải cách của cụ Phan Chu Trinh và phong trào chống thuế của nông dân Trung Kì, các phong trào này lần lượt thất bại nhưng đã có ảnh hưởng sâu sắc đến Người. Người quyết chí ra đi tìm đường cứu nước, vượt qua muôn trùng khó khăn thử thách, hiến dâng toàn bộ cuộc đời mình cho dân tộc và cách mạng. Đến năm 1969, trước lúc ra đi, Người còn luyến tiếc: "là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa".

Chính ham muốn mãnh liệt ấy đã tạo cho Người một ý chí và nghị lực phi thường để tận tuỵ quên mình, để "giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục". Đó là những phẩm chất đạo đức không thể thiếu ở người cách mạng, nhất là người cộng sản, những con người "quang minh chính đại" mà dưới thời phong kiến đó là khí phách của các bậc trượng phu. Người nói về cụ Huỳnh Thúc Kháng: "... là người giàu sang không làm xiêu lòng, nghèo khổ không làm nản chí, uy vũ không làm sờn gan". Đó là một trong những tấm gương mà Hồ Chí Minh đưa ra để cán bộ, đảng viên noi theo.

Đời hoạt động cách mạng của người là cả một ý chí kiên cường, bất khuất, chiến đấu không mệt mỏi để chiến thắng tất cả. Những dấu mốc tiểu sử có thể thấy như:

+ Năm 1911, khi ấy Người hơn 20 tuổi đã quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước với hai bàn tay trắng, Người làm thuê đủ mọi việc và sống một cách tằn tiện để nuôi ý chí cao cả. Năm 1912, sau khi đi tới nhiều nước ở

châu Phi, Người đến Mỹ; mùa hè năm 1913, Hồ Chí Minh từ Mỹ sang Anh, rồi từ Anh trở về Pháp sống ở Pari năm 1917 và Người hoạt động ở Pháp, trở thành người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Năm 1923 Người sang Liên Xô hoạt động. Năm 1924, Người đến Quảng Châu (Trung Quốc) và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, xúc tiến việc chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Tháng 6 năm 1931, Người bị đế quốc Anh bắt giam tại Hồng Kông, đến năm 1933 mới ra khỏi nhà lao. Bị nhốt trong xà lim riêng rất cực khổ nhưng Người không lo lắng cho số phận của mình, ngày đêm Người lo lắng cho phong trào cách mạng trong nước.

+ Năm 1942, lấy tên là Hồ Chí Minh, Người sang Trung Quốc để liên lạc với các lực lượng cách mạng của người Việt Nam ở đó thì bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam hơn một năm. Bị giải tới giải lui khắp 13 huyện và khoảng ba mươi nhà lao tỉnh Quảng Tây, Người đã sống những ngày cực khổ, chịu đói chịu khát, áo quần không được thay, răng rụng, tóc bạc thêm, thân hình tiều tuỵ,... Trong hoàn cảnh đó Người đã viết tập thơ "Nhật kí trong tù" bằng chữ Hán (gồm 133 bài), kèm theo bốn câu thơ:

"Thân thể ở trong lao
Tinh thần ở ngoài lao,
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao"[1].

Với tinh thần sắt thép, không chịu khuất phục, không chịu thoả hiệp với kẻ thù, với ý chí cách mạng tiến công, tập thơ "đã thể hiện phần nào tinh thần, phẩm chất và đạo đức" của Người, một người yêu nước vĩ đại, một người cộng sản vĩ đại. Đúng như báo Ấn Độ "Quốc gia" đã viết: "Đằng sau cái cốt cách dịu dàng của cụ Hồ là ý chí sắt thép. Dưới cái bề ngoài giản dị là một tinh thần quật khởi anh hùng không có gì uy hiếp nổi".

+ Sáng ngày 30/5/1946, đồng bào Thủ đô tiễn đưa Người sang Pháp, Người nói: "Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc và hạnh phúc của quốc dân. Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó... Bất kì bao giờ, bất kì ở đâu, tôi cũng chỉ theo đuổi một mục đích là làm cho ích quốc lợi dân. Vậy nên lần này, tôi xin hứa với đồng bào rằng: Tôi cùng anh em đại biểu sẽ cố gắng làm cho khỏi phụ lòng tin cậy của quốc dân".

+ Ngày 23/10/1946, Người tuyên bố về cuộc thăm chính thức nước Pháp rằng: "Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon ngủ không yên. Tôi trân trọng hứa với đồng bào rằng. Với quyết tâm của đồng bào, với quyết tâm của toàn thể nhân dân, Nam Bộ nhất định trở lại cùng thân ái chung trong lòng Tổ quốc"[2].

---

(1) Hồ Chí Minh: *Nhật kí trong tù và những bài thơ khác*, Nxb. Đồng Nai, 1996, tr.17
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb. CTQG, HN, 1995, t.4, tr.419

+ Chiều ngày 19/12/1946, Người ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến: "Chúng ta phải đứng lên!... Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hi sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn đất nước. Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hi sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!". Trong thời gian ngắn ngủi, nước Cộng hoà non trẻ của chúng ta đơn độc giữa vòng vây của kẻ thù - hết quân Tưởng đến quân Pháp và bọn phản động tay sai mỗi ngày, mỗi giờ phải đối phó với biết bao nguy cơ và thách thức có quan hệ đến sự tồn vong của dân tộc. Giữa dòng thác của lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn luôn luôn ung dung, sáng suốt, chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam bình tĩnh vượt qua bao ghềnh thác hiểm nguy, vững vàng tiến bước. Những đối sách linh hoạt, những chủ trương, biện pháp, sáng tạo của Người trong đối phó với kẻ thù, xây dựng chế độ mới và chuẩn bị cho cuộc kháng chiến biết là không tránh khỏi, đã thể hiện bản lĩnh, trí tuệ thiên tài của lãnh tụ, mãi mãi là những bài học vô giá đối với chúng ta ngày nay.

2. Hình ảnh cao đẹp về sự gắn bó giữa lãnh tụ với quần chúng

Hồ Chí Minh đã toát lên tấm lòng yêu thương con người, thương yêu nhân dân hết sức bao la, sâu sắc. Người đã từng khái quát về triết lí cuộc sống: "Nghĩ cho cùng, mọi vấn đề... là vấn đề ở đời và làm người. Vấn đề ở đời và làm người là phải thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ bị áp bức"(1).

Trong cuộc đời, Người đã từng trải qua và chứng kiến biết bao cảnh đau thương ngang trái, bất công,...

Đó cũng là nỗi đau của Người khi phải bế em đi xin sữa, mẹ mất không được khóc, bố bị oan khuất và bị đẩy đi xa. Đó là cảnh nghèo đói của dân quê Nghệ - Tĩnh, cảnh khổ sở của những dân phu làm đường Cửa Rào, Trấn Minh, đó là cảnh phu xe gầy ốm, những người bán rong lam lũ bên cạnh cảnh sống phè phỡn, xa hoa của bọn thống trị, thực dân và vua quan cai trị ở kinh thành Huế, cảnh đấu tranh và bị đàn áp của nông dân trốn thuế mà Người trực tiếp chứng kiến và giúp đỡ... Rồi đến các cảnh dân ở các thuộc địa khác bị đàn áp tàn bạo. Hình ảnh người dân da đen ở ĐaKa bị đẩy xuống biển chết trong gió to sóng lớn, những phụ nữ bị hãm hiếp, trẻ em bị phơi đói ở Đahômay, v.v. được Người phản ánh trong tác phẩm *"Bản án chế độ thực dân Pháp"* (1925).

Lời ra mắt của báo *"Người cùng khổ"* (Le paria) năm 1921 do Người sáng lập đã xác định rõ mục đích đấu tranh của "Hội liên hiệp các thuộc địa" là "đi từ giải phóng những người nô lệ mất nước, những người lao động cùng khổ đi đến giải phóng con người".

Năm 1946, những khi chuẩn bị cho cuộc kháng chiến, Người không lo thiếu vũ khí, không lo dân ta thiếu tinh thần yêu nước mà chỉ sợ chiến sĩ đói, rét mà phải đánh giặc. Và mùa đông năm ấy, năm mươi sáu tuổi, với

(1) *Hồ Chí Minh: Nhà nước và pháp luật Việt Nam,* Nxb. Pháp lý, HN, 1990, tr.174

chiếc gậy trúc và đôi dép cao su, Người cùng chiến sĩ lên đường chiến đấu.

Trong những ngày sống ở Việt Bắc, mỗi lần Người đi công tác, có hai đồng chí cùng đi. Vì sợ Người mệt, nên hai đồng chí định mang hộ ba lô cho Người, nhưng Người nói: Đi đường rừng, leo núi ai mà chẳng mệt, tập trung đồ đạc cho một người mang đi thì người đó càng chóng mệt. Cứ phân ra mỗi người mang một ít. Khi mọi thứ đã được phân ra cho vào 3 chiếc ba lô rồi, Người hỏi thêm: Các chú đã chia đều rồi chứ? Hai đồng chí trả lời: Thưa Bác, rồi ạ! Rồi ba người lên đường, qua một chặng, mọi người dừng chân, Người đến chỗ đồng chí bên cạnh, xách chiếc ba lô lên và nói: Tại sao ba lô của chú nặng mà Bác lại nhẹ? Sau đó Người mở cả 3 ba lô ra xem thì thấy ba lô của Người nhẹ nhất, chỉ có chăn, màn. Người đã bày tỏ: Chỉ có lao động thật sự mới đem lại hạnh phúc cho con người. Và thế là hai đồng chí kia lại phải san đều các thứ vào 3 chiếc ba lô. (Trần Thị Lợi - sưu tầm). Đây là một trong nhiều câu chuyện cảm động về cuộc sống đời thường của Người, rất đề cao sự gắn bó và bình đẳng giữa con người với nhau trong mọi lĩnh vực.

Người khẳng định: "Lòng thương yêu của tôi đối với nhân dân và nhân loại là không bao giờ thay đổi". Tình cảm đó thể hiện sâu sắc và phong phú trong suốt cuộc đời Hồ Chí Minh. Trước lúc vĩnh biệt đi xa, trong "Di chúc", Người viết: "Đầu tiên là vấn đề con người" và "cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thương yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, các cháu thiếu niên và nhi đồng. Tôi cũng gửi lời chào thân ái tới các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế".

Người luôn luôn tin tưởng vào sức mạnh vô địch của nhân dân, giáo dục cán bộ phải nêu cao tinh thần phục vụ, tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, phải chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bởi "nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lí gì"(1).

Năm 1954, mặc dù mới về Hà Nội, bận rộn nhiều công việc đối nội, đối ngoại, Hồ Chủ tịch vẫn dành thời giờ để tiếp đón và đi thăm hỏi các tầng lớp nhân dân, các đơn vị bộ đội, nhà máy, trường học, bệnh viện, thăm hỏi và động viên cán bộ và đồng bào miền Nam vừa tập kết ra Bắc...

Chỉ trong năm 1958, Người đã hơn 20 lần đi xuống các địa phương, từ những cuộc thăm viếng của Người không những làm cho bà con nông dân phấn khởi sản xuất, đắp đê, chống hạn,... mà còn giúp cho bà con nhận thức sâu sắc hơn, đúng đắn hơn về đường lối của Đảng và Chính phủ.

Cuối năm 1961, Người về thăm xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành (Nghệ An), một xã có phong trào trồng cây tốt. Tại một ngọn đồi thấp, Người đứng nói chuyện với nhân dân xã. Nhìn Người đứng giữa nắng trưa, ai cũng băn khoăn. Đồng chí chủ tịch huyện cho tìm mượn được chiếc ô, định giương lên che nắng cho Người, thì Người quay lại hỏi: Thế chú có đủ ô che

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb. CTQG, HN, 1995, t.4, tr.56

cho tất cả đồng bào không? Thôi, cất đi, Bác có phải là vua đâu?

Để hiểu dân, Người thường xuyên đi xuống cơ sở, tìm hiểu, "lắng tai nghe ý kiến của đảng viên, của nhân dân, của những người không quan trọng"[1]. Vì vậy, nhân dân ta, từ các vị nhân sĩ, trí thức đến bà con lao động bình thường, nhìn vào tấm gương của Hồ Chí Minh thấy toả ra ánh sáng của một tâm hồn lớn, nhân cách lớn, của lẽ phải, tình thương và bao dung; đã từ kính yêu người mà tự nguyện suốt đời đi theo lí tưởng và sự nghiệp của Người, qua Chủ tịch Hồ Chí Minh mà càng thêm tin tưởng, gắn bó với Đảng, với chủ nghĩa xã hội.

3. Là tấm gương đạo đức chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và đức khiêm tốn phi thường

Khi Lênin từ trần (1924), Hồ Chí Minh khẳng định rằng dân tộc phương Đông sở dĩ kính mến Lênin vì vị thầy của cách mạng giải phóng lúc sinh thời là một "người khinh thường xa hoa, yêu lao động, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị". Và người phương Đông tôn kính Hồ Chí Minh cũng bởi sự cần kiệm, giản dị, ít lòng ham muốn về vật chất của Người. Một cốt cách giản dị, một sự giản dị vĩ đại, đó là tư cách đạo đức của người cách mạng.

Cho nên, khi dạy học lớp cán bộ đầu tiên (1925) trong sách "Đường kách mệnh", Người đặt 23 điều tư cách người cách mạng lên hàng đầu.

Trong kháng chiến chống Pháp, có câu chuyện thú vị về đức tính của Người khi ở Việt Bắc. Một lần Người có việc phải đi giữa trời mưa rất to. Anh em cảnh vệ lo tìm ngựa để Người đi cho đỡ mệt nhưng Người nói: Chúng ta có 7 người, ngựa chỉ có một con, Bác đi sao tiện. Bác cháu ta phải cùng nhau đi bộ chứ. Thôi, đem trả ngựa cho dân. Anh em nằn nì mãi, Người mới đồng ý cho dẫn ngựa theo để mang đỡ đồ đạc; ở khu an toàn, mặc dù xa địch, nhưng mỗi lần chuyển địa điểm, ngoài việc làm lán trại, Người thường giúp đỡ các chiến sĩ bảo vệ vẽ mẫu hầm, phá đất đá, nện "choòng"... Ngay trong mỗi nhà, mỗi lán Người đều cho đào công sự đề phòng máy bay tập kích bất ngờ, cây rừng đổ xuống. Cứ mỗi ngày Người đào một ít, sau giờ làm việc vài ba buổi là xong. Ai muốn đến giúp Người không đồng ý và nói: Đây là quyền lao động của Bác!

Năm 1954, hoà bình lập lại trên nửa nước. Đồng bào các địa phương có sản vật gì quý đều gửi một ít lên biếu Người để giới thiệu thành tích tăng gia với Người. Trong một bữa cơm, Người thấy có món cà Nghệ, quả nhỏ, cùi dòn, ngâm mắm. Bữa ấy, Người ăn rất ngon. Hôm sau lại có món cà quê hương. Người ăn hết vài ba quả. Thấy thế đồng chí anh nuôi lại dọn cà. Người hỏi: Cà muối mua hay ai cho thế? Thưa Bác, đồng bào Nghệ An đưa ra tặng Bác! (Người hỏi tiếp)- Có nhiều không? Dạ, một ô tô ạ! Người chậm rãi nói: Thế này nhé. Cà Nghệ ăn rất ngon. Bác ăn mấy bữa liền là đủ rồi. Bây giờ ai muốn ăn nữa thì trả tiền cho đồng bào Nghệ An.

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb. CTQG, HN, 1995, t.5, tr.285

Cuộc đời của Người, từ hai bàn tay trắng, làm đủ mọi việc để kiếm sống khắp năm châu bốn bể đến khi làm Chủ tịch nước giữa Thủ đô Hà Nội, vẫn là cuộc đời thanh bạch, giản dị, tao nhã.

Ngôi nhà sàn của Người chỉ có hai phòng nhỏ, một cái giường, một cái bàn, một cái ghế, một giá sách, một tủ quần áo với hai bộ kaki, một đôi dép lốp, một cái quạt giấy, một máy thu thanh, một chiếc đồng hồ đã mờ mặt. Đó là tất cả những gì người sáng lập Đảng Cộng sản, Nhà nước, người thầy của cách mạng Việt Nam đã có ở trên trái đất này.

Nét nổi bật trong đạo đức Hồ Chí Minh là đức khiêm tốn phi thường. Mặc dù có công lao rất lớn, Người không để ai sùng bái cá nhân mình, trái lại Người luôn luôn nêu cao sự nghiệp anh hùng của toàn Đảng, toàn dân, của các chiến sĩ anh hùng của chúng ta. Theo Người, quần chúng mới là người làm nên lịch sử và lịch sử chính là lịch sử của họ chứ không phải của một cá nhân nào.

Vị tổng thống anh hùng của nước Cộng hoà Chilê X. Agiendê đã khái quát: "Nếu như muốn tìm một sự tiêu biểu cho tất cả cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh thì đó là đức tính vô cùng giản dị và sự khiêm tốn phi thường"(1).

Bấy nhiêu đức tính cao cả chung đúc lại trong một con người đã làm cho tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh tưởng như trở nên siêu việt, vô song "khó ai có thể sánh kịp, khó ai có thể vượt hơn. Nhưng với sự kết hợp những đức tính đó, Người cũng là tấm gương làm nhiều người khác có thể noi theo" để làm người cách mạng và người dân tốt hơn, có ích hơn.

4. Người là một tấm gương không ngừng học tập và rèn luyện, không ngừng tự đổi mới và nâng mình lên để trở thành bất tử

Việc rèn luyện bền bỉ và luôn luôn có ý thức trau dồi đạo đức cách mạng là việc làm thường xuyên, do sàng lọc từ cuộc sống "gian nan rèn luyện" mà có, do giáo dục mà nên. Những đức tính quý báu của vĩ nhân không phải là bẩm sinh. Cũng như mọi người, Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra, lớn lên, không ngừng học tập, lao động, chiến đấu và nâng mình lên, từng bước hấp thụ tinh hoa dân tộc, tinh hoa nhân loại để trở thành bất tử.

Đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức của một bậc đại trí, đại dũng, hi sinh chẳng quản, gian nguy không sờn. Ở những thời điểm then chốt của lịch sử, với tầm nhìn xa trông rộng của một "phượng hoàng đại ngàn", Hồ Chí Minh đã sáng suốt và dũng cảm đi tới những phán quyết lịch sử.

Năm 1945, khi thời cơ cách mạng đã tới, Người chỉ thị: "Dù có đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành cho được độc lập". Và Người đã quyết tâm cho chuẩn bị mọi vật chất và tinh thần sẵn sàng chiến đấu để quyết giành cho được độc lập, tự do cho đất nước.

---

(1) *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch,* Nxb. CTQG, HN, 1976, tr.76

Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 10 mở rộng (9/1956), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phê bình một cách nghiêm khắc về cuộc vận động cải cách ruộng đất đã phạm một số sai lầm nghiêm trọng: "Vì ta thiếu dân chủ nên nghe ít, thấy ít.... Tôi nhận trách nhiệm trong lúc sóng gió này... Khuyết điểm của tôi đã ảnh hưởng đến sai lầm của cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức". Người đã thẳng thắn xin nhận khuyết điểm trước quốc dân đồng bào và kiên quyết sửa chữa. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu một tấm gương trung thực, dũng cảm của một người đứng đầu Đảng và Nhà nước về tự phê bình và phê bình.

Vào giữa những năm 60, lợi dụng khó khăn của ta, khi phong trào cộng sản quốc tế có xung đột và chia rẽ nghiêm trọng, đế quốc Mỹ đã ồ ạt đổ hơn nửa triệu quân vào miền Nam Việt Nam và tăng cường cho không quân, hải quân ném bom, bắn phá dữ dội miền Bắc, hòng đưa miền Bắc trở về thời kì đồ đá. Trước tình hình đó, Người vẫn thể hiện quyết tâm và khí phách của toàn Đảng, toàn dân ta: dù chiến tranh tàn phá ác liệt tới đâu cũng phải giải phóng miền Nam cho kì được. Thật hiếm có một nhà lãnh đạo nào, trong những giờ phút thử thách lại bình tĩnh, gan dạ, kiên nghị, dũng cảm một cách phi thường như vậy. Đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức của tinh thần thắng không kiêu, khó không nản. Cuộc đời Hồ Chí Minh là một chuỗi những năm tháng vô cùng gian khổ: bốn lần ngồi tù, một lần lãnh án tử hình; có giai đoạn hoạt động rất sôi nổi, được đánh giá cao, có giai đoạn bị hiểu lầm, ngộ nhận, lâm vào cảnh "như là sống ở bên lề, sống bên ngoài của Đảng"[1]. Để kiên trì chân lí, giữ vững quan điểm độc lập tự chủ, Người đã bình tĩnh chủ động vượt qua những năm tháng khó khăn đó. Từ lúc bước vào đời cho tới khi từ giã cõi đời, từ người bồi tàu, quét tuyết đến vị Chủ tịch nước, luôn chịu đựng mọi gian khổ, gánh vác những trọng trách lớn với đất nước, Người vẫn coi trọng việc trau dồi kiến thức trí tuệ. Chính vì đức tính học hỏi không mệt mỏi mà Người đã biết gần 30 ngoại ngữ, trong đó có tới chục ngoại ngữ đọc thông viết thạo, am tường kiến thức Đông Tây kim cổ.

Đặc biệt Hồ Chí Minh đã tự nêu gương đạo đức trong sáng tuyệt vời, tiêu biểu cho tinh hoa khí phách dân tộc được toàn dân tin theo tinh thần "nước lấy dân làm gốc", suốt đời không ngừng học tập và rèn luyện thực hiện Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư, sống giản dị, khiêm tốn thanh cao.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, với cương vị Chủ tịch nước, Người kêu gọi đồng bào ta nhường cơm sẻ áo và chính Người gương mẫu thực hiện nghĩa cử cao đẹp đó. Người nói: "Vậy tôi xin đề nghị với đồng bào cả nước và tôi xin thực hiện trước: cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, một tháng nhịn ăn ba bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo. Như vậy, thì những người nghèo sẽ có bữa rau bữa cháo chờ mùa lúa năm sau, khỏi đến nỗi chết đói"[2]. Người nói nhưng thường thực hiện trước, "nói đi đôi với làm"

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, t.3, tr.90
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb. CTQG, HN, 1995, t.4, tr.31

mà suốt cuộc đời mình, Hồ Chí Minh đã thực hiện một cách triệt để, trọn vẹn và nghiêm túc. Ở Người nói đi đôi với làm và cao hơn, làm rồi mới nói, làm nhiều, nói ít và thậm chí làm hết lòng, làm tận tuỵ mà không nói, không tự phô trương mình. "Vì vậy, địa vị càng cao uy tín càng rộng, đức độ của Người càng lớn, càng đẹp, càng toả sáng"(1). Bấy nhiêu đức tính cao cả chung đúc lại trong một con người đã làm cho tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trở nên siêu việt, vô song khó ai có thể vượt hơn. Nhưng với sự kết hợp những đức tính đó Người cũng là tấm gương mà nhiều người khác có thể noi theo.

Ở Hồ Chí Minh, đạo đức đã đạt tới một sự thống nhất chặt chẽ giữa nói và làm, giữa đời công và đời tư, giữa đạo đức cách mạng và đạo đức đời thường. Do đó Người đã trở thành "tinh hoa và khí phách, lương tâm và vinh dự", thành biểu tượng của đạo đức văn minh nhân loại. Để tôn vinh đạo đức cao cả đó, Đảng ta khẳng định: "Cuộc đời của Hồ Chủ tịch trong như ánh sáng. Đó là tấm gương tuyệt vời về chí khí cách mạng kiên cường, tinh thần độc lập tự chủ, lòng nhân đạo và yêu mến nhân dân thắm thiết, đạo đức chí công vô tư, tác phong khiêm tốn giản dị, tư tưởng và đạo đức cao cả của Người mãi mãi soi sáng và nâng cao tâm hồn chúng ta"(2)

Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đã làm trong sáng thêm lương tâm của dân tộc và của loài người.

Câu hỏi: Quan điểm của Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền?

Trả lời:

Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, năm 1951, khi nói về thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945, Bác viết: "Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc".

Và trong Di chúc để lại, tác phẩm cuối cùng của đời mình, khi nói về Đảng, một lần nữa Bác viết: "Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân".

Khái niệm về "Đảng cầm quyền" thật ra không có gì xa lạ đối với các nước tư bản chủ nghĩa với nền chính trị đa đảng. Ở đấy, Đảng nào giành

---

(1) GS. Song Thành (Chủ biên), *Hồ Chí Minh: Tiểu sử*, Nxb. Lý luận chính trị, HN, 2006, tr.728.

(2) Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb. Sự Thật, HN, 1976, tr.36.

thắng lợi trong tranh cử thì đứng ra lập chính phủ của mình và trở thành "đảng cầm quyền". Cũng có nước, một số thế lực chính trị (hay quân sự) giành lấy chính quyền thông qua đảo chính hay lật đổ.

Đối với Đảng ta, vấn đề chính quyền đó được giải quyết thông qua con đường cách mạng, phù hợp với những điều kiện lịch sử của nước mình. Trước kia, khi nhân dân ta còn sống trong vòng nô lệ thì nhiệm vụ hàng đầu của Đảng là lãnh đạo nhân dân làm cách mạng lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân phong kiến, giành chính quyền về tay nhân dân. Và sau khi đã giành được chính quyền rồi thì trọng trách của Đảng là lãnh đạo gìn giữ chính quyền, bảo vệ Tổ quốc, làm cho chính quyền ấy thực hiện tốt các nhiệm vụ của cách mạng, trước hết và trên hết là vì lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân.

Năm 1947, trong tác phẩm "Sửa đổi lối làm việc", Bác Hồ viết: "Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng".

Năm 1960, trong bài nói tại lễ kỷ niệm 30 năm Ngày thành lập Đảng, Người nhấn mạnh: "Đảng ta vĩ đại, vì ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích gì khác".

Quan điểm xuyên suốt trong các tác phẩm của Bác là Đảng (nói chung) và cán bộ, đảng viên (nói riêng) "phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân". Muốn vậy, Đảng và cán bộ, đảng viên phải không ngừng rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân.

Năm 1953, trong thư gửi Lớp chỉnh Đảng Liên khu 5, Bác viết: "Mục đích chỉnh Đảng là để dùi mài cán bộ và đảng viên thành những chiến sĩ xứng đáng là người đầy tớ của nhân dân".

Năm 1968, làm việc với một số cán bộ Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng về việc xuất bản loại sách "Người tốt, việc tốt", Bác nói: "Một dân tộc, một Đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân".

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng, nói chung và về Đảng cầm quyền nói riêng luôn được Đảng ta trung thành, vận dụng sáng tạo và phát triển. Nói Đảng cầm quyền hoàn toàn không có nghĩa Đảng tự biến mình thành chính quyền, một mình mình nắm giữ chính quyền và làm chức năng của chính quyền. "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ" là cơ chế vận hành của chế độ ta. Theo cơ chế ấy, Đảng, Nhà nước và nhân dân đều là những chủ thể của quyền lực, nhưng quyền lực của mỗi chủ thể ấy lại không giống nhau. Quyền lực của Đảng là quyền lãnh đạo, bao gồm cả quyền lãnh đạo chính quyền, nhưng bản thân Đảng lại không phải là chính quyền nhà nước, không làm thay cho Nhà nước. Quyền lực Nhà nước bao gồm các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, nhưng quyền lực ấy

không phải do Nhà nước tự có mà là do nhân dân giao phó cho những cơ quan quyền lực do mình cử ra. Quyền lực của nhân dân là quyền của người làm chủ đất nước và quyền làm chủ ấy được thực hiện thông qua các hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp, kể cả dân chủ tự quản ở cơ sở. Mẫu số chung của ba loại quyền lực nêu trên (lãnh đạo, quản lý và làm chủ), xét cho cùng, là tư tưởng Hồ Chí Minh từng nêu lên trong bài báo "Dân vận" viết năm 1949 cách đây đúng 61 năm: "Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân... Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương đều do dân cử ra... Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân".

Cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ" thực chất là phương thức tổ chức nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Cương lĩnh năm 1991 của Đảng và những điều bổ sung, phát triển các quan điểm về Đảng và Đảng cầm quyền qua các kỳ Đại hội của Đảng và các khóa Trung ương từ bấy đến nay đều xác định: Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội do nhân dân làm chủ. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta; phải xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thể hiện và thực hiện ý chí và quyền lực của nhân dân. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân, đại diện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, có nhiệm vụ không chỉ động viên, giúp đỡ đoàn viên, hội viên tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội mà còn thực hiện vai trò phản biện và giám sát. Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; thống nhất lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Đại hội XI của Đảng, khi đề cập nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng, đã đặt lên hàng đầu nhiệm vụ "Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách; tổ chức thực hiện có hiệu quả đường lối". Đại hội cũng chủ trương, về mặt lý luận, phải tiếp tục làm sáng tỏ những vấn đề về xây dựng Đảng và về đảng cầm quyền. Điều quan trọng hơn nữa là để xứng đáng là đảng cầm quyền, Đảng phải làm những gì và làm như thế nào?

Cương lĩnh năm 1991 của Đảng, trong khi nêu lên những bài học lớn, khẳng định: "Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam". Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan. Phải phòng và chống những nguy cơ lớn: sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự thoái hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng và về Đảng cầm quyền chắc chắn sẽ còn được làm sáng tỏ hơn nữa trong các văn kiện Đại hội Đảng của Đảng sắp tới.

Câu hỏi: Tư tưởng về xây dựng Đảng trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện như thế nào?

Trả lời:

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người sáng lập và rèn luyện Đảng ta chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Trước lúc đi xa, Người chỉ tiếc một điều là "không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa"(1). Trong bốn năm cuối cuộc đời mặc dù bận nhiều việc nhưng người vẫn chọn những khoảng thời gian thư thái nhất viết Di chúc để lại cho hậu thế, phòng khi "đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột"(2). Thời gian càng lùi xa, chúng ta càng nhận thấy tầm nhìn xa, trông rộng của Người. Đọc Di chúc, mỗi chúng ta đều cảm nhận được tình cảm gần gũi của một người Ông, người Bác, người Cha và thấy mình phải có trách nhiệm cao hơn, quyết tâm cao hơn để thực hiện Di chúc.

Bằng lời lẽ mộc mạc nhưng vô cùng súc tích, Di chúc tuy ngắn gọn nhưng bao chứa toàn bộ tình cảm và tư tưởng của Người đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam, với các thế hệ Việt Nam. Trong Di chúc, ngoài 79 chữ nói "Về việc riêng" tương ứng với 79 mùa xuân của mình, Người dành trọn tình cảm cho dân, cho Đảng. "Trước hết nói về Đảng", thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Người đến vấn đề xây dựng Đảng và xuyên suốt là tư tưởng về tăng cường, củng cố, giữ vững sự đoàn kết thống nhất cội nguồn sức mạnh của Đảng. Người viết: "Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác". Người khẳng định sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng phải được xây dựng, củng cố trên cơ sở vì mục đích cao cả "một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc". Chỉ trên cơ sở đó trong Đảng mới có sự thống nhất về ý chí và hành động "triệu người như một" để chiến thắng bất cứ kẻ thù nào, vượt qua bất cứ khó khăn trở ngại nào.

Thực tiễn lịch sử đã chứng minh, nhờ đoàn kết chặt chẽ mà mới tròn một tuổi, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta làm nên cao trào cách mạng 1930-1931; 15 tuổi, Đảng đã lãnh đạo nhân dân tiến hành Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám thành công, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

---

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, tập 12. Nxb. CTQG, H.2002, tr.512
(2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, tập 12, Nxb. CTQG, H.2002, tr.510

Nhờ đoàn kết, thống nhất mà Đảng đã tập hợp được lực lượng, phát huy được sức mạnh của cả dân tộc và thời đại vào cuộc kháng chiến trường kỳ suốt 30 năm, đánh thắng hai đế quốc là Pháp và Mỹ, hoàn thành thắng lợi sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà. Cũng chính nhờ sự đoàn kết, thống nhất ấy mà hơn hai mươi năm qua, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành thắng lợi sự nghiệp Đổi mới.

Hệ giá trị của Đảng và dân tộc ta được hun đúc, kết tinh từ nhiều truyền thống tốt đẹp: Yêu nước, đoàn kết, kiên cường chống giặc ngoại xâm, cần cù lao động... Trong Di chúc, Người xác định: "Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của cả dân tộc ta". Sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng được Hồ Chí Minh so sánh với "con ngươi" trong đôi mắt. Đối với mỗi người, không giữ được *con ngươi* thì đôi mắt sẽ hỏng, nhận thức và hành động sẽ khó khăn, kém hiệu quả. Đối với Đảng, không có sự đoàn kết, thống nhất thì Đảng sẽ không đủ năng lực, trí tuệ lãnh đạo nhân dân. Do đó, Người căn dặn: "Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình".

Di chúc của Người không những chỉ cho chúng ta thấy được vai trò đặc biệt quan trọng của sự đoàn kết, tính tất yếu của việc giữ gìn, củng cố, phát triển sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng mà còn chỉ ra những nguyên tắc quan trọng, hiệu quả nhất để xây dựng, củng cố sự đoàn kết, thống nhất đó: "Trong Đảng, thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau".

Để xây dựng sự đoàn kết, thống nhất của Đảng theo Di chúc của Người, chúng ta phải thực hiện tốt một số yêu cầu cơ bản sau:

Thứ nhất, phải thực hành dân chủ rộng rãi. Nhờ dân chủ mà Đảng ta đã khơi dậy, phát huy cao nhất trí tuệ, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình. Nhờ dân chủ mà trong Đảng đã khắc phục được tình trạng bè cánh, cục bộ, địa phương chủ nghĩa, quan liêu, hách dịch, cửa quyền, xa rời quần chúng. Thực hành dân chủ rộng rãi nghĩa là phải dân chủ thực sự, dân chủ thường xuyên, dân chủ từ Trung ương đến cơ sở. Nhưng, dân chủ phải gắn với tập trung. Tập trung dân chủ là nguyên tắc sống còn và cũng là biện pháp tốt nhất để xây dựng Đảng ta. Bảy mươi chín năm qua, nhờ quán triệt sâu sắc và thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ mà Đảng ta không ngừng lớn mạnh, vượt qua bao thử thách, lãnh đạo nhân dân ta xây dựng, bảo vệ thành công Tổ quốc Việt Nam XHCN và đặc biệt trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay. Kiên quyết đấu tranh chống lại những biểu hiện trong thực hành dân chủ hình thức. Lợi dụng dân chủ để truyền bá những quan điểm, tư tưởng cá nhân, xâm hại đến lợi ích chung, gây mất đoàn kết trong Đảng, trong xã hội.

Thứ hai, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình. Tự phê bình và phê bình là nguyên tắc, là quy luật phát triển của Đảng. Trong

Di chúc, Hồ Chí Minh coi đây là biện pháp tốt nhất để củng cố, phát triển sự đoàn kết, thống nhất của Đảng. Người yêu cầu tự phê bình và phê bình phải thường xuyên, nghiêm túc, không nể nang, qua loa đại khái, hình thức. Người hiểu rõ, đã là con người thì ít, nhiều đều có khuyết điểm, nhưng quan trọng là phải nhận rõ khuyết điểm, không được che giấu khuyết điểm, tự phê bình để sửa chữa, khắc phục, vươn lên tự chiến thắng thói hư tật xấu của mình. Đối với đồng chí, đồng đội, Người yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên phải phê bình một cách thẳng thắn, chân thành nhằm giúp đồng chí, đồng đội nhận rõ sai lầm, sửa chữa để không ngừng tiến bộ. Như vậy, mục đích của tự phê bình và phê bình là giúp cho bản thân và đồng đội ngày càng tiến bộ hơn; tuyệt đối không vì mâu thuẫn cá nhân, động cơ cá nhân mà phê bình theo kiểu "vạch lá tìm sâu", "bới lông tìm vết" nhằm trù dập, đấu đá, hạ bệ lẫn nhau. Theo Hồ Chí Minh, tự phê bình và phê bình là công việc thường xuyên; ngừng tự phê bình và phê bình tức là ngừng tiến bộ, là thoái bộ. Từ ngày thành lập đến nay, đặc biệt trong 40 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta luôn lấy tự phê bình và phê bình làm nguyên tắc xây dựng và phát triển Đảng. Tuy nhiên, cũng còn không ít cơ sở, đảng viên thực hiện nguyên tắc này chưa thường xuyên, chưa nghiêm túc, thậm chí còn để những kẻ cơ hội chui vào hàng ngũ của Đảng mưu cầu lợi ích cá nhân. Kỷ niệm 40 năm thực hiện Di chúc của Người, mỗi chúng ta cần nhận thức sâu sắc hơn, thực hiện triệt để hơn vấn đề này để Đảng luôn trong sạch, làm cho uy tín, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng không ngừng được nâng cao.

Thứ ba, phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau. Trên cơ sở tình đồng chí thương yêu lẫn nhau thì mới thực hành được "dân chủ rộng rãi", mới "thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình". Không có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau sẽ dẫn đến dân chủ hình thức, tự phê bình và phê bình không nghiêm túc hoặc lợi dụng dân chủ, lợi dụng phê bình để trả thù cá nhân.

Năm tháng qua đi nhưng bản Di chúc của Người sẽ còn sống mãi, là kim chỉ nam cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vững bước tiến lên. Kính yêu và biết ơn Người, 40 năm qua chúng ta đã sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương vĩ đại của Người, chúng ta sẽ tiếp tục thực hiện tốt Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và làm theo Di chúc của Người.

Câu hỏi: Phẩm chất đạo đức "Trung với nước, hiếu với dân" trong tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện như thế nào?

Trả lời:

Hồ Chí Minh cho rằng phẩm chất đạo đức quan trọng và bao trùm nhất của con người Việt Nam là trung với nước, hiếu với dân.

Trong tư tưởng đạo đức truyền thống Việt Nam và phương Đông, trung và hiếu là những khái niệm quen thuộc, giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của cá nhân. Trong thời đại Hồ Chí Minh, Người đưa vào những nội dung mới:

+ Theo quan niệm truyền thống, trung là trung quân, là trung thành với vua mà trung thành với vua là trung thành với nước. Ở đây vua với nước là một. Hiếu có nghĩa con, cháu hiếu thảo với cha mẹ, ông bà, chữ hiếu chỉ thu hẹp trong phạm vi gia đình. Tư tưởng trung với nước, hiếu với dân của Hồ Chí Minh không chỉ đã kế thừa được những giá trị của chủ nghĩa yêu nước truyền thống của dân tộc mà còn vượt qua được hạn chế của truyền thống đó. Trung với nước là trung thành với sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Nước ở đây là nước của nhân dân, nhân dân là người chủ của đất nước. Hồ Chí Minh luôn xác định "bao nhiêu quyền hạn đều của dân", "bao nhiêu lợi ích đều vì dân". Đảng và Chính phủ là " đầy tớ của nhân dân", chứ không phải là "quan nhân dân để đè đầu cưỡi cổ nhân dân". Như vậy, quan niệm về nước và dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh đã hoàn toàn khác so với trước. Điều này đã làm cho tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh vượt xa lên phía trước.

+ Hồ Chí Minh mong muốn mỗi người Việt Nam phải trung với nước, hiếu với dân, suốt đời phấn đấu hi sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng. Đây là một lời kêu gọi hành động, vừa là định hướng chính trị - đạo đức cho mỗi con người Việt Nam không chỉ trong cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta từ trước đến nay, mà còn lâu dài về sau.

+ Đối với cán bộ, đảng viên, Hồ Chí Minh cho rằng "điều chủ chốt nhất" của đạo đức cách mạng là "tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân", là "trung với nước, hiếu với dân", hơn nữa phải là "tận trung, tận hiếu" thì mới xứng đáng vừa là người lãnh đạo, vừa là đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Tư tưởng hiếu với dân không còn dừng lại ở chỗ thương dân mà còn phải phục vụ hết lòng vì dân. Vì vậy phải gần dân, gắn bó với dân, kính trọng và học tập dân, dựa hẳn vào dân, lấy dân làm gốc. Đối với cán bộ lãnh đạo, phải nắm vững dân tình. Hiểu rõ dân tâm, phải thường xuyên quan tâm đến việc cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí để dân hiểu được quyền và trách nhiệm của người chủ đất nước. Có như vậy người lãnh đạo sẽ được dân tin yêu, quý mến, kính trọng.

Phẩm chất người lãnh đạo

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: người lãnh đạo phải có đủ 2 thành tố phẩm chất và đạo đức cách mạng. Về phẩm chất, Người nhấn mạnh 4 nội dung Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng.

Nhân: "Là thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng chí và đồng bào. Vì thế mà kiên quyết chống lại những người, những việc có hại đến Đảng, đến nhân dân. Vì thế mà sẵn lòng chịu cực khổ trước mọi người, hưởng hạnh phúc sau thiên hạ. Vì thế mà không ham giàu sang, không sợ oai quyền. Những người đã không ham, không e, không sợ gì thì việc gì là việc phải họ đều làm được".

Chữ Nhân - Nghĩa vốn là nguồn mạch truyền thống cha ông. Cách đây

hơn 500 năm Nguyễn Trãi đã nói: "Phàm mưu việc lớn phải lấy Nhân - Nghĩa làm gốc, nên công to phải lấy Nhân - Nghĩa làm đầu. Di Nhân - Nghĩa có làm đủ thì công việc mới thành công được".

Ông cha ta đã từng lấy "Nhân - Nghĩa thắng hung tàn, lấy Trí - Nhân thay cường bạo" mà chống và thắng giặc phương Bắc hàng ngàn năm đô hộ, chiến thắng 2 tên đế quốc tư bản giàu mạnh nhất thế giới đó là Pháp và Mỹ.

Nghĩa: "Là ngay thẳng, không có tư tâm, không làm việc bậy, không có việc gì phải giấu Đảng. Ngoài lợi ích của Đảng, không có lợi ích riêng phải lo toan. Lúc Đảng giao cho việc, thì bất kỳ to nhỏ đều ra sức làm cẩn thận. Thấy việc phải thì làm, thấy việc phải thì nói. Không sợ người ta phê bình mình, mà phê bình khác cũng luôn luôn đúng đắn".

Người lãnh đạo làm việc nghĩa không có tà tâm, không bao giờ sợ kẻ địch nào, không sợ kẻ tà gian, nhưng lại sẵn sàng làm người đầy tớ thật trung thành của nhân dân, sống phải có nghĩa có tình.

Trí: "Vì không có việc tư túi nó làm mù quáng, cho nên đầu óc trong sạch, sáng suốt. Dễ hiểu lý luận, dễ tìm phương hướng. Biết xem người, biết xét việc. Vì vậy, mà biết làm việc có lợi, tránh việc có hại cho Đảng, biết vì Đảng mà cất nhắc người tốt, đề phòng người gian".

Người lãnh đạo phải có đầu óc sáng suốt, có tầm nhìn xa trông rộng. Biết công tâm mà xem xét con người để giúp đỡ, biết người xấu không dùng.

Dũng: "Dũng cảm, gan góc, gặp việc phải có gan làm. Thấy khuyết điểm có gan sửa chữa. Cực khổ khó khăn có gan chịu đựng. Có gan chống lại những sự vinh hoa, phú quý không chính đáng. Nếu cần, thì có gan hi sinh cả tính mệnh cho Đảng, cho Tổ quốc, không bao giờ rụt rè, nhút nhát". Dũng cũng còn có gan mạnh dạn quyết đoán dám làm dám chịu trách nhiệm trước tổ chức, nhưng không phiêu lưu, chủ quan, liều lĩnh. Người cán bộ không có lòng dũng cảm thì không thể lãnh đạo được. Nói được thì phải làm cho kỳ được, không thể nói một đàng, làm một nẻo. Hồ Chủ tịch nói: "Lời nói và việc làm của đảng viên rất quan hệ đến sự nghiệp cách mạng, vì nó ảnh hưởng lớn đến quần chúng"... "đảng viên phạm sai lầm thì sẽ đưa quần chúng đến sai lầm, cho nên có sai lầm thì các đồng chí ấy sẵn sàng và kịp thời sửa chữa, không để nhiều sai lầm nhỏ cộng thành sai lầm to".

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: Trời có 4 mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông. Đất có 4 phương: Đông, Tây, Nam, Bắc, thì con người mà nhất là người cán bộ lãnh đạo có 4 đức: cần, kiệm, liêm, chính. Thiếu một mùa không thể thành trời, thiếu một phương không thể thành đất, thiếu 1 trong 4 đức trên không thể thành người lãnh đạo.

Cần: "Tức là siêng năng, chăm chỉ, cố gắng dẻo dai. Nghĩa là cần thì việc gì, dù khó khăn mấy cũng làm được. Chữ Cần chẳng những có nghĩa hẹp như: Tay siêng làm thì hàm siêng nhai. Nó lại có nghĩa rộng là mọi người đều phải Cần, cả nước đều phải Cần".

"Người siêng năng thì mau tiến bộ
Cả nhà siêng năng thì chắc ấm no
Cả làng siêng năng thì làng phồn vinh
Cả nước siêng năng thì nước mạnh giàu"

Kiệm: "Là tiết kiệm, không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi. Cần với Kiệm phải đi đôi với nhau, như hai chân của con người. Cần mà không Kiệm "thì làm chừng nào xào chừng ấy". Ngày xưa Khổng Tử đã nói: "Người sản xuất nhiều, người tiêu xài ít. Làm ra mau, dùng đi chậm thì của cải luôn luôn đầy đủ".

"Tiết kiệm không phải là bủn xỉn. Khi không nên tiêu xài thì một hạt gạo, một đồng xu cũng không nên tiêu. Khi có một việc đáng làm, việc lợi ích cho đồng bào, cho Tổ quốc thì dù bao nhiêu công, tốn bao nhiêu của cũng vui lòng... Việc đáng tiêu mà không tiêu là bủn xỉn, dại dột, chứ không phải là kiệm". Người lãnh đạo phải hết sức tiết kiệm. Trong đó có tiết kiệm thời giờ, tiết kiệm là phải kiên quyết chống xa xỉ.

Liêm: "Là không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không ham người tâng bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hóa. Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ. Đó là đạo đức cách mạng. Đạo đức đó không phải là đạo đức thủ cựu. Nó là đạo đức mới, đạo đức vĩ đại, nó không phải vì danh vọng của cá nhân, mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người".

Ngày xưa thời chế độ phong kiến, người làm quan mà không đục khoét của dân thì gọi là "Liêm". Chữ Liêm phải đi đôi với chữ Kiệm, cũng như chữ Kiệm phải đi đôi với Cần. Có Kiệm mới có Liêm được. Vì xa xỉ mà sanh ra tham lam.

Tham tiền của, tham địa vị, tham danh tiếng, tham ăn ngon, sống yên thân là "Bất Liêm". Như xã hội hiện nay đang xuất hiện không ít người như vậy.

Đối với cán bộ các cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút, có dịp "dĩ công vì tư".

Vì vậy, cán bộ phải thực hành chữ "Liêm" trước để làm kiểu mẫu cho dân.

Chính: "Chính nghĩa là không tà, nghĩa là thẳng thắn, đứng đắn. Điều gì không thẳng thắn, đứng đắn tức là tà". Cần, Kiệm, Liêm là gốc rễ của Chính. Một người Cần, Kiệm, Liêm, nhưng còn phải có Chính mới là hoàn toàn.

Siêng năng (Cần), tần tiện (Kiệm), trong sạch (Liêm), Chính là Thiện.

Trên quả đất có hàng muôn triệu người. Song số người ấy có thể chia làm hai hạng: Người Thiện và người Ác.

Trong xã hội tuy có trăm công nghìn việc. Song những việc ấy có thể chia làm 2 thứ: việc Chính và việc Tà.

Làm việc Chính là người Thiện

Làm việc Tà là người Ác.

Chính cũng có nghĩa là gần với chân lý, là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân, cái gì trái lại là không phải chính, không phải là chân lý. Ra sức để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, tức là phục tùng chính nghĩa, là chân lý.

Tóm lại, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh thì người cán bộ phải có đủ tài, đủ đức. Hội tụ đủ Trung, Hiếu, Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, Cần, Kiệm, Liêm, Chính là những phẩm chất đạo đức căn bản nhất phải có. Những phẩm chất, đạo đức đó được nhân dân ta, Đảng ta và Hồ Chủ tịch vun đắp lâu đời. Nó phù hợp với yêu cầu xây dựng con người mới XHCN, nền đạo đức mới của dân tộc trong thời đại hiện nay. Đạo đức mới, đạo đức vĩ đại, không phải vì danh vọng cá nhân mà toàn tâm toàn ý cho lợi ích của dân tộc và của Đảng, của cả loài người. Chính Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa có chọn lọc truyền thống của cha ông ta bằng chính cuộc sống và sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Người. Là một biểu tượng cao đẹp của con người trung thành, hiếu nghĩa, một lòng một dạ vì nước vì dân, là bậc đại nhân, đại nghĩa, đại trí, đại dũng và hết sức cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư.

Học tập và làm theo lời dạy và tấm gương đạo đức phẩm chất của nhà cách mạng thiên tài Hồ Chí Minh để xứng đáng là người lãnh đạo và đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Câu hỏi: Chủ tịch Hồ Chí Minh nói về giáo dục cán bộ, đảng viên như thế nào?

Trả lời:

Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết cho phần tốt trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng... Lấy gương người tốt, việc tốt để hằng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới.

Hồ Chí Minh: Toàn tập, NXB. CTQG, H.2002, tập 12, tr.557.

Chỉnh huấn là cốt để giúp cán bộ nâng cao tư tưởng cách mạng, củng cố lập trường, rửa gột khuyết điểm, phát triển ưu điểm. Muốn có kết quả ấy thì phải:

- Mở rộng dân chủ: thật thà tự phê bình và thành khẩn phê bình.

- Chống thái độ rụt rè, nể nả giữa cấp dưới và cấp trên, giữa công nông và trí thức, giữa cán bộ ngoài Đảng và trong Đảng.

Sách đã dẫn (Sđd), tập 7, tr.93.

Muốn có nhiều cán bộ, Đảng phải giúp đỡ cho cán bộ tự học tập. Đảng đã giúp, cán bộ phải chịu học.

Sđd, tập 5, tr.552.

Phải luôn luôn dùng lòng thân ái mà giúp đỡ, lãnh đạo cán bộ. Giúp họ sửa chữa những chỗ sai lầm. Khen ngợi họ lúc họ làm được việc. Và phải luôn luôn kiểm soát cán bộ.

Sđd, tập 5, tr.275.

Muốn đảng viên tốt thì chi bộ phải thường xuyên giáo dục mỗi đồng chí. Nhiệm vụ của đảng viên là gì? Tư cách của đảng viên là thế nào? Đồng thời giúp đỡ đảng viên hằng ngày tự kiểm điểm mình.

Sđd, tập 12, tr.80.

... Trong thời kỳ dự bị, Đảng phải dạy dỗ cho họ và trao việc cho họ làm. Đồng thời, Đảng phải xem xét tính nết, công tác và lịch sử của họ.

- Những người giới thiệu phải giúp đỡ họ học tập và công tác.

Sđd, tập 5, tr.266.

Phải đem tinh thần yêu nước và cần, kiệm, liêm, chính mà dạy bảo cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Sđd, tập 5, tr.249.

... Đảng viên và cán bộ cẩn thận giữ gìn sức khỏe của mình để làm việc. Ham học tập để nâng cao trình độ của mình. Làm đúng cần, kiệm, liêm, chính để cho dân tin, dân phục, dân yêu.

Sđd, tập 5, tr.251.

Câu hỏi: Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về rèn luyện nhân cách đảng viên cộng sản như thế nào?

Trả lời:

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm đến việc giáo dục, rèn luyện phẩm chất đội ngũ đảng viên. Ngay từ năm 1925, bài giảng đầu tiên của Người cho những cán bộ cách mạng trẻ tuổi của Việt Nam là vấn đề "tư cách một người cách mệnh".

Nghiên cứu những bài nói và viết của Người, chúng ta đều thấy mối quan tâm hàng đầu của Người là xây dựng một đội ngũ cán bộ đảng viên của Đảng thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Sự giác ngộ lý tưởng cộng sản, lòng trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của giai cấp công nhân, suốt đời hi sinh phấn đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là phẩm chất hàng đầu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt ra cho mỗi đảng viên cộng sản.

Người căn dặn mỗi đảng viên "không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới"; phải biết đặt lợi ích của giai cấp, của dân tộc lên trên lợi ích của cá nhân, luôn vững vàng trước mọi khó khăn, vô luận trong hoàn cảnh nào cũng phải đặt lợi

Bản sao lưu trữ

ích của Đảng lên trên hết; nếu khi "lợi ích chung của Đảng mâu thuẫn với lợi ích riêng của cá nhân thì phải quyết hi sinh lợi ích của cá nhân cho lợi ích của Đảng". Người chỉ rõ: suốt đời phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân "là phẩm chất cao quý của người cách mạng. Đó là đạo đức cách mạng. Đó là tính Đảng, tính giai cấp, nó bảo đảm cho sự thắng lợi của đảng, của giai cấp, của nhân dân". Người đánh giá rất cao những đảng viên luôn luôn trung thành với sự nghiệp cách mạng của giai cấp và của dân tộc, suốt đời hi sinh phấn đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, đồng thời phê phán nghiêm khắc những kẻ lợi dụng địa vị để mưu cầu lợi ích cá nhân làm tổn hại đến lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lạo động.

Chủ tịch Hồ chí Mình đòi hỏi mỗi đảng viên cộng sản cùng với phẩm chất cách mạng cao quý còn phải có năng lực, vì có năng lực mới hoàn thành tốt được nhiệm vụ của Đảng giao cho. Người dạy rằng, "Đảng yêu cầu cán bộ và đảng viên chẳng những thạo về chính trị, mà còn phải giỏi về chuyên môn, không thể lãnh đạo chung chung". Muốn vừa thạo về chính trị, vừa giỏi về chuyên môn, mỗi đảng viên phải ra sức "học tập chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối, chính sách của Đảng, học tập văn hoá, kỹ thuật và nghiệp vụ; không ngừng nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng và năng lực công tác của mình". Bởi vì, có học tập lý luận Mác - Lênin mới củng cố được đạo đức cách mạng, giữ vững lập trường, nâng cao hiểu biết và trình độ chính trị, mới làm tốt được công tác Đảng giao cho mình; "có nắm vững đường lối cách mạng mới hiểu rõ mình phải làm gì và đi theo phương hướng nào để thực hiện mục đích của Đảng trong giai đoạn cách mạng hiện nay". Người cũng chỉ rõ rằng, muốn học tập có kết quả tốt, phải có thái độ đúng và phương pháp đúng, lý luận phải liên hệ với thực tế, phải "biến những điều đã học thành hành động cách mạng thực tế. Học phải đi đôi với hành, chứ không phải học để nói suông".

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, một yêu cầu quan trọng về phẩm chất đảng viên là liên hệ mật thiết với quần chúng, phát huy quyền làm chủ tập thể và sức mạnh sáng tạo to lớn của quần chúng. Bởi lẽ, Đảng là đội tiên phong của quần chúng, nhưng Đảng chỉ có sức mạnh nếu giữ vững được mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng. Muốn làm cho quần chúng phấn khởi, tin tưởng, người đảng viên "phải nâng cao tinh thần phụ trách trước Đảng và trước quần chúng, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Phải yêu kính nhân dân. Phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân. Tuyệt đối không được lên mặt "quan cách mạng" ra lệnh, ra oai. Phải nắm vững quan điểm giai cấp, đi đúng đường lối quần chúng, thành tâm học hỏi quần chúng, kiên quyết dựa vào quần chúng, giáo dục và phát động quần chúng tiến hành mọi chủ trương, chính sách của Đảng và của Nhà nước. Phải thật thà, ngay thẳng, *không được giấu dốt*, giấu khuyết điểm, sai lầm. Phải khiêm tốn, gần gũi quần chúng, không được kiêu ngạo. Phải luôn chăm lo đến đời sống của quần chúng. Phải "chí công, vô tư" và có tinh thần "lo trước thiên hạ,

vui sau thiên hạ". Người nghiêm khắc phê phán những đảng viên "xa rời quần chúng, không muốn học hỏi quần chúng... ngại làm việc tổ chức, tuyên truyền và giáo dục quần chúng... mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh. Kết quả là quần chúng không tin, không phục, không yêu..." và họ không làm nên trò trống gì.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân cách đảng viên cộng sản luôn nhấn mạnh vấn đề xây dựng ý thức tổ chức và kỷ luật, phục tùng nghiêm chỉnh kỷ luật của Đảng, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Bởi lẽ, sức mạnh vô địch của Đảng là ở tinh thần kỷ luật tự giác, ý thức tổ chức nghiêm. Người chỉ rõ: "Đảng ta tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người. Đó là nhờ có kỷ luật. Kỷ luật của ta là kỷ luật sắt, nghĩa là nghiêm túc và tự giác". Người đòi hỏi mỗi đảng viên cần phải làm kiểu mẫu về phục tùng kỷ luật, chẳng những kỷ luật của Đảng mà cả kỷ luật của các đoàn thể nhân dân và của cơ quan chính quyền. Trong giáo dục ý thức tổ chức kỷ luật, người yêu cầu mọi đảng viên phải ra sức góp phần xây dựng và giữ vững sự đoàn kết nhất trí trong Đảng. Bởi lẽ, đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công. "Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác". Do đó, tất cả cán bộ, đảng viên, dù ở cương vị khác nhau, làm công tác khác nhau, cũng đều phải đoàn kết nhất trí để làm tròn nhiệm vụ, "giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình".

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn chỉ rõ những biện pháp thiết thực để mỗi đảng viên cộng sản phấn đấu, rèn luyện, tu dưỡng nhân cách của mình. Trước hết, mỗi đảng viên phải ra sức tu dưỡng, rèn luyện để nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân. Nếu để cho chủ nghĩa cá nhân ám ảnh, chi phối, người đảng viên sẽ mất dần tư cách, đi tới tự tước bỏ danh hiệu cao quý của mình. Vì vậy, muốn giữ được tư cách, đảng viên nhất thiết "phải ra sức học tập, tu dưỡng, tự cải tạo để tiến bộ mãi. Nếu không cố gắng để tiến bộ, thì tức là thoái bộ, là lạc hậu... sẽ bị xã hội tiến bộ sa thải".

Việc giữ gìn bản chất, tư cách đảng viên cộng sản cần gắn với xây dựng, củng cố các tổ chức của Đảng, nhất là chi bộ, vì chi bộ "là nền móng của Đảng, chi bộ tốt thì mọi việc sẽ tốt". Thực tế đã chứng minh rất rõ: ở đâu chi bộ mạnh, cấp ủy mạnh thì đảng viên mạnh, ở đâu chi ủy, chi bộ rệu rã thì ở đó cán bộ, đảng viên tê liệt sức chiến đấu, dễ trở thành hư hỏng, thoái hoá. Cho nên, trong xây dựng tổ chức đảng, xây dựng chi bộ, các cấp ủy đảng phải thực hiện dân chủ nội bộ, quan tâm đến đời sống của cán bộ, đảng viên, kịp thời giúp họ giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong cuộc sống và công tác. Song, phải nghiêm khắc đối với những cán bộ, đảng viên phạm sai lầm, khuyết điểm; tẩy bỏ những phần tử hủ hoá nhằm giữ gìn nghiêm kỷ luật từ trên xuống dưới.

Cùng với việc giữ nghiêm kỷ luật, phải "mở rộng phong trào phê bình và tự phê bình ở trong Đảng, ở các cơ quan, các đoàn thể, trên các báo chí cho đến nhân dân. Phê bình và tự phê bình phải thường xuyên, thiết thực, dân chủ, từ trên xuống và từ dưới lên". Người còn vạch rõ: "Chúng ta không sợ sai lầm, chỉ sợ phạm sai lầm mà không quyết tâm sửa chữa. Muốn sửa chữa cho tốt thì phải sẵn sàng nghe quần chúng phê bình và thật thà tự phê bình". Đồng thời, Người yêu cầu phải tăng cường công tác kiểm tra trong Đảng nhằm "thúc đẩy và giáo dục đảng viên làm trọn nhiệm vụ..., làm gương mẫu cho nhân dân" và xây dựng Đảng vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu của Đảng.

Trong giai đoạn hiện nay, khi cả nước đứng trước những vận hội mới và thách thức mới, tiếp tục sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, hơn bao giờ hết chúng ta phải giương cao ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, xây dựng các tổ chức chi bộ vững mạnh, rèn luyện tư cách đảng viên với phẩm chất, năng lực ngang tầm nhiệm vụ. Việc nghiên cứu, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác xây dựng Đảng nói chung, trong rèn luyện phẩm chất, tư cách đảng viên cộng sản nói riêng có ý nghĩa vô cùng quan trọng nhằm củng cố tổ chức đảng, xây dựng Đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thực sự xứng đáng vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Câu hỏi: Quan điểm của Hồ Chí Minh về vị trí, tầm quan trọng của cán bộ và tiêu chuẩn lựa chọn cán bộ?

Trả lời:

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ là một nội dung lớn liên quan đến toàn bộ tiến trình cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, tiến dần lên chủ nghĩa xã hội. Để làm rõ vấn đề này, trước hết ta cần hiểu khái niệm về cán bộ theo quan niệm chung và quan niệm của Hồ Chí Minh.

1. Khái niệm về cán bộ

Trong từ điển tiếng Việt cán bộ được định nghĩa như sau:

Là người làm công tác có nghiệp vụ chuyên môn trong cơ quan nhà nước (như cán bộ nhà nước, cán bộ khoa học, cán bộ chính trị...).

Là người làm công tác có chức vụ trong một cơ quan, một tổ chức, nhằm phân biệt với người thường không có chức vụ.

Trong pháp lệnh cán bộ, công chức tại Điều 2, có ghi:

Cán bộ công chức là công bộc của dân, phải không ngừng rèn luyện phẩm chất đạo đức học tập nâng cao trình độ và năng lực công tác để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Qua quá trình học tập rèn luyện, thực tiễn lãnh đạo cách mạng Việt Nam Hồ Chí Minh đưa ra định nghĩa về cán bộ như sau: Cán bộ là những

người đem chính sách của Đảng, Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời, đem tình hình của dân chúng báo cáo cho chính phủ rõ, để đặt chính sách cho đúng. Cán bộ là cái gốc của mọi công việc.

Ta có thể thấy rằng, Hồ Chí Minh đã đưa ra một định nghĩa rất dễ hiểu, ai đọc cũng có thể hiểu được ngay. Cán bộ không phải là cái gì cao sang mà chỉ là cái cầu nối liền giữa Đảng và dân mà thôi.

2. Vị trí, tầm quan trọng của cán bộ

Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục kế thừa và vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng nước ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề cán bộ và công tác cán bộ ở vị trí có tính chất quyết định đối với quá trình thực hiện chính sách của Đảng và Chính phủ. Người viết "Khi đã có chính sách đúng, thì sự thành công hoặc thất bại của chính sách đó là do nơi cách tổ chức công việc, nơi lựa chọn cán bộ và do nơi kiểm tra. Nếu ba điểm ấy sơ sài thì chính sách đúng mấy cũng vô ích".

Người tiếp tục khẳng định "cán bộ là cái gốc của mọi công việc, muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém". Chỉ điều này đã nói lên được vị trí vô cùng quan trọng của cán bộ, cán bộ là "cái gốc của mọi công việc". Cán bộ là người xác định phương hướng cách mạng cho quần chúng, là người bồi dưỡng cho quần chúng, giúp đỡ quần chúng, là người xác lập, kiểm tra đường lối của Đảng, đường lối ấy có trở thành hiện thực hay không cũng do cán bộ, cán bộ quyết định sức mạnh của Đảng.

Theo Bác, cán bộ còn là "Tiền vốn của Đảng", Bác giải thích "có vốn mới làm ra lãi, bất cứ chính sách, công tác gì, nếu có cán bộ tốt thì thành công tức có lãi, không có cán bộ tốt thì hỏng việc tức lỗ vốn". Để nói lên vị trí, tầm quan trọng của cán bộ Bác đã đưa ra cách ví rất hay và dễ hiểu. Cán bộ giống như "tiền vốn", đã buôn thì cần có vốn, không có vốn thì không thể đi buôn được, không đi buôn được thì không có lãi. Bác nói rất nhiều về cán bộ nhưng thực chất một điều Bác muốn truyền đạt tới chúng ta rằng, cán bộ không có gì cao sang mà cán bộ chỉ là "cầu nối liền giữa Đảng với quần chúng", là người phổ biến chủ trương, đường lối chính sách của Đảng để nhân dân hiểu và thực hiện, nghe ý kiến của quần chúng để phản ánh lên với Đảng.

3. Tiêu chuẩn người cán bộ

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới phẩm chất đạo đức và năng lực của người cán bộ (Đức và Tài), trong đó đạo đức là cái gốc, cái căn bản. Người nói: "Người cán bộ cách mạng phải có đạo đức cách mạng. Phải giữ vững đạo đức cách mạng mới là người cán bộ chân chính". Chỉ khi có đạo đức cách mạng, người cán bộ mới có thể làm việc phục vụ Tổ quốc và nhân dân.

Người viết: "Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới hoàn thành được

nhiệm vụ cách mạng vẻ vang", "người cách mạng mà không có đạo đức thì dù tài giỏi đến mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân".

Người còn nói rõ đạo đức cách mạng của người cán bộ không phải là cái gì trừu tượng mà đó chính là cái phẩm chất tốt đẹp của con người. Vì vậy, "người đảng viên, người cán bộ tốt muốn trở thành người cách mạng chân chính không có gì là khó cả. Điều đó hoàn toàn do lòng mình mà ra, lòng mình chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì đồng bào thì mình sẽ tiến đến chỗ chí công vô tư. Mình đã chí công vô tư thì khuyết điểm sẽ ngày càng ít mà tính tốt ngày càng thêm". Còn nếu không giữ đúng thì "dễ nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân".

Theo Hồ Chí Minh, tiêu chí của đạo đức cách mạng là Nhân - Nghĩa - Trí - Dũng - Liêm. Đây không phải vì danh vọng cá nhân mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người. Một lần nữa Bác nhấn mạnh, người có đạo đức cách mạng phải hết lòng vì lợi ích chung của mọi người. Đây chính là nét đặc trưng trong phẩm chất đạo đức của người cách mạng chân chính.

Những đức tính, phẩm chất trong đạo đức cách mạng của những người cán bộ được đề cập tới trong nhiều tác phẩm nhưng tổng hợp lại nó bao gồm những phẩm chất sau

- Tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân.

- Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

- Trong hoàn cảnh nào cũng đặt lợi ích của Đảng lên trên hết, một lòng một dạ phục vụ lợi ích chung của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

- Hoà mình với quần chúng, hiểu và lắng nghe ý kiến quần chúng.

- Gương mẫu trong hành động.

- Luôn tự phê bình và phê bình.

- Thật thà ngay thẳng, không giấu dốt, không sợ khuyết điểm, khiêm tốn cầu thị để tiến bộ.

Trước lúc đi xa, trong bản "Di chúc" của mình, Người căn dặn: "Đảng ta là một Đảng cầm quyền, mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ trung thành của nhân dân".

Trong tiêu chuẩn người cán bộ Hồ Chí Minh cũng không quên tiêu chuẩn và năng lực người cán bộ (tài). Người cán bộ chỉ có đức thôi thì chưa đủ mà phải có tài, có đức và có tài thì mới làm được việc. Bác đã từng viết: Người có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó. Người có tài mà không có đức thì cũng vô dụng.

Chính vì vậy, Hồ Chí Minh chỉ rõ phải tranh thủ thời gian tự học, tự nâng trình độ lên. Để nâng cao trình độ, người cán bộ phải học lý luận, phải đem lý luận áp dụng vào cuộc sống, "phải chữa bệnh kém lý luận, khinh lý

luận", Hồ Chí Minh cho rằng phải học các môn khác như điều tra, nghiên cứu, kinh nghiệm, lịch sử khoa học. Thông qua đó người cán bộ tự trang bị cho mình những kiến thức về các lĩnh vực của đời sống. Từ đó người cán bộ tiếp tục rèn luyện nâng cao tri thức của mình.

Như vậy, về tiêu chuẩn của người cán bộ theo Hồ Chí Minh thì "đức" và "tài" là hai tiêu chuẩn không thể thiếu. Nếu người cán bộ cách mạng mà thiếu một trong hai mặt này thì không phải là người cán bộ cách mạng. Giữa đức và tài có mối quan hệ biện chứng với nhau, tác động lẫn nhau, bổ sung cho nhau.

Bản sao lưu trữ

MỤC LỤC

Trang

* LỜI GIỚI THIỆU 5
* CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (1890- 1969)
NGƯỜI SÁNG LẬP VÀ RÈN LUYỆN ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 7

Phần thứ nhất.
ĐIỀU KIỆN LỊCH SỬ - XÃ HỘI VIỆT NAM ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

CHƯƠNG I.
VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN CUỐI CHIẾN TRANH THẾ GIỚI LẦN THỨ NHẤT VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 13

CHƯƠNG II.
VIỆT NAM TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT ĐẾN NĂM 1930 VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 20
I. Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp 20
II. Quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 24

CHƯƠNG III.
VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1930 – 1945 VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 27
I. Tình hình xã hội Việt Nam những năm 1930 - 1945 27
II. Quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 31

CHƯƠNG IV.
VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1945 - 1954 VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 35
I. Tình hình trong nước sau Cách mạng Tháng Tám 35
II. Quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 36

CHƯƠNG V.
VIỆT NAM TỪ SAU NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1969 VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 38
I. Việt Nam trong cuộc xây dựng miền Bắc và đấu tranh chống Mỹ - Diệm ở miền Nam 38
II. Quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 41

Phần thứ hai.

NGUYỄN ÁI QUỐC VỚI SỰ RA ĐỜI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

CHƯƠNG I.
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 45
I. Cơ sở lý luận 45
II. Cơ sở thực tiễn 50

CHƯƠNG II.
Ý NGHĨA SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 67
I. Ý nghĩa dân tộc 67
II. Ý nghĩa thời đại 68

Phần thứ ba.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

CHƯƠNG I.
QUY LUẬT RA ĐỜI VÀ BẢN CHẤT GIAI CẤP CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 73

CHƯƠNG II.
VẤN ĐỀ ĐẢNG CẦM QUYỀN VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẢNG 82
I. Quan điểm của Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền 82
II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh 83

CHƯƠNG III.
QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG VIÊN TỐT VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI CÔNG TÁC CÁN BỘ, CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG VIÊN 93
I. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đảng viên tốt 93
II. Quan điểm của Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ 105
III. Một số vấn đề đặt ra đối với công tác phát triển đảng viên 126

CHƯƠNG IV.
QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VỚI DÂN 129
I. Về nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam 129
II. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng với dân 131

CHƯƠNG V.
VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ CHỈNH ĐỐN ĐẢNG HIỆN NAY 135
I. Căn cứ lý luận của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng 135

Bản sao lưu trữ

II. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng thời kỳ 1986 đến nay.....135
III. Kinh nghiệm, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp lớn
trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đến năm 2010.....145

CHƯƠNG VI.
THẾ GIỚI CÒN ĐỔI THAY NHƯNG DI SẢN HỒ CHÍ MINH CÒN SỐNG MÃI.....151
I. Giá trị thời đại của tư tưởng Hồ Chí Minh.....151
II. Hồ Chí Minh – Tấm gương sáng ngời về đạo đức và tác phong cho cán bộ, đảng viên 156
III. Những tác phong của vị lãnh tụ cộng sản 164
IV. Giá trị trường tồn của đạo đức và tác phong Hồ Chí Minh 176

Phần thứ tư.
QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

CHƯƠNG I.
QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH QUA CÁC GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ 183
I. Nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về tư tưởng Hồ Chí Minh
trước thời kỳ đổi mới (trước 1986) 184
II. Nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về tư tưởng Hồ Chí Minh
từ thời kỳ đổi mới 1986 đến nay.....188

CHƯƠNG II.
ĐẢNG VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM.....198
I. Lý luận chung.....198
II. Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về
chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ 202
III. Kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.....210

CHƯƠNG III.
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY 214
I. Một số nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh với công cuộc đổi mới 214
II. Sự vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới hiện nay.....226

CHƯƠNG IV.
ĐẢNG LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN DÂN CHỦ TỪ 1986 ĐẾN NAY.....236
I. Cơ sở lý luận chung về dân chủ.....237
II. Đảng lãnh đạo thực hiện dân chủ từ năm 1986 đến nay.....239

Bản sao lưu trữ

Phần thứ năm.

NHỮNG MỐC SON LỊCH SỬ QUA CÁC KỲ ĐẠI HỘI ĐẢNG

* ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ I
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG (Tháng 3-1935) 263

* ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ II
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG (Từ ngày 11 đến ngày 19 tháng 2-1951) 265

* ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ III
CỦA ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM (Từ ngày 5-9-1960 đến ngày 10-9-1960) 270

* ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ IV
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (Từ ngày 14 đến 20 tháng 12-1976).....276

* ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ V
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (Từ ngày 27 đến 31 tháng 3-1982).....282

* ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VI
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (Từ ngày 15 đến 18 tháng 12-1986).....307

* ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VII
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (Từ ngày 24 đến 27 tháng 6-1991).....316

* ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (Từ ngày 28-6 đến 1 tháng 7-1996).....324

* ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN IX
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (Từ ngày 19 đến 22 tháng 4-2001).....332

* ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (Từ ngày 18 đến 25 tháng 4-2006).....338

* ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XI
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (Từ ngày 12 đến 19 tháng 1 năm 2011) 342

Phần thứ sáu.

HỎI - ĐÁP NHỮNG VẤN ĐỀ CĂN BẢN VỀ ĐẢNG & CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

CHƯƠNG I.
VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 351

CHƯƠNG II.
VỀ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH.....412

Bản sao lưu trữ

ĐẢNG VÀ HỒ CHÍ MINH – CUỘC SONG HÀNH LỊCH SỬ

***

ThS. LÊ TRUNG KIÊN *(chủ biên)*

Bản lưu trữ

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
175 Giảng Võ – Hà Nội
ĐT: (04) 38515380 Fax: (04) 38515381
CHI NHÁNH PHÍA NAM
85, Cách mạng tháng Tám, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 38390970 – Fax: (08) 39257205

Chịu trách nhiệm xuất bản:
LÊ HUY HÒA

Biên tập:	KHẮC HÒA
Sửa bản in:	TÁC GIẢ
Trình bày:	VIỆT TRINH

In 1.000 cuốn, khổ (19 x 27)cm, In tại Công ty cổ phần In bao bì và XNK Tổng hợp
Đăng ký KHXB số: 24-2013/CXB/21-192/LĐ
In xong và nộp lưu chiểu Quý I/2013.



ĐẢNG VÀ HỒ CHÍ MINH
CUỘC SONG HÀNH LỊCH SỬ

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Giá: 330.000đ